BULLETIN
DES AMIS DU VIEUX HUẾ

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ

B.A.V.H

TẬP

XVII

1930

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ

TẬP XVII

NĂM 1930

Người dịch: NGUYỄN CỬU SÀ
Hiệu chỉnh: LÊ NGUYỄN LƯU
VÕ NHỊ XUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 2003

"TỔ CHIM ÉN: NHỮNG CON ÉN BIỂN VÀ TỔ ĂN ĐƯỢC CỦA CHÚNG"

Bác sĩ A-SALLET

CHIẾC đỉnh thứ bảy tượng trưng triều đại nhà Nguyễn ở trước Thế Miếu trong hoàng cung Huế mang tên Tuyên Đỉnh. Trên đỉnh trong các mô-típ trang trí có một mô-típ tượng trưng cho những con chim xác định bằng các chữ yến oa. Đó là những con én biển, những con chim mà tổ của nó ăn được. Ấy là những giống thường lui tới các núi đá lớn ở biển, ở bờ biển các lục địa hay ở vùng đá ngầm của các đảo thuộc biển Đông, trong đó có thể là phần thuộc miền nam biển Trung Quốc trải dài giữa vùng quần đảo Insulinde (quần đảo Bornéo, Sumatra...) và Polynésie.

Hình nổi trên đỉnh đồng rất đẹp miêu tả hai con chim bay hướng về các núi đá cao mỏm nhọn, dưới chân có sóng vỗ ngày biển động. Hang hốc trong các khối đá này, và trên thành đá, trong góc và trong các nếp xếp có tổ chim bám vào, trong tổ những con chim bé tí xuất hiện với vẻ đợi chờ kiên nhẫn.

Những con én biển và tổ của chúng rất xứng đáng được vẽ lên trên các đỉnh lớn ở Hoàng cung giữa các chi tiết được đánh giá là đáng lưu ý trong số các đồ vật và điều kiện thuộc xứ Việt Nam. Đối với số yến sào xuất cảng sang vùng Cực Á cung ứng cho các bàn ăn của người giàu có và người quyền cao chức trọng, người ta biết rằng yến sào của miền bờ biển xứ Đàng Trong ngày xưa đặc biệt được ưa chuộng.

Ở Việt Nam, các món ăn được vinh dự chọn dâng nhà vua, có ghi tám đặc sản bản xứ, gọi là bát trân (tám thứ quý [1]). Người ta kể như sau:

1. Yến sào: Tổ én biển

2. Hải sâm: Đỉa biển [2]

3. Bào ngư: Cá thuộc loại cá hương ướp muối theo cách riêng [3]

4. Hào xi: Sò lớn [4]

5. Lộc cân: Gân nai [5]

---

[1] Các tổ này ở trên núi đá tại các hòn đảo ngoài biển. Có hai loại: một loại trắng, một loại vàng. Chúng do các con én biển làm ra. Đó là món ngon nhất trong tám món ăn của nhà vua: bát trân (L.Sogny - Les urnes dynastiques du palais de Huế - Notice déscriptires - Cửu đỉnh của nhà Nguyễn ở hoàng cung Huế - Ghi chú miêu tả - BAVH. 1914, tr.28).

[2] Hải sâm - Hải sâm, nai biển, là những con sao biển không có vỏ, trong đó có những giống ăn bùn quen thuộc với những độ sâu nhỏ hay những vùng đá thạch tâm (lục thạch). Ở An-nam có loại này, (thí dụ ở Lăng Cô). Ở Trung Hoa nơi xuất cảng, nhất là cho vùng Pô-li-nê-di người ta đếm ra đến 10 loại trên thị trường, trong đó loại được sấy khô gọi là tripang, hải sâm (lớn ở vùng Úc châu).

Sách *Bản thảo cương mục* các thứ thuốc bắc gọi là "Hải qua bì", vỏ dưa chuột biển.

[3] Bào ngư - *Bản thảo* có ghi một giống cá mà người ta phơi khô rồi ướp muối. Sản phẩm này làm bình thường những người đàn bà kinh nguyệt không đều. Nó còn một vài dược tính khác nữa.

[4] Hào xi - tên gọi một con sò thuộc một loại mà ở đó tôi không thấy có chi tiết gì đáng kể xác định tên gọi. Sò thường được nuôi ở đầm phá hay ao hồ ở những vùng đất gần biển có cây mangrove. Thường người ta tự do bắt chúng ở các bờ biển có đá.

[5] Lộc cân (tiếng Việt: gân hươu). Gân ở chân hươu được quý chuộng đặc biệt để làm thuốc bổ. Nó dùng nấu cháo cho những người cho con bú, vì gân hươu được kể là tốt nhất trong các thứ thuốc nam làm nhiều sữa.

6. Cửu khổng: Ốc biển [1]

7. Tê bì: Da tê giác [2]

8. Hùng chưởng: Tay gấu [3]

Yến sào đứng đầu danh sách "bát trân". Chính vì sự xứng đáng này và sự quý chuộng của mọi người ở Viễn Đông mà tôi nghĩ đến nghiên cứu con chim, tổ của nó và những giá trị của chúng, khi thì theo những quan sát mà tôi có thể thực hiện được, khi thì theo một số lượng quan trọng các tư liệu đề cập đến những vấn đề này qua các nước và qua các thời kỳ. Tuy nhiên trong chương trình nghiên cứu của mình, tôi đặc biệt cố gắng lưu tâm đối với các chi tiết có thể liên quan đến yến sào Đông Dương.

*
* *

I - CON CHIM

Chúng ta có thói quen gọi con chim này bằng một trong các tên mập mờ = chim én. Đúng là tên này được dùng để gọi từ thời rất xưa, bởi vì tên đó xác định ngày của những thời kỳ

---

[1] Cửu khổng "9 lỗ". Đó là con ốc bể tang ma (Halistis funébris) một loại ốc bể có đặc điểm là trên vỏ có một hàng đều đặn 9 lỗ thông hơi. Cái chân bằng thịt của loại phúc túc này là một món ăn đặc biệt ngon. Ốc Cửu Khổng có ở các vùng biển phía bắc Trung Kỳ; người ta nấu nướng nó rất tài ở Hà Tĩnh. Vỏ xà cừ của ốc Cửu Khổng được dùng trong y học, đó là Thạch quyết minh còn gọi là Thiên lý quang.

[2] Tê bì (tiếng Việt: da tây) - Da tê giác dùng chế tạo một loại cao rất được quý chuộng: Tê bì cao. Tôi hình dung rằng việc sửa soạn món ăn bằng da dày như thế của con thú da dày này đòi hỏi phải nấu rất lâu.

[3] Hùng Chưởng (tiếng Việt: tay gấu) - Đó là đúng tên gọi của các phần lòng bàn chân của gấu. Phần còn lại, chân gấu cũng được coi là một món ăn ngon thơm, và cũng nổi danh là món thuốc bổ dưỡng.

đầu tiên người ngoại quốc biết đến một vài sản phẩm bất ngờ của các miền Viễn Đông, trong đó có các tổ chim ăn được và luôn được gọi là yến sào (tổ én). Con chim được gọi theo cách địa phương như trên trong ngôn ngữ Âu Châu là: hải yến (én biển) [1]. Tuy nhiên cái tên đầu tiên thắng thế và khắp nơi lưu giữ cái tên bình dân. Con chim đang được đề cập, nói một cách tổng quát, thuộc về một giống chim nhỏ quen thuộc ở vùng núi đá bờ biển. Các sách chữ Hán hay chữ Nôm nghiên cứu các vật thuộc y học hoặc chi tiết về các sinh vật, cung cấp cho chúng ta những yếu tố miêu tả về con chim.

Như thế người ta tìm thấy trong một sưu tập mới đây về nguyên liệu y dược Việt Nam, quyển "Trung Việt dược" [2] các ghi chú như sau: "Đó là một con chim lớn hơn chim sẻ, nhưng thân hình thon hơn. Nó màu đen, nhưng đuôi lấm chấm trắng, chim này đến định cư vào mùa xuân và ra đi vào mùa thu".

Người ta dùng chữ yến để chỉ nó. Cuốn "Bản thảo cương mục" [3] chỉ nó bằng các tên: Ất điểu và Huyền điểu. Tên đầu

---

[1] Tên én biển (hải yến) là do cư dân ở Manille gọi. (Abbé Richard - *Histoire naturelle civile et politique du Tonkin* (Lịch sử tự nhiên dân sự và chính trị của miền bắc Việt Nam, T1: Paris, 1778)).

[2] *Trung Việt dược tánh hợp biên* - Quyển 13.

[3] *Bản thảo cương mục*, q.9 - *Đại Nam nhất thống chí*, q.9, viết đề tỉnh Thừa Thiên, ở chương "sản phẩm" gọi chim én là "Yến".

"Bản thảo gọi én bằng các tên khác: Huyền điểu, Ất điểu, Chí điểu, Ý nhi, Du ba, Thiên nữ - Tổ nó màu nâu trắng - các sợi (bạc) của tổ yến giống như sợi bạc. Cũng thấy có sợi màu vàng. Ở Quảng Đông, người ta nói rằng chim én thu thập các mảnh vụn trên các bờ biển rồi nhả ra để làm tổ trên núi đá. Vào mùa thu, người ta thu hoạch. Chất liệu của tổ yến chống đàm và kiện trường - Tổ yến đứng đầu trong tám món ăn quý "bát trân". Vào năm Minh Mạng thứ 17, người ta khắc hình chim én và tổ én trên chiếc đỉnh được gọi là Tuyên Đỉnh. Không có đảo yến ở miền biển thuộc phủ Thừa Thiên, nhưng hàng năm sau mùa thu người ta thấy én bay từng đoàn

tiên là do ở đường bay ngoặt bất thình lình của én (con chim chữ Ất); tên thứ hai là do màu lông sẫm của nó (con chim màu ngọc huyền). Nó còn được gọi là yến sơ thể - én sống bằng rêu biển.

Chúng ta còn tìm thấy các tên gọi khác có giá trị ở một vài vùng và do các đặc điểm địa phương; Kim tư là tên Trung Hoa dùng cho một giống chim có lông sợi vàng; Hải yến - én biển; Việt yến, én nước Việt, đồng nghĩa với Nam yến - én phương nam; Hồ yến - én Tàu miền xứ Hồ.

Tên thông dụng của chim trên khắp miền bờ biển Việt Nam là "chim én", đôi khi còn bổ túc tính từ mang tính chất địa phương miền biển của nó: "chim én biển".

Tác phẩm *Cương mục* phân biệt các giống Trung Hoa với Việt Nam theo các chi tiết: Én Việt nhỏ, lông bụng màu tím thẩm, én Trung Hoa đen lốm đốm, tiếng kêu rất chói tai. Cả hai giống đều dùng được.

Quyển sách của E. Brehm [1] viết về các loài chim trong bộ Bách khoa toàn thư đáng lưu ý: "Những diệu kỳ của thiên nhiên", trình bày về mỗi loại các đặc tính đáng ghi nhớ trong đời sống của chúng. Ông ta cũng làm theo cách đó với các ký ức về các sinh vật khác trong sưu tập. Cũng thế, ông làm sáng tỏ hình thức, thói quen, đặc điểm của mỗi một con và con chim cung ứng cho chúng ta lợi ích đặc biệt mà ta đang đề cập được dành một vị trí vinh dự, trong đó các tính chất riêng biệt và

---

rất nhiều trên đồng ruộng. Trẻ con hay bắt được chúng. Trong Kinh Lễ, chương Nguyệt Lệnh có ghi: vào tháng Giêng huyền điểu bỏ đi, trở về vào tháng 8, vì vậy người ta không thể bắt ăn được.

"Nó chữa lành bệnh trĩ. Nếu ta ăn lâu ngày, ta sẽ thành thần và bất tử".

[1] A.E.Brehm - *Các loài chim - Les oiseaux* - T1, tr.546 - 549 - Ấn bản tiếng Pháp do M.Gerbe hiệu đính.

phong thái của chim được nghiên cứu một cách sâu rộng, rất lợi ích và chính xác. Chim được gọi là Collocalia nidifica.

Đoạn miêu tả của Brehm như sau:

"Hình dáng nhỏ, cánh khá dài, nhọn, tầng lông thứ hai dài nhất; đuôi trung bình, đầu của đuôi cắt theo hình góc vuông hay khoét cạn hơn; mỏ cong nhiều; cổ chân (hoặc ngón cái) để trần, ngắn, tương đối lực lưỡng, các ngón trong gần bằng nhau, ngón cái hướng về sau không biến tính.

Chim bề dài đo được từ 13 đến 14cm, và 33cm, cánh xòe (các độ dài này mượn ở các bản miêu tả của Brehm). Ông ta thêm: "cánh xếp đo được 12 - 13cm và đuôi 6cm.

Về những chi tiết bên ngoài, ta biết rằng bộ lông của loài chim này khá cứng và màu lông không sáng hay mà thường tối. Trong khi đó phần trên của thân và lưng có màu sẫm, màu xám đà dày, phần bụng có màu tương tự nhưng sáng hơn. Trái lại hai cánh và lông đuôi gần như đen. Trước mắt có một vệt trắng. Người ta xác định rằng những con chim già có màu xanh xám của kim loại; không thấy có ở những con chim non". (Brehm).

Trong bản danh mục tổng quát loài vật ở Đông Dương, ông Bourret xếp vào giống Cypselidea thuộc Passereaux Fissirostres (chim tước mỏ chẻ) bốn loại én biển có tổ ăn được. Các loại này thuộc họ Collocalia (C.Linchi Horsfi; C.Innominata Hume; C.francica Germaini Oust; C.Francica Merguiensis (Hart)) Chúng được phân biệt với giống Cypselus (én cát: sa yến) do cái đuôi khoét vuông hay khoét ít hơn và do ngón cái hướng về phía trong. Các giống đó sống ở bờ biển miền trung Việt Nam [1].

---

[1] R.Bourret - La faune de l'Indochine - Vertébrés (Động vật ở Đông Dương - Loài có xương sống) Hà Nội, 1927, tr.118.

Bản danh mục điểu học các loài ở miền trung Việt Nam và Trường Sơn, do các ông Delacour và Jabouille xây dựng [1], có ghi nhận chim én. Bản này ghi: collocalia Francica merguiensis harter và trong bản danh mục của bác sĩ Tirant có tiếng đồng nghĩa: Collocalia spodiopygia. Bản ghi chép có đính kèm nhiều chi tiết: "Mống mắt nâu lạt, mỏ đen, ngón chân nâu lạt". Chim được tiết lộ là đã do các tác giả gặp ở đèo Hải Vân (ngày 9-1-1926); chim được đem về 4 tiêu bản: 3 con đực, 1 con cái. Hãy theo dõi lời ghi chú gấp tại chỗ: "Đó là một trong những con én cát (sa yến), con chim tạo ra tổ ăn được nổi tiếng (yến sào); các tổ này bám vào núi đá, được cấu tạo bằng nước miếng (nước bọt) chim. Chim màu nâu sẫm, lưng và đầu màu đen, lông phao câu và bụng màu xám nâu nhạt".

Én biển thông thường ở Đông dương hiện nay có thay đổi một chút về tên loài. Các ông Delacour và Jabouille đã rất ân cần xem lại các ghi chú của tôi về nguyên liệu y dược Trung Hoa - Việt Nam liên quan đến chim và các sản phẩm của loài chim, đã lưu ý tôi về sự thay đổi này - Trong phân loại hiện nay, đó đúng là giống Collocal Francica Germaini Oustalet.

Tôi đã thực hiện việc tái tạo một con én chết lấy ra từ tổ của nó trong một hang ở Cù Lao Chàm mà gió biển đã làm khô cũng như giữ nguyên hình dáng và màu lông. Thường những con chim nhỏ này chết vì hao mòn tinh lực, lông vẫn láng mướt, ngón chân duỗi cứng, nằm như đang nghỉ ngơi.

---

[1] J.Delacour và P.Jabouille - Recherches orinothologique dans les provinces de Trấn Ninh (Laos), de Thừa Thiên et de Kontum (An-nam) et quelques autres régions de l'Indochine française (Nghiên cứu điểu học trong các tỉnh Trấn Ninh (Lào) Thừa Thiên và Kon tum (An-nam) và một vài vùng khác ở Đông Dương thuộc Pháp) - Paris, 1927, tr.65.

Lại nữa, để cho hoàn hảo, nên đề cập đến con Collocalia đã được các ông Delacour và Jabouille phân loại. Con chim này, do khảo sát mẫu vật, tôi xác định chắc chắn sự giống nhau, và bản miêu tả tương tự với bản của chúng tôi.

Coutière [1] xác định én biển thuộc họ Collocalia mà giống thường thấy là giống C.fuciphaga.

Con chim tầm thường được gọi là én biển, mặc dù tất cả được xem là con chim có đường bay dũng mãnh. Bề ngoài mỏng manh của nó đùa giỡn với các chướng ngại chống lại nó là gió, và biển mà nó phải vượt qua.

Đường bay của nó rất nhanh và linh hoạt, với đường bay này nó xứng đáng đứng hạng cao trong nhóm các con tương cận, chim én và yến cát, bay qua như tên bắn và thình lình dám ngoặt lại. Nó thẳng cánh trên các đại dương phía đông và phía nam, lách qua các khe đá mà không giảm tốc độ. Bóng tối ban đêm không làm nó nao núng điều gì, sự linh hoạt khéo léo của nó thật đáng kể khi nó lợi dụng khoảnh khắc thích hợp lúc sóng lên hay sóng rút để lao vào kẽ hở ở vách núi đá nơi nó có thể làm tổ [2].

Nhưng tính chất đặc biệt quan trọng của giống nhỏ bé thuộc thế giới loài chim này là cấu tạo bên trong của chúng có một sự phát triển vĩ đại mà các tuyến nước bọt, đặc biệt nhất là các tuyến dưới lưỡi, có thể đạt được vào một vài thời kỳ trong đời sống sinh lý của chúng.

---

[1] H.coutière - Le moude vivant (Thế giới giống) - Paris 1928, TII, tr. 40.

[2] So sánh với: Junghunn, dẫn bởi: Brehm - Française Guillaume Junghunn (1812 - 1864), y sĩ quân đội Đức, nổi tiếng với cương vị nhà thực vật học và tự nhiên học. Ông đã thám hiểm Java rồi nghiên cứu sự vật trong thế giới tự nhiên của xứ này vào năm 1840.

II - TỔ

Danh xưng được chọn theo ngôn ngữ Hán - Việt để chỉ định tổ én biển là yến sào và người ta còn gọi là yến oa; tuy nhiên từ thứ nhất được dùng đặc biệt cho các tổ trong dịp thu hoạch, trong khi "yến oa" chỉ các tổ còn dính trên núi đá. Lại nữa "oa" có nghĩa chính là cái tổ trong hang. Trong tiếng Việt người ta nói "tổ én" hay "tổ yến", những danh xưng đã đi vào các câu nói bình dân thường ngày.

*
* *

1. Hình thái

Sự so sánh thông thường nhất mà người ta thực hiện đối với các tổ én này là so sánh với bình đựng nước thánh mà kích thước được thu nhỏ và hình dáng ít nhiều đều đặn hơn. Nhìn chung chúng đưa ra một sắp xếp theo hình bán trái xoan, thích ứng với mặt phẳng của mặt cắt hình tròn (thiết diện tròn) tiếp xúc với thành đá nơi con chim đã nhất quyết chọn lựa.

Tổ nhìn chung là màu trắng hay một màu xanh tái rất nhạt, nhất là khi chúng sạch sẽ tinh khiết, và chúng như được đan bằng một loạt những sợi nhỏ rối rắm, đúng hơn là gãy vụn, được làm bằng một chất keo đông cứng. Những khối agar-agar, nhưng với mạng lưới tinh vi so với thông thường có thể cho một ý niệm về cấu trúc này của tổ.

Bờ tổ phía ngoài tận cùng một cách rõ ràng bằng một loạt sợi nhỏ sắp xếp khéo léo làm thành một thứ đường viền nhẹ. Về phía bờ tổ dính vào vách đá cho thấy một mặt phẳng tiếp xúc rộng hơn, với một sắp xếp nhiều sợi hơn. Kết cấu của mạng lưới ở đáy ít đều đặn.

Theo một số lớn tác giả, tổ có một thể tích so sánh được với một trứng ngỗng, một cục bướu tốt nhất. Kích thước của tổ ở Việt Nam có hơi thay đổi; những tổ tôi có cho các kích thước trung bình với độ dày từ 1/4 đến 1/2cm; một độ dài từ 5cm đến 7 cm. Và trọng lượng: từ 8gr; cái lớn hơn tử 15gr. Như thế, người ta phải kể trên một tỷ lệ với 50 tổ để có một trọng lượng 1 livre.

Hình như tổ ở miền Nam và của bờ biển Java, của vịnh Xiêm La có một số trung bình cao hơn. Barrow đối với các loại ở Java, linh mục Gagelin [1] đối với các tổ ở núi đá của hòn đảo gọi là Hòn Rái, đã ghi lại những kích thước sau: một pút (pouce = 1/2pied) bề cao, 3 tấc chu vi, với một trọng lượng 1/2 once (= 28g349).

Khi tổ khô, chúng dễ vỡ và thô nhám, nhưng đáng lưu ý rằng khí hậu ẩm ướt thâm nhập dễ dàng và làm mềm chúng nhanh chóng. Để tránh sự bất tiện chính yếu này, én biển phải làm tổ rất cao trong các hành lang để khỏi bị bụi nước của sóng bắn tới, và nó biết chọn các hốc có các luồng không khí xoáy quét sạch, luôn luôn được sấy khô, không có khí ẩm.

Cuối cùng, việc bảo vệ bầy chim non được giải quyết hoàn hảo: đáy tổ được lót lông cẩn thận; lông này hình như có từ đôi vợ chồng chim và lấy ở phần phía dưới cổ và ở ức.

Mùa đẻ trứng xảy ra vào nhiều thời kỳ khác nhau và các chuyến thu hoạch tổ đi theo mỗi mùa đẻ trứng bắt buộc chim phải làm lại mỗi lần chỗ ở không thể bỏ.

Với mỗi một mùa đẻ trứng, én biển mái đẻ 2 trứng nhỏ, đôi khi 3, mà một mình nó ấp một cách cần mẫn ban ngày cũng như ban đêm.

---

[1] Fr.Isidore Gagelin (1799 - 1833) thuộc hội Truyền giáo ngoại quốc Paris. Tử vì đạo. Ông bị treo cổ ở Huế.

Trong suốt các thời kỳ trước khi đẻ trứng, mỗi gia đình nhà chim, trống và mái, cùng nép mình trong tổ mới làm, nhưng từ khi con mái tự do, và khi việc ấp trứng bắt đầu, tổ hoàn toàn dành riêng cho việc nằm ấp và trở thành tài sản riêng của chim mẹ: như vậy còn lại cho con trống cái quyền hạn treo trên bờ tổ hay các mô đá lồi lõm cạnh tổ để có thể nghỉ ngơi và ngủ.

Những người canh giữ vất vả ở các hang động sống một cuộc đời cô đơn kỳ lạ; những cuộc thăm viếng chỗ ở của họ, những cuộc tiếp nhận phiêu lưu, phải chịu những sự đổi chỗ gởi người, và hiển nhiên phải trình bày trước cuộc tiếp đón nghiêm khắc. Người canh tổ yến không gặp ai cả. Như thế họ dành trọn hoạt động của mình cho việc giám sát tổ, thám sát tìm kiếm và chuẩn bị leo thang thu hoạch. Tuy nhiên đời sống của những người này ngoài những giờ hoạt động nghề nghiệp, một phần lớn đóng khung trong sự chiêm ngưỡng hướng về các việc thuộc phạm vi lao động của mình; và bởi lẽ ngoài nhiệm vụ canh giữ chống trộm cắp họ còn lo lắng che chở cho chim và ngay cả kéo chúng vào các nơi trú ẩn và nhờ đó họ có một hiểu biết tinh tế về những chi tiết thiên nhiên bên cạnh và đặc biệt về các thói quen, các cử chỉ của chim trong nhiệm vụ của họ.

Nhờ những người này mà tôi biết rằng én biển rời hang buổi mai để tìm mồi và rất thường chúng chỉ về ban đêm khi mặt trời đã lặn. Chúng đến được hốc đá nơi có tổ của chúng chỉ với một lần bay chắc chắn và không nhầm lẫn [1].

---

[1] Tôi lấy phần lớn những chi tiết này của ông Huỳnh Triều Anh, nhà Quảng Phước Xương, ở đây có tổ yến Việt Nam. Ông ta gốc người Hải Nam và sinh sống ở Faifo. Ông Anh đã chép cho tôi những chỉ dẫn lý thú xứng đáng cho nhiều phần của thiên nghiên cứu này.

Én biển hiển nhiên là có bản năng sống tập đoàn, nhưng chúng có tình cảm trung thành trong từng cặp đã xác định. Không còn nghi ngờ gì con trống đã phải giúp làm tổ và nuôi sống con mái trong thời kỳ ấp trứng. Với tất cả những điều đó, các con chim này hình như ít gần gũi với người anh em tàn bạo của chúng trong nhóm, những con én cát (sa yến), nhưng rất giống, rất hòa hợp với những con chim én đúng nghĩa, mà bản năng xã hội rõ nét và tính rụt rè tốt bụng mà ai cũng nhận thấy.

*
* *

2. Cấu trúc tổ - Cấu tạo.

Không bao giờ tôi dám nghĩ rằng trình bày được hết cách làm tổ của én biển và về các yếu tố cấu tạo đặc biệt của tổ. Các tư liệu có quanh tôi, do thư tịch và do điều tra trực tiếp, rất phong phú, tuy nhiên tôi còn cho rằng trong sử cũ của người Trung Hoa hay trong các sách Việt cũng như trong sách các nhà du lịch thời xưa triển khai ở Châu Âu còn có những điều khác rất đặc biệt để tham khảo bổ túc cho tất cả những gì tôi cung cấp ở đây.

Tôi xin ghi trước hết những quan niệm khác nhau do các tác giả Trung Hoa phổ biến.

Sách Tùng Tân đề cập đến chim én đã nói: "Chúng có mặt ở biển Chương Tuyền và Duyên Hải. Chúng có thói quen bắt cá bằng mỏ và người ta đến lấy tổ mà chúng đã làm bằng những con cá này".

Hơn nữa, điều tin tưởng rằng chim én làm tổ bằng các yếu tố lấy ở các con cá chúng bắt được, đã được truyền tụng lâu đời. Sách Mân Tiểu Ký nói: "Chim én làm tổ bằng cách rải trên đá thịt cá mà nó bắt được".

Một sưu tập Trung Hoa khác, sách Nham Châu nghiên cứu về miền này của Trung Quốc đã ghi lại sự việc rằng: "Ở vùng biển Nham Châu có núi Đồi Mồi rất nhiều chim én đến làm tổ. Về việc này, chúng bắt cá rồi thổ ra các sợi nhỏ vào đá và xây tổ ở đó để phòng những ngày rét mùa đông".

Người ta tìm thấy trong tư liệu Trung Hoa các chi tiết khác rất đặc biệt về quy cách và cấu tạo tổ én. Chim én biển Việt Nam theo sách *Tra Phổ tập vấn* (gọi tên chim là Nam yến) làm tổ bằng cá mà nó đã ăn. Theo quan niệm của người Nhật, sách *Lãnh Nam tạp ký* kể rằng: "Chim én ăn rong hoặc sâu biển và các phần tử không tiêu của các thức ăn này được chim thổ ra trên đá để xây tổ. Người ta tìm kiếm các tổ này và dân miền biển khai thác để thu hoạch".

Quan điểm này ít nhiều tương đồng với quan điểm của sách Việt lục: "Chim én dùng rêu đá biển làm thức ăn. Chúng mửa ra các phần cặn bã của thức ăn vào thành hang đá để xây nhiều tổ sát nhau, cư dân miền bờ biển đến đó để thu nhặt".

Trong số các sách xưa nói về én biển và tổ của chúng, còn phải kể đến sách *Tuyền Nam tạp chí*, viết dưới thời Vạn Lịch, hoàng đế Trung Quốc thuộc triều đại nhà Minh (cuối thế kỷ XVI) do viên Kinh lịch Trần Mậu Nhân. Ông đã viết đoạn văn đáng lưu ý sau đây:

"Rất xa trong lãnh vực xứ Mân và ở biển gần xứ Phiên, người ta gặp những con chim én mà họ gọi là Kim tư. Chim này đầu và đuôi giống chim én, nhưng nó rất nhỏ. Lông nó giống các sợi chỉ bằng vàng. Đến mùa đẻ trứng, những con chim này bay thành từng đoàn rất đông, đến ở các núi đá ngoài biển, ở đó chúng ăn loài có vỏ. Một thương gia biết rõ xứ Phiên đã nói: trên vỏ ốc, sò có hai sợi gân nhỏ rất cứng và rất trắng, có thể so sánh với sợi tơ tằm hay ong. Các sợi

nhỏ này có tính trị bệnh (làm thuốc nước), bổ dưỡng và chống bệnh lao. Hơn nữa, chim én ăn ốc, sò và các sợi nhỏ này được nuốt vào không thể tiêu hóa được chúng lại thổ ra với nước bọt để xây tổ trên đá. Về sau chim én bay đi với con của mình, và dân ở bờ biển đến thu hoạch tổ, gọi đó là yến oa [1].

Điều nhận xét lý thú: các quan điểm của những nhà tự nhiên học, hay các nhà du lịch người Âu đã ghi chép về con chim trên phương diện xây tổ, song song với quan điểm thu nhặt ở miền Viễn Á. Cũng phải nghĩ rằng, đối với nhiều lần, các quan điểm này là rập khuôn các tư liệu kể lại hoặc các tin tưởng ở địa phương nghe được từ những người sinh ở vùng này, và ngay cả những quan sát cũng có thể bị sai lầm vì sự thâm nhập không thể tránh khỏi của các điều kỳ diệu đã có.

Bontius [2] phải là người đầu tiên đã nói ở Châu Âu về những con chim nhỏ thuộc "giống én" làm tổ trên hốc núi đá ở bờ biển. "Chúng (các con chim đó) thu thập trong bọt nước biển một loại chất liệu như keo, có thể là từ chất spermaceti hay chất tươi của cá và chúng xây tổ bằng chất này".

Tổ én được tiết lộ vào dịp các chuyến truyền giáo đầu tiên ở Đàng Trong, do một thừa sai người Pháp: linh mục De Rhodes [3], ông kể:

---

[1] Trích trong Tuyển Nam tạp chí, chương Vĩ bí liệp, tr.15. Tôi đã trao đổi về đoạn này với ông Nguyễn Văn Tố, thuộc trường Viễn Đông Bác Cổ.

[2] Jacques Bontius, y sĩ và nhà tự nhiên học người Hòa Lan, sống ở Batavia vào năm 1625 và chết ở đây năm 1631. Ông viết nhiều sách về động vật và thực vật xứ Ấn Độ thuộc Hòa Lan (do Brehm dẫn).

[3] Du hành và các sứ mạng truyền giáo của linh mục A. De Rhodes - Ấn bản mới, giống với ấn bản đầu tiên năm 1653, do linh mục H.Gourdin, cùng giáo đoàn, chú thích, minh họa bằng một bản đồ và tất cả các chuyến du hành của tác giả. Lille, 1884, tr.61.

"Cũng chỉ có ở Đàng Trong mới tìm thấy một vài tổ chim nhỏ được người ta cho vào các món cháo và thịt. Chúng có một hương vị rất ngon của các món ăn tinh tế của các bậc vua chúa. Chúng trắng như tuyết; người ta tìm thấy chúng ở một vài núi đá của biển xứ này, kế cận miền đất có cây kỳ và cây trầm hương, ngoài ra không nơi nào có. Tôi cho rằng những con chim làm ra tổ rất trắng và rất ngon, không để ăn riêng mà người ta nấu chung với cá hoặc thịt [(1)] ".

Linh mục Cristoforo Borri, trước A.De Rhodes, đã viết nhiều và bằng một ngôn ngữ đáng lưu ý về chim én và tổ én, "món ăn hiếm và quý", nó "chỉ có thể so sánh với lương thực của Chúa ban cho dân chúng ở nơi sa mạc (la manne) [(2)] . "Tìm thấy ở xứ này một con chim nhỏ giống chim én, con này làm tổ ở núi đá, hang hốc nơi những ngọn sóng biển đánh vào. Con chim nhỏ này lượm lặt từ những bọt biển và với một thứ dịch rút từ dạ dày, trộn lẫn cái này với cái kia rồi thổ ra về sau để xây tổ; tổ này từ khi đã khô và cứng lại trở nên trong suốt và có màu pha lẫn vàng và xanh".

Tổ được xây, theo Rumphius [(3)] , với một loại cây mềm có tính nhuyễn cốt, trắng và hồng ở bờ biển, nhưng ông cũng

---

[(1)] Calemboue, Calambae - Gỗ ó có tên là Kỳ và trầm hương. Nó thuộc họ Aloexylum agallodrum. Quan điểm về sự trộn lẫn nhựa trầm hương với bọt biển là độc đáo, nhưng quan điểm của De Rhodes về sự hoàn tất của tổ chỉ là phản ảnh sự tin tưởng thuở đó cho thấy nguồn gốc của một sản phẩm quý hiếm trong cuộc chọn lựa một yếu tố giữa hai yếu tố quý giá nhất trong các thứ thu hoạch trong xứ. Lại nữa, các nhà du hành đương thời gần gũi với ông, như Tavernier, nói đến cái hương vị dễ chịu và dễ nhận bay ra từ món yến sào khi đã chuẩn bị xong. Chúng ta lại thấy điều này được lấy lại gần với chúng ta hơn do mục sư Richard.

[(2)] Linh mục Borri, sinh ở Milan, mất vào năm 1632. Ông viết: "Tường trình về xứ Đàng Trong, xuất bản ở Rome năm 1631 và được dịch sang tiếng Pháp do linh mục Anoin de la Croix.

[(3)] Rumphius (Georges Everard Rumpf) (1626 - 1693) y sĩ và thực vật học Đức, sống ở Amboire nơi ông là đại diện đầu tiên và cũng là thương gia

đoán định tương tự rằng tổ được xây bằng một sản phẩm từ ruột. Chính quan điểm này được Raffles [1] lấy lại một thời gian về sau (Brehm).

Kaemper [2], liên hệ với các điều những ngư dân Trung Hoa kể, giải thích rằng tổ được cấu tạo bằng những mảnh vụn của một con mực ma lớn và được chuẩn bị do con chim.

Poivre [3], trong một bức thư gửi cho Buffon, đã giải thích rằng ở miền biển quanh Java, Sumatra, xứ Đàng Trong và Tân Guinée, người ta có thể thấy mặt biển có một chất giống như một thứ keo hòa tan nửa chừng tương tự với chất liệu của tổ én biển. Lại nữa, Poivre nói lại về sau, đây là một chất tươi của cá mà én biển dùng - "én biển thu nhặt cái này trong khi bay là là trên mặt biển, hay trong khi đặt chân trên các tảng đá biển nơi đó chất tươi này dính vào và đặc lại. Đôi khi người ta thấy những sợi nhỏ của chất nhờn này dính treo ở

đầu tiên. Ông sưu tập các tư liệu khoa học quan trọng trong những ngày ông ngụ tại Molluques và ông viết tác phẩm "Herier d'Amoine (Bách thảo xứ Amboine) xuất bản 50 năm sau khi ông mất, từ bản tiếng Hòa Lan Burman đã hình thành bản dịch tiếng latin.

[1] Thomas Stamford Raffles (1781 - 1826), quan cai trị và bác học người Anh, đặc biệt có tài về khoa học tự nhiên. Ông cai trị ở Malaisie, rồi đến đảo Java mà nước Anh chiếm cứ theo lời khuyên của ông. Ông xuất bản năm 1817 "lịch sử Java", 2 tập - Ông khám phá cây đại thọ Népenthès Ấn Độ (N.Rafflesiana) và cây leo kỳ lạ và kinh khủng tên Rafflaisie, hoa có đường kính gần 1m thuộc họ R.Anoldi sống ở Java.

[2] Engelbert Kaempfer (1651 - 1716), y sĩ và nhà tự nhiên học người Đức, người ta đã điều tra quần thể động vật và thực vật của một vùng rộng lớn Trung Á và Đông Á. Ông có sống tại Java.

[3] Pierre Poivre (1719 - 1836) người Lyon, đời sống của ông nhiều thăng trầm và rất giàu có. Ông đã đi thăm nhiều xứ, đã đến Đàng Trong và thiết lập một thương điếm Pháp ở Faifo. Về sau ông được cử làm quản đốc các đảo Bourbons. Chính ông là người đã đưa vào đảo Réunion việc trồng cây đinh hương, đem lại những hiểm nguy cho tính mạng ông trong những cuộc chiếm hữu đất Ấn Độ của người Hòa Lan.

mỏ các con chim này và người ta tưởng, nhưng không có căn bản nào cả, chúng rút ra từ dạ dày của chúng vào thời kỳ ghép đôi. Và Poivre dựa vào một chi tiết liên hệ đến sự phong phú của chất liệu cấu tạo tổ, do sự có mặt của rất nhiều cá ở vùng biển của những quần đảo này, nơi nước ấm tạo điều kiện dễ dàng cho các sinh vật sinh sống.

Lấy lại ý kiến của linh mục De Rhodes và đồng thời triển khai sự tin tưởng về sự dự phần của những phẩm vật do biển đem lại trong việc cấu tạo tổ, mục sư Richard trình bày rõ một sự pha trộn ít kỳ lạ hơn cả: "Có vẻ là tổ được làm bằng bọt biển đông đặc mà chim đã thu thập bằng mỏ và với nước hay nhựa cây trầm hương. Hai chất này trộn lẫn với nhau khô và cứng lại, tạo thành một chất trong suốt, trắng khi còn tươi, lúc sấy khô có màu ở giữa vàng và xanh lá cây [1]; cuối cùng ông ghi chú thêm các tính chất của cây trầm hương: "Các vị thừa sai dòng tên, người đã khảo sát tốt nhất các chất liệu cấu tạo tổ, đã có lý khi nói rằng nhựa trầm hương kết hợp với yến sào làm nên các tính chất hiếm có và hương vị diệu kỳ mà chúng đem lại cho các thực phẩm khác". Hương vị ngọt ngào, mùi hương dịu dàng, hương thơm của những đại lễ, người ta bán ở Trung Hoa, Nhật Bản ngang với trọng lượng vàng...

Tuy nhiên trong một ghi chú ở trên, chính vị mục sư Richard này đã giới thiệu một chi tiết khác lý thú về chất liệu cấu tạo tổ, và người ta thu hoạch chúng ở nhiều nơi, đặc biệt nhất là ở đảo Paragua, thuộc quần đảo Manilles: "Núi này sản xuất nhiều sáp, hình như đã có trong cấu tạo các tổ này: chúng trắng khi người ta lấy ra khỏi đá nơi chúng dính vào theo cùng cơ chế đã dính các tổ của én bầy vào tường thành ở

---

[1] Mục sư Richard - Histoire naturelle civile et politique du Tonkin (Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Bắc hà), Paris, 1778, tập I.

Âu Châu. Người ta tìm được loại sáp này rất nhiều ở đảo Xolo và trong các núi Calamianes, một phần của Phi Luật Tân".

Theo Lesson [1], "các con én biển sống bằng côn trùng như tất cả các đồng chủng của chúng, mặc dù vị trí sống của chúng là ở bờ biển. Chỉ vào thời kỳ đẻ trứng và tiếp đó, mỗi cặp thường không thay đổi, thúc đẩy bởi một sự dự phòng theo bản năng, hướng về các vị trí mà chúng có thể tìm ra các chất liệu cần thiết cho việc cấu tạo tổ. Chúng lượm lặt trong khi bay rà trên sóng, chất thuộc động vật phiêu sinh trên mặt nước, và nhờ vào một phương thức hoạt động đặc biệt về nội tạng tùy thuộc không ngừng vào cái điều, chúng tinh lọc, gạn ra các dị chất, nhồi luyện nhờ một thứ niêm dịch tương tự niêm dịch dạ dày con người để làm thành một thứ nước nhờn có tính chất keo, nhờn dính như keo bong bóng cá và chia thành từng sợi nhỏ dễ dính vào nhau".

Bernstein, mà chúng ta sẽ gặp lại xa hơn vào dịp khảo sát của ông, lưu tâm một cách dễ dãi hơn đối với loại yến vĩ (salangane fuciphage) bởi vì giống chim này ít dã man hơn. Vả lại nó chỉ khác với én biển đích thực ở chỗ cấu tạo tổ bằng hỗn hợp cỏ và niêm dịch. Tác giả này, do Brehm trích dẫn, tường trình rằng khi mổ xẻ các con én biển, ông ta chú ý ngay đến sự phát triển vĩ đại các tuyến nước bọt nhất là các tuyến

---

[1] R.P. Lesson - Histoire Naturelle générale et particulière des mammifères et des oiseaux découverts depuis la ort de Buffon - Oiseaux (Lịch sử tự nhiên tổng quát và riêng biệt về các loài động vật có vú và các loài chim khám phá từ sau khi Buffon qua đời - Các loài chim) - Paris, 1837.

Lesson đã lấy lại chỉ dẫn do De wurmb trình bày (De Wurmb - Transaction of Batavia - Lettre (giao dịch với Batavia - Thư từ - tr.193 - 196). Người sau này xác định rằng các con chim loại này, ít nhất ở Java, chỉ sống bằng côn trùng và chúng làm tổ với những chất thừa, những thứ cứng nhất trong đồ ăn của chúng"

dưới lưỡi. Lại nữa trong mùa ghép đôi, các tuyến này trở nên ứ nước, chúng giảm bớt thể tích sau khi đẻ trứng.

Ông Jabouille cũng cung cấp cho tôi một nhận xét tương tự thực hiện trên những con én biển mái họ Collocabia có tổ ăn được, bị giết vào thời kỳ ghép đôi trong khi chúng bị thúc đẩy bay về phía núi ở đèo Hải Vân. Khi giải phẫu, những con chim nhỏ bé này bày ra các tuyến dưới lưỡi sưng phồng lên mà các khối lượng lan đến tận các mô dưới da của các vùng dưới của bụng.

"Những tuyến này, Bernstein nói, tiết ra một lượng đáng kể một thứ niêm dịch dày, nhờn dính, đóng thành cục, thành tảng ở phần dưới của vòm miệng. Chất lỏng này khá giống với một dung dịch bảo hòa của keo A-rập; nó rất nhờn và chảy thành sợi. Nếu ta kéo từ trong miệng một sợi đó ra và quấn nó quanh một cái que người ta có thể kéo ra hết tất cả nước miếng trong miệng và ngay cả những ống bài tiết. Nó khô rất nhanh và liền giống với chất liệu cấu tạo tổ. Dưới kính hiển vi nó cho thấy cùng trạng thái, đặt vào giữa hai tờ giấy, nó gắn liền chúng lại như keo dán. Người ta có thể ngay cả cuộn tròn các cọng cỏ và gắn chúng lại cái này với cái kia [(1)]".

Chính là do sự thúc đẩy tích cực của các tuyến ứ nước này mà có sự thổ ra niêm dịch để xây tổ. Điều này bắt đầu bằng một hành động định rõ về phía con chim, nó sẽ xác định rõ diện tích cần xây dựng - Bernstein đã gọi một cách chính xác là "việc ghi dấu" đối với hành động ban đầu này của con chim, và đoạn văn miêu tả mà ông thể hiện thật xứng đáng được ghi lại ở đây: "Khi con chim bắt đầu xây dựng tổ, nó bay đến chỗ nó đã chọn và từ đầu lưỡi dán nước bọt vào đá, nó lặp lại việc

---

[(1)] So sánh: Brehm, sách đã dẫn.

này 10, 20 lần, không bao giờ rời xa quá. Như thế nó vạch một nửa vòng tròn hay một hình sắt móng ngựa. Nước bọt khô rất nhanh, và cái tổ có cái nền trên đó nó sẽ nằm. Trong lúc làm việc, vài sợi lông có thể bị dính lại do nước bọt. Sự căng phù do các tuyến phồng lên có thể thúc đẩy các con chim làm cạn chúng đi bằng cách ấn chúng xuống hay chà xát chúng. Như thế các vết thương có thể được tạo thành và vài giọt máu tan ra trong nước bọt. Sự tiết nước bọt liên hệ với chế độ ăn uống của chim".

Như thế quan điểm của nhiều tác giả Âu Châu dựa vào một cách rõ ràng, nhiều hay ít, trên các tin tưởng địa phương hay các quan sát tại chỗ (Rumphius, Borri, Raffles, Gagelin...) về vai trò các chất nhờn do họng chim bài tiết, được xác nhận một cách khoa học.

Nhưng điều còn lại ít xác thật, đó là cho rằng công việc của con chim tùy thuộc thức ăn của nó. Sự tinh luyện của chất nhờn nước bọt muốn được phong phú phải gìn giữ một chế độ dinh dưỡng lâu dài và đặc biệt. Những yếu tố về thức ăn ở biển của chim hình như là một điều quan trọng lớn lao trong việc sản xuất tổ và trong giá trị của nó, bởi vì đã chứng tỏ được rằng sự tinh luyện của sản phẩm không thể không có đối với các loại tổ có hạng, loại tổ eubilose tùy thuộc các sản phẩm ở biển và đặc biệt hơn là các loại rong biển mà chim có thể ăn.

*
* *

3. Cấu tạo hóa học của tổ:

Sự phân tích hóa học các tổ tự nhiên phải được thực hiện vào nhiều thời kỳ khác nhau. Hình như người ta muốn kết

hợp với sự kiện không gặp một dấu vết nào của chất liệu thực vật; nhưng trái lại, điều này dựa vào sự cấu thành của tổ đặt căn bản trên sự bài tiết nước bọt của chim, Mulder nêu rõ khi phân tích có gặp 90% các chất liệu động vật, phần còn lại được xác nhận là do các hợp chất có tính chất muối. Phần "chất liệu động vật" được tách riêng và sấy khô, cho thấy cấu tạo của tổ gần như hoàn toàn bằng azốt.

Các tổ này ít hòa tan trong nước cất; nhưng nó lại tan dễ dàng trong các dung dịch alcalin ngay cả các dung dịch loãng. Nó lắng đọng do rượu. Đốt nó ta có khí amôniắc.

Tollens, trong một bài báo về "các hýt rát các-bon" xác định sự có mặt của một chất đường có thể kết tinh và lên men, có thể là chất glu-cô, được lấy ra từ các tổ này do Grun [1] và Payen cho rằng chúng hình thành từ chất cu-bi-lô (cubilose); đó là một chất al-bu-min trung tính [2].

Các phân tích cũ do Marsden [3] thực hiện đã xác định rằng chất cấu tạo tổ là một chất gần với al-bu-min và chịu đựng lâu đối với tác động của nước sôi. Sau vài giờ nó phồng lên nhưng khi khô lại trở nên cứng và dòn.

Tôi không biết Dorvault đã dựa theo thư tịch nào để trình bày rằng chất Fucus edulus của Rumph, "hợp đồng với các

---

[1] In Berichte der deutschen chimischen Gesellschafr, T.XLI, tr.622.

[2] Comptes-rendus de l'Académie des sciences (Tường trình của Hàn lâm viện Khoa học). Tập XLI, tr.528, Từ điển hóa học của Wurtz có ghi chú.

Về hai điều trên tôi đã nhờ sự giúp đỡ của ông Guilherm, dược sĩ của viện Pasteur Saigon. Hình như minh chứng được rằng những nghiên cứu đã có ở Đông Dương về tổ én trên phương diện cấu tạo: các yếu tố biết được không trình bày được tính chất mới mẻ, ở tất cả các trường hợp sự việc không được nói đến trong bất cứ ghi chú nào đã được xuất bản.

[3] William Marsden (1754 - 1836), nhà Đông phương học người Anh, đã kể lại tác phẩm Lịch sử đảo Sumatre.

chất gelidium trong cấu tạo các tổ én biển", tuy nhiên ông trình bày rằng các tổ này "món ăn khoái trá và kích thích tính dục" đối với người Ấn Độ và người Trung Hoa theo Payen, được hình thành do một thứ niêm dịch đặc biệt (cubilose, của cubile, tổ) do một vài con én bài tiết vào thời kỳ ghép đôi".

Chất cubilose của Payen không được phân phối đều đặn và cùng tỷ lệ trong tất cả các tổ.

Ông ta còn cho rằng ở các tổ trắng, chất này phong phú hơn, còn đối với chất được bài tiết, ít hòa tan trong nước lạnh nhưng hòa tan từ trong nước sôi, và nó có các tính chất của các nguyên lý trung hòa azốt. Hơn nữa, sự phân tích còn kết tội các quan điểm nhắm vào sự xây dựng tổ trên các chất nhớt thực vật ở biển, và thường người ta tin rằng mượn ở rong biển hay các chất lắng đọng sau khi tiêu hóa do chim ựa ra: chất liệu của tổ không cho thấy có một sự tương tự nào với một chất keo thực vật như chất agar-agar.

*
* *

4. Các loại tổ khác bằng niêm dịch bài tiết:

Én biển không phải là loài duy nhất sản xuất các loại niêm dịch thích ứng đối với việc xây tổ. Hình như trong họ các con Cýpélidev gồm có các con đáng lưu ý như sa yến (martinet) và én biển (salan-gane) được xác định vào nhóm những con xây tổ bằng cách dùng các niêm dịch. Chính vì thế, cạnh loại tổ xây bằng niêm dịch nước bọt khô lại - đối tượng của thiên nghiên cứu này - người ta có thể ghi một phần của nhiều loài chim hình như dùng các chất do các tuyến sản xuất để nối kết các mảnh vụn được đem về để làm vật liệu xây tổ.

Bernstein [1] đã nghiên cứu các tổ của chim "Kusappi" (đó là tên gọi ở Java của một loài chim én collocalia, rất gần với con én Francica - Germaini, nhưng ít hung dữ hơn; theo quan sát sơ khởi). Người ta thấy một vài loài vào thời kỳ làm tổ tha cỏ, lông ngựa, các mảnh vụn nhẹ khác và tất cả các vật liệu này được xếp một cách đơn giản, không đan bện với nhau, chỉ gắn với nhau do nước bọt của chim. Con Kusappi là con Collacalia Fuciphaga (tôi trích dẫn Bernstein). Dĩ nhiên những chất khác lạ xuất hiện nhiều hơn trong tổ, còn các chất niêm dịch giữ vai trò của xi-măng; nhưng chính vì vai trò định hình này mà trái lại ở các vùng gắn kết với thành đá, chất xi-măng làm vững này hiện diện trong sự vắng mặt của tất cả.

Về con sa yến sống ở tường thành (cypselus murarius) pháp sư Voncelot lưu ý tính chất đặc biệt của tổ nó: "Đôi khi con chim mỏ bẹt này rải trên các cọng rơm chất nhờn có trong hầu của nó, khi các mảnh vụn nối kết với nhau và tạo thành một cái tổ hoàn tất và khi cứng lại cho thấy dáng vẻ của các tổ có ở bờ nước Sainte-Allyre xứ Anvergne [2] ".

LESSON kể lại về các con chim ăn muỗi mắt (Caprimulgies L.) rằng chúng có thể nuốt những con côn trùng lớn và giữ trong hầu bằng một thứ nước bọt nhờn dính [3] ".

---

[1] Bernstein, do Brehm trích dẫn.

So sánh: Trouessart, bài "Nid" (tổ) trong La grande Encyelopédie (Đại bách khoa từ điển), tr. 1073.

[2] Mục sư Vincelot - Les noms des oiseaux expliqués par leurs loeurs (tên chim giải thích bằng tập quán của chúng). Ấn bản lần thứ ba. Angers, 1867, tr.140.

[3] Lesson, sách đã dẫn, tập IX, tr.777. Theo chính tác giả này con Cypselus delicatulus Kukl cung cấp tổ ăn được làm bằng mảnh vụn của spharococcus cartilaineux (tên khác: setosus và crispus), tr.795.

Như thế, tính chất riêng biệt của việc kích động tuyến nước bọt đã dự phần vào nhiều phương thức xây tổ và kết quả là cách cấu tạo tổ đã đi vào phương thức phân loại trong số lớn tổ thuộc loại tổ xây. Chúng ta đã thấy tổ con Kusappi, được xây bằng rong đá; cũng thế đối với tổ của các con én biển ở đảo Iles de France và đảo Bourbon, dệt bằng rêu, bằng địa y hay rong biển, các sợi này được gắn dính giống nhau. Người ta nói loại sau cùng này ăn được.

Và người ta cũng giải thích như vậy về cách làm tổ của một loài én biển khác ở trong hang thường thấy từng đàn ở bờ các đảo xứ Sonde: chim này chỉ rời tổ đi nơi khác vào các mùa khô. Vì thế giống chim này bay ra từng đàn lớn xung quanh đảo.

III - NƠI CƯ TRÚ VÀ PHÂN BỐ ĐỊA LÝ CỦA LOÀI ÉN COLLOCALIA CÓ TỔ ĂN ĐƯỢC

Theo dõi các giai đoạn đôi khi khó khăn và thường thì đầy nguy hiểm của việc thu hoạch đủ để thấy sự can đảm mà chim én biển đã sử dụng khi làm tổ. Hình như tuân theo mục đích luận mà các con én biển đã để cái tổ quý giá của nó ngoài tầm với có thể có của người săn tìm. Nhưng tổ này không thay đổi qua thời gian và khẩu vị con người đối với món ăn này cũng không mất đi theo thời gian. Vì thế chắc chắn rằng nếu người tìm tổ én đem tính mạng ra thử thách cho mục đích họ đã đặt ra, thì con chim phải tuân phục trò nhào lộn bằng cách bay đầy nguy hiểm trong đó sự khó nhọc ngang với tài năng.

Chỗ cư trú thông thường của én biển là trong các núi đá ngoài biển, đổ vỡ thành hang động hoặc làm thành nhiều đường hầm. Các hang hẹp không thích hợp với chúng, nhưng các hang lớn nơi ánh sáng xuyên qua một cách khó khăn hoặc

nơi được soi sáng bằng những cửa sổ dưới hầm, các hành lang nơi tiếng sóng phản hồi im tiếng, các đường hầm nơi các ngọn gió hung bạo bị nuốt chửng; đó là các chỗ giữ được én biển đến làm tổ một cách gan dạ. Lại nữa, chúng còn tìm kiếm những phần cao ở các bờ đá láng bóng, trên đó chúng miệt mài thực hiện lao động của mình, choáng váng vì những luồng hơi thở mãnh liệt càn quét trong các hành lang đó và điếc tai vì tiếng gầm thét ầm ầm của sóng biển vỡ nát trên ghềnh đá.

Tuy nhiên có nhiều giống thích im lặng và không khí điều hòa hơn ở các hang động kín đáo, đã đến làm tổ ở các hang của những đảo nhỏ đá vôi nổi lên ở giữa đất liền. Có những hang động như thế, xa bờ biển, ở Trung Hoa và Java. Cũng có nhiều điểm khác biệt: tổ én ở đây ăn cũng ngon nhưng kém giá trị hơn tổ ở các vùng biến động của bờ biển.

Madrolle đã miêu tả một chỗ cư trú đặc biệt của các con én có tổ ăn được ở một vùng rất xa biển. Vùng này ở giữa Mong-Tseu và Mien-tien. Ở đó có những hang là công trình ngày xưa của dòng Lou-Kiang, đó là đường tháo nước của hồ Che-ping, tưới nước cho đồng bằng Lin-ngan, mất dấu rồi hiện rất xa trong các núi đá vôi đệ tam kỷ. Toàn bộ các hang có tên Yen-tseu-tong, người ta dịch là "động én".

Lòng tín ngưỡng của một ông quan địa phương đã đem lại việc xây dựng một ngôi đền cổ để thờ Phật Bà Quan Âm. Kiến trúc này ghi dấu lối vào động én.

Sau đây là trích văn tôi đã mượn của Madrolle [1]: Mặt tiền của khách sảnh đóng lại cửa sổ một cái hang vô tận và mặt

---

[1] Madrolle - Chine du Sud (Trung Hoa phương nam), Paris, 1916, tr.237 - 238. Các hang này ông Bons d'Anty, đại diện Pháp quốc ở Trung Hoa đã thăm.

tiền này có bao lơn mà từ phía trên ta có thể chiêm ngưỡng vòm thiên nhiên nơi đó đổ xuống những vòng cung thạch nhũ vĩ đại và bao trùm một cái sân nhỏ lát đá, viền chung quanh bằng một hàng lan can đá cẩm thạch và được soi sáng phía trước mặt bằng một cái vịnh hình cung. Đối xứng với cửa tò vò của hang đầu tiên này là một lối vào vĩ đại; ở cách khoảng 30m, của một cái hang khác trong đó dòng sông bặt dấu thình lình trong con đường độc đạo. Khối nước chìm mất và chỉ xuất hiện dưới ánh sáng trong thung lũng A-mi-tcheou. Ngọn núi đá vôi, dưới đó dòng nước biến mất, nằm trên ranh giới châu A-mi-tcheou và Kien-Chouei-hien, huyện có thủ phủ trong thành Lin-ngạn. Động nằm theo hướng đông nam - tây bắc, trải dài 5 - 6km gồm nhiều nhánh. Hàng đàn đông đặc én biển liên tục bay quanh phía trên hang và xung quanh các cửa ra vào, chúng vừa đuổi nhau vừa kêu và tiếng kêu được phóng đại và lặp lại hàng nghìn lần tiếng vang. Chính vì tính chất đặc biệt này mà nơi này xứng với cái tên gọi Yen-teu-tong nổi tiếng suốt vùng Vân Nam. Én biển khá giống én thường nhưng được sắp vào họ chim tước mỏ chẻ (sa yến); chúng bay rất nhanh, sống và làm tổ theo đàn; chúng nhờ có hạch nước bọt phong phú và có tài nhả ra trong tổ một thứ niêm dịch trắng mờ mờ, giống chất keo, làm thích thú những người sành ăn Trung Hoa. Những con chim này làm tổ ở những nơi lồi lõm trong các đường hầm mà dòng Lou-Kiang mất dạng; tổ chúng ăn được, tính chất kém, ngày xưa bán được từ 3 đến 5 lạng 01 livre, những khi được ưa chuộng giá lên đến 7 lạng (tổ loại tốt ở Vân Nam giá 16 - 30 lạng một livre). "Các người tìm tổ góp phần làm đẹp thêm cảnh trí đã đến treo ở mé đầu cửa hang thứ hai trong đống vụn thạch nhũ các giấy vàng bạc...".

Ở trung tâm đảo Java, rất xa bờ biển, đằng sau các ngọn núi cao, có nhiều hang sâu, xung quanh đó có gió mạnh mà

các cơn lốc xoáy quét thành cả những đường hầm. Nhiều én biển có tổ ăn được đến đó làm tổ; đó là chứng cứ chống lại giả thiết cho rằng én đã dùng các chất ở biển để xây tổ.

Trên một vài địa điểm, như ở Grissec, gần Sourabaya, người ta xây dựng các chỗ riêng biệt, chỗ các giống én tương cận (én Linchii) đến làm tổ, tổ này do người Trung Hoa khai thác, họ lấy đó làm chỗ cho thuê, mướn.

Các đoàn thiên cư vào đất liền khác cũng được nói đến ở núi vùng San Cristovo và Angat thuộc quận Bulacan trong đảo Luçon. Nhưng nhìn chung, tổ ở đây ít được thích.

Thật ra, diện tích của các nơi cư trú trong đất liền giảm bớt nếu người ta so sánh với vùng đất phân bố miền biển của én biển.

Vùng rộng lớn của én biển mà tổ được khai thác có thể giới hạn trên vòng đai vô tận của các đảo chung quanh toàn bộ lục địa Đông Dương do các đảo của các quần đảo: Malaisie, Philippines, các đảo xứ Sonde, các đảo Célèbres, Bornéo. Cái khoen tận cùng xa về phía đông là ở Ceylan, về phía Nam Colombo, trong phần đất Calontara (Caltura).

Trong vùng rộng lớn này, nơi có nhiều đảo và các bờ biển rất khác biệt, có những điểm đáng ghi nhận đối với một tính chất nào đó, đó là địa điểm của Assam của các bờ biển Miến Điện, của một vài địa thế trong vịnh Xiêm La, và còn các trạm nổi danh khác nhau của xứ Đông Dương thuộc Pháp của chúng ta.

Trên toàn thể bờ biển Indonésie thuộc quần đảo vòng đai, nhiều địa điểm mà tổ không nổi danh: người ta chỉ kể các địa điểm thuộc Calapan trong đảo Mindoro, các địa điểm của Calamianes: còn lại phần lớn của Philippine; rồi các địa điểm của Célèbres, của Bornéo và của Timor - Barrow nói đến một

khám phá rất nhiều tổ trong các hành lang của các đảo nhỏ, đảo Bonnet và đảo Bouton gần bờ biển Java trong eo biển xứ Sonde. Có thể nhớ lại những hang mà năm 1741 Poivre và một người thủy thủ đã đến thăm, chuyến đi này đem lại cho người thủy thủ thì giờ rảnh rỗi để thực hiện một chuyến thu hoạch có lợi. Nhưng các điểm ở Java, những điểm đáng kể nhất tập trung trên phần trung bình của bờ biển phía nam thuộc tỉnh Djokjakarta (Karang Bolong) [1].

IV - TỔ Ở ĐÔNG DƯƠNG

Én biển năng lui tới một số địa điểm ở bờ biển Đông Dương. Người ta có thể có được bản danh sách các địa điểm này càng tốt chừng nào các lối diễn dịch do lòng quý chuộng đối với loại tổ này, có thể cổ vũ những cuộc tìm kiếm bạo gan nhất.

Nhìn chung, người ta cho rằng Cù lao Chàm, quần đảo cách bờ biển Quảng Nam gần 12km, là trung tâm tập trung của én biển. Vị trí của 7 thành phần chính của nhóm đảo này lan rộng thành chướng ngại vật chắn trước mặt cửa sông lớn của Quảng Nam, tại vĩ độ nam 17^0,76 và kinh độ 117^0,86 đến 118.

Có một đảo chính các bản đồ ghi là Cù lao Chàm [2], nó khá quan trọng (8km/3) và làm thành một dãy núi đỉnh cao

---

[1] Chỉ dẫn lấy của cô Selleger thuộc bộ Canh nông xứ Ấn Độ - Hà Lan.

[2] Cù Lao Chàm hình như giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử của người Chàm: chỉ cái tên đã chứng tỏ điều đó.

Người ta nói rằng vua của các triều đại lớn đã cho xây dựng cung điện mùa hè trên độ cao của các đảo này và là một nơi giam cầm tù khổ sai dài hạn, điều này là một trong những điều khó chấp nhận nhất: chưa bao giờ có một dấu vết nào phát hiện, về phần tôi trong quá trình thực hiện nhiều

cuộc nghiên cứu lặp đi lặp lại nhiều năm, tôi không có được gì về các dấu vết có thể có của một quá khứ nào. Phần khác, truyền khẩu cũng không nói gì về điều này; tuy vậy nó cũng kể lại một cách thỏa mãn nhiều chuyện kỳ lạ lấy trong cổ tích Trung Hoa.

Cù Lao Chàm, trong từng thời kỳ của quá khứ, đã được dùng làm nơi tàu đậu để lấy thêm nước hay củi. Mender Pinto nói về địa điểm "lấy nước" này và về một trong những kỷ niệm xưa nhất của người Âu về nơi này: "Chúng tôi xuất hiện ở một hòn đảo gọi là Pullo Chàm - peilo ở xứ Cauchinchina (Đàng Trong) nơi đây chúng tôi lấy nước ngọt ở một con sông chảy xuống từ một ngọn núi cao. Ở đó qua các tảng đá, chúng tôi thấy chữ thập rất đẹp khắc trên một tảng đá lớn với 4 chữ, và bên dưới niên đại 1518 với 6 chữ viết tắt: Duart Coelho".

Một điểm hình như không chắc chắn, bởi vì Pinto đếm được 62 người bị treo cổ trên các cây ở bờ biển. Cạnh chỗ xử tội này một lá cờ đang bay viết bằng chữ Nho ra lệnh lấy nước thật nhanh để đi sớm, nếu không thì nhận lãnh "cơn giận dữ của đấng con trời" (Les voyages adventureux de Fernand Mendez Pinto - Những cuộc du hành đầy phiêu lưu của F.M. Pinto, dịch một cách trung thực do Bernard Figuuier, quý tộc Bồ Đào Nha - Paris, 1628, tr.1558).

Hòn lớn Cù lao Chàm, địa điểm dễ đậu và cung cấp nước, củi, có nhiều tiện nghi về canh giữ và phòng thủ, đã làm thèm muốn trong nhiều thế kỷ đối với các quốc gia đến buôn bán với địa phương hay có quan hệ lợi ích để cư trú. Người ta thường thấy nói đến nơi này trong các ghi chép các bản tường trình hàng hải của các thương gia, các cố đạo với thay đổi riêng đối với tên đảo: Cù lao (liên hệ trong tiếng Chàm: Kulau; tiếng Mã Lai: pulo trong pulao, pullo) và tính Chàm trong Chaba, Chapa, Champeilo, những biến đổi của từ Champa (tiếng Việt: Chiêm ba mà dân chúng được gọi là người Ciampais hay Ciampaois).

Hòn lớn Cù lao Chàm xuất cảng cho nguồn lợi của làng Tân Hợp, ngoài sản phẩm nghề cá của họ, còn nhiều thứ đặc biệt. Trước hết đó là các loại rong biển ăn được (rong mã vĩ, rau câu và rau làm xu-xoa), tất cả các rong biển mà người ta gặp giữa vùng đá ngầm và xung quanh san hô. Người ta dùng trực tiếp hay nấu cháo hoặc để làm agar-agar. Việc thu hoạch này đối với một vài loại ốc đem lại một vài nguồn lợi, tuy vậy không đáng giá so với đảo Poulo Canton với ốc xà cừ, sò khổng lồ và các ốc biển khác có yếm răng cưa và dùng làm tù và. Những con ốc xà cừ lớn dùng làm đồ cẩn, khảm, tùy theo lớn nhỏ mà có giá từ 0đ50 đến 0đ80.

nhất là 518m. Bờ biển bao quanh bằng các bờ dốc, trừ phần lớn bờ phía đông nơi có chỗ vào được, nhất là một bến tàu chung quanh đó dân làng Tân Hợp ở rải rác.

Góc đảo này khá thịnh vượng: các chỗ đất trũng của các thung lũng ngắn được tưới nước một cách tự nhiên, sản xuất lúa và các cây lương thực cần thiết cho cư dân trên đảo. Việc đánh cá dễ dàng thực hiện ở trong vùng biển của chính các đảo: những đảo này được bao quanh bằng những đoạn dài san hô, ở giữa có các loại san hô cố định, nhiều rong biển, và có nhiều giống sinh sống: cá, ốc, sò, hải sâm; những gì đánh bắt được, đem bán ở các chợ trên bờ biển và nhất là ở chợ Faifo.

Gỗ ở Cù lao được đưa về Faifo để làm củi đốt, chúng rất có tiếng được xác nhận bằng nguồn gốc và giá trị của nó: củi lao.

N.Péri đã đầu tư cho một công trình về "Một phác thảo về mối liên hệ của Nhật Bản và Đông Dương vào thế kỷ XVI và XVII. Công trình của ông chưa hoàn tất nhưng những gì đã được công bố cho ta thấy nguồn tư liệu lớn lao mà chúng ta đã mất và làm chúng ta có thể rút ra được vài chi tiết về con đường chuyển dịch và cách dùng thứ tổ kỳ lạ này.

Péri đã công bố hình chụp lại của một makimont, không ngày không tên nhưng nó lên đến thời kỳ các Chaifa, những người có ảnh hưởng lớn do các liên hệ của họ với xứ Đàng Trong vào thế kỷ XVI và XVII. Hoạt cảnh mà bức vẽ ghi lại có mở đầu ở Nagasaki và kết thúc trên một kiến trúc Việt Nam ở Faifo.

Người ta thấy ghi chú: Toron-iwajima "núi đá đảo nho-Toron" và Kochi Koku; một ghi chú chép: "ở phía nam Kochi Koku có đảo Banri-iwa hay Sun-jima, ở đó có tổ én".

Số 550 trong bản khắc XIX thuộc hải đồ Việt Nam do Dumouier nghiên cứu, tên Du Ái Sơn (núi đầu tuyệt hảo) được dùng chỉ định một hòn đảo nằm dài theo hướng Bắc - Nam và ở ngay phía Tây của một loạt lối qua. Tôi tin rằng chúng thuộc phần bờ biển của Quảng Ngãi hơn là của Quảng Nam. Tôi có nhiều lý do để dự kiến điều đó. Mặc dù vị trí đảo này ở phía tây nam cửa vào vương quốc Chàm, cửa Đại Chiêm môn (Đại Xiêm Môn, của Portuban) và mặc dù Dumoutier sắp nó vào đảo lớn của người Chàm, tính chất riêng biệt và hình thái của núi đá trung tâm, chứng tỏ một cách hợp lý hơn là thuộc về đảo núi lửa của Pulo-Canton, hòn Cù lao Ré của bờ biển phía bắc Quảng Ngãi.

Sự quan trọng của những đảo này đối với sản xuất tổ én đủ lớn để tôi ghi lại ở đây vài tư liệu Việt Nam về các chi tiết địa lý của chúng. Tôi mượn của một tác phẩm xuất bản dưới triều Duy Tân.

✣
✣ ✣

Đại Chiêm Dư - "Đảo có tên khác là Tiêm bút phong (ngọn núi của ngọn bút nhọn) và Chiêm bất lao sơn (đảo Chiêm bất, Champa). Toàn bộ quần đảo có tên Cù Lao.

"Các đảo này thuộc huyện Diên Phước [1] và ở biển đông (Đông hải). Ngày xưa người ta gọi đảo lớn là Ngọa Long Dư (có nghĩa là hòn đảo con rồng nằm). Nó như được đặt vào trước cửa khẩu của Đại Chiêm hải khẩu [2] và nó bẻ gãy các ngọn sóng. Trên đảo có làng gồm nhiều xóm tên Tân Hợp. Người ta trồng trọt ở đây nhất là phần phía nam.

"Việt Nam và các nước ngoại quốc chọn đảo này làm địa điểm tiếp tế. Người ta dừng ở đây để lấy nước và củi cần dùng.

"Đảo có 3 ngôi đền: đền Phục Ba tướng quân, một đền khác thờ Tứ Dương Hầu, cái thứ ba là của Bích Tiên [3]. Người ta nói rằng các nơi thờ tự này để thờ các thần Cao Các Phục

---

[1] Huyện Diên Phước thuộc phủ Điện Bàn.

[2] Lối vào ở biển Chàm: hiện nay là cửa khẩu sông lớn: cửa Đại.

[3] Nói về việc thờ cúng hai vị tướng Trung Hoa, chết ở Trung Hoa trong một trận chiến và đầu họ rớt xuống biển trôi đến đảo làng Tân Hợp. Người ta lập đền để thờ. Truyền thuyết kể rằng trong chuyến trở về từ Xiêm La, Gia Long đã đi ngang gần đảo, thuyền ông đứng lại vì thiếu gió. Các vị thần được cầu đến, một ngọn gió thuận lợi thổi nhanh về phía đảo có chiếc thuyền từ lâu bất động. Ông bèn sắc phong cho vị thần tên Tứ (Phục Ba Tứ) và thần Bích (Phục Ba Bích). Minh Mạng về sau tái phong tặng cho họ.

Phần lớn các đền thờ ở Tân Hợp đều thờ các thần gốc Trung Hoa.

Ba tướng quân và Bồ Bồ. Các bàn thờ này để thờ Ngọc Lân [1], Thành Hoàng [2], Chúa Lồi [3], Bạch Mã [4] và Ngũ Hành [5].

"Về phía tây 3 dặm có đảo Lồi Dư, ở 7 dặm nam có đảo gọi là Nhĩ Dữ [6]. Người ta gặp đảo La Dữ ở 10 dặm bắc, và ở 17 dặm tây nam ghi dấu các cấu tạo đảo Đại Khô Dữ [7], Tiểu Khô Dữ [8], Trường Dữ [9] và Mậu Dữ. Phía nam Nhĩ Dữ gặp một cấu tạo có hang tên là Yến Dữ [10], bởi vì én biển làm tổ trên thành tất cả các hang đá này.

"Cư dân trên đảo thu nhặt tất cả các thứ quý ở biển và đem dâng triều đình. Người ta xác nhận rằng ngọn Tiêm Bút (tên cũ của một hòn đảo lớn) là nơi nghỉ ngơi cuối cùng của các nhà sư Việt Nam" [11].

Theo các chỉ dẫn do các bản đồ bờ biển cung cấp, hình như người ta có thể định vị trí dễ dàng các đảo nói đến ở các sách Dư địa chí của Quốc sử quán; còn có một số tên tương đương giữa sách địa lý nhà vua và trên các bản đồ. Nhĩ Dữ là Hòn Tai, Yến Dữ, La Dữ là Hòn La, Đại Khô Dữ, Hòn Cô và Tiểu Khô Dữ, Hòn Cu. Mặc dù có các chỉ dẫn về khoảng cách, tôi giả thiết rằng Lồi Dữ là hòn lớn Cù lao; tôi cho tên nó là

---

[1] Lan bằng ngọc.

[2] Vị thánh của làng.

[3] Chúa Lồi - Bà Chúa lồi ra từ đất. Tiếng Lồi có giá trị tượng trưng cho tiếng Chàm; Chúa Lồi: "chúa Chàm chỉ bà chúa phương Nam, nữ thần Thiên Y A Na.

[4] Ngựa trắng - một số đền đạo Lão lấy tên này.

[5] 5 yếu tố (ngũ hành) thường tượng trưng bằng các nữ thần.

[6] Đảo hình lỗ tai.

[7] Đảo lớn khô.

[8] Đảo nhỏ khô.

[9] Đảo dài.

[10] Đảo én.

[11] Đại Nam nhất thống chí, q.V, tr.300. Quyển nói về tỉnh Quảng Nam.

tiếng Lồi bình dân; và như thế người ta có thể cho rằng đảo Trường Dữ, Mậu Dữ là các tên tương ứng của Hòn Dài, Hòn Mậu trên các bản đồ.

Ở các sườn của lối đi lên, các đảo đá này đã gieo những tảng bộ xương cứng của chúng, hay đặt chúng đối diện các đoạn gãy khúc tạo thành bờ dốc. Nơi đây phần đá hoa cương trần của chúng bị đào trên nhiều điểm thành hang động dưới biển mà các vòm được cấu tạo bằng sự đối đầu của chính những tảng đá dẫn vào đường hầm tạo thành do đất sụt và trôi đi bởi công trình không ngừng nghỉ của nước biển. Một vài hang này để cho sóng nhẹ tràn vào, so sánh được với việc nước xâm nhập các phòng bờ ốc Provence, làm trải dài tới chân đá sự yên lặng của mặt nước vùng biển Địa Trung Hải.

Tổng kết lại, người ta chỉ kể được 4 hang có én biển thường lui tới và làm tổ. Có thể có một vài con tách riêng thử làm tổ ở đáy các hang sâu đến mất hút; theo ý kiến của những người tìm tổ yến, người ta chỉ kể các hang sau đây: Hang Khô [1], Hang Cả [2], Hang Vò Vò [3] và Hang Tây [4].

Hang Cả và Hang Vò Vò ở trong các núi đá ở Hòn Lớn. Hang này và hang kia ở phần nam của bờ dốc dài phía đông.

---

[1] Hang khô.

[2] Hang lớn.

[3] Hang con ong vò vẽ (đúng như vậy vì các tiếng thì thầm mà người ta nghe thấy ở đây).

[4] Hang phía tây.

Người trưng tổ én chỉ ra các hang khác nhau và các từ tương đương sau đây:

Thương đảo (đảo xanh): Hang khô.

Thiên đảo (đảo của trời): Hang cả.

Tây đảo (đảo phía tây): Hang tây.

Ca đảo (đảo hát): Hang Vò vò.

Phải chèo thuyền hơn 4 giờ đồng hồ để đi từ bờ biển Tân Hợp đến bờ của công trường dẫn vào chỗ ở của người canh én và vào hang. Vì lối vào do đường bên trong đảo không thể thực hiện được: các thung lũng cày cấy gần sát các làng dừng lại trên các thềm đá dựa vào những dốc đứng khó vượt, không những vì độ cao mà còn vì cây cối ở đây dày và chằng chịt cản trở không đi qua được. Nhưng người canh én được hưởng nguồn lợi của một công trường, nhưng chỉ riêng họ và những người tiếp tế lương thực cho họ mới biết được sự khó nhọc và hiểm nguy.

Hang đầu tiên được coi là khó khăn do vị trí và sự bất tiện rất đặc biệt đối với người tìm tổ yến, nhưng tổ ở đây khá nhiều. Hang thứ hai là Hang Vò Vò, cao và thoáng. Nó nổi tiếng vì nhiều tổ và tổ rất trắng, trắng hơn rất nhiều so với tổ ở hang khác. Người ta giải thích rằng sự kiện đó là do khoảng không rộng lớn trong hang, như thế tổ luôn được khô, không thể bị biến chất, luôn ở tình trạng tươi để nhận.

Hang Tây là hang nhỏ nhất trong các hang và ít tổ: nó ở đảo La Dữ.

Chính trong vùng đảo Nhĩ Dữ trên đoạn kéo dài hướng đông là mũi đất én thường lui tới ta thấy có Hang Khô. Đường hầm của nó cao nhưng hẹp và mở ra ở cả hai đầu. Hang này có tổ yến đầy thành, nhưng lối ra vào dành cho người kiếm tổ đến được vị trí tổ là đặc biệt nguy hiểm.

Ở lối vào hang có chỗ ở của người canh én, chế ngự được cửa hang. Họ ở đó thành nhóm trong một cái chòi và một cái cửa phên tre chia cách họ với vị trí canh gác. Những người canh gác thường xuyên thăm viếng bằng thuyền các điểm sản xuất để ngăn ngừa kẻ trộm.

Tôi biết rằng người trưng yến đã thả ở các đảo én một số dê thích ứng được với khí hậu và chúng cũng thích ứng được

một cách đáng chú ý với vị trí hoang dã cũng như đối với thực vật mọc tự do và sầm uất nơi đây.

\+
\+ \+

Hang Vò Vò.

Đó là hang các tổ én trắng.

Hai hang mở ra ở bờ dốc phía đông đảo lớn, đảo tận cùng phía nam. Bác sĩ Fourneyron, y sĩ hiện nay của tỉnh Quảng Nam, đã dự tính du lãm vùng đặc biệt này, về phía một bờ biển vắng người, chỉ dành riêng cho các hang dưới biển và các tổ én của chúng [1]. Ông ta rất muốn tôi lưu ý về cảnh trí chuyến du lãm của ông và đem về cho tôi những chi tiết kỳ lạ trong các quan sát của ông. Chắc chắn tất cả điều đó có thể kể như các yếu tố mới trong quan sát của người Âu Châu nhằm vào các hang của đảo lớn. Tuy nhiên hấp tấp vì thời gian, không có thì giờ chuẩn bị cuộc khám phá, bác sĩ Fourneyron đành bỏ chương trình dự trù lúc đầu: thăm hang gặp đầu tiên, Hang Cả, của một vùng phụ cận nhiều trở ngại không thể thực hiện nếu không tổ chức trước. Hang này ở trong nếp gấp khúc của núi đá ở bờ dốc cao.

Thế là ông chuyển sang thăm Hang Vò Vò, hang các con ong vò vẽ, mở ra trên đầu cùng một mũi đất. Người ta đến đây qua một đoạn trèo thang dẫn đến chỗ cư trú sơ khai của

---

[1] Bác sĩ Fourneyron vào đầu mùa đông 1929 đã đến Cù lao Chàm. Ông tiếp xúc với hòn lớn và đã thăm các hang én. Hình như ông là người Âu Châu đầu tiên đi vào phần này của đảo và thâm nhập các hang này. Tôi mượn của ông Fourneyron các chi tiết của chuyến viếng thăm của ông (Hang Vò Vò).

Hang đảo Nhĩ đã được ông Hffet thăm, ông là nhà địa chất học thuộc sở mỏ Hà Nội, người đã cung cấp cho tôi nhiều chỉ dẫn và hình ảnh của công trình này.

những người canh gác Trung Hoa, tất cả gốc người đảo Hải Nam, cứng rắn, hy sinh cho nhiệm vụ của họ, nhưng thiếu nhã nhặn khi đón tiếp người lạ, nhất là người Việt tại chỗ và không được báo trước sự có mặt này của những người họ phải lệ thuộc.

Từ chỗ ở này, người ta thực hiện một cuộc trèo xuống cực nhọc về phía cửa sổ của hang én, lối xuống kéo dài theo bề sâu của đường hầm đến tận mặt đất, nơi có sóng biển đánh vào. Cao về phía vòm, sâu đến đáy, người ta tưởng tượng ra các độ dài ước tính sai - bề cao tổng cộng trên 15m.

Tuy nhiên dưới vòm lớn, trong chỗ tối cũng như nơi mờ mờ của hang hay nơi khúc khuỷu, cả một thế giới động vật có cánh của én biển, của dơi, khấy động không gian với các đường bay linh hoạt, nhẹ nhàng xen kẽ những tiếng kêu nhỏ vang ra.

Trên nền đá của hang người ta chỉ đi chân trần trên các đường dốc nghiêng. Để đến được các thang thả xuống vực thẳm theo bờ đá và dẫn về phía thang khác bằng mây đánh qua đánh lại tự do, phải theo một lối đi rất hẹp bên bờ vực thẳm, đèo gọt tự nhiên trên đá, nơi đó người ta phải giữ cho thân thể gắn sát vào thành đá, tiến từng bước một; đoạn đường ngắn vì thế thành rất dài với bước đi khó khăn này.

Những người Trung Hoa giữ tổ, quen hang và quen địa thế, đi không ngỡ ngàng và vấp váp. Họ đi theo các lối đi xấu nhất, tiến về mục tiêu của mình, luôn tiến lên bằng những bước nhảy vọt của người nhào lộn ở những nơi nguy hiểm.

Cách từng quãng xa, hiện ra các cây tre hay cây gỗ ở các điểm gần các hành lang hẹp, nơi đó chúng làm thành một thứ lối đi hay bậc thang có chỗ có thể nắm giữ và cũng vì an toàn mà có thể dừng lại.

Chính trong bóng tối rải rác trên độ cao của các bức tường lớn mà con mắt quen thuộc có thể phân biệt các vệt sáng được đặt lên một cách can đảm và đó là tổ mà con người sẽ đến hái cũng can đảm không kém.

* * *

Người ta còn nói về bờ biển của Quảng Nam rằng các con én biển có thể làm tổ trong các hang lớn ở Ngũ Hành Sơn; không có gì ít xác thực hơn. Ngày trước tôi đã được thông báo việc này nhưng các vị sư đã đính chính với tôi điều đó [1]. Chéon trong một bài học về các sản phẩm Việt Nam cũng ghi tổ yến Ngũ Hành Sơn.

Các nhóm núi đá chim én khác thuộc bờ biển Trung Kỳ gồm có: Về phía nam là Quy Nhơn và Nha Trang, hay các địa thế cấu tạo có hang ở các vùng lân cận những địa điểm này.

Những hang đá ở vùng biển Bình Định có khai thác tổ én gồm 8 cái. Chúng thuộc các địa điểm ở bờ dốc phía đông miền Phương Mai, ở phía nam một làng lớn cùng tên. Mũi nhọn núi này hướng về phía nam được dùng theo nghĩa bề dài của nó do một chuyển động kéo dài mà người ta gọi là núi Mũi Yến.

Tám điểm khai thác là: Ca đảo, Dáng đảo, Hiệp đảo, Huyết đảo, Bình Yên đảo, Nhiên đảo, Mạnh Phù đảo và Song đảo [2].

---

[1] So sánh với bác sĩ Sallet - Let montagnes de Marbre (Ngũ Hành Sơn) - BAVH, 1924.

[2] Tôi lấy các tên này của người trưng én Trung Hoa ở Faifo. Tuy nhiên trong xứ các hang này có các tên thông dụng. Hang lớn nhất gọi là Hang Cả (hang chính), cái thứ hai là Hang đôi (vì nó có 2 lối vào giống như cửa đôi), cái thứ ba là Hang hẹp và cái thứ tư là Hang vũng bầy (hang tập trung các cửa sông): gọi thế là vì ở đây tập trung một số lớn người tìm tổ én. Các hang khác quá nhỏ, không có tên riêng trong ngôn ngữ bình dân (theo vị Tổng đốc tỉnh Bình Định).

Các hang này ít quan trọng hơn các đảo ở Cù lao Chàm. Xa về phía nam, về phía Nha Trang trong số các đảo bao quanh hai vịnh của cửa khẩu gần như chạm trán nhau giữa Bình Cang và Nha Trang, én biển đến làm tổ ở rất nhiều chỗ trú ẩn mà chúng cho là yên tĩnh nhất, một vài nơi trong số này đúng là ít được thăm viếng (đó là trường hợp hòn đảo xa nhất về phía nam, đảo Hòn Ngoại, núi đá ở ngoài quần đảo).

Tôi có thấy danh sách các đảo trên một công văn kể tên các đảo này mà không lưu ý đến lối viết của chúng. Nhưng từ bắc đến nam người ta dễ nhận ra: Hòn Chà Là; Hòn Đông; đảo mà chúng tôi gọi là Kim tự tháp, Hòn Hô, Hòn Lin, là Hòn Tre; Hòn Mùng; Hòn Hời (có thể là Hòn Mọi) và Hòn Ngoại. Trên bản đồ của sở Thủy lợi mà tôi đã tra cứu, tôi không thể xác định vị trí của núi đá Dung và Xương.

Tổ thu hoạch trong vùng Nha Trang, đảo nhỏ Hòn Hô, ở bờ đảo Kim tự tháp, cung cấp hơn nửa số thu hoạch tổng cộng.

Đó là các trạm đáng chú ý về én có tổ ăn được trên bờ biển Việt Nam. Tuy nhiên xa hơn nữa về phía bắc trên bờ biển Quảng Bình có một trạm ít được biết tới: nó thuộc về các nhân vật cao cấp. Các lượt thu hoạch ở nơi này không đáng kể, hằng năm chỉ khoảng chừng 20 tổ. Người ta gọi nó theo tên địa phương: "tổ Vĩnh Sơn" [1] và đặc biệt dành riêng cho triều đình, vì tổ này có hương vị đáng ưa chuộng và đặc biệt được quý trọng trong việc chuẩn bị các món có tính chất trị liệu.

+
+ +

---

[1] Vĩnh Sơn, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (chỉ dẫn của thượng thư bộ Hình).

Người ta nói trong "mục sư Richard" đã dẫn ở trên rằng các tổ lấy ở một tổng gọi là Bố Chính". Đây hẳn là nói về các tổ Vĩnh Sơn.

Bờ biển Nam bộ trên suốt miền bình nguyên của nó không có địa thế đột khởi nên không có trong địa bàn cư trú của loài én biển. Tuy nhiên cũng có các đảo như Poulo - Condore ở ngoài khơi cửa sông lớn và các núi đá ở bờ biển có địa thế lồi lõm lộn xộn của Hà Tiên với những hang đá vôi đào trong một vài đảo nhỏ vùng lân cận.

Tôi có một chứng cứ quý giá về sự hiện diện của tổ én trong các núi đá biển ở Poulo - Condore: ông Lambert, quản đốc các đảo ấy đã chỉ dẫn tôi về vấn đề này.

Từ vài năm nay, sản xuất tổ én vốn không mấy quan trọng lại thấy càng giảm sút, đó là do cách khai thác vụng về được đẩy mạnh và cách thực hiện không kiểm soát kỹ càng. Ông Lambert viết cho tôi rằng lần thu hoạch cuối cùng chỉ từ 2 hay 3kg tổ; và đứng trước hiện trạng này muốn gọi loại các con chim đã bị đuổi đi do sự phá hoại tổ quá lạm dụng, ông nghĩ rằng phải cấm chỉ mọi tìm kiếm và thu hoạch tổ én trong thời gian vài năm [1].

Về Hà Tiên tôi chỉ có những chỉ dẫn rất thiếu chính xác và một chứng cứ xa xưa của linh mục Gagelin [2]; ông đã viết cách đây 100 năm, một số sự kiện kỳ lạ vào dịp các chuyến du hành cần thiết cho công tác sứ đồ của ông: "Biển ở đây (bờ biển Hà Tiên) rải đầy những hòn đảo nhỏ. Tôi dừng ở một trong những đảo đáng kể nhất, gọi theo tiếng

---

[1] Các tổ ăn được ở Poulo - Condore không được xây ở trong góc, hốc đào hay đường hầm nơi có nhiều bóng tối. Trên bờ biển Đầm Trê ở phía bắc đảo, có một tường đá én biển đến làm tổ ở trên tường này. Dân đảo đến khai thác các tổ ở bên ngoài này bằng các dàn giáo dựng đứng (chỉ dẫn của ông Krempf, giám đốc sở Hải dương học Đông Dương).

[2] Thư của Ô. Gagelin, giáo sĩ tông đồ, đề ngày 27-7-1830 ở trường Trung học Nam Kỳ lục tỉnh (hạ bạn), Annales de la propagande de la Foi (Niên giám Truyền bá đức tin) T.V 1831 - 1832, tr.372.

địa phương là Hòn Rai, nơi có tổ chim nổi tiếng khắp Viễn Đông [1]".

Các bờ biển Đông Dương, miền Trung và miền Nam không phải là nơi độc quyền về tổ én: các nơi làm tổ vùng này được biết đến nhiều do được khai thác đều đặn. Tuy nhiên trong các đường hầm dài mà biển đã đào trong các núi đá vôi ở quần đảo Hạ Long người ta cũng gặp chim én biển có tổ ăn được. Đây là món hàng buôn bán của địa phương và không phải là không được quý chuộng. Riotor và Léofanti đã kể lại về các đảo này rằng: "Những người tìm tổ én gan dạ nhất tập hợp tại đây để thu hoạch hàng tháng lên đến 1 tạ Xiêm (61kg) và thu được một khoảng tiền 300francs, tương đối quan trọng đối với người dân bản xứ mà đời sống gần như cho không [2]". Chắc rằng ghi chú của tôi ở đây có thể còn nhẹ: số lượng xác định cho các lượt thu hoạch có thể được lấy theo châm chước đối với một lối khai thác có tổ chức và có lợi hơn, giá bán lại quá thấp, bởi vì theo đó thì 1 kg chỉ có 5 francs, nhưng theo ước tính, các tổ xấu nhất cũng có giá chót trên thị trường là 50 đồng (tương đương với 200francs theo giá vào thời gian của ghi chú, với 500frs theo giá hiện thời).

---

[1] *Gia định thông chí* ghi chép về bờ biển Nam Kỳ có nói đến một số địa điểm có tổ én: trước tiên nói đến các nơi khai thác ở Poulo - Condore mà sản phẩm được dâng cho vua An-nam cùng nhiều sản phẩm địa phương; tiếp theo là các hang của đảo Châu phía đông nam thành phố Hà Tiên, và các hang của những đảo lân cận: Mạnh Hoa, Út Kim, Thạch Hoa (các hang ở Thạch Hoa có tiếng là nguy hiểm), True, Phú Quốc, Thổ Châu... (Histoire et description de la Basse cochinchine - Lịch sử và miêu tả miền hạ bạn Nam Kỳ - của G.Aubaret - Paris, 1863, tr.196, 274, 275, 276, 277).

[2] L.Ristor và G.Leofanti - Le pays de la fortune (con-lang-Đong Bac) - (xứ của cải) - Paris, không niên điểm, tr. 149. Thực trạng về đời sống người bản xứ hẳn là không có mi tệ hơn hạng người này (tôi không thể giải thích cái bí ẩn của "Con lang ng Bac" mà tiêu đề phụ muốn nói).

Tôi đã tham khảo một cách chắc chắn rằng én có tổ ăn được sống ở nhiều đường hầm núi đá của vịnh Hạ Long. Ngư dân tìm chúng và dựng nhiều thang rất dài dọc bờ đá để lấy tổ. Hình như không có luật lệ hay quy định nào có thể can thiệp vào các cuộc khai thác ở Hạ Long.

V - VIỆC KHAI THÁC TỔ

Cần biết rằng từ rất lâu việc khai thác tổ én biển là sở hữu độc quyền của các nguyên thủ quốc gia ở nơi cuộc thu hoạch được thực hiện. Ở Mã Lai sản xuất tổ én thuộc quyền riêng của các hoàng đế hay các vị vương hầu; họ tự thực hiện khai thác hoặc cho trưng thuê.

Ở các xứ Ấn Độ - Hòa Lan, phần lớn các trạm được đặt dưới quyền kiểm soát của nhà nước và được trả một khoản tiền lợi tức. Phần lớn người trưng thu là người Trung Hoa.

Trong Brehm người ta đọc thấy rằng việc thu hoạch ở Java về núi đá xứ Karang Kallong do chính quyền Hòa Lan Khai thác. Ông nói rằng số người tìm tổ én lên đến 1500, làm việc với số lương rất hạ nhưng do chức vụ này của họ mà họ được miễn tạp dịch và thuế má. Và những người này sống, thực hiện việc thu hoạch dưới sự phòng vệ của một đồn nhỏ đóng ở bờ dốc gồm 25 lính gác.

Các hang ở bờ dốc Caloutara (Ceylan) được nhượng lại cho người Trung Hoa và họ trả tiền lợi tức cho chính phủ Ấn Độ. Ở Đông Dương hẳn là cũng thế từ rất lâu. Tôi không biết phải tìm kiếm ở đâu trong quá trình tìm kiếm thư tịch của tôi ở Trung Hoa và Việt Nam để gặp được một tư liệu xác định cho tôi về điều đó, từ những gì xảy ra trong quá khứ xa xưa. Để bắt đầu tìm hiểu, cần phải đến với các nhà du lịch người Âu của chúng ta.

"Chỉ có nhà vua buôn bán thứ hàng này, linh mục Borri kể, chúng (tổ én) được dành riêng cho nhà vua và số lớn hàng này được bán cho vua Trung Hoa, người rất ưa chuộng thứ này".

Gamelli Careri nói về sau bằng một cách khác rằng ở xứ Đàng Trong người ta thu hoạch tổ chim và cái này thuộc tài sản của Hoàng hậu để dành cho các món chi tiêu nhỏ. Tổ được lấy vào mùa hè, mọi thứ đều được đem bán trừ trầm hương được dành cho nhà vua [1].

Mục sư Richard đã nói về đặc quyền này của nhà vua: "các tổ này được dành riêng cho bàn ăn của nhà vua và của một vài lãnh chúa có thể tự cung cấp lấy". Và ông xác định: "nhà vua xứ Nam là dành cái thuộc về ông để bán độc quyền và đó là sản phẩm quý nhất của nước ông và việc buôn bán món hàng này cũng được bảo đảm nhất".

Tôi có một tư liệu cũ chỉ khoảng vài năm, thuộc vùng Quy Nhơn và trong đó người ta thực hiện một chuyên luận về tổ én. Tôi có phần ngạc nhiên đối với các đoạn sử nói về việc khai thác chính thức các tổ én.

---

[1] "Voyage autour du monde" (du lịch vòng quanh thế giới) dịch từ tiếng Ý của Gemelly Careri do L.M.N - Paris, 1719, (về các tiết lộ mà tác giả lấy của linh mục dòng tên Josep Cantori, người đã sống 12 năm ở Đàng Trong).

Trong bản danh mục ngắn về sản phẩm của Đàng Trong tác giả kể, nhất là hồ tiêu, xạ hương, vừng, quế và ông dừng lại ở chè (trà). "Người xứ Đàng Trong hái trong vườn họ lá của một loài cây mà họ gọi là *chè* hay *cha*, làm mập những người uống nó, và vì thế mà nhà vua cấm quân lính mình dùng".

Rồi tác giả nói rằng Đàng Trong còn sản xuất tổ én và các tổ này thuộc quyền sở hữu của Hoàng hậu để dành cho các món tiêu pha nhỏ: người ta thu hoạch chúng vào mùa hè. Dân chúng không được đem bán không chỉ trầm hương, gỗ đốt cho thơm tìm thấy từng mảnh giữa thân của một giống cây mà khi có được thì thân cây mục. Tổ yến là tài sản của hoàng hậu, còn thứ gỗ thơm này dành riêng cho nhà vua.

Người ta còn rút ra rằng: "Nhà vua thiết lập hành cung ở thành phố Champelo, ở các tỉnh Kegué hay Kehoe một ngày đường biển". (Kegué, Kehoe: Huế).

Người ta kể việc phát hiện tổ yến là do một ngư dân vùng bờ biển Quảng Ngãi thời Gia Long. Phát hiện này đã đem lại lợi tức và làm giàu người phát hiện. Đó là người sáng lập làng Yến Xã ở Quảng Nam.

Baille trong *Ký ức về An-nam* cung cấp một đoạn tự sự tương tự: "Chính vào triều Gia Long tổ én được tìm thấy và về sau trở thành một nguồn lợi cho cả một vùng. Gia Long, sử cũ nói, đã hứa bằng chiếu chỉ trọng thưởng cho những ai trong thần dân của ông phát hiện được một thực phẩm hay một thức uống của bản xứ có thể đem lại cho nền thương mãi một hướng phát triển mới. Tổ chim én, phát hiện ở vùng các đảo miền Nam Ngãi được trình lên nhà vua, trung thành với lời hứa của mình và do biết ơn, nhà vua đã ban cho người phát hiện các tước hiệu cao quý. Nhưng người này có tinh thần thực tiễn: ông ta trả lại các tước hiệu và xin nhận cho mình và con cháu độc quyền khai thác nguồn lợi này. Gia đình có đặc quyền này phải trả hằng năm bằng hiện vật cho triều đình một lợi tức đáng kể (80 livre tổ én). Mặt khác, mọi người trong gia tộc được miễn tạp dịch ở địa phương, miễn đi lính và miễn thuế thân. Lần lần họ tạo thành một đội quân từ 40 đến 50 người, trong đó có 2 người chỉ huy với chức quản và chức đội và họ đi đến thành lập gần Faifo một làng đến nay vẫn còn và lấy tên là Yến Xã (làng chim én).

Tính chất đặc biệt của việc phát hiện này dưới triều Gia Long do Baille cho biết đã được lấy lại gần đây trong thời chúng ta do L.Rictor và G.Léofanti [1] và điều đó đã được mượn lại là không còn nghi ngờ gì.

---

[1] L.Rictor và G.Léofanti - "Le pays de la fortune" (xứ sở của của cải). Không ngày, Paris, tr.147. Sự phân chia ranh giới trên văn bản của Baille ít nhất được xác nhận bằng một kiến giải khá đặc biệt cung cấp do 2 tác giả, vì họ viết: "Ông ta (người đánh cá) ở tại Quảng Nam - Ngãi" - Baille đã viết rất có lý rằng: "Các đảo của Nam Ngãi" vì ông không nói về một làng của Nam Ngãi nhưng về vùng Nam Ngãi, tập hợp các tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi".

Tôi không biết một đoạn văn nào trong tất cả hồ sơ quan trọng mà tôi có thể thu nhặt văn bản bằng chữ viết, tái tạo các sắc lệnh của triều vua hiện nay mà các chi tiết gợi lại lịch sử của người đánh cá đã được người khác nhặt nhạnh và có thể do cả Baille, về sự biến đổi thành truyền thuyết và do con cháu đã làm cho người ta tin, những gì đã được xem là riêng của gia đình.

Trước triều Gia Long, được biết rằng các người lo việc thu hoạch tổ yến ở các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa và Hà Tiên, mỗi người hằng năm phải trả một lợi tức 10 lượng tổ yến, nhưng những người này được miễn sưu dịch.

Các đợt thu hoạch tổ én trong các tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh được đóng thuế cho triều đình theo số lượng.

Các sắc lệnh sau đây chọn trong tổng số, cho thấy một cách chính xác nhất các hoàn cảnh lịch sử và giá trị mà triều đình ấn định cho việc khai thác.

Năm Gia Long thứ tư (1805) nhà vua ra lệnh cho tỉnh Quảng Nam lập một đội săn tổ én, họ phải được chiêu mộ trong số không đăng ký. Mỗi một đơn vị được đánh thuế hằng năm bằng một lợi tức 8 lượng tổ én, nhưng được miễn sưu, dịch.

Một sắc lệnh năm Gia Long thứ sáu (1807) xác định rằng tất cả đảo và núi đá nơi có én biển làm tổ đều bị cấm [1] và những ai được phép thu hoạch ở các đảo này phải chịu các trách nhiệm và thuế lợi tức. Tuy nhiên nếu những ai thử làm không được phép nhà nước, sẽ phải chịu trách nhiệm về sự phạm pháp của họ.

Vào năm thứ 17 triều Gia Long (1818), tỉnh Quảng Nam trình lên nhà vua: "Hồ Văn Hòa (một người Quảng Nam) [2]

---

[1] Cấm chỉ bảo vệ về hình thức, sự cấm đoán, các cấm lệnh về địa điểm.

[2] Nói về người chủ gia đình mà Baille đã đề cập về một thứ tài sản riêng được ban.

đã trình bày bản thỉnh cầu ghi rằng toán săn tổ én của ông hiện gồm 10 người, nhưng có thể nhận thêm đến 18 người không đăng ký mới. Ông ta xin thành lập từ đây hai toán để thu hoạch tổ trong tỉnh". Vua Gia Long chấp nhận và thế là người tên Hồ Văn Hòa được phép thành lập hai nhóm người săn tổ én, dự kiến các trách nhiệm về phần ông đối với việc này là: ông được ấn định đối với mỗi một trong số 38 người để lập hai toán và phải nộp một số lợi tức 8 lượng tổ. Còn về tiền thuế tổ mà chính người tên Hòa này khai thác trong trấn Bình Hòa được đánh theo từng gói 4 cân và được lấy trước khi thu hoạch (năm Gia Long 18, 1819).

Minh Mạng đổi cái tên "yến sào" thành "yến hộ" và người trưng én Hồ Văn Hòa giữ chức hộ trưởng (năm Minh Mạng thứ nhất, 1820).

Người tên Hồ Văn Hòa được xác nhận lần nữa trong các quyền được nhận và các bổn phận của ông bằng một sắc lệnh ngắn năm thứ 2 triều Minh Mạng (1821).

Năm 1822, lãi suất mới do triều đình Việt Nam lập đối với các đợt thu hoạch tổ én và các toán được quy định. Lần này nói về thuyền bè dự phần vào các cuộc tìm kiếm. Như thế dự trù cho một toán 40 người được dùng 12 thuyền; 30 người có thể xếp 8 thuyền, 20 người 5 thuyền và 10 người 2 thuyền. Nhưng để chăm sóc thêm đối với những người này cũng như để tăng cường bảo đảm an toàn cho họ, người ta quy định dung lượng độ sâu của thuyền là 5 thước hay 6 thước 9 phân, đó là dung lượng thông thường. Các quan sở tại phải bảo đảm những điều đã ghi và kiểm tra sổ các thuyền mà người ta gọi là "yến hộ thuyền". Lợi tức phải nộp, thực hiện theo lệ thường, nhưng 10 người phụ của các ngạch số cũ được miễn tạp dịch và ấn định về thuế má thông thường.

Vào năm thứ 9 triều Minh Mạng (1828), một sắc lệnh ra cho tỉnh Bình Định về việc trưng thuê tổ én và về quy chế các toán săn tìm tổ én. Sắc lệnh này nói về người trưng én của Quảng Nam, Hồ Văn Hòa, được ủy thác làm giám thị và đại diện trả thuế các lợi tức khai thác.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) một sắc lệnh cho tỉnh Phiên An và tỉnh Hà Tiên thu hoạch tổ én mỗi năm với lợi tức phải nộp là 7 cân. Hai tỉnh này có nhiệm vụ chiêu mộ 30 người để lập một toán và phải trả thuế 10 cân tổ én.

Sau 3 năm, khi những người này đã thành thạo trong nghề phải nộp 20 cân tổ cho lợi tức phải nộp.

Tuy nhiên việc chiêu mộ người không phải luôn thuận lợi, vì thế trong trường hợp thiếu một bàn tay biết tập hợp, các tỉnh được tự do bảo đảm thu hoạch theo phương thức cũ.

Năm 1834 (Minh Mạng thứ 15), ra lệnh cho các người thu hoạch không ràng buộc với nhà nước bằng thứ thuế 10 lượng tổ én. Đó là nói về cơ hội của tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Bình Định. Các quan địa phương lo thu nhập tổ ấn định cho các nhóm (yến hộ) [1], Hồ Văn Hòa là người cai quản tất cả các yến hộ.

---

[1] Theo bác sĩ Hocquard, hình như các yến hộ này được sử dụng trực tiếp do nhà vua An-nam cho những nhu cầu ẩm thực của ông với cùng danh hiệu mà nhiều nhóm khác được điều hành với mục đích tương tự. Các chỉ dẫn do Hocquard cung cấp là thiếu chính xác trong từng phần hoặc được kể lại không chính xác:

"Việc ăn uống của nhà vua được quy định tỉ mỉ theo nghi thức, và quy tụ rất đông người để phục vụ một nhân vật; ít có vua nào ở Âu Châu có được một dịch vụ phục vụ cái miệng được thực hiện như của hoàng đế An-nam. Ngoài hàng trăm đầu bếp mà tôi vừa nói, còn có một đội quân trăm người, các "vong - tranh" [1], do một đội trưởng chỉ huy các nhiệm vụ cung cấp cho bàn ăn nhà vua thịt thú rừng (hươu nai). Một đội khác với 50 người, các võ bị viện, săn bằng nỏ hay cung cấp các giống chim cần có trong

Nên thấy trước rằng tổ yến là một thứ quý giá, người dân không được quyền dùng. Vì thế khi số lợi tức phải nộp đã được thu nhận, những gì còn lại được tập trung, dù ít dù nhiều, xấu hay tốt, tất cả đều phải bán cho nhà nước rồi sẽ được trả theo giá thị trường. Nhưng nếu tổ được bán trực tiếp cho những người đặc biệt trong nước hay ngoại quốc, thì người bán lẫn người mua bị theo dõi và trừng phạt một cách nghiêm khắc.

Như thế vào năm Minh Mạng thứ 18, người ta đã ấn định bán loại tổ xấu với giá 20 quan một cân, trong khi tổ xấu hơn như loại tổ đen được nhượng với giá 10 quan. Giá cả bán buôn này là ở Quảng Nam.

Hai năm sau, cũng trong tỉnh này, người ta định 40 quan một cân tổ loại tốt, loại trung bình 20 quan và loại dưới nữa 10 quan. Tất cả những giá cả bán mua này được điều chỉnh do chính các quan địa phương.

Vào năm thứ 20 triều Minh Mạng người ta ra lệnh cho một người tên Trần Văn Chung thuộc làng Hà Châu tỉnh Hà Tiên chiêu mộ 15 người. Trong số dân không đăng ký, để thu hoạch tổ én, các quy định bắt buộc được thiết lập theo chế độ áp dụng cho "yến hộ" ở Quảng Nam. Người ta ghi lại cả 5 người dân đã đăng ký muốn được mộ vào các toán và họ được thu nhận theo các điều kiện thông thường.

---

thực đơn của nhà vua; trên bờ biển và ở các hải đảo kế cận bờ biển An-nam, các toán cung cấp khác lo việc đánh cá và tìm tổ yến để phục vụ triều đình; các yến hộ, những người cung cấp tổ yến và các "ngư hộ", người đánh cá, lập thành từng toán 50 người; cuối cùng là 50 người giúp việc khác, các "thượng trà viện" dành riêng cho việc phục vụ trà - bác sĩ Hocquard, "Trente mois au tonkin" in: Le tours du monde (chuyến đi vòng quanh thế giới) 1891 - 1er - lục cá nguyệt, tr.351 - 352.

Vào năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) hình như các điều kiện của việc bán tổ én đã được cải thiện đối với các toán "yến hộ", Hồ Văn Hòa luôn ở Quảng Nam và điều hành các cuộc thu hoạch. Ông ta cho bán 6 lượng loại tốt với giá 50 quan một cân, 07 cân loại trung bình với giá 30 quan; 1 cân 2 lượng loại xấu được cho đấu với giá rút xuống 15 quan. Quan tỉnh [1] xác nhận sự chân thật của việc bán.

Vào thời kỳ này các yến hộ ở Quảng Nam gồm có 110 người khai thác, mỗi yến hộ bảo đảm một lợi tức phải nộp = 10 lượng tổ. Hồ Văn Hòa lo việc điều hành các toán và các cuộc chiêu mộ, không kể việc giám thị tổ từ Quảng Nam đến Khánh Hòa.

Năm Đồng Khánh thứ nhất, một sắc lệnh nhà vua cho phép Hồ Văn Phú giữ chức trưng thu khai thác trong vòng 3 năm không đứt quãng với tiền thưởng công hàng năm là 10.125 quan tiền.

Nhưng vào thời kỳ này có các cuộc nổi loạn quan trọng, việc khai thác tạm thời đình chỉ. Trong suốt năm Đồng Khánh thứ hai, việc trưng thu tổ én ở Khánh Hòa qua tay một người tên là Đào Văn Đụn, người này đã nộp một số lợi tức hàng năm 60 lượng tổ én, trong khi việc khai thác ở tỉnh Bình Định và Quảng Nam đang được tranh cãi giữa các người trưng thu: Hồ Văn Phú, Hồ Văn Tân (cháu Hồ Văn Hòa), Đào Tịnh Viên (người gốc Bình Định) và Hứa Xang Ký (thương gia Trung Hoa ở Quảng Nam). Sau Hứa Xang Ký được độc quyền khai thác, trung bình hằng năm nộp 16.000 quan tiền lợi tức.

Nhưng năm thứ tư triều Thành Thái, Hồ Văn Phú và Hồ Văn Khai (cháu Hồ Văn Hòa) lại trở thành người trưng thu khai thác của cả 3 tỉnh.

---

[1] Quan tỉnh: chỉ nhóm các quan trong tỉnh.

Từ đó toàn bộ việc khai thác tổ én và thu thuế ủy thác c. tòa khâm sứ Quảng Nam.

Như vậy từ thời Gia Long (gián đoạn một thời gian 5 năm) việc khai thác tổ én là một thứ thái ấp (tài sản riêng) được chấp nhận theo nguyên nhân ban đầu không mấy chính xác và thiết định bởi các phê chuẩn kế tiếp hình thành qua nhiều năm như một phương thức hợp thức hóa truyền thống.

Một gia đình có được những lợi tức chắc chắn mà không chịu thuế. Việc cho trưng thu và đóng thuế ở một người Trung Hoa để khởi các sự bảo trợ về phía gia đình này, họ đã thử phục hồi các quyền hạn thuộc một đặc quyền được thiết lập duy nhất do một sắc phong của ông tổ tên Hòa trong thời kỳ tại chức (1879).

Một thương gia Trung Hoa giàu có ở Faifo tên Tôn Xương Ký, bang Hải Nam, trưng khai trong 10 năm (1910 đến 1920) với số tiền 15.600$00 hằng năm cho 3 tỉnh (Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa).

Từ năm Khải Định thứ 5 đến nay (1930) bộ Tài chánh đã cho trưng thu và nhận thuế trưng thu hằng năm vào tháng tư âm lịch, với một số lượng 10kg tổ én qua trung gian của tòa khâm sứ để nộp cho tòa khâm sứ và triều đình. Chính cũng vẫn là gia đình Trung Hoa được độc quyền cho trưng tổ én ở Trung Kỳ. Thế cũng tốt cho lợi ích của khế ước trưng thu và lợi ích của các đoàn én biển ở bờ biển nơi đây.

Nhưng các điều kiện của khế ước trưng thuê đã thay đổi, sự cạnh tranh tăng thêm vào dịp cho trưng thuê lần cuối. Tiền trưng thuê đã lên đến 24.000đ. Người trưng cũ được xét khai thác với người được cấp giấy trưng thu.

Không thể ấn định được hiệu suất của các hang ở bờ biển. Chúng ta không biết trọng lượng tổ lấy được tại chỗ, chuyển

qua các địa điểm của nhà buôn hay về trung tâm Faifo. Do đó chúng ta không biết được giá trị tổng quát.

Với bí mật của Trung Hoa, cái bí mật trong buôn bán, chúng ta cần đối chiếu các con số được biết về tiền thu lợi tức với các con số mà chúng ta có thể nghi ngờ về các món tiền (khế ước của người trung gian, tiền chi tổng quát cho việc bảo toàn, tiền canh gác, chở thuyền, khai thác) và chúng ta có thể sẽ bắt gặp được ở một ghi chép bên lề một món tiền gây tai tiếng về chất liệu được khai thác [1].

VI - THU HOẠCH TỔ

Các đoạn tự sự của những tác giả Trung Hoa ghi lại những khó khăn trong việc tìm tổ ở các đường hầm tối tăm, rất khó vào, được đào trên thành đá cao ở những bờ dốc nơi én biển lui tới.

Sách Nhai Châu nói rằng: "Muốn lấy được tổ én thường phải trang bị đuốc. Việc thu hoạch rất nguy hiểm, thường xảy

---

[1] Tiền chi tiêu tổng quát cho việc khai thác khá quan trọng. Tôi xin trích ở đây tiền dùng cho một lần thuê của các trạm - chỉ lấy ở Quy Nhơn - theo một bản tường trình hành chánh năm 1891. Người Trung Hoa đứng thuê là Xang Ký hiện ở Đà Nẵng.

1. Nhân viên Trung Hoa dùng cho việc khai thác: 25 người với lương hàng tháng 13đ50/người - 4050đ/1 năm.

2. Toán chèo thuyền Việt Nam - 7 người + 40 người tạp dịch lương tổng quát hàng tháng 1.440đ - 1440đ/năm.

3. Tiền thuê 7 thuyền dùng để giám sát: 40 quan mỗi người một tháng - 336đ/năm.

Tổng cộng tiền chi tiêu - 5.826đ.

Tiền thuế ở Bình Định thời gian này là 16.000 quan tiền.

Tuy vậy việc trả thuế như thế vẫn còn có lợi vì các làng lân cận các hang yến và một người trưng thu cả (Đào Tịnh Viên xin được trả cao hơn để thầu. Đào Tịnh Viên đề nghị trả 22.000 quan tiền).

ra cho các người thợ được thuê để tìm tổ, hoặc đui mắt hoặc chết vì tai nạn", Dư Khách Thoại, Tòng Cật Phương và Bá Ngữ Dư đều nói về những khó khăn trong việc thu hoạch vì tổ xây ở chỗ quá cao, thách đố con người đạt đến. Các tác giả cuối cùng này và những tác giả Trung Hoa khác như Nguyễn Quỳ, Sanh Trà, Hứa Thanh Nham kể gần giống nhau cuộc phiêu lưu kỳ lạ của một người săn tổ én và tài tổ chức khôn khéo để thu hoạch dễ dàng tránh mọi hiểm nguy.

"Một người đánh cá có một con khỉ khôn như người. Ông ta đắp vào thân khỉ một tấm vải rộng và đem con vật trang phục như thế đến một đảo có tổ én, ở đó ông ta tập cho con vật hái và đem về tổ én. Ông ta mang theo một cái túi đầy trái cây mà con khỉ của ông ưa thích; ông mang theo thức ăn cá nhân trong vòng 2, 3 ngày. Tổ én do con khỉ thu hoạch người ta nói là thuộc Chiêm địa [1].

Các người đánh cá khác học cách mà người chủ của con khỉ đã làm và thử thay thế ông ta bằng cách đến trước ông này và cho con khỉ các trái cây mà nó ưa thích. Nhưng con khỉ từ chối sự khuyến dụ của họ và cởi áo để trở về với chủ mình đem theo vật thu hoạch của mình.

*
* *

Sự miêu tả các cuộc thám hiểm nguy hiểm này hình như đạt cảm xúc tối đa đối với các cuộc thám hiểm thực hiện ở các hang miền nam Java mà một vài hang đường vào là các dốc dựng đứng, muốn vào đó phải có những người trẻ tuổi đã được huấn luyện.

---

[1] Cuộc phiêu lưu như vậy diễn ra ở trên bờ biển Việt Nam chúng ta. Chiêm địa là đất của người Chàm, bao gồm toàn bộ đất Đàng Trong và gồm các địa điểm, những địa điểm Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, các đảo thuộc những tỉnh này.

"Lối vào, Crawfurd nói, thường chỉ có thể do một đường dốc thẳng góc dài vài trăm bộ, vượt qua nó chỉ có thể bằng thang tre hay mây, ở trên một mặt biển sóng va vào đá vỡ tung và gầm thét hung bạo. Lối vào hang là dấu vết nguy hiểm của sự thâm nhập, đuốc ở tay, trong những nơi lồi lõm của thành đá, ở đó một cái trượt nhẹ cũng trở thành tàn nhẫn đối với những người phiêu lưu; họ chỉ thấy phía dưới là những ngọn sóng sẵn sàng nhận chìm họ".

Borri đã nói đến "các tổ én móc ở đá ngầm và các bờ đá nơi sóng biển gãy đổ". Barrow hơn một trăm năm sau nói đến các điều kiện nguy hiểm của việc lấy các tổ này ở các hang động của vài núi đá vôi ở những quận của Caloppanogal và Sampia; chúng (chim) sống trong các hang động của một vài núi đá vôi. Người ta lấy tổ của chúng ở đó với nhiều hiểm nguy và cực nhọc".

Chính về việc thu hoạch tổ ở Java mà cô Selleger đã gởi trong số các chỉ dẫn tốt cô đã thu nhặt theo ý kiến của tôi, đoạn tự sự đẹp đẽ và cảm động mà tôi sung sướng xin cung cấp ở đây:

"Người ta tìm thấy chúng trên khắp quần đảo, nhưng các địa điểm nổi tiếng nhất và được biết đến nhiều nhất là Rongkob (tỉnh Djokakjarta) và Karang Bolong (tỉnh Kedoe). Én biển xây tổ trong các hang và đường nứt mà lối vào vô cùng khó khăn, đường vào phần lớn thời gian là ở dưới nước. Hoạt động của biển vô cùng hung bạo ở bờ biển phía nam này, rất lồi lõm, lởm chởm và các núi đá có dốc dựng đứng lổ chổ những hang động. Đó là nơi ưa thích của các con én biển, nhưng ngay cả ở các chỗ trú ẩn không thể vào, người bản xứ cũng vào được để lấy cắp các tổ ăn được của chúng. Với phương tiện của những chiếc thang bằng mây dài từ 80m đến 100m, chỉ đính vào chóp núi đá theo cách thế nào cho thang

đong đưa tự do trước gió biển, và họ quyết định thực hiện cuộc leo xuống nguy hiểm. Khi đến đáy họ đợi khoảnh khắc phù du giữa hai đợt sóng đánh vào và chúng rất lớn ở phía này, để mau chóng ra khỏi những cái lỗ tối tăm này. Công việc thật quá nguy hiểm, song họ chỉ được các chủ thầu, thường là người Trung Hoa, trả công rất kém".

Đôi khi, trên một vài địa điểm ở các đảo thuộc quần đảo Mã Lai, người ta vào các đường hầm và hang động nhờ các thuyền độc mộc: phương thức khai thác tùy theo sự sắp đặt của địa điểm. Tuy nhiên trên bờ biển phía nam của Java, cập bờ các hang én theo đường biển là rất gan dạ: thuyền bè thử đến các bờ dốc đã được khám phá thuộc vùng này khó tránh bị nát vụn do đá ngầm và bị mang đi bởi các làn sóng khổng lồ của một vùng biển luôn biến động. Cuộc leo xuống theo đường các sợi dây lớn ít nguy hiểm hơn.

Việc thu hoạch tổ được tổ chức thực hiện khắp nơi với nguy hiểm tối đa khi công việc được tiến hành trong các hang cao đến ngợp ở bờ biển Java hay trong các đảo ở biển Trung Hoa hoặc trên các bờ múi nhọn của những dốc đứng lớn như những dốc mà người ta gặp ở Poulou-Condore [1].

*
* *

---

[1] Theo Baille, việc thu hoạch được thực hiện theo cách gần như tự nhiên, nhưng cũng khó nhọc và nguy hiểm:

"Việc thu hoạch tổ, vào 3 thời kỳ trong năm, được tiến hành theo phương thức vừa ngoạn mục vừa rất đơn giản. Người ta đóng vào các chỗ lồi lõm của bờ đá các cọc tre làm thành các bậc của một cái thang vô tận. Các người phu trèo lần lên cho đến đỉnh, họ cẩn thận gỡ các tổ én dán vào thành đá với một con dao. Phía dưới, một ông đội hay một người thuộc gia đình đã được phép trưng khai tổ én, đứng giám sát với con mắt lo sợ và nghi ngờ, sợ bị lấy trộm vài mảnh sản phẩm quý giá kia. Việc lấy tổ mặt khác đầy hiểm nguy, hằng năm có vài người phải trả giá bằng chính mạng sống của họ". (Baille, sách đã dẫn).

Cái nghề cực nhọc của người tìm tổ én, đòi hỏi một lòng dũng cảm, bình tĩnh và một sự khéo léo lớn và nó cũng đòi hỏi hiểu biết đặc biệt và sâu rộng về thói quen của chim én và các điều kiện trong việc làm tổ. Việc dùng một vài người săn tổ én có hành động thiếu suy nghĩ đối với các loại tổ và vào mọi thời kỳ sẽ làm hại các trạm khai thác, nếu không là vĩnh viễn, ít nhất trong một thời gian dài.

Một bản tường trình của Tòa khâm sứ Nha Trang giải thích vào năm 1902 rằng những người lãnh trưng tổ én gần đây không phán đoán để lưu giữ các người giúp việc cũ đã thạo việc, do đó việc canh giữ đã bị sai lệch. Chim không còn được bảo vệ chống lại các yếu tố thù nghịch và các đợt thu hoạch được hướng dẫn sai lầm hoặc thực hiện ngoan cố đã dẫn đến một sự phá hoại thực sự làm cho chim bỏ đi một thời gian vì sự tàn phá quá tuyệt đối của các đợt khổ dịch [1].

Chúng tôi đã nói rằng chính quyền ở Poulo-Condor với mục đích duy nhất để có được một đợt tái thu hoạch có lợi trong sản xuất tổ én tại các núi đá ở bờ biển đó có lệnh cấm thu hoạch trong một thời gian.

Việc trưng thuê tổ én kể về mặt thời gian có lợi rõ khi bảo vệ chim và lứa chim non với hy vọng có thêm lợi tức cho mọi người trưng thuê. Cũng vì thế mà các người canh én và săn tổ phải được trang bị cả một khoa học do quan sát lâu dài và cái trường học gian khổ do tiếp xúc với những người đi trước là những mẫn cảm duy nhất đã đem lại cho họ. Đồng thời họ

---

[1] Cũng vào thời kỳ này, chính quyền Bình Định than phiền về sự phá hoại các trạm én do lòng tham của những chủ thầu trưng khai khi thời kỳ trưng khai đã gần hết hạn, họ không lo lắng và thiếu chăm sóc đối với các đợt thu hoạch tương lai. Bản tường trình cho phép triển hạn kể từ ngày của lần trưng khai đầu tiên với một đơn xin triển hạn.

phải tránh xa tật ăn cắp vặt, không những làm mất hy vọng về một mối lợi đồng thời gây hại bằng cách làm kiệt quệ một nơi trú ẩn do các hành động tàn bạo; họ còn phải biết rằng một vài giống chim khác sống ăn bám ở đó, và ở một vài miền biển (Nha Trang) người ta kể rằng các con sa yến (martinet) đến chiếm tổ đã làm sẵn và đuổi đi con chim chủ.

Nhưng các người canh gác và săn tổ trước hết phải lưu ý đến các giai đoạn của tổ, thời kỳ ấp trứng và số phận của lứa chim con.

Bản tường trình của Williams đã cho biết rằng các hang én sản xuất đến vô tận khi nó không bị sụp đổ, tiêu trầm. Đó là một sự thực của trật tự thiên nhiên, nhưng với điều đó người ta phải cố gắng sắp xếp hợp lý và cũng chính vì thế người ta phải rút kinh nghiệm về việc chọn lựa tổ và các thời gian thu hoạch. Ở quần đảo Mã Lai người ta đã viết rằng tổ được lấy vào tháng tư, tháng tám và tháng mười hai. Poivre, trong cuộc du hành năm 1714, đã ghi rằng "chính là vào cuối tháng bảy, đầu tháng tám người dân Đàng Trong đi đến các đảo quanh bờ biển, nhất là các đảo làm thành quần đảo nhỏ của họ, cách đất liền khoảng 20 dặm để tìm tổ của các con én nhỏ bé". Các điều kiện về việc thu hoạch được sắp đặt tốt do được hiểu thấu đáo, đã bị đổi thay từ thời Poivre, ít nhất là đối với các trạm ở bờ biển Trung Kỳ (An-nam).

Ta hãy khảo sát 3 thời kỳ thu hoạch:

1. *Thời kỳ thứ nhất*: Thời kỳ này ở vào tháng 3 âm lịch (tháng 4 - tháng 5 dương lịch). Người ta nhận thấy én chỉ bắt đầu chuẩn bị tổ của nó trong một thời gian 15 ngày sau ngày đông chí, đó là tháng 11 âm lịch. Người ta nói rằng khi có gió bắc, công tác tiến triển nhanh bởi vì các điều kiện trong hang tốt nhất vào lúc này và tổ khô nhanh hơn. Việc chuẩn bị tổ

trong thời kỳ đầu tiên này mất gần 70 ngày. Sau đó con mái đẻ trứng, trung bình là 2 trứng.

Mười ngày sau khi đẻ trứng, người ta thực hiện thu hoạch, tổ hái bằng tay, những người kiếm tổ chỉ trang bị bằng một cái túi và đôi khi thêm một ngọn đuốc ở các góc tối. Trứng lấy được trong tổ trở thành thực phẩm tại chỗ.

2. *Thời kỳ thứ hai* (cuối tháng tư âm lịch):

Các tổ thời kỳ thứ hai được bắt đầu xây khoảng 7 ngày sau đợt thu hoạch thứ nhất. Việc xây tổ kéo dài 40 ngày. Con mái đẻ trứng và ấp; 10 ngày sau con người can thiệp. Các tổ này thuộc hạng hai.

3. *Thời kỳ thứ ba* (giữa tháng 6 âm lịch: tháng 7 - 8 dương lịch):

Bảy ngày sau khi các tổ biến mất lần thu hoạch thứ hai, én biển bắt đầu lại một tổ mới. Công việc thực hiện trong 40 ngày. Nhưng chim vì cố gắng nhiều lần trong việc xây tổ tỏ ra mệt mỏi và tổ thời kỳ này vì thế nhỏ và mỏng hơn. Người ta thu hoạch 10 ngày sau khi chim đẻ trứng, việc đẻ trứng được thực hiện ngay sau khi làm tổ xong.

Tổ của đợt thu hoạch cuối cùng này màu vàng, có dính một số lông nhiều hơn lần trước, chúng cũng vấy phân, vì vào thời kỳ thứ ba này người ta bắt gặp trong tổ một số chim con đủ mạnh và đủ lông ít nhất cũng đủ lông tơ [1].

Tuy nhiên không thể không nghĩ đến việc tái tạo dân số và bảo tồn giống chim, nếu không trạm sẽ nhanh chóng bị bỏ

---

[1] Các chỉ dẫn về việc thu hoạch đã được tóm lược khá đủ trong những dòng này là mượn ở một quyển sách Trung Hoa:

"Tổ mùa xuân màu trắng, tổ mùa hè vàng, nhưng người tự cấm lấy tổ mùa thu và mùa đông, vì trong các mùa cực nhọc này tổ được dành cho én, vì chúng thường chết cóng". (Sách Lãnh Nam).

rơi và sẽ thấy chất lượng tổ giảm sút theo cùng số lượng. Người ta cần phải thấy trước, như thế rất có lý rằng cứ 2 năm một, đợt thu hoạch thứ ba được đẩy lùi đến cái hạn 100 ngày. Những con én biển trẻ hoàn toàn đủ lông và cánh của chúng đủ cứng để chim có thể đối đầu với đột kích của gió trong các đường hầm hoặc các ngọn gió xoáy ở vùng lân cận đảo, không cần sự nâng đỡ của mẹ chúng để đi tìm mồi nuôi sống.

Như thế nếu sự cẩn thận này bỏ sót, người ta biết ngay điều nguy hiểm. Những kẻ sản xuất tổ, các con én già, kiệt sức vì các công việc vô ích cho chúng, cần được thay thế bằng những con trẻ và tràn trề sinh lực.

* *Việc làm sạch sơ khởi tổ sau khi khai thác.*

Dù tổ én thu hoạch được thuộc loại chất lượng nào, cũng phải thấy rằng phần lớn đều chứa đựng vài vật không tinh khiết, vài vết bẩn, lông hoặc phân, mà các thành phần có thể được đưa vào các lỗ của mạng lưới tổ. Một cuộc khảo sát đầu tiên có thể thực hiện tại nơi trú ẩn của người canh én đối với các tổ mới hái còn tươi. Nhưng tầm quan trọng hơn cả trong loại công việc này được thực hiện ở nhà người trưng én, nơi tổ thấy có nhiều điều đau lòng, những điều khó chịu nhất, như trứng hay chim con và cả chim mẹ đã chết trong tổ.

Tôi đã thấy khảo sát tổ ở tàng lầu nhà Quảng Phước Xương ở Faifo. Một nhóm người làm công Việt Nam, ngồi xổm theo cách của họ thành vòng tròn chung quanh một đống tổ én (cả một gia tài) do một chuyến thu hoạch mới đây ở Cù lao Chàm đem lại. Với các dụng cụ nhỏ bằng tre hay sắt, kim hay móc, họ tìm tận đáy các mắt lưới của tổ, váy, móc ra không để bỏ sót các phế vật thấy được.

Nhưng thủ thuật đầu tiên này không đủ xác nhận giá trị của tổ trong việc tiêu thụ.

Bản du ký của Haussmann cho nghe về một lần chuẩn bị đợt hai thực hiện ở chỗ bán, do những người làm công đặc biệt.

"Trước khi xuất hiện, tác giả nói, dưới hình thức các món cháo thơm ngon trên bàn ăn của những người giàu có, các ông quan, chúng (tổ én) qua rất nhiều sự chuẩn bị. Trước hết người ta sấy khô chúng hoàn toàn trước khi gởi sang Trung Hoa. Đến xứ này chúng được đưa vào tay một hạng người chuyên nghề ráy tổ én và họ lấy ra một cách tỉ mỉ bằng những cái móc nhỏ tất cả những gì không tinh khiết cho đến khi tổ chỉ là một khối trắng mờ và dễ vỡ, khá giống với keo để khô [1].

Chúng ta sẽ thấy về sau sự chuẩn bị cuối cùng của việc làm sạch tổ trong phép nấu ăn Việt Nam.

VII - CÁC LOẠI TỔ ÉN

Ở mọi thời người ta phân biệt các loại khác nhau với giá trị khác biệt giữa các thứ tổ én. Sách Trung Hoa nói về chuyện đó như sau:

Sách Yến sơ thể nói: có 3 thứ tổ én - tổ đen, tổ trắng và tổ đỏ. Người ta ăn tổ đen, nhưng tổ trắng được ưa chuộng hơn, tổ đỏ cũng thế và loại này rất hiếm. Các tổ én đỏ được dùng như các thứ thuốc chống các chứng ho, và các bệnh ho lao. Tổ trắng cũng có công dụng của chúng và rất công hiệu trong các trường hợp bị đàm (đàm bệnh).

Sách Lĩnh Nam tạp ký giải thích các khác nhau của tổ: "Tổ mà người ta lấy vào mùa xuân hoàn toàn trắng, tổ lấy vào mùa hè màu vàng. Đối với các tổ xây vào mùa thu, mùa đông

---

[1] Auguste Haussmann - "Voyage en Chine, Cochinchine, Inde et Malaisie (1844 - 1845 - 1846)" (Cuộc du hành ở Trung Hoa, Đàng Trong, Ấn Độ và Mã Lai) - tập III, phần thứ hai - Paris, 1848.

người ta không hái vì thiếu các tổ này lứa chim non và chim chết cóng".

Sách Hương tổ bút nói về các tổ đỏ với các giá trị lớn (yến huyết sào). Sách Hoạn du bút ký cũng nói như thế về các tổ này và các tổ đen ít được ưa.

Ở Trung Hoa người ta kể tên các "Nam yến sào" (tổ én ở An Nam) với các loại rất rõ ràng và được ưa chuộng của Hội An yến sào (tổ ở Faifo) [1].

Ta sẽ nói, nhất là về loại tổ yến huyết, về loại này ta sẽ gặp các giải thích đáng ngờ, như điều liên hệ hình thức này với lứa phế lao ở các con én khạc ra máu, hoặc như điều cho rằng có thể truy tìm nguyên do ở các kích thích của túi dạ dày. Thật là đơn giản để thấy trong đặc điểm này của việc làm tổ, sự thúc đẩy quá nhanh của một thứ nước bọt được làm đặc lại và phun ra với niêm dịch của trên nó từ túi tuyến, tế bào thượng bì (épithélium) bị lôi bật xa khi bơi vào bờ đá, tạo ra dưới các vết thương bị kích thích một ít máu từ các xuất huyết đó.

Dù thế nào, tổ én từ lâu ở Trung Hoa đã được chỉ danh hoặc là theo lý lẽ về nguồn gốc của nó, hoặc là theo thời kỳ thu hoạch hay là theo trạng huống của chúng. Người ta thích nói rằng người Trung Hoa, thuộc hạng sành ăn bậc thầy, phán đoán tổ én theo một loạt 15 tính chất, đánh giá mỗi một loại với những giá khác nhau.

Haussmann [2], nói về cách đánh giá tổ én đã ghi: "Có lẽ không có món hàng nào ở Trung Hoa được chia thành nhiều

---

[1] Hội An: tên của một trong các nhóm ở Faifo - do sự quan trọng của nó đôi khi dùng cho toàn bộ.

[2] A.Haussmann, du hành ở Trung Hoa Nam Hà, Ấn Độ và Mã Lai trong các năm 1844 - 1845 - 1846 - tập III, phần II, Thương mãi của Trung Hoa - Paris, 1848.

hạng bằng tổ én. Loại được ưa thích nhất là các tổ chỉ chứa đựng chim non vừa phủ lông tơ; ít được ưa hơn là tổ khi chim non đã có lông vũ, chúng được xếp vào loại dưới. Khi chúng chỉ đựng trứng, chúng được xem như thuộc hạng trung gian. Loại xấu nhất là loại lấy xuống sau khi chim con đã bay khỏi, chúng chứa đầy phân và lông, chúng có màu tối hơn các loại khác".

Vả lại điều thông báo này khá tổng quát.

Một thiên nghiên cứu đăng trong Revue Indochinoise (Tạp chí Đông Dương) năm 1900 [1] xác định sự phân loại thương mãi của tổ én: "Loại kouan - yến - tổ quan - loại tinh khiết nhất, trắng nhất; loại tchang - yến - tổ thường, loại mao yến (tổ có lông, các tổ không được làm sạch). Mỗi hạng còn chia làm nhiều thứ. Milburn thiết lập theo cách Mã Lai: "Tổ được xếp hạng đầu, những tổ trắng hơn hết; belly, sạch nhưng có màu hơi vàng hay hơi đen; chân (foot) bẩn và đen".

Cùng một cách xếp loại, người ta tìm thấy trong một bản tường trình cũ của Williams [2]. Nhưng bản tường trình này xác định giá trị của các hạng và sau khi đã chỉ định 3 mức độ đánh giá (quan yến: tổ trắng; tchang yến: tổ thường; mao yến: tổ có lông) đem lại xác nhận khác: "Tính chất tổ én thay đổi theo vị trí và chiều dài của hang từ đó tổ được lấy ra, và theo thời gian mà nó được hái. Mẫu tốt gồm tổ mà người ta lấy trước khi chim con chưa bay, nếu chúng chỉ chứa trứng, chúng vẫn còn có giá trị; nhưng nếu chim con còn ở trong tổ hay đã rời khỏi, chúng không còn ưa chuộng nữa bởi lẽ màu đen của chúng trộn lẫn máu, lông và phân [3] ".

---

[1] "Les nids de Salanganes (Tổ én biển) - Revue Indochinoise - N°85 - 4-6-1900, tr437 (không có tên tác giả).

[2] Trích dẫn do Soubeiran và Dabry de Thiersant "La matière médicale chez les Chinois (Chất liệu y dược của người Trung Hoa) - Paris, 1874, tr.57.

[3] Quan niệm chung tóm lược như sau: loại tổ tốt nhất là tổ chứa chim còn nhỏ, tổ chim con đã có lông là tổ chứa chim còn nhỏ, tổ chim con đã có lông là tổ hạng kém. Tổ đã bị bỏ không còn giá trị gì.

Giới buôn bán tổ én ở Faifo phân loại chúng theo 3 hạng:

- Quan yến: đó là các tổ hạng nhất, chúng trắng một cách hoàn hảo, dày và lớn. Tên của chúng có nghĩa là tổ én của quan.

- Thiên tự yến: Chúng có cùng kích thước với loại quan yến nhưng ít trắng hơn (có nghĩa: tổ én của chữ thiên: trời).

- Địa tự yến: Đó là hạng thứ ba. Tổ có màu gần như vàng, chúng kém dày và nhỏ hơn về kích thước các loại trước. Người ta có thể dịch: (tổ) én của chữ địa: đất.

Ngoài ra có loại yến bài và yến huyết do các con chim đã kiệt sức xây, có máu trộn lẫn trong nước bọt của chúng. Các tổ này rất hiếm, người ta cho chúng có những đặc tính quý giá về y học nhất là trong các bệnh lao và cảm nhiễm suy thoái - chúng có giá trị cao.

VIII - GIÁ TRỊ CỦA TỔ

Hình như ở mọi thời điểm tổ én biển ăn được, được định giá như những món quý giá nhất và chúng trở thành những món xa xỉ ở các bàn ăn người giàu có và người quyền cao chức trọng.

Mỗi một tác giả ở Âu Châu đều nói đến những yêu sách của người bán hàng, và một vài người cung cấp các định giá, cho phép so sánh giá cả ngày xưa với hiện thời. Tổ én biển luôn luôn có giá trị rất cao. Vào thời kỳ của Bénigne Vachet (theo quyển Hồi ký mà chúng tôi có của vị thừa sai này vào cuối thế kỷ XVII), việc buôn bán tổ én tiến hành ở Trung Hoa và Nhật Bản với số lượng lớn. Các tổ quý giá này đạt đến một giá bán xa xỉ nhất bởi vì người ta lấy với giá 40 đến 50 livre (tiền Anh) 1 cân Anh, với ghi chú rằng giá bán còn tăng một cách đáng kể do các nhà buôn khi mùa thu hoạch kém [1].

---

[1] So sánh L.Cadière - "Mémoire de Bénigne Vachet" (Bút ký của B.Vachet), tr.70.

Năm 1825, Crawfurd ước lượng rằng tổ én xuất cảng hàng năm sang Trung Quốc lên đến số tiền 1.263.570$ với một trọng lượng 243.000 cân Anh (livre). Xuất cảng của Java là 27.000$ livres, vào thời đó; và của miền tây Celen (Tích Lan) ít hơn vài trăm livres.

Trên bờ biển Đông Dương, chúng ta đã biết, do linh mục Gagelin, rằng giá của 1 once (1/26 livre) tổ én vào năm 1830, đạt một giá trung bình là 8 quan tiền, ngang với 01 đồng louis tiền Pháp [1].

"Việc buôn bán tổ én ở Quảng Đông vào năm 1844 lên đến con số 3.261kg với 323.194 francs; vào năm 1845 lên đến 16.036kg với 1.605.249frs". Đó là những con số do bản tường trình kinh tế rất chi tiết cung cấp và được xây dựng rất công tâm do A.Haussmann, tùy viên thương mãi của phái đoàn Lagrené [2].

Thế mà theo cùng bản tường trình này, tổ hạng nhất mà giá mua chỉ có hạng quý tộc cao cấp Trung Hoa mới đạt tới, được định giá trên thị trường Quảng Đông: 48$,20 một ca-ti (catti: từ 592g,59 đến 632g,68; đơn vị đo lường dùng ở Nhật, Trung Hoa, Thái Lan, Manille... chú thích của người dịch), bằng 163,60frs một kg. Tổ loại hai giá 12$,18/1catti (109fr,50/kg) và tổ loại chót bán 3$,50/1cati (31fr,46/kg).

Những giá bán này được duy trì ở thị trường Quảng Đông vài năm về sau bởi vì bản tường trình của W.Williams trình bày rằng tổ hạng nhất giá từ 1200$ đến 1500$. Tổ bẩn và có tì vết vẫn đạt giá từ 150 đến 200$00 mỗi 100 livres [3].

---

[1] Thư của ông Gagelin, sách đã dẫn, tr.372.

[2] "Voyage en Chine, Cochinchine, Inde et Malaisie" của ông Augustue Haussmann, đại diện thương mãi,-tùy viên phái đoàn ngoại giao Lagrené, công sứ toàn quyền Pháp trong những năm 1844 - 1845 - 1846, tập III - Phần III: Buôn bán với Trung Hoa - Paris, 1848.

[3] Trích dẫn do Soubeiran và Dabry de Thiersant.

Số lượng các địa điểm xuất cảng tổ én rất khác nhau cung ứng cho thị trường Trung Hoa đã dự phần vào việc ổn định ít nhiều giá bán, đưa đến một trung bình vận chuyển hàng hằng năm không kể đến các điều kiện thu hoạch tăng hay giảm. Toàn bộ các xứ sản xuất không thể đạt được điều này trong cùng một thời gian.

Tuy nhiên, mọi năm không thể bằng nhau tất cả, đối với một mùa sản xuất kém sút, các chủ trưng thuê biết tăng giá cho món hàng quý giá này, luôn được tìm kiếm bằng mọi giá.

Hiện nay giá tổ én ở Việt Nam (thị trường Faifo) được lập theo các đợt thu hoạch và theo giá trị:

1. *Tổ kỳ thu hoạch thứ nhất.*
   - Quan tự yến sào - 140$/cân [1]
   - Thiên tự yến sào - 100$/cân
   - Địa tự yến sào - 70$/cân
   - Yến huyết sào - 100$/cân
   - Bài tự yến sào - 70$/cân

Về giữa thế kỷ trước, loại hạng nhất giá bán ở Paris 800frs một kg.

"Vào thời Buffon, người ta xuất cảng hằng năm ở bờ biển Nam Hà 4.000.000 tổ én biển, tương đương với một số tiền đáng kể; và một người chủ của một hang trong đảo Java, thu một lợi tức hằng năm với 10.000 florins" - Louis Figuier - "Les poissons, les reptles et les oiseaux" (Cá, bò sát và chim) - Paris, 1868, tr.612.

"Việc thu hoạch tổ rất khó nhọc và nguy hiểm, người ta phải dùng thang bằng dây và dây neo có thắt gút. Việc thu hoạch này là độc quyền của chính quyền Hòa Lan ở Java, ở đó họ dùng đến 1000 nhân công. Chỉ một hang hằng năm sản xuất 3 lượt thu hoạch 300.000 tổ với giá trị 1.000.000frs "E.Trouessart trong grande Enyclopédie. T.XXIV, tr.1073.

[1] Cân, đơn vị đo lường trọng lượng, tương đương với 624gr, 80 trong hệ thống thập phân của chúng ta. Đồng bạc có giá trị của 10fr,30 hiện thời dễ dàng hình dung về các giá trị tối đa mà một vài loại chọn lọc đạt được. Như thế quan tự yến sào giá 2575frs/1kg.

2. *Tổ kỳ thu hoạch thứ hai.*
   - Quan tự yến sào - 100$/cân
   - Thiên tự yến sào - 64$/cân
   - Bài tự yến sào - 64$/cân
   - Địa tự yến sào - 64$/cân

3. *Tổ kỳ thu hoạch thứ ba.*
   - Quan tự yến sào - 90$/cân
   - Thiên tự yến sào - 64$/cân
   - Địa tự yến sào - 58$/cân

IX - HÀNG GIẢ

Một vài sản phẩm được tìm mua do có giá trị cao và đồng thời cũng do tính chất ít có của chúng. Các sản phẩm này vì thế là nguyên do tạo ra hàng giả: rễ cây đại kích (euphor biacée) đặc biệt thay chỗ của nhân sâm, gỗ dầu được trang điểm và phun hương thơm để giả làm gỗ trầm hương (gỗ ó), dăm bào thay thế trầm hương...

Vậy thì thật là bình thường khi sự gian lận cũng thâm nhập đến tổ én biển ăn được.

Người ta được biết trong các sách rằng tổ được làm sạch sơ khởi về phía những người khai thác để lấy đi các chất bẩn làm mất giá, nhưng họ phải giữ lại vài sợi lông nhỏ ở tổ nếu không sẽ bị nghi ngờ về nguồn gốc.

Soubeiran và Dabry de Thiersant trong "chất liệu y dược của người Trung Hoa" có nói đến một giống cây biển ở bờ biển, một giống rong biển, có tính chất giải nhiệt và chống kiết lỵ. Thế nhưng, các tác giả này thêm: "Nó thường thay thế cho tổ én biển mà giá rất cao chỉ hạng có tiền mới mua nổi" [1]. Loại

---

[1] Soubérran và Dabry de Thiersant - La matière médicale chez les chinois - Paris, 1873, tr.86.

rong biển này là giống Sphrœcarpus cartilagincus tên xưa theo phân loại, nhưng từ đồng nghĩa tôi không còn nhớ, tên gọi Trung Hoa của nó được tái tạo ở An-nam bằng từ: Thạch hoa (hoa của đá) bao gồm tất cả các loại rong Saxicoles, fucus, gracillaires... chúng cung cấp agar-agar (xoa xoa) mà những mảnh vụn bề ngoài giống với các mảnh vụn của tổ én. Vả lại người ta nấu nó làm cháo sệt, không tinh tế và mùi vị.

Lẽ tất nhiên sự gian lận diễn ra ở ngoài việc buôn bán, vào các dịp tốt khi nấu ăn. Người ta có thể nêu ra các sự gian lận có thể có bằng cách giải thích với vài ý kiến thành khẩn nói về các món ăn của một khẩu vị rất hạn chế hay thù nghịch. Vì phải có sự tin chắc về người chủ nhà và người ta phải đo lường lòng tin cậy họ ở bữa ăn tốn tiền theo nghệ thuật nấu ăn Viễn Đông. Đối với tổ én biển, cũng giống chúng ta đánh giá ở Pháp các loại rượu, những chai rượu chọn lọc: những chai tốt nhất và những chai thật là những cái chiếm chỗ trong các bữa ăn mà ở đó tình bạn làm chủ với lòng chân thành của tình cảm hiếu khách.

Trước hết mỗi một tổ được mua phải còn nguyên với các sợi dệt đặc biệt, những vết bẩn thoáng thấy để lại vài điểm ngay ở các tổ rất trắng, nhẹ, trong khi các lông tơ nhẹ nhỏ đến tối đa có thể còn được giữ ở các kẽ tổ. Cần phải nghi ngờ khi mua, các mảnh vỡ rất dễ trộn các chất đánh tráo. Sự gian lận, đối với một sản phẩm có giá trị như thế, rất khôn khéo và đôi khi phải chú ý tối đa để khám phá ra nó.

X - TỔ ÉN VÀ SỰ QUÝ CHUỘNG Ở PHƯƠNG TÂY

Ở phương Tây người ta đã biết đến sự có mặt của thứ tổ này của Viễn Đông từ sự có mặt của những phái đoàn truyền giáo đầu tiên và các thương điếm đầu tiên. Tôi không cho rằng các người ngoại quốc đã có giao thương trên các bờ biển

An-nam hay bờ biển Champa hay trên các bờ biển các xứ lân cận, đã biết bất cứ gì về các tổ quý giá đó. Trong mọi trường hợp, các tường thuật của các nhà du hành Hồi giáo mà công cuộc làm ăn của họ đến trước nhiều thế kỷ so với người Âu Châu, không có một ghi chú nào về chuyện đó [1].

Người Chàm hình như đã không biết gì, ít nhất họ cũng không thực hiện một cuộc khai thác chính thức nào, vì trong số các sản phẩm ưa chuộng được các phái đoàn ngoại giao đưa sang các nước mà họ liên hệ, bên cạnh đồi mồi, sa nhân, thảo quả, gỗ ó, không bao giờ thấy ghi cống phẩm tổ én rất hiếm và quý [2].

Những ghi chú khác nhau của Trung Quốc có chú ý tổ én nói về sự đánh giá và về giá trị ẩm thực và y học và các hạng bậc về tính chất các loại tổ khác nhau, tôi không tưởng tượng rằng có những sách cùng nguồn gốc kể lại về các đặc tính hương liệu và gia vị của nó. Trái lại, thư tịch Âu Châu rất phong phú về các chi tiết thuộc việc này: một số thì ca tụng đặc biệt, số khác ít hơn lại hạ giá trị sản phẩm.

Linh mục De Rhodes đã nói về "hương vị thơm ngon" của nó; linh mục Borri đã bình vực một cách rất có lợi cho đặc tính ngon và dịu của "cái ăn" này, bởi vì khi tổ én" được làm mềm và xổ ra trong nước dùng nấu với thịt, với cá hay rau hoặc với vài thứ khác và tạo với chúng một hương vị khác biệt và đối với mỗi thứ người ta có thể nói rằng nó đã được thêm gia vị bằng các thứ: hồ tiêu, quế, đinh hương; như thế chỉ có các tổ nhỏ bé này cũng đủ làm gia vị cho mọi món thịt, không

---

[1] G.Fernand - "Relations de voyages et textes géographiques Arabes, Persans, Turks, etc..." (Tường trình du hành và bài viết về địa lý Ả Rập, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ..). Paris, 1914.

[2] Tuy nhiên người Chàm biết gọi tên én biển, họ gọi là "ru".

cần thêm vào đó muối, dầu, mỡ hay bất cứ thứ gia vị nào. Điều khiến tôi nói rằng nó xứng đáng được giống với thứ lương thực của Chúa Trời (khi người Do Thái bị khốn ở sa mạc họ được Trời ban cho thứ lương thực này: manne), có tất cả mọi hương vị của các món ăn khoái trá tuyệt vời, nếu nó không chỉ là tác phẩm của một con chim thì nó đã được nhào nặn do bàn tay các vị thần của Thượng đế".

Không còn nghi ngờ gì chính Tavernier là người đã làm cho châu Âu biết đến tổ én và ông đã đưa nó đến đây. Đoạn trích văn thật là kỳ lạ, nó cho chúng ta thấy các ý kiến người châu Âu đương thời đánh giá quá sức tưởng tượng thứ đặc biệt này trong số các món ăn Á Châu khi nó làm gia vị cho các món ăn ngon nấu với tổ én, xem nó được xây với bùn như tổ của các con én của chúng ta ở cửa sổ. Nhiều người Âu thời chúng ta cũng có các phán đoán tương tự theo tất cả cái có thể xảy ra. Tôi xin trích Tavernier [1].

"(Các con chim này) xây tổ thế nào cho tổ không hẳn đục cũng không hẳn trong suốt; nó giống như các củ hành, nghĩa là với nhiều lá mỏng cái này trên cái khác làm thành một cái tổ với một chất như keo, nó hòa tan trong nước ấm và được dùng nấu món thịt nấu nhừ (ragoût), làm các thứ nước sốt (sauce) dùng cho các món thịt hay các món cá. Khi ăn các món nấu với tổ én ta thấy hình như thứ tổ này kết hợp tất cả mọi loại hương liệu có ở phương Đông; chúng lớn gần bằng tổ chim én của chúng ta. Chúng được đưa sang ở Ấn Độ và ngay cả Hòa Lan vì hiếu kỳ, nhưng chính là sang Bắc Hà (Tonquin), nơi tiếp giáp như tôi đã nói, với Nam hà, chỗ xuất

---

[1] Relation nouvelle et singulière du royaume du Tonquin (Tường trình mới và đặc biệt về vương quốc Đàng Ngoài) của Tavernier 1681 - Revue Indochinoise, 1908, Tam cá nguyệt thứ tư, tr.513.

phát món thịt nấu hiếm có này một trong các dịch giả của những bản tường thuật ngày nay không thể tưởng tượng được rằng tổ chim có thể ăn được nên đã tưởng tượng rằng tác giả người Ý muốn nói đến bầy chim non khi ông ta viết "nido" thật ra là nói về các tổ đặc biệt này. Không những tôi đem nó sang Pháp và giới thiệu nó với các nhân vật hàng đầu, nhưng tôi còn để cho các bạn tôi mang nó sang Hòa Lan cho ông De Vollermont, người nổi danh với các cuộc du hành ở các xứ Ấn Độ phương Đông. Ông ta và tất cả những người đã ăn món này đều thừa nhận với tôi rằng tất cả mọi thứ hương liệu gộp lại cũng không tạo được hiệu quả mà các tổ này đem lại cho các món ăn người ta có dùng đến chúng".

Nhưng bởi lẽ tôi đã trích dẫn Tavernier nên tôi phải đưa vào đây quan điểm của một nhân vật khác sống cùng thời với ông vào cuối thế kỷ XVII, quan điểm này bày tỏ sự đối kháng đặc biệt về cách nhìn. Sự song hành này sẽ có lợi để soi sáng đặc tính của một thời kỳ thuộc địa với các sự cạnh tranh của nó và những diễn dịch đê tiện của chúng. Nhân vật này là Samuel Baron, con một trưởng chi điếm của phái đoàn Hà Lan ở Ấn Độ. Lại người Bắc Hà, ông ta có điều kiện tốt nhất để có thể biết những đặc điểm của một xứ thuộc về mình. Miêu tả của ông về vương quốc Bắc Hà có sau bản tường thuật của J.B.Tavernier một thời gian rất ngắn. Baron báo trước cho chúng ta bằng một thông báo rằng: "Bản miêu tả của ông trước hết không định làm một bản tự sự lịch sử về Bắc Hà nhưng chỉ để ghi lại các sai lầm của ông Tavernier".

Các sai lầm của ông này được ghi rõ. Chắc chắn chúng ta sẽ không được cho biết các lý lẽ nào đã dựng nên sự mâu thuẫn giữa hai tác giả, nhưng dễ thấy các sự việc nhỏ do người đầu tiên nêu ra thì người thứ hai bác đi một cách có hệ thống. Cũng như thế đối với tổ chim én.

Tavernier giới thiệu chúng với một cảm tình xu nịnh. Baron đứng vào vị trí hoàn toàn đối lập. Tavernier phán đoán bằng những lời tán tụng, người kia nói lại với giọng như sau:

"Mùi thơm khác thường và hương vị mà chúng làm tỏa ra khi nấu sôi chỉ là một chuyện ngụ ngôn. "Rồi đến việc chuẩn bị: "Tổ này được đặt ngâm trong nước nóng 2 giờ rồi kéo thành sợi đến tối đa để nấu với gà, bồ câu, một thứ thịt nào đó và một ít nước. Khi nấu chúng tan ngay thành một thứ nước đông, không hương vị cũng như không mùi thơm".

Sự chê bai công trình của Tavernier là có hệ thống. Ông này nói rằng tổ én có ở 4 đảo mà bản đồ của ông ta ghi ở cùng độ cao với đảo của ông Tanchan về phía Quy Nhơn. Baron phẫn uất nói: "Đó là một sai lầm nghiêm trọng, ông ta viết, tôi không thấy có tổ này ở Nam Hà".

Tuy nhiên ông ta xác định chúng giống như tổ của "các con chim nhỏ hơn chim én" và sự miêu tả các tổ này khá tương đương với cái mà Tavernier đã cung cấp. Rồi luôn luôn từ chối đặt chúng giữa những sản phẩm của xứ Nam Hà, ông cho chúng nguồn gốc nước ngoài và các địa điểm xuất cảng: "số lượng lớn (tổ) đến từ Jehor, Reko, Pattang và các vùng khác ở Mã Lai". Việc xuất cảng tự nó giải thích, vì các tổ này "được xem như là một thứ thuốc bổ tuyệt diệu và theo một vài người có những đặc tính kích thích tính dục". Mặc dù điểm sau này là đúng, ghi lại sự tin tưởng đã có, tôi sợ rằng Baron đã làm việc với một lòng hiềm thù cũ, khởi đầu từ sự cạnh tranh của hai quốc gia hơn là với một hiểu biết rõ ràng về tổ én biển. Ở đây cũng như đối với nhiều chi tiết khá liên quan đến xứ Nam Hà, bị gièm pha hay tán tụng theo chiều ngược các phán đoán do Tavernier đưa ra [1].

---

[1] Những mối ác cảm này đã trở thành tiếng vang của mối hận quốc gia dấy lên ở Pháp cũng như ở Hòa Lan nhất sau khi Tavernier cho xuất bản tập "Histoire de la conduite des Hollandais en Asie" (Lịch sử hạnh kiểm của những người Hòa Lan ở Á Châu), tường trình viết trong cuốn chiến tranh Hòa Lan - So sánh: Ch.Joret - J.B. Tavernier Paris, 1886, tr.269.

Với những cảm tình này, các đặc tính bí mật và khác biệt của một sản phẩm được tán dương, và với sản phẩm này người ta nấu một món ăn không so sánh được và tạo nên phương thuốc ưa thích, người ta có thể bỏ qua những miệt thị của nhiều người và các chán ngán của vài người mà không sợ nguy cơ mất chúng. Baron không phải là người cuối cùng trong số những người phỉ báng.

Người đó là Renouard de Saint Croix, người đã bày tỏ nỗi bất bình toàn bộ và cách nấu ăn bản xứ, và tổ én không được liệt kê. Tôi trích dẫn trọn đoạn văn: "Mặc dù không ưa gì tôi cũng tạm khả thứ cho các loại tổ chim này bởi vì cái tiếng tăm mà chúng có được; và chúng thật ít xứng đáng: không mùi vị gì, và cũng không hương vị đặc biệt, đó chỉ là món ăn theo kiểu Tobie (một nhân vật trong Kinh Thánh bị bệnh mù) vì ta không biết rằng chính phân chim én đã làm mù vị trưởng lão này: các con chim nhỏ tạo ra các tổ này có thể cùng họ. Món ăn này hoàn toàn giống với món bún; món vây cá mập nấu, món nấm rất đáng ngờ khi chọn lầm. Phần còn lại của bữa ăn là các món hổ lốn heo con, gà, vịt nước; vì sợ bị đầu độc tôi ra về với cái đói cồn cào; đó là tất cả các món ăn có vẻ ngon lành ở cung điện, ở đó thường là như thế [1] ".

Chính vào lúc Tavernier và Baron tranh cãi với nhau, Bénigne Vachet đã viết hồi ký về xứ Nam Hà. Ông nói: "Đối với các tổ chim này, người ta không thể nghe được hết mọi thứ: tổ mà ta đề cập chỉ được làm bằng bọt biển trên bờ biển. Con chim xây các tổ này rất giống với các con chim én của chúng ta nhưng nhỏ hơn và cánh ngắn hơn. Nó tự tạo trong diều một thứ dịch nhớt rồi thổ ra để tạo thành các tổ hình

---

[1] F.Renouard de Saint - Croix - Voyage commerci et politique aux Indes orientales etc (Du hành thương mãi và chính trị ở Ấn Độ phương đông...) 1803 đến 1807 Paris, 1810, Tập III, tr.157 - 158.

tròn; tổ này luôn được xây ở trong hốc các hang núi đá gần bờ biển. Các tổ này trắng như tuyết, bỏ vào nước sôi các sợi rời nhau ra; người ta dùng nó để nấu ra-gu những món ngon nhất và người ta cũng dùng nó để làm món mứt thú vị với đường phèn, chứ không với các thứ thông thường. Khi ngâm trong nước nó không có mùi vị gì, nhưng khi nấu chung với các món khác nó làm nên các món thơm ngon thú vị nhất. Số lượng bán đi người ta không tưởng tượng được, nó đã được cung cấp khá nhiều cho Trung Hoa và Nhật Bản, những nơi hay dùng và dùng nhiều; một cân Anh (livre) thường bán với giá 40 đến 50 bảng Anh và khi khan hiếm giá tăng vọt đáng kể. Người ta rất ưa dùng nó để bồi dưỡng sức khỏe".

Chúng ta sẽ gặp lại Bénigne Vachet trong dịp của một công thức ghi lại do mục sư Choisy liên quan đến cách nấu một món ăn với tổ én và món này rất có thể đã do B.Vachet cho biết.

Baille đã cung cấp một công trình khảo sát tuyệt vời về tổ én Đông Dương, tóm lược các sự kiện có tính chất khoa học cũng như các sự việc hành chánh. Sự cao hứng châm biếm của ông đã hiện ra trên các điểm đó đây. Mối nghi ngờ của ông đã lướt qua điều mà tất cả giai cấp thượng lưu Việt Nam đã đánh giá tổ én như là những giá trị về y dược hay thực phẩm: "đơn giản nhất là nghĩ rằng ở đây cũng như ở tất cả mọi nơi trên thế giới cái giá cao của một món hàng đủ để đảm bảo cho nó sự ưa chuộng. Theo kinh nghiệm đã có chúng ta tin rằng tính khoa trương đã đóng một vai trò quan trọng trong món ăn ngon này hơn là tính sinh ăn" [1].

Tôi tóm tắt: tư liệu về tổ én kể nhiều chuyện khác nữa hoặc là tán tụng hoặc là chê bai. Ở thời chúng ta ngày nay, trong một bữa tiệc mời ở một gia đình danh tiếng An-nam,

---

[1] Baille - Souvenirs d'Annam (Kỷ niệm về An-nam) 1886 - 1890, tr.89.

những ai được yêu cầu cho biết ý kiến, phần lớn là do dự hoặc không có ý kiến gì rõ rệt.

Thật ra món ăn bản xứ không hợp mấy với khẩu vị phương tây của chúng ta và nhiều người trong chúng ta tỏ ra không ưa những món làm thèm những người sành ăn Việt Nam, và vì thế mà ta thấy có sự thờ ơ đối với hương vị tinh tế tỏa ra từ các món cháo nấu với yến sào. Vì hiển nhiên rằng điều đáng lưu ý trong món ăn thích thú này chính là sự dịu ngọt của một khẩu vị tinh tế, không dễ nhận, và đối với nó cần phải được thông báo trước.

XI - CÁCH DÙNG YẾN SÀO THEO QUAN ĐIỂM NẤU ĂN

Việc dùng yến sào như là một thực phẩm là của người Trung Hoa. Tuy nhiên nó cũng có mặt ở giai cấp giàu có của nhiều vùng khác nhau ở Viễn Á, nơi thu hoạch chính yếu. Chính ở A-moi [1], người ta mua yến sào dùng cho bữa ăn của hoàng đế Trung Quốc ngày xưa. Việc chọn mua được dễ dàng bởi lẽ thị trường này nhiều yến sào và cung cấp dễ dàng do các địa điểm thuộc các quần đảo Ấn Độ.

Trong tất cả mọi thời, Trung Hoa là đại lý chính của việc mua bán, tiêu thụ yến sào. Tôi không tin rằng các bàn ăn của các hoàng tử Mã Lai và của các vương hầu Ấn Độ không bao giờ có thể tiếp nhận với nhiều thịnh tình giống như bàn ăn của các nhà buôn bán lớn Trung Hoa đối với các món ăn nấu với yến sào, nhiều và hay lặp lại.

---

[1] Ghi âm theo người Anh của tiếng hok-lo E-Mon. Đó là một thành phố trên một hòn đảo ở cửa sông Loy Kiang, trên bờ biển Phúc Kiến - So sánh Les nids de salangane (Tổ én biển - Không có tác giả) - Revue Indochinoise, 1900, tr.538.

Người ta nói người Nhật cũng dùng tổ én như vậy. Nhìn chung thì người Nhật không biết dùng thứ này dù gia tài họ thuộc loại nào. Tổ én được dùng nhiều nhất là ở nhà những người Trung Hoa sống ở đảo lớn (lục địa). Tuy nhiên tổ én biển không phải là một món hàng không danh tiếng: chúng được dùng chế tạo một thứ thuốc bổ sức nhất là dưới hình thức thuốc viên. Danh từ tiếng Nhật chỉ tổ én là: tuvaméno-su.

*
* *

Trong tất cả các bản tường thuật của các tác giả châu Âu ngày xưa hay hiện giờ viết về tổ én và giá trị của chúng, tôi không tin rằng có ai đã phát triển tốt điều đã thu nhặt về các chi tiết của việc chuẩn bị một món ăn. Tavernier, người đã ca tụng và chính ông đã đem sang Pháp và giới thiệu các tổ én ăn được của xứ Đông Dương, đã không phán đoán tốt để làm cho chúng ta chú ý về điểm này. Tuy nhiên mục sư Choisy trong thiên bút ký của ông có vẻ tin vào linh mục Bénigne Vachet đã nêu lên với chúng ta một cách chuẩn bị. Đó thật là một cách chuẩn bị có giá trị vào thời kỳ mà người ta đã giới thiệu, nó có một mục tiêu kép, nhất là với tư cách chất liệu đặc biệt bổ sức và đặc biệt kích thích. Trong mọi trường hợp, các phương pháp nấu ăn hiện nay không gợi lại chút gì cái công thức đã nói.

Đây là đoạn văn được gợi lại của thiên bút ký liên hệ: "Tổ chim được thấy chủ yếu ở Đàng Trong: chúng được ưa thích để nấu các món sốt; chúng tốt cho sức khỏe, khi người ta trộn chung với nhân sâm. Người ta lấy một con gà mái, loại gà quạ, thịt và xương đều đen, người ta mổ, moi rỗng nó và rửa sạch. Rồi người ta lấy tổ én đã được làm mềm với nước, xé ra thành các sợi nhỏ. Người ta cũng cắt nhân sâm thành từng mảnh nhỏ; rồi bỏ tất cả vào thân con gà, và may phần dưới

lại. Tiếp đó con gà được đặt vào một bình sứ đậy kín rồi để vào một cái nồi đầy nước và nấu sôi cho đến khi con gà chín, sau đó người ta để cái nồi trên than và tro nóng suốt đêm. Sáng hôm sau người ta ăn con gà, nhân sâm và tổ yến, không cần muối cũng không cần giấm. Sau khi ăn hết tất cả người ta tự đắp kín mình lại và đôi khi thoát mồ hôi.

Người ta cũng có thể ăn cháo nấu với yến sào và nhân sâm như đã nói trên. Họ ăn món đó vào ban sáng và nếu có thể sau đó người ta ngủ [1] ".

Tôi không tin rằng công thức do người Âu truyền đạt về cách nấu yến sào có uy tín lớn và có thể đưa đến các kết quả hấp dẫn. Tôi thích cung cấp các chỉ dẫn chắc chắn hơn về các cách chuẩn bị khác nhau được thực hành một cách khá đồng nhất do người Việt Nam và người Trung Hoa.

*
* *

Tôi đã bày tỏ ước muốn với các bạn Việt Nam của tôi để có thể trình bày cho thiên nghiên cứu này. Các chỉ dẫn thực hành nghiêm túc và việc nấu các món yến sào: nhờ sự ân cần của nhiều người tôi đã có thể thực hiện một tập hợp các công thức trong số những công thức hay dùng.

Như thế tôi đã biết rằng trước khi cho vào với các thực phẩm khác, yến sào phải được chuẩn bị rất kỹ và được hướng dẫn rất tỉ mỉ. Điều tốt hơn hết tôi phải làm là ghi lại sau đây sự thu nhặt các thủ thuật sơ khởi: nó có từ các truyền thống được quan sát cẩn thận ở Huế trong các bếp ăn ở hoàng cung hay trong các gia đình thượng lưu của các ông hoàng và các quan.

---

[1] Rút từ "Mémoires" de l'abbé Choisy sur le Tonki et la Cochinchine - So sánh L.Cadière: Les europée qui ont vu le vieux Hué: l'abbé de choisy - BAVH - 192 N^{0}3, tr.120.

Chuẩn bị sơ khởi [1].

Tổ én biển dùng nấu các món cháo và làm các món tráng miệng phải được lấy hết các dị chất, nhất là các sợi lông tơ nhỏ, thường thấy trộn lẫn và gắn chặt ở đây. Trước hết, người ta bỏ tổ én đem dùng vào trong nước nóng. Nước cần cho việc này phải gấp 10 lần thể tích tổ én.

Chất liệu của tổ nở ra ngay từng phần khi tiếp xúc với nước: người ta phải đợi trung bình từ 1 đến 2 giờ. Vả lại thời gian này tùy thuộc vào độ gắn kết của các sợi cấu tạo nên tổ và tính chất của tổ.

Chất liệu của tổ én phồng lên, người ta phải trộn các sợi với một ít dầu phụng với mục đích lấy ra các sợi lông tơ mảnh bám vào các đường khe. Trên tổ đã tẩm dầu, người ta đổ nước nóng vào và dầu nổi lên kéo theo các dị chất. Sau khi đã gạn, lóng nhiều lần chất lỏng này, người ta có được một thứ chất liệu càng lúc càng sạch. Tuy nhiên không phải tất cả mọi sợi lông tơ đều được lấy ra hết, một vài sợi còn dính lại dai dẳng. Bây giờ việc chuẩn bị đòi hỏi đến công việc của bàn tay khéo léo và chăm chú [2]. Dụng cụ đến giai đoạn này của việc chuẩn bị chỉ còn lại một cái kẹp có đầu nhọn mảnh và một chiếc đũa nhỏ mảnh.

Công việc thật khó khăn và tỉ mỉ, đòi hỏi nhiều chú ý của đôi mắt và sự khéo léo của các ngón tay. Khi sợi lông tơ được phát hiện, người ta nâng một trong các đầu mút của nó bằng chiếc đũa, trong khi với cái gắp người ta nắm lấy đầu mút và lấy ra dễ dàng hơn: nắm bằng cái kẹp để bảo đảm được việc

---

[1] Tôi có được chỉ dẫn này cũng như các công thức tính sau là do sự ưu ái của ông Ưng Trình, Bố chánh tỉnh Quảng Nam.

[2] Ở Việt Nam người ta nói rằng phải tinh mắt mới lấy ra khỏi tổ yến các sợi lông tơ, mảnh vụn dính vào trong các sợi của tổ én trong lần làm sạch sơ khởi. Ăn các tổ én không được làm sạch sẽ bị ho, bị khó chịu trong họng và bị mửa (Huế).

lấy ra. Nhưng sợi lông cũng có thể gắn vào cái kẹp. Để tách nó ra người ta nhúng kẹp vào một chén nước, sợi lông tự rời ra và người ta rút cái kẹp đã rửa sạch.

Dĩ nhiên việc chuẩn bị đòi hỏi nhiều hay ít thì giờ là tùy theo tính chất của tổ.

Khi tất cả các chất bẩn được lấy đi hết, người ta lại lấy các sợi tổ én, không còn gắn chặt với nhau như lúc đầu, ép chúng trong lòng bàn tay để ép hết nước đã làm phồng tổ. Người ta lại bỏ chúng vào nước và lập lại nhiều lần trong nước được thay không ngừng cho đến khi nước vắt ra từ tổ hoàn toàn sạch và trong.

Việc chuẩn bị xong và các tổ én được chấp nhận để được có mặt phần lớn trong các công thức thu nhặt được mà tôi mong muốn ghi lại.

Tuy nhiên, theo tiêu đề đã chỉ định, tôi ghi lại sơ khởi quy luật này và phải được xem như là không thể thiếu được đối với các chi tiết của một phương cách nấu ăn đúng đắn. Hệ thống đánh giá mà phong cách nấu ăn đúng đắn cho phép không phải là kỳ lạ.

Thời gian cần thiết để nấu các món ăn này được ước lượng theo cách sau đây: Mỗi một chén (được gọi là Vịm) đựng cháo trong các bữa ăn theo nghi thức trịnh trọng, có trang bị phía trên nắp đậy một thứ giống hình hoa cây sên. Trong lòng cái chén nhỏ này người ta để vào vài hạt gạo với một ít nước. Cái vịm và món ăn ở trong để chung với một số lượng tổ én cần thiết được đem chưng cách thủy: cái nắp vịm và cái chén nhỏ ở nắp cũng được nấu như thế. Khi người ta thấy hạt gạo đã chín đủ, việc chuẩn bị mới hoàn toàn kết thúc.

Lẽ tự nhiên có những công thức rút gọn trong trường hợp chuẩn bị gấp hoặc đối với những buổi lễ ít quan trọng hơn:

Tôi đọc thấy như sau:

Người ta ngâm tổ én vào nước đun sôi để lấy ra các vật không tinh khiết làm mất mùi và giảm giá trị. Tiếp đó người ta nấu cách thủy tổ én với một thứ gia cầm và thêm gia vị theo ý thích mỗi người.

Thêm gia vị rồi thì người ta dọn thành cháo vào đầu bữa ăn. Đôi khi người ta cũng làm thành món ăn với đường. Tuy nhiên cách thứ nhất thường quen dùng hơn.

*
* *

Cháo yến sào.

Người ta chuẩn bị một thứ nước dùng tuyệt hảo với gà mái hay thịt bò. Chất nước của nước hầm này phải trong và được lọc sạch.

Người ta thêm vào nước hầm này các tổ én đã chuẩn bị xong, người thêm bột báng, bún tàu hay bột nhồi. Người ta chưng cách thủy tất cả các thứ này. Theo ước lượng trung bình, người ta định rằng với một chén nước dùng cho một tổ én.

*
* *

Chè yến sào.

Người ta bỏ yến đã làm xong vào chén rồi đổ vào 6 đến 7 phần nước: 2 tổ là đủ cho một vịm dung tích khoảng 750cm^3.

Người ta rửa sạch các miếng đường phèn [1]. Người ta đổ vào mỗi vịm 2 muỗng canh đường phèn.

---

[1] Trong các món tráng miệng ngọt Việt Nam, người ta luôn dùng đường phèn. Người ta cho rằng thứ đường này mát: như thế nó đem lại tính mát cho các món ăn được làm với nó. Tính chất này có được là do cách thực hiện đặc biệt của nó.

* Một công thức khác về chè yến. Người ta lấy một tổ én (nặng khoảng 20gr hoặc 5 đồng cân) ngâm vào nước trong vòng nửa giờ. Rồi người ta lấy hết các mảnh vụn bẩn, lông và phân có thể có. Sau thời gian ngâm nước này tổ én nặng gấp đôi và thành 01 lượng. Người ta bỏ tổ én đã sạch vào một cái vịm và thêm 8 hay 12 lượng nước (350 - 480gr) và 1 lạng rưỡi đến 2 lạng đường trắng (70 đến 90gr). Tiếp đó người ta chưng cách thủy trong một giờ.

Bồ câu ra ràng hầm yến sào.

Người ta nhổ lông một con bồ câu non, tiếp đó hầm nó lên với lửa nhỏ trong một cái nồi đậy kín. Khi thịt bồ câu đã mềm, người ta lấy chim ra và rút xương nó cẩn thận để cho nguyên hình. Chính việc này mà người ta thấy được cái tinh tế của tài năng và sự khéo léo của bàn tay những thiếu nữ nội trợ. Trong việc này người ta phải tán dương họ vì phẩm chất tài năng và họ là những người ưu tú nhất trong số đàn bà con gái Việt Nam coi trọng công việc mà họ bảo đảm làm được, nhất là khi chuẩn bị các món hiếm quý và cầu kỳ cũng như các món tráng miệng.

Các con chim còn nguyên hình được đặt lại vào nước hầm và người ta thêm muối tiêu và vài thứ hương liệu để làm tăng mùi vị. Lúc đó người ta cho vào nước hầm yến sào đã được chuẩn bị xong và chưng cách thủy trong một thời gian ước lượng theo phương thức đã trình bày ở trên. Các cách dùng yến sào thường là như thế. Một tổ tương ứng với một con bồ câu đó là sự cần thiết theo lệ thường đối với món ăn này [1].

Bồ câu nấu yến sào.

Người ta làm nước hầm với bồ câu mới ra ràng; hầm chín bằng cách chưng cách thủy. Khi đến độ thịt chín, người ta rút

---

[1] Thông báo của ông Ưng Trình.

xương một cách khéo léo các con chim và vớt bọt nước hầm. Người ta chọn các tổ én sạch và lại chưng cách thủy lần nữa, khoảng một giờ. Sau đó người ta thêm muối tiêu, và chuyển sang đồ đựng để đem dọn ăn.

Chè hột sen yến sào.

Đó là nói đến các hột của cây sen lớn ở các hồ [1]. Người ta thích hột sen tươi hơn là sen khô xâu thành chuỗi trên thị trường. Sự ưa thích này là do ở tính chất tươi mát, vị ngon và hương thơm của hạt sen mới hái.

Người ta bắt đầu lột vỏ rồi gọt hai đầu hạt sen để lấy ra cái mầm xanh. Động tác thật dễ dàng bằng cách dùng một que nhỏ xuyên qua trục của hạt. Hạt được rửa sạch và đem nấu.

Tuy nhiên, người ta phải chuẩn bị trước một lượng nước 7 hay 8 lần thể tích của số hạt sen đem nấu.

Nước đó được pha ngọt bằng đường phèn: trọng lượng đường dùng tính theo phân lượng và theo khẩu vị cá nhân. Thường thường trọng lượng đường bằng phân nửa trọng lượng hạt sen.

Nấu khéo là làm thế nào để hạt chín toàn vẹn, ngấm đường, còn nguyên và đồng thời cũng mềm.

Cuối cùng người ta thêm vào đó các tổ én đã làm sạch. Rồi người ta đem chưng cách thủy, với một tổ én thì khoảng 30 hạt sen. Như thế dễ tính số tổ én tương ứng với số hạt sen đã dùng [2].

---

[1] Đó là cây sen (Hán Việt: Liên) tên khoa học: Nelumbium Speciosum: hoa tượng trưng tôn giáo và cây được ưa dùng ở Trung Hoa và Việt Nam.

[2] Thông báo của ông Ưng Trình.

XII - TỔ ÉN TRONG PHÉP TRỊ LIỆU Ở VIỄN Á

Về giá trị của yến sào theo quan điểm y học, các sưu tập của các tác giả gần giống nhau về trường hợp trị bệnh mà yến sào có thể dự phần. *Hứa Cẩn Trai* và sách *Tùng Tân* chỉ ra tính chất ăn được tuyệt diệu của nó và tác dụng hiệu quả của chúng chống lại bệnh lao, chứng ho và đờm. Họ nói rằng chúng giá trị nhất là khi dùng để nấu cháo hay chưng cách thủy.

Sách *Việt lục* đánh giá yến sào về dược tính của nó như sau: "Chúng chống ho và chống đờm, chúng bổ dưỡng thân thể. Chính vì thế mà người ta đánh giá chúng như là món thuốc tốt nhất".

Các tổ màu đỏ lấy vào mùa xuân có giá trị cao. Các tổ màu vàng hái vào mùa thu thuộc hạng hai.

Sách *Hương Tổ Bút* nói rằng các tổ đỏ làm bằng máu chim én. Chúng vô giá vì chúng rất khó kiếm".

Sách *Hoạn Du Bút Ký* cũng cho những chỉ dẫn tương tự về các "yến huyết sào" - tổ đỏ: "Trong y học người ta không dùng các tổ đen và có dính lông. Nhưng các loại khác có những dược tính: bồi bổ cơ thể tuy nhiên nó còn kém sâm linh [1].

Hình như trong cách dùng các loại yến sào khác nhau có sự ưa chuộng loại yến sào màu đỏ mà người ta nói xây bằng máu, gọi là yến huyết. Đó là món thuốc quý nhất đối với các bệnh lao phổi, các chứng ho có thổ ra huyết. Hơn nữa chúng ta nên thấy ở đây sự hiện diện của một trong nhiều thí dụ kể lại ở lãnh thổ Việt Nam của các "thầy thuốc chữ ký" (médecines de signatures), vì chúng ta thấy rằng chim én đã

---

[1] Các thứ "sâm linh" là nhân sâm và các loại nấm dưới đất khác nhau (linh): phục linh, trư linh... tất cả các yếu tố bổ dưỡng và làm thuốc nước.

xây tổ như thế với một thứ nước bọt pha máu, nên được xem như là một con vật bị bệnh phổi mửa ra máu từ các khí quản bị bệnh của nó.

Tóm lược khái quát phần lớn những điều đã nói, theo các nguyên tắc của các thứ thuốc Trung Hoa, sách *Đạt Nguyên* trình bày rằng tổ én có vị ngọt và tính không độc bởi vì tổ én được làm bằng chất Hải phấn mượn của không khí trong lành và của gió mát. Nó làm mạnh yếu tố kim (kim loại), tương quan với cơ quan phế (phổi) và yếu tố thủy (nước) liên hệ với thận.

Chúng ta có thể thấy rằng các tác giả Âu Châu đã nói đến các đặc tính đáng lưu ý mà người ta gán cho các tổ này mà không ai có thể tưởng tượng được. "Người ta rất quý chuộng nó trong việc bảo toàn sức khỏe [1] ".

Người ta nói rằng chúng kích thích tính dục.

"Các người có luân lý tin tưởng rằng chúng (tổ én) có thể dự phần vào việc tái tạo một sức khỏe đã bị yếu đi [2] ".

Chúng ta thấy trong Figuier rằng cây long mã vĩ (fucus) được chim én tiêu hóa, chứa đựng các tính chất bồi dưỡng có hiệu quả tốt đối với những người kiệt sức vì ăn chơi quá độ do nhiều cách. Chính vì vậy mà người Trung Hoa đã tiêu thụ một số lượng lớn tổ én biển dù cho giá nó cao [3] ".

---

[1] Barrow - sách đã dẫn, tr.154.

[2] Bénigne Vachet (L.Cadière - Sđd, tr.70).

[3] L.Figuier - "Les poissons, les reptiles et les oiseaux" (Cá, bò sát và chim) - Paris, 1868, tr.612.

Có ích gì khi tăng bội và vay mượn thư tịch: Baille với sự châm biếm đã chứng tỏ hơn hẳn tất cả những cảm tình và hy vọng của người Viễn Á đối với món ăn và món thuốc ưu tú này.

"Nền y học Đông Phương đã vui lòng cho tổ én mượn mọi thứ đặc tính quý giá đối với việc bảo toàn vệ sinh và sức khỏe. Nó tuyên bố rằng món ăn này rất thần hiệu để chống với bệnh phổi, suyển, đau dạ dày và nói chung tất cả những bệnh có thể có [1] ".

Tất cả những ai tán tụng tổ én do đặc tính gia vị của nó, đều kể lại các đặc tính theo tiếng nói của dân chúng hơn là tiếng nói của sách vở.

Tổ én làm thuốc nước và thuốc bổ, tính chất kích thích của nó bị lợi dụng có thể với một cách không chính đáng nếu người ta nghĩ ra hơi quá khi chuyên biệt hóa tác dụng. Nhưng trước hết, yến sào có giá trị đối với những người mất sức, một cách chính thức là ở người có những biểu hiện rõ về bệnh lao phổi và các rối loạn tiếp đó.

Tôi chép lại công thức của thuốc viên, nó được xếp trong các sách sưu tập dưới tên gọi - *Truyền thi lao tuấn hoàn*:

- Tử hà sa: 2 cái

(Người ta rửa sạch trong nước mã, bóc vỏ và các sợi bên trong, rồi nấu chúng bằng chưng cách thủy)

- Yến huyết - 5 lượng
- Ngưu hoàng - 1 lượng
- Cáp giới - 2 con

(Nhưng con vật có đủ trọn cả cái đuôi. Người ta ngâm nó trong nước gừng rồi đem nướng vàng nó).

---

[1] Baille - Souvenirs d'Annam - 1886 - 1890, tr.89.

Người ta nghiền tất cả những thứ này thành bột, thêm mật ong vào và làm thành những viên cỡ bằng hạt sen. Uống 20 viên mỗi ngày, 10v buổi sáng, 10v buổi chiều.

* Người ta cho các con bệnh bị mệt uống thuốc tăng sức, các yếu tố được chép lại ở đây, tính chất y học phức tạp và phải chuẩn bị lâu dài với nhiều chi tiết tỉ mỉ. Đó là công thức của Liệu bổ tinh huyết cao.

- Thục địa - 9 cân
- Lộc giao - 3 cân
- Cao ly sâm - 3 cân
- Khỉ tử - 3 cân
- Xuyên tục đoạn - 1 cân
- Xuyên đỗ trọng - 3 cân
- Quế tâm - Phần trong của quế chứa nhiều dầu nguyên chất.

Cho uống mỗi ngày 5 muỗng Tàu thứ thuốc này.

*
* *

Tôi rút ra trong các bản ghi chú chép tay mà tôi đã tìm được ở vùng Di Loan phía Cửa Tùng, Bắc Quảng Trị các chỉ dẫn sau đây liên quan đến các chất liệu y dược của tổ én.

"Tổ các con chim này có vị ngọt, tính ấm và mặn. Với thức uống, chúng thâm nhập phổi làm hết nghẽn đàm, hạ cơn suyễn và hụt hơi. Chúng bổ ích cho dạ dày, làm cho tiêu hóa trọn vẹn và dễ dàng. Vì chúng làm nhuận trường nên được kể vào loại các thứ thuốc bổ sức. Nó được ưa dùng trong các bệnh phổi, cũng như ở các bệnh nơi hai chân trẻ con và trong bệnh ăn không biết ngon của người lớn".

Nhưng các cách trị liệu nầy có đặc tính và những đòi hỏi riêng: "Khi dùng để trị các bệnh ở hai chân trẻ con phải dùng

các tổ màu hồng; nhưng khi muốn làm tan đờm nghẽn ở cổ họng thì phải chọn các tổ màu trắng".

Và người ta cũng khuyến cáo rằng chỉ nên mua các tổ cũ là các tổ chắc chắn hơn. Người ta lựa chúng trong những tổ còn dính lông, đó là chứng cứ của sự trung thực.

Trong quá trình khảo cứu các thứ thuốc nam, tôi thường được nghe ca ngợi các tính chất bổ dưỡng, kích thích và bổ dưỡng dạ dày của tổ én biển.

Tôi lấy trường hợp một ông quan với một chén cháo yến sào được đưa ra kịp thời đã làm dịu cơn đau bao tử, những cơn kịch liệt nhất, cơn đau này theo lời kể mà tôi nghe hình như là do một cơn đau bao tử. Cháo được ăn ở Quy Nhơn theo sự khẩn cầu báo trước của một người đàn bà Trung Hoa, không nên quên một điều kỳ thú là không bao giờ tìm thấy lại cơn đau ngày trước.

Nhưng tôi còn có thể kể những nhân vật khác và nhiều người cao sang đã thử bồi dưỡng sự bất lực lâu ngày, hoặc đau ốm mất sức lâu dài bằng cách tiếp nhận các chuẩn bị dưới hình thức thực phẩm của các tổ én Việt Nam.

*
* *

Chất liệu y học về én biển không chỉ ở mình cái tổ của chúng. Người ta có thể kể ra nhiều chi tiết lý thú về cái tổ hay chính con chim.

Yến nhục thảo.

Đó là những thứ mốc sinh ra trong các tổ én bị ẩm. Thầy thuốc Tàng Khí, theo sách Trung - Việt dược, chỉ rằng sản phẩm này được xem như là có thể chữa lành chứng đi tiểu són ban đêm. Về việc này người ta đốt thứ mốc này và rút chúng

lại thành bột rồi uống nó với nước. Thầy thuốc Lý Thời Trân cho một công thức được gọi là Thiên Kim Phương, có thể chữa lành đàn ông hay đàn bà đi tiểu ra máu không nguyên nhân biết trước. Nhưng ở đây người ta uống thứ bột này với rượu. Theo một công thức khác gọi là Thánh Huệ Phương dùng chữa chứng khát nước trong các bệnh sốt, người ta trộn một lượng sản phẩm được đốt lên này và tán thành bột với 2 lượng bột vỏ sò vôi; người ta lại trộn thứ bột hỗn hợp này với một phổi dê trắng sấy khô tán nhỏ. Người ta uống mỗi lượt 3 đồng cân thứ thuốc trộn lẫn tất cả các thứ bột này bằng nước mới múc. Người ta chữa lành các vết sẹo cũ với tro của sản phẩm tổ én trộn lẫn với phân trắng chim ưng, tất cả hòa tan trong sữa và dùng 4 hay 5 lần mỗi ngày. Các bột này cũng dùng để chữa mụt nhọt với nước chanh... (Trung - Việt dược).

Yến phẩn (Phân én biển).

Phân én biển giải được độc. Ba nhúm phân tươi đem nướng. Người ta tán nó với 10 củ hành và lăn thành viên bằng hạt bắp. Uống ba hạt một lần sẽ làm chất độc theo nước tiểu ra ngoài.

Sào nội yến tử (Én biển chết trong tổ).

Đôi khi người ta phát hiện trong các tổ én những con én khốn khổ chết. Thân thể bé nhỏ của chúng cứng đờ, khô như hình dáng các con chim độn làm mẫu. Thân thể én biển chết là món thuốc Nam cũng có thể là thuốc Bắc. Người ta nói, chẳng hạn nó rất công hiệu trong việc chữa các bệnh lao và các chứng kiệt sức thuộc về phổi.

Đây là một trong những công thức có thể làm đối với thứ thuốc khá kỳ lạ mà tôi đã thu nhặt được ở Quảng Nam.

Người ta lấy con chim chết, nhổ lông nó và hơ lửa. Tiếp đó người ta đốt nó và tổ của nó. Những cái còn sót lại được giã nát và dùng để làm thuốc viên.

Người ta đọc trong bộ sách lớn viết về các món thuốc Nam do Hải Thượng Lãn Ông soạn [1], cách dùng duy nhất sau đây của con chim. Không nơi nào thấy nói đến việc dùng tổ.

"Thịt chim én ngọt, ôn hòa và ấm. Nó khu trừ chất độc, chữa lành các lở loét hậu môn và bệnh ghẻ. Nhưng có tên Việt Hán là Huyền điểu".

Tuy nhiên một trong những sách Tàu có thể đã được Hải Thượng Lãn Ông tham khảo hay sử dụng cũng có nói đến Yến Oa:

"Tổ én có vị ngọt, tính ấm. Nó bồi dưỡng phổi, làm dịu các cơn ho và chống đờm. Người ta dùng nó như một món thuốc rất mát và xem nó là món thuốc chúa tể đối với bệnh gầy.

Chúng nổi danh về các bệnh dạ dày và chống lao phổi. Người ta còn dùng chúng trong các bệnh đường ruột và trong bệnh đậu mùa bị thời thơ ấu.

Người ta gặp ở bờ biển 3 thứ tổ khác nhau: tổ đỏ, tổ trắng và tổ đen. Tổ này, tổ kia có thể dùng bằng cách sắc thuốc để chữa các bệnh khác nhau, với những đặc tính và trị liệu có giá trị gần bằng nhau.

Các tổ có hương vị hơi có vị muối được dùng trong trường hợp co rút cuống họng đã đem lại nhiều kết quả tốt nhất [2] ".

XIII - VIỆC THỜ CÚNG VÀO DỊP THU HOẠCH:

Ở đảo Java, những người gốc miền biển làm nghề hái tổ én, theo huấn luyện của gia đình, luôn bảo vệ truyền thống với tất

---

[1] Hải Thượng Lãn Ông: Sách gồm 66 tập do Lê Bá Huân soạn vào khoảng 1770. Trích văn mà tôi dùng là ở quyển 12 trang 42.

[2] Trích Bản thảo bị yếu, chương nói về chim và thú vật (cầm thú). Chương V. Quyển bản thảo bị yếu là một tác phẩm nghiên cứu phương pháp trị liệu do Uông Ngang soạn dưới triều Khang Hy (cuối thế kỷ XVII).

cả lòng thành kính của mình. Đời sống hoang dã, luôn phải có những hành động gan dạ giữa một thế giới đầy hiểm nguy, họ phải khẩn cầu các đấng thần linh dễ mua chuộc với hành động và quyền uy đã chế ngự những bờ biển và phụ cận đầy biến động.

Các bờ dốc đá vôi của miền Karang Kallong ở trên bờ biển phía nam đảo, các hang én ở đây được chính phủ Hà Lan khai thác. Trên các thành đứng ở những núi đá cao, những người tìm tổ én trượt xuống nhờ các sợi dây gióng xuống dài từ 100 - 200m. Đong đưa trước gió mạnh, điếc tai vì tiếng sóng đánh vào thành đá, va chạm với cánh én biển hoảng sợ, người thu hoạch biết rằng số phận họ mỏng manh và chỉ còn biết trông vào sự bình tĩnh, khéo léo của họ và sức bền của sợi dây treo họ: mọi sự với hiệu quả gấp bội và thêm chắc chắn nhờ sự che chở của các vị thần địa phương.

Brehm kể với chúng ta rằng đội quân săn tổ én, được tổ chức một cách chính thức và được bảo trợ; trước khi thực hiện chuyến leo xuống đầu tiên trong mùa thu hoạch, tổ chức cẩn thận những cuộc tế nữ thần Njai Kidul, vị thần bảo hộ. Họ tụ tập trong một bữa ăn long trọng và dâng lên thần linh những phẩm vật thịnh soạn.

Các nghi lễ cổ truyền này còn được thực hiện tại các địa điểm thu hoạch. Về chuyện này tôi có một bằng chứng của cô Selleger viết cho tôi rằng: "Mùa thu hoạch được thực hiện 3 hay 4 lần hằng năm. Nó được mở đầu bằng các cuộc lễ và ngày lễ, các buổi diễn "wagang" người ta sử dụng nhạc khí "gamelan", trầm hương được đốt và hoa, đồ ăn được dâng hiến nữ thần biển miền Nam (Ratoe loro Kidoel) [1] ".

---

[1] Ratoe Loro Kiodel (đọc: Ratou loro Kidoul).

"Gamelan" là một nhạc khí Java rất phức tạp, thật thế, lại có nguồn gốc rất xưa, như wayang, một thứ sân khấu xưa bằng hình bóng, có nguồn

Một vài cử chỉ còn tồn tại đến ngày nay trong các lễ nghi do người săn tổ én ở vùng bờ biển miền Nam Java dâng cúng là những dấu vết của những lễ nghi rất quan trọng vào thời xa xưa. Người ta dâng cúng trong các hang trú ẩn một hình nộm được cấu tạo một cách ma quái đúng hình dáng và điệu bộ bằng sợi, giấy và vải. Việc dâng cúng này gợi lại các hy sinh nhân mạng ngày xưa phải có để làm nguôi giận thần nữ của biển cả phương Nam và do cái chết được chỉ định của một sinh vật để tránh cho các người săn tổ én trong những rủi may của cái nghề nhiều phiêu lưu của họ (theo cô Selleger).

Tôi không rõ cái gì đã được thực hiện trong các kỳ khai thác của Việt Nam. Nhưng tôi tưởng tượng rằng những người săn tổ én ở Trung Kỳ canh giữ các đảo phải giữ lòng tin bằng nhiều lời cầu xin đối với các yếu tố vô hình có quyền uy trong thế giới của biển cả. Các linh hồn đáng ngại bao gồm các con ma rà, hung thần của người chết trôi, các linh hồn vất vưởng của người chết đuối đã làm cho những con người bán khai này phải sợ hãi và cử chỉ sùng bái của họ là ôn hòa.

Việc thờ cúng được các người săn tổ én giữ gìn, họ đã chấn hưng tổng quát việc thờ dúng dâng hiến các thần ở biển rất

---

gốc tôn giáo rất rõ ràng, hiện nay kết hợp với những truyền thống rõ nét bằng các bóng đen hoạt động của các con rối được điều khiển hay của các nhân vật. Wayang là biểu tượng tài tình của linh hồn được gìn giữ của xứ sở Java ngày xưa. (So sánh: Cô Selleger - Le symbolisme dans le wayang Javanais - Ý nghĩa tượng trưng trong nghệ thuật wayang của người Java - tập san của Hội Địa lý Hà Nội - Tập san thứ 16, 1929).

San Holliman trong một thiên nghiên cứu về các tổ ăn được của các con chim ở Java, kể sự thờ phụng thần Ratoe Lant Kidul, công chúa của biển miền Nam (Breschrijiving der vogelnestjes door Jan Holiman - in Verhendelingen van het Bataviaasch Genootschap van Kuunsten en wetens chappen - Derde deel - Tweede druk Botavia 1824, tr.99, n^{0}6).

dễ mua chuộc và không ác độc: đó là Hà bá [1], Thủy phủ [2], Diêm vương [3] ...

Cái gia đình được đặc ân của các hoàng đế Việt Nam kể từ Gia Long đã đến lưu trú trên đất Thanh Châu dưới Cửa Đại một chút (cửa sông của con sông lớn tỉnh Quảng Nam) về phía hạ bạn Faifo. Xóm này đã phát triển, người ta gọi tên nó là Yến Xã (làng chim én), người bình dân Việt Nam gọi nó là Làng Én, có cùng ý nghĩa.

Việc thờ cúng được lưu giữ do các người miền biển đến ngụ ở làng, vùng lân cận, ở đây tập trung một số đền thờ mà đền quan trọng nhất là đền thờ Bà Chúa Lồi; cái tượng là cả một nỗi kinh dị, nó có nguồn gốc Chàm và tượng trưng bằng một nhân vật nam râu dài. Tượng được đem về trong một mẻ lưới của chuyến đi biển đánh cá. Tôi đã kể ở nơi khác lịch sử của nó [4].

Bà Lồi được cầu khẩn khi gặp thiên tai và hiểm nguy. Vì thế ngôi đền nhỏ được bảo tồn và tượng Bà Chúa Lồi được phóng tác trên Cù lao Chàm. Gần đó có miếu thờ Cá voi (Miếu Ông).

Người gác hang én đều là người Trung Hoa gốc Hải Nam. Tôi không biết phải chăng chính những niềm tin của họ đã chống lại dễ dàng với những gian khổ bằng cách sử dụng không chỉ cái vốn Khổng giáo mà còn của các thần thoại và niềm hy vọng trong truyền thống của dân chúng Trung Hoa. Trong những năm gần đây sau chiến tranh (tôi ở Faifo),

---

[1] Hà bá (bá tước của dòng sông). Hà bá được thờ ở bờ sông, ở nơi hợp lưu và các cửa sông, nhưng vẫn còn ở trên bờ biển.

[2] Thủy phủ (thần của cung điện vua Thủy Tề).

[3] Diêm vương. Đó là ông vua thứ I của địa ngục.

[4] Bà Chúa Lồi - So sánh: Bác sĩ Sallet: "Les vieux Faifo Souvenirs Chàm" - (Faifo ngày xưa: Kỷ niệm Chàm trong phong tục và tín ngưỡng Việt Nam ở Quảng Nam) - BAVH, 1923, tr.216.

những người canh tổ én đã thực hiện một cuộc tế lễ vị thần quan trọng của người Trung Hoa: Quan Công [1], họ cũng thờ thần Đất, Thổ Địa [2] và 108 vị thần bị xử trảm [3].

Tôi không biết đâu là giá trị của các sự thờ cúng này, nhưng hiện giờ, trước khi bắt đầu mùa thu hoạch, những người canh tổ én dâng cúng các phẩm vật như heo, vịt, giấy ngũ sắc và các hình tượng trưng đã nguyện cúng.

Các lễ nghi được tuân thủ nghiêm chỉnh. Vào những thời kỳ đã định trước, các lễ này gồm 6 lễ, phân thành 3 đợt, 2 lễ mỗi đợt, tương ứng với mỗi lần thu hoạch, gồm lễ mở đầu và lễ kết thúc.

Các phẩm vật được dâng cúng theo các chu kỳ âm lịch: ngày mồng một và ngày 15 mỗi tháng, cho các vị thần nào đó trong không gian, trên trời, dưới đất không được biết rõ như những âm hồn vất vưởng mà những người thu hoạch tổ én hằng ngày vào buổi sáng và buổi tối đốt nhang thờ cúng.

XIV - FOLKLORE - VĂN HỌC DÂN GIAN

Có một câu tục ngữ Việt Nam đặt thành công thức so sánh rằng lợi ích của công việc luôn xa rời người đã thực hiện nó:

Yến làm tổ mà không đặng ở
Ong làm mật mà chẳng đặng ăn.

---

[1] Quan công đó là Quan Thánh trong các đền thờ Trung Hoa, vị thần chiến sĩ.

[2] Thổ địa, thần đất.

[3] Nói về linh hồn 108 nhà buôn người Hải Nam bị bắt trên biển do đội thuyên của triều đình An-nam và bị giết để cướp của cải họ mang theo. Tự Đức phục hồi danh dự họ và cho thờ ở các hiệp hội Hải Nam. (A. Bonhomme - Le temple de Chiêu Ứng - Đền Chiêu Ứng - BAVH, 1914, tr.191 - 209).

Văn học dân gian về én biển ở bờ biển Việt Nam, được biểu thị bằng từ Hán - Việt: Yến, không có bao nhiêu. Trong số các từ về so sánh rất phong phú trong Việt ngữ, người ta chỉ thấy có từ sau đây: *Nói yến, nói như yến*, có nghĩa là nói với nhiều quanh co, ngoặt ngoẹo. Tôi không thấy nguồn gốc của nó hơn là cái tình cảm của sự xác định bình dân này, và tôi cũng không giải thích được rõ hơn sự liên hệ mật thiết giữa con én và chim anh. Tình yêu đôi lứa trong tất cả những gì tuyệt đối, tận tâm và âu yếm với nhau, được tượng trưng bằng một loạt trong thế giới loài chim: uyên và ương [1], các con chim lộ tư [2], một loài chim chân cao, cánh đen, thịt nó chữa lành bệnh tương tư, và đem nấu cháo ăn sẽ đem lại được hòa khí cho các gia đình xáo trộn về không hòa hợp, hiềm khích.

Đôi ta như én cùng anh,
Như loan cùng phụng để dành có khi [3]

Đó là một câu bình dân ở miền Trung Việt Nam, muốn nói rằng: Hai người chúng ta cũng như chim én, chim anh cũng như gia đình chim phượng hoàng thường phải xa cách nhau".

Nhưng chúng ta có thể thấy rằng những người canh én ở các đảo đã lưu ý sự trung thành của các cặp vợ chồng chim én và sự cộng tác trong việc chung xây tổ.

Họ đã cho biết sự ân cần chăm sóc của con trống bên cạnh con mái ở luôn trong tổ suốt thời kỳ ấp trứng, sự chia sẻ chăm sóc quanh lứa chim non.

---

[1] Người ta còn nói: Uyên ương (Oan ương).

[2] Lộ tư.

[3] Loan và Phụng chỉ con trống và con mái thuộc cặp chim hoang đường mà ta gọi là phụng hoàng. Người Trung Hoa và các nhà Nho nói một cách tốt hơn: Phụng hoàng. Phụng là con trống, Hoàng là con mái. Chúng là điềm tốt và là biểu tượng của hòa bình và thịnh vượng.

Xem Génibrel (Diet. Ann - Franç - tự điển Việt - Pháp) ở phần lớn các từ đã đề cập.

Một tin tưởng xuất phát ở các đảo Nha Trang loan truyền một điều đặc biệt trước khi xây tổ: vào đầu năm âm lịch, vào ngày Tết, én biển đến chỗ của tổ nó chọn trên bờ đá. Vị trí đã được ghi nhận và quyền của chim như thế đã được xác nhận đối với các nhóm [1].

*
* *

Tôi tưởng phải thêm vào các chi tiết và phong tục trên đây cái đặc sắc của một câu chuyện kể mượn ở những điều tin tưởng của người đất Mân, Trung Hoa và do ông Đỗ Bản Tuân kể lại; ông đã nói về cách sử dụng tổ bất ngờ nhất (cũng như ít giá trị) do chính con chim. Ông ta nói:

"Người ta không biết tổ én được xây bằng gì. Người ta gặp chim ở bờ bể Chương Hải. Chúng xây tổ và mang theo để bay qua biển rộng. Khi bay mỏi chúng tự để rơi xuống mặt bể và nằm ở trong chiếc tổ đang trôi của chúng. Khi én đã lấy lại sức, chúng lại bay đi mỏ mang theo tổ; nhưng đôi khi nhất là mùa mưa gió, tổ rơi xuống bể và bị nước cuốn, dừng lại ở các núi đá và người ta đến đó thu lượm.

Người ta bán những chiếc tổ khác thường này".

Hơn nữa, sách này còn viết:

"Những người miền biển kể lại: én biển lớn giống với chim cu cườm. Vào mùa xuân chim đến làm tổ từng đàn lớn trong các hang động. Người ta gọi tổ của chúng là "rau biển" (hải thể).

---

[1] Người ta kể ở Bình Định rằng đôi khi hai con én dự phần hoàn thành một tổ thì phải có một con chết. Người ta nói rằng cánh của con này bị giữ trong nước nhờn do mỏ của con bên cạnh: người ta sưu tầm chúng và quý trọng vì nó dùng làm thuốc và rất có tiếng trong các bệnh gọi là san hầu, bao gồm các cơn đau ở yết hầu. Người ta đốt cả tổ lẫn con chim đã khô để dùng. Và người ta hòa tan tro này để uống (của ngài tổng đốc Bình Định).

Khi mùa thu tới, chim rời hang và người ta thu nhặt tổ của chúng [1] ".

*
* *

Cũng như trong các tin tưởng liên quan đến việc xây dựng tổ, những tương quan giữa các mục đích đã tạo điều kiện dễ dàng theo một quy trình lộn xộn cho trí tưởng tượng của các dân tộc. Cái phần huyền bí bao hàm cử chỉ của con chim xây dựng, việc tìm kiếm các nơi trú ẩn thường rất đáng sợ, các phẩm chất, xứng đáng hay vay mượn, về chất lượng quý giá, thu hoạch một cách đầy hiểm nguy, tất cả những cái đó phải là việc của các nhà mục đích luận, nhưng thế là một thiệt hại lớn cho các sự chính xác khoa học.

Tuy nhiên tất cả những nét riêng biệt đó có cái duyên của nó, thường là chúng bao gồm cả tính tò mò, nhưng nó cũng mượn ở ghi chú của dân tộc học.

Và bởi thế, bên cạnh những điều lợi ích thực tế hay những điều thuộc về ngành khoa học có kiểm tra, tôi muốn lưu ý các chi tiết có thể coi là có vẻ khác lạ và các chi tiết mà tôi đã mượn ở trong sách hay ở truyền thống.

---

[1] Trích từ "Mân trung hải thác", ở chương Mân bộ sơ văn (viết vào thời kỳ Vạn Lịch). Tôi lấy văn bản sách này ở ông Tố.



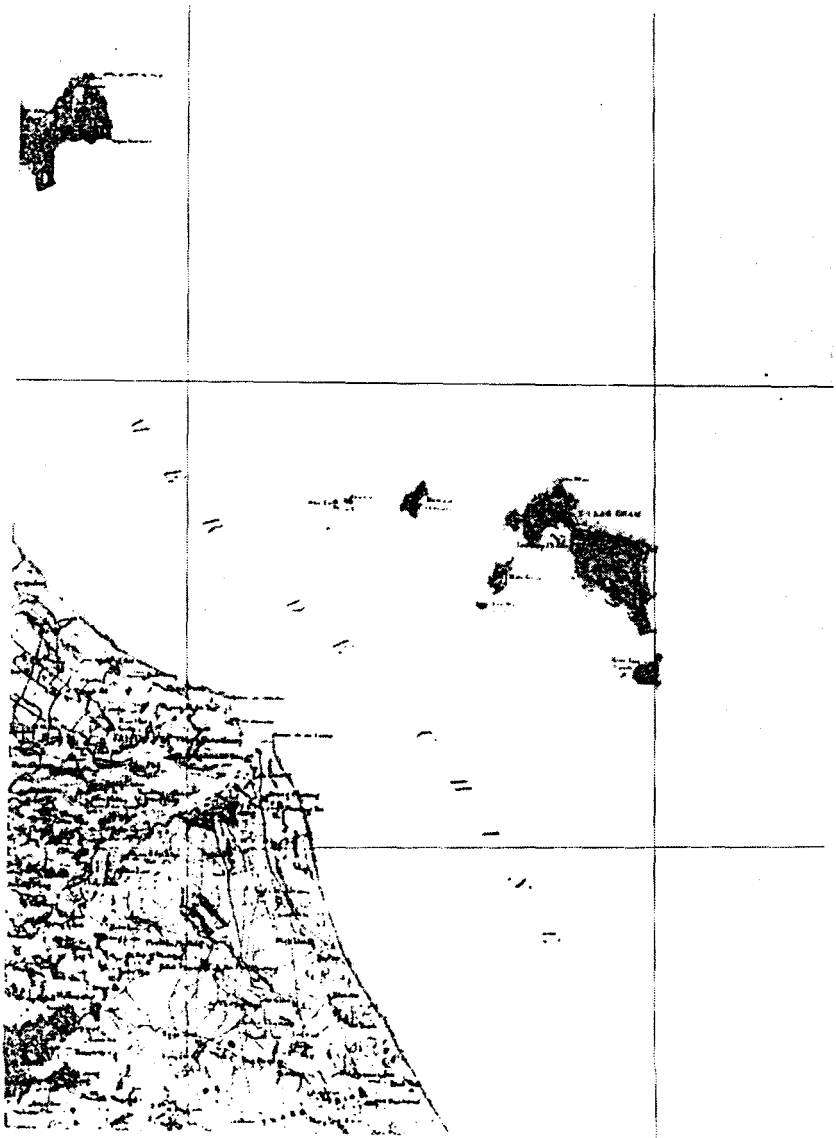
I. *Yến oa, hình tổ én trên Tuyền đỉnh ở Thế Miếu Huế.*



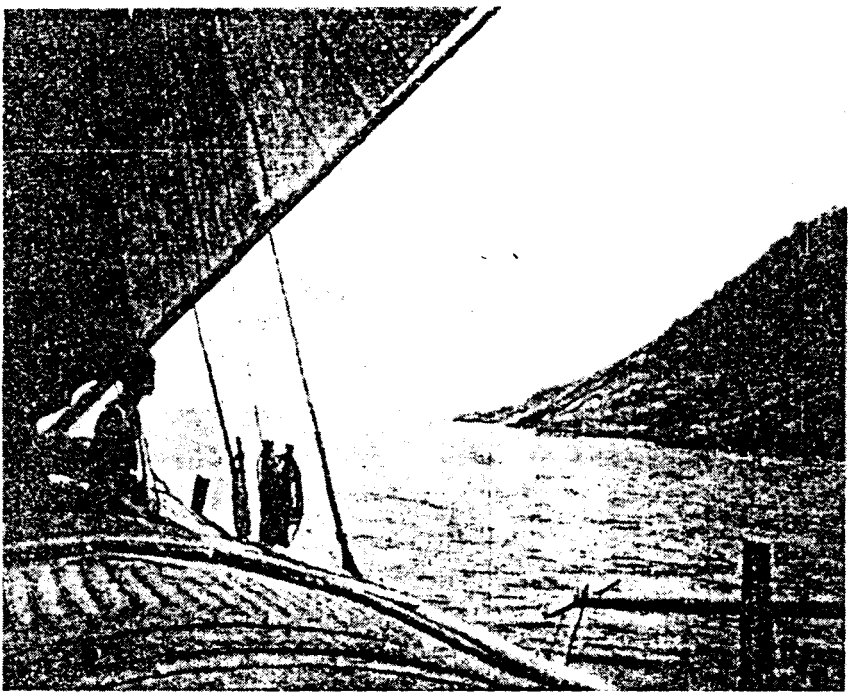
II. *Chim én ở bờ biển Việt Nam.*



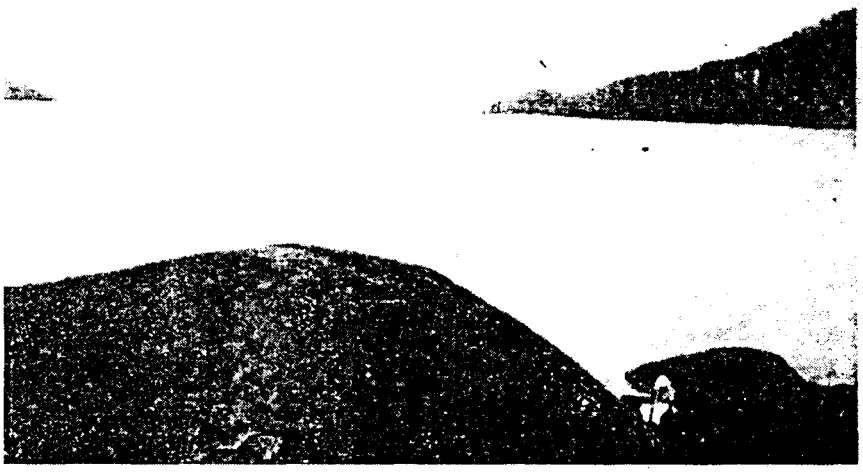
III. *Tổ én ở Cù lao Chàm.*



IV. *Cù lao Chàm.*



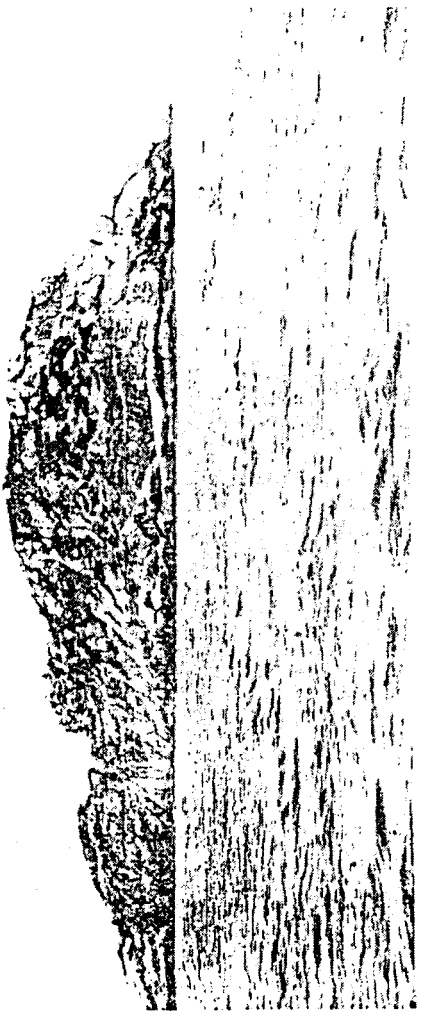
V. *Ghe biển giữa Cù lao Chàm.*



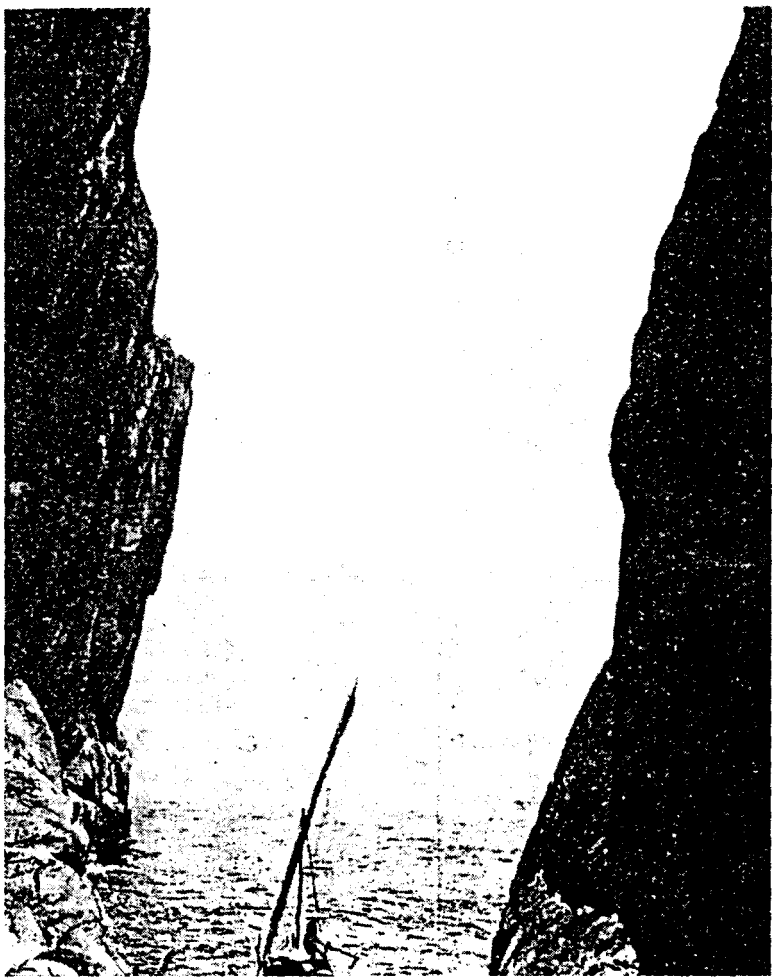
VI. *Cù lao Chàm: đảo Nhé.*



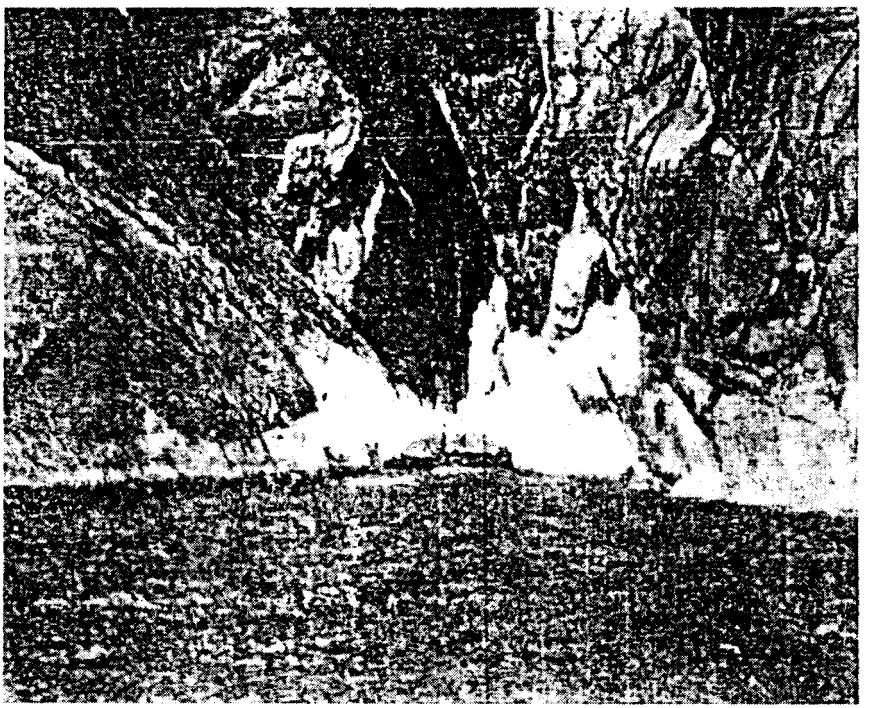
VII. *Cù lao Chàm: điểm đông bắc đảo Nhé.*



VIII. *Cù lao Chàm: núi đá ở ven bờ.*



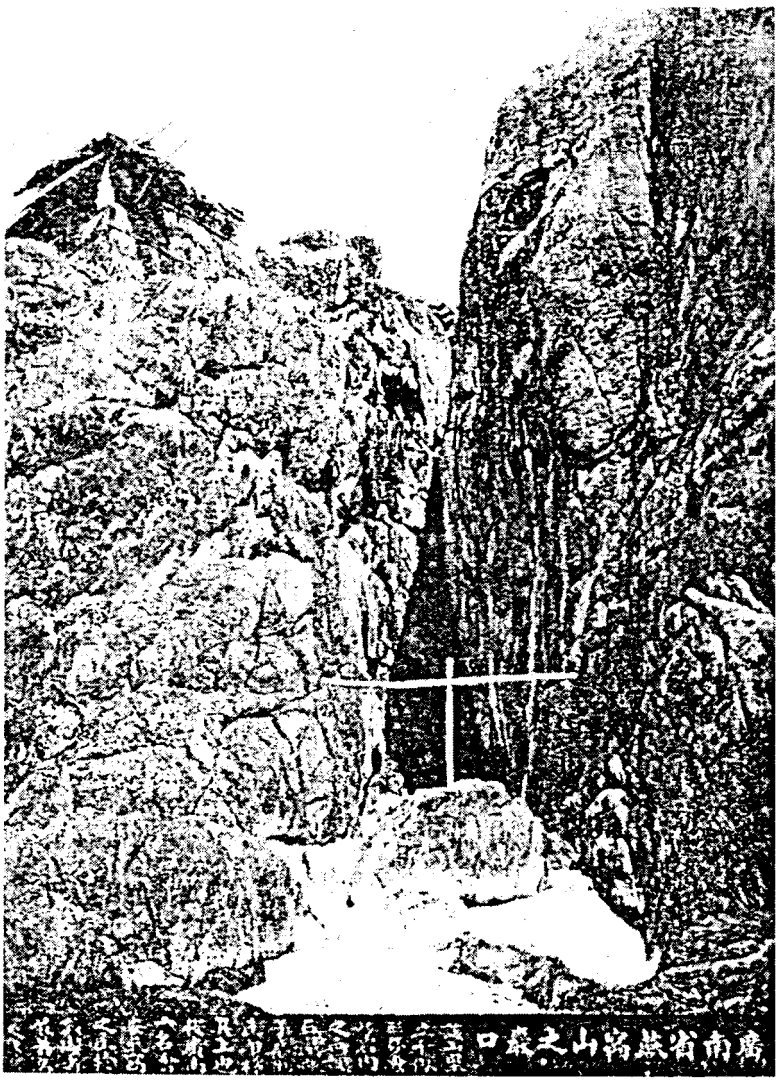
IX. *Cù lao Chàm: lối vào một hang có tổ én.*



X. *Cù lao Chàm: chỗ cửa biển có hang tổ én.*



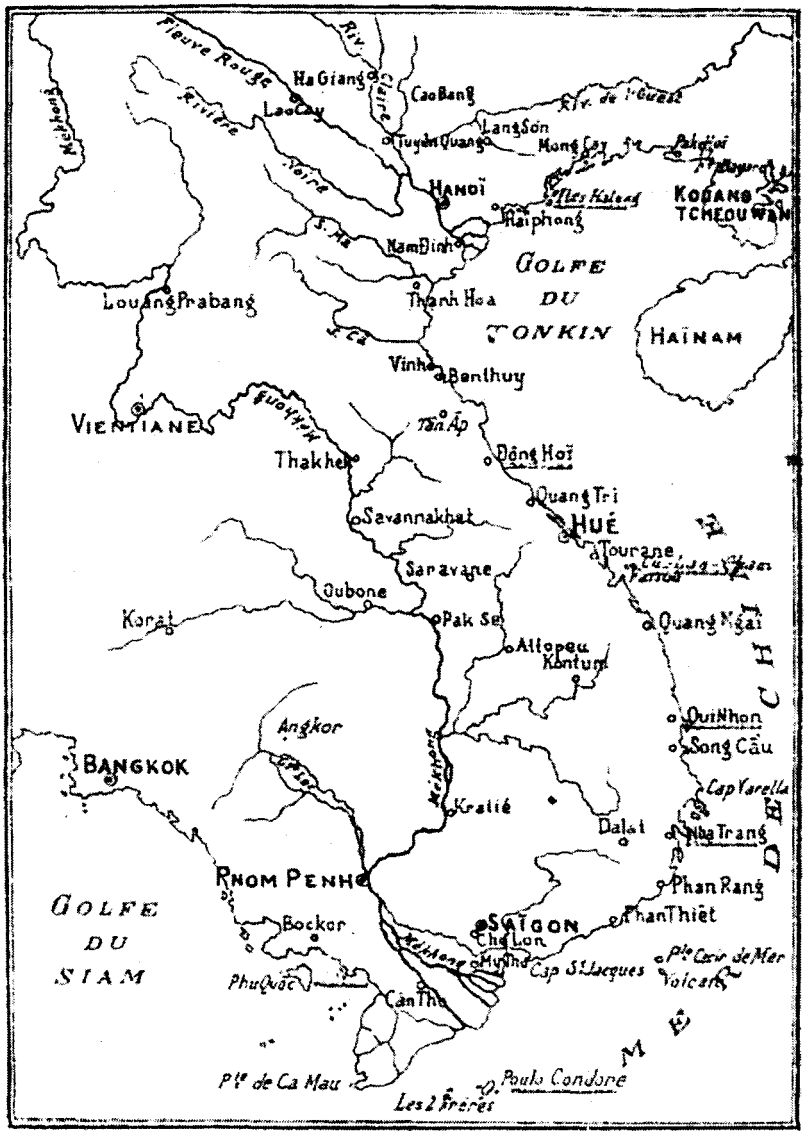
XI. *Cù lao Chàm: hang tổ én.*



XII. *Cù lao Chàm: hang tổ én.*



XIII. *Cù lao Chàm: hang tổ én với những dàn giáo.*



XIII bis. *Những nơi có tổ én ở Việt Nam.*

MỘT NHÀ QUÝ TỘC PHÁP Ở THÁI LAN TỪ 1685 ĐẾN 1688 [1]

H.DÉLÉTIE

KHUÔN mặt kỳ lạ, thật thế, đó là khuôn mặt của Bá tước De Forbin, "Hải quân đề đốc của Thái Lan với danh xưng Opra Sac Disom Cram, Tư lệnh hạm đội lực lượng hải quân của Hoàng thượng vua nước Pháp, Hiệp sĩ quân đội Saint, Louis".

Sinh ngày 6 tháng 8 năm 1656 ở Gardanne, Provence, Hiệp sĩ De Forbin từ thời thơ ấu đã biểu lộ một khí chất ưa chiến trận, một khát vọng phiêu lưu và một tinh thần độc lập không thể quên tạo nên tai tiếng trong một gia đình mà

---

[1] Theo các tác phẩm: "Mémoires du Comte De Forbin, Chef d'escadre, Chevalier de l'ordre militaire de Saint Louis (Hồi ký của bá tước De Forbin, Tư lệnh hạm đội, hiệp sĩ quân đội Saint Louis) - Marseille, nhà Jean Mossy, nhà in của vua, của Hải quân và hàng sách công viên. M.D.C.C.LXXXI. Với sự thừa nhận và cho phép". Hai tập.

"La vie du Comte de Forbin, Chef d'escadre des Armées navaly de France" (Cuộc đời của Bá tước De Forbin, Tư lệnh hạm đội các lực lượng hải quân của Pháp quốc). Ấn bản lần thứ tư, Do M.Richer - Paris, nhà Volland le jeune, nhà sách, quai des Augustins, số 17 bis, 1816 - Một tập - "Le journal ou suite voyage de Siam, en forme de lettres familières fait en M..DC.LXXXV et M.DC.LXXXVI par M.L.D.C" [l'Abbé de Choisy] (Nhật ký hay là đoạn sau của cuộc hành trình Thái Lan dưới hình thức thư từ gia đình thực hiện vào 1685 và 1686 bởi M.L.D.C [mục sư Choisy]..., Amsterdam, nhà Pierre Mortier M.DC.LXXXVII").

"nhiều thành viên đã làm rạng danh nhà thờ, thanh kiếm hay trang phục".

Một hôm ông bị cha trách mắng và nhốt trong một cái phòng, ông buông mình cho cơn giận dữ, nhổ tóc và đập đầu vào tường, người ta thấy ông đầy máu và các vết bầm.

Vào năm lên mười, một con chó dữ chồm lên người ông mõm sùi bọt mép làm rơi mũ của ông và ông nắm chân sau của con vật và thọc dao vào bụng trước sự chứng kiến của những người chạy đến tiếp cứu.

Người cha chết, ông đòi quyền thừa kế chính thống của mình để theo đuổi binh nghiệp. Giận dữ vì bị từ chối, ông trốn khỏi nhà cha mẹ, chạy đến phàn nàn với người anh ở cách đó bốn dặm. Ở đây người ta cũng không kể gì đề nghị của ông, ông bèn mang một phần bát đĩa đi bán ở Marseille trước khi dấn thân vào quân đội hoàng gia. Bị cáo giác với gia đình do người thợ kim hoàn mà ông gởi đến vì người này nhận ra các binh khí của họ De Forbin, ông phải trọ nơi nhà một tu sĩ; ông quăng bình mực vào mặt ông ta và nhảy từ trên một sân thượng cao hơn 10 bộ xuống chạy trốn, rồi đi đến kể nỗi khốn khổ của mình với người chỉ huy ở Forbin - gardanne; người này nhận ông lên chiếc chiến thuyền do chính ông ta chỉ huy.

Từ đó, mở đầu một loạt những cuộc cãi vã, khiêu khích và quyết đấu. Những ai không cẩn thận xem ông ta là trẻ con (là điều ông ta ghét nhất), ông ta liền tặng cho họ một quả đấm nếu họ là người bình dân, nếu họ là quý tộc, ông ta rút gươm ra đánh họ ngay; và ông ta thật sự dũng cảm và quảng đại, những chuyện đó không làm ông ta buồn bực về sau. Nhưng Hiệp sĩ Gourdon mượn tiền ông để thanh toán một món nợ cờ bạc. Như người bạn kéo tai để trả nợ, ông ta lấy thanh gươm có núm bọc đầu bằng bạc của ông ấy và thay vào đó cái bằng

sắt của ông ta và tuyên bố: "Tôi sẽ trả lại cái của anh khi anh trả lại tiền cho tôi". Lấy gươm ở một nhà quý tộc là điều trầm trọng hơn đập chết một lính gác thủy binh; vị chỉ huy ở Gardanne xen vào: De Forbin phải trả gươm "không nhận được tiền" và giữ lại cho mình một mối hận lòng. Nó còn bám ông mãi; chuyến hành quân ông tham dự trên các chiếc thuyền của nhà vua để giải thoát Messine bị người Tây Ban Nha vây, trận chiến ở Flandre, trận đánh chiếm Condé mà ông tham gia như một ngự lâm quân; nhiều lần bị phạt giam trong quân đội vì các hành vi "nóng nảy" của ông, đã không làm thay đổi được gì tính chất của ông. Năm 1677 được phong làm trung úy hải quân (enseigne de vaisseaux) và sung dụng ở hải cảng Brest, ông gặp Hiệp sĩ Gordon lúc ông ta sắp đi Provence. Thế là xảy ra chuyện khiêu khích và quyết đấu lần nữa. Một trận quyết đấu hào hùng làm sao!

"Chúng tôi so kiếm trước dinh chủ giáo (Evêché): tôi đâm một kiếm vào bụng ông ta và một kiếm nữa vào cổ họng và do cú đỡ kiếm của tôi dính lại ở đó. Thấy mất vũ khí, tôi lùi lại vài bước và bị đâm vào hông, đúng lúc đó cây kiếm của tôi bị dính ở cổ họng vị hiệp sĩ đã rơi xuống đất ông ta liền nhặt nó; tôi muốn nhào xuống ông ta, nhưng tôi đã ở trước hai mũi kiếm: Đừng tiến lên, ông ta nói với tôi - ông đã mất vũ khí, này hãy cầm lấy kiếm của ông, ông ta đã đâm trúng tôi, nhưng tôi là quý tộc trung thực. Vừa dứt lời, ông ta ngã ra chết. Trong khoảnh khắc tôi chỉ nghĩ đến việc thoát thân trước đám đông đang chạy đến.

Chuyện này xảy ra vào thời ông Colbert, người không đùa với những người quyết đấu. Ông Bộ trưởng được thông báo và vì muốn làm ơn cho gia đình Forbin, ông loan truyền rằng người Hiệp sĩ trẻ sẽ bị bắt. Gia đình Forbin dàn xếp với ông để tranh thủ thời gian; người ta bèn dựng lên "những tin tức

mới" và vừa khi tối cao pháp viện Aix công bố tội chết cho De Forbin thì chỉ sau vài giờ ngồi tù, ông đã có "lệnh ân xá" - Ông cũng nhận được một con lừa mà gia đình ông cho ông tại chỗ với mệnh lệnh biến đi cho nhanh.

Ông muốn không còn nghe nói đến ông nữa. Ở Brest ông thay thế người anh, cũng là trung úy hải quân, cùng tuổi, cùng vóc dáng như ông; và người này huấn luyện lính thủy cho Hoàng thượng. Ông lên tàu ở Rochefort với chiếc Đề đốc Estrées và đầu quân ở Mỹ châu: ông viếng thăm tân Tây Ban Nha, St.Domingue... ở đây ông nếm mùi đầm lầy, rừng đước và muối.

Trở về Toulon, ông lên thuyền trên chiếc Amiral Duquène và tham dự cuộc ném bom đầu tiên xứ Alger. Ở đây ông nhận thấy rằng người Algérie trả lời đại bác của nhà vua vĩ đại bằng cách cột những tù binh Công giáo vào họng súng đại bác của họ. Mùa này không cho phép tiếp tục các cuộc hành quân, lại trở về Toulon, ở đây De Forbin đào tạo lính phóng lựu đạn để đợi trận đánh sắp tới. Năm sau lại xảy ra các hành động thù địch chống lại người Tures, và lại oanh tạc Alger. Người hiệp sĩ của chúng ta đem lại trong dịp này một hành vi biết ơn và tận tâm, tất cả cho vinh dự của một sĩ quan thù địch.

"Tất cả điều còn lại của trận chiến này là việc pháo kích thành phố với vô số đạn bắn vào đây, và giết hại một số không kể xiết giáo dân khốn khổ mà những kẻ man rợ này không để cho họ rời khỏi được miệng súng đại bác. Hành động phi nhân này đã tạo ra một nghĩa cử cao thượng mà tôi không nghĩ rằng có thể bỏ quên. Thuyền trưởng một tàu chiến Algéria mà Hiệp sĩ De Levi đã bắt được ngày xưa trong các hành trình của mình và đối với người này ông rất trìu mến, cũng như tất cả các sĩ quan của ông, những người đã ở Alger

và đã chứng kiến hành vi dã man mà người ta đã dùng với những người Công giáo.

"Một trong những sĩ quan của Hiệp sĩ De Levi, tên là Choiseuil không may bị bắt, bị kết tội chịu số phận bị hại như những người khác; khi bản án sắp được thi hành, người đại úy Hồi giáo được tin; xúc động vì hoạn nạn của một người trước đây đã giúp đỡ anh ta, anh ta trước hết tìm mọi cách bảo đảm cho viên sĩ quan Pháp, nhưng không thể có được đặc ân gì và trông thấy người ta cột anh ta vào đại bác, mặc dù có thể nói lời hảo ý, anh ta tuyệt vọng chạy đến bên người sĩ quan Pháp và ôm hôn tha thiết, và nói với người lính pháo binh, anh hãy bắn đi bởi vì tôi không thể cứu được ân nhân của tôi, tôi muốn được cùng chết; nhà vua chứng kiến cảnh đó đã cảm động và ân xá cho người sĩ quan. Sau khi trở về Pháp Choiseuil phục vụ lâu năm với tính cách thuộc cấp; và chính là dựa vào lời kể của ông mà tôi ghi lại chuyện này mà các quốc gia, những nước văn minh nhất chắc chắn lấy làm vinh dự".

Cuối cùng, những người Algérie xin nghị hòa gởi ngay một sứ bộ đến Versailles - De Forbin được đề cử hộ tống Hầu tước Hồi giáo ở Bồ Đào Nha (Portugal), nơi mà vua Louis XIV đã gởi Don Pedro đến để chúc mừng ông ta đã đến viếng. Ở đây nhà hiệp sĩ trẻ tuổi của chúng ta được một bài học kinh nghiệm khốn khổ về thương mãi, ông đã mất cả chuyến hàng thuốc lá chở trên một chiếc tàu bị hải tặc súng cối cướp. Trở về rochefort, ông được hưởng một chuyến nghỉ phép để về Provence: trên đường ông lịch thiệp bảo vệ cho một người đàn bà bồi phòng trẻ đẹp bị chủ ngược đãi, ông đem bà ta đi, sau một cuộc phiêu lưu nực cười đã đưa đến chức phán quan địa phương mà ông nhạo báng; ông cho người đàn bà ông chinh phục được mặc đồ con trai, để lại vài ngày ở Aix trong thời gian ông đi thăm mẹ; trở lại thấy cô nàng không trung thành

bèn sửa trị nàng và gởi về cho gia đình nàng. Rồi ông trở lại triều đình tìm vận may. Ông gặp ở đó hai viên quan Thái Lan đến hỏi thăm một sứ đoàn do vương quốc Thái gửi đến Louis XIV, bị chìm tàu đâu đó ở Địa Trung Hải. Hai viên quan Thái đi theo có một Thừa sai người Pháp, Ông Vachet, kể cho những ai muốn nghe họ rằng vua nước Thái Lan vui lòng theo Công giáo nếu vua nước Pháp vui lòng nhận lời mời đến đây một sứ bộ. Được người ta cho thấy thêm khả năng giao thương với Thái Lan, Hoàng thượng Công giáo (S.M.Catholique) quyết định gửi sứ bộ đến; Hiệp sĩ Chaumont, thuyền trưởng với tư cách đại sứ đặc biệt, và mục sư Choisy với tư cách đại sứ thường nhật để thường xuyên thay thế chức vụ Chánh sứ. Một vài nhà quý tộc ưa phiêu lưu tháp tùng họ. Và thế là ngày 3-3-1685, Hiệp sĩ De Forbin đặt chân xuống chiếc l'oiseau, chiếc thuyền với 46 khẩu đại bác, với các Toàn quyền ủy viên của Louis le Grand, sáu giáo sĩ Dòng Tên, các nhà Toán học, Thiên văn học và 2 thừa sai trực chỉ Trung Hoa. Phần còn lại của sứ bộ đi trên chiếc tàu buồm La Maligne, tàu với 24 đại bác. Và người ta giương buồm để đi Thái Lan qua mũi Hảo Vọng (Cap de bonne Espérance).

Nhưng chúng ta hãy để cho độc giả hưởng cái thú tự mình thưởng thức vài đoạn trong thiên ký sự của Hiệp sĩ De Forbin.

"Cuộc hải hành rất thuận lợi [1] ; chúng tôi vượt qua đường xích đạo mà không quá khó nhọc vì sức nóng [2] ; sau đó không

---

[1] Mục sư Choisy trong tác phẩm của mình: "Journal du voyage de Siam (Nhật ký du hành Thái Lan)" đã chú thích đến cả những sự cố nhỏ nhất trong lộ trình (độ cao hằng ngày, tình hình trên biển, giải trí trên tàu...) đã viết:

"Tôi vừa đánh cờ vua với hiệp sĩ De Forbin. Ông ta chưa là cao thủ bởi vì tôi chấp ông ta một vòng; nhưng ông ta rất nhạy bén, một trí tưởng tượng bốc lửa, nhiều dự tính, rất Provençal và Fourbin. Ông ta sẽ có sự nghiệp, nếu không được thì không phải lỗi của ông ta. Ông ta nắm vững

bao lâu chúng tôi được thấy các ngôi sao mà chúng tôi chưa bao giờ thấy. Nhưng ngôi sao mà người ta gọi là Croisade (Cuộc chiến của Thập tự quân) chúng gồm có 4 ngôi, là những ngôi sao đầu tiên mà chúng tôi lưu ý; kế đó chúng tôi thấy chùm Mây Trắng (Nuage blanc), ở gần Nam Cực. Nhờ những viễn vọng kính mà các nhà toán học của chúng tôi dùng, chúng tôi khám phá màu trắng của đám mây này không phải gì khác là vô số các ngôi sao nhỏ. Cuối cùng, sau 3 tháng hải hành chúng tôi đến mũi Hảo Vọng, khá chính xác so với ước tính của các hoa tiêu chỉ sai lệch 15 dặm, không đáng kể gì đối với đoạn đường đã đi của cuộc hành trình.

"Mũi Hảo Vọng chỉ là một dãy núi dài, trải dài từ Bắc đến Nam, và kết thúc bằng một mũi nhọn khá dài đâm ra biển. Bên cạnh ngọn núi này là một cái vịnh rộng lớn, khoét sâu vào đất liền và bờ biển dọc chân núi rất sạch nhưng cũng rất nguy hiểm. Chúng tôi không dám tiến tới ban đêm, nhưng ngày hôm sau mặc dù gió ngược, chúng tôi nghĩ rằng cũng không quá liều lĩnh khi tiến vào đây.

---

chìa khóa của nghề đi biển, đó là một nhà chức trách giỏi trong chúng tôi. Tất một lời, đó là một chàng thanh niên đẹp trai, có phong thái không ở lâu trong chức vụ phụ tá".

(2) Mục sư Choisy cũng miêu tả như thế lễ qua xích đạo:

"Sáng nay người ta làm lễ qua xích đạo. Tất cả các thủy thủ từng qua xích đạo trang bị kềm, kẹp, nồi, soong. Trên đầu họ là cái trống màu đen; và chỉ huy là một ông già run rẩy mà có thể nói: "Đó là một gánh nặng, gánh nặng của 80 năm". Đoàn người này sau khi đã trình diễn các động tác, sắp hàng quanh một thùng gỗ đầy nước, theo lệ cũ, người ta nhúng vào đó tất cả những ai chưa qua xích đạo! Ông Đại sứ là người đầu tiên bị đòi ra, và hứa bằng cách đặt tay lên địa đồ toàn cầu, thực hiện lễ nghi khi lại qua đường xích đạo; và để khỏi bị ướt ông ta phải bỏ vào chậu một nắm bạc. Tôi cũng làm như thế và tất cả các sĩ quan và tất cả những ai muốn chuộc mình. Những người khác phải bị nhúng vào thùng và làm ngập hết hai mươi xô nước".

"Khi chúng tôi vừa đến giữa cửa biển, gió bất ngờ ngưng thổi. Và chúng tôi bị dòng nước cuốn đi về phía bờ đá, vừa khi còn cách khoảng một tầm súng hỏa mai, gió lại thổi và đưa chúng tôi thoát khỏi hiểm nguy. Chúng tôi không có bao nhiêu ngày gặp nguy khốn. Cuối cùng sau khi làm việc nhiều, chúng tôi thả neo cách cái đồn do người Hòa Lan xây dựng khoảng 150 dặm, nơi đây họ có một đội quân đồn trú hùng mạnh. Hai chiếc tàu hơi nước liền đến đón chúng tôi; ngày hôm sau tôi lên bờ để chúc mừng vị Tổng trấn, để trao đổi với ông ta về việc giúp đỡ lương thực mà thủy thủ đoàn rất cần. Tôi đã gặp người sĩ quan này trong cái đồn mà tôi đã nói: đây là một hình ngũ giác đều và rất kiên cố; tôi được tiếp đón rất văn minh, người ta nhận lời tất cả những gì tôi yêu cầu; việc giúp đỡ đã được đáp ứng từng cái một và người ta cung cấp cho chúng tôi, chúng tôi trả tiền, tất cả mọi thứ tươi sống.

"Tám ngày sau khi đến mũi Hảo Vọng đã đủ lấy lại sức, chúng tôi lại lên đường đi về phía eo biển Sonde tạo nên do các đảo của Java và Sumatra. Gió ngược làm cho chúng tôi đi về hướng Nam, và chúng tôi cách xa chiếc thuyền buồm không còn trông thấy nữa: chúng tôi thấy vùng đất Australes, những bờ biển xa lạ đối với các hoa tiêu của chúng tôi. Vùng đất này hình như là màu đỏ nhạt; chúng tôi không muốn đến gần và rồi gió lại thuận, chúng tôi đổi lộ trình và chúng tôi thấy đảo Java.

"Chúng tôi thiếu các hoa tiêu có đủ hiểu biết về eo biển Sonde: để lấp khuyết điểm này, chúng tôi đành du hành theo bản đồ do ông De Louvais cung cấp; và sau một thời gian theo các đảo Java, với buồm nhỏ, chúng tôi khám phá ra eo biển và chúng tôi tiến vào an toàn.

"Trong lộ trình này, thủy thủ đoàn hết thảy đều ở trên cầu tàu, đã chứng kiến một hiện tượng mà chúng tôi chưa bao giờ

thấy, nó cung cấp tư liệu, trong vài giờ, cho các lập luận của các nhà vật lý của chúng tôi. Bầu trời hôm đó rất trong, bỗng chúng tôi nghe một tiếng sét giống tiếng đại bác: tiếng sét kêu kinh khủng, rơi xuống giữa biển cách thuyền hai trăm bộ, và tiếp tục thổi trong nước và làm sôi sục trong một khoảng thời gian dài.

"Sau một chuyến hải hành gần hai tháng, ngày 15-8 chúng tôi thấy Bantam, nơi đây chúng tôi mong muốn vượt qua được ngoài các bệnh nhân của chúng tôi, sự kiệt lực của phần còn lại thủy thủ đoàn và hơn nữa là sự khiếm khuyết của hoa tiêu, và hiểu biết con đường đi Thái Lan phải được giảm thiểu. Chúng tôi qua đêm khi neo thuyền; ngày hôm sau được lệnh lên bờ để đại diện (sứ bộ) đại sứ chúc mừng nhà vua, và để yêu cầu cho phép chúng tôi mua lương thực tươi sống mà chúng tôi thiếu.

"Viên trung úy trong đồn mà tôi được giới thiệu, đã từ khước tất cả những gì tôi yêu cầu ông ta. Dù làm thế nào cũng không được tiếp kiến nhà vua, tôi trình bày rằng tôi muốn được nói với vị Tổng trấn Hòa Lan; người ta trả lời rằng ông ta bệnh, và đã từ lâu không tiếp một ai; cuối cùng sau khi từ chối khéo các yêu cầu của tôi, người ta nói với tôi rõ ràng không quanh co rằng tôi không thể nào có được thực phẩm tươi sống vì nhà vua tuyệt đối không muốn người ngoại quốc đặt chân lên vương quốc.

"Batavia là thủ phủ của người Hòa Lan ở Ấn Độ; lực lượng của họ ở đây thật kinh khủng; họ thường lưu giữ ở đây năm hay sáu ngàn quân gồm nhiều quốc tịch khác nhau. Kinh thành này được đặt ở giữa cửa biển, xây theo kiểu nhà sàn; nó gồm 4 pháo đài bao quanh một cái hố đầy nước ngọt; thành phố xây rất đẹp, mọi nhà đều sơn trắng theo lối của người

Hòa Lan; nó gồm một cư dân không xác định, trong đó người ta thấy một số rất lớn người Pháp có đạo Thiên Chúa giáo mà việc buôn bán đã lôi cuốn họ đến đây.

"Vị tướng cai quản phái đoàn Ấn Độ đặt bản doanh ở đây; Ông cai quản tất cả các xứ Ấn Độ thuộc Hòa Lan và triều đình của ông không kém đông cũng như không kém huy hoàng với triều đình của các nhà vua. Ông ta giải quyết mọi việc của quốc gia cùng với một hội đồng, tuy nhiên ông không buộc phải trình báo với Hội đồng và ông có thể hành động theo ý mình về những gì xảy ra; nhưng trong trường hợp này ông vẫn chịu trách nhiệm về sự cố và trả lời về nó. Chính ở nơi ông mà các sứ bộ ở Ấn phải liên hệ dưới danh nghĩa Quốc gia; ông muốn hòa bình hay chiến tranh là tùy theo ý thích riêng, không một thế lực nào có quyền chống đối. Nhiệm kỳ của ông là ba năm, nhưng thường được tiếp tục trọn đời, rất hiếm khi, nếu không nói là không khi nào một tướng Tổng quản của phái đoàn Ấn Độ bị bãi chức.

"Từ khi chúng tôi thả neo tôi đã lên bờ để đi chúc mừng ông ta; tôi được một sĩ quan ở cảng tiếp đón và dẫn vào dinh. Lúc tôi đến đội Cảnh vệ thường trực rất đông, súng ống đầy đủ dàn thành hai hàng, tôi đi qua và vào một hành lang trang hoàng rất đẹp bằng những đồ sứ Nhật Bản.

"Chúng tôi được cung cấp mọi thứ tươi sống, và chúng tôi có một hoa tiêu lành nghề và kinh nghiệm, chúng tôi lên đường đi Thái Lan. Gió thuận và chúng tôi giương buồm từ sáng sớm. Đến 11 giờ đêm trời tối đen, chúng tôi thoáng thấy gần mình một chiếc thuyền chạy đến hết tốc lực. Theo cung cách của nó, chúng tôi không nghi ngờ gì nó muốn tấn công, mọi người cầm vũ khí, chúng tôi nả một quả đại bác nhưng không làm cho nó thay đổi hướng đi; để tránh cuộc tấn công

chúng tôi lui tàu, nhưng với tất cả cố gắng tàu cũng bị tấn công đằng lái và bị bể mất phần trên. Tôi đứng trên sàn tàu, bắn một vài phát súng; không một ai xuất hiện; tôi lấy hết sức đẩy tàu ra. Nhiều người muốn đuổi theo chiếc tàu; nhưng vị đại sứ không cho phép, chúng tôi tiếp tục hành trình của mình và trong đêm tối chiếc tàu nọ mất hút.

"Thủy thủ đoàn có nhiều lý giải về chuyện xảy ra này, người thì cho rằng đó là một chiếc thuyền phóng hỏa (brulot) mà người Hòa Lan bố trí sau một hòn đảo để mưu hại thuyền bè của nhà vua (Pháp) và ngăn chặn sứ đoàn Thái Lan mà họ không ưa; nhưng người khác thì lại hình dung cách khác, riêng tôi nghĩ rằng đó là một chiếc tàu mà thủy thủ đoàn say khướt và số còn lại trốn dưới cầu tàu vì sợ viên đạn đại bác chúng tôi đã bắn, không dám chứng tỏ còn sống (khi đến Thái Lan kiểm chứng lại cho thấy điều tôi nghĩ là đúng).

"Sau câu chuyện này xảy ra chúng tôi rất cảnh giác về chuyện đó, chúng tôi tiếp tục hành trình đầy khó nhọc, cho đến Dải cát Thái Lan (Barre de Siam) nơi đây chúng tôi bỏ neo ngày 23-9, sau gần 6 tháng kể từ ngày lên đường ở cảng Brest.

"Dải cát Thái Lan không gì khác hơn là một dải lớn bùn lầy, tạo nên do dòng sông, cách cửa sông 2 dặm. Nước ở đây khá thấp, trong lúc thủy triều lên cao nhất, nó không bao giờ quá 12 bộ, điều này khiến cho các tàu lớn không thể vào sâu.

"Sau khi thả neo, tôi đi cùng ông Vanchet để thông báo việc ông đại sứ đến trong các xứ thuộc vua Thái Lan. Đêm đến chúng tôi vào đến cửa sông: con sông này là con sông trong số đáng kể nhất ở Ấn Độ, nó được gọi là Menan, nghĩa là Mẹ của các con sông - Thủy triều ở xứ này rất cao, nay trở thành trái lại, chúng tôi buộc phải ghé bến. Khi đến gần chúng tôi thấy 3 hay 4 cái nhà nhỏ lợp lá kè. Ông Vachet nói

với tôi rằng đó là nơi ở của người cai quản dải cát Thái Lan: chúng tôi rời ca nô và chúng tôi thấy ở một trong các nhà này 3 hoặc 4 người ngồi đít trần trên mặt đất, đang nhai lại như những con bò, không giày, không áo quần, không mũ, toàn thân chỉ có một tấm vải đơn giản để che đậy sự trần truồng của họ; những người khác trong nhà cũng nghèo nàn như họ. Tôi không thấy ở đây cái ghế nào cũng như không một đồ gỗ: vừa đi vào tôi hỏi đâu là vị tổng trấn, một người trong bọn trả lời "chính tôi".

"Cái nhìn đầu tiên này hạ thấp rất nhiều các ý nghĩ mà tôi đã xây dựng về Thái Lan; tuy nhiên tôi rất đói bụng, tôi hỏi họ có còn gì nữa dọn cho tôi, ông ta trả lời tôi; "amay", ông ta muốn nói: "không".

"Chúng tôi được đãi ăn như thế khi lên bờ. Những gì tôi nói một cách ngay thẳng là hơn một lần tôi ngạc nhiên rằng mục sư Choisy và linh mục Tachard, những người có cùng chuyến du hành và cũng nhìn thấy sự việc như tôi, mà hình như đã đồng tình với nhau để nói với công chúng về vương quốc Thái Lan bằng những ý tưởng sáng sủa như vậy và cũng ít tương hợp với sự thật như vậy. Thật ra chỉ ở lại nơi đây có ít tháng, và ông Constance, thủ tướng có lợi thế làm lóa mắt họ, với những lý do mà tôi đã nói trong môi trường của ông ta, họ chỉ thấy ở vương quốc này những gì đã được ấn định: nhưng rốt cuộc, đã có tiên kiến để không thấy ở xứ này khổ cực bày ra khắp nơi, ở ngay chỗ đập vào mắt cũng không có thể thấy được - chuyện đó được coi là cho qua - chúng ta hãy trở về với cuộc hành trình của chúng ta.

"Thủy triều đã thuận lợi, chúng tôi lại xuống thuyền và theo đuổi cuộc hành trình, bằng cách lên theo dòng sông; chúng tôi đi gần 12 dặm, không thấy lâu đài, làng mạc, chỉ có vài cái

lều khốn khổ, như ở dải cát. Mưa đến để kết thúc, nhưng chúng tôi vẫn đi và chúng tôi đến Bancok lúc 10 giờ tối.

"Viên tổng trấn xã này, người Thổ, dễ chịu hơn viên tổng trấn ở dải cát Thái Lan, đã dọn xúp kiểu Thổ cho chúng tôi, người ta cho uống thuần một thứ rượu gọi là Sorbec, tôi không quen được đồ ăn thức uống; nhưng đành phải kiên nhẫn. Ngày hôm sau, ông Vachez lấy một chiếc "balon", tàu địa phương, và đi Xiêm thông báo sứ giả nước Pháp đến ở dải cát, và tôi lên ca nô về tàu.

"Trước khi đi tôi hỏi viên tổng trấn với tiền bạc liệu có thể có rau cải, trái cây và vài thứ tươi sống để đưa lên tàu 2, ông ta trả lời tôi: amay. Người của chúng tôi nôn nóng đợi tin của tôi, từ xa thấy tôi đến họ đã la lên hỏi tôi có đem được gì bồi dưỡng cho thủy thủ đoàn; tôi trả lời: amay và tôi thêm: tôi chỉ đem về những vết muỗi cắn, cái đã quấy rầy chúng tôi trong suốt cuộc hành trình.

"Chúng tôi neo thuyền năm sáu ngày mà không thấy ai xuất hiện: và kế đó có hai phái viên của nhà vua Thái Lan với ông De Lano, Đại lý Giáo hoàng và giám mục Montellopolis[1] và ông mục sư Lionne[2] đến tàu. Các phái viên thay mặt nhà

---

[1] Louis Laneau, sinh ở Mondoubleau, thuộc le Loir et Cher, ngày 31-5-1637, đi Thái Lan vào tháng 9-1661, tấn phong giám mục Matellopolis vào năm 1673, chết ở Juthiar ngày 16-3-1696. Theo A.Launay: Mémorial de la Société des Missions Etrangères (Tập lưu niệm của Hội truyền giáo ngoại quốc) phần II, tr. 356-359. Ghi chú của chủ bút BAVH.

[2] Aztus de Lionne, sinh ở Rome vào 1655, cha của ông là đại sứ bên cạnh Saint Siège, rời Paris đi Thái Lan ngày 19-1-1681, từ chối chức Chủ giáo năm 1687, đi sang Trung Hoa vào năm 1689, được phong giám mục Rosalie và Đại lý Giáo hoàng ở Su - tchuen năm 1700, chết ở Paris ngày 2-8-1713. Theo A.Launay: (Tập lưu niệm) - Mémorial phần II, tr. 401-403. Ghi chú của chủ bút BAVH.

vua và ông Constance chúc mừng vị đại sứ. Sau đó một lúc là lương thực bắt đầu được chở đến, ban đầu còn ít, sau thì rất nhiều, thủy thủ đoàn giờ đây không còn thiếu thứ gì gà, vịt, và các thứ trái cây Ấn Độ, nhưng rau cải rất ít.

"Triều đình dành 15 ngày để chuẩn bị đón tiếp ngài Đại sứ; họ ra lệnh thực hiện theo cách sau đây. Người ta cho làm trên bờ sông cách từng quãng một các nhà lá che thêm các tấm vải in. Đoàn thuyền nhà vua không thể vào sông vì dải cát nước cạn, để đi qua người ta chuẩn bị các thuyền dùng để chuyên chở

"Đoạn đường đầu tiên trên sông không có nghi lễ, chỉ có vài viên quan đến tiếp đón ngài Đại sứ và được lệnh hộ tống ngài. Chúng tôi phải mất 15 ngày để đi từ dải cát đến thành phố Joudia hay Odia, kinh đô của vương quốc.

"Tôi không thể ngăn mình để chỉ ra ở đây một sai lầm nữa của các vị thực hiện bản tường trình của chúng ta. Họ luôn luôn nói về một thành phố Thái Lan giả mạo mà họ gọi là kinh đô của vương quốc, họ nói rằng nó lớn không kém gì Paris và họ mặc sức tô vẽ nó theo ý mình. Điều hoàn toàn chắc chắn là cái thành phố đó chỉ có trong trí tưởng tượng của họ; vương quốc Thái Lan không có Kinh đô nào khác ngoài Odia hay Joudia, và Kinh đô này chỉ lớn bằng một thành phố hạng tư hoặc hạng năm ở Pháp.

"Trước hết người ta phân tích mổ xẻ nghi lễ và phương thức chuyển trình bức thư của nhà vua đến vua Thái Lan, việc này đã gây nhiều tranh biện. Vị đại sứ muốn trao nó tận tay: cách này không thích hợp với thông lệ của vua Xiêm; bởi vì muốn củng cố tính cao cả và quyền uy tối thượng để luôn luôn ở cao hơn đối với những người xuất hiện trước mặt, chính vì lẽ đó họ chỉ tiếp kiến các đại sứ qua khung cửa sổ cao mở ra

trong phòng tiếp tân; vì thế muốn đưa tận tay vua Xiêm phải dựng lên một cái bục nhiều cấp, đó là điều mà người ta không bao giờ chấp thuận; khó khăn này đã làm chúng tôi dừng lại nhiều ngày. Cuối cùng, sau nhiều lần đi và về trong đó tôi đóng vai trò chủ chốt, kết cuộc như sau: ngày tiếp kiến, thư của nhà vua được sắp đặt trong một cái bát bằng vàng đính trên một cái cán cũng bằng vàng dài khoảng 3 bộ rưỡi, nhờ nó, vị đại sứ có thể đưa thư lên đến cửa sổ của nhà vua.

"Ngày tiếp kiến, tất cả các quan lớn trong triều ngồi trên thuyền Balon của họ, trước đó là đoàn thuyền của vua và triều đình, đi đến nơi ngự của Đại sứ. Các thuyền Balon như tôi đã nói, là những thuyền nhỏ dùng để giao thông trong vương quốc. Trong xứ có một số lượng lớn thuyền này, không có chúng người ta không thể đi lại bởi vì hằng năm xứ này có 6 tháng lụt, đất lại quá thấp và mưa lại liên tục trong vài mùa.

"Các thuyền này chỉ làm bằng một thân cây đục rỗng ruột; có những chiếc rất nhỏ chỉ vừa người chèo bước vào. Chiếc rộng nhất cũng chỉ 4, 5 bộ ở chỗ rộng nhất, nhưng chúng lại rất dài, có những chiếc đến hơn 80 tay chèo là thường; và cũng có chiếc lên đến 120. Các bơi chèo được dùng là một thứ xuổng phía cuối lưỡi rộng 6 lóng tay (pouce) có hình uốn tròn và dài hơn 3 bộ. Các tay chèo nghe theo tiếng của một người chỉ huy và họ vâng lời với một sự khéo léo tuyệt vời. Giữa những chiếc Balon này người ta thấy những hình rồng và thủy quân lộng lẫy và thuyền của nhà vua tất cả đều mạ vàng".

"Trước hết chúng tôi bước vào cái sân rất rộng, trong đó có một số lớn voi sắp thành hai hàng theo lối đi qua của chúng tôi. Người ta thấy ở đây voi trắng vốn được người Thái Lan tôn kính, đứng riêng phân biệt với các con khác. Từ sân này chúng tôi vào một sân thứ hai, ở đây có 500 đến 600 người

ngồi trên đất như những người chúng tôi thấy ở dải cát cửa sông, cánh tay kẻ những đường xanh; đó là những đao phủ đồng thời là vệ binh của vua Thái Lan. Sau khi qua nhiều sân khác chúng tôi đến phòng tiếp kiến: đó là một hình vuông nơi đó người ta leo lên từ 7 đến 8 bậc.

"Vị Đại sứ ngồi trên một chiếc ghế bành, cầm đuôi của cái bát có đặt lá thư của nhà vua; mục sư Choisy ở phía phải của ông, nhưng thấp hơn và ở trên một cái ghế vuông, và vị Giáo hoàng ở bên kia trên một tấm thảm dưới đất, đặt rất gần với tấm thảm lớn.Tất cả đoàn đi sau viên Đại sứ ngồi dưới đất chân xếp chéo. Người ta căn dặn chúng tôi mọi điều, cảnh giác đừng để xuất hiện các bàn chân, không gì thiếu tôn kính hơn bằng để lộ chân ra. Ông Đại sứ, mục sư Choisy và ông Metellopolis đối diện với ngai vàng, ở trên cùng một hàng, chúng tôi tất cả xếp sau lưng họ ở cùng dãy. Phía trái là các quan lớn triều đình, trên hết là các quan cao cấp và tuần tự theo cấp bậc xếp ra đến tận cửa phòng.

"Khi tất cả đã sẵn sàng, vang lên một tiếng trống đại: với hiệu lệnh này các quan, tất cả vận một thứ lụa từ thắt lưng đến nửa đùi, mặc một áo sơ mi cụt tay vải mousseline, và đầu đội cái thúng cao độ một bộ tận cùng bằng hình kim tự tháp bọc vải mousseline; tất cả nằm rạp xuống phủ phục trên mặt đất dựa trên hai đầu gối và hai khuỷu tay. Tư thế của những vị quan này với cái khăn hình thúng của người này nối vào đít của người kia làm cho mọi người Pháp bật cười: cái trống chúng tôi đã nói ở trước, đánh lên nhiều tiếng cách quãng và đến tiếng thứ sáu thì nhà vua mở cửa và xuất hiện ở cửa sổ.

"Ông ta đội trên đầu một chiếc mũ nhọn như người ta đội ngày xưa ở Pháp, nhưng cái vành chỉ rộng hơn một pouce,

chiếc mũ này được cột vào dưới cằm bằng một dải lụa. Y phục của ông theo lối Ba Tư, với một thứ vải màu lửa và vàng. Ông đeo một cái đai lộng lẫy, nơi đó có dắt một con dao nhọn và ông mang một số lớn nhẫn quý ở các ngón tay của ông. Ông này khoảng 50 tuổi, rất gầy, nhỏ con, không râu, ở phía trái chiếc cằm có một nốt ruồi lớn mọc ra 2 sợi lông dài như lông ngựa. Ông Chaumont sau khi nghiêng mình cúi đầu để chào nhà vua, đã trình bày diễn từ của mình, ngồi và đầu che kín. Ông Constance làm thông dịch viên, sau đó ông Đại sứ tiến gần đến cửa sổ, trình thư cho nhà vua, người này muốn nhận nó phải cúi mình xuống nhiều và cả nửa người vươn ra ngoài cửa sổ để cho vị Đại sứ được thấy rõ và vì cái đuôi của cái dĩa không phải khá dài.

"Hoàng thượng người Xiêm (Thái Lan) đặt một vài câu hỏi cho vị Đại sứ, ông hỏi thăm sức khỏe của nhà vua và hoàng gia, hỏi thăm về một vài điều đặc biệt khác của vương quốc nước Pháp. Kế đó, chiếc trống lớn được đánh lên, nhà vua đóng cửa sổ và các quan đứng dậy".

"Ngoài việc tiếp kiến công cộng, ông Đại sứ còn có nhiều liên hệ với nhà vua. Lễ nghi xứ này là một điều phiền hà: không bao giờ có hội kiến đặc biệt, trước đó có hàng ngàn chuyện phải giải quyết. Với cương vị người đứng đầu tôi có trách nhiệm phải đi, về và phải thay lời cho cả hai phía. Trong công việc mà tôi bắt buộc phải làm này và hơn một lần nhà vua đã chứng kiến, tôi không biết phải nói sao đây rằng tôi có được diễm phúc hoặc nỗi đau khổ để làm vui lòng ông ta: dù sao đi nữa thì ông hoàng này mong muốn giữ tôi bên cạnh ông ta, ông ta đã nói điều đó với ông Constance.

"Vị Bộ trưởng này có chứng kiến riêng do những lý lẽ mà tôi đã nói, không muốn thấy tôi trở về Pháp, ít nhất là đừng

quá sớm, nên đã vui mừng về sự sắp xếp của nhà vua và đã lợi dụng tình hình đang diễn ra. Ông ta cho Hoàng thượng hay rằng ngoài những việc tôi có thể phục vụ cho quốc gia, thật là thích hợp khi một ai đó đang đi theo vị Đại sứ ở lại vương quốc Thái Lan (vì họ muốn gởi các Đại sứ sang Pháp và họ đã đề cử và sẵn sàng để lên đường) như là con tin để xem cách cư xử mà triều đình nước Pháp áp dụng với các Đại sứ của Thái Lan.

"Với những lý do đúng hay sai này nhà vua quyết định không để tôi đi về và ông Constance được lệnh giải thích cho ông De Chaumont các ý định của Hoàng thượng. Ông De Chaumont trả lời vị Bộ trưởng rằng ông ta không phải là người chủ của dự định của tôi, và ông ta không có quyền sắp xếp cho một sĩ quan của nhà vua, nhất là người đó thuộc một dòng họ quý phái như là Hiệp sĩ De Forbin. Các khó khăn này không làm chán nản ông Constance, ông lại gánh lấy trách nhiệm sau những lý lẽ đã nói và gia giảm phía này phía khác, ông tuyên bố với vị Đại sứ rằng nhà vua tuyệt đối muốn giữ tôi làm con tin bên cạnh ông ta.

"Lời tuyên bố này làm ngạc nhiên ông De Chaumont, không còn hy vọng về việc lên đường của tôi đã bàn tính với ông Constance và mục sư Choisy các phương cách làm tôi tuân theo ý định của nhà vua. Mục sư Choisy lãnh trách nhiệm nói với tôi lời đề nghị, tôi hoàn toàn chưa sẵn sàng để chấp nhận. Tôi trả lời với ông ta rằng để ra một bên nỗi khó chịu phải ở lại một xứ sở xa xôi mà tập quán trái ngược với nước mình, thì không thấy gì khác hơn là tôi phải hy sinh những khởi đầu nhỏ nhoi của tài sản tôi có được ở Pháp và mối hy vọng được nâng lên đến một cái gì đó khá hơn, để ở lại Thái Lan, nơi những công cuộc lớn nhất cũng không xứng với một chút những gì tôi đã có.

"Mục sư Choisy không mấy khó khăn để chấp nhận các lý lẽ của tôi và nhận rằng là không công bằng khi ép buộc tôi việc này, ông ta bèn trình bày những khó khăn của tôi với ông Constance, ông này trả lời ông rằng: "Thưa ông, ông Hiệp sĩ De Forbin không phải lo lắng về tài sản của ông ta; tôi xin chịu trách nhiệm chuyện đó; ông ta chưa biết hết về xứ này và tất cả những gì sẽ có cho ông ta; người ta sẽ cho ông ta giữ chức "Đại đề đốc, Tổng tư lệnh quân đội Hoàng gia và Tổng trấn Bangkok", và ngay tức thì người ta sẽ cho xây dựng một kinh thành để tiếp nhận các toán quân mà vua nước Pháp gởi đến".

Hiệp sĩ De Forbin ngần ngại ở lại đây, nhưng trong thâm tâm lòng chuộng phiêu lưu đã làm ông ta thích thú và ông không chống lại bao lâu các trách cứ của mục sư Choisy và ông De Chaumont, ông được phong chức "Đề đốc kiêm Tổng tư lệnh quân đội Hoàng gia Thái Lan", và ông tiếp nhận trước sự hiện diện của tất cả sứ đoàn, "Thanh kiếm và y phục" tượng trưng dấu hiệu của chức tước ông [1].

Một loạt những lễ lược, thăm viếng được tổ chức dưới vinh dự của sứ bộ Pháp.

"Trong khi ông Constance dùng hết mọi thủ đoạn để giữ tôi lại ở Thái Lan, ông không từ bất cứ gì có thể đem lại cho người Pháp một ý tưởng vĩ đại về vương quốc này. Đó là những buổi lễ liên tục và thực hiện với tất cả những gì có thể

---

[1] Chúng ta đọc trong "Journal" của mục sư Choisy: "Hoàng thượng xin ông Đại sứ để lại Hiệp sĩ De Forbin cho ông ta dùng trong quân đội của ông ta. Ông Đại sứ rất vui lòng chấp nhận yêu cầu của nhà vua, gọi De Forbin và giới thiệu với nhà vua; vị này hứa chăm sóc ông và ngay lúc đó tặng ông một thanh gươm bằng vàng và một áo khoác lộng lẫy. Ông đại sứ nói với vua xem xét các vị trí và thấy chúng đã ở trong tình trạng hư hại, nên dâng nhà vua kỹ sư Lamare, người này làm cho chúng không bị chê bai nữa. Hoàng thượng cảm ơn ông ta rất nhiều và chấp nhận".

được. Ông ta chăm chút bày ra cho vị Đại sứ và cho các người Pháp chúng tôi tất cả những giàu sang của Ngân khố hoàng gia, hiển nhiên xứng đáng với một vị hoàng đế hùng mạnh đáng được nể trọng; nhưng ông chỉ nói với họ rằng đống vàng bạc, đá quý đó là công trình lâu dài của các vị vua hợp lực tạo nên. Lề thói tạo lập ở Thái Lan là các vua chỉ được rạng danh chừng nào họ thêm vào đáng kể cho cái kho tàng này, không bao giờ họ được phép chạm đến nó, dù cho họ có nhu cầu.

"Ông ta đưa vị Đại sứ đi thăm các ngôi chùa mỹ lệ ở thành phố và nông thôn; ở Xiêm người ta gọi chùa là các ngôi đền thờ các ngẫu tượng hay chính các ngẫu tượng; các đền này chứa đầy các tượng thạch cao, mạ vàng rất nghệ thuật dễ làm người ta tưởng là bằng vàng. Ông Constance không quên làm cho người ta tin như vậy, điều đó dễ dàng xảy ra, bởi vì người ta không thể đụng đến chúng được, phần lớn được đặt ở chỗ rất cao, và các tượng khác thì để ở trong những lưới sắt không bao giờ mở ra và chỉ được phép đến gần chúng với một khoảng cách nào đó.

Ông De Chaumont và mục sư Choisy trở về Pháp với đoàn tùy tùng của họ. Đây là người anh hùng của chúng ta theo nhà vua bản xứ và theo con người chuộng phiêu lưu dùng ông ta như là thượng thư đầu triều.

"Bây giờ là lúc giải thích các nhãn quan chính trị của ông Constance; chúng tôi nói theo các lý do qua đó ông ta hăng hái mong giữ tôi lại Thái Lan. Vị Bộ trưởng này người Hy Lạp và là con của một chủ quán rượu ở một làng nhỏ gọi là Custode tại đảo Céphalonie, đến đây để cai trị một cách chuyên chế vương quốc Thái Lan, không thể vươn lên từ chức vụ này và giữ vững được mà không kích thích chống lại ông ta lòng ghen ghét và thù hận của tất cả các viên quan và ngay cả dân chúng.

"Trước hết ông vào làm việc cho Barkelon, nghĩa là Thượng thư đầu triều; ông ta rất được ưa chuộng, cách cư xử dịu dàng và hăng hái và trên tất cả là một tinh thần chỉ dành riêng cho công việc và không gì làm cho xao lãng, không bao lâu đã đem lại cho ông tất cả lòng tin của vị quan thầy người đã cho ông nhiều của cải, và giới thiệu ông với nhà vua như là một thần dân trung thành phụng sự nhà vua.

"Ông Hoàng này, biết ông không bao lâu, cũng không tin tưởng ở ông, nhưng với một sự bội bạc mà mọi người ghét bỏ, người mới được ân sủng không muốn có kẻ đối đầu trong các đặc ân của nhà vua và muốn lợi dụng cái quyền lực mà ông ta có nơi nhà vua, để làm mọi việc cho vị thủ tướng (barkelon) bị nghi ngờ và bên nhà vua ông ta cố gắng chứng tỏ là một thần dân trung thành, luôn luôn hết mình phụng sự nhà vua. Chính với cách đó, ông Constance đã làm cho ân nhân của mình trở thành nạn nhân đầu tiên mà ông ta dùng làm vật hy sinh cho tham vọng của mình, ông này bắt đầu bị tai tiếng trên toàn vương quốc.

"Các quan và tất cả các ông lớn, bất bình về một thủ đoạn làm cho họ luôn lo sợ cho bản thân, đã bí mật âm mưu chống lại vị tân Bộ trưởng và trù liệu để loại trừ ông khỏi nhà vua, nhưng không đủ thì giờ; ông ta ảnh hưởng mạnh mẽ đến tinh thần nhà vua, ông ta làm nguy hiểm đến tính mạng của hơn ba trăm người; những người muốn chấm dứt ân sủng của ông. Ông ta biết lợi dụng tài sản của ông ta và sự yếu hèn của người chủ của mình, ông đã góp nhặt và giàu có vô biên nhờ ăn hối lộ và cướp đoạt hoặc nhờ buôn bán mà ông ta chiếm lấy độc quyền trên toàn vương quốc.

Biết bao hành vi chiếm đoạt mà ông ta luôn tô vẽ nại cớ lợi ích công cộng, làm cho trên khắp vương quốc dấy lên phong trào chống lại ông ta; nhưng tất cả đều diễn ra trong

vòng bí mật, và không ai dám công khai tuyên bố: họ chờ đợi một cuộc lật đổ mà sự già nua của nhà vua và sức khỏe yếu kém của ông làm cho người ta nghĩ rằng đã đến gần.

Constance không phải là không biết âm mưu xấu xa của họ đối với ông, ông vốn rất lanh trí, ông quá biết các tệ hại mà ông đã làm đối với họ; để biết rằng họ không quên đi quá sớm. Mặt khác, hơn ai hết ông biết có thể tin tưởng chừng nào về sức khỏe của nhà vua vốn yếu kém và tiều tụy. Ông cũng biết tất cả những gì đáng sợ về một cuộc nổi dậy; và ông cũng biết rất rõ rằng không bao giờ ông có thể thoát khỏi nó nếu ông không dựa vào một thế lực ngoại bang bảo vệ ông bằng cách thiết lập cơ sở trong vương quốc.

"Sau khi sứ đoàn lên đường, tôi trở về Louvo với ông Constance-Louvo là ngôi nhà hành đạo của vua Xiêm; nơi đây nhà vua cư ngụ thường xuyên và chỉ trở về Joudia, cách đây khoảng bảy dặm, họa hoằn một đôi khi trong những ngày lễ lược. Khi tôi đến tôi được đưa vào cung lần đầu. Tình cảnh mà tôi chứng kiến ở các quan lại làm cho tôi vô cùng ngạc nhiên; và tôi đã ân hận ở lại Thái Lan lại càng ân hận gấp đôi về những gì đã thấy.

"Các quan ngồi xếp bàng trên chiếc chiếu làm bằng cành liễu mềm. Một ngọn đèn duy nhất chiếu sáng sân rồng; và khi một ông quan muốn đọc hay viết cái gì thì ông ta lấy từ trong túi áo một mẩu nến sáp vàng, thắp lên và đính trên một miếng gỗ quay phía này phía khác trên một cái trụ dùng làm đế đèn.

"Cảnh trí này khác xa với triều đình nước Pháp, tôi bèn hỏi ông Constance phải chăng đây là quang cảnh vĩ đại của tất cả quan lại triều đình mà tôi đang được thấy; ông ta trả lời tôi là phải. Trả lời như thế và thấy tôi sững sờ ông kéo tôi

ra xa và nói với tôi một cách cởi mở hơn so với từ trước tới giờ: "ông đừng ngạc nhiên, ông ta nói với tôi, về những gì ông thấy; trong thực tế vương quốc này nghèo, những tài sản của ông không có gì đáng lo, "đó là việc của tôi", và tiếp đó ông tâm sự với tôi, chúng tôi nói chuyện nhiều, tựu trung là những gì tôi đã nói ở trên. Tư cách này của ông Constance không làm tôi ít ngạc nhiên bằng sự khốn khổ của mấy vị quan: bởi vì đó chỉ là hình thức bên ngoài của một thủ đoạn chính trị áp dụng dễ dàng đối với một người mà ông ta vừa mới ngăn không cho trở về Pháp chỉ để không bao giờ dám tự hào về sự thận trọng của mình.

Tôi tiếp tục như thế trong hai tháng ngày nào cũng đến hoàng cung, mà chỉ có thể được thấy vua một lần; về sau thì tôi có thấy nhà vua thường xuyên hơn. Ông hoàng này một hôm hỏi tôi có thấy dễ chịu khi ở lại triều đình của ông không? Tôi nghĩ rằng không buộc phải nói sự thật nên tôi trả lời rằng tôi rất vui sướng được phục vụ Hoàng thượng. Thật là không có gì trái ngược bằng, bởi vì nỗi ân hận không thể trở về Pháp mỗi lúc mỗi tăng nhất là khi tôi thấy sự trừng phạt khắc nghiệt của ông. Các con trai và anh em nhà vua cũng không được miễn trừ như những người khác.

Các hình phạt thông thường là xẻ miệng đến tai đối với những người không nói đủ, và may miệng đối với những ai nói nhiều. Đối với những người lỗi nhỏ, người ta chặt chân, người ta đốt tay với sắt nung đỏ, người ta đánh gươm lên đầu, hoặc người ta nhổ răng. Gần như không làm gì cũng có thể bị kết tội phạt roi, phạt mang gông ở cổ, hoặc phơi nắng đầu trần. Với những ai thấy hình phạt đóng sậy vào móng tay thì thấy người ta đóng đến tận rễ móng, chân bị đặt vào cùm và nhiều hình phạt khác như thế. Hình như không một ai tránh khỏi việc đó ít nhất là một vài lần trong đời.

"Ngạc nhiên khi thấy các vị quan lớn cam chịu các cách cư xử như vậy, tôi hỏi ông Constance vì sợ tôi cũng bị như thế, ông trả lời tôi rằng: không và nói rằng sự nghiêm khắc đó không xảy ra với người ngoại quốc: nhưng đó là ông ta nói dối, bởi vì chính ông ta cũng bị phạt roi dưới thời vị thượng thư trước, tôi đã biết được như thế.

"Để chấm dứt, nhà vua ban cho tôi một cái nhà khá nhỏ; người ta cấp cho tôi 36 nô lệ để phục vụ và 2 con voi. Tiền ăn của các gia nhân của tôi hằng ngày chỉ 5 đồng tiền (sols), trong xứ này người ta ăn uống đạm bạc, thực phẩm lại rẻ; còn tôi ăn ở nhà ông Constance; trong nhà tôi chỉ có một ít đồ gỗ không đáng kể; thêm vào đó 12 đĩa bằng bạc và 2 cái tô lớn cùng loại, tất cả đều rất mỏng, 4 tá khăn ăn bằng vải bông vải, và 2 cây đèn sáp vàng mỗi ngày. Đó là tất cả "thủy thủ đoàn" của ngài "Đại thống chế, tổng chỉ huy quân đội Hoàng gia": đành phải bằng lòng chừng đó.

Lần lần De Forbin tranh thủ được lòng tin của nhà vua mà ông ta thường xuyên tiếp xúc khi cùng đi săn, nhưng luôn luôn có ông Constance làm người thông dịch. Một ngày kia, ông đánh bạo xin đặc ân của nhà vua cho một người giúp việc bị ngược đãi chỉ vì tội quên một chiếc khăn tay.

"Nhà vua ngạc nhiên về sự hăng hái của tôi và trở nên giận tôi; Ông Constance tái cả mặt khi thấy thế và sợ rằng tôi sẽ bị trừng trị nặng: riêng tôi, tôi không chút bối rối; và nói với nhà vua rằng vua nước Pháp, chủ tôi, rất vui lòng khi được xin các đặc ân cho các tội phạm; đó là người ta tạo cơ hội để nhà vua chứng tỏ lòng nhân hậu và ôn hòa của mình, và để cho thần dân của ông biết đến đặc ân của nhà vua ban cho họ, phục vụ nhà vua với tất cả nhiệt tâm và cảm tình, và luôn luôn sẵn sàng đem sinh mạng của mình phục vụ nhà vua dễ

mến và tốt bụng. Nhà vua rất tán thưởng câu trả lời của tôi và ân xá cho tên tội phạm, nói rằng ông ta muốn bắt chước vua nước Pháp; nhưng ông ta thêm rằng cách cư xử như thế thích hợp với người Pháp vốn quảng đại, sẽ là nguy hiểm đối với người Thái Lan vốn phản trắc, họ chỉ có thể bị chế ngự bởi sự nghiêm khắc của hình phạt.

"Câu chuyện vang ra trong vương quốc và làm ngạc nhiên các quan vì họ cho rằng tôi không lợi khẩu, không nói năng dễ dàng. Ngay cả Constance cũng đặc biệt nói với tôi sắp tới phải cẩn thận, và khiển trách tôi về sự nói năng vung vít mà ông ta kết tội là thiếu thận trọng; nhưng tôi trả lời ông ta rằng tôi không ân hận gì về việc đó bởi vì tôi đã thành công một cách đáng mừng.

"Thật thế, kể từ ngày đó tôi không còn bị tổn hại, nhà vua càng ngày càng ưa thích tiếp xúc với tôi. Tôi mua vui ông ta với cả ngàn chuyện kể mà tôi thu xếp theo cách của tôi và ông ta tỏ ra rất vui lòng. Thật ra tôi không phải gắng sức nhiều, ông vua này thô lậu và rất ngu độn. Một ngày trong khi đi săn, ông ta ra lệnh bắt một con voi con, ông ta hỏi tôi nghĩ sao về việc kỳ diệu đó. Tôi trả lời ông rằng: "Thưa ngài, khi thấy ngài đang điều binh khiển tướng như thế, xung quanh có tất cả đoàn tùy tùng này, tôi như thấy vua của tôi đang đứng trước hàng quân sắp đặt, bài trí, ra lệnh mọi thứ trong một ngày chiến trận". Lời nói này làm ông ta rất khoái trá, điều đó tôi đã thấy trước, bởi lẽ tôi biết rằng trên đời ông ta không thích gì bằng được so sánh với Louis Đại đế.

Trong thời gian cư trú ở Thái Lan, De Forbin tham dự nhiều lễ nghi và dự phần trong nhiều biến cố mà ông ta kể cho chúng ta.

"Một trong các cuộc xuất hành hào nhoáng nhất là hằng năm khi ông ta ra sông điều khiển cho nước xuống. Tôi đã nói

hơn một lần rằng trên toàn vương quốc hằng năm có sáu tháng lụt, lụt này vào mùa hè do tuyết tan trên các rặng núi Tartarie; nhưng khi mùa đông trở về tuyết ngưng tan và nước bắt đầu xuống dần; đất trong xứ khô, người Thái nhân thời gian này để gặt lúa, thứ mà họ có rất nhiều hơn bất cứ xứ nào trên thế giới.

"Chính vào mùa này, khi thấy nước bắt đầu giảm nhiều, nhà vua bèn xuất hành tiến hành nghi lễ mà chúng ta đang nói. Ông ta xuất hiện trên một chiếc ngai lớn bằng vàng chói lọi, đặt giữa một chiếc thuyền lộng lẫy; theo sau là một đoàn các quan lớn nhỏ tụ tập về đây từ các tỉnh thành, mỗi người ở trong các thuyền kỳ diệu và đi theo chúng là vô số các thuyền khác; nhà vua đến một chỗ nào đó trên dòng sông, đâm kiếm xuống nước và ra lệnh cho nước rút đi. Sau lễ, khi trở về có một giải thưởng đáng kể cho chiếc thuyền nào vượt dòng để đến kinh thành đầu tiên; không gì thích thú bằng cuộc tranh chấp này và các lần những chiếc thuyền vượt lên nhẹ nhàng để chiếm chỗ nhau.

"Trở lại với câu chuyện đi săn của chúng ta, sau khi con voi bị bắt, nhà vua tiếp tục trao đổi với tôi để làm cho tôi hiểu thế nào là trí thông minh của những con vật này. "Con voi mà hiện nay tôi cỡi, nhà vua nói với tôi, là một thí dụ; cách đây không lâu, người nào cho nó ăn nhưng lấy đi một nửa phần ăn thường lệ. Con vật này không có gì để than phiền ngoài tiếng kêu của nó, và nó rống lên kinh khủng, cả kinh thành đều nghe. Không đoán được vì sao nó kêu lớn như thế nhưng tôi cũng nghi ngờ và đổi cho nó một người nài mới trung tín hơn, anh ta cho nó trọn phần ăn bằng lúa, con voi chia thành hai và chỉ ăn một nửa rồi lại kêu lớn để chỉ cho những người nghe tiếng kêu chạy đến thấy sự gian dối của người nài trước, tên này sau đó thú tội và tôi đã nghiêm trị anh ta".

"Ông hoàng này còn kể với tôi nhiều chuyện khác về đề tài này mà tôi cho là khó tin nếu ai khác kể nhưng sau đây là vài việc mà chính tôi đã chứng kiến. Khi voi đông hơn chúng trở nên cuồng nộ, người ta buộc phải làm chúng dịu cơn bằng cách đưa đến bên chúng một con voi cái, nhất là khi xếp cho chúng uống nước. Con voi cái đi trước, ở trên có người thổi còi để thông báo cho mọi người đề phòng và tránh xa.

"Một hôm một con voi động cớn, khi người ta dắt nó đi uống nước, nó bỏ chạy ra giữa dòng sông, rống lên làm mọi người phải chạy trốn. Tôi lên ngựa chạy đến và thấy việc xảy ra: tôi thấy người vợ của anh nào chạy đến trên bờ và khuyên nhủ con voi, nói với nó những lời gần gần như sau: "Thế là mày đã muốn người ta chặt đùi chồng ta, bởi vì mày đã biết đó là hình phạt cho những người nài để con voi chạy trốn. Vậy là chồng ta phải chết, thôi đây là con của ta mày hãy giết chết nó đi". Dứt lời bà ta bỏ đứa bé xuống đất và bỏ đi. Đứa bé bắt đầu cất tiếng khóc, thế là con voi như động lòng; nó bước ra khỏi nước, dùng vòi cuốn lấy đứa bé và đưa nó về nhà và ở yên.

"Một ngày khác tôi thấy một con voi người ta đưa đi cho uống nước, trên đường nó dùng vòi đùa giỡn, khi đến bên ông thợ may, để buộc nó rút lui, ông lấy kim chích nó. Khi từ sông trở về, nó lại đến bên ông thợ may đùa giỡn, người thợ may lại nhẹ nhàng chích nó; vừa khi đó con vật đã phủ đầy ông ta cả một thùng nước bùn mà nó mang từ sông về để trả thù. Khi việc đã xảy ra thấy người thợ ngập nước bùn nó như hoan nghênh và cười theo cách của nó như một người làm được việc hay.

"Người Thái Lan sử dụng những con vật này trong những việc đáng kể, họ dùng nó như những người giúp việc, nhất là để săn sóc con nhỏ; voi giữ chúng bằng vòi, đong đưa chúng và ru chúng ngủ; và khi bà mẹ cần, bà bảo voi đi tìm và đưa chúng đến cho bà.

"Sau một chuyến đi săn bằng voi, nhà vua ốm. Các y sĩ được gọi đến săn sóc. Nhưng nhà vua là một nhân vật thiêng liêng. Ai dám chạm đến?

"Sự việc được đem bàn ở Hội đồng, một viên quan đề nghị người ta khoét một lổ trong cái màn lớn, nhà vua để tay qua đó, một nhà thủ thuật ngoại khoa sẽ trích máu cho nhà vua mà không biết đó là nhà vua.

"Ý kiến xuẩn ngốc đó không làm tôi bằng lòng; và lợi dụng sự tự do mà tôi đã nói, không làm cho người ta coi là xấu, tôi nói rằng các vua như mặt trời, dù có bị mây che rồi cũng luôn luôn hiện ra; dù có dùng mưu chước nào đi nữa người ta cũng không thể dấu diếm đến cùng tính uy nghiêm của nhà vua luôn luôn được cảm nhận; nhưng nếu việc trích huyết tuyệt đối cần thiết thì nên có một thủ thuật gia người Pháp ở triều đình để tiện dụng; từ một xứ sở mà nơi đó người ta dễ dàng trích huyết cho các vị vua chúa mỗi khi họ cần, thì chỉ còn việc sử dụng ông ta, và tôi đoán chắc rằng Hoàng thượng sẽ không ân hận và tin tưởng vào ông ta. Nhà vua chấp nhận đề nghị của tôi, ông ta không phải ân hận về chuyện đó, ông ta đã hồi phục sức khỏe".

"Sau đó ít lâu, chúng tôi được lệnh, Constance và tôi, đi Bangkok để đến làm việc ở một cái đồn mới được giao cho các lính Pháp, mà vua Xiêm đòi hỏi, và ông ta chờ đợi sự trở về của các sứ giả. Chúng ta vạch ra ở đây một hình ngũ giác. Bởi lẽ Bangkok là chìa khóa của vương quốc, nhà vua lưu giữ ở đây hai đội quân trong một cái đồn hình vuông, mỗi đội 40 người, gồm người Bồ Đào Nha, người lai, hay người da trắng sinh ở Ấn; người ta gọi họ (Créole) như thế, những người Bồ Đào Nha sinh ở đây và người đàn bà Nhật theo Công giáo. Những người lai này được biết tôi đến đây với tư cách một ông tướng và để chỉ huy họ và họ nổi lên chống lại.

"Một tu sĩ xứ Bồ là nguyên nhân của cuộc nổi dậy này. Sau khi thuyết giảng, thình lình với vẻ hưng phấn ông ta quay về phía dân chúng và nói với họ những lời sau: "Đồng bào thân mến, ông nói với họ, Quốc gia Bồ Đào Nha luôn luôn cầm đầu ở Ấn Độ, thật là đáng hổ thẹn cho nó khi hôm nay một người Pháp lại chỉ huy các người. Các người hãy dũng cảm đi tới và đừng lo lắng về một cuộc đối đầu như thế. Đừng sợ gì cả, thượng đế sẽ ban phát cho các người, như ngài đã từng làm như thế cho đến nay, tuy nhiên hãy nhận lời chúc phúc mà tôi đem lại cho các người. "Ông ta không được thuận lợi để khiến họ hành động.

"Constance và tôi bận dàn xếp công nhân để bắt đầu đào các hố cho đồn lính, khi chúng tôi thấy viên đại tá Bồ Đào Nha đến nói với ông Constance rằng lính của ông ta nổi loạn. Ông Bộ trưởng hỏi ông ta lý do, ông đại tá trả lời: Chính nó, vì bọn họ không muốn tuân phục một sĩ quan người Pháp.

"Nghe những lời đó tôi băng mình lên bức thành nhỏ thấy một toán lính đi đến, súng trên vai, tiến thẳng về phía đồn, tôi thông báo ông Constance và kéo riêng ông ta ra: "Viên sĩ quan này, tôi nói với ông ta, chắc chắn âm mưu nổi loạn, bởi vì hắn ta đến báo với ông khi bọn phản loạn đang tiến tới, chúng muốn địa vị của ngài cũng như của tôi, tôi sẽ bắt đầu nắm lấy người này, tôi buộc nó phải làm cho quân lính trở lui; và nếu ông ta chống cự tôi sẽ giết chết". Luôn đó, gươm cầm tay tôi nhảy bổ vào tên Bồ Đào Nha và tước vũ khí như với đứa trẻ, và chỉ mũi kiếm lên ngực, tôi dọa giết nó nếu nó kêu lên cho bọn phản loạn trở lại.

"Trong dịp này Constance đã tự chứng tỏ mình, ông ta ra khỏi đồn vẻ rất cương quyết, không chút dao động và đi đến gặp bọn phản loạn ở cách cửa ra vào khoảng mười bước,

ông hỏi với giọng kẻ cả điều mà chúng đòi hỏi. Chúng đồng thanh trả lời chúng không muốn có người chỉ huy người Pháp mà người ta đưa đến. Ông thượng thư này khôn lanh hơn là dũng cảm đã nói chắc với chúng rằng trong thực tế tôi chỉ huy những người Thái, hoàn toàn không chỉ huy người Bồ Đào Nha.

"Câu trả lời đó hình như đã làm cho chúng dịu đi, nhưng một tên trong bọn thấy bạn mình phân vân về những gì chúng phải làm, và phía khác lại nghe vị đại tá đứng trên thành đang lớn tiếng kêu gọi chúng vâng lời ông Constance bèn lên tiếng trong khi tay đặt lên đốc gươm: "Ích gì với những lí lẽ đó, anh ta nói, chúng ta phải tự hào về những lời hứa hẹn đó sao?" Thấy cơn nguy khốn bị tàn sát sắp xảy ra, Constance liền nhảy bổ vào tên phản loạn đó, tước gươm của hắn, và sau khi nói những lời thuyết phục đã làm chúng dịu đi đã đuổi chúng về nhà.

"Thấy âm mưu này có những hậu quả nguy khốn nếu không trừng phạt; tên đại tá vì thế bị bắt giữ, binh lính và các sĩ quan tham gia cuộc phản loạn cũng vậy, và theo lệnh của ông Constance tôi triệu tập một Hội đồng quân sự, không mấy thực tế, nhưng chúng tôi đang ở một xứ mà người ta chưa thấy như thế bao giờ; tuy nhiên chúng tôi không để tên lính đã để tay lên đốc gươm bị xử tội cắt tay; hai tên khác được xác nhận là kẻ cầm đầu cuộc phản loạn bị kết tội tử hình. Một vài sĩ quan bị đi đày và số quân lính còn lại bị kết tội sung vào đội lao công chèo chiến thuyền; nhưng trước khi đưa chúng đi, chúng bị xích từng hai đứa một như bọn tù khổ sai của chúng ta, và buộc chúng lao động xây thành - cuộc xử phạt được thực hiện, và tất cả các lệnh cần thiết được ban bố, công việc tiếp tục, chúng tôi, ông Constance và tôi lại lên đường và chúng tôi đến Louvo.

Constance cho bắt giữ một cách độc đoán một thương nhân Pháp, tên Rouan. Người "đưa thư của phái đoàn Ấn Độ" đi kiện ở nhà vua. Sự can thiệp của De Forbin đã cứu vị thượng thư. Tình hình không tiếp tục ít xấu đi giữa Constance và vị Đề đốc Tổng tư lệnh.

Constance rất ghen tỵ và đa nghi, trước hết ông ta khó chịu khi thấy nhà vua đối đãi tốt với tôi, và ông ta mong nhà vua ít cho phép tôi tự do nói theo ý mình; tuy nhiên tất cả đặc ân này không làm ông ta lo ngại mấy, nhưng khi thấy ông ta có thể bị sẩy bước khi tôi chỉ cần nói một tiếng; ông ta bắt đầu thật sự sợ tôi, và nghĩ rằng một ngày nào đó tôi có thể dễ dàng đẩy ông ta đi cũng như bảo vệ ông ta; ông ta nghiêm túc nghĩ đến việc ngăn trở sự khởi đầu của đặc ân mà ông ta cho rằng đã quá tiến triển nhưng ông quyết định ngăn chặn với bất cứ giá nào.

Trong khi ông ta suy nghĩ các phương tiện; ông lại phải xác nhận trong quyết định của mình với một ân sủng mới mà ông phải làm vui lòng nhà vua để vinh danh cho tôi. Nhà vua nói với ông, thông báo cho tôi biết nhà vua phong cho tôi chức Opra sac di son Craam, chức này tương tự như chức Thống chế của nước Pháp. Cái tên bán khai này có ý nghĩa là Đấng thiêng liêng hoàn toàn sáng suốt và đầy kinh nghiệm chiến trận[1]; đồng thời nhà vua ấn định với ông ta ngày phong chức

---

[1] Opra. Đây là điều mà Kæmfer đã nói về chức vụ cao quý này: "Đây là các chức tước và danh hiệu của triều đình theo hạng 2: Opera, hầu tước, bá tước, etc... có khoảng 40 ở triều đình cũng như trong các tỉnh". (Histoire de I' empire du Japon. Lịch sử đế quốc Nhật Bản, Paris, M.DCC.XXXII, tập I, tr.38-39). Cũng xem: "Journal ou suite du voyage de Siam - Nhật ký hay là đoạn sau cuộc hành trình Thái Lan của mục sư Choisy, tr. 293. Đó là, còn thuộc thời đại chúng ta, danh hiệu thứ hai của triều đình Thái Lan (Sac 2). Các tước hiệu khác có nghĩa: nắm vững nghệ thuật quân sự. Ghi chú của chủ bút BAVH.

cho tôi và ra lệnh ông ta chuẩn bị sẵn sàng. Sau đây là lễ phong chức đó.

"Các quan đến nơi tôi ngụ đón và dẫn tôi vào hoàng cung. Khi tôi đến cách cửa sổ nơi nhà vua ngồi khoảng 100 bước tôi quỳ lạy dưới đất, tất cả các quan cũng làm như thế. Chúng tôi tiến lên khoảng 50 bước, dựa trên khuỷu tay và đầu gối; hai vị chủ lễ cũng đi như thế ở phía trước. Cách chỗ chúng tôi đi một quãng, tất cả chúng tôi, trong giây phút sùng kính thiêng liêng, chúng tôi ngẩng đầu lên vẫn quỳ gối rồi dập đầu xuống đất, hai tay chụm lại trên đầu. Tất cả diễn ra trong im lặng. Cuối cùng, khi dừng lại ở cửa sổ nhà vua ngồi, chúng tôi lại lễ lần thứ ba. Nhà vua ban cho tôi trầu (Béthel) và nói lên hai tiếng có nghĩa: ta nhận người phụng sự ta.

"Món trầu mà nhà vua ban trong dịp này là một đặc ân rất đặc biệt mà nhà vua ban cho một thần dân. Trầu này (đúng hơn là Cau - người dịch ghi chú) là một thứ trái giống với trái dẻ rừng: vỏ xanh bao gồm những sợi gân nhỏ và một thứ nước không mùi vị; người ta bổ trái này thành bốn phần và sau khi trộn với vôi làm bằng vỏ sò hến Calci hóa, người ta gói lại bằng một loại lá giống với lá dây leo. Người Thái Lan thích nhai trầu và cho rằng nó có ích cho sức khỏe.

"Cuộc lễ đón tiếp tôi chấm dứt gần như khi khởi sự. Chúng tôi quay trở lại bằng đi thụt lùi, tỳ trên khuỷu tay và đầu gối và từng lúc vái ba vái tỏ lòng cung kính, nhà vua luôn ở nơi cửa sổ và nhìn theo chúng tôi cho đến chỗ chúng tôi khởi hành.

"Lúc chúng tôi đến nơi, một viên chủ lễ đưa cho tôi một cái tráp với túi bọc ngoài, và một hộp sơn đỏ để đựng mọi thứ. Cái tráp này là một cái hộp nhỏ giả bạc và vàng rất mỏng, chạm trỗ kỹ càng, trên đó có trình bày rất nhiều hình rồng. Trong cái tráp này có hai cái tách bằng vàng rất mỏng, một

để cau, một để đựng lá bọc. Còn có một cái hộp đựng vôi, một thứ muỗng nhỏ cũng bằng vàng để trét vôi lên trầu, và một con dao nhỏ cán bằng vàng để bổ cau.

"Khi xong xuôi mọi việc, các quan đi theo tôi nói với tôi lời chúc ngắn gọn và lại đưa tôi về nhà. Sau buổi lễ, nhà vua muốn gia ân thêm, gởi cho tôi hai tấm vải Ấn Độ có hoa vàng, tôi dùng nó để may hai cái áo lộng lẫy.

Những dấu hiệu cuối cùng của lòng tốt nhà vua đối với tôi, như đã nói, đã kích thích đến cuồng nộ lòng ghen tỵ của ông Constance, ông ta không ngừng tìm cách triệt hạ tôi. Và bởi lẽ ông ta không còn có thể mưu toan giảm uy tín của tôi với vua, ông ta bèn quyết định trước hết ám hại tôi bằng thuốc độc; tôi được một trong những người bạn cho biết điều đó, chuyện đó làm cho tôi quyết định tự mình ăn riêng.

Bắt đầu từ ngày đó, Constance tăng cường mưu hại phục kích nhà hiệp sĩ của chúng ta. Ông ta giao trách nhiệm cho hiệp sĩ đi ngăn chặn, trong một tình thế đặc biệt khó khăn, một cuộc cướp bóc của bọn "Macassars". Trong cuộc phiêu lưu mới này, với một lòng dũng cảm đến táo bạo, de Forbin phải cực nhọc lắm mới có được kinh nghiệm về con dao găm ("crit") được các thầy phù thủy tán tụng với một công dụng kinh khiếp.

"Con dao này là một loại dao găm, dài khoảng một bộ và rộng một tấc rưỡi đằng cuối, nó được làm theo hình sóng, mũi hình lưỡi rắn, được rèn rất kỹ; nó cắt như con dao cạo ở cả hai phía, người ta bỏ nó trong một cái vỏ gỗ và không bao giờ rời nó."

Bọn cướp Macassars bị truy nã và săn lùng đã bị tiêu diệt đến tên cuối cùng vì lợi ích tối thượng của dân chúng Thái Lan mà chúng gieo rắc kinh hoàng. Constance muốn hình dung rằng De Forbin sẽ ngăn chặn chúng với chỉ hai người đi theo trong đó là một thuyền trưởng người Anh thuộc tàu của

chính ông. Đó hiển nhiên là một mưu tính bất khả. Lần này De Forbin dính đến một âm mưu khá là Á đông; với lòng dũng cảm thường có ông đã thoát khỏi bước nguy khốn này một cách vinh dự và chu toàn nhiệm vụ một cách trọn vẹn. Thỉnh thoảng ông nói thêm những nhận xét của mình về xứ này.

"Trong khi tiếp tục lộ trình, tôi đi ngang một ngôi làng, gần đó người ta nói rằng ở đây có một vị Talapoin mà đức độ nổi tiếng khắp xứ. Bạn đồng nghiệp của ông là một trường hợp đặc biệt, họ suy tôn ông là bề trên của mình do địa vị xứng đáng của ông cũng như theo đánh giá của người Thái, cũng như là giám mục đối với chúng ta. Tôi đổi đường đi để đến thăm ông ta. Thật sự tôi thấy đó là một ông già đáng kính do tuổi tác và vẻ khiêm cung toát ra ở con người ông.

"Để làm cho tôi được vinh dự, ông bỏ vào miệng một miếng trầm và sau khi đã nhai khá lâu ông ta lấy ra đưa cho tôi để mời tôi nhai lượt mình. Tôi không thể chấp nhận làm theo cách thức mất vệ sinh của người Thái mà ông đã đặc biệt ban cho tôi. Một viên quan đứng gần tôi nói rằng tôi không nên từ chối cái vinh dự chỉ dành cho nhà vua và tôi. "Tôi xin nhường nó cho ông, tôi trả lời ông ta, ông hãy nhai nó, nếu nó là ý thích của ông". Ông ta không đợi nói hai lần, liền hả miệng cung kính nhận miếng trầu ở tay vị Talapoin mà tôi không muốn.

"Trong chuyến đi này tôi thấy một số lượng kỳ lạ các con khỉ, nhiều giống khác nhau: xứ này nơi nào cũng có. Chúng ưa tụ tập ở ven bờ sông và thường đi từng đoàn. Mỗi đàn có con đầu đàn (Macous) tiến lên khoảng 3, 4 bước rồi nhe răng, nhăn mặt với nhau như chúng trao đổi và liền đó quay trở lại, mỗi con về với đàn của mình và đi theo các con đường khác nhau. Lúc thủy triều lên chúng leo lên cây và ở đó cho đến khi đất khô.

"Tôi thường thích quan sát cách cư xử của chúng; một hôm tôi thấy chừng một tá đang bắt rận dưới nắng. Một con cái bỗng nhiên rời khỏi đàn và một con đực đi theo nó; con khỉ đầu đàn nhận thấy một lúc sau đó liền chạy theo; nó không đuổi kịp con đực đang ba chân bốn cẳng chạy trốn; nhưng nó đem được con cái về và trước sự chứng kiến của những con khác, nó tát con cái hơn năm chục cái như để trừng phạt cái tội không chung thủy.

"Lúc đi đến một làng nọ, tôi dừng nghỉ một lúc, bỗng vị quan trưởng làng vội vã đem đến cho tôi một con sâu dài chừng chín pút (pouces) và to, nó trắng toát và hình dáng giống con tằm của chúng ta nhưng dài hơn nhiều. Người tốt bụng này giới thiệu với tôi đó là một món ngon, tôi không kịp ngăn tiếng cười trước sự ngây ngô của ông ta; và tôi quay sang một ông quan khác đi cùng tôi hỏi rằng "con sâu này ăn được sao?" ông ta trả lời là rất tuyệt; tôi bèn tặng nó cho ông ta; ông ta liền ăn nó ngay với vẻ rất ham hố. Tôi thấy nó chảy ra từ miệng ông ta một thứ như kem làm cho tôi nghĩ rằng con sâu này không phải là dở? Nếu không kinh tởm vì thấy nó thì tôi cũng muốn nếm một tý. Những ai chưa bao giờ thấy những con sò mà chúng ta ăn sống thì cũng thấy lợm giọng; tuy nhiên sò rất ngon; cách ăn làm hòa đồng nhiều thứ theo cách này và vì thế người ta không thể bàn cãi được gì về các khẩu vị.

"Việc viếng thăm vị trấn thủ đã xong, tôi lên đường đi Bangkok. Tôi cần ở đó một thời gian để luyện lính và đẩy mạnh việc xây thành vốn đang tiến hành chậm chạp. Một tai nạn thường xảy ra hàng ngày mà người ta không thể chữa được. Người Thái Lan thường đi chân trần, nên các công nhân của tôi thường bị rắn cắn khi đào đất, một loại rắn màu bạc dài chừng một bộ.

"Vết cắn của chúng rất độc, một giờ sau khi bị cắn nạn nhân bắt đầu co giật và chết trong vòng 24 tiếng đồng hồ nếu không được chạy chữa. Người Trung Hoa có một phương thuốc rất đáng chuộng để chữa bệnh này. Họ có một thứ đá đem áp vào vết cắn và trước hết nó dính vào, một lúc sau các cơn co giật dứt, người bệnh tỉnh lại và viên đá tự động nhả ra khi nó đã hút hết chất độc. Viên đá được dùng thường xuyên nhưng muốn nó đạt hiệu quả ban đầu thì phải ngâm nó 24 giờ trong sữa của đàn bà.

"Để đánh lừa nỗi chán ngán của mình trong cái thế giới lưu đày này, bởi vì từ lá thư cuối cùng của ông Bộ trưởng tôi như bị lưu đày, thỉnh thoảng tôi giải trí bằng cách bắt cá sấu.

"Người ta thấy chúng có một số ở quanh Bangkok. Người Thái Lan bắt chúng bằng hai cách, cách thứ nhất họ dùng một con vịt sống, họ cột dưới bụng vịt một thanh gỗ dài khoảng 10 pút, to cân đối, hai đầu chuốt nhọn. Họ cột vào thanh gỗ này một sợi dây mảnh nhưng rất chắc, dây này nối với những thanh tre, một thứ gỗ nhẹ, mà họ dùng như điển điển. Tiếp đó người ta đem thả vịt giữa dòng sông, bị thanh gỗ làm mệt, vịt kêu vùng vẫy để thoát ra. Cá sấu thấy thế, băng mình xuống sông đến đớp vịt từ bên dưới và đớp luôn cả thanh gỗ và bị thanh gỗ xuyên qua họng.

"Ngay khi người ta nhận thấy nó đã bị dính qua sự vùng vẫy giằng co của nó và dấu hiệu qua sự lay động của thanh tre, người ta kéo con vật lên mặt nước, dù cho nó cố gắng để thoát ra. Lúc nó hiện ra, các dân chài phóng lao vào nó, đó là một loại giáo phần bằng sắt giống đầu mũi tên, chúng có một cái cán dài chừng năm bộ. Ở chỗ tiếp nối của mũi sắt này với cán có đục lổ và cột vào một sợi dây, dây này rất mảnh quấn tréo xung quanh cán; cán này rời khỏi mũi tên và nổi trên

nước, chỉ chỗ của con vật. Khi nó đã có trên mình một số lớn ngọn lao thì người ta kéo nó lên bờ và giết nó bằng rìu.

"Nhưng còn có cách thứ hai để bắt chúng: những con vật này đôi khi đến tận các ngôi nhà; vì chúng rất nhút nhát, người ta làm chúng kinh khiếp bằng tiếng động với tiếng la hoặc tiếng súng. Con cá sấu sợ, bỏ chạy và thoát thân ẩn xuống đáy nước. Dọc sông đầy thuyền đợi chúng nổi lên để thở, vì chúng không thể giữ lâu hơn nửa giờ mà không được thở. Khi chúng nổi lên, chúng há lớn miệng ra, lúc đó người ta phóng lao vào, người Thái Lan rất khéo léo về chuyện này, và thế là nó bị bắt.

"Cái cán lao nổi trên nước có cột dây dùng làm hiệu; người cầm dây biết được khi con vật rời đáy và báo cho người dân chài biết không để sẩy khi nó nổi lên và phóng những ngọn lao mới; và khi con sấu nhận đủ lao để bị kéo lên bờ thì người ta kéo lên và chặt thành từng mảnh. Cách săn thứ hai này vui hơn cách thứ nhất.

Nhưng ước muốn được thấy lại nước Pháp càng ngày càng trở nên khẩn thiết. De Forbin quyết định lợi dụng chuyến trở về của một chiếc tàu thuộc phái đoàn Viễn Đông đến thả neo ở dải cát ở cửa sông. Bởi lẽ ông không có ý định bỏ đi như đào ngũ nên ông viết cho vị Thượng thư Constance biết quyết định của mình. Nhưng cùng lúc đó một viên quan mà hiệp sĩ của chúng ta đã chinh phục được tình bạn, nói chuyện đó với nhà vua, khi đó chưa biết gì về những kế hoạch đó. Nhà vua gọi De Forbin đến chỗ ông ta. Liền đó để kết thúc, Constance gởi đến Banest một sĩ quan Bồ Đào Nha, người phụng sự ông cả thân xác lẫn tâm hồn, người này phải "đi kèm" De Forbin đến Ondia. Một lần nữa, De Forbin thoát được cạm bẫy.

"Cạm bẫy quá thô thiển để tôi mắc phải; tôi không phải không biết rằng vua Thái Lan không bao giờ sử dụng người chuyển lệnh của ông ta ngoài các chú lính thuộc đội lính gác của ông. Ông De Metellopolis, ông Manuel và người tổng thơ văn của Phái đoàn có mặt khi người Bồ Đào Nha nói với tôi đã không ngần ngại nói với tôi đề phòng.

"Ông giám mục kéo riêng tôi ra, "ngài hãy giữ mình, ông ta nói với tôi, khi ở trong tay của những người Bồ Đào Nha này, tôi biết ông Constance: đừng nghi ngờ gì chuyện đó, những người này đã được lệnh ám sát ông trên đường đi, sau đó vị thượng thư bỏ đi để họ bị treo cổ hầu không thể buộc tội ông ta. Sau đó ông ta sẽ nói với nhà vua là ông ta giết họ để báo thù cho hiệp sĩ De Forbin; và ông Hoàng này chỉ thấy bằng con mắt của vị thượng thư của mình nên coi tất cả chuyện đó là thật như tiền mặt. Hãy tin tôi và hãy thoát khỏi tay một kẻ thù giảo quyệt và độc ác đến như thế, bởi vì ngài đáng vui mừng vì có phương tiện".

CHUYẾN DU HÀNH TRỞ VỀ THỰC HIỆN TỪ "PONTI-CHERI"

Thế là cuối cùng chúng tôi đến Pontichéri. Đó là một thương điếm nổi tiếng của phái đoàn Viễn Đông; có một giám đốc và nhiều tham tá. Đây là một kho hàng nơi đó người ta chở đi từ Ấn Độ vải bông vải, mút-xơ-lanh, và mọi thứ vải bóng. Các tàu của phái đoàn này đến từ Pháp hằng năm để mua các thứ vải này và đưa đến Port-Louis.

"Ông Mertin lúc đó là Giám đốc của thương điếm này đã tiếp đón tôi rất lịch sự và không ngừng tỏ ra lễ phép trong suốt thời gian tôi cư trú ở nơi này. Đi sớm như tôi mong muốn không phải là thuộc nhiệm vụ tôi, tôi phải chờ các tàu Âu

châu khá lâu vì năm nay chúng đến hơi trễ so với thường lệ. Trong những ngày ở đây việc thường làm của tôi là săn bắn. Ở xứ này có nhiều loại chồn mà người ta gọi là chó nâu, hầu như mọi ngày tôi đều bắt được chúng với chó săn mà tôi nuôi, và đi săn kiểu này thật rất vui.

"Một chuyện xảy ra làm cho tôi suýt chết. Viên mãi biện của một chiếc tàu thuộc Phái đoàn của Pháp mới đến không bao lâu xin tôi đưa anh ta đi theo tôi; sau vài giờ săn bắn, các con chó săn của tôi đuổi được một con chồn, nó cuống cuồng chạy trốn vào một cái hang. Để buộc nó phải ra, tôi đốt khói; tôi gom rạ lúa bỏ đầy lỗ rồi châm lửa. Khi tôi đang cúi xuống thổi lửa, thình lình một con thú vọt ra chồm lên tôi làm cho tôi ngã ngửa, mặt đầy rạ lửa và khói, và phóng xuống sông cách đó hai bước. Chuyện đó xảy ra quá nhanh, con vật đã phóng xuống nước trước khi tôi kịp ngồi dậy. Viên mãi biện nói với tôi rằng không nghi ngờ gì, đó là một con cá sấu. Dù là gì đi nữa thì tôi cũng sợ xanh máu mặt và tôi sung sướng được thoát nạn dễ dàng.

Cư dân Ponticheri không phải là người Phi Châu nhưng rất đen; họ có nét mặt thanh tú, cái nhìn hiền dịu, mắt sáng và rất đẹp. Họ để tóc mọc dài rủ xuống đến thắt lưng. Quốc gia họ chia thành nhiều đẳng cấp hay là hạng. Các Bramins là các tu sĩ trong xứ, được tôn vinh nhất so với các đẳng cấp khác, tiếp đó là giới chăn nuôi. Các hạng dân này trong mọi sự chỉ giao hảo với những người ngang hàng; ví như một trại chủ không thể làm thân với một người thuộc giai cấp tu sĩ. Nếu xảy ra trường hợp một người nào đó thuộc đẳng cấp cao sang mà lấy một người đàn bà thuộc một đẳng cấp kém hơn thì người đó bị xuống cấp ngang với gia đình mình đã kết giao. Đối với đàn bà thì không như thế, nếu họ kết hôn bất xứng thì không bị mất gì cả. Trong số các đẳng cấp đó bị

khinh miệt nhất là thợ giày, không kể hạng người mà người ta gọi là Paria, hạng người bị nhìn một cách kinh khiếp bởi vì họ không ngại ăn thịt của mọi loại súc vật.

"Các cư dân này rất cuồng tín, họ có một ngôi đền nổi tiếng cách Pontichéri một dặm, nơi đây hàng năm vào một ngày định sẵn họ đến để cử hành lễ tôn vinh những thần linh chính yếu của họ. Người ta đến đây từng đoàn từ các vùng chung quanh, tôi đến đây vì tò mò. Sau cả ngàn lễ lược mà người ta kể cho tôi nghe vì tôi không được vào bên trong đền, họ đưa ra vị thượng đế và nữ thần, vì vinh dự của những vị này mà họ tụ tập ở đây. Các tượng thần này hình dáng khổng lồ và được mạ vàng rất kỹ; họ đặt tượng lên một chiếc xe bốn bánh và đặt tượng đối diện nhau. Tượng nữ thần ở phía trước xe có dáng vẻ lả lơi và thái độ của vị Thượng đế cũng không đứng đắn hơn chút nào.

"Chiếc xe này được hai hay ba trăm người kéo bằng dây, số người còn lại không đếm xuể nằm úp bụng xuống đất hét lên những tiếng kêu vui mừng vang dội cả cánh đồng. Thật đơn giản để nhảy vào dưới bánh xe, vui sướng được tan xác cho sự kính trọng mà họ có đối với thượng đế của họ.

"Trong khi cuộc lễ đang tiến hành tôi thấy nhiều đàn ông, đàn bà lặn lội dưới đất, và tiếp tục việc làm này khi đi quanh ngôi đền; tôi hỏi rằng vì lý do gì mà họ tự hành hạ thân xác như thế; đó là vì thấy họ mình trần chỉ dùng một tấm vải quấn từ thắt lưng đến đùi; người ta trả lời tôi rằng vì họ không có con; họ mong rằng với sự khổ hạnh mạnh mẽ này sẽ làm cảm động thượng đế của họ để Thượng đế không quên ban cho họ có con. Đó là tất cả những gì mà tôi thu lượm được về cuộc lễ này mà tôi không được vào trong đền, nơi chỉ có các tín đồ là được phép vào như tôi đã nói.

"Tuy nhiên hai ngày sau tôi trở lại đó vì tò mò muốn xem; tôi đến cửa đền với 7 người Pháp khác, những người cũng muốn vào đó. Người cầm đầu giới tăng lữ từ chối chúng tôi ở lối vào lấy cớ rằng ông ta không được phép bất kính đối với thần linh khi dẫn người thiên chúa giáo vào. Trước sự từ chối này tôi không cần phải trả lời, tôi tiến đến cạnh hắn, giật lấy con dao găm ở thắt lưng hắn, rồi chĩa mũi dao dọa giết hắn, hắn không phải nói để bỏ chạy. Thế là chúng tôi vào; trong ngôi đền rộng lớn này chúng tôi chỉ thấy một số lớn các tín đồ lớn nhỏ và tất cả đang trong dáng vẻ không đứng đắn đàng hoàng.

"Trong khi chúng tôi vui vẻ nhìn họ thì vị tu sĩ hổ thẹn vì sự sĩ nhục vừa nhận được bèn kêu lên để báo động cho xung quanh và tiến đến chỗ chúng tôi sau lưng là ba trăm người, nhưng những người này hoàn toàn thiếu can đảm, khiếp sợ thấy chúng tôi có súng nên không một ai dám bạo gan đến gần".

Từ Pontichéri De Forbin lên đường nhắm đến "Massulipatan", thành phố nổi tiếng về thương mãi và chỉ cách Goulgonda ba mươi dặm.

"Chúng tôi chỉ còn cách Massulipatan tám dặm, khi chúng tôi vừa đến bờ chúng tôi thấy một đám mây đen, dáng tưởng là cơn bão. Chúng tôi xiết lại các cánh buồm sợ tai nạn. Nhưng đám mây đến chỗ mà không có gió và theo sau là cả một số lượng khổng lồ ruồi, giống với ruồi ở Pháp, chúng để lại nhiều dòi trên thịt; chúng, tất cả, có trộn màu tím, thủy thủ đoàn rất khó chịu vì những côn trùng này; không một ai là không phải lánh mặt một vài lúc. Mặt bể như bao phủ toàn ruồi và trên tàu chúng tôi có một lượng lớn phải quét đi, phải dội hơn năm trăm ống nước.

"Cách thành phố khoảng bốn dặm, chúng tôi thấy một đám giống sương mù bao trùm tất cả. Chúng tôi càng đi đám

sương mù càng dài ra, và sau đó ít lâu chúng tôi chỉ còn thấy chỏm núi dùng làm mốc hướng dẫn cho hoa tiêu. Khi đến gần bờ chúng tôi thấy đám mây này không gì khác hơn là một đàn ruồi không đếm xuể khác với loại trước. Loại này có 4 cánh và giống với loại người ta thường thấy dọc bờ nước và đuôi có vạch ngang màu vàng và đen.

"Chúng tôi càng đi tới các côn trùng càng nhiều; chúng nhiều đến nỗi che không cho chúng tôi thấy đất liền, chúng tôi buộc phải mò mẫm để tiến vào bờ. Khi chúng tôi tiến lên được một số sải nước, viên hoa tiêu thả neo. Một viên tham biện của phái đoàn tên là Delande, người được lệnh thăm thương điếm, lên bờ bằng chiếc xà lúp, tôi và viên thuyền trưởng tháp tùng ông ta. Lượng ruồi khá lớn, chúng tôi phải đem theo địa bàn để khỏi phải mất hướng đất liền đã hoàn toàn bị che khuất. Và thế là cuối cùng chúng tôi lên bờ".

Nhưng Massulipatan vừa bị quân của Mông Cổ đại đế vây và dân cư của thành phố bị dịch bệnh tàn sát rất nhiều.

"Sau khi đi bộ rất lâu, chúng tôi đến trước ngôi nhà của phái đoàn. Các cửa mở rộng, tôi thấy người giám đốc hình như mới vừa chết bởi vì thân thể ông còn toàn vẹn. Ngôi nhà bị cướp phá, đồ vật bị xáo trộn ngổn ngang. Xúc động trước quang cảnh kinh khiếp, tôi trở ra đường và nói với ông Delande: "Chúng ta hãy trở về tàu, ở đây không có gì cả". Ông ta trả lời tôi rằng nhiệm vụ của ông buộc ông phải tiến thêm nữa, không thể trở về tàu nếu không ít nhất cũng tìm được một người để hỏi rõ ràng nguyên nhân gây ra tất cả cảnh hỗn độn này.

"Chúng tôi tiếp tục tiến bước, và chúng tôi đến thương điếm người Anh; chúng tôi thấy nó đóng cửa, đập cửa hồi lâu nhưng không ai trả lời. Từ đó chúng tôi đi sang thương điếm

Hòa Lan, nơi đây có 80 người giờ đây chỉ còn 14 người, và họ chỉ còn là những bộ xương hơn là những con người. Họ nói với chúng tôi rằng trận dịch đã đưa thành phố đến tình trạng mà chúng tôi đã thấy; phần lớn dân chúng đã chết và số còn lại kéo về nông thôn; những người Hòa Lan này không cung cấp được gì cho chúng tôi để soi sáng tình trạng của thương điếm Pháp; họ nói rằng người Anh đã bỏ thương điếm của họ sau khi một số lớn người của họ bị chết và về phần họ thì vì kho tàng lớn lao trong thương điếm nên họ đem sinh mạng để giữ gìn nếu không vì thế thì họ cũng không ở lại làm gì.

"Trong tình trạng khốn khổ của thành phố này không hy vọng gì tìm được một chiếc tàu đưa tôi đến Goulgonda. Thế là chúng tôi trở về tàu thông báo những điều chúng tôi thấy và những gì người ta nói với chúng tôi. Liền đó chúng tôi giương buồm, không ở lâu, chúng tôi lên đường đi đến cảng Mergui, một cảng của vua Thái Lan. Không khó nhọc gì để khiến tôi quyết định trở lại một xứ sở mà tôi không thể dễ dàng bỏ đi. Nhưng bởi lẽ cảng này xa triều đình đến 100 dặm và mặt khác tôi lại đang ở trên một chiếc tàu Pháp, tôi nghĩ rằng tôi được an toàn để đối đầu với ý xấu của ông Constance.

"Ngày thứ ba sau khi đi đến Massulipatan, vài thủy thủ tàu trên chiếc xà lúp đổ bộ đất liền bắt đầu ốm. Nguyên nhân bệnh trạng của họ không còn gì để nghi ngờ. Người y sĩ phẫu thuật thấy họ bị dịch sốt liền trích máu cho họ. Ngày hôm sau chính tôi ngã bệnh, nhưng tôi từ chối không chịu trích huyết. Tất cả số thủy thủ trên chiếc xà lúp trở về đều ngã bệnh, họ cũng trích huyết như những người đầu tiên nhưng rồi không mấy ngày sau họ lần lượt chết tất cả.

"Tuy vậy cơn sốt của tôi vẫn tiếp tục; và kèm theo đó tôi đổ mồ hôi rất nhiều làm tôi xuống sức khó nói ra lời. Cơn đau

hoành hành làm cho thị giác yếu đi đến không phân biệt được đồ vật một cách rõ ràng. Càng thêm khổ, lương thực bắt đầu thiếu trên tàu không còn gì để nấu xúp, bởi vì khi ở Pontichéré chỉ nhận được rất ít đồ tươi sống, ở thành phố này sự thiếu ăn khá trầm trọng gần như là một nạn đói kém.

"Tôi chưa bao giờ rơi vào một trường hợp đáng buồn như hiện nay. Không biết phải làm sao, tôi nói với người nô lệ Thái Lan nhỏ tuổi không bao giờ muốn rời tôi, đem cho tôi một ít rượu Ba Tư (Perse) mà tôi dự trữ nhiều; tôi uống khoảng ½ chai và ngủ li bì. Sau vài giờ tôi thức dậy đầy mồ hôi; tôi thấy hình như thị giác của tôi có khá hơn. Tôi lại dùng thứ thuốc của mình và tăng gấp đôi liều lượng; tôi lại ngủ một giấc thứ hai; và cũng trở dậy ướt đẫm mồ hôi nhưng khỏe ra rất nhiều. Bởi thấy phương thuốc hữu hiệu tôi uống lần thứ ba, thêm vào đó ăn một miếng bánh ngọt (biscuit) sau khi nhúng vào rượu. Tôi tiếp tục như thế trong vài ngày, sau đó cơn sốt của tôi chỉ còn lại một phần ba.

"Ông Delande và vị thuyền trưởng cũng đau như tôi, lợi dụng kinh nghiệm của tôi cũng từ chối trích huyết và không muốn gì hơn món thuốc của tôi: cơn đau của họ giảm dần và lành bệnh như tôi. Cuối cùng chúng tôi đến Mergui, nơi đây nhờ những thực phẩm tươi mà nay chúng tôi không còn thiếu nữa, không bao ngày chúng tôi đã đứng vững. Từ con số 17 người lên chiếc xà lúp và xuống đất liền, 14 người bị trích huyết tất cả đều chết không một ai thoát được. Theo tất cả hiện trạng ông Delande, Thuyền trưởng và tôi, chúng ta rút ra một điều là không trích huyết: làm như thế chắc chắn là chết đối với loại dịch sốt này.

"Ít ngày sau khi chúng tôi đến Mergui, ông Cebéret cũng đến đây, theo sau có một đoàn lớn các quan, họ đến từ Louvo.

La Loubere và ông ta được cử đến đây từ Pháp để xem xét việc buôn bán và để giải quyết mọi việc với Constance. Bởi lẽ cuộc thương nghị do linh mục Tachard chịu trách nhiệm đã thành công. Vị linh mục này đã lầm về Constance, như chúng tôi đã nói, để cho rằng ông ta thành tâm phụng sự đạo giáo và quốc gia, đã không quên làm cho triều đình nhìn thấy như ông và muốn lợi dụng lòng tốt của vị Thượng thư Thái Lan; và theo lời vị linh mục Dòng Tên này, triều đình đã chấp nhận kế hoạch hợp tác này và đã gởi đến các toán quân do hiệp sĩ Desfarges chỉ huy, và người này được giao lại cái thành phố ở Bangkok, theo điều đã quy định.

"Viên quan được gởi làm đại sứ Pháp là một trong số những người tháp tùng ông Ceberet; khi thoáng thấy tôi ông ta chạy ngay đến vẻ đầy phấn khởi, ông ta nói rằng tôi muốn trở về Tổ quốc là đúng, nơi đây ông ta đã gặp tất cả gia đình tôi và một số lớn bạn bè của tôi, với họ ông ta luôn nói về tôi; và tiếp đó ông ta hết lời ca ngợi triều đình với tôi và tất cả những gì làm ông ta chú ý hơn cả; ông ta thêm bằng thứ tiếng Pháp mới học "La France grand bon, Siam petit bon" (nước Pháp rất tốt, Thái Lan ít tốt).

Hiệp sĩ De Forbin trở về Brest vào cuối tháng bảy năm 1688, sau gần ba năm rưỡi ra đi với ông De Chaumont. Ông ta sắp trình diện với ông De Seignelai, Bộ trưởng Bộ hải quân.

"Cảm kích về cách được tiếp đón tôi được mời ăn tối với nhà vua. Hoàng thượng ban vinh dự cho tôi hỏi tôi rất nhiều về vương quốc Thái Lan. Trước hết Hoàng thượng hỏi vương quốc Thái Lan có giàu không. "Thưa ngài, tôi trả lời, vương quốc Thái Lan không sản xuất được gì cũng như không tiêu thụ gì cả". Nhà vua phán: "Thật là ít lời mà nói được nhiều". Và nhà vua tiếp tục hỏi tôi: Chính phủ như thế nào, làm cách

nào dân chúng sinh sống và từ đâu nhà vua có được các tặng phẩm gởi cho ngài? Tôi trả lời Hoàng thượng rằng, dân chúng rất nghèo khổ; họ không có giới quý tộc cũng như người có điều kiện, tất cả sinh ra là nô lệ của nhà vua, họ buộc phải làm việc cho vua một phần thời gian trong năm, ít nhất cũng không được vui lòng miễn giảm cho họ, hay đưa họ lên địa vị cao quý của quan lại; địa vị cao quý này kéo họ ra khỏi cảnh bần hàn, không đặt họ vào hoàn cảnh thất sủng, trong đó họ dễ dàng bị hạ bệ và luôn luôn theo sau đó là những trừng phạt nặng nề; ngay cả vị Barkalon là thượng thư đầu triều, người cao quý hàng đầu của quốc gia cũng chịu như những người khác; ông ta không đứng vững được trong một vị trí nguy hiểm như thế, ông ta phải luồn cúi trước mặt chủ mình cũng như người dân hạng cuối; nếu ông bị thất sủng, sự đối xử nhẹ nhàng nhất mà ông ta có thể chờ đợi là bị đuổi về đi cày sau khi bị trừng phạt nặng nề; dân chúng chỉ tự nuôi sống bằng một vài thứ trái cây và gạo, thứ này có rất nhiều ở xứ họ, tất cả tin vào thuyết luân hồi nên không ai dám ăn cái gì có đời sống vì sợ ăn phải cha mình hoặc người bà con; đối với những quà tặng mà vua Thái Lan gởi cho Hoàng thượng; ông Constance đã tiêu hết tiền dự trữ và đã tiêu những món tiền mà ông ta không dễ gì trả nổi; (tôi cũng nói cho nhà vua biết rằng) vương quốc Thái Lan, gần như là một hòn đảo, có thể là một kho hàng tiện lợi cho việc buôn bán ở Ấn Độ, vương quốc này là biên giới của hai đại dương, một ở phía Tây nhìn về Trung Hoa, Nhật Bản, Đàng Ngoài, Đàng Trong, xứ Lahor và Camboya (Lào và Cambốt) và một ở phía đông đối diện với vương quốc Arracan, với sông Gange, với các bờ biển Coromandel, Malabare, và với thành phố Surate; hàng hóa của những xứ này hàng năm được chở đến Thái Lan, nơi đây là điểm hẹn và là một thứ chợ phiên, ở đây người Thái Lan

lợi dụng để bán hàng hóa của họ, nguồn thu nhập chính của nhà vua là thương mãi mà ông ta thực hiện gần như trên khắp vương quốc, nơi người ta chỉ thấy có gạo, cau mà người ta ăn với trầu, một ít kẽm, một vài con voi đem bán, và vài thứ da hươu nai có nhiều trong xứ. Người Thái gần như đi trần, ngoại trừ một tấm vải quấn từ thắt lưng đến nửa đùi, họ không có một thứ công xưởng sản xuất nào, chỉ vài loại vải mút-xơ-lin mà chỉ giới quan lại được dùng may một loại sơ mi ngắn tay để mặc trong những ngày lễ. Khi một viên quan khôn khéo dành dụm được một số tiền ông ta không làm được gì hơn là đem cất giấu nó, nếu không thì nhà vua cũng lấy đi; trong khắp vương quốc không một ai có của cải, tất cả thuộc về nhà vua; điều này làm cho phần lớn đất đai trong nước bị bỏ hoang, không ai muốn nhọc công cày cấy mảnh đất mà sau đó sẽ bị lấy đi đã ở trong tình trạng tốt lành, cuối cùng dân chúng sống rất đạm bạc, mỗi người thu nhập hàng năm chỉ 15 đến 20 francs, ngoài những gì cần thiết cho sự sống của họ.

"Nhà vua còn hỏi tôi về các loại tiền lưu hành trong xứ. Tôi trả lời: tiền của họ là một mẫu bạc tròn như viên đạn, có ghi hai chữ Thái, đó là tiền của nhà vua, cái viên đạn này gọi là Tical, giá trị bằng 40 sols Pháp. Ngoài Tical còn có nửa Tical và một thứ tiền bằng bạc khác gọi là Faon giá trị bằng 5 sols. Đối với loại tiền nhỏ người ta dùng vỏ ốc, sò ở biển, ở các đảo Maldives và 26 vỏ giá trị bằng 5 sols".

"Chúng ta hãy nói về Tôn giáo một chút, nhà vua nói với tôi, ở vương quốc Thái Lan có nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo và nhà vua có nghĩ đến việc chính mình trở thành giáo dân không? Thưa ngài, tôi trả lời, ông vua này không hề nghĩ đến việc đó và không ai còn sống mà bạo gan đề nghị chuyện đó với ông ta. Thật ra trong lời thuyết trình mà ông Chaumont trình lên vào ngày tiếp kiến đầu tiên đã có đề cập đến Tôn

giáo, nhưng lúc đó ông Constance giữ nhiệm vụ thông dịch viên đã khôn khéo bỏ qua chủ đề này; vị Đại lý Giáo hoàng có mặt lúc đó là người hiểu được ngôn ngữ Thái Lan, để chú ý điều đó nhưng ông ta không dám nói gì cả vì Constance đã kéo tay ông ta ra dấu sẽ không tha thứ cho ông nếu ông ta mở miệng.

"Nhà vua rất ngạc nhiên về chuyện này, lắng nghe tôi rất chăm chú; tôi thêm rằng trong lúc làm Đại sứ ông Chaumont luôn nói đến Thiên Chúa giáo và ông Constance cũng luôn là người thông dịch nên ông ta đã khôn khéo cùng lúc đóng hai vai, khi nói với vua Thái thì nói những gì ông ta vừa ý, còn trả lời ông Chaumont thì với lời lẽ thích hợp, kết cuộc là ông Constance đã làm cho nhà vua cũng như ông Chaumont bằng lòng như đã thông hiểu nhau; tôi được biết chuyện này là do vị Đại lý Giáo hoàng có mặt trong các cuộc tiếp kiến riêng này nói cho biết. Nhà vua nghe chuyện đã mỉm cười, nói rằng các vị vua thật bất hạnh khi buộc phải dùng những thông dịch viên thường là không trung thành.

"Cuối cùng nhà vua hỏi tôi phải chăng các vị thừa sai đã gặt hái nhiều thành quả ở Thái Lan đặc biệt là phải chăng họ đã cải tạo được nhiều người Thái.

"Không một ai cả thưa ngài, tôi trả lời, nhưng một phần lớn dân chúng cư trú ở vương quốc này chỉ là một đống những người quốc tịch khác nhau và trong đó có một số lớn người Bồ Đào Nha, người xứ Đàng Trong, người Nhật Bản là tín đồ Thiên Chúa giáo; các vị thừa sai đã chăm sóc họ, quản lý họ và cử hành thánh lễ. Họ đi từ làng này sang làng khác, vào các gia đình với danh nghĩa thầy thuốc, khám bệnh và phân phát thuốc men, nhưng với tất cả chuyện đó họ không gặt hái được gì cho uy tín Tôn giáo. Nguồn lợi nhất mà họ làm được là rửa tội cho những trẻ con mà họ thấy bỏ trên đồng ruộng; bởi

vì những người dân xứ này chỉ nuôi được một số ít con trẻ, và số còn lại bỏ đi, việc đó đối với họ không phải là một tội ác. Rửa tội cho các trẻ đó là tất cả thành quả mà các thừa sai làm được ở xứ này".

"Sau bữa ăn với nhà vua, ông De Seignelai dẫn tôi vào văn phòng của ông, nơi đây ông hỏi tôi rất nhiều về tất cả những gì có thể liên quan tới lợi ích của nhà vua; và đặc biệt ông ta thu thập tin tức về việc nếu người ta có thể thiết lập việc buôn bán lớn ở Thái Lan và quan điểm mà ông Constance có thể có được khi ông tỏ ra hối hả để kêu gọi người Pháp. Tôi đã thỏa mãn ông ta về chủ đề cuối cùng này bằng cách cho ông ta biết tất cả những gì tôi biết về quan điểm và những dự tính của vị Thượng thư Thái Lan.

"Đối với chủ đề thương mãi, tôi trả lời ông ta như đã nói với nhà vua, rằng vương quốc này không sản xuất được gì cả, nó chỉ có thể được xem là một kho hàng làm dễ dàng cho việc buôn bán với Trung Hoa, Nhật Bản và các vương quốc Ấn Độ; và việc thiết lập mà người ta bắt đầu bằng việc gởi đến đây các toán quân, giả thiết như thế, là hoàn toàn vô ích, số người của Phái đoàn hiện có ở đây đã quá đủ cho hiệu quả này.

"Còn về cái thành nhỏ ở Bangcok thì nó ở trong tay người Pháp chừng nào vua Thái Lạn và ông Constance còn sống; nhưng nếu thiếu một trong hai người đó thì người Thái bị thúc đẩy bởi chính lợi ích riêng của họ cũng như bởi những kẻ thù của nước Pháp sẽ không quên đuổi đi các toán quân của chúng ta khỏi một vị trí mà từ đó làm cho họ trở thành người chủ của vương quốc.

"Hai ngày sau đức Hồng y De Janson nói tôi đi tìm linh mục De la Chasse, người mong được trao đổi với tôi về việc thiết lập cơ sở mới của người Pháp ở vương quốc Thái Lan.

"Người anh em của tôi ơi, vị Hồng y nói với tôi, hãy cẩn thận về những gì anh nói bởi vì anh sẽ nói với người khôn khéo nhất vương quốc. Tôi trả lời ông ta rằng tôi không hề bối rối về chuyện đó, tôi chỉ có những sự thật để nói". Cũng ngay ngày hôm đó, tôi được dẫn vào một hành lang bí mật và được ra mắt với Đức ngài do sư huynh Vatblé.

"Vị linh mục này gần như chỉ nói với tôi về Tôn giáo và về dự tính của vua Xiêm muốn giữ các linh mục dòng Tên ở vương quốc mình và xây dựng cho họ ở Louvo một trường Trung học và một đài quan sát Thiên văn. Tôi nói với ông rằng, ông Constance muốn có sự bảo trợ tối đa của nhà vua đã hứa hẹn ngoài cả những gì mà ông ta có thể có; đài quan sát và trường trung học có thể sẽ được xây dựng ngay khi vua Thái Lan còn sống và các linh mục Dòng Tên sẽ được cung cấp để sinh sống ở đây lâu dài; nhưng ông vua này cũng gần chết nên người ta có thể phải chuẩn bị ở Pháp, tìm những ngân khoản để lưu giữ các thừa sai bởi vì ở đây ít có dấu hiệu cho thấy một ông vua mới muốn gánh vác trách nhiệm.

"Khi linh mục De la Chaise nghe tôi nói như thế ông ta nói với tôi: "Ông đã không đồng ý với linh mục Jachard, tôi trả lời ông rằng tôi chỉ nói hoàn toàn sự thật, và tôi không biết những gì linh mục Jachard đã nói và các lý do khiến ông ta nói, nhưng tình bạn của ông ta với ông Constance, để đạt mục đích của nó, đã lôi kéo ông ta và làm ông ta mù quáng, kế đó trở thành đáng ngờ. Trong thời gian ít ỏi ở lại Thái Lan với ông Chaumont ông đã biết lôi kéo lòng tin của ông Thượng thư; và với ông này, ông ta đã phục vụ như là người thư ký người Pháp trong một vài trường hợp và chính tôi đã tận mắt thấy các văn bằng chính tay ông linh mục này viết và ký tên do quan lớn Thượng thư, phía dưới là Tachard. Nghe đến đây vị linh mục khả kính mỉm cười, và một lát sau lại trở về vẻ

khiêm cung trang trọng rất ít khi rời ông ta; ông ta lại tìm hiểu phải chăng các thừa sai thực hiện được nhiều thành quả ở vương quốc này.

"Tôi trả lời ông ta như đã nói với nhà vua; và thêm rằng điều làm trở ngại sự tiến bộ của Thánh Kinh là cách sống khắc khổ, nghiêm túc của các Jalapoins. "Các tu sĩ này hay tăng sĩ của xứ này, tôi nói, sống trong trai giới thường xuyên, họ chỉ sống nhờ của bố thí hằng ngày nhận được. Họ chia cho người nghèo những gì họ có ngoài nhu cầu cần thiết, và không để lại gì cho ngày mai, họ không bao giờ ra ngoài tu viện của mình trừ khi đi khất thực, và họ lặng lẽ xin mà không nói. Họ chỉ đưa ra cái rổ của mình và trong thực tế liền được bỏ đầy vì người Thái vốn rất nhân ái.

"Khi các tăng lữ Talapoins vào thành phố họ cầm một cái quạt che mặt để không nhìn đàn bà. Họ sống diệt dục rất nghiêm túc, họ chỉ được miễn trừ khi muốn từ bỏ luật lệ để kết hôn. Người Thái không cầu nguyện công cộng, cũng không cúng tế. Các tăng tập họp họ đôi khi ở trong chùa rồi thuyết giảng giáo lý cho họ. Đề tài thuyết giáo thông thường của họ là lòng nhân ái, đức tính này được coi trọng trên khắp vương quốc, nơi người ta gần như không thấy một ai nghèo đi ăn xin.

"Người đàn bà ở đây rất trinh tiết, người Thái không độc ác chút nào, và con cái rất nghe lời cha, họ bị bán đi không than khóc khi cha mẹ họ bị bắt buộc vì cần thiết. Điều đó cho thấy khó hy vọng cải đạo được một người Thái nào theo Thiên Chúa giáo; bởi vì mặt khác họ rất thô lỗ, khó làm cho họ thấy được cái cao diệu, huyền bí của đạo giáo chúng ta; và họ cho rằng đạo lý của họ hoàn hảo hơn của chúng ta; họ không đánh giá cao các thừa sai của chúng ta; những người sống một cách kém khắc khổ hơn các tu sĩ Talapvins.

"Khi các tu sĩ của chúng ta muốn thuyết giáo ở Thái Lan cho những tín đồ Thiên Chúa giáo đích thực, những người dân này đều giản dị và dễ thương, họ lắng nghe các tu sĩ như người ta kể cho họ chuyện ngụ ngôn hoặc chuyện cho trẻ con; tính ưa chìu người của họ làm cho họ chấp nhận mọi thứ tôn giáo. Theo họ Thiên đường là một cung điện lớn, nơi đó có Ngọc hoàng thượng đế cư trú. Cung điện này có nhiều cửa, theo đó mọi hạng người có thể vào để phục vụ Thượng đế theo cách mà họ mong muốn. Đó là gần như cung điện của nhà vua - họ nói - có rất nhiều lối vào và mỗi vị quan đều có ở đó những chức vụ riêng biệt. Cũng giống như trên Trời là cung điện của Đấng Toàn năng; mọi tôn giáo là cửa vào dẫn đến đó, bởi vì mọi tin tưởng của con người, dù chúng có là thế nào đi nữa, đều hướng về chỗ làm vinh danh cho hữu thể nguyên thủy và rồi quy nhập vào hữu thể này, theo một cách thế ít nhiều trực tiếp.

"Các Talapoins không bao giờ bàn cải về tôn giáo với bất cứ ai, khi người ta nói với họ về Thiên Chúa giáo hay một tôn giáo nào khác, họ chấp nhận tất cả những gì người ta nói với họ, nhưng khi người ta muốn chỉ trích tôn giáo của họ, họ trả lời một cách lạnh lùng rằng: tôi đã dễ dãi chấp nhận tôn giáo của ngài, tại sao ngài không muốn chấp nhận tôn giáo của tôi? Còn về việc tu khổ hạnh và hành xác thì không thể nói chuyện được với họ bởi vì họ đã cho chúng ta thấy những gương sáng và họ đã vượt quá chúng ta, ít nhất là bề ngoài, ngay cả những tôn giáo tiên tiến nhất của chúng ta.

"Cuối cùng, thưa cha, tôi tiếp tục, các linh mục Dòng Tên không thiếu kẻ thù trong sứ mạng của mình. Các thừa sai của ngài có nhiều tài năng hơn nhiều người khác nên dễ dàng vơ về mình các đặc ân của các ông Hoàng, bà Chúa mà họ dùng nó để nâng đỡ Đạo giáo chúng ta; từ đó khó mà làm cho lòng

ganh ghét không kích thích các âm mưu chống lại họ, không chỉ ở Âu châu mà còn cả ở Ấn Độ.

"Trong thời gian cư trú ở Thái Lan, nhiều người Trung Hoa khôn ngoan và hiểu biết, thú nhận với tôi rằng họ không hiểu tại sao mà những người cùng niềm tin đã rời bỏ Tổ quốc và băng qua biển cả mênh mông, mong lôi kéo những kẻ phong nhã về phía họ; trong khi đó cũng chính những người trong bọn họ lại không thỏa thuận trong hạnh kiểm của mình, những người này thì sống rất khiêm tốn và nhân từ; những người khác thì buông mình cho thù hận, mâu thuẫn để không nói được gì hơn. Đó là giọng điệu của những người Trung Hoa mà tôi đã nói chuyện, nói với tôi. Sự thật đó khá kiên định và phổ quát ở Ấn Độ mà tôi nghĩ rằng không những phải thông báo với Ngài mà còn phải công bố vào những khi mà tôi có dịp".

Và cuộc hành trình của Hiệp sĩ De Forbin kết thúc bằng những rắc rối với quan thuế, cơ quan này tịch thu của ông các gói hàng với lý do chúng chứa các loại vải bóng nhiều màu cấm đem vào vương quốc. Và phải cần cả một loạt can thiệp với viên kiểm sát tài chánh, Le Pellier để ông ta "tâu lên nhà vua" để việc tịch thu được bãi bỏ...

Đó là cuộc phiêu lưu của ông De Forbin ở Thái Lan từ 1685 đến 1688. Vừa khi đó một viên quan tên là Pitracha gây nên một cuộc nổi dậy chống lại Constance và ông này bị giết, và nhà vua cũng bị lật đổ và Pitracha chiếm ngôi. Những người xây dựng và bảo vệ thành Bangcok trở về Pháp. Tiếp đó xứ này tuần tự bị cướp phá bởi tay người Lào, người Cam-bốt.

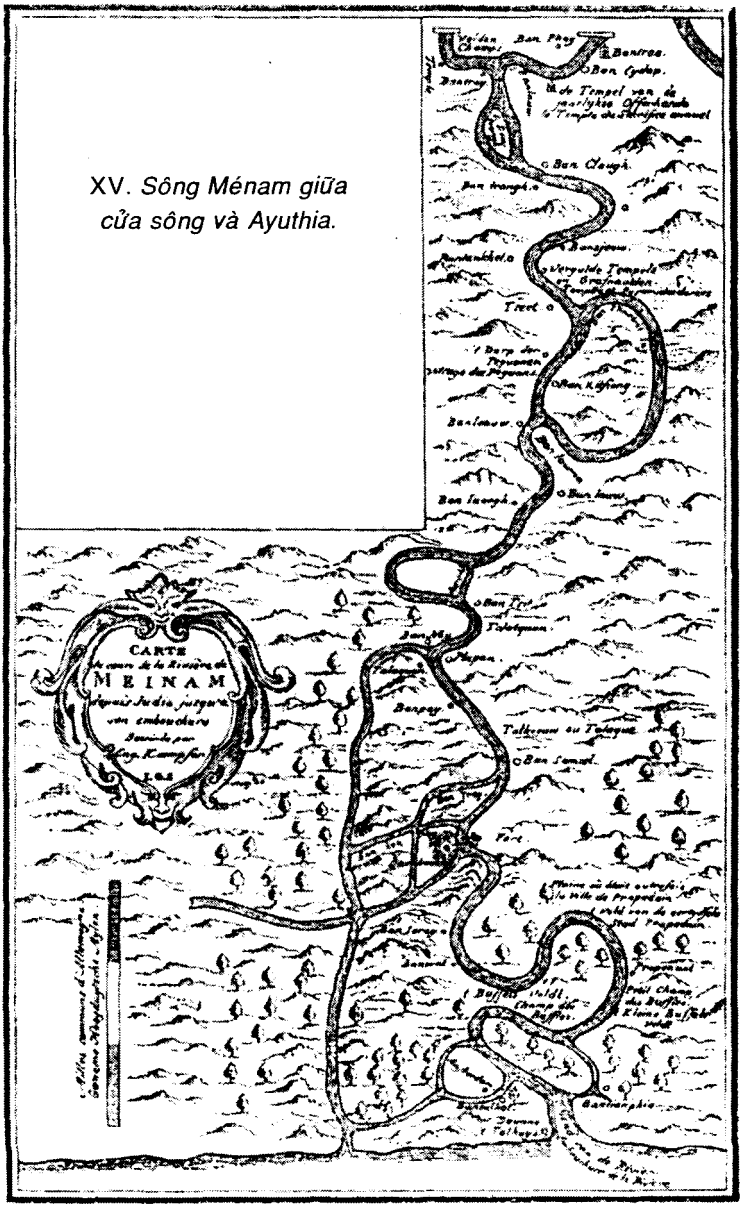
Về phần ông De Forbin, ông trở về hàng ngũ của mình trong lực lượng hải quân của Hoàng đế Đại Pháp. Là người cạnh tranh và đối thủ của Jean Bart và của Dugay-Troin, ông có phần nào ganh tỵ với họ và ông cũng đạt nhiều chiến công

trong các trận mạc chống quân Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh. Mặc dù là người có tinh thần độc lập và ưa cải lý nên không mấy được lòng các thượng thư của Louis XIV, ông cũng lên đến Tư lệnh hạm đội lực lượng hải quân. Những người đồng thời với ông, mặt khác, đều công nhận lòng can đảm của ông cũng như nghệ thuật điều khiển của ông. Sau khi thử đổ bộ ở Ecosse để tái lập Jacques III lên ngôi báu ở Anh quốc không thành công, De Forbin không hòa hợp được với Bộ trưởng Hải quân De Pontechartrain, ông xin về hưu. Lúc đó ông ở tuổi 59 và đã phụng sự nhà vua 40 năm. Lương của ông (tiền cấp dưỡng) là 7.000 livres (bảng Anh). Lui về sống trong một ngôi nhà khiêm tốn ở thôn quê quanh Marseille và ông sống rất cao tuổi. Ở đó ông viết các hồi ký của mình mà ông kết thúc bằng một lời khuyên mà độc giả sẽ thẩm định sau đây.

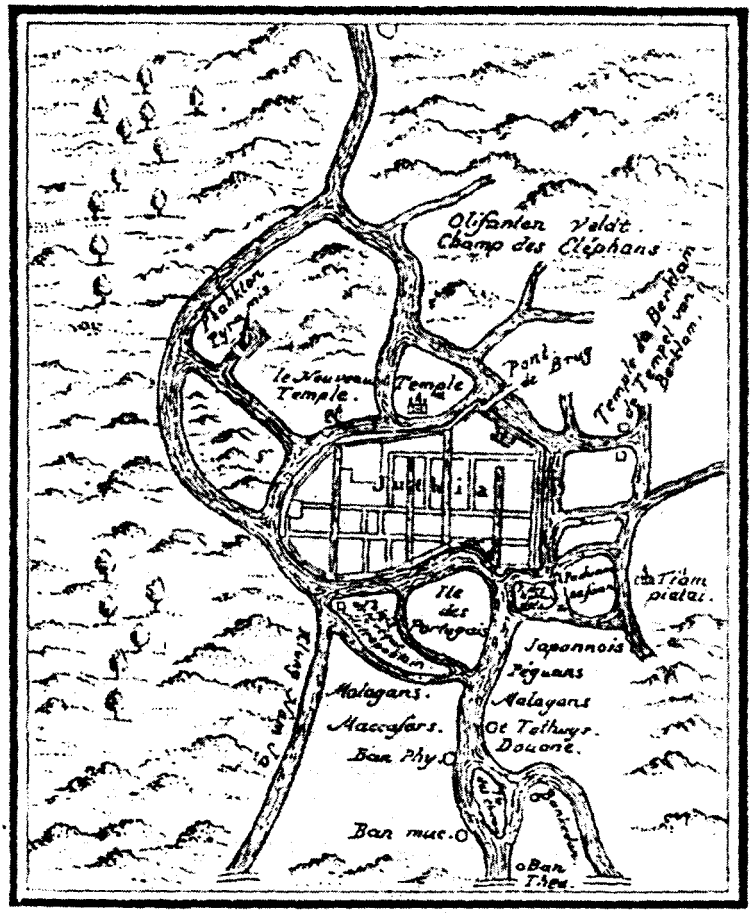
"Những ai muốn trong tương lai, thực hiện con đường phụng sự của mình thì phải chuyên tâm không vi phạm hai câu châm ngôn sau đây. Đầu tiên là không bao giờ lẫn lộn sự vật và công dụng của nó, và thứ hai là hãy nhắm mắt vâng lời các mệnh lệnh nhận định dù cho nó có tỏ ra trái ngược, bởi vì người ta luôn luôn cho rằng các vị Bộ trưởng (thượng thư) có cái nhìn ưu việt không bao giờ cho phép đào sâu, nghiên cứu kỹ."



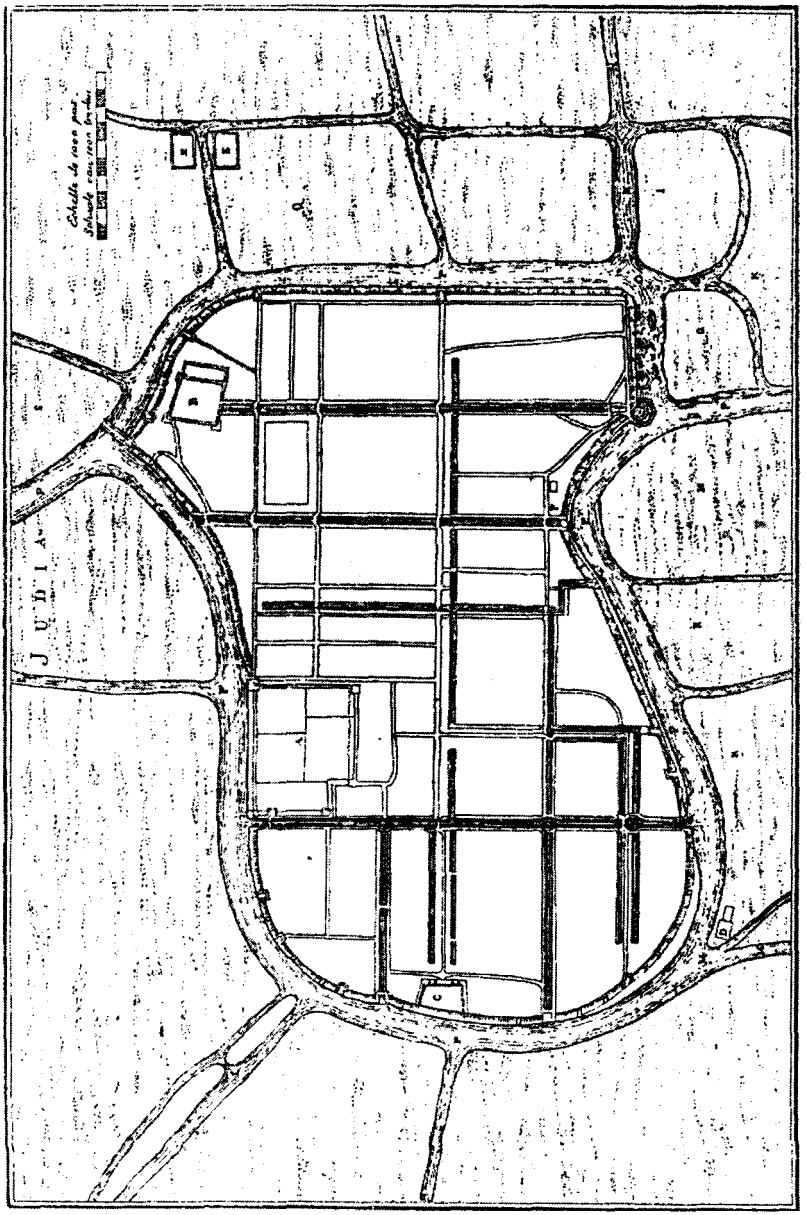
XIV. *Bá tước Forbin khi ở Thái Lan.*



XV. *Sông Ménam giữa cửa sông và Ayuthia.*



XVI. *Ayuthia và phụ cận.*

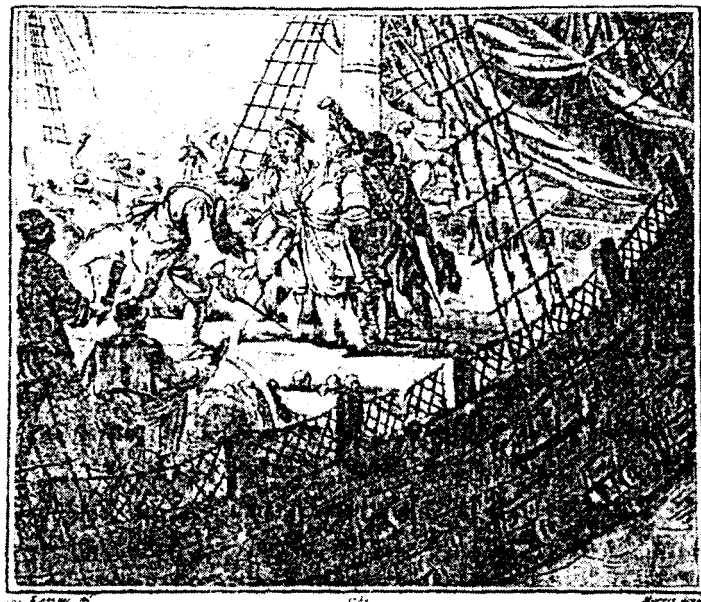


XVII. *Sơ đồ Ayuthia năm 1732.*



CLAUDE, COMTE DE FORBIN,
CHEF D'ESCADRE, CHEVALIER DE
l'Ordre Royal et Militaire de St. Louis
né en 1656 ; mort en 1733.

XVIII. *Claude, bá tước Forbin.*



LE COMTE DE FORBIN BRULE UN VAISSEAU ANGLOIS DANS LE PORT DE MALACOMO.

Claude, Comte de Forbin, naquit en 1656 à Gardanne en Provence. Reçu dans la Marine fort jeune, il se trouva au siège d'Oppenheim en 1675. Fait Prisonnier de Guerre au mépris de la Capitulation, il fut conduit à Vienne, d'où il s'échappa, et revint à Paris. Il fut présenté à Louis XIV par le Chevalier de Chamont dans un Intervalle d'une Heure à peine, à travers des Obstacles, et des Dangers qu'il a décrits lui-même. Ce roi lui fit un accueil favorable, et le nomma Capitaine de Vaisseau. Il servit sous le Maréchal de Tourville, et se trouva à la Bataille de Beachy-Head, où il commandait le Vaisseau le Fier. Il fut fait Prisonnier en 1693, après avoir vaillamment défendu le Château de Namur, et fut conduit à Londres, où il resta jusqu'en 1697. Il fut alors envoyé à Siam, avec une Escadre, pour y soutenir les Intérêts de la Religion, et y établir le Commerce. Il y resta jusqu'en 1688. Louis XIV le choisit pour commander l'Escadre qui devait transporter en Irlande le Roi Jacques II, et, au retour de cette Expédition, il fut fait Lieutenant-Général des Armées Navales. Il mourut à Paris en 1733, âgé de 78 ans. Il a laissé des Mémoires qui ont été publiés en 1730, et qui ont été traduits en plusieurs Langues. Ils sont remplis d'Anecdotes curieuses, et d'Observations importantes sur l'Art de la Guerre. Il y a aussi plusieurs Détails intéressants sur la Cochinchine, et sur le Royaume de Siam, où il fut envoyé par le Roi de Portugal, pour y établir le Commerce. Il y a même un Plan de Gouvernement pour ce Royaume, qui a été publié à Amsterdam, et qui a été traduit en Anglois. Il y a aussi un Journal de son Voyage à Siam, et de son Retour en France, qui a été publié à Rouen en 1686. Il a été traduit en Anglois, et imprimé à Londres en 1688. Il a été aussi imprimé à Amsterdam, et à Paris. Il a été traduit en Anglois, et imprimé à Londres en 1688. Il a été aussi imprimé à Amsterdam, et à Paris. Il a été traduit en Anglois, et imprimé à Londres en 1688.

XIX. Một đoạn về cuộc đời của bá tước Forbin.

KHU CÔNG BINH Ở HUẾ THUỞ BAN ĐẦU

Thư của Đại tướng JULLIEN,
(Trung Kỳ, Bắc Kỳ, 1884-1886)

NHỮNG bức thư của Đại tướng Jullien mà chúng tôi công bố hôm nay, khác với những bức thư chúng tôi sẽ cung ứng về sau, cho chúng ta thấy ở Pháp có nhiều kho tàng. Đây là những lá thư được viết cho cha mẹ, bạn bè của ông, những người khởi phát cuộc chinh phục, những người Pháp đầu tiên đã đến xứ Nam Kỳ, xứ Bắc Kỳ, xứ Trung Kỳ và đã tạo dựng ở đây, tổ chức ở đây với mọi thành phần cấp bậc của hệ thống quân giai, như những chiến binh giản đơn, như những sĩ quan, hay các Đại sứ của Pháp quốc, những công trình vô số mà ngày nay chúng ta ngưỡng mộ và thụ hưởng.

Các kho tàng này khi thì người ta giữ gìn với lòng tôn kính như đối với những thánh tích, khi thì trái lại, người ta bỏ xó ở đáy rương, trong góc tủ bụi bặm. Rồi chẳng bao lâu chúng rơi vào tay một kẻ thừa kế ngu dốt hay lơ đãng, đem bán chúng đi như những mớ giấy cũ không lợi ích hoặc ném chúng vào lửa [1] (a). Thật đáng mong sao một điều tra viên cẩn trọng thu lượm được những gì còn lại và cứu chúng khỏi bị phá hoại.

---

[1] Tôi mượn trong thư từ của tướng Jullien một sự kiện tiêu biểu, nó làm cho ta thấy được lợi ích cứu vãn càng sớm càng tốt một mất mát chắc chắn các kỷ niệm của quá khứ.

"Hôm qua tôi được tướng X, một người bạn tốt viếng thăm mà tôi trách cứ. Tướng X, khi còn là Trung úy công binh, đã kế nhiệm Đại úy Besson

Thư từ mà chúng ta sắp đọc đưa chúng ta về lại thời kỳ Huế - Âu Châu được thành lập mà chúng ta được thấy ngày hôm nay. Đại tướng Jullien thuở đó là Trung úy hoặc Đại úy, đến Huế lần đầu vào năm 1884, rồi một lần nữa vào năm 1885, với nhiệm vụ coi sóc sở Công binh, và khi khu công binh Huế được thành lập ngày 1-1-1886 thì ông giữ nhiệm vụ điều hành cơ sở này. Chính ông ta sẽ thấy về sau, đã xây dựng những cơ sở quân sự đầu tiên ở khu sứ quán và khu nhượng địa, là người tổ chức khu nhượng địa này và thiết lập hệ thống phòng vệ cho nó, là người đầu tiên dựng nên sơ đồ chi tiết cho thành này. Tôi chỉ đề cập những gì mà hội viên Hội những người bạn của Huế xưa (Amis du Vieux Huế) đặc biệt lưu ý hơn cả và để riêng vai trò mà vị Đại tướng đóng ở Bắc Kỳ khi thì như một sĩ quan Công binh đúng nghĩa, khi thì như nhà du hành khí cầu.

Một vài người trong số độc giả của chúng ta có thể sẽ ngạc nhiên thấy rằng người ta lưu giữ trong số thư từ này những chi tiết chỉ biểu hiện một lợi ích cá nhân. Vị tướng đã bày tỏ

---

trên con đường đèo Hải Vân. Ông đã xây dựng một con đường tốt đẹp. Tướng Prudhomme, năm 1898 đã yêu cầu ông khơi dậy các kỷ niệm của mình và để gởi cho ông ta một ghi chú về các công tác của ông. Prudhomme đã công bố những chỉ dẫn này trong Journal des Sciences Militaires (Nhật báo các khoa học quân sự), vào năm 1898, 1899 hoặc 1900 - À này! Tôi nói với bạn tôi, xin cho tôi bản chính của tất cả các thứ này - Ồ! Anh ta trả lời tôi, tôi không giữ lại giấy tờ nào. Thật là quá nặng khi dời nhà. Bạn là kẻ trọng tội! Bạn tôi thêm rằng Prudhomme đã gởi cho anh ta một ấn bản của những gì đã đăng trong Journal des Sciences Militaires. Thế thì giao nó cho tôi, tôi nói với anh ta. Tôi cũng không cần nó nữa, cũng như các giấy tờ của tôi, tôi bỏ đi tất cả. Tôi dung thứ cho anh với lời chúc tốt đẹp mà tôi đã chúc cho bạn tôi".

[Hỡi ôi! Chúng tôi đã làm tất cả, nhiều hay ít, vào lúc này hay lúc khác trong đời, như tướng X. Chúng ta phá hại hay để cho phá hại các tư liệu mà về sau chúng ta hối tiếc sự mất mát. Ghi chú của chủ bút tạp chí].

với chúng tôi nhiều lần ý muốn lược bỏ những đoạn này. Chúng tôi đã can thiệp để ông lấy lại quyết định và điều đó do nhiều lý do. Trước hết bởi vì những chi tiết đó rất riêng tư, biểu hiện rõ nét đời sống nhiệt tình, trẻ trung, chân thành, nó toát ra trên toàn bộ thư từ đó. Tiếp đó và nhất là chúng chứng tỏ với chúng ta rằng người lính của thời kỳ này đã xa rồi, họ không phải là kẻ chinh phục cổ điển và được cách điệu hóa mà đôi khi người ta vẽ ra trước mắt chúng ta, nhưng họ là một con người rung động với mọi tình cảm, mang trong ký ức những tình cảm tinh tế nhất. Vị Đại tướng đã suy nghĩ lại và chấp nhận các lý lẽ của tôi và ông đã thêm một ý kiến rất xác đáng.

"Tôi thú nhận với ngài rằng một trong những yếu tố thúc đẩy tôi hơn cả để chấp nhận việc xuất bản trọn vẹn tài liệu chính là nhiều độc giả có thể kết luận được rằng các trận chiến thuộc địa đã tạo nên các tính cách và đào luyện chúng. Ông Doumer, người tôi quen biết vào cuối cuộc đời hoạt động của tôi, lúc đó tôi là Giám đốc sở Công binh ở Bộ Chiến tranh, đã đến thăm tôi một hay hai lần tại văn phòng. Chúng tôi đã nói về xứ Bắc Kỳ và chúng tôi tin tưởng nhau khá nhanh. Ông ta là nghị viện và vừa soạn thảo một kế hoạch tổ chức quân đội tương lai. Ông chuyển kế hoạch đó cho tôi và yêu cầu tôi cho ý kiến một cách thành thật và tự do. Tôi đọc rất thích thú công trình đầy tâm huyết rất hoàn mỹ này và khi hoàn trả nó lại cho ông tôi nhận xét với ông rằng tôi chỉ thấy có một khuyết điểm đó là tòa nhà không thẩm thấu của quân đội thuộc địa. Theo ý tôi, tôi nói với ông, việc tạo lập các tính cách, tinh thần trách nhiệm mà những Galliénie, những Lyautey đánh giá cao, họ là những bậc thầy của sự xứng đáng, không thể nào thu lượm được ở các trại lính của nước Pháp, với đời sống điều độ theo lề luật chặt chẽ của đời sống quân

ngũ. Phải vất xuống nước để người ta học bơi. Hãy mở rộng hàng ngũ của quân đội thuộc địa cho các cấp quân đội mẫu quốc. Thật thế, phải thực hiện điều đó với việc sắp đặt, tôi thêm, và nắm bắt các hoàn cảnh, cho thăng cấp... đó không phải là một vấn đề không giải quyết được. Tôi phải thêm rằng các lý lẽ của tôi đã đánh mạnh ông Doumer và ông ta nói với tôi rằng ông rất trân trọng chúng. Như thế, tóm lại, việc đọc các bức thư này có thể dùng làm bài học cho một vài sĩ quan trẻ tuổi, khiến họ suy nghĩ về chúng. Vậy thì chúng ta hãy bằng lòng công bố chúng".

"Chúng ta gởi đến Đại tướng Jullien lời cảm tạ, về dấu hiệu của lòng tin và ngưỡng mộ mà ông đã vui lòng ban cho *Những người bạn của Huế xưa* trong việc giao trách nhiệm săn sóc và công bố thư từ của ông từ 1884 đến 1886.

Hơn nữa, các thư này không chỉ đơn thuần là một văn bản viết, một tư liệu lưu trữ đơn giản. Chúng được đính kèm với rất nhiều ảnh chụp, tranh vẽ, bản đồ, sơ đồ rút từ những sưu tập cũ mà vị Đại tướng tạo dựng, các hồ sơ mà ông thiết lập và bảo quản. Tất cả những bản khai đó đã đưa chúng ta một cách tế nhị về lại thời kỳ mà các bức thư tường trình cho chúng ta, bởi vì chúng cho chúng ta thấy các phong cảnh, đền đài, các nhân vật mà chính mắt Đại tướng đã thấy và giờ đây chúng ta không còn thấy nữa, bởi vì chúng đã mất đi, hay là chúng ta thấy chúng khác đi bởi vì người ta đã biến đổi chúng. Và đó chính là một hấp lực mà những người bạn của quá khứ sẽ tán thưởng.

Chủ bút tạp chí BAVH

Toulon, ngày 9 tháng 1 năm 1884.

Cha mẹ thân yêu,

Con viết những dòng này cho ba mẹ từ chỗ của Gustave[1] người mà con cùng dùng bữa chiều nay. Một điện tín con giao cho một trong những người chuyển cho cha mẹ từ hôm qua, thông báo với cha mẹ con qua đêm ở Livron. Con đã đi trước Bộ phận (khí cầu) của con[2] một ngày. Bằng cách đi tàu nhanh, con đã đi trước các vật liệu một ngày để chắc được rằng các phương tiện vận chuyển chúng xuống tàu Poitou được thực hiện tốt đẹp. Con đã làm tốt, suốt ngày đến nhà Đề đốc, trấn thủ hải quân, đến nhà Đại tướng chỉ huy trưởng tiểu khu; con được Trung tá giám đốc Công binh đi cùng, người này theo một bức thư của Trung tá giám đốc cơ sở các thành lũy, được đặt dưới sự sắp xếp của con một cách lịch sự. Nhờ vào công tác đặc biệt và mới mẻ, con có thể thực hiện tất cả cuộc thăm viếng này với tinh thần hoàn toàn tự do, chính con, con cũng ngạc nhiên khi nghĩ đến thái độ vững vàng của con tối nay.

Cuối cùng, con vừa được hay lúc 7 giờ rưỡi tối rằng mọi cuộc vận động của con đã có kết quả; vật liệu của chúng con thay vì đến tận Toulon đã dừng lại ở Seyne, từ đó sẽ được đưa theo đường sắt thẳng đến chiếc tàu phải đưa con đi.

Chiếc tàu này là một chiếc thuyền xuyên đại dương tuyệt diệu; khốn thay con chưa biết nơi nó sẽ tạm ghé bến, con hy vọng trong mọi trường hợp chỗ đầu tiên là Port Said. Nơi đây, con sẽ gởi bưu điện một bức thư cho cha mẹ. Như vậy cha mẹ sẽ được tin con trong 15 ngày, trong khi con buộc sẽ phải đợi

---

[1] Gustave Reynier, sinh viên cũ của trường Cao đẳng Sư phạm, giáo viên ở trường Trung học Toulon nơi ông ta khởi nghiệp, hiện nay ông là giảng viên Đại học Soborne.

[2] Phân đội khinh khí cầu

tin cha mẹ lâu hơn, ít nhất là 45 ngày; hãy viết cho con trong vòng 5 đến 6 ngày, rồi đến 8 ngày, các bức thư này sẽ đi theo con và ở nơi con đến con sẽ được phát từng 8 ngày một. Đây là địa chỉ của cha mẹ Đại úy Aron, một người bạn hơn là một cấp trên; ông Aron, phố Voltaire.31.Paris. Chúng con rất vui lòng thấy hai gia đình giao dịch với nhau và nếu tình cờ một trong hai gia đình không nhận được tin tức, đó là khi mất thư, thì hai gia đình sẽ chỉ còn trao đổi thương nghị với nhau.

Con gởi theo thư này một bưu phiếu 80 francs, hiện ba đang giữ của con 120, như thế con có ở ba 200 frs; lúc trở về con sẽ cần số tiền đó. Cuối cùng, con sẽ tiết kiệm để làm tròn số tiền nhỏ này. Tạm biệt cha mẹ thân yêu, con yêu và hôn cha mẹ nhiều không kể xiết. Bức thư tới của con sẽ đến với cha mẹ từ Port-Said. Một lần nữa đây là ngàn cái hôn của đứa con tôn thờ cha mẹ.

L.JULLIEN

Con đã đăng ký ông Passa và ông Ejalhert là người thông tin giao dịch của Alfred[1]. Con không có thì giờ thăm họ và viết cho họ, ba phải viết cho họ để gởi gắm Alfred và yêu cầu họ đưa nó ra ngoài khi cần.

Cũng nên yêu cầu ông Cardronnet đôi khi đưa nó ra ngoài. Thông báo cùng ông Passa về một bức thư của con sẽ đến từ Port-Said và tha lỗi cho con đã không ghé thăm cũng như không viết thư cho ông ta, con quá bận rộn. Chúng con nhổ neo lúc 10^h30 đến 3 giờ ngày thứ năm.

Gustave gởi lời thăm hỏi cha mẹ.

---

[1] Em tôi Alfred Jullien, hiện là Trung tá pháo binh về hưu, vào trường Đại học Bách nghệ (Ecole Polytechnique) vào năm 1888. Nó sống cùng tôi ở Versailles và theo học trung học Hoche như là học sinh bán trú. Lúc tôi đi, nó trở thành học sinh nội trú trung học Hoche.

Đây là địa chỉ của con, M.L.Jullien. Trung úy Khinh khí cầu. Đội quân viễn chinh Bắc Kỳ (Á Châu). Kể từ ngày mai, cha mẹ sẽ được miễn bưu phí, con cũng vậy.

Trên tàu St. Germain, ngày 16-1-1884
Cách bờ biển Ai Cập 100 km.

Cha mẹ thân yêu,

Có thể cha mẹ hơi ngạc nhiên về dòng phụ đề trên đầu thư của con. Cha mẹ có thể nghĩ rằng con lên tàu trên chiếc Poitou như con đã báo với cha mẹ. Con không có thì giờ để viết cho cha mẹ biết vì sao con không có mặt ở đó. Như con đã viết cho cha mẹ từ Toulon, con đi chuyến tốc hành vài giờ trước vị Đại úy của con và Bộ phận Khinh khí cầu để làm thế nào đến trước một ngày hầu có thể thu xếp và tổ chức trước mọi việc để chở vật liệu của chúng con từ ga đến tàu thủy.

Ở Seyne con nghe Đại úy của con nói rằng Công ty P.L.M. đã để lại bốn trong số các toa tàu của chúng con ở nhà ga Lyon. Chuyện trắc trở này thật đáng phàn nàn, nhưng dù sao chuyến xe lửa của chúng con cũng đến được cầu tàu và vật liệu được đưa lên tàu. Qua công tác này chúng con thấy ra rằng trong số kiện hàng thiếu có quả cầu đánh vécnis, một kiện hàng rất mỏng manh, bởi vì dưới các vùng vĩ độ thấp với nhiệt độ cao véc-ni có thể biến đổi (chua đi) và ngay cả bốc cháy quả cầu. Như vậy cần để kiện hàng này không phải ở đáy hầm tàu, mà phải để ở một nơi người ta có thể coi sóc nó và tưới nước cho nó khi cần. Trong tình hình này chúng con rất chán ngán, phải xa cách nó, chúng con vội thông báo cho thuyền trưởng tàu St.Germain biết sự việc và yêu cầu ông coi sóc hay cho người chăm nom kiện hàng này. Vào khoảng 4 giờ tất cả đã sẵn sàng, chiếc Poitou (?) nhổ neo và chúng con lên đường ra khơi sau khi tiếp nhận lời chúc và tạm biệt của Đề đốc.

Đi chưa được bao nhiêu, chúng con thấy một tàu hơi nước chạy về hướng chúng con với tốc độ cao và ra hiệu dừng lại. Tàu này chở một Trung úy hải quân, sĩ quan hầu cận của Đề đốc Trấn thủ hải quân, cấp tốc đến tìm con, nếu kịp thì đưa con xuống khỏi tàu để đến săn sóc quả khinh khí cầu quý giá. Giới chức thẩm quyền của hải quân đã xúc động về những huấn thị để lại cho thuyền trưởng chiếc St.Germain, và họ cho rằng cần có một người đủ tư cách để coi sóc chiếc khinh khí cầu quý giá này. Thế là trong vòng 5 phút con rời tàu, đem theo tên lính hầu trung tín Lalès[1], và ngay sau đó đã có mặt trên tàu St.Germain.

Chuyện đáng buồn là cuộc chia tay với đồng đội và Đại úy Aron, bởi vì đứng trên phương diện cá nhân mà nói thì con được thoải mái và an toàn hơn vì chiếc St.Germain ưu việt hơn chiếc Poitou rất nhiều. Đó là một chiếc tàu xuyên đại dương rất rộng, đầy tiện nghi; có một tốc độ lớn hơn chiếc Poitou có thể cho chúng con đuổi kịp dù nó đi trước và không bao lâu chúng con sẽ bắt kịp và vượt nó. Chúng con nhổ neo đúng 24 giờ sau.

Ra đi vào khoảng 4 giờ chiều, ngày hôm sau vào buổi sáng tốt trời, khoảng 8 giờ chúng con đi qua eo biển Bonifacio. Con hơi bị khó chịu nhưng không phải vì say sóng. Không phải là xấu nhưng đôi khi biển Sicile cũng làm dao động các thủy thủ mới vào nghề. Ngày hôm sau lúc đúng ngọ, trời rất tốt, biển

---

[1] Lalès là lính hầu cận của tôi, một người xứ Bretagne. Tất cả lính của phân đội khí cầu đều là những người tình nguyện cho chiến dịch. Người ta yêu cầu các người tình nguyện cho liên đội I công binh. Vì lý do còn một cái tang còn mới đã bỏ đi mẹ thân yêu của tôi, tôi không đăng ký như người tình nguyện. Thiếu tá Charles Renard, giám đốc các xưởng ở Chalais - meudon, nơi phát sinh trạm khí cầu quân sự, đã chân tình khuyên nhủ bên tôi để làm cho tôi quyết định ra đi. Tôi bèn làm đơn và vô cùng được thấy nhiều người tình nguyện đổ xô vào trung đội của tôi để bù cho đủ số quân thực ngạch của phân đội khí cầu dành cho lực lượng quân viễn chinh.

rất lặng, chúng con vượt eo biển Messine. Chúng con được chiêm ngưỡng Seylla trên bờ biển Ý đại lợi. Chúng con đi không quá 2^{km} đến 3^{km}. Ngọn núi đá vượt ra từ những đống đổ nát xưa cũ khiến chúng con thấy chúng như uy nghi trồi lên từ biển cả. Còn về Charybde thì không có gì cả! Mọi người đều hướng ống kính về bờ biển Sicile, tất cả chúng con đều tìm Charybde nhưng không có Charybde. Chúng con tiếc rằng không có Homère, phải chăng đã đối diện với nó? Trước mặt có một mũi đất thấp, một bãi biển đằng đầu có một cái gì như mũi đê chắn sóng nhưng là do tay người tạo dựng. Phải chăng không phải là núi đá, không phải là Charybde? Con nhất định sẽ đọc lại kỹ càng Odyssée.

Hôm đó là một ngày Chúa nhật, và chúng con đến bờ biển Sicile, trong một làng nhỏ, mọi người ra khỏi nhà và đi xem lễ. Ở phía xa, Messine xinh đẹp và mang dáng dấp thành phố lớn với một số tàu thả neo trong hải cảng. Rồi về phía bờ biển Ý đại lợi, Reggio, rồi một đài tín hiệu mà chúng con bàn cãi sôi động, người ta cho rằng theo đó mọi việc trên tàu sẽ ổn thỏa. Rồi tiếp đó là không ngoài trời và dưới nước. Gió lạnh dần, sóng dâng cao, tàu tròng trành hơn và trở nên rất khó chịu. Không ăn tới được, gió mưa gào thét bên ngoài, trời có bão.

Nỗi cực nhọc vì biển động ngự trị trên tàu, người sắp đi nằm thử gắng ngủ nhưng đó là điều khá khó khăn. Mọi thứ lăn lóc khắp phòng của con, hỗn độn trên nền, người ta bị những cái nhảy xóc khủng khiếp trong chiếu giường ngủ $0^{m}50$ bề ngang. Cuối cùng ngày cũng đến, nhưng người ta chỉ gặp những khuôn mặt xanh mét, con không thể ăn sáng được nữa. Tuy nhiên đến bữa trưa, con thử ăn và giữ được những gì đã có. Đến đêm bão tố tăng gấp bội, sấm chớp, mưa gió lẫn lộn, tàu chuyển mình, tuy vậy con cảm thấy khá hơn đêm trước. Rạng hôm sau, con cảm thấy khỏe lại, trời còn xấu nhưng con

vẫn đi dạo trên cầu tàu. Thủy thần, người đã thắng tôi keo đầu nhưng tôi đã lấy lại được keo sau. Thật thế từ sáng hôm qua, con đã lanh lợi, tươi tỉnh và thoải mái, ăn gấp bội và ngủ ngon, bây giờ thật sự con đã quen sóng nước.

Con dù sao cũng vui mừng đã qua được một cơn bão, có thể chưa lớn lắm nhưng cuối cùng chúng con cũng có một ý niệm về điều đã xảy ra. Sự việc đã qua rồi và người ta vui mừng đã được chứng kiến.

Đến hôm nay trời vẫn lạnh, chúng con chắc rằng ở Port-Said cũng không nóng, con chắc rằng trời nóng hơn với cha mẹ ở Livron.

Miền đất của các Pharaons đã xuất hiện trước mắt chúng con sau bữa ăn trưa, chúng con nhìn thấy chính ngọn hải đăng Damiette và chúng con vào cảng Port-Said trong đêm tối. Con sẽ miêu tả cho cha mẹ tất cả những điều kỳ diệu này trong thư tới, sẽ được gởi từ Aden nơi chúng con cũng được dừng chân. Ở Port-Said chúng con có thể dừng lại 24 giờ để lấy than. Kế đó chúng con sẽ được thấy kênh đào Suez mà người ta sẽ đi qua trong hai ngày (người ta không đi qua đây ban đêm), rồi Hồng Hải, rồi ngọn núi Sinai, con không biết sao đây! Trời không nóng, say sóng đã hết, mọi sự tốt đẹp.

Có lẽ các chuyến thư sẽ đến trong vòng chừng 8 ngày một lần. Thư từ Pháp hoạt động từng 15 ngày một, các chuyến thư Anh cũng vậy; vì chúng xen kẻ cho nên người ta nhận được tin từng 8 ngày một. Cha mẹ có thể sẽ nhận thư con đều đặn nhưng thư của cha mẹ có thể sẽ đến với con lâu hơn. Hãy viết cho con từng 8 ngày một (con hy vọng cha mẹ đã khởi sự làm như thế); với cách làm như thế nếu có thư nào thất lạc, con cũng sẽ không bị thiếu tin tức lâu quá.

Tàu của chúng con là một trong những chiếc tàu tốt, người ta nói rằng nó sẽ đưa chúng con đến Hải Phòng, tại đây con

sẽ nhờ chiếc Poitou. Con ở đây với một đại đội bộ binh và một trung đội pháo binh, trong số các pháo thủ có một đồng ngũ của con ở Fontainebleau.

Tạm biệt cha mẹ thân yêu, con hôn cha mẹ ngàn, ngàn lần.

Con trai của cha mẹ; con yêu của cha mẹ ngoài mọi lời lẽ.

L.JULLIEN.

Và Alfred, nó ra sao rồi? Nó có được ra ngoài đôi lần? Có thể con sẽ viết cho ông Passa; tuy nhiên khi viết lâu tàu chòng chành làm mệt óc. Có thể con sẽ đợi đến Port-Said.

Trên tàu St.Germain, ngày 19-1-1884
Kênh đào Suez

Cha mẹ thân yêu,

Vậy là chúng con đã ở kênh đào Suez hai ngày, hôm nay là ngày thứ ba, nhưng dù chúng con mới đi được nửa đường, thì hôm nay cũng là ngày cuối cùng ở đây. Chúng con đã thật sự đến hồ Amers, và tại đây có thể tăng tốc độ.

Điều này có thể gây cho cha mẹ chút ít ngạc nhiên, nhưng khi cha mẹ biết được rằng, người ta chỉ có thể vượt chéo nhau trong các trạm dọc theo kênh đào, tất cả điều đó sẽ giải thích cho cha mẹ. Thật thế, thí dụ chúng con đang ở C, chúng con sẽ đến trạm A. Nhưng nếu ở D, có tàu đến B sớm hơn thời gian chúng con đến A, hoặc hơn nữa là ở E, đã có tàu trên đoạn đường AB thì chúng con buộc phải chờ ở trạm A để cho các tàu đã đăng ký trước chúng con đi qua đoạn đường AB, thực hiện được lộ trình này; tốc độ qua đây rất chậm (có thể vì không muốn làm lay động nước nhiều để không tác hại hai bờ), vì thế người ta phải chờ đợi lâu. Chúng con đến đây ngày kia, chúng con phải đợi 11 chiếc tàu đi qua, phải mất 3 giờ tối

thiểu. Vì thế người ta cho phép chúng con xuống đất liền, con liền giẫm chân lên miền đất Ai Cập cổ kính, mảnh đất của nền văn minh xưa nhất. Gần như tất cả mọi người đều có súng săn, chúng con đuổi theo các con lè le, vịt trời nhưng không kết quả. Chỉ có vị bác sĩ của tàu hạ một con chim mỏ nhát. Dù thế nào đi nữa chúng con cũng được chạy nhảy làm cho chân hết tê.

Hôm đó con thấy rất sung sướng được đi trên tàu St.Germain hơn các bạn mình trên chiếc Annamite, chúng con cùng đi với chiếc này từ cảng Port-Said, và thả neo cùng ở một trạm và họ không được xuống đất liền. Như trên chiếc Poitou, họ 3 người ở chung một phòng trong khi ở đây chúng con mỗi người một phòng có ghế sa lông, một bàn mà họ không có. Hơn nữa Hội các mệnh phụ người Pháp đã gởi cho đoàn quân Bắc Kỳ của chúng con nhiều thùng quà tặng, Ủy ban ở Nice đã đưa chúng lên chiếc St.Germain, trong số đó có một thùng sách mỗi người có thể lục lọi để có thể tránh được buồn chán trên lộ trình.

Con vừa bị phá ngang bởi tiếng lạc đà, những con lạc đà! Con tạm dừng một phút lên boong để xem họ làm gì. Một chục con lạc đà có người dắt trên bờ kênh đang chở những chiếc thùng trên lưng trên bãi cát đang xuống dần và người ta mang chúng đi xa trên lưng lạc đà.

Trong kênh đào này chỉ rộng 80^{m} ở phần trên, 22^{m} ở đáy và sâu 8^{m}, từng lúc người ta có nhiều chuyện để xem. Gần như luôn luôn trên bờ có những người A-rập mà chúng con quăng cho họ những miếng đồng xu, lính của chúng con ném cho họ những miếng bánh ngọt và họ đã chạy trên bờ múa may la hét để đón nhận tất cả những thứ đó. Hôm qua trước khi đến một chốc chúng con thấy trên bờ hồ có Ismailia, một biệt thự

mang tên "Biệt thự Lesseps" - người A-rập đọc là "Lessepre", bên cạnh biệt thự có một mục sư người Pháp và một chàng trẻ tuổi người Pháp sau khi chào chúng con đã nhảy lên chiếc xe hai mui bốn bánh và chạy nước đại về phía Ismailia: một chiếc xe tám nhíp trong sa mạc thật nghịch lý. Phía sau họ, bốn hoặc năm người Ai Cập đang cỡi trên những con lừa nhỏ bé mà chúng con đã thấy từ trước trên đỉnh các đụn cát bị che khuất vì thế nên người ta chỉ thấy những hình bóng màu đen, trong vị thế đó không thể được màu sắc, y phục của họ, một màu sắc thường là vui mắt; những bóng đen vô số này làm bật cười khi mấy con lừa chổng đuôi.

Port-Said, thành phố con không biết có bao nhiêu dân, có thể 10.000, nhà cửa bằng gỗ ít công trình kiến trúc bằng đá, đây chỉ là một cửa hàng bách hóa rộng lớn, đồ vật bày biện trước mắt chỉ là những món đồ chơi ít giá trị nhưng màu sắc thích mắt đôi khi sặc sỡ. Dân chúng phần đông bẩn thỉu, đeo sát du khách. Một em bé người Thổ Nhĩ Kỳ nét mặt tươi tỉnh, nói bập bẹ tiếng Pháp không mấy tốt đã là nhà hùng biện của chúng con và đưa chúng con trước hết đến bưu điện rồi thăm qua thành phố. Chúng con hỏi đứa bé thành phố Ả rập ở đâu, nó hơi xa nên không thể đến đó được. Lúc đi ngang chỗ Lesseps đứa bé chỉ cho chúng con một Kiosque theo hắn là nơi người ta chơi nhạc Pháp. Người ta chơi cái gì? "Le voi là Nicolas, ah! ah! ah!; hắn trả lời; chúng con bật cười. Bài hát Pháp nhỏ ơi, mày không ngờ rằng mày đã chu du vòng quanh thế giới.

Con mua một mũ cối bằng một cây hương mộc và một dụng cụ y học, nhưng cách dùng cấm không được gọi tên, người ta nói rằng không thể thiếu ở những xứ xa xôi. Hình dáng nó không mấy kỳ diệu (xin bỏ lỗi vì những chi tiết này), nhưng ở Port-Said phải lấy những gì tìm thấy. Phần đông

hàng hóa đòi giá gấp đôi, tên Hy Lạp bán vật đó cho con khá giảo quyệt buộc con phải qua mặt không để cho hắn đạt những gì hắn muốn.

Con nghĩ rằng, người Anh không mấy được yêu mến, người ta ít thấy họ ở nơi khác. Lính tráng Ai cập y phục nghiêm chỉnh, đào luyện tốt, phong thái vững chắc nhưng chỉ trong thời bình, người ta nói thế - Tiếng tăm kỳ quái nhất về chuyện Mahdi loan truyền khắp dân chúng. Em bé người Thổ Đoan chắc với chúng con trong ánh mắt vui thích rằng: "Tất cả những người Ả rập sẽ đi Soudan và đến tiếp rất nhiều. Sau 2 giờ du ngoạn trên đất liền chúng con trở về tàu và ăn một bữa thật tuyệt diệu. Thật thế người ta ăn thật nhiều ở đây và con nghĩ rằng con sẽ gởi cho cha mẹ thực đơn của sáng nay, con chưa biết nó nhưng con vừa nhận nó ban nãy; vào lúc con đang viết cho cha mẹ, người bồi đã đưa cho con một thực đơn cũ, dù là cũ bữa ăn vẫn ngon lành.

Lúc 7 giờ ăn sáng lần đầu (cà phê sữa);
10 giờ ăn sáng lần hai;
1 giờ - món canh;
5 giờ - ½ bữa tối;
9 giờ - trà

Chúng con sẽ mập và béo.

Thư này đi từ Suez; hiện chúng con nghĩ rằng không được bỏ ở Aden nơi chúng con sẽ tới trong vòng 4 ngày; chúng con sẽ bỏ ở Colombo (Tích Lan) nơi mà chúng con sẽ tới vào ngày 30 tháng giêng, con nghĩ vậy. Các thư bỏ ở đây không tới với cha mẹ trước ngày 20 tháng 2, như thế cha mẹ đừng lo cho đến khi đó. Chúng con đã thực hiện một cuộc du lịch đích thực.

Sau đây là bản kê các chuyến đi của Pháp năm 1884, hãy ghi nó lại ở đâu đó.

20 tháng giêng	25 tháng 5
3 tháng giêng	8 tháng 6
17 tháng 2	22 tháng 6
2 tháng 3	6 tháng 7
16 tháng 3	20 tháng 7
30 tháng 3	3 tháng 8
18 tháng 4	17 tháng 8
27 tháng 4	31 tháng 8
11 tháng 5	14 tháng 9
	28 tháng 9

Đi từ Marseille (thư phải đến trước đó 2 ngày), nhưng cha mẹ hãy viết thường xuyên, có cả bưu điện Anh và thư từ rất dễ mất ở đó.

Tạm biệt cha mẹ, con hôn cha mẹ thật nhiều lần, đứa con trai hết lòng kính hiếu của cha mẹ.

L.JULLIEN

Con chưa viết thư được cho ông Passa.

Con dán tem các thư của con cho đến Bắc Kỳ, làm như vậy để chắc chắn được bưu điện Anh nhận và thư đến với cha mẹ sớm, cha mẹ không cần phải dán tem.

Trên tàu St.Germain, ngày 22-1-1884
Hồng Hải

Cha mẹ thân yêu,

Chúng con sẽ đến Aden ngày mai vào buổi tối, với khoảng cách từ nơi mà chúng con có mặt vào buổi trưa thì chúng con có thể đến sớm hơn nhưng vì eo biển Bab-el-manded có quá nhiều đảo nhỏ và chúng con buộc phải đi chậm lại.

Cái nóng cho đến bây giờ đã để yên cho chúng con - trong đoạn đường qua kênh Suez; nhiệt độ buổi sáng 6,7 độ; ở Port-Said vào buổi trưa con còn mặc cả chiếc áo khoác lớn của con, từ hôm qua cái nóng đã bắt đầu. Khẳng định được rằng chúng con đã qua chí tuyến (vào vùng nhiệt đới) đêm hôm qua lúc 2 giờ sáng, chúng con đã tránh lễ rửa tội (ngày xưa người ta rửa tội khi qua chí tuyến). Nhiệt độ tối thiểu ban đêm là từ 19 độ ban ngày nó lên đến 27^0; hôm nay có gió mát làm chúng con rất dễ chịu. Đêm này con ngủ không đắp mền và từ hôm qua con đã cất đi chiếc mũ bằng ruột hương mộc và bộ đồng phục nỉ. Thật ra con còn mặc đồ nỉ, cần phải quen dần với cái nóng[1].

Biển ở đây đúng là biển dầu, không một gợn sóng lớn, nếu người ta không nghe tiếng cây để nằm dưới chân quay với 52 đến 54 vòng trong một phút thì người ta tưởng rằng tàu đứng nghỉ.

Chúng con đi với tốc độ cao giữa 13 và 14 gút (noeud) (tuy tốc độ trung bình chỉ là từ 12 đến 13); các tàu 10 gút vẫn được xem là tàu chạy tốt, cha mẹ chắc còn nhớ gút hay dặm biển là 1.852^m. Đó là gần ngang với tốc độ tàu hỏa chở hàng mà chúng con đã đi.

Con nghĩ rằng các tàu mới chạy nhanh hơn thế, con còn nhớ các con số tốc độ trong Revue de deux mondes (tạp chí Hai thế giới), 15 hay 17 gút. Đó là tốc độ của các chiếc ngư lôi

---

[1] Sức nóng ngoài điều mà nó có thể làm khó nhọc, theo quan điểm thể chất, đối với tôi còn là một điều bận lòng đáng kể mà nguyên nhân là quả khí cầu. Quả cầu phủ vec-ni này ở trong một thùng gỗ đo được chừng 1^m20 trên 1^m50 và cao 0^m40, đặt dưới mui ở phía sau tàu. Ở giữa mỗi nếp gấp của vải có dán lại với nhau. Từ khi đi vào Địa Trung Hải, tôi đều đến luồn tay vào thùng để chắc chắn không có sự tăng nhiệt trong quả cầu. Nhờ thế quả cầu đó đến bình yên và nó được sử dụng trong suốt chiến dịch.

đĩnh, hay các chiếc tàu lúc chạy thử khi mà người ta tận dụng khả năng mà chúng có thể có. Tàu của chúng con lúc thử nghiệm tốc độ đạt 15 gút. Sau chiếc Normandie, đó là chiếc tốt nhất trong số các tàu xuyên đại dương.

Chúng con không biết có được lên bờ ở Ceylan (Tích Lan), điều đó thật thú vị, thiên nhiên ở đây hình như rất đẹp, thảo mộc vĩ đại, mũi tận cùng phía nam, mũi Galles, nức tiếng là địa điểm đẹp nhất thế giới.

Bấy giờ vì đã đến gần Bắc Kỳ, chúng con bắt đầu đọc các tác phẩm đã xuất bản về đề tài này, trong số đó chúng con có một tác phẩm rất lý thú, đó chính là các ghi chú của chính Garnier; nếu cha mẹ chưa đọc, nhất thiết phải mua nó = Les Français au Tonkin (Những người Pháp ở Bắc Kỳ) của Gauthier (Challamel xuất bản, 5 đường Jacolb, Paris); cũng nhà xuất bản này đã xuất bản một bản đồ khá tốt của Bắc Kỳ, người vẽ là Gouin, Hải quân thiếu tá, nhưng khá đắt, 6 frs; tập sách nhất thiết phải đọc giá 3 frs 50.

Cuộc chinh phạt này của Francis Garnier hầu như tuyệt diệu và không thể tưởng tượng được bởi những sự kiện quân sự hoàn toàn dị thường, đã được biết nhưng trong cuốn sách này tất cả được cô đọng. Mặt khác, chiếc bản đồ cho phép theo dõi các cuộc hành quân mà con sẽ cung cấp cho cha mẹ các chi tiết.

Cha mẹ thấy, theo F. Garnier, rằng xứ này là một xứ giàu có đáng ngạc nhiên, rằng dân chúng rất có cảm tình với chúng ta, kẻ thù duy nhất của chúng ta là các quan lại, những nhà kho, những người nhờ ruộng đất cướp được coi như lương bổng, đã vắt kiệt đất nước với những thuế quan thái quá.

Chúng con đã vượt chiếc Annamite ở Suez, nó ra đi buổi sáng cùng ngày với chúng con, và cùng với nó chúng con đi

trong kênh đào. Nó lấy than ở Suez còn chúng con lấy ở Aden, nơi chúng con có thể gặp chiếc Poitou luôn ở trước chúng con. Giữa chúng con và Poitou có sự cạnh tranh nhỏ: chiếc Poitou thuộc về Công ty Messageries Maritimes (Công ty vận tải đường biển, và chiếc St.Germain thuộc công ty các tàu xuyên Đại Tây Dương (C^ie des Transatlantiques); con nghĩ rằng chúng con sẽ đến Bắc Kỳ trước chiếc Poitou, nhưng dù sao nó cũng chạy tốt.

Con nghĩ rằng cha mẹ viết cho con thường xuyên và lúc đến bến con sẽ bắt đầu nhận được thư. Trước khi đi ngủ, con hôn cha mẹ ngàn lần. Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L. JULLIEN

Colombo, ngày 31-1-1884

Cha mẹ thân yêu,

Thế là chúng con đối diện Colombo, thủ phủ của hòn đảo này được tán dương về vẻ lộng lẫy của thảo mộc, chúng con sẽ đến đây trong một giờ và chúng con có thể tự mình thẩm định; chúng con sẽ đến đây khoảng 4 giờ, và chúng con sẽ chỉ lên đường lại vào nửa đêm; trong lúc này được đi thăm một ngôi chùa (đi chân trần, con đồng ý) là giấc mơ của con. Từ Colombo, chúng con lại nói lại với Singapour, hôm nay là phiên của Aden.

Ở Aden chúng con đến đó lúc nửa đêm, con đã đi nằm, tin loan báo ngày mai không lên bờ được vì người ta lại lên đường sớm.

Rất tình cờ, con dậy sớm, lúc đó 5 giờ sáng, con gặp thuyền phó xin ông ta cho một chỗ trên chiếc xuồng đổ bộ chở: quan cảnh sát, y sĩ, sĩ quan thủy giữ trách nhiệm bưu

tá, và một trung úy bộ binh biết tiếng Anh làm thông dịch viên ở bưu cục. Con được cho phép, vui mừng lên bờ, chúng con phải trở về trong khoảng 9 giờ và 10 giờ.

Vừa rời tàu chúng con hỏi bưu cục Anh và gởi thư, còn các thư từ của lính được đóng gói và không dán tem, chúng con đem chúng đến lãnh sự quán Pháp, để đợi gởi đi theo một chiếc tàu Pháp, thư của chúng con theo đường bưu điện Anh đi qua Brindisi, phải đến sớm hơn nhiều.

Khi đi đến lãnh sự quán và bước vào cái đồn nhỏ, nơi này có một cái, con nghĩ đến ông Hector de Pavezac và chiếc kính một tròng của ông. Tuy không đúng như thế, vị lãnh sự này không lớn tuổi, ông ta khổ sở thay không được tin tức gì ở Pháp. Lúc đó 7^{h} ½ và chúng con muốn đi Aden: để đi và về bằng xe hơi từ cảng Steamer-Point phải mất khoảng 1 giờ rưỡi - chúng con có vừa đủ thời gian, chúng con cũng không do dự lâu, và trông thấy một trong số đông người Ả rập đang đánh chiếc xe ngựa cho thuê (thùng xe đan bằng cây liễu mềm thắng với ngựa Ả rập nhỏ thó), chúng con phóng về hướng Aden.

Con đường này chạy dọc bờ biển một đoạn dài rồi trèo lên sườn núi, sườn núi trụi cây, có cát rồi sang phía kia dưới một cái vòm nhân tạo (đoạn đào trong núi đá, một đường hầm ngắn, nếu muốn) đi trước một pháo đài đại bác, thấy trên bờ biển. Một trung sĩ người Anh, vài tên lính trong đội quân bản xứ trấn giữ pháo đài.

Cách đó ít bước người ta thấy Aden, nhà cửa thấp một tầng hay là có tầng trệt và nhà kho, nhưng bằng đá. Ở bên phải người ta thấy trước khi đến thành phố một Kiosque nhỏ nơi cư trú của viên sĩ quan chỉ huy đội dân quân mà chúng con thấy nơi khác, đang đổ ra, có nhạc đi đầu,, với khoảng 5

hay 600, đi hàng tư và súng trong tay phải cầm ở giữa. Họ đang diễn tập, 3 hay 4 sĩ quan Anh đang cho ngựa nhảy nhót bên sườn.

Về phía xa một chút trước khi đến những ngôi nhà đầu tiên người ta thấy một số đáng kể nhà xí ở bên trái và phải con đường cách đó khoảng ba chục thước. Thấy sự vô tâm và sự nhơ bẩn cố hữu của xứ Ả rập, các nhà này hình như rất ích dụng để ngăn sự bốc hơi chắc chắn khó chịu.

Một trong những cái phải xem ở Aden là các thùng chứa nước mưa mà khốn thay con không được trông thấy, chúng con chia làm 2 toán, một toán được thấy còn chúng con chỉ được miêu tả lại. Tuy nhiên con cũng được thấy hai, ba cái nhưng chỉ là những cái nhỏ. Người Ả rập múc nước ở đây và đổ đầy các thùng khác mà họ chở trên những con lừa nhỏ xấu xí rồi đưa vào nội địa.

Lúc đi qua vị trí chính yếu, con thấy một anh chàng giang hồ cao lớn còn rất trẻ, vẻ rất hãnh diện với chiếc áo vét viền xanh mà anh ta mặc một cách phô trương. Anh ta chào chúng con bằng tiếng Pháp và thêm rằng anh ta là người đứng đầu ngôi trường (mà chúng con thấy rõ ở trước mặt). Và ở đây có bao nhiêu người hiểu tiếng Pháp? Mười, anh ta trả lời con, mười người đầu tiên. Con nồng nhiệt khen ngợi anh ta.

Sau khi đi một hai vòng trong thành phố và sau chuyến đi tìm sò tươi không kết quả, chúng con trở về, luôn đi ngựa nước kiệu, trên đường này gặp nhiều người Ả rập và người da đen đi từ Aden đến Steamer Point, hay từng đoàn dài lạc đà chở cành cây. Các con lạc đà, cha mẹ biết chứ, đi hàng dọc con này sau con kia, mỗi con được cột với đuôi con đi trước bằng đoạn dây nhỏ. Khi đi trên chợ chúng mang một đống lớn cành cây, quang cảnh thật kỳ lạ.

Chúng con cũng đi ngược đường với một đoàn người trong đó có một phu nhân trẻ tuổi, mắt chúng con cũng được nghỉ ngơi đôi chút trong khung cảnh thiên nhiên không mấy thay đổi của xứ này. Ở Steamer-Point có một vài công trình kiến trúc bằng đá, những khách sạn Anh và một ngôi nhà Pháp.

Tạm biệt, con hôn cha mẹ ngàn lần, bây giờ chúng con đang ở trong cảng, chốc nữa chúng con sẽ xuống đất liền.

Con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L. JULLIEN

Trên tàu St.Germain, ngày 6-2-1884
Eo biển Malacca,

Cha mẹ thân yêu,

Ngày mai chúng con sẽ đến Singapoure vào buổi sáng, thành phố lớn với hơn 100.000 dân, nhưng con cho rằng không đẹp bằng Colombo, nơi chúng con vừa rời khỏi, và con hứa hôm nay sẽ miêu tả với cha mẹ.

Khốn thay hôm nay chúng con đến đó lúc 2 giờ trưa, trước đó là việc khám sức khỏe, đã 3 lần, để chắc rằng không có bệnh truyền nhiễm trên tàu, chúng con vội nhảy lên các chiếc thuyền chở đến cầu với giá một si-ling (bảng Anh).

Chúng con chưa lần nào thử các thuyền độc mộc của xứ này mà chúng con gởi cho cha mẹ một bản phác họa đại thể. Chúng gồm hai mặt thành gần như thẳng đứng, nối kết với nhau ở đáy tạo thành chiếc độc mộc, khoảng cách giữa hai thành thuyền chỉ khoảng 50cm, và ở chỗ ngồi của hành khách cũng thế và chỉ là một chiếc thùng nhỏ với không quá 2 người và khi ngồi vào đây người ta không dám lay động. Chiếc thuyền này rất dễ lật úp khi không có thêm một đối trọng nối

liền với độc mộc bằng những thanh gỗ tròn đường kính từ 3 đến 4 cm.

Người bản xứ da nâu sẫm, dắt lược đồi mồi trên đầu và búi tóc đằng sau. Đàn ông lẫn đàn bà mặc chiếc váy chật ngắn đến nửa ống chân, đàn bà phần thân trên mặc một thứ áo ngắn; đàn ông ở trần hay mặc áo khoác bằng lông lạc đà và che dù.

Lúc chúng con đến người ta đang làm một cái cổng chào trên cầu tàu, người ta sẽ đón ngài Grégory, Tổng trấn cũ của đảo này. Chúng con lang thang một lúc trước các cửa hàng rồi sau đó đến đặt bữa ăn ở khách sạn Phương Đông (Hotel Oriental) mà người ta nói với chúng con rằng người chủ biết tiếng Pháp. Ăn xong chúng con đi ra và gặp hầu hết các sĩ quan khác trên tàu, chúng con đi trên những chiếc thuyền dĩ nhiên là khác và liền đó chúng con nhảy lên các chiếc xe hơi địa phương có thùng xe 4 người, và đi một vòng thành phố.

Trước hết chúng con thấy một cái đàng chất đầy các ống dẫn nước và khí đốt, những lò luyện kim, con nghĩ rằng mình đang ở một xứ văn minh. Và cuối cùng chúng con vào những lối đi đáng ca ngợi, những đại lộ bên ngoài thành phố trồng dừa, kê,... tất cả thật mỹ lệ.

Đến 4 giờ, trời rất tốt, chúng con thật sự vui mừng, nhiều người nói rằng họ rất hiểu nhiều người có được mảnh đất thuộc địa đẹp đẽ như thế này vì sao đã cùng tất cả gia đình bỏ đất nước mình để đến đây sinh sống. Chúng con gặp ở khắp nơi các biệt thự Anh, trẻ em chơi đùa trên các thảm cỏ xanh với một trò chơi rất giống môn đánh cầu xưa của chúng ta, các hầu gái đưa trẻ nít đi chơi trong những chiếc xe như ở Âu châu. Chỉ thỉnh thoảng, như một nốt nhạc lạc lỏng, những đứa con gái da đen dắt trẻ con da đen 4 đến 6 tuổi áo trắng, thắt

lưng đỏ xanh với ruban thô, nhìn chung là những con búp bê kinh khiếp và ăn mặc vụng về đến kinh khiếp. Chúng con tiến bước như thế cho đến một bảo tàng viện ở ngoài thành phố và tồn giữ những tiêu bản nhồi rơm chính yếu của động vật ở đảo này, và các tiêu bản cá trong vùng, nhưng không có voi. Khốn khổ thay đã quá trễ để đến được một ngôi chùa Phật, chúng con cũng đôi khi rẽ sang một ngôi đền Ấn Độ giáo, mà thật tâm con không thấy có sự thiêng liêng nào. Đến khốn nạn thay cấm vào, ngay cả phải cởi giày, chúng con chỉ thoáng thấy vài cái tượng thần ở trong cùng, trước mặt thắp rất nhiều đèn và một vài tu sĩ đang hoạt động ở cuối đền. Bên ngoài trông rất kỳ lạ, con sẽ gởi cho cha mẹ một ảnh chụp.

Cuối cùng chúng con trở về dùng bữa: phòng rộng mênh mông, sau lưng mỗi người chúng con là hai nô lệ, hay đúng hơn là hai người hầu, trên trần treo những cái quạt lớn, lay động bằng những sợi dây do mấy đứa trẻ kéo: "Puer, abige musca!" chúng con phải thường ra lệnh cho chúng. Về chuyện ăn uống không có gì là tuyệt diệu, đôi khi có những rủi ro nhỏ đáng được kể lại một cách vui vẻ, thí dụ tôi đã dùng hơi nhiều một thứ gia vị mà người ta trộn với các món ăn, đó là thứ ớt mạnh không tưởng được chống giữ một cách tuyệt đối cái món ăn mà người ta trộn nó vào.

Chúng con đôi khi cũng được ăn ngon, chúng con là 14 người và gần như cười ra nước mắt. Phòng chật chội: quý ông, quý bà và các cô. Sau đó chúng con trở về tàu để ngủ và ngày mai chúng con còn đôi lúc, con xuống bờ với hai trung úy khác, và chúng con đi mua hình chụp và những gì mà chúng con không thể làm được lúc thức giấc. Con thấy ảnh chùa Phật, cái mà con rất lấy làm tiếc không thể đi xem.

Ngày mai sẽ là lần ghé bến cuối cùng của chúng con, như vậy chúng con đã thực hiện một chuyến du hành rất lý thú

trong những điều kiện hoàn toàn khác thường. Tàu của chúng con là một chiếc tàu đáng lưu ý, chúng con đã bỏ xa tất cả các tàu đã ra đi từ Toulon trước chúng con, chúng con đã đi trước họ 3 hay 4 ngày. Chúng con đã gặp chiếc Chợ Lớn ở Colombo, lên đường ngày 29 tháng 12, phải chữa một hư hại ở máy; chúng con đến trước một chút chiếc Vĩnh Long, tàu này đi trước chúng con, chờ các tướng Millot, Négrier và Brière de l'Isle. Người ta có thể nói rằng chúng con gặp một may mắn đáng ngạc nhiên, từ hôm qua không một gợn sóng, một cái hồ phẳng lặng như một mặt gương. Thật là một chuyến đi đẹp đẽ. Mặc dù như thế và dù con rất vui sướng đã làm thế, con có thể xét hiểu đời sống trên biển, rất lôi cuốn trong các tác phẩm của Jules - Verne, đã làm điên đầu những chàng trẻ tuổi, và chính con lúc ở X đã vô cùng kích động khi xin cha mẹ chọn biển cả. Giờ đây con đã thấy nó như thế nào, con đã biết nguyên nhân và có thể phán đoán vấn đề, đó là vì Alfred, "kẻ đã nghĩ như thế", mà con nói - Con muốn viết cho nó, nhưng bây giờ đã quá trễ, cha mẹ hãy chuyển cho nó thư này trong bất kỳ trường hợp nào - chân thành mà nói đây không phải là một cuộc sống đáng chọn, sự khoái lạc mà người ta có thể tìm thấy khi đi đó đây không tương xứng với nỗi cực nhọc thể chất lẫn tinh thần mà người ta phải chịu; sự vui sướng đó hơn nữa không bù được nỗi phiền muộn thường xuyên khi người ta thình lình rời xa gia đình và bạn bè để thường xuyên đi xa. Chỉ có một việc phải làm là chuyên cần học hành, đến ở X và thử vào được trường Kỹ sư Cầu Cống, đó là điều phải xét. Em hãy nhớ kỹ, Fred nhỏ bé của anh, người ta không đạt được gì cả nếu không làm việc, và làm việc thì người ta sẽ có tất cả. Về phần con, con rất vui sướng ở đây được cưng chiều vì con là người duy nhất trong nghề của mình, mọi người rất vui khi có một khí cầu để tìm hiểu.

Con hôn cha mẹ ngàn, ngàn lần, cha mẹ hãy giữ gìn sức khỏe và tự săn sóc như con.

Đứa con trai hết lòng kính hiếu của cha mẹ.

L.JULLIEN

Người ta phải tự thích nghi với mọi sự, ở phòng khách từ 40^0 đến 45^0 bách phân, từ vài ngày nay đó là nhiệt độ quen thuộc của chúng con, hiện chúng con đang ở 1^0 xích đạo, gần như mọi ngày đều mưa.

Vịnh Hạ Long, ngày 15-2-1884

Cha mẹ thân yêu,

Con chỉ có vài phút trước lúc lên bờ để hàn huyên cùng cha mẹ.

Chúng con đã đến từ hai ngày trong một cửa biển thật kỳ lạ cách Hải Phòng khoảng hai mươi dặm, nơi đây các tàu lớn không thể đến được, vậy phải có sự chuyển tàu lần thứ hai, theo con sẽ do chiếc tuần dương hạm Parseval thực hiện.

Hãy xét đoán, nếu chúng con đi nhanh, chúng con đã đến trước chiếc Poitou và chiếc Annamite, chúng chưa được báo trước, và chỉ hai ngày sau khi các tướng lãnh và bộ tham mưu của họ đã đi từ Toulon ngày 29-12. Họ đi đến tận Hà Nội, nơi đây Đô đốc Courbet đã hộ tống họ và đặt lại quyền chỉ huy, ông ta trở về trong đồn ngây kia (13 đến 14-2) và lá cờ Đô đốc của ông bay trên chiếc tàu bọc sắt Bayard, thả neo ở đây kế cận chúng con; nó được hai chiếc tuần dương hạm đi kèm hai bên và không rời xa. Một số tuần dương hạm và pháo hạm đi xa và về đưa binh lính từ đây đến Hải Phòng.

Hôm qua vị Đô đốc đã mời điểm tâm, ông Thuyền trưởng và một ông y sĩ trưởng hạng nhất là người mà con rất thân

thiết và là người đã kể với con rằng người ta đã nói về thuật khinh khí cầu. Đô đốc nói rằng chúng con sẽ đem lại nhiều công tác[1]. Bởi vì những người kế tục ông cũng nhìn chúng con đến với con mắt như thế! Con sợ tất cả chấm dứt trước đó. Theo tin tức loan truyền, Bắc Ninh sẽ không chống cự được gì và một khi bị chiếm chỉ còn vài cuộc hành quân khinh khí cầu mà chúng con có thể không được tham dự. Dù sao con cũng đã có một cuộc du hành thú vị được thấy một xứ sở kỳ lạ không giống với bất cứ thuộc địa nào của chúng ta vốn ít nhiều độc hại. Xứ này trong các bệnh viện không có một trường hợp nào sốt rét. Con ăn mặc như về mùa đông và ban đêm đắp chăn, vậy là chúng con đã có mùa đông, điều thật quý giá đối với con. Con thích khuôn mặt của người dân Bắc Kỳ và khuôn mặt người Trung Hoa.

Nhưng các chi tiết khác sẽ có về sau.

Đứa con trai tận lực yêu quý cha mẹ và hôn cha mẹ ngàn lần.

L.JULLIEN

---

[1] Trong một bài báo nhan đề: Les Aérotats militaires au Tonkin (Khinh khí cầu quân sự ở Bắc Kỳ), đăng trong Revue de l'Aéronatique (Tạp chí Hàng Không), tháng 4-1884, trong phần chú thích người ta cung cấp các xác nhận sau đây: "Chúng tôi biết được nguồn tin chắc chắn rằng đô đốc Courbet tin rằng cần phải đến tận phòng tuyến các xạ thủ để nhận rõ hơn vị trí của địch quân - trên vùng châu thổ Bắc Kỳ, địa thế rất bằng phẳng và chỉ một bụi tre nhỏ cũng che hết tầm nhìn - vì thế ông rất muốn có các khí cầu đặt dưới quyền sử dụng của ông. Ông nói rằng trong chuyến tấn công phù sa, trận đánh khá tổn thất đối với quân ta, một quan sát viên trên không đã giúp cho ông rất nhiều việc. Cũng như thế với cuộc đổ bộ đầu tiên ở Kê-lung, ở đó do tin tức sai lầm, quân ta đang vấp phải cuộc chống cự kinh khủng mà chúng ta không biết chút gì, và quân ta được đưa về khá ổn". Bài viết này được gợi ý do tướng Jullien lúc đó là đại úy Jullien. Ghi chú của chủ bút BAVH.

Hà Nội, ngày 23-2-1884

Cha mẹ thân yêu

Từ hôm qua con đã ở đây, trong kinh đô xứ Bắc Kỳ sau hai ngày đi thuyền trên sông Hồng và trên rất nhiều các sông con nối liền các nhánh sông của nó. Đoạn đường tuy không mấy xa nhưng đêm tối quá và người ta không đi ban đêm; hơn nữa bây giờ là lúc nước xuống và chúng con từng chặp một buộc phải dừng lại và đợi thủy triều lên, nhờ cái đồng bằng phì nhiêu này, thủy triều ảnh hưởng một vùng rộng lớn bên trong các vùng đất này. Mỗi một lần dừng, chúng con xuống bờ để xem qua các làng mà người ta từng gặp trên bờ. Nhiều người dân lần đầu tiên trông thấy người Pháp, một đôi người không mấy yên tâm đã làm phép theo kiểu đạo Hồi đối với chúng ta để hầu tránh các nguy hại từ phía chúng ta. Rồi khi họ thấy chúng ta khá hòa hiếu - chúng con ném cho họ vài đồng tiền - chẳng bao lâu họ mạnh dạn hơn và đi theo chúng con. Một số người trong số họ nói: "Catholica" (Thiên Chúa giáo) và làm một cử chỉ phóng túng đến chỗ vén tay áo vét của chúng con để xem chúng con có dấu hiệu nào trên cánh tay. Có thể ông ta được rửa tội do sứ đồ Thiên Chúa giáo và làm dấu trên cánh tay[1].

---

[1] Các vị Thừa sai, không phải người Pháp cũng không phải là người Tây Ban Nha, không bao giờ một dấu hiệu gì trên cánh tay các người bản xứ mà họ cải đạo và rửa tội. Điều mà người Việt lưu ý ở người Âu là làn da mềm mại và trắng trẻo của họ, cũng như lông lá mọc ở tay chân họ. Ngày mai nhiều người trong số họ vẫn còn rất muốn được thấy các điều đặc biệt đó mà họ cho là lạ lùng, khi điều kiện cho phép - càng hợp lý hơn, cảnh một người Âu được thấy tận mắt, rờ tận tay đối với người Việt thời tướng Jullien trên sông Hồng, là một cảnh thích thú hiếm có. Điều đó giải thích một cách chắc chắn thái độ của người Việt Thiên Chúa giáo đó thái độ rất vô lễ theo quan điểm của người Việt; nhưng bản tính hiền từ của người Pháp thì không chấp trách gì. Ghi chú của chủ bút BAVH.

Dân cư rất siêng năng, gần như tất cả đều ra đồng, để trồng lúa. Lúc này người ta đang gieo mạ. Lúa được gieo và mọc lên rất đều, dày hơn rất nhiều so với lúa mì. Khi lúa cao chừng 30cm người ta nhổ nó lên và người ta trồng nó lại từng bó nhỏ 2, 3 nhánh, cách nhau khoảng 10cm; đó là công việc cấy lúa, một công việc thực hiện nhanh và phải làm trong bùn, và không cần đào lỗ để trồng các bó nhỏ này, các ngón tay cầm các bó mạ nhỏ này tự nó làm lỗ. Giống như ở các nước ít văn minh, đàn bà giữ một phần lớn các công việc đồng áng này. Đàn ông không phải không hoạt động như người Ả rập; họ làm thợ mộc hay trong việc trồng lúa, họ vận hành các gàu giống với gàu Hòa Lan, để đưa nước ruộng này sang ruộng khác. Trọn xứ gần như chỉ là một cánh đồng lúa cắt ngang từng quãng bởi các bờ đê. Tuyệt đối không thể đi lại ở đâu khác ngoài các bờ đê, bởi vì trong các ruộng lúa lúc này bùn lên đến tận đầu gối, và trong hai tháng rưỡi cao từ 1^m đến 1^m50.

Hiệu suất (thu hoạch) lúa khá đáng kể, Bắc Kỳ là vựa lúa phì nhiêu của Việt Nam.

Lúc đến đây con đã trình diện thiếu tá công binh Dupommier[1] người đã ở ngụ 3 năm ở Bắc Kỳ và 4 năm ở Nam Kỳ. Ông ta

---

[1] Thiếu tá Dupommier sống lâu ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, trở thành Trung tướng, Chủ tịch ủy ban kỹ thuật công binh ở Ba lê.

Vào năm 1883 được gởi đến Nam Định với đoàn quân có nhiệm vụ chiếm thành này, ông đã thành công trong việc làm sập một cửa thành. Lính Việt Nam phòng thủ thành lũy, quân ta ở trên bờ hố bên ngoài, và các pháo thủ của ta với trang bị các khẩu cỡ nhỏ đã bắn các quả đạn cỡ bằng một quả cam, làm lủng nhiều lỗ trên cửa thành, nhưng... chí có thế. Không thể có cách vượt qua cửa, người ta không có thang để leo.

Đại úy Dupommier chuẩn bị một quả pháo bằng miên hỏa dược (fulmi-cotton) cỡ bằng viên gạch, và với hai tên lính hộ tống ông chạy qua chiếc cầu ở trước cửa thành, thoát khỏi mọi phát súng. Đến trước cửa ông không chút sợ hãi và rất bình tĩnh. Một trong hai người lính đặt súng của anh ta

vào một trong những lỗ thủng do đạn pháo nói trên và nói với vị đại úy rằng: "Thưa đại úy, ngài hãy bình tĩnh, tôi đã giữ chúng ở đầu mũi súng!". Đại úy Dupommier, có người lính thứ hai giúp đã móc quả pháo vào cửa nhờ vào một vài cái đinh, châm lửa vào ngòi, và cùng hai người lính chạy trở lui trên con đường đã đi qua. Họ đều may mắn thoát khỏi tất cả các viên đạn của bạn lẫn thù.

Lát sau, một tiếng nổ khủng khiếp vang lên, chiếc cửa bay tung tóe, bức tường đá chất đống đằng sau cửa bị phá hủy, toán quân xung phong vào lối vào đã mở rộng. Tỉnh thành bị chiếm. Trước khi có việc phá cửa này, người ta phải dậm chân trước các bức tường cao và các cửa đóng kín này. Đó là ngày 27-3-1883.

Đại úy Dupommier đã có thâm niên cấp bậc được lên thiếu tá. Ông ta đã hơn một lần kể cho tôi nghe về cảnh tượng đó.

Đại úy Kreitmann: Le service du Génie au Tonkin sous l'administration de la Marine (Công tác công binh ở Bắc Kỳ dưới sự điều hành của hải quân). Paris, Berger Levrault, 1889, tr.47-48, cung cấp một vài chi tiết phụ: "Trong khi các đại bác pháo kích tỉnh thành và trường thi, đoàn quân tấn công thực hiện một trận đánh trên các đường phố, trận đánh này đã trả giá bằng cái chết của Trung tá Carreau... Vào khoảng 11 giờ, người ta đến bờ hố. Đại úy Dupommier băng qua chiếc cầu bán nguyệt với 2 người lính, một người ôm một quả phá, người kia cầm búa và đinh. Quả pháo được đính vào cửa thành và nối bằng dây Bicford; việc làm nổ cửa thành công và trong chốc lát cửa hình bán nguyệt bị xâm nhập. Việc chiếm cứ đơn vị tại chỗ khó khăn hơn. Trong lúc Đại úy Dupommier và lính của ông băng qua trên cầu, hai khẩu đại bác nhỏ pháo kích do các khuôn cửa khoét trên hai cánh cửa. Không một ai tổn thương may mắn thay - quân Việt Nam không có thời giờ nạp lại đạn; Đại úy Dupommier và một người lính vội móc thêm một quả pháo, trong khi đó người lính kia dũng cảm chiếm một trong các khuôn cửa và bắn vào các xạ thủ bản xứ. Những người này không nghi ngờ gì về chuyện đang chuẩn bị phía bên kia cửa, nên cứ lo lắp đặt một khẩu đại bác cỡ lớn hơn trên trục ra vào. Bỗng thình lình cánh cửa bị giật nổ, làm ngã hai khẩu đại bác nhỏ và làm chết 10 lính Việt, khẩu đại bác lớn còn đứng thẳng và đã nạp đạn. Toán lính gác bỏ chạy theo cửa đối diện, không còn tìm cách kéo dài cuộc chống cự...". Thái độ dũng cảm của đại úy Dupommier trong tình huống đó làm quân lính rất cảm phục. Ông Colle, ngày nay về ở Aix-en-Provence, là người có tham dự chiến dịch Nam Định, khi tôi hỏi ông ta có nhớ gì về đại úy Dupommier, ông ta trả lời tôi: "Ồ! Vâng chính ông ta là người đến móc một quả pháo ở cửa thành". Ghi chú của chủ bút BAVH.

còn rất trẻ và đã tiến trước so với các bạn cùng lứa ở Pháp, họ chỉ qua được trong 5 hoặc 6 năm; nhưng ông rất xứng đáng và không ai ghen ghét với ông. Chính ở Versailles người ta nói với con điều đó bởi vì ông làm được rất nhiều việc ở đây.

Tất cả những gì kiến trúc bằng đá ở đây, tại Hà Nội, tại Hải Phòng, Nam Định... là của ông, ngủ ở nhà ông để đợi các khu cư trú mà người ta chuẩn bị cho chúng con hoàn tất chúng con sẽ ở trong khu nhượng địa, nhóm quân của chúng con có được một căn lều gỗ, đại úy của con và con sẽ có một căn khác chia làm ba phòng và ở kế cận, người ta sẽ hoàn tất ngày hôm nay, người ta đang đặt cửa lớn và cửa sổ, thế là phải nói rằng chúng con không còn có dịp sử dụng các lều vải của mình nữa.

Sáng nay con gặp vị Tổng Tham mưu trưởng khi con đến trình diện ở nhà ông. Sau khi chuyện vãn một hồi cùng nhau, con thấy ông ta tin tưởng ở chúng con, điều đó là một khích lệ lớn, hơn nữa các khí cầu thủ được đón nhận ở đây với cánh tay rộng mở.

Con vừa thực hiện một cuộc đi ngựa đến tận tỉnh thành, nơi đó nhiều bạn bè cùng lứa của con cư ngụ, những hải quân pháo binh. Cựu và tân, chúng con gồm 15 người, chúng con quen nhau ở X và ở Bleau[1]. Tất cả sẽ tiến triển, con hy vọng, không gì trở ngại, lúc cha mẹ nhận thư này, báo chí có thể đã loan tin việc chiếm được Bắc Ninh. Đôi khi trong các thư của con, con làm như không có điện tín, và cha mẹ có được cảm xúc của con lúc này.

---

[1] Bleau là Fontainebleau. Vào lúc này, trường (thực hành) ứng dụng pháo binh và công binh được đặt ở một phần trong lâu đài Fontainebleau. Trước năm 1870, nó ở Metz. Trường này thâu nhận các thanh niên tốt nghiệp trường Bách nghệ với cấp bậc thiếu úy làm học viên pháo binh hay công binh.

Các "bạn cũ" đó là các bạn ở trường Bách Nghệ trước một năm. "Cocons" là những bạn cùng khóa: có thể là vì người ta lớn lên trong cùng một cái kén (?).

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng kính hiếu của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hôm nay mưa, trời khá lạnh.

Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 1884

Cha mẹ thân yêu,

Con vừa nhận được thư của cha mẹ cách đây vài giờ, thư này có thể được gởi đi cùng chuyến với thư trước, như thế cha mẹ sẽ nhận được hai cùng một lúc; không can gì, con trả lời ngay đây.

Trước hết, con trách mẹ với tất cả sự dịu dàng của một đứa con trai tôn thờ mẹ mình; con muốn trách mẹ, mẹ yêu, về một đôi câu nó làm cho con buồn khổ bao nhiêu mà mẹ không ngờ tới, nhất là điều giải thích khía cạnh tốt trong việc ra đi khỏi nhà của Alice[1].

Ký ức và nỗi phiền muộn không những là điều đáng trọng mà là điều hoàn toàn tự nhiên, con biết rõ có thể rằng những việc trong gia đình và bao nhiêu mất mát hiện nay đối với chúng ta thật là nặng nề cho mẹ[2], nhưng mẹ thân yêu, con đoán chắc với mẹ rằng không có gì khó khuyên nhủ hơn nỗi sầu muộn; và hãy xét một chút, con có thể nào yên lặng khi

---

[1] Alice, em gái tôi, nhỏ hơn tôi một tuổi, vừa thành hôn. Chuyến đi của tôi ngăn không cho tôi dự đám cưới của nó.

[2] Ông cố của tôi, ông nội của mẹ tôi. Ông đã nuôi mẹ tôi, mẹ tôi mồ côi cha và mẹ khi còn trẻ. Ông cố tôi thường nhớ lại nỗi cảm xúc trong toàn xứ khi nghe tin cái chết của Louis XVI. Lúc đó ông cư ngụ tại Privas, trong xứ Ardèche và ông đã kể cho tôi nghe hằng trăm lần chuyện đó.

cách xa gia đình như thế này mà giờ đây con biết mẹ có thể ngập chìm trong đau khổ. Ở đây con làm những gì có thể được để giữ sức khỏe và để làm cho cha mẹ tự hào về con, con xin cha mẹ hãy làm như thế cho con, để rồi khi con trở về con sẽ được thấy cha mẹ vui và sức khỏe.

Con không nói về chuyện đó thêm nữa, nhưng xét xem một chút, thư của cha mẹ đã làm con xúc động nếu không con không mở đầu thư bằng sự kiện trọng đại mà thật tình con không chờ đợi hôm nay, cha mẹ đã không nói gì với con lúc lên đường, và con cũng tưởng rằng đám cưới được để lại về sau.

Và, Alice nhỏ bé của anh, giờ đây em đã ra khỏi nhà, dù một ngày này hay một ngày khác, đều là những việc phải đến; đôi khi anh mong rằng không bao lâu em sẽ về gần nhà, bởi vì Loriol rất gần Livron phải không, và người ta luôn nói rằng Loriol là nơi cư ngụ sắp tới của Paul (em hãy nói với chồng em rằng anh muốn gọi ngắn gọn thân mật là Paul)[1] . Em đã viết cho anh một lá thư duyên dáng trong đó em buộc tội quả đất sao quá lớn, mà em không tưởng tượng được, để anh phải ở xa Livron tận phía tây Thueyts; anh tặng em một món quà: sớm trở về Livron. Đối với em, đó là một nơi cư ngụ ở Livron và đối với anh là ba tháng về nghỉ phép.

Cái mà con làm, cái mà con trở thành, đó là điều mà cha mẹ tự hỏi mọi lúc. Con luôn luôn ở Hà Nội, con có thì giờ để tìm hiểu nó. Con có nhiều bạn bè cũ ở tỉnh thành (con ở tại khu Nhượng địa) mà con thường đến thăm họ và đối với việc này phải đi qua một phần của thành phố; để thay đổi người ta

---

[1] Paul de Carbon - Ferrière, em rể tôi, anh ta là thư ký sở trước bạ ở Thueys thuộc xứ Ardèche.

đổi đường từng lúc, và con đã thấy nhiều đường phố, ở đây rất đặc biệt: mỗi đường thuộc về một nhóm nhà công nghiệp cùng làm một nghề, thoạt nhìn điều này tỏ ra vô vọng trên phương diện buôn bán. Như thế cứ trên 100^{m} hay 200^{m} chỉ có thợ chạm; xa hơn chỉ có thợ đan lát; xa hơn nữa chỉ có bạn hàng bán gạo, xa nữa chỉ có người bán tre v.v...

Khí hậu rất dễ chịu về mùa đông, trong một chiếc giường lớn có màn rộng mà con mua khi đến nơi, cha mẹ đừng lo, nếu người ta muốn biết đâu là nơi thoải mái thì đó là các xứ thuộc địa; và cha mẹ cũng sẽ có thể ngạc nhiên khi biết rằng các thực đơn của Đại úy Dupommier bỏ xa sau lưng mình các thực đơn của tàu St.Germain.

Và rồi, các cuộc hành quân thì sao, cha mẹ có thể hỏi thế. Người ta giữ bí mật chuyến xuất phát đi Bắc Ninh chừng nào hay chừng ấy, tốt hơn là con chỉ kể lại sự việc sau khi họ đến nơi. Về phần con, con sẽ ở trong những điều kiện đặc biệt để thực hiện chiến dịch này, con cũng sung sướng hơn cả điều cha mẹ có thể tưởng. Đối với những gì liên quan đến chúng con, chính chúng con giải quyết tất cả khả năng có thể có để khỏi lầm lẫn trong nghiệp vụ của mình. Cha mẹ thấy giờ đây con đã là đại úy; cha mẹ hãy tin rằng mặt trời làm lên lon rất nhanh; hãy trồng một cái trong vườn Versailles của em, em bé Fred và rồi em sẽ nói cho anh biết nó đã lên như thế này từ các hạt rau tây! (giống ngù vai quân hàm). Được đến đây đã là một phần thưởng.

Con hôn cha mẹ ngàn lần trước khi con đi nằm; con phải dậy sớm ngày mai để hoàn tất việc bơm căng trái khí cầu của chúng con.

Con trai của cha mẹ yêu cha mẹ vô cùng.

L.JULLIEN

Lalès[1] khốn khổ thay không biết viết cũng không biết đọc, những điều kiện để lên chức cai hôm nay, nhưng anh ta lịch sự bằng lòng săn sóc con ngựa của con rất dễ thương. Ngày mai con sẽ mua một cái yên; con chỉ mới sờ nó ngày hôm qua ở ủy ban cấp ngựa (của quân đội).

Hoa vislette của Pháp cũng đến được tận Bắc Kỳ, còn xa mới là một xứ bị bỏ quên, ở đây có nhiều người Pháp, có âm nhạc mọi ngày chủ nhật v.v...

Con quên không nói với cha mẹ trong các thư trước rằng con không để lại món nợ nào (trừ 4 frs mà người thợ giày liên đội I đã quên không ghi vào biên nhận lần trước; vậy nếu cha mẹ nhận được giấy đòi thì đó là của một tên Jullien khác, đừng trả gì cả.

Bắc Ninh, ngày 14-3-1884

Cha mẹ thân yêu,

Cha mẹ thấy vì chữ đề thư này mà chúng con không chậm trễ tập hợp trong thành Bắc Ninh. Lá cờ Pháp như cha mẹ đã được biết trên báo chí, đã cắm chiều hôm kia trên tháp, và hôm qua, ngày 13, tất cả đã được ngủ trong thành phố.

Quân đội đã hành quân theo hai cánh, lữ đoàn thứ hai (Négrier) tập trung về Hải Dương, lữ đoàn thứ nhất (Brière de l'Isle) về Hà Nội[2].

Từ những ngày đầu tháng 3, lữ đoàn II sẵn sàng, lữ đoàn I (ở gần điểm đổ bộ) đã thực hiện một vài cuộc hành quân khởi

---

[1] Lalès, lính hầu cận của tôi, một tay dũng cảm xứ Breton de Guingamp, thợ làm đất ở đường sắt, trước khi đăng lính.

[2] Chúng tôi đã đặt tên các tướng của mình theo cách nói trại: Négrier được gọi là: "Tướng Maolen" (mau lên); Brière de l'Isle là: "Tướng Manman" (từ từ, chớ vội!); tướng Millot, tổng chỉ huy là "tướng Thôi", "đủ rồi hãy dừng lại"!

đầu, ngày 6 hoặc 7 phải đi dọc sông Cầu và tiến về Bắc Ninh theo hướng tây nam. Chúng con phải đi từ Hà Nội hướng về phía tây, băng qua sông Đào gần cùng trên vĩ độ của Bắc Ninh; rồi hơi lấn về phía phải để bắt tay với lữ đoàn II; và sau khi hợp nhất cùng tiến về Bắc Ninh. Kế hoạch được giữ kín, đã được triển khai từng điểm một, chúng con ra đi ngày 8, ngày đầu tiên chúng con đóng trại giữa trời, ngày thứ hai Phân đội con đóng quân trong một ngôi chùa, đại úy và con nằm trong một hành lang tượng Phật, con nói là hành lang, vì chùa của họ cũng quan trọng, chứa đến hàng trăm Phật tử. Ngày 10 và 11, chúng con cũng có lều để nằm. Việc di chuyển khá cực nhọc, người ta đi từ 6 giờ sáng và đến vào 5 giờ tối, sau khi đi nối đuôi nhau trên những con đường đôi khi chỉ rộng $0^{m}30$, bên trái, bên phải đều là ruộng lúa và đâu đâu cũng ruộng lúa; pháo binh bị sa lầy và làm chậm đáng kể chuyến đi; tất cả vật dụng khinh khí cầu của chúng con do phu khuân vác, chúng con qua dễ dàng, ngày thứ hai gió khá mạnh, ngày hôm đó chúng con khá mệt, thời gian còn lại tốt đẹp cả[1].

---

[1] Thường thường chúng tôi đưa khí cầu đi đo ở các dây "xích đạo" - Khi trời gió, các lính công binh của chúng tôi rất mệt. Một người trong số họ một hôm đã bị đau một bên vai và các cơ cánh tay. Tôi dẫn anh ta đi khám bác sĩ. Vị bác sĩ rất ngạc nhiên khi thấy một vài cơ bắp bị dập và đau. Đó không phải là điều làm mệt thông thường trong các cuộc di hành của bộ binh. Nhưng tôi nói với ông ta rằng đây là lính khí cầu, hai tay luôn ở trên (trời) không khí. Điều đó là một tia sáng cho vị bác sĩ. Cuối cùng, người lính công binh của tôi được một vài ngày nghỉ. Khi đến chỗ đóng quân, chúng tôi trải một tấm bạt trên mặt đất, và quả cầu được đem gần mặt đất được chừng nào hay chừng ấy. Người ta thật sự đè bẹp nó trên tấm bạt. Nhiều túi cát giữ nó trên mặt đất, và từng quãng một vài sợi dây được cột vào các cột đóng xuống đất. Một toán lính gác được cử coi sóc quả cầu. Nhưng nhiều lần tôi và đại úy Aron mỗi lần nghe gió rít đều thức dậy xem thử lính gác có coi sóc cẩn thận và không cần giúp đỡ.

Chuyến vượt qua sông Đào được thực hiện trên một cái cầu mà người ta xếp lại vào buổi chiều. Sau buổi trưa khí cầu được đưa về cánh phải, ở phía sau một đại đội của lữ đoàn II, họ đợi chúng con ở đó, để thực hiện một cuộc thám sát. Ngày mai lữ đoàn chúng con được lệnh chiếm giữ các cao độ ở Trung Sơn; lữ đoàn đã đến vị trí lúc 2 giờ, con đến vị trí chiến trận bằng khí cầu: thật lạ lùng và kỳ thú khi chứng kiến cả một liên đội triển khai đội hình; tiếp đó con nhường vị trí cho vị sĩ quan tham mưu đặc trách quan sát, ông ta ở trên trời cho đến chiều tối. Quân Tàu chạy trốn mọi ngã. Buổi tối chúng con trở về ngủ ở khu trung tâm chỉ huy, và ngày mai 13, toàn bộ lữ đoàn lên đường tiến về Bắc Ninh. Trong cuộc hành quân ngày 12, lữ đoàn II ở về bên phải chúng con, và đứng trước chúng con một chút, họ chiếm các vị trí trên bờ sông Cầu và rồi thấy địch quân khắp nơi chạy trốn và đang tiến về ẩn náu trong thành Bắc Ninh, xây theo kiểu Vauban rất kiên cố như tất cả các thành phố lớn ở Bắc Kỳ; tướng Négrier cho rải dài đường tác xạ của trọng pháo để cho nổ trái phá ở khoảng giữa tỉnh thành và quân Tàu đang muốn vào đó trốn tránh. Thấy vậy quân Tàu rút chạy theo con đường cạnh sườn, và gần như người ta vào thành mà không bắn một tiếng súng, và ngày 13 khi đang di chuyển chúng con được biết quốc kỳ nước Pháp đã phấp phới ở Bắc Ninh.

Cuối cùng thành công trọn vẹn, và chúng ta gần như không mất người nào. Lữ đoàn I không một ai chết hoặc bị thương, lữ đoàn II khoảng 10 người chết, 30 bị thương kể từ đầu cuộc hành quân. Con dự phần thắng lợi này trước hết là ở kế hoạch của chiến dịch: quân ta hướng vị trí mạnh trên đường trực tiếp từ Hà Nội - Bắc Ninh, trên đó quân địch đã tích lũy một số lớn công trình; và kế đó khi họ thấy quân ta đông như thế đang triển khai đội hình họ bỏ chạy; hơn nữa ở

đây không có bao nhiêu quân Cờ Đen, đây là những người lính nghiêm túc lúc trở về con sẽ kể cho cha mẹ nghe về sự dũng mãnh của họ, quân Tàu không chống cự.

Khí cầu của chúng con bơm khí từ ngày 3 nay đã đến hạn, nhưng vừa đến nơi chúng con theo đường thủy 5 hoặc 6 K1 vật liệu bơm căng khí cầu, có thể người ta sẽ đuổi theo địch vài ngày nữa, khi đó con hy vọng chúng con sẽ chỉ ra được nơi họ qua.

Trong phân đội không ai ốm đau, thời tiết tốt, cái nóng chưa đến, tất cả sẽ kết thúc ở đây.

Người ta vừa mới thông báo cho chúng con về một chuyến thư đi Pháp, con vội viết cho cha mẹ trong lều qua đêm của con và Đại úy và thư không mấy suôn sẻ.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ, con sẽ chóng trở về luôn tươi tỉnh và sức khỏe.

L.JULLIEN

Hãy chuyển thư của con cho Alice, con hôn em nó và con không viết cho nó. Kể chuyện với chồng em.

Bắc Ninh, ngày 22-3-1884

Cha mẹ thân yêu,

Người ta chỉ thông báo cho chúng con một hoặc hai giờ trước khi chuyến thư đi, thật đáng chán, bởi vì con có cả ngàn chuyện để nói với cha mẹ, và thường thường con quên một nửa. Con muốn được sửa lại chút ít chuyện con kể về việc chiếm Bắc Ninh, ngày mai con vẫn còn tham dự trận đánh mà không biết hết tất cả mọi chi tiết.

Con có nói với cha mẹ rằng quân Tàu bỏ chạy không chiến đấu, đó là điều hơi nói quá, họ khá giữ vững vị trí và có sức chống cự dũng mãnh nếu không có địa pháo binh của chúng ta. Con nhấn mạnh cố ý: địa pháo binh ở đây chỉ có 2 pháo đội (12 khẩu đại bác 80); một pháo đội với lữ đoàn Négrier, pháo đội kia với lữ đoàn Brière de l'Isle. Các đại bác bằng bạc này cùng kiểu với đại bác 8 dã chiến, nhưng nòng mỏng hơn và ít thuốc súng hơn... bắn tạc đạn tròn với một độ chính xác như đại bác dã chiến. Những đại bác này vô cùng ưu việt so với đại bác của Hải quân, những khẩu đại pháo nạp thuốc súng đằng miệng. Tại sao Hải quân không chấp nhận đại bác dã chiến 80, không nặng bao nhiêu mà việc bảo quản có hơi tỉ mỉ, thật thế đó là điều mà các pháo thủ Hải quân đòi hỏi. Trong mọi trường hợp, kinh nghiệm của cuộc chiến tranh này, nơi mà người ta thấy những khẩu đại bác này ở cạnh nhau, sẽ quyết định tất cả.

Như vậy đây là lần đầu tiên quân Tàu trông thấy những tạc đạn tròn nổ ở trên đầu họ với độ chính xác cao, chúng không chống cự được, trận đánh diễn ra từ xa (pháo binh của chúng không đáng kể, chúng có các khẩu đại bác Krupp 70 milli mà chúng không biết sử dụng), điều đó giải thích sự tổn thất nhỏ của ta. Chúng con rất ân hận không được ở với lữ đoàn này, họ đã làm tất cả, tuy nhiên khí cầu của chúng con được thấy từ rất xa, đã tạo nên hiệu quả tinh thần: theo lời của một thông dịch viên, người Tàu rất kinh ngạc và nói: "Tốt! Chúng kìa, bây giờ chúng kéo người lên khỏi đất".

Ngày 15, tướng Négier ra đi đuổi theo chúng trên đường đi Lạng Sơn và giết họ khá nhiều, người ta nói thế; ông ta đã trở về ngày kia.

Tướng Brière de l'Isle, ra đi cùng ngày theo một hướng khác, sẽ trở về ngày mai, để một ngày cho quân lính nghỉ ngơi,

và chúng con sẽ về Hà Nội với ông. Vậy đó có thể là lá thư thứ hai và cuối cùng mà cha mẹ nhận của con ở Bắc Ninh.

Bắc Ninh có đồi bao quanh, điều này làm cho nó có một vẻ khác với các thành phố khác của Bắc Kỳ; nhưng sông Cầu hơi xa một chút, và con tự hỏi ở đây vào lúc mưa lớn nước chảy như thế nào.

Sáng nay con đi sông Cầu. Cưỡi trên con ngựa nhỏ của mình, con thử đi tìm một cái bánh mì, hôm qua lương thực chúng con đã cạn, bánh mì là thứ thiếu duy nhất, bởi vì thịt, rượu... có nhiều. Chúng con phải ăn bánh bít-quy như lính, vì ngày mai bánh mì mới tới. Con sẽ trở thành đầu bếp giỏi vì chính con với sách trong tay, chỉ huy hai người lính hầu cận của chúng con. Đêm trước với chính tay của mình con đã làm kem cà phê, nó cũng không tệ lắm nên tối nay con lại tái diễn. Sữa lấy ở một lon sữa đặc mà con mới mua, trứng là trứng vịt, nhưng mọi sự đều tốt cả.

Như thế đấy, cô Alice nhỏ bé đã lấy chồng của chúng ta, họ đã đi đâu để hưởng tuần trăng mật? Trong tháng 12 con hy vọng giới thiệu cho họ Paris, nhưng đẩy đến tận Bắc Ninh thay vì Paris, nhưng phải thú nhận rằng như thế là quá đòi hỏi và ngay thẳng mà nói thì đó không xứng đáng dù cho quang cảnh ở đây xanh tươi, người ta thấy nhiều cây cối đẹp đẽ và chim chóc màu sắc rất thay đổi.

Con sẽ viết thư cho Fred lần sau theo chuyến thư sau, con sẽ giữ chỗ trước để khỏi phải không được nhận vì thiếu chỗ lúc lên đường.

Cha đã có một ý nghĩ rất sai về người ở đây. Đây không như ở Mexique, không có quân du kích, dân chúng bản địa hoàn toàn vô hại và lính tàu hay Cờ Đen tự tụ tập để chiến đấu, một lần lang trại chúng bị chiếm là hoàn toàn hết, chúng biến mất và về phần các toán cướp không có gì.

Tạm biệt, cha mẹ thân yêu, con hôn cha mẹ ngàn lần. Con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hà Nội, [hẳn nhiên là ngày 1 hay 2-4-1884]

Cha mẹ thân yêu,

Giờ đây con ở Hà Nội. Thư trước kể với cha mẹ về các biến cố chiến trận và việc chiếm Bắc Ninh. Thư này kể cho cha mẹ chuyến cư trú Bắc Ninh và cuộc đi trở về của chúng con.

Nhưng con không biết là con đã kể đủ chưa cho cha mẹ về phản ứng kỳ lạ nảy sinh trong tâm trí mọi người, khi vào ngày hôm sau diễn ra trận đánh lúc chúng con hay tin cờ Pháp đã tung bay trên tháp Bắc Ninh. Con lúc đó như một vệt thuốc súng truyền từ đầu đoàn quân đến cuối đoàn quân, và cứ thế truyền đi: hãy truyền tin rằng cờ Pháp đã bay trên tháp Bắc Ninh. Phản ứng đầu tiên là: chỉ là chuyện đùa! Nhưng mọi người đều đã nghe rõ. Phản ứng thứ hai là: chán quá, tôi không có ở đó! Phải ứng thứ ba cuối cùng làm tiêu tan phản ứng ghen tỵ nhẹ nhàng đó với: À! Dù sao cuối cùng mục đích đã đạt, chúng ta sẽ đi thăm thành Bắc Ninh nổi tiếng này và không phải ngủ ngoài trời.

Chúng con đã đến đó vào ngày 16-3 và chúng con gần như liền đó được lệnh bơm căng khí cầu và đưa xuống thuyền tất cả vật dụng để đưa về Hà Nội. Từ ngày 17 đến 24-3, chúng con đóng quân trong thành Bắc Ninh, và người ta giao chúng con triệt hạ vòng thành bán nguyệt bao quanh cửa Nam.

Trong lúc làm công việc này, lính công binh của chúng con tìm thấy không ít rắn, cuốn tròn trong lỗ và may mắn thay đã tê cóng nằm yên. Một trong các dược sĩ quân y thường ghé

thăm chúng con tuyên bố đó là những con rắn một phút, gọi như thế vì người ta sẽ gục ngay một phút sau khi bị cắn! Và thứ quỷ ám này liệu con phải thu lượm nó! Lạy Chúa ban phúc, có thể bắt nó chịu hoa hồng! Và, dù sao chúng con cũng làm việc đó. Con chế tạo một thứ phểu bằng giấy cứng, nhờ đó không cần chạm đến chúng cũng làm chúng trôi vào một cái chai hai con rắn tê cóng nằm yên. A! những con vật ti tiện, chỗ hẹp này chúng mày không còn nguy hiểm!

Cuối cùng, vật dụng của chúng con lẽ ra đã được đưa lên tàu từ nhiều ngày, chúng con sửa soạn đi bộ về Hà Nội. Chúng con lên đường sáng ngày 25, và vì lính của chúng con vừa là lính công binh vừa là lính khí cầu, người ta dùng chúng con như là lính công binh và ngay cả như lính làm cầu. Chính là nhờ chuyến đi trở về này theo con đường quan lộ mà con có thể nhận ra rằng quân Cờ Đen đã tổ chức kỹ càng để chống cự ở phía này. Đặc biệt không dễ dàng vượt qua sông Đào với bọn giặc này ở trước mặt. Nhưng ngày 25 cũng dễ dàng.

Những chiếc thuyền của thiếu tá Dupommier chúng con được sử dụng từ khi lên đường không còn ở đó nữa, nhưng ông bạn "kén tằm" Rémusat (viên trung úy của toán quân bắc cầu) của con đã bắt một chiếc cầu băng tàu nhờ mấy chiếc thuyền. Các thuyền này được sắp xếp như các tàu thủy thủ đoàn có những chiếc xà nhỏ bỏ xuống tàu, chiếc này sang chiếc khác và một tấm chăn bằng ván bao trùm chiếc xà nhỏ này. Nhưng Rémusat sau khi thả cầu đã biến đi với toán lính bắc cầu của ông ta và đi Hà Nội không để lại một người nào để canh và bảo trì cầu. Con phải thay thế ông ta công tác này. Hơn nữa việc đó không thể có, bởi vì các toán quân của chúng con đi trên cầu một cách điềm nhiên không lo ngại, đôi khi với nhịp đi đều và nếu cứ đi như thế thì chẳng mấy chốc mà gãy cầu. May mắn thay một vị chỉ huy quân đội kỵ binh pháo thủ hải quân, người

thường xuyên chung bàn ăn với thiếu tá Dupommier ở Hà Nội, thấy con bối rối đã rất lịch sự đến giúp con và thực hiện mệnh lệnh mà con muốn chỉ cho ông ta. Việc đó thật là khẩn cấp vì một chiếc thuyền ở sát bờ trái của sông Đào (chúng con đến theo đường đó), bắt đầu vào nước, và cái vài đầu tiên có nguy cơ bị lún. Vị chỉ huy đội kỵ binh pháo thủ đã nói đến đúng ở lối xuống cầu để buộc các toán quân đi hàng hai và bước cách quãng.

Để nâng đỡ cái vài cầu yếu, con cho kê mũi của một chiếc thuyền lấy ở bên bờ vào cầu rồi cho một toán 10 người đứng ở phía sau, trọng lượng của họ tạo thành bàn cân góp phần nâng tấm lá chắn, hầu khi chiếc thuyền hư bị chìm thì chiếc kia có thể dùng để làm vật chống đỡ.

Cuộc diễu hành bắt đầu từ lúc 12 giờ 30, kết thúc vào lúc 3 giờ rưỡi, thế nào mà con chỉ về đến căn cứ đóng quân trên bờ sông Hồng lúc 5 giờ chiều.

Ngày hôm sau chúng con qua sông lúc sáng sớm và chúng con đến dọn lại như cũ.

Hiện giờ người ta chờ lệnh cho cuộc hành quân Hồng Hoa sắp tới. Nhiệt độ rất dễ chịu, đó là nhiệt độ của tháng bảy ở Pháp, không quá nóng, ban đêm con đắp chiếc khăn du hành hoàn toàn thích hợp.

Con vừa nhận và đọc ngốn ngấu hai lá thư của cha mẹ. Con thấy Alfred thường bị nhức đầu, con mong thuốc sẽ làm nó lành, nó được nhiều điểm tốt về toán học, nó phải thuộc về những đứa hàng đầu, con sẽ viết cho nó lần sau. Con cũng sẽ viết trực tiếp cho Alice, con sẽ gởi lá thư qua cha mẹ để chuyển đến chỗ em nó sẽ tới, con đoán rằng chỗ đó sẽ là Thueyts nhưng con tin chắc vào sự trung gian lần này của cha mẹ.

Nhiệt độ khá nóng, hôm nay nhiệt kế của con chỉ 27^0 trong phòng, lúc 2 giờ, nhưng đến 5 giờ khá hơn, hằng ngày

vào giờ này con cưỡi con ngựa nhỏ Việt Nam dễ thương của con luôn luôn khoái hoạt và khi thì với Lubin (một trong những người bạn cũ của con, Đại úy pháo binh của Hải quân) [1], khi thì với Borel[2] , chúng con chạy một quãng ngắn - Nói chung là bên ngoài thành phố, về phía Hồ lớn (Hồ Tây), ở đó có hai hay ba ngôi chùa khá đẹp và nhiều điểm ngoạn cảnh xanh tươi với nhiều loại cây nổi tiếng mà rễ rủ xuống nước như thạch nhủ.

Lalès mà cha mẹ thường hỏi con tin tức rất mạnh khỏe, như những lính công binh khác; anh ta không có vẻ chán nản gì cả; anh chàng thợ cạo của con vừa mới cạo cho con ngày hôm kia, anh ta hoàn toàn chán nản khi con nói với anh ta rằng chúng con có thể ra đi vào đầu tháng sáu; anh ta nói anh ta muốn ở đây ít nhất một năm.

Có thể con sẽ gởi tiền cho cha mẹ chuyến thư tới, con xin cha mẹ mua cho con, một hành động nào đó mà con sẽ tìm ra khi đến nơi. Mặc dù tiêu gần 150 frs, mỗi tháng cho tiền ăn, con kiếm được hơn 500, con sẽ thực hiện tiết kiệm.

Con rời cha mẹ để mang thư này đến chiếc tàu sắp ra đi, con sẽ dán tem thư của Alice để em nó có thể dùng đường đưa thư của anh bởi vì em thiếu thứ này.

Con hôn cha mẹ nhiều lần.

Con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

---

[1] Lubin đại úy pháo binh hải quân, thuộc khóa 1877 ở trường đại học Bách Nghệ, đến ở Bắc Kỳ từ 1883.

[2] Borel, trung úy thuộc lữ đoàn 4 công binh, đến cùng với trung đội lính công binh hầm mỏ. Đó là một người bạn cùng khóa và là một trong những người bạn rất tốt của tôi. Chúng tôi không may ít gặp nhau. Mỗi một trong chúng tôi rất bận việc và tôi ở lâu tại Trung Kỳ còn anh ta ở Bắc Kỳ.

Hà Nội, ngày 2-4-1884

Bé Fred thân yêu của anh,

Thư của em đã đến khi anh ở Bắc Ninh, sức khỏe hoàn hảo, Lalès cũng thế như em đã nói; bọn anh khỏe hơn em, kẻ thường cảm mạo hay đau đầu như anh đã thấy[1].

Bọn anh, Đại úy Aron và anh, cư ngụ ở một ngôi chùa nhỏ trước mặt có một sân nhỏ, Lalès nằm trong một chiếc lều với người lính hầu cận của đại úy, thấy một người Việt, một phu khuân vác mà chúng ta đưa theo vì dân cư ở Bắc Ninh chạy trốn vào các làng lân cận, chưa trở về, đang chạy qua sân, Lalès la lên: "Đứng lại! Đứng lại! Tao sẽ trị tội mày, chính tao!". Người phu không hiểu tiếng Pháp nhưng anh ta thấy cử chỉ hung dữ của Lalès đang múa thanh tre, và anh ta thủ thế đứng chờ; những ai không chạy nhanh phải nhận vài gậy trên vai, hơn nữa họ không che tránh gì vì họ đã quen như thế. Trước khi chúng ta đến, những người này không có thu nhập gì, và tất cả những người đi theo lữ đoàn của chúng ta từ Bắc Ninh, khoảng 1000 hay 2000, để khuân vác hành lý và lương thực, được trả một quan tiền hay hơn.

Quan (tiền) trị giá khoảng 15 xu, gồm 600 đồng tiền. Em thấy không, tiền xứ này bằng kẽm, không đáng giá gì và người ta sẽ rất khó chịu khi tài sản là đồng tiền. Nhưng một đồng tiền cũng không nặng mấy, anh sẽ để một hoặc hai đồng trong thư. Anh cũng có một đồng xu Trung Hoa, lúc trở về anh sẽ cho em coi.

Ở Bắc Ninh khi trông thấy những dáo, thương v.v... mà người ta gặp bất kỳ lúc nào, anh nghĩ đến em, và anh tự nhủ

---

[1] Để hiểu được thư này, phải nhớ rằng, trước khi tôi đi khỏi Versailles, em trai Alfred của tôi ở cùng với tôi và Lalès, lính hầu cận của tôi, họ biết nhau rất rõ.

rằng em sẽ rất vui mà múa chúng. Anh nói với Lalès thu lượm vài cái, em có thể tra cán cho chúng vào kỳ nghỉ hè.

Ở đây, cán dáo thường bằng tre, cán thường thì bằng gỗ cứng và nặng, thứ gỗ này thẳng và không có mắt dùng làm cán rất đẹp.

Em hỏi anh đã tham dự các trận đánh chưa, rằng anh đã có thấy một lần: trận đánh ở Trung Sơn, và anh đã gần như tiến đến sát bên các pháo thủ cùng với quả khí cầu, nhưng quân Tàu bỏ chạy cùng với những lá quân kỳ rộng lớn của họ, và họ không bắn đạn đến chúng ta bao nhiêu, anh đã không được nghe tiếng đạn réo bên tai, đạn cũng có rơi cách anh chừng 20m, nhưng đó cũng chỉ là quả đạn không nổ. Trong toàn lữ đoàn của chúng ta, không ai trúng đạn, em thấy đó như thế cũng không có gì đáng sợ - Trong lữ đoàn II, có 5 người chết tại chỗ, 2 chết sau khi bị thương, và chừng hai mươi người trúng đạn bị thương, không gì cả.

Quả khí cầu của chúng ta đã làm họ khiếp sợ. Em có thể kể tất cả cho ông Passa và ông Enjalbert. Người thông ngôn chính đã nói chuyện và làm cho dân chúng nói với ông ta, kể lại rằng quan Tàu hỏi rằng cái gì đã có thể làm cho cái khí cụ khổng lồ này bay liệng cách 200m trên trời; chúng không thấy dây cột và hoàn toàn không hiểu cái gì đó có ý nghĩa gì, khi đó để cho an toàn hơn chúng quay gót[1].

---

[1] Khí cầu đã tác động mạnh đối với người Trung Hoa. Theo lời người thông dịch viên trưởng của chúng tôi và theo lời khai của các tù binh thì khi lần đầu tiên họ thấy khí cầu từ mặt đất bay lên ở trận đánh Trung Sơn, họ nói: Tốt! Chúng kìa, chúng cướp người trên mặt đất bây giờ!

Người họa sĩ Việt Nam thật thà khi vẽ bức tranh chiếm thành Bắc Ninh không quên vẽ khí cầu. Anh ta đã vẽ hai quả cầu. Chúng tôi luôn mang đi hai quả cầu, thật thế nhưng một quả nhỏ hơn quả kia, nó không

Hãy viết nữa cho anh, người ta luôn gởi cho anh, thư của em ở nhà, em biết rõ rằng điều làm anh sung sướng là được biết em học tập tốt, hãy gắng chiếm vị trí tốt trong môn toán, và hãy đẻo gọt vốn tiếng Đức của em, các tin tức tốt lành mà anh có thể nhận và em làm cho anh rất yên tâm, anh nghĩ đến em và thế là anh lượm lặt các vật nhỏ có thể làm em vui lòng. Em phải luôn luôn đứng trong số 5 học sinh đầu lớp và được lấy bằng phổ thông vào năm tới như lấy thư ở bưu điện.

Giả thiết của em về chuyển động thường trực không đúng. Một dây xoắn (lò-xo) bạc được lắp, khi dãn xe có thể làm chạy các bánh răng cưa, các bánh xe, tất cả những gì em muốn, và lực mà người ta thu được trên bánh xe cuối cùng chắc chắn không mạnh hơn lực của dây xoắn, bởi vì chính lò xo để cung cấp cho nó, nó cũng kém mạnh bởi vì có sự mất lực do ma sát ở các bánh xe răng cưa với nhau, và của các trục của các bánh nhỏ nơi chốt quay của chúng, vậy là lực nhận được ở đầu mút không thể trương lại lò-xo, và bánh xe cuối cùng không làm quay được chìa khóa trương lò-xo, nó không đủ sức. Anh nghĩ rằng em hiểu.

Tạm biệt, anh hôn lên hai bên má em, có phải chúng luôn gầy yếu? Người anh luôn thương yêu em.

L.JULLIEN

---

thể nâng một giỏ và một quan sát viên. Đó là quả cầu dự trữ khí để khí này khi khác túi bơm căng quả cầu chính.

Người làm tranh Việt Nam cho các quan sát viên mặc y phục sĩ quan hải quân. Thực tế, đó là một sĩ quan tham mưu. Thật ra rút nhỏ tối đa tấm ảnh không cho phép phân biệt chi tiết này.

Tấm tranh nguyên bản đo được $1^{m}50 \times 1^{m}20$, tranh vẽ trên vải. Nhưng nó được đưa đến các căng-tin nên có nhiều vết lấm và màu sắc đã phần nào phai lạt. Tuy nhiên thật là khá kỳ lạ đối với các sĩ quan lo việc chuẩn bị cuộc triển lãm về thuộc địa, họ đề nghị với tôi trình bày tranh đó dưới kính.

Có phải luôn luôn có chợ phiên ở Versailles? Có khi nào em gặp Masselin[1], Borgoltz[2] v.v... chào họ giùm anh.

---

[1] Masselin, Trung úy công binh, một trong những người bạn cũ ở trường Đại học Bách Nghệ. Tôi đã kết hôn với chị anh ta vào năm 1884, tôi chưa biết chút gì về nàng.

Tôi (cung cấp) gởi cho anh một ảnh cũ của Masselin. Từ trái sang phải ta thấy: đại úy Lecornu (đứng), đại úy Masselin (ngồi), sĩ quan hành chánh Bénard (đứng sau người cuối), thiếu tá công binh Netter (trên chiếc ghế dựa dài) rồi đến đại úy Joffre (râu rậm, mũ kê pi nhỏ, trung tá Granade. Tôi không nhận ra Lecornu, đó là người anh vợ của tôi: Masselin, đại tá công binh nghỉ hưu, và là người đã sống lâu ở Hà Nội với anh ta, người nhận ra anh ta tức thì. Anh ta cho là chiếc ảnh này ở vào khoảng tháng 9-1886, anh ta cũng nhận ra một vài người Việt, làm việc ở xưởng công binh. Joffre là chỉ huy trưởng Công binh, trung tá Granade là giám đốc công binh (Bắc Kỳ và Trung Kỳ).

Đại úy Lecornu, khi trở về Pháp đã xin từ nhiệm và trở lại với việc học hỏi ở Giáo hội. Ông ta thuộc khóa 1870 ở X, cùng khóa với Aron, người này là một đàn anh của đại úy Masselin, thuộc khóa 1877, còn tôi thuộc khóa 1878.

Thời gian này tôi đã kết hôn với em gái của Masselin và tôi ở Chalais-Meudon với Sở khí cầu. Lecornu đến thực hiện một cuộc thực tập dài ở Meudon, nơi đây các thừa sai ngoại quốc có một chi nhánh phụ, và người anh rể của tôi có liên hệ với Lecornu, thường đến thăm anh ta. Lúc đó tôi biết anh ta nhiều, vì tôi không gặp anh ở (Hà Nội) Bắc Kỳ. Nhiều lần tôi đưa anh ta đến Chalai xem khí cầu, và khi anh ta được phong linh mục và lần đầu tiên xem lễ ở nhà thờ Truyền giáo ở đường Bến Tàu, anh có mời Masselin và tôi tham dự. Anh biết mỗi người chúng tôi theo tin lành, nhưng luôn luôn mẫn cảm bên cạnh anh để cảm thông trong lễ nghi này.

Đó là dịp tốt, và ở đó có một bà già - tôi nói già là quá đáng. Đó là mẹ của Lecornu, ăn mặc rất giản dị với mũ trùm đầu địa phương, vùng tiếp giáp Narmadie và Bretagne. Vừa khi cuộc lễ chấm dứt chúng tôi đi đến gần linh mục Lecornul, bà mẹ này đang muốn phủ phục xuống chân con mình, liền được con trai đỡ dậy và ôm hôn thắm thiết lâu dài. Masselin và tôi cũng cảm động không kém bà Lecornu và con trai bà, và mất chúng tôi lệ lưng tròng, đối với tôi, tôi cho là rất đáng trọng.

Từ đó tôi không còn thấy lại ông - Joffre thì có đặc quyền đó. Anh ta đã gặp ông ta ở Hà Nội vài ngày trước khi ông chết, và cuộc trùng phùng giữa một vị thống chế nước Pháp với người cọng sự từ năm 1886 hẳn là cảm động. Trong mọi trường hợp cảnh người mẹ phủ phục xuống chân con mình

Thay anh nói lời thăm hỏi hữu nghị với gia đình ông Passa và gia đình ông Enjalbert[1].

Hà Nội, ngày 4-4-1884

Cha mẹ thân yêu,

Chỉ hai tiếng thôi, trước khi con lên đường từ Hà Nội đi Hồng Hoa, ấn định vào ngày 6-4, cùng với tướng Négrier.

Con kèm theo thư này một bưu phiếu 300 frs nhận ở Livron, cha cũng có phần trong đó, 220 phần con, hãy lấy cho con với tất cả số đó một cổ phiếu nào đó, trái phiếu thành phố hoặc cái gì khác tùy ý.

Nếu con gởi thêm nữa, thì hãy để đó; lúc trở về con sẽ cần khoảng 300 frs để mua thương phiếu và một cái yên. Nếu tất cả tiền của con được đầu tư, không cần lo, con sẽ bán lại cho cha mẹ một phần. Con luôn có ở cửa miệng câu nói đó, tuy nhiên con cũng chưa nói ra. Điều đó đôi khi không phải là ông Carsse, thị trưởng Livron, đã ảnh hưởng đến con.

để xin con lần đầu tiên ban phước lành trong đời linh mục, và người này nâng bà dậy như muốn nói rằng chính bà là người ban phước, cảnh này, tôi đoán chắc rằng, là một cảnh thật sự cảm động và thật chân chất khó quên.

(2) Bergoltz, cũng là một trong những bạn cũ của tôi. Masselin và Bergoltz là bạn thân, tôi cùng sống với họ ở Versailles. Tôi đã giới thiệu em tôi với họ.

(1) Ông Enjalbert, tổng kiểm soát quân đội, đã kết hôn với một bè bạn thân của mẹ tôi. Bà Enjalbert sinh ở Livron, quê hương tôi. Em và tôi từng được đón thân tình ở nhà bà. Họ có hai người con, hiện còn sống và là bạn tốt của tôi. Cô Alice Enjalbert trở thành bà Roulet, chồng bà, hiện đã chết với một sự nghiệp quân sự sáng chói. Ông Paul Enjalbert, cựu sinh viên trường Đại học Bách Nghệ, cũng như người cha, đã kết hôn với cháu gái của đại tá Denfert-Rochereau, vị anh hùng ở Belfort. Ông là trung tá pháo binh dự bị và điều hành nhiều công tác.

Cha mẹ cũng sẽ tìm thấy trong phong bì này vài con tem mà con quên không để vào thư gởi Alfred (thứ này có chiếc Orange rất hiếm), con có chúng trước khi con ra đi ở Pháp, con đã quên đưa chúng cho nó.

Con rời cha mẹ để đi giám sát việc bơm căng khí cầu; con vẫn mạnh khỏe như thông lệ và con hôn cha mẹ cả hai bên má.

Chuyến thư tới cha mẹ có thể có tin tức và thông tin về Hồng Hoa. Con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Con không nghĩ rằng thư này sẽ đi theo chuyến thư người Anh (8 ngày sau chuyến kia) đến với cha mẹ chậm hơn phần trước do chuyến thư người Pháp. Điều này sẽ làm tổn thương hải quân chúng ta.

Hồng Hoa, ngày 15-4-1884

Cha mẹ thân yêu,

Chỉ hai tiếng đồng hồ thôi trước khi chuyến thư lên đường, để cha mẹ khỏi không có thư một tháng; chúng con vừa được báo trước, như thường lệ, rằng chuyến thư Pháp sẽ đi trước một vài lúc, và mười lăm ngày trôi qua khá nhanh, nhờ bước chân và nỗi sầu não của chúng con mà con gần như không thể viết cho cha mẹ. Con có thể làm việc đó ngày hôm kia, ngày lễ Phục sinh! Con chỉ thực hiện một bản vẽ xấu xí mà con đính kèm theo thư của con.

Lần tới con sẽ kể cho cha mẹ chuyến đi Hồng Hoa và cuộc chiếm cứ địa điểm này, nó không làm chúng con tổn thất, như bản tin đã nói mà cha mẹ có thể đọc trong các báo, tạc đạn và thuốc súng tất cả ở cách 5 km.

Ra đi từ Hà Nội ngày 6-4, chúng con có mặt ở Sơn Tây sáng ngày 8, chúng con lại ra đi ngày 9 (lính khinh khí cầu

lần này đi với lữ đoàn của tướng Négrier, đi từ Hà Nội một ngày sau lữ đoàn của tướng Brière de l'Isle, toán quân này thực hiện một động tác quay lại theo cánh trái) để đến đóng quân trên bờ phải Sông Hồng, chúng con theo đường đê, không xa Hắc Giang[1].

Chúng con dừng ở đó một ngày để tiến hơn về phía trước một chút đối với cánh quân kia. Ngày 10, trong buổi sáng tướng Négrier lên khinh khí cầu và rất thích thú khi bay lên[2].

---

[1] Chính trong cuộc du hành này mà phân đội khí cầu ngày 9-4 đã gặp một chướng ngại vật mới, một chiếc cầu có mái che bắt trên một con kênh. Tôi đã làm nổi bật, trong một bản của tác phẩm l'Hitoire du 1er-Réginent du Génie (Lịch sử của đệ nhất liên đội công binh), một bản vẽ cung cấp một ý tưởng về sự khó khăn. Bản vẽ do một người bạn thực hiện ở Meudon. Bản gốc, mà tôi đang giữ, được đóng khung và hơi lớn hơn một chút, rõ hơn ở một vài chi tiết. Quý vị thấy tôi trên lưng ngựa. Dòng sông rộng hơn và do đó cầu cũng dài hơn. Nếu khi trời gió, chúng tôi khó định được lộ trình. Tôi đã vượt qua sông Hồng, qua Hắc Giang rộng hơn con kênh đang nói, nhưng chúng tôi dùng ca nô hơi nước, khi qua các sông trên chúng tôi cột dây cáp quả cầu. Bức vẽ này, cũng như một vài hình ảnh khác mà tôi đã gởi, đều được trích trong tác phẩm minh chứng rõ loại cầu được dùng lúc đó. Đó là một quả cầu hình tròn cột dây, chỉ vào khoảng 1914 loại cầu này được thay thế bằng loại cầu dài cũng cột dây. Việc treo dây là đặc biệt. Giỏ khí cầu được lồng trong một khung gọi là "hình thang" và không bao giờ bị dây cáp đụng phải. Ở Bắc Kỳ việc treo dây khí cầu được đơn giản hóa, như người ta thấy đúng như đã được vẽ trong bức hình miêu tả chuyến vượt qua chiếc cầu có mái che. Các đặc tính của công binh được biểu hiện trong bức vẽ kia. Áo giáp là hình tượng trưng của thành. Các áo giáp và mũ này được đội ngày xưa vào thời của Vauban và cho đến cuộc chiến ở Riméc, do hai người lính công binh ở đầu đường hầm mà người ta hướng về phía vị trí bị vây. Các vị trí này nguy hiểm cũng như đường hầm, đường hầm này không được đào lâu.

[2] Trong chuyến bay của nó, tướng Négrier lần đầu tiên đi khinh khí cầu và ông ta rất thoải mái. Ông vẽ nhiều phác thảo bằng bút chì về thành phố và các công sự phòng ngự của Hưng Hóa, mà ông ta cho tôi xem khi ra khỏi giỏ khí cầu. Và khi đi dạo chung ngày hôm sau nữa ông ta chỉ cho tôi, ức vẽ trên tay, với niềm vui thực sự rằng ông ta không lầm lẫn.

Ngày 11, chúng con ra đi để thực hiện chuyến vượt Hắc Giang, chúng con ở trên bờ sông vào 10 giờ buổi sáng, các pháo đội 95^{mm} và 80 đã chiến, xuống thuyền lúc sáng sớm cũng sớm sắp đặt và khai hỏa trên Hồng Hoa và chiếc tàu trên sông Hồng mà quân Tàu mạnh ai nấy chạy trốn. Chúng con đứng ngắm với khoảng cách 5km chỗ bọn họ chạy trốn, và ngày hôm sau 13, chúng con đã qua sông và vào Hồng Hoa, các đám cháy bùng lên do người Tàu hơn là do tạc đạn của chúng ta, nơi dày đặc và ta vừa tiêu thụ một phần lớn.

Khí cầu của chúng con đã bay ngày 12 trên cuộc pháo kích này. Trong chuyến đi cuối cùng này, thời tiết xấu, thường xuyên bị bão, làm chúng con bị hư hại và rối tung. Giờ đây mọi sự đã yên, con nghĩ thế, chúng ta đã có toàn bộ xứ Bắc Kỳ.

Sức khỏe của con luôn tốt. Chúng con lên đường ở đây ngày 18, nếu chúng con đến Hà Nội trước chuyến thư Anh, cha mẹ sẽ nhận được một thư theo đường này. Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 1-5-1884

Cha mẹ thân yêu,

Các thư cuối của cha mẹ đã cho con biết về đám cưới của Alice. Lúc thư đến nơi con, Licette của con đã ở Thuyets một

---

Ở đây xảy ra một biến cố gây cười cho các sĩ quan. Ít ngày sau chuyến bay của tướng Négrier, đại úy Aron nhận được lệnh của tổng chỉ huy phạt ông ta 8 ngày trọng cấm, "vì đã thực hiện chuyến bay không có lệnh của ông ta". Lúc 4 giờ cùng ngày, giờ báo cáo của tướng Négrier, tôi bèn báo cáo với vị tướng này sự cố đó. Không lâu sau, lệnh phạt được hủy bỏ. Tướng Négrier báo cáo với tổng chỉ huy rằng chính ông ta ra lệnh cho chuyến bay.

thời gian; nếu những lời cầu nguyện của một người anh rất yêu em gái được thực hiện, thì người em gái đó sẽ rất sung sướng và luôn luôn sung sướng; vả lại, con mong như thế và không còn lo lắng gì khác[1]. Con đã có những chi tiết về nơi cư trú của họ và những người ở Thuyets.

Mẹ đã tự hỏi rằng con đang làm gì và những ngày này con đang nghĩ về những gì. Con đã không hay biết gì về ngày cưới. Chúng con vừa mới vượt sông Đào, Lữ đoàn I đóng quân ở Xam tại điểm đổ bộ; vừa qua sông, chúng con được lệnh đi với khí cầu để thực hiện một cuộc thám sát về phía chợ Chi. Chúng con đi theo đại đội phòng tuyến 143 đang trở lại Đồ Sơn, nó thuộc về Lữ đoàn II; đây là lần đầu tiên con thấy những lá cờ lớn màu đen, màu vàng và màu trắng bay phất phới trên một đồn lũy, cách 5km trên sườn trái của chúng con.

Vì nhiều lý do chúng con không đi theo đại đội 173 và chúng con dừng lại cạnh làng Mai-O, nơi chuyến bay được thực hiện đã gần 1 giờ.

Trong thời gian đó, con vào làng một mình, nơi đây người ta chưa thấy nhiều người Âu, con nghĩ rằng làng này do một phân đội của phòng tuyến 111 chiếm giữ, họ đã không còn ở đây. Cư dân ở đây không mấy gan dạ, họ nép mình trong đáy lều của họ. Một vài người trong số phu khuân và người chỉ huy của họ bắt được một con ngựa có lẽ là của một viên tướng Tàu mà chúng con không còn thấy đâu nữa. Con rất tiếc không được gặp ông tướng này trên lưng ngựa của ông ta để con thử thách với ông ta và cho ông ta biết rõ độ chính xác của khẩu súng lục của chúng ta, rồi sau đó con có thể kể những điều mình khám phá. Ngày hôm đó chúng con chỉ trở về khu đóng

---

[1] Em gái Alice của tôi chết để lại một người con gái, Hélène de Carbon, hiện còn sống.

quân vào 8 giờ tối, ngày hôm đó như vậy thật trọn vẹn đối với chúng con.

Thời tiết ở đây không tốt, ngọn gió này làm ngựa quỵ và xe giật lùi. Cuộc phiêu lưu của ông chú và các hành khách đi xe đã làm cho con rất vui, bởi vì không có gì xấu, người ta có thể cười.

Cha mẹ đã lầm lớn khi tưởng rằng Aron được cử làm đại đội trưởng; trong 12 năm ở đây điều đó sẽ là tốt; đó là một tiếng đồng âm dị nghĩa của ông ta khi ông ta là Đại úy Rennes - những Đại đội trưởng Công binh vào lúc 28 tuổi, điều đó là cái cao nhất được thấy trong các cuộc chiến của nền Cộng hòa và Tổng tài thời Napoléon, con tiếc rằng thời gian đã qua, bởi vì từ ông ta, người ta có thể quả quyết không có gì tương tự đã trở lại. May mắn thay cha mẹ đã không viết cho anh ta để khen ngợi, con đã chuyển đến anh ta lời chúc của cha mẹ, chuyện đó đã làm anh ta rất vui.

Thứ bảy 3-5. Giờ đây chúng con đang đóng trong khu mùa hè, nhưng đến khi nào đây? Cha mẹ có lẽ biết rõ điều đó hơn chúng con, bởi vì chính là ở Paris mọi sự được quyết định. Ở đây người ta kể rằng chúng con đợi Đại sứ đặc biệt "Ông Patenôtre". Những kẻ khác thì nói rằng tướng Millot muốn đi ngay, nhưng tin tức và cuộc dấy loạn ở Bắc Kinh và việc bất ngờ có thể xảy ra cuộc chiến tranh với đế quốc Trung Hoa đã giữ ông ta lại một thời gian. Như mọi nơi và mọi khi, vô số tiếng đồn không căn cứ chuyền từ chỗ này sang chỗ khác, tốt hơn cả là không thêm thắt gì. Điều duy nhất tích cực hiện nay là chúng ta để ở đây 6.000 quân Pháp pháo binh hải quân và đội quân Châu Phi, các đại đội và tất cả các toán quân đến từ Pháp sẽ nhảy xuống tàu trở về khi cuộc chuyển quân bắt đầu.

Nhiệt độ bắt đầu cho thấy gay gắt, hôm kia là 36° tối đa vào buổi trưa lúc 2 giờ, đó là nhiệt độ trong bóng mát, hiển

nhiên là như thế, bởi vì ngoài trời người ta như bị nướng, và khi không bị bắt buộc ở đó, thì người ta sẵn lòng tránh xa.

Đối với chúng con, chúng con sắp đặt ngăn nắp vật dụng và khí cầu, chúng con sẽ nhận thêm vật liệu để tráng dầu và bơm căng khí cầu, con nghĩ rằng điều đó sẽ vô ích, vì nó đang trên đường đi và sắp đến nơi, việc làm trái lệnh không thể ban bố, chúng con sẽ yêu cầu khi đến nơi, không thể tin vào một sự giải quyết gấp gáp.

Con gởi theo thư này một bưu phiếu 200 frs mong cha sử dụng tùy ý, cũng như bưu phiếu lần trước, con đã cẩn thận giữ lại bản lưu chiếu, vì thư có thể thất lạc, khi cha nhận được cha sẽ thông báo cho con.

Cha mẹ hãy nói với Alfred rằng mỗi lần ở đây con biết nó đứng hạng cao, con rất vui, con mong nó đứng trong những hạng đầu cho đến cuối năm tới nó cũng đạt hạng cao và sẽ lấy bằng tú tài nhanh chóng dễ dàng như chúng con lấy Bắc Ninh.

Hẹn chuyến thư sau, cha mẹ thân yêu, từ đây con hôn cha mẹ ngàn lẻ một lần.

Đứa con trai hết lòng kính hiếu của cha mẹ.

L.JULLIEN

Con bảo đảm với mẹ rằng bệnh sốt cách nhật không có ở đây và con luôn luôn sức khỏe như sự thần kỳ.

Hà Nội, ngày 13-5-1884

Cha mẹ thân yêu,

Chuyến thư ngày 28-3 đã đến hôm qua, đem đến cho mọi người Pháp ở Bắc Kỳ các tin tức về nước Pháp. Cha mẹ không bao giờ tưởng tượng được nỗi nôn nóng mà người ta có khi đợi

chờ chuyến thư hạnh phúc này, cha mẹ phải tự mình cảm nhận; người ta biết vào một hoặc hai ngày gần ngày tin đến, các chuyến tàu cũng đến ngày đó và tạo ra một sự cảm động nào đó, những chiếc xà-ký chạy sông đem tin từ Hà Nội thông báo bằng ba tiếng còi, và từ khi người ta nghe tiếng còi thì một sự im lặng thần thánh dấy lên cho phép mỗi người đếm được số tiếng còi.

Như cha mẹ đã thấy trong thư cuối của con, và như ông Enjalbert đã đoán trước với cha mẹ, đó là một Aron khác được cử làm chỉ huy đại đội. Bây giờ với con, hiển nhiên cha mẹ có một tham vọng? Ở đây có nhiều lính khá già, hay cả những người trẻ, họ đã đánh trận ở Tunisie, ở Sud-Oranais v.v... gần như tất cả đều đã có nhiều trận mạc, những người này được đề cử và được tưởng thưởng, đó chỉ là sự công bằng. Trong quân đoàn hải quân, "Bộ binh, Pháo đội và hạm đội", họ chỉ thực hiện các trận chiến của Sénégal ở người Canaques, những người Canaques đi chống với quân Cờ Đen v.v... người ta có thể nói rằng họ bay từ trận đánh này sang trận đánh khác. Những người trẻ tuổi chỉ được thưởng huy chương nếu họ chiến đấu có thể gọi là tiếp cận với quân thù và bị thương nặng. Sau cuộc chinh phạt Hồng Hoa, con được Aron đề nghị ghi tên vào danh sách được thăng cấp đại úy. Đề nghị này được chấp thuận bởi Tổng tham mưu của tướng Millot và gởi sang Paris; ông Bộ trưởng có chấp thuận không, con không biết gì cả! Được chấp nhận, con được chính phủ ghi tên chính thức vào bảng và đồng thời con lên đại úy cùng lúc với những người cũ của con, điều đó làm cho con được lợi một năm, đó là tất cả những gì mà con không bao giờ có thể ước mong, con không biết ngay cả nếu nó xảy ra. Những người quen cũ của con, họ đã dự chiến ở Tunisie, mà hoàn toàn không được gì cả, không nên muốn đi mau hơn tiếng vĩ cầm. Luật lệ ấn định

rằng không ai có thể lên một cấp bậc cao hơn nếu không ở tối thiểu 2 năm trong cấp bậc hiện tại.

Trong các thư của cha mẹ sắp tới, hãy đừng nói với con nữa về cuộc chiếm cứ Hồng - Hoa, bởi vì có thể cha mẹ còn chưa biết rõ; ngày lễ Paris (Phục Sinh) cha mẹ hãy nghĩ đến con, cha mẹ hỏi: Hiện giờ nó ở đâu? Nó đang làm gì? Đúng là con đang ở trong cuộc chinh phục mới của chúng ta, nơi đây con không tìm được vũ khí cho Fred - nó có yêu cầu, quân Tàu đã có thời gian để phá hủy tất cả.

À này! Fred, ông bạn của tôi, vậy là cậu muốn trồng cà rốt trong vườn vào những ngày nghỉ hè này? Không phải trồng thứ rau quả này, ông bạn của tôi, đó là thứ khó tiêu nhất, nó không đi qua, và khi nó có vẻ đã qua, chính là để dừng lại trong họng, lúc đó người ta càng bối rối, bởi vì không có cách lấy ra và người ta có nó suốt đời. Anh mong em vui đùa nhiều trong kỳ nghỉ hè và biết cách tự xoay xở ở Paris, để đi về nhà ga Montparnasse đến nhà ga Lyon và ngược lại.

Ngày 8 chúng con bị một trận gió mạnh kèm theo một trận mưa như thác, ít nhất như thế mới là mưa, là gió! Đến tối một nửa bản là 1/3 số người không còn nhà, phải dựng nó lại, điều đó đòi hỏi hơn một nửa ngày. Người Việt Nam đã quen với chuyện đó, mọi năm đều có trận bão nhỏ quét sạch một phần tư thành phố.

Chúng con có một quả cầu nhỏ (5^m đường kính) dùng dự trữ khí, đang được phơi khô dưới một chiếc lều, quả cầu căng phồng khí và được treo, ngọn gió trước tiên đẩy nhẹ quả cầu và đưa nó qua các mái nhà rồi xuống sông tắm, rồi gió quật ngã chiếc lều xuống đất, A! thật kỳ lạ!

Mưa chỉ mới bắt đầu, thật con không biết tại sao tờ báo Temps (Thời gian) kể rằng trời mưa thường trực trong cuộc

hành trình của chúng con đi đánh chiếm Bắc Ninh; đó chỉ là một đám sương mù rơi xuống, còn ngày 8 và hôm qua mới là mưa, thật sự là mưa, như người ta biết nó trong vùng nhiệt đới.

Mẹ tưởng lầm rằng xứ này dơ bẩn, những trận mưa như thế trái lại rất ích lợi để làm sạch đất; vả lại thư của con viết từ vịnh Hạ Long (A Long) hẳn làm cha mẹ yên tâm về vấn đề này. Con không biết tại sao thư đó cha mẹ không nhận được, chắc đó là do chiếc St.Germain mà con gởi thư, và cha mẹ biết rằng đó là một con tàu khó chơi, lý do duy nhất có lẽ là thay vì trở về Toulon thì có thể đến Hâvre, hải cảng căn cứ của nó, và làm một vòng Tây Ban Nha và Pháp, đó chỉ là một chuyến du hành nhỏ.

Con đã nhận một lá thư của Alice để ở Milhau, nhưng nó khá ngắn. Hiện giờ em cư trú ở Thueyts, con sẽ viết cho em để chúc mừng lễ cưới của nó, cha mẹ thấy không, phải cho con biết trước như thế.

Sức nóng bắt đầu trở nên gay gắt, mấy ngày nay đã lên đến 38^0 ở ngoài trời, trong phòng con là $31\text{-}32^0$; thật là tốt đẹp, trận mưa hôm qua đã làm dịu thời tiết cho nên hôm nay chỉ 22^0.

Không có gì mới ở Hà Nội, ở đây mọi sự êm đẹp, chính Madagascar mới không ổn, đây là cuộc làm ăn thua lỗ vì hòn đảo lớn này ít dân và không có gì để thu lượm được[1]. Con hôn cha mẹ vì con yêu cha mẹ.

L.JULLIEN

---

[1] À! Tôi đã thay đổi quan niệm, và vì người ta chỉ được nói điều mà người ta biết!

Hà Nội, ngày 6-6-1884

Cha mẹ thân yêu,

Chuyến thư đi Pháp sẽ khởi hành lát nữa vào giữa trưa, có lẽ nó đem đến cho cha mẹ thư cuối của con, bởi vì nếu các tin đồn đã loan được xác nhận chúng con sẽ xuống tàu ở đây trong một thời gian khoảng 10 ngày. Mặc dù có chuyến đi này, người ta luôn chuẩn bị các đội quân mới. Đội quân vào Tuyên Quang ngày 1-6 vừa trở về, còn đội quân phải đi Lạng Sơn đã được thành lập gồm 1.200 lính, một trung đội pháo binh, 200 lừa và vật dụng phụ tùng. Trung đội, cái tiếng long trọng này chỉ là ½ trung đội lạp binh Châu Phi mà chúng ta có ở đây, đã qua sông hôm qua. Lừa sẽ qua sông hôm nay, vài toán quân sẽ theo chân ngay, những phần lớn đội quân sẽ do quân trú phòng ở Bắc Ninh và Phủ Lạng Thương cung cấp. Đây là một chiến dịch khá dài hơi, điều làm nó khó khăn hơn một chút đối với các chiến dịch khác đó là từ Kép (ở đoạn giữa Bắc Ninh - Lạng Sơn) con đường đi qua một vùng khá khô khan, rất ít quân, nơi đây vì thế sẽ khó đóng quân.

Còn về chiến dịch Lào Cai, người ta sẽ thực hiện đồng thời, nhưng lần này sẽ là một cuộc chuyển quân khó nhọc, tương tự với chiến dịch mà người ta thực hiện ở thượng lưu xứ Sénégal, với khác biệt là đôi khi ở đây có nhiều cây với số lượng lớn.

Về những con đường xinh đẹp, con nói đẹp với ý nghĩa hoang dã, đi qua những cánh rừng khó xâm nhập hoặc những địa thế khúc khuỷu thì hình như Tuyên Quang đáp ứng hoàn toàn khái niệm đó.

Hôm kia chúng con ăn cơm với một hải quân trung úy, người dự phần chiến dịch này, đã kể lại cho chúng con chuyện đó. Con đường đất chạy dọc sông cháy (Rivière Claire) mà

tiểu hạm đội (2 tàu chở quân và 4 hay 5 pháo hạm) ngược dòng, đi qua một cánh rừng nguyên sinh đích thực; cây cối tuyệt đẹp nối lại với nhau bằng những dây leo đôi khi tạo thành một đống rối rắm không gỡ ra được; và về phần âm nhạc thì buổi chiều tối những tiếng gầm của con hổ chúa sơn lâm, vang lên khắp rừng. Ở một vài nơi, con đường đi theo dốc núi đá cao 150m chỉa ra trên dòng sông. Đường hẹp rất khó đi, tiểu hạm đội phải chở đội quân đang theo đường bộ và sau những đoạn đường khó khăn này đội quân lại tiếp đến những khó khăn khác, đội quân phải được chuyển toàn bộ bằng đường thủy cho đến khi gần cạnh thành phố. Vị hải quân trung úy, người đã cung cấp cho chúng con các chi tiết này và các chi tiết khác nữa, lại thêm: "Tôi đã du hành không ít ở Thụy Sĩ hay nơi khác, nhưng tôi không nhớ đã được thấy ở nơi nào nhiều địa điểm đẹp như những địa điểm mà người ta gặp trên con đường Tuyên Quang".

Con người dũng cảm Borel trong chuyến đi Hồng Hoa là thành phần của đội quân Brière de l'Isle đã thích thú cánh rừng và sự phong phú của thảo mộc, ông ta chỉ đi ngang một đầu mút nhưng ông ta đã nói với con rằng mặc dù người ta nhìn chăm chú bên phải hay bên trái và ít ai không ngạc nhiên thấy những ánh mắt ngời sáng của các thú hoang dễ sợ này của xứ Ấn Độ. Tôi chắc chắn rất tiếc nuối khi rời Bắc Kỳ mà không được thấy cánh rừng nguyên sinh đích thực; vài chùm hoa của cây dừa, mục tiêu thường xuyên của các chuyến dạo chơi bằng ngựa của con, có cái duyên riêng của nó nhưng còn xa từ đó đến cánh rừng nhiệt đới.

Con vừa bị gián đoạn do chuyến thư đáng mừng đến, nó mang đến cho con như thường lệ hai lá thư của cha mẹ. Con rất ngạc nhiên vào ngày 24-4 này cha mẹ chỉ có một thư của con ngày 23-2; cha mẹ phải nhận được thư sáng ngày chúng

con đi Bắc Ninh, trong đó con kể cho cha mẹ nghe về chuyến viếng thăm chúng con của các vị đại sứ của Huế.

Này! Nhà du hành vĩ đại, tân Paulina Bartlette, cô đã thoát hiểm một mình ở Vogué, rất tốt. Em thấy không, khi người ta du hành phải để lòng khiêm tốn, sự lễ phép, những cái sơ đẳng ở ngoài cửa khi người ta bước qua thềm, và đi bước đầu tiên lên chân người khác để họ không bước lên chân của anh. Em đã nói với anh rằng đó không phải là đạo đức cao cả hay nhỏ bé, không vâng, đó là đạo đức du hành nhưng khốn thay, phải như thế. Alice rất lịch thiệp chờ anh để đến Livron. Lúc trở về, khi anh qua đó vài ngày anh sẽ tìm em ở Thuyets và anh sẽ giữ lại trong những ngày nghỉ còn lại của anh. Vâng, Ô.Paul, tôi không muốn phản bội ông và báo trước cho ông biết, ông phải làm quan với ý tưởng rằng tôi sẽ lấy đi khỏi ông, em gái tôi đến cuối tháng 8 và đầu tháng 9. Ngôi nhà người mẹ thân yêu sẽ không còn đơn độc như bây giờ. Khi đó sẽ có nhiều tiếng la, có thể cả tiếng hét.

Cha mẹ nói rằng cha mẹ đang chịu khô hạn khủng khiếp, không như ở đây. Hôm qua trời bắt đầu mưa vào khoảng 8 giờ trong bữa ăn. Phòng ăn của vị chỉ huy cách chỗ của con 40m; để thực hiện lộ trình này, con ướt hết phần này sang phần khác, và tuy vậy con cũng chạy, áo vét, áo sơ mi, khăn nỉ, tất cả đều ướt và còn đang sấy ở ngoài. Người ta nói đôi khi ở Pháp có mưa tầm tả, nhưng thứ đó ở đây chỉ là mưa nhẹ, nói cho đúng thì như sự ẩn dụ sau đây: "như ai trút xuống bằng vòi sen". Sông dâng cao, đúng là một thảm nước đẹp, và cảng Hà Nội của chúng ta với những pháo hạm và tàu đi tuần tiểu trên sông mới mua ở Bombay, thật sự có vẻ xinh đẹp.

Con rời cha mẹ và hôn cha mẹ nhiều lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 17-6-1884

Cha mẹ thân yêu,

Nội dung của thư này sẽ làm cha mẹ ngạc nhiên, thật thế và nó sẽ gây ra buồn phiền cho cha mẹ lúc ban đầu, bởi vì nó sẽ cho cha mẹ biết rằng sự xum họp của chúng ta bị dời lại vài tháng; nhưng cha mẹ sẽ được yên tâm khi biết rằng đó chỉ là vì lợi ích của con mà con ở lại và con được nhận mỗi lúc những lời khen ngợi.

Con để phân đội đi một mình với đại úy Aron trong vòng 8 ngày hơn, và rồi trước hết con đi Quy Nhơn, con chỉ dừng lại ở đây vài thời gian giữa hai chuyến tàu thư, chừng mười lăm ngày hơn, sau đó từ đây đi Huế, nơi con sẽ được đặt dưới quyền ông Rheinart. Tổng lãnh sự Pháp ở An-nam. Công văn trong đó ông Rheinart xin một sĩ quan công binh thuộc quyền đại tướng Millot, có thêm rằng đó là để thám sát và định ranh giới những phần đất đặc nhượng cho nước Pháp trong kinh thành Huế và để tạm thời cho các toán quân.

Con nắm lấy cơ hội duy nhất này để đi Huế, và con được đề cử vào chức vụ này là do lòng ưu ái đối với con của Thiếu tá De La Croix, thuộc Bộ tổng tham mưu của Đại tướng Millot[1].

Đại úy Aron nói với con rằng, một mặt ông vui mừng cho con về việc đề cử này, mặc dù rất buồn vì không được cùng con thực hiện chuyến hồi hương sắp tới, ông hứa với con sẽ can thiệp hết sức mà ông có thể về việc đề nghị thăng đại úy mà ông đã làm cho con sau chiến dịch Hồng Hoa; còn ở lại đây con sẽ có nhiều cơ hội để thấy việc đề nghị này thành tựu, và nếu con đợi đến tháng 10 để trở về, chắc chắn con sẽ trở về với một lon thêm nữa, như vậy con sẽ về với ông bạn

---

[1] Thiếu tá De La Croix, về sau lên tướng, trở thành Tổng tư lệnh.

Borel và Trung đội công binh Grenoble. Phải thay đổi việc đề bì của các thư cha mẹ. Sau tên con và chức vụ Trung úy công binh ở Bắc Kỳ đừng đề Huế bởi vì có thể con chỉ ở lại đây một hoặc hai tháng và thư trả lời cho thư này sẽ đến trong ba tháng, con đã thông báo với vị giám đốc bưu điện Hải Phòng để ông chuyển tất cả mọi thứ của con cho con. Con chỉ sợ một việc, đó là cha mẹ viết cho con từ Aten khi cha mẹ biết theo công văn là phân đội khinh khí cầu rời khỏi Bắc Kỳ.

Cha mẹ sẽ nhận được ít lâu sau thư này, con nói ít lâu vì đôi khi có thể Aron phải đi hơn 15 ngày so với chuyến thư để trở về lại Pháp, một thùng chứa các đồ cẩn, 2 cái rương mà một là của một người trong số bạn con gởi cho cha mẹ anh ta, bà Lubin, Paris (Ternes), đường Faraday N^{0}15. Con xin cha mẹ đặt nó vào trong một thùng nhỏ và gởi đi với tốc độ chậm: Đó là cái rương trống, trước hết phải lắp lại hai cửa để bên trong cái rương của con. Tất cả những thứ khác trong thùng là của con. Để bảo quản các đồ cẩn thỉnh thoảng phải chùi bằng tấm vải mỏng khô rồi bôi vào đó chút dầu ô-liu.

Cái chiêng tiếng nó rất tốt, đánh vào cái nút ở trung tâm mọi người trong nhà sẽ nghe rõ, con đề nghị mẹ dùng nó để thông báo giờ ăn.

Thứ năm 19. - Chiếc tàu đưa con về Quy Nhơn, Illyssus hiện đang ở vịnh Hạ Long, như vậy con sẽ rời Hà Nội hôm nay hay ngày mai. Chiếc Illyssus lấy thư ở Sài Gòn và đem giao ở Quy Nhơn, Đà Nẵng, Hải Phòng, chính nó phải đưa đến cho con các thư của cha mẹ, nhưng ai biết được khi nào con nhận được chúng, việc bất trắc làm nó đến chậm thật không thể tưởng được!

Cha mẹ hãy hình dung rằng vị lãnh sự Pháp ở Singapore thuyết phục thuyền thư chở thư từ của Pháp, để cho ông ta số

thư từ gởi đến Bắc Kỳ đã nói: "Hãy để cho tôi số thư từ này, ông ta sẽ để ở Sài Gòn chừng 40 ngày và nó sẽ đến Bắc Kỳ chậm, ngày mai ở đây sẽ có chuyến đi Hồng Kông, nó sẽ hướng về Hải Phòng".

Chiếc tàu phải rời Singapore ngày mai có chở thư từ người Pháp đã rời 4 ngày sau và không đến Hồng Kông từ đó nó sẽ được gởi đi ở đây, nhưng con sẽ ra đi. Thế là, trong vòng 15 ngày con sẽ có cả đống thư.

Việc lên đường của các đại đội quân Pháp được ấn định vài ngày sau khi chiếm Lạng Sơn. Đường đi rất khó, phải chờ ít nhất 4 đến 5 ngày.

Ngoài cái thùng đựng đồ cẩn mà con đã nói ở trên, cha mẹ có thể sẽ nhận các kiện hàng khác, thí dụ cái thùng áo quần và cái rương Versailles mà con yêu cầu Protard gởi đến cho cha mẹ theo tốc độ thường, cước chưa trả, vậy cha mẹ đừng ngạc nhiên khi nhận các thư thông báo nhận và trả tiền ở nhà ga tất cả những gì được gởi đến cho cha mẹ.

Đây là một thư công chuyện khá dài, thư sau con mong sẽ lý thú hơn. Hautefeuille (người anh hùng ở Ninh Bình)[1] nói với con ngày hôm qua rằng Huế, theo lời nói mọi người, là một thành phố rất đẹp, cha mẹ sẽ được thông báo nếu không phải là chuyến thư sau thì ít nhất cũng lần kế tiếp. Con luôn luôn sức khỏe, cách đây 15 ngày con cân, con nặng thêm 10kg, thật đáng hổ thẹn.

---

[1] Trung úy hải quân Hautefeuille là một trong những bạn đồng hành của Francis Gannier, anh hùng Ninh Bình, ông ta chiếm thành chỉ với 4 người lính hổ trợ. Hautefeuille là người rất hoạt náo. Từ ngày đầu tiên đến Hà Nội ông ta đã làm kinh hãi các sĩ quân ở Bộ tham mưu. Trong một trận mưa như thác thường có ở Bắc Kỳ, ông ta rời ghé văn phòng mình, cởi y phục ở hàng hiên và đi một vòng dưới mưa trong y phục của Adam; sau đó lặng lẽ trở về làm việc.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Ông Patenôtre đã đến và lại ra đi mà không thông báo cho chúng con về hòa ước mà cha mẹ đã rõ hơn bọn chúng con.

Quy Nhơn, ngày 28-6-1884

Cha mẹ thân yêu,

Giờ đây con đã ở Quy Nhơn từ hôm qua, được tiếp nhận với bàn tay rộng mở của các sĩ quan thuộc Trung đội bộ binh hải quân đang là quân trú phòng của địa điểm này. Trong buổi tối con được giới thiệu với vị Công sứ, ông Navelle, con người thông thái, lịch thiệp[1]. Con cư trú trong một ngôi nhà

---

[1] Tôi đã gặp ông Navelle trong vòng 15 ngày. Đó là một giáo sư triết lý, rất muốn được làm việc ở An-nam. Ông Rheinart có nói với tôi chuyện đó. Ít lâu sau khi tôi ra đi hoặc có thể khi tôi còn ở đây, ông ta đã tổ chức một chuyến săn voi để bắt chước các đồng nghiệp của ông, ông Rheinart và một người khác mà tôi quên tên, họ đều là những nhà săn bắn có tiếng. Ông ta đã mời các sĩ quan thuộc trạm, chiếc Vipère hoặc chiếc Lynx tham dự cuộc săn. Vị y sĩ của trung đội, Nimier, y sĩ bộ binh, hai lon một người bạn thân của tôi cũng được mời. Các sĩ quan hải quân có súng hải quân ở kho. Nimier chỉ có một khẩu súng lục. Đi vào và ẩn mình trong rừng. Họ gặp một đàn nhỏ voi. Ông Navelle bắn với chiếc súng săn cỡ lớn mà ông có và thích hợp với ông. Con vật bị bắn không bị hạ, nhưng tất cả đều rống lên khủng khiếp rồi chạy trốn khắp bốn phía. Nimier kể với tôi rằng ông ta trèo lên được một cây gần đó; nhiều vị khách của ông Navelle cũng làm như thế, và ít người trong số họ thấy các con voi. Ký ức duy nhất của họ là ký ức về một tiếng cây gãy đổ hay bị dẫm đạp.

Bác sĩ Nimier đã tranh thủ việc ông ta có mặt ở Quy Nhơn để thực hiện các nghiên cứu dân tộc học, ông ta đi tất cả những người bản xứ đến viếng chúng tôi. Tôi thường giúp đỡ ông. Ban đầu họ hơi sợ, nhưng sau họ chấp nhận tiền công mà người ta cho họ để họ để yên cho người ta làm.

cũ của các nhân viên sở Thương chánh và con sẽ ở đây chỉ 15 ngày. Lúc địa điểm này bị bãi bỏ, cách đây 4 đến 5 tháng, những nhân viên này đã biến mất, địa điểm này tái lập từ hai tháng nhưng họ vẫn chưa trở về.

Ngôi nhà này là một cái lều gỗ khá lớn, Ồ! Nhưng cha mẹ hãy yên tâm, với hai lớp trần, chung quanh đều có hàng hiên. Nó ở cao hơn mặt nền của khu nhượng địa vài bậc cấp và chia cách với con đường bờ biển phía trong bằng một ngôi vườn nhỏ. Đi mười bước trên một lối đi nhỏ hai bên trồng dừa là con đã ra đến bãi biển, thật thích ý. Nóng, đúng vậy, đôi khi thời tiết điều hòa nhờ gió biển, thổi cả hai phía, bởi vì khu nhượng địa được xây dựng trên một rẻo đất chia cắt cửa biển trong và cửa biển ngoài. Núi ở cách hai bước, đó là sào huyệt của Ông Cọp, người Việt gọi như thế, con mong ước được nghe nó gầm vào ban đêm trước khi rời khỏi xứ này.

Con cùng ăn chung bàn với các sĩ quan bộ binh hải quân ở đây, họ có một đầu bếp tuyệt diệu, và con xin cha mẹ lưu ý một chi tiết, cuối mỗi bữa ăn không những người ta đem đến cho một chén nước để rửa các đầu ngón tay trước khi uống cà phê mà người ta còn thêm trong nước một bó nhỏ cỏ thơm mà người ta dùng để làm sạch mỡ ở răng. Hả! Sau chuyện đó, cha mẹ còn nói rằng An-nam là xứ của dân man rợ nữa không?

Con đến đây với một ngân sách 5.000 frs, để lo cái vị trí ở Quy Nhơn và Huế; con mở một ngân khoảng từ 2 đến 3000 frs, theo ước tính các chi phí để sửa chữa trại lính và các ngôi nhà trong khu nhượng địa, ước tính rằng con sẽ bắt đầu ngày mai. Những việc lớn, tu bổ mái nhà, con giao cho một người Trung Hoa cư ngụ ở đây mà người ta đã nói với con, con cho ông ta lãnh khoán. Các sửa chữa khác có thể được thực hiện theo phương thức công quản do các thợ mỹ thuật của trung đội. Thợ mộc, thợ

nề v.v... họ sẽ được trả công theo giá biểu của con đem đến và họ được đặt dưới sự giám sát của một sĩ quan thuộc trung đội, mà con sẽ truyền thụ các bí quyết kế toán các công trình của công binh, một việc rất đơn giản, rồi, con sẽ giong buồm đi Huế. Như thế giờ đây cha mẹ đã thông suốt tình cảnh của con. Ở đây, hôm nay con rời cha mẹ, lần sau vào một ngày khác.

Thứ năm 3-7

Chiều hôm qua lúc 6 giờ, con thực hiện một chuyến thăm viếng khá kỳ lạ nhà sư già ở chùa Quy Nhơn, con đi với một thiếu úy của trung đội. Vừa đến chúng con được đón tiếp cởi mở, ông già khả kính này bắt tay chúng con đầy nhiệt tình. Khi vào nhà, ông ta phải ngồi; để làm cho hiểu ý, ông gần như ôm cả thân người và dẫn ta đến một cái ghế rồi khi ta đã ngồi, với hai tay ông đặt lên vai ta ấn nhẹ để ta yên vị. Việc này xong, trẻ nhỏ đến và bày đồ ăn: "chuối và trà". Khi người ta chuẩn bị trà, ông ta lấy ra một cây đàn ba dây, và ông ta chơi đàn với một tài năng đích thực. Vào một lúc đã định, ông ta tấu một điệu đặc biệt, mà ông ta chơi trong lễ lược hay rước thần. Để chứng tỏ với ông ta rằng con hiểu biết nhịp điệu đó và tiên đoán là một khúc rước thần, con bèn đứng lên, cầm lấy một chiếc gậy dùng làm cây kích và con đi ra vài vòng theo điệu nhạc. Ông ta rất thích thú và làm những cử chỉ tán thành. "Tốt quá! Tốt quá!". Ông ta nói. Ông ta trình diễn tiếp đó một bài than khóc với một tài năng đích thực, hai trong các dây đàn ông ta dùng để đánh lên lời nhạc, dây thứ ba có giọng trầm dùng để đánh nhịp hòa theo.

Thấy chúng con chăm chú nhìn các tấm bảng (đó là một chữ lớn viết nguệch ngoạc), ông ta rút ra cho chúng con xem một cuộn tranh khắc mộc bản mà ông ta cho là vật trang trí đẹp nhất trong nhà ông và đó là gồm những tranh minh họa trên báo được cắt và dán trên cuộn giấy dài và hẹp.

Chuối của họ rất ngon, chúng con đi với chủ ý để ăn vài trái xoài, mặc dù có những cây xoài đẹp nhất Quy Nhơn, nhưng không có trái.

Xoài, táo, quế là những trái cây mà con được biết ở đây, ở Bắc Kỳ không có; về trái thơm thì có nhiều ở Bắc Kỳ, tất cả những trái cây nhiệt đới này dù ngon, cũng không giá trị bằng đào và nho của chúng ta, không có gì sánh bằng hai thứ trái đó.

Cha mẹ hẳn không tưởng tượng được con đã gặp ai ở đây? Paul Jullien de St Jean, trung sĩ ở trung đội[1] . Con hy vọng chuyến đi qua đây của con sẽ là một điều tốt cho anh ta, trước hết là vì anh ta đang nản chí và con đã giúp anh ta lấy lại tinh thần, tiếp theo là vì giao dịch thân thiết với các sĩ quan của anh ta con đã nói về anh ta và người ta sẽ dùng anh ta. Hơn nữa, bằng cấp bán phần Tú tài mà anh ta có một điểm tốt. Anh ta rất có cơ lên quản cơ. Đại úy Raggio hứa với con rằng chuyện đó sẽ đến trong vòng 3 hay 4 tháng nếu anh ta khôn ngoan, con hy vọng mọi việc sẽ trôi chảy và sang năm anh ta sẽ trở về Saint-Maixent.

Công việc của con tiến hành nhanh chóng, con tìm được ở đây một thầu khoán rất đứng đắn, mặc dù là người Trung Hoa, anh ta lãnh thầu các sửa chữa lớn. Con thích cách làm này, bởi vì các giám thị người Pháp thường phải giao cho người Việt Nam, nhưng lại không mấy thông thạo ngôn ngữ.

Tạm biệt cha mẹ thân yêu, con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

---

[1] Paul Jullien, con trai của một người anh em họ của cha tôi.

Con mở lại thư con để thông báo với cha mẹ rằng toán quân nhỏ chúng ta ở Lạng Sơn vì tin tưởng vào các hòa ước đã bị phản bội và bị tấn công.

Quân tiếp viện đã lên đường kịp thời. Trong số này, Aron và phân đội (khí cầu) được sử dụng như lính công binh. Chuyện này làm cho con tiếc rằng đã rời khỏi phân đội. Ngày mai con đi Huế, luôn luôn vui vẻ và sức khỏe.

Huế, ngày 27-7-1884

Cha mẹ thân yêu,

Lần này là bưu tín viên của Huế, cha mẹ thử hình dung cái đầu của anh ta, anh ta không phải là kẻ ti tiện bởi vì anh ta giao cho con ba lá thư của cha mẹ; con thường nhận hai lá theo thói quen, lần cuối vừa qua, con chỉ có một, lá thư thứ hai không nghi ngờ gì là đã lạc ra Bắc Kỳ và vừa đến với con chuyến thư này. Bây giờ con nhận chúng 8 ngày chậm hơn ngày trước, bởi vì chiếc tàu chở chúng ở lại Bắc Kỳ 3 ngày, 3 ngày trước khi giao ở trạm Đà Nẵng và trạm đi 2 ngày từ Đà Nẵng tới đây.

Ở cái góc xứ Huế này người ta hơi bị cách biệt và ở ngoài vòng tin tức, chắc hẳn cha mẹ phải biết rõ hơn con về những gì xảy ra ở Trung Hoa; chúng con từ khi hạm đội lên đường, không có một tin tức nào cả. Người ta đang làm gì? Ném bom một hải cảng chăng? Đòi hỏi một số tiền bồi thường chiến phí nơi Trung Hoa? Đó là những câu hỏi chúng con đặt ra mọi ngày và mọi ngày chúng không được trả lời.

Tuy nhiên con cũng nhận được một lời từ thiếu tá Dupommier, ông ta nói rằng ông trở về từ Phủ Lạng Thương, nơi đây ông đã để lại anh chàng khốn khổ Aron đang bị kiết lỵ, anh ta đau khá nặng, nhưng anh ta đã khá hơn và lần lần hồi phục.

Các công việc mà con có trách nhiệm phải làm ở đây đã bắt đầu hôm 24. Con đã hơi chậm một chút trước khi ra lệnh bắt đầu, để chờ trả lời bức điện mà con đã gởi đi Bắc Kỳ, trong đó con nói rằng trong khu nhượng địa của chúng ta không còn một công trình kiến trúc nào, tất cả đều phải làm lại, và con ước tính phí tổn là đến 30 ngàn phờ-răng, con đòi hỏi có ngân sách trước khi bắt đầu. Đại tướng Millot trả lời con trực tiếp, ông gởi cho con ngân khoản 30.000 frs và con chỉ bắt đầu công tác. Ngày 23 con nhận được công văn này; ngày 24, có 150 phu bắt đầu việc đắp nền, hôm qua có 400 phu, con sẽ tăng thêm số lượng phu hầu đẩy nhanh công tác này chừng nào hay chừng đó. Con không ngần ngại bắt đầu, bởi vì con chắc chắn rằng phần này của kế hoạch thiết kế cho quân lính sẽ được chuẩn y do thiếu tá Dupommier, người mà con vừa gởi theo đường thư một bản vẽ sở đất mới của chúng ta, cùng với kế hoạch của con đối với vị trí các trại lính[1].

Người thầu khoán của con khổ thay không biết một tiếng Pháp[2]. Các căn nhà của những trại lính Việt Nam không

---

[1] Người ta có thể tìm thấy toàn bộ những chi tiết về các công trình này trong một quyển sách công bố do nhà in Berger-Levrault: "Le Service de Génie au Tonkin sous l'administration de la Marine" (Sở Công binh ở Bắc Kỳ dưới sự điều hành của Hải quân) của L.Kreitmann, 1889.

[2] Người thầu khoán này do linh mục Renauld kiếm cho tôi. Đó là một học sinh cũ của Chủng viện. Anh ta biết tiếng Latin nhưng không biết tiếng Pháp. Chỉ có một lòng tin giới hạn về sự trung thực của các thông ngôn, anh ta thử giao dịch riêng với tôi bằng chữ Latin và bằng chữ viết, vì cách đọc lệch lạc tiếng Latin của anh ta thật sự khó nhận biết. Hơn nữa, chữ Latin viết đáng chuộng hơn. Nhưng anh ta minh họa lời nói của anh ta bằng những phác thảo đôi khi rất ngộ nghĩnh và thường rõ ràng. Anh ta thấy rằng các mái của trạm lính tạm mà cho làm quá phẳng và gió mùa mưa sẽ làm trốc các lá gồi (lá kè) dùng làm mái che. Anh ta đề nghị với tôi các mái nghiêng hơn. Anh ta có lý phần nào. Bản phác thảo đính kèm nói

phải là loại mà anh ta dùng, thế nên con buộc phải thực hiện cho anh ta các bản vẽ sườn nhà, và cuối cùng anh ta cũng hiểu rõ vì sung sướng thay anh ta thông minh. Viên thông ngôn của ông Rheinart, trong trường hợp này đã làm người trung gian cho con cũng thông minh[1], mọi sự diễn biến tốt đẹp, anh ta hiểu và biết làm. Về mặt này, con yên tâm và hy vọng làm tròn một cách thỏa đáng sứ mạng của mình.

Con thường chứng kiến từ cửa sổ của mình một quang cảnh chắc chắn sẽ làm Fred vui thích, con muốn nói đến cuộc đi dạo buổi sáng của những con voi của nhà vua bên bờ sông. Người ta thường cho chúng tắm và khi người ta muốn lau sạch chúng từ chân đến đầu, người ta cho nó quỳ gối, làm thế nào để cho nước lên đến mặt. Trong tư thế này chúng cuốn vòi làm thế nào cho mút vòi ra khỏi nước để chúng có thể thở. Rồi từng lúc theo các chỉ định của người nài, chúng ngụp trọn đầu xuống nước, trong lúc này người ta vội vã rửa sạch chúng và chải mạnh đỉnh đầu[2].

---

lên những gì đã được bình luận. Tôi đã cải thiện nó chút ít những điều mà anh ta làm bên lề với lời lẽ dông dài cũng gần với điều mà tôi ấn định. Điều bất tiện khi làm mái quá nghiêng là hàng hiên sẽ quá thấp. Tôi bèn lấy mức trung bình. Nhìn chung tôi rất bằng lòng về công việc của người thầu khoán này. Vào năm 1885, sau cuộc âm mưu, khi tôi trở lại Huế, điều lo lắng đầu tiên là tìm lại anh ta. Người ta trả lời với tôi rằng Thượng thư bộ binh Tôn Thất Thuyết đã cắt cổ anh ta rồi. Ông ta phẫn nộ đối với anh ta trước hết vì anh ta đã làm việc cho chúng ta, và kế đó hiển nhiên vì anh ta là tín đồ Thiên Chúa giáo. Vì vậy, tôi không được gặp anh ta khi trở lại Huế.

[1] Ở sứ quán có một thông ngôn và một nhà nho. Các ký ức của tôi về người thông ngôn rất mơ hồ. Phải thử tìm lại, để có được các điều minh xác, các dấu tích của Idatte (bí thư lãnh sự quán, trung sĩ bộ binh hải quân) hoặc bác sĩ Mangin.

[2] Vào năm 1884, khi mà còn ít người Âu xâm nhập kinh thành (Huế), tôi thường có dịp chứng kiến các con voi chiến thao dượt, và rất nhiều lần

Con rất vui mừng được biết các cuộc khai trương thực hiện cho cha mẹ ... (rách nát). Con mong mọi việc không dừng ở đó và một trong những chuyến thư sắp tới sẽ đem đến cho con tin tức về việc chuyển nhà.

Con tức cười khi thường thấy trên các địa chỉ: "Trong trường hợp hồi hương, để thư này lại ở Colombo", các thư sẽ đến với con trong chuyến thư sắp tới có thể mang dòng phụ đề này, nhưng chuyến thư kế tiếp sẽ không như thế bởi vì con hình dung rằng tin tức về cuộc thất bại của chúng ta trên đường Lạng Sơn [phải đến] Pháp vào khoảng ngày... (rách nát).

Những nghị viên chính trực của chúng ta trong lúc này đang lúng túng trong cuộc bàn cãi của họ về luật quân sự. Ở đó, khổ thay không có những khuôn mặt lớn đủ tài năng, có uy quyền, biết thuyết phục để dẫn dắt đến kết quả tốt và điều khiển cuộc tranh luận lớn lao và quan trọng này. Thế đấy, người ta sắp cải tạo toàn bộ, chúng ta sẽ tìm ra khi trở về!

---

tôi được dự kiến các cuộc tập trận của chúng. Cuộc huấn luyện súc vật này, các cuộc đột kích trên các lính hình nộm, giữa màn khói thuốc súng, giữa tiếng pháo (người Việt cũng như người Trung Hoa đều là những thợ làm pháo giỏi), đã làm cho voi dạn dĩ thêm. Năm sau, khi tôi được tướng De Courcy gọi về Huế vào ngày hôm sau của biến cố, và khi nghe viên trung úy chỉ huy phân đội biệt phái lạp binh có nhiệm vụ chặn đường rút lui của hậu đội quân Việt Nam đã bị voi tấn công và chặn đà tiến, tôi rất thông cảm với ông ta. Ông ta thú nhận với tôi rằng quân lính của ông và chính ông rất ngạc nhiên khi thấy những con vật khổng lồ này ráng sức mà ré và thấy loạt đạn nọ bắn để ngăn chặn chúng cũng vô ích, ông ta lại thú nhận với tôi rằng họ, khi đó, không chút hổ thẹn nép mình trú ẩn khi đến được chỗ trú đầu tiên. Những con voi đó chỉ còn lại 5 con, sau khi những con khác bỏ trốn, và mấy tháng sau đó, chính tôi có dịp sử dụng chúng cho các công tác của tôi. Đó là những con vật thật sự rất thông minh, với chúng gần như người ta có thể yêu cầu tất cả những gì mà người ta muốn.

Con hôn cha mẹ ngàn lẻ một lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Huế, ngày 10-8-1884

Cha mẹ thân yêu,

Thoạt nhìn, được gởi đến trong một thành phố nơi đó người ta không biết linh hồn đang sống, thành phố cư trú do những người có thói quen khác biệt tuyệt đối tương phản với thói quen của chúng ta, và chịu trách nhiệm triển khai ở đây các công trình quan trọng, hình như khá khó khăn. Điều đó không là gì cả và khó khăn đó nhanh chóng tránh được, nhưng phải tranh đấu với những nhà ngoại giao thiếu thiện ý, họ bàn cãi và sẽ bàn cãi suốt đời chống lại điều hiển nhiên, điều này đáng chán hơn và đến với con từng lúc từ vài ngày nay.

Cha mẹ hãy hình dung rằng con sẽ đi cắm cọc vị trí các lều trại cho một trung đội trong kinh thành. Con đặt chúng ngay cả trên bờ lũy, rộng khoảng 15 mét và ở đó chúng có thể tiếp nhận ngọn gió nhẹ lạc qua Huế. Kế hoạch này con đã gởi bản sao đến Hà Nội và đã được chấp nhận, bờ thành mặt khác là góc duy nhất ở được của góc thành này.

Sáng ngày mai người thầu khoán gởi người của ông ta đến để làm việc; ông ta bị trả lại và người ta thông báo cho chúng con vị chủ tọa Hội đồng thượng thư có chuyện cần thảo luận.

Lúc đó đã 2 giờ, ông đang ở trong phòng khách khi con được gọi đến tham dự cuộc bàn cãi. Ông ta chủ trương rằng đặt những trại lính đó thì chúng cao hơn cả ngôi nhà của nhà vua, đó là điều không thể chấp nhận được. Phải bỏ qua từ đó rồi bàn cãi hàng giờ liền trước khi biết được chúng ta có thể

xây dựng được không trước khi hòa ước được tu chính. Vấn đề xây dựng ranh giới như thế nào đã bị bỏ lỡ cơ hội. Sáng hôm đó, ông quan già này đã cố ý chọc tức, nhảy từ vấn đề này sang vấn đề khác mà không cần có thể rút ra được bất kỳ giải pháp nào. Vào cuối cuộc họp, con không chịu đựng được nữa, và con nói với ông Rheinart rằng làm sao ông có thể chấp nhận những cuộc bàn cãi như thế này mà không nắm lấy năm mươi lần hai vai cái ông nhỏ bé này đẩy ra khỏi cửa[1]. Ông không biết rằng ông ta đang nhạo báng chúng ta, và nhà vua

---

[1] Ông Rheinart thấy tôi là rất"sống động", rất "nhiệt tình", có ấn tượng rất tươi trẻ, rất lý thú với tất cả những gì tôi quan niệm; ông ta luôn đưa tôi đi theo khi giao dịch với các quan Phụ chính của triều đình. Và nếu quan phụ chính Tôn Thất Thuyết là một cung cách dễ dãi thì Nguyễn Văn Tường không như thế. Sau những tranh cãi gay go, ông ta chịu khuất phục và nói vâng đối với những gì quan công sứ đề nghị với ông ta, bởi vì chỉ là ông ta không thể nói không; như thế tiếng "vâng" này không phải là khẳng định. Rồi ông ta thay đổi đề nghị và sau nhiều qua lại quanh co ông ta thường xuyên trở lại mục tiêu mà ông ta chú tâm, và lại thử lấy lại các khu Nhượng địa. A! chắc chắn rằng tôi còn lâu mới có được sự yên lặng và kiên nhẫn của ông Rheinart.

Các đối thoại diễn ra bằng tiếng Pháp, rất đáng mừng, nhưng ông Rheinart biết tiếng Việt và trong thời gian người thông dịch (thường là linh mục Thơ) dịch những câu trả lời của Nguyễn Văn Tường thì ông có thời gian chuẩn bị phần mình và để bẻ lại các luận cứ đối lập.

Vị nhiếp chính thứ nhất là một ông hoàng mà người ta không thấy bao giờ. Nguyễn Văn Tường là một người rất thông minh, nhưng mà cũng Việt Nam đến đầu ngón tay, hoặc hơn nữa quan trường phong kiến ở triều đình, buồn lòng thấy chúng ta đã giải phóng cho dân chúng ngoài mọi lời lẽ. Khi ra khỏi cuộc họp tôi thường nói chuyện với ông Rheinart về những gì vừa xảy ra và tôi rất có lời về chuyện đó. Hơn nữa vì tình cảm nảy sinh với tôi, hoặc vì để có một bạn đồng hành thông hiểu những gì mà ông đã nói và sẵn sàng giúp đỡ cho các kỷ niệm của vị công sứ, người này có thói quen làm cho tôi tham dự tất cả những cuộc tiếp xúc với các vị nhiếp chính, hoặc là chúng diễn ra ở Sứ quán, hoặc là chúng diễn ra ở trong cung điện của những viên chức này.

mới chết 8 ngày, không được sự tán đồng của chúng ta, ông ta đã đưa lên một đứa trẻ, để có thể nắm vững uy quyền. Ông ta bỏ qua hòa ước, hãy xếp xó ông ta, con hy vọng khi cha mẹ nhận được thư này mọi việc sẽ được giải quyết.

Chúng con đã nhận chuyến thư Pháp (báo chí), các thư đến Bắc Kỳ và chúng con còn chưa trở về. Chúng cho chúng con biết rằng cha mẹ đã biết tin về âm mưu ở Lạng Sơn, điều này hẳn không làm hài lòng ông Bộ trưởng, các thành công khi kiểm điểm trước Bộ hẳn còn phải tranh biện. Các cuộc đàm phán và tranh biện tại Hội nghị Ai Cập có làm tiêu tan uy lực của nó? Làm sao ra khỏi tất cả việc đó? Hiện nay mọi sự đã hầu như chấm dứt nhưng còn kéo dài nhiều ngày nữa trước khi chúng ta biết.

Báo chí cũng nói với chúng con về trận dịch tả ở Toulon và Marscille, chúng con đã biết chuyện đó qua các điện tín gửi cho báo chí ở Sài Gòn, báo chí đã nói về chuyện đó trong vòng vài lần làm cho chúng con nghĩ rằng trận dịch cũng chỉ vừa phải và nhanh chóng chấm dứt.

Con mong trận dịch không đến Livron, dù sao con cũng chờ tin đó với lòng nôn nóng.

Như theo lời báo chí, đội quân viễn chin chắc chắn sẽ qua đông ở Bắc Kỳ, như vậy con sẽ không được trở về vào ngày khai trường, đôi khi con nghĩ rằng đừng ngần ngại gởi Alfred đên Versailles, nó xa Livron nhưng việc học của nó đã bắt đầu cho đến khi tốt nghiệp tú tài, phải theo cùng một cách. Môn vật lý đã lôi cuốn nó như một điều mới mẻ và lý thú, điều đó đã làm cho nó hơi xao lãng môn toán học thuần lý, đó là điều sai trầm trọng, trong kỳ nghỉ hè phải làm việc cật lực môn hình học và số học, tất cả mọi ngày phải làm một bài toán của Briot.

Tạm biệt cha mẹ, con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Huế, ngày 25-8-1884

Cha mẹ thân yêu,

Con rất phiền lòng đối với chuyến thư cuối, không một lá thư từ Pháp. Vài ngày sau vui thay con được giải thích rằng các lá thư của con đề ở Quy Nhơn, nơi mà con đã đi khỏi từ lâu. Mặc dù vậy, vẫn có một lá thư nằm lại lâu ở bàn giấy Aden. Kể từ lá thư cuối của con đến nay nhiều biến cố đã xảy ra ở đây và báo chí đã kể cho cha mẹ biết, hẳn thế, nhưng với những chi tiết thiếu chính xác sẽ làm cha mẹ thích thú mặc dù nó đến trễ.

Như con đã nói với cha mẹ, vua cũ chết ngày 30-7 (có thể là ngày 28, con đã hơi quên các ngày cũ này) và ngày hôm sau, 1-8, người ta thông báo cái chết của nhà vua với ông Rheinart, đồng thời người ta thông báo với ông rằng kế vị đã được chỉ định đề cử[1]. Ông Rheinart với lý lẽ xác đáng - con có tham dự cuộc nói chuyện - lưu ý với vị nhiếp chính thứ hai, người chủ chốt của triều đình, rằng việc đề cử này hoàn toàn trái với ý kiến của nhà nước bảo hộ, không thể nào được nước

---

[1] Kiến Phước (Ưng Đăng, về sau là Ưng Hựu, con trai thứ ba của ông hoàng Kiến Thái Vương, người con thứ 26 của Thiệu Trị. Tự Đức, chú của ông, không có con đã nuôi ông ta làm con nuôi. Ông lên ngôi ngày 29-11-1883, sau khi Dục Đức, một người con nuôi khác của Tự Đức được vị vua này chọn để kế vị ông ta, bị phế do một nhóm các quan lớn ở trong triều); Kiến Phước chết ngày 31-7-1884. Ông hoàng mà các quan đặt lên ngôi, lấy niên hiệu Hàm Nghi. Đó là ông hoàng Ưng Lịch, em trai của Kiến Phước, nhưng ông không phải là con nuôi của Tự Đức - ghi chú của chủ bút BAVH.

Pháp chấp nhận. Ông Rheinart giải thích cho ông ta người bảo hộ là gì, người bảo hộ phải giữ được hòa bình bên ngoài cũng như bên trong, không thể để chỉ định một ông hoàng, tính cách bất thường hiếu loạn, sẵn sàng làm mọi việc phiêu lưu, vậy nên nhà nước bảo hộ cần thiết phải được tham khảo ý kiến trước khi chọn lựa. Ông hoàng mới có thể có nhiều tính chất, ông Rheinart nói, có thể đó là một cá nhân khác thường, nhưng cần phải hỏi ý kiến chúng ta trước đã, chúng ta sẽ nhanh chóng cho biết. Vị nhiếp chính tránh đi theo lối người Việt nói rằng đất nước không thể không có vua dù chỉ một phút; đó là lý lẽ sai lầm, ông Rheinart nói, bởi vì vị vua này còn nhỏ tuổi, đang ở trong tình trạng giám hộ, phải có một hội đồng nhiếp chính cai quản đất nước, đó không phải là một vị vua mà chỉ là một kẻ làm vì.

Hiển nhiên, không có phương tiện để bàn tính. Ông Rheinart đánh điện tín các biến cố này cho Đại tướng Millot và cho Paris, để xin chỉ thị. Trong thời gian này, triều đình Việt Nam luôn sợ thấy chúng ta đóng căn cứ trong kinh thành, đã ngăn cản việc triển khai các công trình đã khởi công của con, với nhiều lý lẽ người ta chỉ để cho con tiếp tục các công tác đã bắt đầu ở công trình bên ngoài mà chúng ta có[1]. Các chỉ thị của Paris đến vào khoảng ngày 9 hay 10-8 ở Hà Nội, chúng con cho rằng ông Rheinart đã hoàn toàn có lý khi phản kháng, rằng người ta đã biết vị vua được chọn và không điều bất bình đối với nhà vua và xin chúng ta ý kiến về việc lựa chọn mà họ đề nghị. Chính Đại tá Guerrier đem các chỉ thị này đến vào buổi tối ngày 13. Ông ta đem theo trung đội phòng tuyến 111 và một phân đội pháo binh để hổ trợ ông. Ngày 14 các toán quân này đổ bộ Thuận An, ngày 15, có mặt

---

[1] Công trình ở ngoài kinh thành Huế (Mang Cá)

ở Huế, và Đại tá Guerrier cùng ông Rheinart đem các điều kiện của chính phủ ta (Pháp) đến cho vị nhiếp chính thứ hai. Thấy các quân nhân đã làm yên tâm người Việt Nam, họ viết tất cả những gì người ta muốn, lễ đăng quang được ấn định vào ngày 17. Ông Rheinart, Đại tá Geurrier và hải quân trung tá Mallarmé, thuyền trưởng chiếc Tarn vừa chở quân đến đây, đại diện cho nước Pháp được đi qua cửa chính hoàng thành, cửa mà chưa một người Âu nào trước họ đã đi qua. Chính là với cửa này ngày trước các quan Trung Hoa đến ban sắc phong đi qua.

60 quân lính được tham dự lễ đăng quang, trong đó con cũng tham dự như là tùy viên ở sứ quán. Một hải quân trung úy có chụp ảnh đã lấy nhiều cảnh của buổi lễ, con hy vọng rằng cha mẹ có thể có ý kiến, vì ông ta chắc chắn sẽ gởi các bản mẫu ở Pháp. Thật là kỳ lạ. Ngày hôm đó các quan mặc các y phục cổ quái khó mà có ý kiến. Áo lụa dệt hoa mang đầy hình thêu, sau lưng có cánh nhỏ, như những con bọ rầy. Mũ cũng có cánh. Tất cả bọn họ sắp hàng theo cấp bậc trong một chiếc sân hình vuông lớn ở phía trước phòng ngai vàng. Khi nhà vua ra khỏi chỗ ở của mình và khi những người ngoại quốc có thể trông thấy ông ta (vì không ai được phép trông thấy ông ta, trừ những người hầu), tiếng kêu đồng thanh của các thái giám ở đó vang lên trong 10 phút các tiếng rên kinh hãi, họ la: "thuya"! đó là dấu hiệu khi thấy cái gì siêu nhiên[1]. Khi yên lặng đã tái lập, người chủ lễ đến thông báo, mặt cúi sát đất, rằng các đại diện của nước Pháp đến đọc chúc từ. Đại tá Guerrier cùng hai người nữa tiến đến gần nhà vua và người ta chúc nhà vua trường thọ. Tiếp đó là đến lượt các quan, họ

---

[1] Thuya! Đúng là do Cha! Cha! Cha! Từ này đối với người Việt là thán từ dùng để diễn tả sự ngạc nhiên. Nhưng từ này là của ngôn ngữ bình dân và không dùng trong lễ nghi ở các buổi tế lễ lớn ở triều đình. (Ghi chú của chủ bút BAVH).

với con số 2 hay 300, ngay hàng thẳng lối, ba lần dập trán xuống đất trước mặt nhà vua của họ đồng thời thốt lên theo nhịp những tiếng thét đau buồn, thật tức cười đến chết. Quân đội y phục lộng lẫy, voi mang y trang mạ vàng, quang cảnh bày biện rất đẹp[1].

Đó là lần đầu tiên và lần cuối cùng trong đời con được chứng kiến đăng quang một quốc vương đông phương, và con

---

[1] Lễ đăng quang này tôi có tham dự, tôi còn nhớ như mới hôm qua. Quan lại rất nhiều. Tất cả, ở trung tâm, trong hàng ngũ, họ cúi lạy, tất cả dập trán xuống đất. Ở phía phải phía trái có các con voi hoàng gia (voi ngự) trang phục lộng lẫy và phủ đến tận đất. Chúng tạo thành một hàng rào oai nghiêm và đứng yên tại chỗ. Tôi được đứng về phía trước một chút so với các quan, nghĩa là trước tầng cấp cuối cùng hay là ở trên đỉnh, tôi không còn nhớ rõ. Tuy nhiên hình như là ở trên cao bởi vì tôi có thể nhìn thấy tận cuối phòng. Nhưng, giống như ở phía ngoài, ánh sáng chói lòa, và do hiệu quả trái sáng, đáy phòng hơi ở trong bóng tối, tôi thấy đơn giản một cái ngai cao và một đứa trẻ - hay gần như thế - ngồi trên đó. Tôi nói về bức ảnh của biến cố này. Người ta cho tôi? Tôi không còn nhớ nữa. Người ta đã gởi nó đến văn phòng Bộ.

Tôi mô tả quang cảnh lễ đăng quang như tôi đã thấy. Câu chuyện đi qua cửa giữa đã đưa đến nhiều suy diễn bậy bạ và không dứt, và không có việc quân ta, các đại diện của ta tất cả đi qua cửa ngang như tất cả chúng tôi (trừ ông Rheinart, đại tá Guerrier và trung úy Mallarmé). Tôi nói: tất cả chúng ta, nhưng chúng ta không phải là nhiều: bác sĩ Mangin, Idatte và tôi thuộc sứ quán và một vài sĩ quan của toán quân đi theo; họ ở lại bên bờ sông, nhất là các pháo thủ, để sẵn sàng đối diện với mọi biến cố ... đáng buồn.

Chuyện buộc đại tá Guerrier quỳ gối mà đi chỉ là một huyền thoại. Tôi ở hơi xa, nhưng ông Rheinart rất thân cận trong nhiều tuần, tôi biết rõ chuyện đó. Đại tá Guerrier và ông Rheinart không bị một chút nhạo báng nào về những vấn đề nghi thức.

Về lễ tức vị của Hàm Nghi, xem BAVH, 1917, tr. 77-88: "L'intronisation du Roi Hàm Nghi", (Lễ tức vị của vua Hàm Nghi) của Le Marchand du Trigon - cũng xem: "Comment on écrit l'histoire: Réception du colonnel Guerrier à la Cour d'Annam, le 17 avoût 1884" (người ta viết lịch sử như thế nào: cuộc tiếp đón đại tá Guerrier ở triều đình An-nam, ngày 17-8-1884) của H.Cosserat. BAVH, 1924, tr. 273-297. Ghi chú của chủ bút BAVH.

không bao giờ dâng hiến vị trí của mình cho một đế quốc. Và con hy vọng rằng các sĩ quan được ưu tiên có tham dự lễ này có được may mắn! Người ta ban thưởng huy chương Việt Nam cho chúng con! Con vội vã thêm rằng đây là một huy chương không được xác nhận do đại pháp quan, mà người ta không mang nó, nhưng cha mẹ sẽ thấy bằng cấp của con và huy chương đầu tiên của con, con hy vọng thế[1].

Người ta cũng lợi dụng sự hiện diện của một lực lượng đáng kể ở đây để chiếm kinh thành. Các toán quân được an vị ở đó tàm tạm, bởi vì các trại mà con làm chưa xong. Thứ hai sau khi con có thể giao trại lính cho 200 người.

Sức nóng bắt đầu bớt mạnh, con luôn sức khỏe, ngày mai con sẽ đi núi với vị bác sĩ.

Chúng con sẽ đi săn bò rừng, có thể cả voi. Chúng con sẽ đem theo khẩu súng Gras và một khẩu cỡ lớn phóng đạn nổ hay mũi bạc.

Lần sau cha mẹ sẽ rõ các chiến công về săn bắn của con, nếu có được chiến công.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

---

[1] Xem, bằng sắc huân chương ban cho tướng Jullien. Đây là bản dịch của văn bản này:

"Nước Đại Nam, viện Cơ Mật, vì kính trọng việc quốc gia, tuân lệnh của hoàng đế chúng tôi, ban cho sĩ quan điều hành các công trình, trung úy nước Đại Pháp, Du Liên, một đồng tiền bằng bạc, theo đòi hỏi của sắc lệnh này chúng tôi thành lập bằng sắc này.

Trên đây là bằng sắc mà sĩ quan điều hành các công trình, trung úy nước Đại Pháp, Du liên, giữ để làm bằng.

Niên hiệu Kiến Phước năm thứ nhất, tháng 6, ngày 27 âm lịch (17-8-1884) ghi chú của chủ bút BAVH.

Huế, ngày 6-9-1884

Cha mẹ thân yêu,

Con ngạc nhiên rất nhiều thấy cha mẹ luôn không có tin con, con vừa lục túi tiền của con và tìm được một giấy thu bưu phiếu 200 frs, lấy và gởi ngày 3-5; như cha mẹ đã nói với con, chuyến thư tháng năm không đem đến cho cha mẹ tin tức gì của con, con biết chắc rằng con đã viết vào ngày đó. Một lần các cuộc hành quân chấm dứt con đã không quên một chuyến thư nào. Hãy làm con yên tâm trong mọi trường hợp về số phận của tấm bưu thiếp 200 frs này, bưu phiếu đầu là 300 frs, con biết cha mẹ đã nhận nó, nhưng cho đến hôm nay không còn như thế nữa đối với bưu phiếu thứ hai, trong mọi trường hợp con còn giữ cùi biên nhận.

Lần trước con rời cha mẹ và lên đường đi săn, Berthe[1] có thể đang chờ kể chuyện, sau đây là theo ngôn ngữ điện tín: lên đường ngày 27-8 lúc 4 giờ chiều. Bác sĩ Mangin, con, người hầu của bác sĩ, một tống thơ văn Tòa khâm (hai nhân vật này người Việt), Diane, con chó cái xinh của con, tạo thành nhân vật của cuộc hành quân.

Vật dụng chúng con mang theo: 2 súng trường carabin nòng có khương tuyến, bắn đạn nhọn mũi bạc hay đạn nổ, đó là vũ khí của bác sĩ; về phần con, con có một khẩu Lefahu cheux bắn đôi, với bao đạn (cartouche) 10 cho đến đầu đạn, và nhất là một khẩu Gras của lính. Hiện giờ có hai tấm đệm Cam bốt và các thứ lương thực. Phương tiện chuyên chở gồm một thuyền, các phu khuân vác thuê trước do sự chăm sóc của một vị thừa sai ưu tú, linh mục Renault[2] đã chờ chúng tôi ở

---

[1] Berthe, chị tôi không lấy chồng, sống với cha mẹ tôi ở Livron.

[2] Linh mục Renault đối với tôi rất ích dụng, và rất khoan dung. Vào 1884, ông đến Huế để tổ chức một đài quan sát (thiên văn, khí tượng) hay

bến đò. Trong khoang giường của chúng con được đặt cạnh nhau, trong khoang sau thuộc người hầu của chúng con; thuyền có 4 tay chèo, trong đó một là lính Việt. Trời tối, và chúng con bắt đầu xuôi dòng sông Huế để tìm chỗ hợp lưu của một chi lưu để rồi theo đó mà đi lên tiếp. Như thường lệ, sự vui sướng được diễn dịch bằng lời ca tiếng hát và đôi bờ sông vô cùng ngạc nhiên khi nghe và thấy một toán nghệ sĩ nhạc kịch, còn chưa được công diễn ở Việt Nam về lâu về dài. Chúng con ăn tối lúc 7 giờ, hơi phiền một chút vì khói nấu bếp, nhưng thôi! Thần thái vui vẻ luôn có lý cũng như các bất tiện nhỏ. Chúng con để mặc cho giấc ngủ đến dần, thường lơ đãng nhưng cần phải thúc đẩy các tay chèo đang muốn làm theo chúng con. Chúng con không chậm trễ nhận thấy rằng

---

đúng hơn một trường nghiên cứu khoa học, và đã đem theo nhiều dụng cụ máy móc quang học và vật lý. Ông đã theo các lớp tại trường Cầu - Đường (Ecole des Ponts et Chaussées), đó là điều ông Rheinart nói với tôi. Khốn khổ thay ông ta không thực hiện được dự định của mình. Ông ta có những sắt chữ T, dùng để xây dựng đế làm ngồi. Tôi mua chúng từ ông. Chúng có hơi ngắn nhưng tôi đã dùng chúng để xây nhà cho các sĩ quan gần sứ quán.

Linh mục Renault rất thân với ông Rheinart và ông thường đến sứ quán. Sau bữa ăn ông Rheinart thắp ống điếu và chúng tôi chơi bi-da. Tôi chưa bao giờ chơi bi da nhiều như khi ở Huế. Đó là một cách giải trí. Cha Renault và tôi đều là kẻ vụng về. Chỉ có Idatte, vị bí thư lãnh sự quán, là hảo thủ. Tôi cũng có đi thăm cha Renault ở tòa giám mục. Tôi đi ngựa đến đó.

Vào năm 1885, ông ta bị giết lầm bởi một viên đạn Pháp. Ông ta ở trên thuyền, và đi xuống sứ quán, đang đọc kinh cầu nguyện. Vì ông mở miệng khi viên đạn trúng ông, xuyên qua hai má và đi ra gần như vô hại. Các lính gác Pháp trên thành giai của kinh thành không nhận ra ông. Ông rất có ích cho tôi trong nhiều tình huống, và tôi rất biết ơn ông.

Jean Nicolas Renault, sinh ngày 1-5-1839 ở Anderny (Meurthe-et-Moselle), đi Huế ngày 26-11-1867. Ông lập ở Cổ Bi, gần Huế, một trại mồ côi, giữ nhiệm vụ Tư tế quân đội vào năm 1885 và lo các nhiệm vụ thông ngôn. Ông là người đầu tiên của Đại chủng viện khi ông qua đời ngày 11-3-1898. (Ghi chú của chủ bút BAVH).

họ không thông thuộc con sông, và đến một giờ sáng chúng con hoàn toàn thất bại, chúng con ai cũng xuống nước và sau nhiều cố gắng chúng con lại bắt đầu làm cho thuyền lướt sóng. Khi lên cao lại phải qua một con thác, các tay chèo vụng về của chúng con cùng thoát được; cuối cùng sau khi chờ đợi lâu chúng con đến bến lúc 8 giờ sáng. Các phu khuân vác đáng ra phải đợi chúng con, đã đi từ lâu, tuy nhiên chúng con cũng tìm ra được 3 người để mang vũ khí cho chúng con, và chúng con lên đường và để người hầu ở lại có trách nhiệm tìm ra họ để lo cho các vật dụng.

Trong cuộc săn, sung sướng thay trời im, tuy nhiên vào giờ này mọi cuộc săn bắn phải chấm dứt, mặt đất nhiều bùn lầy, và chúng con đã vượt qua hơn một vũng lầy trên lưng những người Việt của mình. Mặt trời đã sớm dự phần và làm cho bước đi trở nên nhọc mệt, tuy nhiên vào khoảng 10 giờ, với nửa giờ từ điểm đến chúng con thoáng thấy từ khá xa, ở chân núi, những vệt đen chuyển động, đó là những con bò rừng. Quang cảnh đó làm chúng con nổ lực thêm, và chúng con băng qua đồng cỏ hướng về phía chúng; khi áp sát, chúng con cẩn thận để không bị đánh hơi; nhờ một bụi cây chúng con tiến đến cách đám thú 80^{m} đến 100^{m}, rồi chúng con sắp đặt để bắn, và cả hai chúng con đều nhắm vào cùng một con thú, và chệch vào vai. Con vật nhận hai viên đạn, ngẩng đầu lên như tự hỏi tiếng động này có nghĩa gì; rồi nó được con khác thay thế, và cũng được chào đón bằng hai viên đạn; cả đoàn thú bỏ chạy nước kiệu, chịu bỏ lại hai gánh nặng mới cũng quyết định phi nước đại. Chúng băng mình vào núi mà rừng cây dày đặc ngăn chặn mọi truy đuổi. Các con bị thương sẽ gục ngã ở đâu đó và trở thành mồi của mãnh thú, đối với chúng con, chúng đã mất.

Chúng con trở về nhà, mệt lử, đi bộ như thường lệ trong các chuyến đi săn này; người bồi và hành lý đến tức thì, và

sau một bữa ăn bổ dưỡng chúng con nghỉ trưa để lấy lại sức. Chúng con lại đi lúc 4 giờ, do một người Việt dẫn, anh ta nói rằng một đoàn bò đang ăn cỏ gần đó. Sau 45 phút đi bộ chúng con thấy chúng nhưng chúng con phần nào đã bị lộ, vị bác sĩ hơi hấp tấp, tưởng lầm chúng bỏ đi nên đã nhả hai phát đạn trước khi con kịp nhắm, chúng biến mất trong rừng rậm và chúng con bèn đi tắm nơi con suối cách đó hai bước. Khi đã tươi tỉnh và nghỉ ngơi, chúng con lên đường trở về, lúc đó 5 giờ 30, nhưng khi gần đến, chúng con lại thấy một đoàn mới. Thật gặp may mà thành công, chúng con tiến thẳng đến chúng, cách một khoảng chúng con chọn vị trí như thường lệ, ở dưới gió và cởi y phục sau bụi cây. Như lúc sáng chúng con đến cách 80^{m} đến 100^{m} và chúng con chọn con thú của mình. Con quỳ gối để có đường ngắm chính xác với cây súng Gras của con, rồi chúng con khai hỏa, con bắn khi làn khói thuốc súng của vị bác sĩ cho phép con ngắm chính xác; viên đạn đầu con bò chỉ ngẩng đầu, phát đạn thứ hai, cả đoàn bỏ chạy. Nhưng cách đó 50^{m}, chúng con thấy cả một đống đã bị hạ nằm trên mặt đất, đó là con bò bị thương, chúng con bắn thêm 3 hay 4 lượt nữa để kết thúc nó và chúng con đến chiêm ngưỡng thành quả của mình. Đó là một con bò đẹp, cao $1^{m}70$ tính đến vai, nó bị một phát đạn nổ của bác sĩ ở sườn, và một trong những viên đạn của con, viên đầu tiên làm nó bể xương sống, ăn vào cột sống và làm nó ngã quỵ, con được coi là đã giết nó và người ta gọi nó là con bò của con. Để có được chúng tuyệt đối phải có một viên đạn đặt đúng chỗ như viên đạn của con chẳng hạn. Vị bác sĩ kể cho con nghe rằng ông đã thấy và đã hạ vào lúc cuối ngày với hơn 10 viên đạn trong thân thể, chúng có sức sống đáng ngạc nhiên. Hoàn toàn vui sướng chúng con trở về trại...

Không có gì mới để kể cho cha mẹ, công việc của con vẫn tiến triển và con mong sớm trở về Bắc Kỳ; vị khâm sứ mới đã

được bổ nhiệm và đại tướng Millot trở về. Không ai ở đây biết ông Lemerre, con không thể nói với cha mẹ những thẩm định của mình về ông ta.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Sức khỏe của con tuyệt vời, khi nào thì cha mẹ thông báo cho con đã chấm dứt trận dịch tả này?

Huế, ngày 25-9-1884

Cha mẹ thân yêu,

Đã lâu rồi con không được tin của cha mẹ. Chuyến thư cuối đã bị giữ lại ở kênh đào Suez gần bốn mươi ngày, và chiếc tàu tuyến đường phụ như thường lệ phải đem nó đến cho chúng con; như vậy nó không có gì để đem đến cho chúng con; chuyến tàu cuối chở nhiều thư nhưng nó ở Bắc Kỳ và chỉ đến với chúng con ít nhất cũng 5 đến 6 ngày, thư cuối của cha mẹ đề ngày 17-7.

Berthe có thể đang chờ phần tiếp theo câu chuyện của con, em nó cũng tỏ ra sành ăn. Con không còn nhớ đúng con đã kể đến đâu, chúng ta hãy cứ cho là đang đêm, sau khi ăn chúng con đi ngủ, trời sáng trăng thật đẹp, ánh sáng tràn vào cửa để ngõ, để thoáng gió. Thình lình chúng con nghe nói chuyện thầm thì của mấy người Việt, chúng con hỏi người hầu cái gì thế. Đó là ông chủ nhà muốn đóng cái cửa nơi con nằm để khỏi sợ ông Cọp vào nhà. Không, chúng con bị ngột, và rồi nếu đôi khi có xảy ra những cuộc viếng thăm ban đêm đó cũng hiếm và đáng mừng. Con quay sang phía khác và thử ngủ, con bỗng nghe một tiếng động nhỏ,... cũng thú nhận rằng chuyện cọp này cũng làm cho giấc ngủ của con bị khuấy động.

Ngày hôm sau lúc sáng sớm, đứng dậy là chúng con đi săn, nhưng không còn bò nữa, tuy nhiên vị bác sĩ cũng bắn nhưng không trúng một con mang làm nó nhanh chóng chạy trốn trong đám cỏ cao. Chúng con trở về theo một phía khác, nhưng không còn thấy những con thú 4 chân nữa. Thình lình người ta nghe tiếng xào xạc trong rừng, cái gì thế? Một con bò, một con voi? Trong khi vị bác sĩ đi quanh một vòng con ngồi lại ở chỗ núp, súng trên tay, người phu đứng sau lưng con cũng cầm súng, con chờ gần ba khắc giờ. Không có gì, vị bác sĩ trở về, mặt trời nắng gắt, chúng con lên đường trở về, và yên nghỉ trên những thành công của buổi sáng.

Để trở về chúng con đã theo một con đường khác với con đường đã đến, chúng con cho vật dụng (cắm trại) xuống thuyền, nó lại xuôi dòng để rồi lại đi lên theo một nhánh sông khác, chúng con nhắm hướng theo nhánh sông này. Nhưng chúng con phải đi hơn 15 km trong đồng cỏ dưới trời nắng như lửa đốt, nên phải dùng ngựa, và thế là chúng con ngồi trên yên đi theo có 3 phu cầm vũ khí. Trên đường, con gặp một con chim ưng trong tầm tay, nhưng nó kịp bay khi con đặt chân xuống đất, anh chàng vụng về! Ở giữa đường đi, có một toán giáo dân Thiên Chúa giáo do một linh mục người Việt dẫn đầu, ông ta không biết tiếng Pháp nhưng bập bẹ một thứ Latin thấp kém (bồi bếp), chúng con uống trà ở nhà ông ta, và ông ta cung cấp cho chúng con một người dẫn đường để đưa chúng con đến con suối nước nóng, mục tiêu của chúng con khi đổi hướng... Suối nước ở dưới chân núi, chảy mạnh thành một ngọn suối nhỏ rất trong, mà con chó cái của vị bác sĩ bơi qua, nhưng khi vừa đến nó bỗng bắt đầu tru lên. Con tiến đến gần các tiếng tru, không để tay trong nước khá nóng này.

Thình lình, trong khi vị bác sĩ múc đầy các chai nước của ông, chúng con nghe nhiều tiếng kêu kinh hoàng, rồi một

tiếng súng. Sự việc xảy ra cách chúng con 1^{km}, vị bác sĩ bỏ các chai nước của ông và nạp đạn súng của mình. Vùng này ít nghe tiếng súng (không ai có súng, không như ở Oeil de Faucon), cái gì có thể đã xảy ra? Chúng con lại lên ngựa và chạy tới chiến trường, cái gì thế? Đó là một "Ông Cọp", vừa mới vồ một con bê, còn để dấu vuốt và răng trên cổ, nhưng rồi tiếng la của mấy người Việt làm cho nó phải thả mồi, vị mục sư có súng đã làm cọp hoảng sợ và "Ông Cọp" đã ở xa trong núi, chúng con đã đến quá trễ. Con tiếc vô cùng bởi vì con hiếm có cơ hội để gặp cọp, không có Bidel hay người hướng đạo nào, dạo chơi qua cánh đồng, "quærens quem devoret".

Sau khi nói lời từ giã với những con người dũng cảm này (những giáo dân Thiên Chúa Giáo), họ tiếp nhận người Pháp với vòng tay rộng mở, chúng con lại lên đường và cuối cùng lúc 7 giờ ½ tối chúng con đến bờ sông nhưng không thấy thuyền! Con bèn bắn chỉ thiên một phát súng lục và chúng con liền vui mừng trông thấy thuyền và sau một bữa ăn ngon, chúng con nằm ngủ trong tiếng đều đều của mái chèo với giấc ngủ của người thấm mệt. Sáng ra, chúng con lại đối diện với công việc của mình, con đi xuống để ra ít lệnh, và cuối cùng chúng con về sứ quán, vui thích với cuộc dạo chơi của mình.

Đó là những chi tiết, hẳn em không bằng lòng, Berthe nhỏ bé! Người ta vừa mới giao cho con công việc, con vừa được Tổng tham mưu giao nhiệm vụ trang bị vũ khí ở Thuận An và Huế, vì thế con buộc phải đi Thuận An, tại đây con đang xây dựng các nền bố trí đại bác cho 6 đại bác 16 c/m. Đó là một công trình khá lớn, ở đó con dùng 30 thợ người Việt và 3 thợ nề người Pháp. Hôm kia, con đã thiết trí công tác này, sau khi chọn vị trí cho khẩu đại bác, kết hợp với viên trung úy pháo binh, ông ta ở Thuận An. Ngay với Huế, chính con thực hiện kế hoạch trang bị vũ khí, người ta chấp nhận ngay kế

hoạch đó, thế là con sẽ thiết trí sớm tất cả đội pháo binh này. Đó là một trách nhiệm lớn, để xác định trang bị vũ khí cho các vị trí phải thực hiện không nhiều cũng như không ít; con thường rất ít do dự, không có vì tệ hại hơn do dự lâu, trước mùa đông chúng con phải có 10 khẩu sẵn sàng để bắn, 4 khẩu 16 c/m, 6 khẩu 12 c/m, cọng thêm 2 khẩu pháo hồi chuyển (canon revolver), 2 khẩu đại liên để phòng vệ cạnh sườn và 4 khẩu sơn pháo để đi ra ngoài nếu cần; với chừng đó người ta có thể nghiền nát kinh thành trong vòng 1 giờ. Hãy nói với chúng họ đến bây giờ, những người Marseille chúng ta thường nói như thế[1]. Mặc dù những công trình lý thú này đều do con

---

[1] Sau đây là một câu chuyện liên quan đến các khẩu đại bác này và chuyện này cho ta một ý niệm về những khó khăn mà chúng tôi gặp phải.

Đó là năm 1884. Tôi vừa nhận các khẩu đại bác dành cho số trang bị của nhượng địa trong kinh thành. Nhượng địa này dành cho việc giúp người Việt Nam chống giữ kinh thành đối với các quân thù bên ngoài: quân Trung Hoa, quân Cờ Đen, quân phiến loạn. Từ "phiến loạn" chỉ là cách nói, ông Rheinart nói với tôi như thế. Thật ra, chính là để chống lại quân Việt Nam mà các khẩu đại bác này được bố trí. Tuy nhiên miệng súng đại bác quay về hướng đồng ruộng.

Một ngày đẹp trời, Thuyết hốt hoảng đến đập cửa nói rằng ông ta muốn từ chức, rằng ông ta biết người ta chế nhạo ông rằng các khẩu đại bác này chỉa thẳng vào cung v.v... Ông Rheinart cho gọi tôi và hỏi tôi chuyện thế nào và làm sao người ta trấn an tất cả chuyện này. Không có gì đơn giản hơn là cho nó quay về hướng đồng ruộng. Anh được giao nhiệm vụ để lo trình diễn chuyện đó. Thật rất dễ, xin hoàn thành mỹ mãn. Tốt! Tôi sẽ gọi người đại diện của Thuyết.

Và chuyện được tiến hành. Vị quan chỉ huy ở kinh thành (tôi quên tên và tước hiệu ông ta, nhưng với chúng tôi, những quân nhân, chúng tôi biết rõ đó là người chỉ huy ở kinh thành), ông Rheinart và tôi, chúng tôi đi đến vị trí các khẩu tiểu pháo đã nói. Trước khi giở tấm da che ra tôi đoán chắc rằng các khẩu đại bác hướng về phía đồng ruộng. Và rồi trước mặt viên quan tôi giở tấm da che lên. Tôi đặt ngồi lên đế của đại bác một viên hạ sĩ quan pháo binh, người này đặt báng súng đại bác vào vai, và cùng với ông Rheinart và vị quan chỉ huy kinh thành chúng tôi quan sát các khẩu đại bác. Viên quan Việt Nam rất vui về cuộc viếng thăm này và sung sướng về

phác thảo và chỉ còn chờ chấm dứt, con cũng xin trở về Bắc Kỳ. Các toán quân di động sẽ lại bắt đầu, con có nhiều khả năng có mặt ở đó, công việc xây dựng và làm công sự sẽ là phần lớn sự nghiệp của con ở Pháp, để thay đổi con thích công việc trong quân ngũ ở đây.

Hình như các kinh nghiệm của đại úy Rheinart với khinh khí cầu điều khiển được của ông đã hoàn toàn thành công. Một bài báo nhỏ của tờ Voltaire ngày 13 -8 khi điểm tin về chuyện đang đề cập, đã nói về Aron và con, người ta cho con là tùy viên ở Sứ quán Huế, con không biết từ đâu ra chuyện đó, dù tên con ở đầu ngọn bút, con mong được yên tâm về chuyện đó. Phải tránh xa tiếng đồn trên báo chí may thay người ta chỉ nói một tý về con, con chưa được đọc bài báo đó.

Và Fred của chúng ta con nghĩ rằng em con sẽ cho con biết về nhiều giải thưởng đã nhận, nhưng hãy coi chừng, đừng lơi lỏng môn Toán vì môn Vật lý mà em đang thích. Vật lý đó chỉ là thứ yếu, đối với các môn chủ yếu thì môn Toán vẫn ngự trị trên cao. Thử lấy cái bằng Tú tài cho anh như các chiến sĩ hải quân dũng mãnh của chúng ta đã đánh đắm hạm đội Trung Hoa chỉ trong 7 phút.

Con hôn tất cả ngàn lần.

Đứa con trai hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Đại úy Aron vừa qua ốm nặng ở Hà Nội nay đã bình phục.

---

những gì đã được thấy. Chúng tôi cả ba người bèn đi đến chỗ ông Thuyết đang đợi chúng tôi. Viên quan báo cáo sự việc. Ông Rheinart nghe hiểu những gì ông ta nói. Thuyết hoàn toàn bị thuyết phục và nói lời xin lỗi rồi mời chúng tôi một tách trà. Sự cố chấm dứt, nhưng ông Rheinart còn lợi dụng chuyện đó để làm cho ông ta thấy rõ những bất tiện khi thêm thắt vào những chuyện nhảm nhí đó. Thuyết hứa sẽ bình tỉnh hơn về sau.

Huế, ngày 8-10-1884

Cha mẹ thân yêu,

Khi cha mẹ nhận được thư này con không còn ở đây nữa và thư kế tiếp của con sẽ đề ngày ở Hà Nội. Thật thế con đã xin thiếu tá Dupommier, do chuyến thư cuối, gọi con về Bắc Kỳ, vì dù sứ mạng của con ở đây chưa hoàn toàn chấm dứt nhưng cũng đã gần xong và con muốn lợi dụng chuyến trở về của chiếc tàu đã đưa đến đây vị chỉ huy mới: "Ông Lemaire". Đơn xin của con đã sớm được giải quyết bởi vì con mới nhận được công điện chấp thuận của đại tướng Brière de l'Isle. Con sẽ rời Huế cùng thời gian với ông Rheinart khi ông trở về Pháp. Ông ta đã cưới vợ trong lần nghỉ cuối, hôm kia ông nhận được điện tín báo tin ông có con trai, dĩ nhiên ông rất vui mừng về thăm nó; phía con, con cũng vui lòng thấy ông Rheinart làm thế!

Tất cả các căn trại trong thành nội mà con thiết trí cho một đại đội sẽ hoàn tất vào ngày con lên đường, chỉ còn lại bức tường ranh giới bao quanh khu Nhượng địa của chúng ta, công trình này đã tiến hành nghiêm túc, các công tác lớn đã xong, chỉ còn lại những chi tiết không đáng kể sẽ được hoàn tất. Tác phẩm đầu tay mà người ta để lại luôn đem lại vui thích, phải chăng đó chỉ là một chút kiêu hãnh trước khi ra đi, con sẽ chỉ rõ tất cả những trại này cho người kế nhiệm nếu có một người đến[1].

---

[1] Trong lần đầu tiên tôi đến Huế này tôi có nhớ một kỷ niệm kỳ lạ. Cho đến lúc đó, ít có đàn bà Pháp có dịp hoặc là được phép vào kinh thành Huế. Vào năm 1884, khi tôi làm việc với ông Rheinart, một ủy viên Bộ hải quân cấp bậc đại úy làm việc ở Thuận An đến Huế, có người vợ đi theo, bà Brondy, một người da trắng sinh ở Martinique hay ở Guadeloupe, khá xinh đẹp. Bà ta muốn được dẫn vào kinh thành; việc xin phép được thực hiện và

Con rất thích thú khi trở về Hà Nội, được gặp lại Aron, Lalès trung thành của con, và tất cả các lính công binh khác. Con nói tất cả nhưng còn thiếu một khi kể tên và đó là một người lính khỏe mạnh nhất. Trên đường đi Lạng Sơn, anh ta ngã xuống thành một đống, anh ta bị đột tử vì trúng nắng; đó là một thanh niên dũng cảm, nếu con đã có mặt ở Bắc Kỳ con có thấy địa chỉ của gia đình anh ta trong sổ của anh ta và con sẽ có thể viết một lá thư ca ngợi anh, nhưng con nghĩ rằng Aron đã nghĩ đến việc đó.

Chính là do những tờ báo cuối cùng mà các tin tức ở Trung Hoa, những tin tức chi tiết nhất đã đến với chúng con, ở đây người ta không biết gì cả. Đối với mục tiêu đang theo đuổi

---

cũng được chấp thuận không chút khó khăn. Bởi lẽ tôi thông thạo thành nội nên người ta yêu cầu tôi đi cùng ông bà Brondy. Idatte, thư ký sứ quán, cũng tham dự chuyến viếng thăm này. Nhưng khi chúng tôi đặt chân đi dạo trên phố, thì tiếng đồn lan ra nhanh chóng như thuốc nổ rằng "một bà đầm" đi dạo, và một đám đông người vây quanh chúng tôi. Họ làm chúng tôi vô cùng trở ngại nên thấy có mấy người lính Việt Nam trong đám đông, tôi nhờ người thông ngôn nói giúp để họ làm lính gác cho chúng tôi hầu tách xa những người hiếu kỳ trơ tráo. Bà Brondy dù có phần nào khó chịu nhưng cũng không kém thỏa lòng tự hào về cái ấn tượng mà bà gây nên. Để chấm dứt những màn trình diễn - rất thân thiện này, tôi đi vào nhà một người giàu có cùng với cả đoàn, người này đã có cung cấp vật liệu cho tôi. Và chúng tôi được chủ nhà mời uống trà. Chúng tôi ở đây một lúc thì có một ông quan vốn là một ông dòng dõi hoàng gia, xin phép được đến để "xem" một quý bà người Pháp. Việc chấp thuận không có gì khó khăn, và ông hoàng đi vào. Ông ta nói chuyện với một người đàn bà Pháp trước khi chết. Ông ta cũng tỏ vẻ tán thưởng sắc đẹp của bà Brondy, đó là điều hiển nhiên và ông ta cũng thật sự kín đáo và là khách tốt. Một lát sau, chúng tôi ra đi, đám đông đông thêm và đợi chúng tôi rồi cùng đi với chúng tôi đến tận thuyền, một vài người đàn ông lẫn đàn bà bước xuống nước đến nửa ống chân để ngắm nhìn cho lâu và cho gần "bà đầm". Cuộc viếng thăm này và chuyện thành công này, chúng tôi không quên đem ra đùa giỡn để ghẹo bà Brondy - đã để lại trong tâm trí tôi một kỷ niệm rất sống động.

cũng không biết gì. Người ta có vẻ muốn oanh tạc một địa điểm trên bờ biển để phá hủy một công trình quan trọng rồi nói với người Trung Hoa: Này! Bây giờ quý vị đã bằng lòng về tiền bồi thường chiến tranh chưa? Không! Thế là người ta lại tái diễn cuộc hành quân.

Chúng ta đã ở vào ngày 11-10, Fred đã được 16 tuổi, nó phải vào trung học, con đề nghị viết cho nó để nhắc nó năm nay phải lấy được bằng tú tài như lấy thư ở bưu điện. Con sẽ tìm chút quà mọn để kỷ niệm em 16 tuổi, nhưng đừng đụng đến các mũi tên tẩm thuốc độc! Ở đây không có thứ đó.

Cuối cùng, chúng ta rồi sẽ thấy. Về phần mẹ, mẹ thân mến, mẹ sẽ tìm thấy hơn một món đồ chơi cho mẹ trong số con sẽ đem về, nhưng chỉ là của mẹ và không là của ai khác. Đối với Blanche con sẽ cho làm một cái khung giống với cái của Alice, và cũng để cho Berthon trong cùng một dịp, vì con không nghĩ rằng sẽ tìm được thứ đã làm sẵn. Trong nhiều lần thăm các thợ khảm con không bao giờ lưu ý đến cái mà con đã mua cho Alice để khen ngợi, nhưng con muốn một đứa con trai cơ!

Hãy làm cho con yên tâm mau về cơn dịch tả, bây giờ hiện nó ở Drôme, con đang chết khiếp chờ đợi chuyến thư sắp tới.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Thuận An, ngày 22-10-1884

Cha mẹ thân yêu,

Giờ đây con ở Thuận An đã 8 ngày, hằng ngày nôn nóng chờ đợi lên đường nhưng nó chưa điểm. Chiếc tàu - chiếc

Pluvier chở chúng con: bà Lemaire, ông Rheinart ở Đà Nẵng, một vài sĩ quan và con ở Bắc Kỳ, vẫn còn ở cửa sông chờ cho dải cát ở cửa sông qua được. Cửa khẩu khá hẹp, dù biển lớn, không thể đi qua. Từ ngày 10-10 đến ngày 21 trời mưa suốt, mặt trời chỉ lên có một lần. Gắng sức mà không được, hôm qua bà Lemaire và ông Rheinart đã lên Huế. Họ thật xui, sáng nay trời đẹp, biển lặng, đã 8 ngày chờ đợi đây là ngày duy nhất người ta có thể đi qua và chúng con đã lỡ dịp[1].

Con để trong thư này một bưu phiếu 500 frs, đừng quên lấy biên nhận cho con. Lần sau con sẽ gởi một bưu phiếu cùng số tiền, cha sẽ để 1000 frs đó như cha đã biết, để con nhận lại lúc trở về. Ở đây con sẽ dễ dàng để dành (tiết kiệm) tiền, lương ròng của con ở Bắc Kỳ là 408 frs mỗi tháng, công tác ở Huế con được thêm 12 frs mỗi ngày, vị chi 360 frs mỗi tháng, tổng cọng con được 768 frs mỗi tháng, đó là một số lương khá cao như cha mẹ thấy.

Hàng ngày chúng con được nghe về những thành công mới của đại tướng Négrier hay những tin khác ở Bắc Kỳ, con nghĩ rằng cha mẹ hẳn biết tin sớm hơn chúng con, điều duy nhất con lấy làm tiếc là đến hơi chậm một chút, nên mọi chuyện đã chấm dứt hay gần chấm dứt.

---

[1] Chiếc Pluvier khởi hành đi Đà Nẵng, nơi đây nó sẽ chở ông Rheinart, bà Lamaire và tôi. Trời xấu, sóng rất lớn, và thời giờ gấp rút, chuyến tàu phải chờ ông Rheinart và bà Lemaire từ Đà Nẵng đi Sài Gòn. Chiếc Pluvier thử ra đi lần đầu tiên nhưng chúng tôi bị mắc cạn ở dải cát cửa sông. Người ta chỉ có thể cho máy chạy lui và trở về trong phá. Hãnh khách mất kiên nhẫn. Sau vài giờ, gió và sóng hình như đã lặng. Chiếc Pluvier thử một lần nữa khởi hành và lần này ra đi thành công. Nhưng lúc ra ngoài khơi chúng tôi gặp một cơn sóng biển lớn khủng khiếp. Chiếc Pluvier là một tuần dương hạm chạy bằng bánh xe trong máy không bao giờ ở trong nước. Lộ trình này chúng tôi phải mất 4 giờ, và không một ai thoát khỏi say sóng, ngay các sĩ quan hàng hải.

Đã lâu rồi con không có tin cha mẹ, anh chàng nhân viên bưu điện mà con quen ở Hải Phòng có thể biết con sẽ trở về bằng chiếc Pluvier và anh ta tưởng rằng tốt hơn là giữ lại các thư của con, khốn thay các biến cố đã làm anh ta lầm.

Đô đốc Courbert hiện giờ như thế nào? Từ khi chiếm được Kelung chúng con không có tin tức gì.

Lá thư sau của con sẽ đến từ Bắc Kỳ và sẽ cung cấp cho cha mẹ nhiều tin tức mới.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hải phòng, ngày 31-10-1884

Cha mẹ thân yêu,

Dòng tiêu đề của lá thư này minh chứng với cha mẹ rằng con đã đến Bắc Kỳ, có thể thư này đến trước thư đề ngày 22-10 trong đó thông báo với cha mẹ ngày khởi hành của con. Thật thế, thư này đã trật chuyến thư ở Đà Nẵng, chúng con ở trong vịnh này để đưa lên chiếc tàu; ra đi trước khi thư của chúng con đến theo đường bộ. Dù thế nào đi nữa, con xin nhắc lại cha mẹ rằng trong thư của con đề ngày 22, con có gởi vào đó một bưu phiếu 500frs. Trong thư này con gởi thêm một bưu phiếu cùng giá trị, như thế tất cả là 1000frs; con mong cha mẹ lấy biên nhận cho con. Dĩ nhiên con có giữ biên lai gốc, nhưng con ưa tốt hơn là biết chắc rằng bưu phiếu của con đã tới.

Tin đầu tiên mà con nghe ở đây là việc ra đi của Aron, trở về trên chiếc Rio-Négro, con đợi để gặp ông ta ở Hà Nội, đối với con đây cũng là một thất vọng lớn. Con cấp tốc về Hà Nội để biết những chuyện của phân đội khinh khí cầu mà việc chỉ

huy hiển nhiên làm con mắc cạn. Con nghĩ rằng những quả cầu của chúng con hẳn đã để ở trong kho. Bây giờ người ta chỉ còn thực hiện những toán quân di động, thường đi được xa, khinh khí cầu có thể làm trở ngại bước tiến, căn cứ sẽ phải là ở vị trí cố định tại một trong những địa điểm mút trên lộ trình chiếm cứ. Con sẽ thấy các chỉ thị khi đến Hà Nội, nghĩa là trong 3 đến 4 ngày nữa.

Cha mẹ hẳn am tường hơn con về những biến cố ở Trung Hoa và Bắc Kỳ nhờ những bức điện tín của Đô đốc Courbert và đại tướng Brière de l'Isle, con chỉ có thể cung cấp cho cha mẹ các chi tiết lý thú, vì được chứng kiến tận mắt, những gì sẽ tiếp diễn.

Hôm qua con gặp một hải quân trung uý của chiếc Vipère, ông ta đã lẫn lộn nhiều ở Phúc Châu, ông ta kể những chi tiết kỳ lạ về những đột biến của trận đánh, nhất là về cách thức của chiếc ngư lôi hạm 45 dùng áp sát tàu tuần dương Trung Hoa. Một số thư khác đến từ các sĩ quan của sư đoàn đô đốc Lespès cung cấp những chi tiết về cuộc thất bại thứ hai rất đáng kể diễn ra ở Formose (quần đảo Đài Loan).

Con đã tránh được mùa mưa ở Huế, nó bắt đầu lúc con lên đường, con cũng tránh được mùa mưa ở Bắc Kỳ vì giờ đây đã chấm dứt. Cuối cùng người ta cũng nhận thấy điều đó vì cái nóng đã trở về, ở đây trời nóng mà ở Huế thì không.

Ngày lên đường của con đã đưa đến những bận rộn thường lệ trong việc bàn giao công tác của con[1], con không có thì giờ

---

[1] Việc bàn giao công tác trong ngành công binh luôn luôn hơi dài. Thật thế, cần phải xem tất cả các công trình đang làm, ghi chú cẩn thận tình trạng tiến triển của công tác này, và những công trình nào đã được thanh toán. Các người thầu khoán không luôn luôn là trong sạch ngay thẳng, các giấy tờ chi tiêu cho các công tác đang thực hiện phải được lập rất cẩn thận và chi tiết.

để viết cho Alfred vào ngày 11-10[1], để nhắc nó rằng con không quên thời gian đang trôi qua, con sẽ viết cho nó một trong những ngày này. Nó có thể sẽ thấy Aron đã khổ sở nhiều vì bệnh kiết lỵ của anh ta. Tuy nhiên theo ý mọi người, khí hậu ở Pháp sẽ làm anh ta hồi phục không bao lâu, đó là điều con rất mong.

Tạm biệt, cha mẹ thân mến, sức khỏe của con luôn luôn tuyệt vời, ngàn chiếc hôn cho tất cả.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 8-11-1884

Cha mẹ thân yêu,

Giờ đây con đã trở về Hà Nội, sau hơn bốn tháng vắng mặt, con thấy trong thành phố có những đổi thay tế nhị, người ta xây dựng mãi và một vài con đường có vẻ thay đổi phong thái.

Tất cả thế giới của con là ở mọi nơi, phần lớn phân đội khinh khí cầu là ở Phủ Lạng Thương từ khi xuất phát ở đây, nỗi lo lắng hàng đầu của con là xin để đem nó trở về Hà Nội, con nghĩ rằng đó là điều sẽ xảy ra sắp tới.

Sau khi đến nơi con đã gặp đại tá Crétin[2], vị tổng chỉ huy[3] và đại tướng Négrier. Hai vị đầu tiên, những bậc thầy, tỏ ra ít muốn sử dụng lại các quả cầu mà con nghĩ rằng chúng còn ở trong kho. Đại tướng Négrier, trái lại, tỏ ra về phe sử dụng, ngay cả ở đây, ông ta muốn có một số quả cầu, đặt

---

[1] Ngày 11-10, sinh nhật của em trai tôi.

[2] Đại tá Crétin lúc này là Tổng tham mưu phó ông trở thành Tổng tham mưu trưởng sau khi tướng Millot và đại tá Guerrier ra đi.

[3] Vị tổng chỉ huy, lúc này là tướng Brière de l'Isle.

chúng ở các cứ điểm phía trước, nơi đó hiện chúng ta đang đóng giữ và từ đây kiểm soát từ xa xứ này mà không thay đổi địa điểm. Dù sao mặc lòng, lúc này con sẽ có một vị trí rất dễ chịu, con sẽ là sĩ quan phụ tá của thiếu tướng Dupommier, hiện ở Chu, trong vùng thượng Lục Nam. Con có thể học việc như thế trong mọi chi tiết của công tác đã triển khai hay chờ triển khai ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, và điều đó lại diễn ra bên một vị chỉ huy đáng mến.

Con nhận được chuyến thư, chuyến thư Pháp đi chiều nay lúc 9 giờ. Cha mẹ thấy rằng người ta không có thì giờ để trả lời. Chiếc tàu mang thư từ Sài Gòn đến Hải Phòng 3 đến 4 ngày, và chuyến tàu đem thư từ hải cảng cuối cùng này lại đem thư của chúng con đi Pháp một vài giờ sau khi nó đến. Con có một lá thư của ông Courtin des Ollières nói với con rằng ông ta đã nhận thư con và ông luôn rất muốn đến đây.

Trong chuyến thư tới, con sẽ gởi giấy ủy quyền mà cha mẹ đòi hỏi, con bây giờ không có thì giờ. Vào mỗi chuyến thư con sẽ viết cho cha mẹ một lá thư dài, chi tiết và lúc nhận, chỉ một tiếng trả lời nói lên rằng luôn luôn con sức khỏe.

Lúc này chúng con yên vị trong các cuộc hành quân của chúng con, người ta chiếm một số cứ điểm quan trọng, Chu chẳng hạn. Chúng con đi đến Lạng Sơn theo dòng sông đi qua đó và sông này chảy ra vịnh Bắc Kỳ gần Pah-Kói (?). Tất cả các tấm bản đồ đều sai và ít ai đề cập đến nó. Có rất nhiều việc để làm ở đây, như phép họa đồ.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 17-11-1884

Cha mẹ thân yêu,

Thư này sẽ đến với cha mẹ khoảng đầu năm và sẽ đem đến cho cha mẹ những lời chúc kỳ diệu về một năm tốt đẹp. Chúng đến từ một nơi khá xa, đi vòng xuyên qua các đại dương, cha mẹ hãy đánh giá vóc dáng chúng khi chúng đến.

Con mong rằng năm 1885 này sẽ đem đến cho cha mẹ một đứa bé to đẹp, về sau nó sẽ gọi "ông", "bà", và một mảnh giấy nhỏ xác nhận rằng ông Alfred đã vượt qua một cách thắng lợi bước đầu trong việc lấy bằng tú tài. Nếu còn bao nhiêu cuộc thi nữa phải vượt qua thì ông ta sẽ nói: Xong! Tốt! Hôm nay tôi bắt đầu trong 6 hoặc 7 năm tôi sẽ phải vượt qua nhiều thứ khác, chuyện đó chỉ là rất bình thường, và tiếp cận với trở ngại mà không dao động, rồi ông ta sẽ vượt qua dễ dàng. Bởi vì không có gì để nói mà phải vượt qua, hiện còn 5 đến 6 tháng để lấy đà, nhưng chúng ta đừng để chệch hướng bởi những ưa thích vô bổ về vật lý và hóa học; đại số, số học, hình học đó mới là cái phải đẻo gọt.

Con không tránh được, như mình đã mong muốn, các trận mưa của Bắc Kỳ, giờ đây đã là ngày thứ ba của trận mưa tiếp diễn. Thật là lâu và nhàm chán, các trận mưa nối tiếp.

Hẳn cha mẹ đã có các chi tiết nhỏ nhặt về các sự việc tháng 10 ở phía Kép và Chu trong vùng Thượng Lục Nam. Các trận tử chiến diễn ra ở đây rất quyết liệt người ta đánh xáp lá cà, một chuyện hoàn toàn không tưởng tượng được là quân Trung Hoa buộc ta phải lắp lưỡi lê, rất nhiều người bị thương vì gươm dáo, một điều ngày trước chưa thấy trong các trận chiến với quân Trung Hoa. Mũi dáo, làn đao rớt xuống, như mưa và đã có những miếng đánh chết người bằng cách làm bể đầu một cách ngoạn mục đã xảy đến cho quân Trung

Hoa. Chỉ nêu một ví dụ, con sẽ nói với cha mẹ về đại úy Fortoul (Tham mưu trưởng của đại tướng Négrier) người trong lúc hỗn chiến đã đánh bể đầu hai người Trung Hoa bằng báng súng của mình. Chúng ta cũng không ít người bị thương, trận đánh thật ác liệt, lạy Chúa! Và người ta không còn thấy một tên Trung Hoa nào nữa, toán quân xâm lược nổi tiếng ở Bắc Kỳ đã rút vào trong vỏ của mình và tốt hơn là đừng ló đầu ra nữa[1].

Hơn nữa, họ không vui vẻ bao nhiêu, người ta có thể thẩm định điều đó theo các thư từ người ta lấy được trên các sĩ quan Trung Hoa bị giết gởi cho thân nhân hay bạn bè. Họ tự hỏi tại sao người ta lại vây hãm họ vào trong vòng nguy khốn này, và không ngừng nhắc nhở họ ở đằng sau. A! nếu chúng con có 15.000 quân với hai ngày tiến đến Bắc Kinh thì hòa bình sẽ được thực hiện ngay! Chỉ Quảng Tây có thể bị đánh tan và san bằng không kể gì chính phủ Trung Quốc! Tình cảm của lòng yêu nước hoàn toàn không có ở nơi họ; ở đây có một số lượng lớn người Trung Hoa, thương nhân, thầu khoán, khi người ta trở về từ Chu và người ta kể với họ rằng một số lớn đồng bào của họ đã bị hại; họ chỉ bật cười. Điều quan trọng đối với họ là công việc buôn bán được trôi chảy.

---

[1] Trong trận đánh ở Kép năm 1884, tôi không có mặt ở đó, tôi đang ở Huế, trận đánh nhằm đem lại lợi ích tập thể cho ta và để trả thù cho quân ta trong cuộc âm mưu ở Bắc Lệ - có rất nhiều giặc Cờ Đen bị giết và bị thương. Quân ta nằm ngủ dưới toán lính gác và đi tuần của chúng. Trong lúc này, các lính người Việt cắt đầu tất cả những người chết và bị thương và đem xếp thành đống hình kim tự tháp khổng lồ mà ngày mai lúc thức dậy các sĩ quan của ta chứng kiến một cách kinh khiếp. Tôi biết ở đây đã diễn ra một cuộc xáp lá cà điên cuồng và không một tên Cờ Đen nào trong làng Kép ở trong vòng vây của quân ta trốn thoát. Nhưng dưới mắt tôi cũng như dưới mắt bất cứ ai, điều đó không biện minh được cho các tập tục khát máu và dã man đó. Người lính Cờ Đen hay Việt Nam lúc đó thật hung hãn và bệnh hoạn.

Lúc này đây chiếc Rio-Négro đã trở về Pháp, Aron có thể đã ở giữa lòng gia đình, và con mong rằng anh ta sớm bình phục. Con nóng lòng chờ đợi chuyến đến này vì từ Singapore, Aron có viết cho con rằng anh ta sẽ gởi một điện tín khi mà anh ta biết được điều gì liên quan đến việc đề nghị thăng đại úy của con. Anh ta thêm rằng anh ta hy vọng sẽ gởi điện tín này từ Port-Said. Không có gì xảy đến cả, điều đó chứng tỏ không có gì được thực hiện, điều này cũng làm cho con ngán ngẫm đôi chút vì con bắt đầu coi trọng việc đề nghị này, đây là điều duy nhất con thụ hưởng khi đến đây. Các đồng đội cũ của con đã được thăng cấp vào ngày 15-10 và ngày này con cho là đã qua rồi; bây giờ con biết rõ ràng người ta còn có thể thực hiện những đề nghị, những thăng cấp cho một mình con thì khó được gì.

Ngày 22-11 và con đã đúng, vì chuyến thư đã đến và dù đã có đoán chắc của Alfred con không qua được cùng với các bạn cũ; trái với những gì đã làm trong năm trước, đúng là tất cả không thăng cùng một lượt, có thể con sẽ thuộc chuyến sau!

Bởi vì Berthe đã nhúng tay vào chuyện âm nhạc của con, con xin em học trọn vẹn phần hòa âm của Toréador và bản nhạc của Galathé mà con có, con muốn nghiên cứu chúng.

Không có gì mới từ ngày 17-11. Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Phân đội của con vừa trở về từ Phủ Lạng Thương, con lại có Lalès phục vụ. Cha mẹ sẽ có ảnh của con trong chuyến thư tới. Con trông rất xấu với bộ râu của mình.

Con không gởi giấy ủy nhiệm đối với 500frs đầu tiên, con sẽ cần đến nó khi trở về, con chỉ giữ 100frs gởi sau và những gì con sẽ gởi nữa. Nếu con lấy được Panama.

Hà Nội, ngày 24-11-1884

Cha mẹ thân yêu,

Không có gì mới kể từ buổi lên đường của chuyến thư cuối. Thỉnh thoảng có một cuộc dấn thân lên hai bờ, trong đó một thiếu úy bị giết, chúng ta có khoảng 20 người bị thương và điều khổ sở là chúng ta chỉ làm cho kẻ thù chịu những mất mát không đáng kể, khoảng hai mươi người bị giết, số bị thương không rõ. Quân Cờ Đen có khoảng 1500.

Tuy nhiên trời rất đẹp, đó là mùa thu ở Pháp, không quá nóng, ban đêm người ta đắp mền, thời tiết thật sự tuyệt diệu; nhưng ngay cả lúc trời tốt, chạy suốt ngày, trèo non lặn suối, dần dà rồi cũng thấm mệt.

Và vị Đô đốc[1] ông ta làm gì? Ông ta sẽ ra sao? Không gì cả. Người ta không biết gì cả ở đây; cha mẹ có lợi thế hơn chúng con để biết chuyện xảy ra ở Pháp, chúng ta ở vào 26-11 và chúng ta đang ở vào thời kỳ nghỉ hè của nghị viện, các Phòng đã phải hợp nhất hơn một tháng rồi, phải nói về đề tài Trung Hoa, những điều lý thú, nhưng sao? Còn 8 ngày phía trước để biết được điều đó!

29 tháng 11-Brr! Trời rét như cắt, thời tiết tốt, có mặt trời, con trở về nhà từ văn phòng thiếu tá để lấy chiếc quần cộc, chiếc quần cộc này đáng để chào hỏi, nhưng con không thể gài nút nó, bụng con đã lớn? Chưa đến như vậy. À! Cha mẹ biết đó, con không gởi cho cha mẹ tấm ảnh của con, có cái đầu đáng thương. Ở chỗ chớp ảnh nắng chói, con chớp mắt, râu con thành rối bù, giống như khỉ, một người Việt Nam thử nói tiếng Pháp đã nói thế. Hẹn ngày mai hoặc một ngày nào khác.

---

[1] Đô đốc Courbet

6 tháng 12 - Chuyến tàu thư đã đến hôm qua và lại đi chiều nay. Ngoài lá thư này nó sẽ đem đến cho cha mẹ, nếu con có thì giờ để thực hiện, một bưu kiện nhỏ chứa một vài hình ảnh về Colombo và Hà Nội chủ yếu là ngôi nhà mà con cư ngụ với Aron, người ta thấy rất rõ cửa lớn của con. Ở bên phải có một cửa sổ để mở, đó là văn phòng, ở phía trái cửa lớn của con là chiếc cửa sổ văn phòng của Aron. Ngôi nhà gồm ba gian, con ở gian giữa.

Bưu kiện đã nói còn chứa cái khung quạt của Alice, nếu bưu điện chấp thuận. Nếu tình cờ gỗ bị mốc chút ít, thì chà xát mặt khảm với mảnh vải tẩm ít dầu.

Mãi chẳng có gì mới, con còn đang nóng lòng chờ việc đề nghị lên đại úy của con; con nghĩ rằng con có lý khi chờ đợi, vì con chắc chắn việc đề nghị Aron đã làm sau Hưng Hóa đã được gởi đến Bộ do đại tướng Millot. Trong mọi trường hợp, con tin chắc rằng vào kỳ thanh tra tổng quát, tức là vào tháng bảy, con được đề nghị thăng cấp bậc đại úy do đại tướng chỉ huy trưởng bởi vì con đã có trong ví của mình một văn thư của đại tướng Millot gởi cho đại úy Aron nói rằng ông ta đã gởi cho Bộ một đề nghị thăng đại úy cho con.

Ông Enjabert khi đi đến văn phòng Bộ, có thể nào ông không hỏi thăm về việc này? Tất cả những việc lộn xộn mà con thấy ở đây làm cho con biết rằng, trong những vấn đề này không nên coi thường bất cứ gì. Đại úy Strafforello viết rằng thành phần thứ hai của các bạn cũ của con đã thăng cấp vào tháng hai, nhưng con phải được lên trước, và đối với chuyện đó chỉ cần một đề nghị từ ở đây, với điều kiện có chỗ dựa văn phòng Bộ. Và có bản đề nghị mà con vừa nói; văn thư của đại tướng Millot đề ngày 6-9 và ngày 15-10 (ngày lá thư của đại úy Strafforello), có thể bản đề nghị chưa đến Pháp. Có thể sẽ

không vô ích nếu cha nói chuyện với ông Enjabert, nếu con không được thăng khi cha mẹ sẽ nhận được thư này.

Con sẽ viết cho Alfred chuyến thư sau, để động viên em nó một chút. Con cũng đã có nói với nó về lá thư trước.

Cha mẹ đã không nói rõ cho con biết về ngày lên bờ (con đã thành thủy thủ, cha mẹ thấy đó) của đứa bé tương lai, đứa bé sẽ là cháu ngoại trai của cha mẹ và cháu của con. Con nóng lòng đợi tin.

Con hôn cha mẹ nồng nhiệt, mẹ ơi hãy tự săn sóc, con van mẹ, tin tức ốm đau từ xa không dễ chịu chút nào. Con khỏe như chiếc Cầu Mới, luôn vững chắc và linh lợi.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 20-11-1884

Fred thân mến của anh,

Này, em lại tự giam hãm, đây là năm thi tú tài, nó qua đi mà người ta không nhận thấy, dù thế nào người ta cũng phải lo lắng cho kết quả.

Này nhãi ranh, em báo cho anh rằng anh sắp lên đại úy cùng với các bạn cũ! Anh cũng tưởng rằng có thể đợi được như thế, nhưng khi anh đọc danh sách anh mới nhận thấy mình không có tên. Tất cả các bạn cũ của anh không phải đã qua tất cả, không biết bao giờ người ta làm đợt thứ hai và anh có trong đó không? Đó là điều mà anh ta nóng lòng tự hỏi: em đã gặp ở đâu và quen biết như thế nào với con trai ông đại tá Mensier? Đây là lần đầu tiên em nói với anh chuyện đó[1].

---

[1] Đại tá Mensier, ngạch công binh, về sau đến Bắc Kỳ với tướng De Courcy, xem về sau, thư đề ngày 12-8-1885.

Xem nào, em muốn anh mua gì cho em nhân ngày lễ sinh nhật của em, đã qua từ hơn một tháng? Ở đây không có gì đáng giá để đem về; đó chỉ là mấy thứ kỳ lạ mà em thấy ở chỗ anh: cái ống loa của sĩ quan Trung Hoa, chiêng, gươm v.v... hãy xem coi có gì em thích ở Versailles, và một khi em cho anh biết đúng chỗ ước muốn của em sẽ thành tựu.

Anh vừa mới chụp ảnh ở chỗ một người Trung Hoa. Trước hết anh ta không chụp được ảnh tốt, sau đó anh lại động đậy khi chụp vì thế ảnh anh rất xấu, mặc dù thế, anh vẫn giữ lại để gởi về nhà. Anh cũng sẽ gởi về các hình ảnh ở Hà Nội, trong số đó có ảnh ngôi nhà của anh, em sẽ thấy nơi anh đã ở, anh không dán lại và chúng ta có thể để vào tập ảnh.

Ông Passa có sức khỏe không! Em hãy đến thăm ông và nói với ông anh gởi lời thăm ông và cả gia đình, hãy nói những gì mà em thấy là dễ nghe.

À này, Cardonnet Junior ra sao?[1] . Hả! Không nói đến chuyện đánh hỏng, và chúng ta tin tưởng vào thành công của em, anh sẽ lấy phép nghỉ nếu anh ở Livron vào kỳ nghỉ hè. Em hãy luôn nhớ đến mục tiêu của năm nay.

Anh hôn em với niềm tin tưởng.

Người anh yêu quý của em.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 13-12-1884

Alfred thân mến của anh,

Này, chàng trai trẻ, công việc thế nào? Cái bằng tú tài này đã lên đến tận mũi? À! Phải làm việc, làm việc nữa, làm

---

[1] Cardonnet Junior, con trai của người giao dịch với em trai tôi và anh ta là học sinh nội trú ở Lycée Hoche, sau khi tôi đi khỏi Versailles.

việc mãi. Nhất là làm việc với nhiệt tình tốt hơn là làm việc, cái được gọi là làm việc là làm trong 1 giờ ½ rồi nghỉ ½ giờ, bằng làm việc từ từ trong 2 giờ. Đây là điều mà anh đã làm ngày xưa. Thí dụ anh có 3 hay 4 định lý phải học. Anh lấy đồng hồ tay ra để bên cạnh anh và tự nói: bao nhiêu phút để học cái thứ nhất, bao nhiêu phút cho cái thứ hai... rồi anh gấp vở lại và anh làm lại định lý, bút cầm tay, một lần và thế là xong.

Bằng tú tài này làm cho mọi người lo lắng, hãy xem cái mà mẹ viết cho anh vào ngày 3-10: "Fred của chúng ta sáng nay dậy vào lúc trống đánh, quần áo tươm tất (như trong hộp - chúng nói như thế; miễn là nó làm việc và nó sẽ đến với chúng ta với mảnh giấy tú tài của nó! Ồ! Mẹ thật sự tiếc rằng con không ở bên cạnh nó năm nay, nó cần biết bao một ảnh hưởng tốt về tinh thần, nó nhanh chóng buông lỏng việc học, học bạ của nó kỳ lễ Pâques tốt hơn kỳ tháng 8; từ Noile đến Pâques nó cật lực học tập, cái chết của ông con, việc ra đi của con, việc vào nội trú của nó, tất cả những hoàn cảnh đáng buồn đó đã làm cho nó khó khăn một thời gian, ngày 11 sắp tới nó sẽ được 16 tuổi, mẹ mong nó hiểu rằng tương lai của nó ở trong tay nó và tùy thuộc vào việc học tập của nó; chúng ta lúc trước có một bưu ảnh cho thấy chuyến đi của nó đã được thực hiện như thế nào; nếu như nó có một người bạn, nó ra đi không quá buồn. Mẹ mong rằng Cardronnet là một học sinh chăm học, điều đó sẽ khích lệ nó, nhưng mẹ nghĩ nó cũng gần giống như Alfred".

Anh có thể trích dẫn cho em tất cả các thư của gia đình, tất cả gia đình đều trông vào em; không cần phải bắt em nghe những bài thuyết giáo, phải không, và em hẳn hiểu rõ sự đúng đắn của tất cả lời lẽ của người mẹ dũng cảm của chúng ta, mà đối với bà em không muốn làm đau lòng, anh tin chắc điều đó. Nếu anh nhận được tin xấu về em thì điều đó làm

anh tổn thương còn hơn hành vi và cử chỉ của bọn Trung Hoa, anh mong rằng em không đặt anh vào trong trường hợp đó - La borenues Adrien nói, anh nghĩ thế. Dù cho nó tên là Adrien hay Jean Thomas, nó có lý, giờ đây em đã là một người đàn ông, anh tin tưởng ở em.

Em có thể muốn biết điều gì đã xảy ra ở đây, em thật quá tò mò, anh không biết gì cả, không biết gì cả, bí mật. Quân Trung Hoa không động đậy, chúng ta cũng vậy. Chúng ta đang đợi 2.000 quân tăng viện lên đường ngày 23-11 ở Alger, người ta đang đi và "sẽ có lòng thú phơi nắng" như một đại úy xứ Turcos nói với giọng điệu thô kệch thiếu màu sắc.

Sáng nay một toán pháo binh Bắc Kỳ ra đi, bọc cạnh sườn cho một vài trung đội hải quân, tất cả đặt dưới sự chỉ huy của Trung tá Berger, họ mang theo 12 ngày lương thực và đi đánh nhau trong vùng các đồng cói (Hưng Yên, Hải Dương...) chống bọn cướp đang cướp phá vùng này. Bọn cướp này không nguy hiểm đối với chúng ta, nhưng chúng lợi dụng tình cảnh lộn xộn để cướp bóc những người Việt Nam nghèo khổ này.

Vào ngày đi Huế anh sẽ đưa đến trại ngựa quân đội con ngựa của anh, con ngựa mà Lalès gọi là Jean Marie, khi trở về anh sẽ nhận một con khác, không tìm lại con trước. Con ngựa mới khá đẹp, màu đen, đó là một con ngựa Việt, vóc dáng chỉ bằng con lừa Pháp, nhưng anh chàng láu lỉnh này cứng đầu như một con la. Thường khi đến một ngã rẽ, nó đứng lại ngay rồi nếu anh thúc chân hay cho nó mấy roi ngựa thì nó đá hậu rồi giật lùi rất tức cười, nhất là khi người ta đang gấp. Con vật này! Lalès cho nó ăn nhiều quá, nó mập như một thầy tu.

Tạm biệt Fred thân mến của anh, anh hôn em lên hai má, luôn nhớ các trang đầu ở lá thư của anh.

Người anh yêu quý của em.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 14-12-1884

Cha mẹ thân yêu,

Như thói quen con bắt đầu viết thư của con rất sớm trước ngày đến của chuyến thư từ Pháp, nghĩa là cũng rất sớm trước khi chuyến thư lên đường.

Con không có nhiều chuyện lý thú để kể cho cha mẹ, bởi vì trên phương diện quân sự, người ta không thực hiện những việc quan trọng trong lúc này. Đối với những gì liên quan đến con, con có thể nói với cha mẹ rằng hiện nay con đang lo về dự án các trại lính được xác định cho Nam Định, Ninh Bình, Phủ Lý,... Thiếu tá Dupommier chưa trở về từ Chu nhưng con tìm thấy trong bàn làm việc của ông ta các chỉ dẫn cần thiết về sự khởi thảo các dự án tương tự.

Ở đây, trong những xứ nóng, nhà cửa rộng hơn ở Pháp, tầng trệt của trại dành cho phòng ăn, phòng tắm... tầng một chỉ để ở. Ngôi nhà bao quanh là hàng hiên ở mọi phía, hàng hiên dùng để bảo đảm cho ngôi nhà khỏi sự xâm nhập của hơi nóng.

Một kỹ sư cầu đường vừa mới đến ở đây. Ông ta được giao nhiệm vụ ngăn chặn sự tàn phá của Sông Hồng đối với Hà Nội, ông vừa ước tính phí tổn bằng con số khiêm tốn là ba triệu, như cha mẹ thấy đó không là gì cả. Trước con số đó người ta thử hỏi Hà Nội có giá trị với số tiền đó không.

17-12 - Về chuyện tiền, con gởi cho cha mẹ theo thư này một bưu phiếu 500frs, tiếp theo các lần trước, con còn ở lại đây một ít lâu, đó là điều con không ước mong, con luôn nghĩ trong đầu về những số tiền tiết kiệm khi con trở về.

Hôm qua chúng con vừa được nghe một cuộc hỗn chiến vừa mới xảy ra ở Chu. Một văn thư của Đại tướng nói rằng người Trung Hoa bị bỏ đói đã xuống hàng đoàn ở chợ Ha-Ho. Về

phía chúng ta, một cánh quân thám sát lớn với 5 trung đội mà 3 là lính Pháp, đang đi về hướng chợ này. Hai toán quân thình lình gặp nhau. Quân Trung Hoa để lại không ít người bị giết; các tổn thất về phía chúng ta lên đến 11 người bị giết, 19 bị thương, 4 mất tích. Con không biết gì khác các chi tiết của sự việc.

21 tháng giêng - Chuyến thư vừa đến đã đem đến cho chúng con như thường lệ các tin tức ở Pháp mà chúng con nóng lòng chờ đợi. À này! Berthe, em thấy ông Ferrier như thế nào? Anh ta không điếc! À vâng, anh ta dễ thương đối với những ai anh ta gặp mặt, thật là ngốc khi phân tách các khiếm khuyết của cái ông này.

Nha sĩ của em, một người bất cẩn, đáng ghét. Ở Hà Nội, bọn anh có những nha sĩ biết nắm lấy chiếc răng đau bằng ngón cái và ngón trỏ, nhổ bỏ nó đi rồi đặt lại chỗ cũ một mẫu ngà voi, nó mọc lại nhanh chóng; và người ta đến nói với ông ta rằng hàm răng mà ông ta trồng không được trồng bằng ngà đẹp. Giữa chúng ta, anh phải thú nhận rằng ông nha sĩ này có một chút tính cách Marseille.

Con thấy rằng mọi người muốn hỏi con điều mà chúng con đã làm đối với con bò của con. Thật là rất đơn giản, chúng con lấy số thịt phi-lê (thịt bò ở trên lưng trong xương sườn) và cái đầu. Thịt phi-lê để ăn rất ngọn; cái đầu thì đem rút xương và bảo quản nó, con đã quên nó ở Huế, còn về thịt, chúng cho dân làng gần nơi chúng con đã giết con vật. Niềm hoan hỉ lớn đối với những người Việt Nam sung sướng, họ có cái ăn trong nhiều ngày.

Người ta đã cảm thấy đủ về cuộc chiến này ở Bắc Kỳ, cha mẹ nói thế, ở Pháp, người ta muốn nó mau chấm dứt, và chúng con! cha mẹ hãy tin rằng chúng con không thấy chuyện đó kéo dài mãi.

Fred không gởi chút gì về vị thứ, 66 là tốt, nhưng các vị thứ trong môn Toán, con đợi cái đó. Đừng để bị dụ hoặc quá nhiều bởi Déroulède, chàng trai trẻ của tôi ơi, trong những việc đó phải hành động nhiều hơn là nói.

Tạm biệt, cha mẹ thân yêu, con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Hà Nội, ngày 27-12-1884

Cha mẹ thân yêu,

Ngày mai con đi Chu, nơi đây con sẽ ở lại khoảng 15 ngày để làm một con đường, người ta nói với con thế. Con sẽ về Hà Nội để nhận các quả cầu của con, hình như chúng lại được bay. Tất cả đã được tốt hơn, cuối cùng chúng con sẽ thoát khỏi tình trạng trì trệ của mình.

Con chỉ nhận được thư của cha mẹ 5 hay 6 ngày sau khi chúng đến, con không thể trả lời trước khi chuyến thư đi. Cuối cùng, với gần vài ngày, chừng đó thì làm được gì, khi người ta chỉ liên hệ với những ngày tháng cách nhau hơn 40 ngày!

Chắc hẳn cha mẹ hỏi điều mà con làm vào ngày Noel. Chúa ơi! Không có gì kỳ diệu, và Noel qua bất ngờ hơn Pâques, bởi vì chính ngày 15-12 là ngày chúng con phải đi, chúng con sắp lên đường, đang chuẩn bị rương hòm nên không nghĩ đến chuyện nào khác. Rồi chiếc tàu lại phải sửa chữa, chỉ đến ngày 28 là con ra đi.

Ngày trước hôm Noel, ngày 24, khá bận rộn. Chúng con đi thành đoàn đến nhà vị chỉ huy hải quan Hà Nội, anh chàng trẻ tuổi De Montaignae để ăn lễ nửa đêm. Có một con gà tây và nhiều thứ để ăn, cố tình làm vui, pháo của chúng con vang

lên đến 1 giờ sáng, người Việt bên cạnh ngủ say, thật cái quân này!

Sự việc là thế này, con ít khi thấy những người ngủ say như thế; người ta có thể lật ngược họ, để họ nằm sấp nếu họ ngửa và ngược lại, và chuyện đó không làm gia giảm chút gì, không làm họ thức dậy được.

Chúng con nóng lòng đợi chuyến thư sắp đến để được biết chuyện ở Ai Cập. Cha mẹ thật sung sướng được biết, có hay không, anh chàng Don Quichote của thế kỷ XIX có bị làm tù binh hay không. Sự khẳng định sẽ là một sự kiện đau khổ bởi vì khuôn mặt của anh ta thật độc sáng tân kỳ, làm cho người ta không phải là không một chút ái mộ. Con hôn cha mẹ ngàn và ngàn lần, đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Xin chào năm mới!

Chice, ngày 8-1-1885

Cha mẹ thân yêu,

Ở chiến trường - bởi vì chúng con hiện không còn ở tại trạm - phải viết khi có thể, không thể đến ngày lên đường của chuyến thư, vì người ta biết rõ nơi mà người ta có mặt trong hiện tại nhưng người ta không biết ngày mai sẽ ngủ ở đâu.

Thư con báo tin cho cha mẹ ngày đi Chu của con không biết khi nào sẽ đến với cha mẹ, cha mẹ có thể thấy chúng con không để mất thì giờ. Ra đi từ Hà Nội ngày 28 và chúng con đã ở đây chiều ngày 31. Lữ đoàn được thành lập ngày 3, hai lần qua Lục Nam để đánh lừa quân địch (con mở ngoặc đơn để nói rằng các cuộc vượt sông này rất mệt nhọc cho phân đội của con, đơn vị có nhiệm vụ xây dựng các hang gác); lúc 4 giờ

người ta thấy bắt đầu bắn đại bác và lúc đêm xuống, hai trung đội đã lấy được những vị trí đầu tiên của quân Trung Hoa, rồi một trong hai trung đội đó đẩy đi xa một cách yên lặng và đóng tại một làng ở trước phòng tuyến vào nửa đêm. Vào giờ thức dậy rất sớm thấy sự hiện diện của các vị trí quan trọng của quân Trung Hoa mà người ta không biết. Cuộc chống trả bắt đầu lúc 4 giờ sáng, quân Trung Hoa tiến đến cách vị trí tiền tiêu 50m, người ta đuổi chúng bằng lưỡi lê, và chúng rút vào 5 cái đồn trước đó có một con sông đào không mấy rộng nhưng có bờ thẳng đứng đầy bụi rậm. Lúc 6 giờ sáng rất ít người ở phòng tuyến phía chúng ta, vì số lớn nằm ở vị trí lúc sáng. Lần lần toán quân mở nút và vào khoảng 8 giờ trung đội pháo binh mà chúng con đi theo đến vị trí cách đồn 1.200m, trên một gò cao chế ngự tất cả. Pháo dội nhanh chóng làm im tiếng các khẩu đại bác Krupp của địch mà chúng cũng ít được dùng, và sau một thời gian, đường bắn được điều chỉnh, người ta bắn tạc đạn. Từ 9 đến 11 giờ, đại bác bắn dữ dội và giết hại không ít quân Trung Hoa, đôi khi họ núp sau chiến lũy bắn ra và bộ binh ta buộc phải xung phong.

Đến trưa mọi sự chấm dứt.

Đó thật sự là một trận chiến đẹp, con ở hàng đầu nên được thấy trọn, và con tin chắc rằng không khi nào con còn được thấy một cảnh tượng lý thú như vậy.

Con sẽ có thể kể cho cha mẹ, về sau, một loạt các giai thoại lý thú; con đã mất đi một người lính kèn, bị một phát đạn vào đầu, trúng đạn lúc 10 giờ [1], anh ta tử trận lúc 11 giờ rưỡi.

---

[1] Trong các cuộc đánh thành, phân đội của tôi được bố trí bên cạnh phân đội pháo binh hỗ trợ. Cuộc pháo kích đã diễn ra thong thả với những đường bắn rất chính xác. Chúng tôi chỉ ở cách ba thành này khoảng 1.500m và chúng tôi chế ngự chúng. Việc tác xạ thật dễ dàng và quân giữ

Hà Nội, ngày 15 tháng giêng

Khi viết thư này con đã bị gián đoạn, con chỉ tiếp tục lại ở Hà Nội, người ta chạy, chạy nữa, càng tốt bởi vì trời lạnh.

---

thành bỏ chạy ngoại trừ khoảng 50 tên núp ở bao lơn thành và không đánh trả, bỗng thình lình đứng dậy khi thấy hơi ngớt tác xạ và nghe tiếng la xung phong của bộ binh chúng ta, chúng biết chúng không còn là mục tiêu của pháo binh chúng ta. Chúng bèn nhắm súng gần như vào đầu quân chúng ta để bắn. Đạn của chúng hầu như đều trúng và cuộc tác xạ này làm chúng ta tổn thất đáng kể. Ở mọi thành đều như thế, cánh quân tập hậu này của quân Trung Hoa đều bị giết một cách anh dũng tại trận.

Trận đánh này để lại trong ký ức tôi những kỷ niệm sinh động. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nhiều xác chết đến như vậy. Các xác chết của quân thù không làm tôi cảm động bao nhiêu, nhưng tim tôi đau nhói khi bước qua xác chết của những quân nhân tội nghiệp của chúng ta mà nét mặt không ... yên tĩnh. Được sự giúp đỡ của một người thợ cả của tôi (các thợ cả trong Công binh, giữ chức vụ giữa người lính và chức cai), tôi đã tước vũ khí của một sĩ quan Trung Hoa, hắn trang bị một khẩu súng lục rất đẹp và người này dù bị thương cũng có thể làm hại tôi nếu không có người thợ cả đã tước vũ khí anh ta. Tôi để cho anh ta khẩu súng lục này, anh ta xứng đáng được thưởng nó.

Người lính kèn đã bị gục ngã bên cạnh tôi do một viên đạn bắn vào đầu, viên đạn cỡ lớn đến từ các khẩu súng ở chân thành mà các đồn nhỏ của quân địch thường có. Anh ta tên là Herré. (So sánh: Le service du Génie au Tonkin (Sở Công binh Bắc Kỳ) của L.Kreitmann, Paris, Berger - Levrault, 1889, tr.226).

Điều lo lắng đầu tiên của quân ta sau khi chiếm được đồn là dọn dẹp xác quân giặc. Nhưng vẫn còn khắp nơi. Khi các lối đi đã khai thông cùng với các bờ dốc lởm chởm chông tre ở bờ hào quanh các đồn, và khi chiều xuống tôi có thể được nghỉ ngơi, nằm ngủ cả áo quần trên mặt đất và chìm ngay vào giấc ngủ. Không phải là điều ngạc nhiên khi tôi thức giấc thấy mình bên cạnh một xác chết Trung Hoa mà tôi không thấy khi bước vào.

Cái trại này ở bên cạnh trạm cứu thương nơi lính bị thương điều trị, đôi khi tiến hành phẫu thuật của tay chân. Tiếng rên than của các quân nhân khốn khổ thật xé cả tai. Những kỷ niệm này còn mãi trong tâm trí tôi. Tôi giữ kỹ để kể lại tất cả chi tiết cho gia đình tôi.

Con có thể kể gì nữa cho cha mẹ, con sợ sẽ làm cha mẹ run sợ, tốt hơn là con để dành chuyện đó về sau.

Cuối cùng kết quả là người ta không dựng được lều vào buổi tối và tất cả chúng con phải nằm trong lều của Trung Hoa. Con đã lượm được một lá cờ để đem về cho cha mẹ nhưng rồi lại bị thất lạc, con nghĩ rằng việc chưa xong, con có thì giờ để tìm cái khác.

Ngày mai, 5, tất cả nghỉ ngơi, con được giao làm một con đường, con đường từ Núi Búp đi thẳng đến Chiu, con được phân đội bộ binh hải quân hộ tống, chúng con làm được gần 10km, 2 cái cầu, nhiều đường đất, thật là một công trình đồ sộ. Lúc trở về, chiều ngày 5, chúng con mệt lữ. Ngày 9, phân đội của con lại từ Chiu đi Hà Nội, con nghĩ rằng chúng con đi lấy khí cầu, ít nhất người ta hiện giờ cũng báo chúng con chuẩn bị để đưa sang không biết là Phủ Lang Thượng hoặc Chiu.

Mùa đông này, cha mẹ thấy không, sẽ lắm việc. Quân tăng viện của tháng 11 đã đến, nhưng quân Alger (Zouave) và các thứ khác sẽ đến khá trễ để cho toán quân Lạng Sơn sẽ ra đi ngày 25-1; nhưng phải chăng người ta đi Lao Cai? Người ta ít nói chuyện đó ở đây.

Rốt cuộc, sự việc khởi sự không mấy tốt đẹp ở Pháp, mặc dù đối với quân Trung Hoa những thành công của chúng ta ở biên giới Quảng Tây và biên giới Quảng Đông, chuyện đó không đụng chạm gì đến chính phủ, thế là 10.000 quân bộ ở Thiên Tân (Tiên - Tsin) và trong 10 ngày đi đến Bắc Kinh không gặp một chống cự nào cả. Trung Hoa có những người lính trang bị đầy đủ vũ khí, sự việc đã được chứng thực. Tất cả chuyện đó là ở trên vùng biên giới Bắc Kỳ hay ở Đài Loan (Formose) và trong giờ phút hiện tại con nghĩ rằng việc tuyên bố chính thức chiến tranh về phía chúng ta chỉ còn gặp rất ít sự chống đối ở các cường quốc.

Con vừa nhận chuyến thư cuối, biết rằng thư của cha mẹ cho con biết việc trở về của Aron và chiếc ảnh của Berthe, điều duy nhất sai lầm là dù cho bức ảnh đẹp nhưng không thấy toàn bộ khuôn mặt, điều đó làm cho Berthe như bị lác mắt.

Tạm biệt cha mẹ thân yêu, con hôn cha mẹ ngàn lần. Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Con thấy rõ cái điểm của Alfred, nhưng vị thứ của nó không thấy cái nào! Sức khỏe của con luôn tốt.

Phủ Lạng Thương, 26-1-1885

Cha mẹ thân yêu,

Cha mẹ đã có các thư của con từ mọi địa điểm trên vùng Châu thổ Bắc Kỳ. Đã lâu rồi thật sự con chưa từng đi du lịch nhiều như thế.

Con đã ở đây ba ngày cùng với các quả khí cầu của con[1]. Con đã bơm căng chúng hôm qua, chỉ còn thiếu đại tướng Negriér để lên không, nhưng khốn thay trời mù nên chưa sẵn sàng bay lên được.

Lộ trình từ Hà Nội đến Phủ Lạng Thương đã được chúng con hoàn tất trong những điều kiện khá kỳ lạ cũng như khá khó nhọc. Vì không có tàu sử dụng được nên con nhận lệnh sử dụng 2 thuyền trong số vật dụng của con và cùng đám lính và phu khuân vác của con đi thuyền theo sông Đào (Canal des Rapiles) có thác.

---

[1] Theo đại úy L.Kreitmann: Le service du Génie àu Tonkin, tr. 230: "Phân đội khí cầu của Lữ đoàn I gồm 4 hạ sĩ quan, 31 hạ sĩ và lính công binh, 44 phu khuân vác, dưới sự chỉ huy của trung úy Jullien". Ghi chú của chủ bút BAVH.

Điều đã nói là làm, nhưng không phải là không khó nhọc. Lối vào của sông Đào là khó khăn, bởi vì nước quá thấp, và thuyền mắc cạn từng chặp, phải cho mọi người xuống nước để đẩy, cuối cùng trọn ngày thứ hai dùng để đi từ lối vào của sông Đào ở sông Hồng cho đến chỗ gần con đường Hà Nội đi Bắc Ninh. Ở đó người ta gặp hai cái thác nước nơi đó khá ít nước làm cho con phải lấy đi đồ chở trên thuyền để qua được bước khó khăn này, nước sôi động và người ta vượt qua đó như mũi tên bắn đi. Ngày hôm sau chúng con đã đi được nửa con đường từ các thác nước này đến vùng Bảy Chùa và cuối cùng đến Bảy Chùa ngày hôm sau nữa. Tại đó, chiếc Arquebuse đợi chúng con và kéo chúng con đến tận đây.

Bây giờ người ta sẽ làm gì đây? Từ đâu người ta sẽ đi Lạng Sơn? Không một ai biết làm gì cả, bí mật được hoàn toàn giữ kín.

Con vừa đọc phần phụ lục của bản tường trình Leroy do báo Le Temps cung cấp, tư liệu lý thú nhưng con nghĩ rằng nó chứa đựng nhiều đánh giá sai lầm về Bắc Kỳ. Con rất muốn cho Bourde bị đẩy đi Lạng Sơn, Cao Bằng và trung đội. Đó là một tà thuyết quái đản; đối với Lạng Sơn, đó là do chuyện ở Bắc Lệ nhưng lạy Chúa, người ta không bao giờ ở lại đó. Vào lúc Bourde ở đó, con cho rằng ta phải vượt khỏi Châu thổ, nhưng người ta không biết gì về những chuyện xảy ra bên ngoài và ở đó cái ông này là đáng tội, ấy là đã nói về các sự việc và cuộc hành quân trong một vùng mà ông ta không biết chút gì. Người ta có thể có mọi quan điểm ngay cả những cái viễn vông, nhưng trong lòng những gì được phát biểu, các lời nói của ông ta có thể có một trọng lượng rất lớn. Việc Bắc Kỳ giới hạn trong vùng Châu thổ là rất tốt, đi vào những sa mạc này của Lạng Sơn (nơi không có giao dịch nào) là buộc vào con tim vui vẻ một quả đạn quá nặng để mang. Giờ đây, đó là

điều khốn khổ, đối diện với điều khó xử: đi Lạng Sơn đối với chúng con là điều bắt buộc do chuyện ở Bắc Lệ giữa trại lính ở đó là điều không thể thực hiện được, chúng ta nhượng nó. Nhưng với tâm tính Trung Hoa, lùi bước sau khi đã chiếm được đó là thắng lợi.

Tuy vậy phải ra khỏi đó. Có thể người ta đặt hy vọng vào con sông chảy ngang đó và người ta có thể cung cấp lương thực về sau cho trại lính do con sông này, mà cửa sông của nó ngày nay không còn biết đến. Chúng ta sẽ thấy[1].

Con hôn cha mẹ ngàn lần, trong khi đợi để con có thể nói chuyện lâu hơn bên cạnh cha mẹ về mọi chuyện.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

---

[1] So với điều mà tướng De Courcy viết ngày 2-8-1885 cho Bộ chiến tranh: "để chinh phục và chiếm cứ các điểm xa trung tâm ở Bắc Kỳ như Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, chúng ta đã vứt đi những số tiền khổng lồ, lãng phí máu của người Pháp và trầm trọng hơn làm suy yếu sức khỏe của quân lính chúng ta. Tiếp tục hệ thống này, trải dài ra đến Lào Cay với ý đồ mở ra con đường thâm nhập nổi tiếng mà theo đóchưa từng có gì đi qua cũng như sẽ không khi nào đi qua, đó là tạo nên một lỗi lầm khủng khiếp và càng thô thiển và không thể tha thứ khi những bài học kinh khiết của một kinh nghiệm hiện thời còn đó đang làm chúng ta chuyển hướng. Các vùng thật sự có sản xuất của Bắc Kỳ đã dừng lại ở những điểm cuối mà các pháo hạm của chúng ta còn đến được ở các dòng sông. Ngoài giới hạn đó là không có gì, vì tôi không chú trọng đến nguồn lợi về hầm mỏ mà tôi sợ rằng nó chỉ có trong trí tưởng tượng quá phung phí của một nhà thám hiểm, đó chính là tính chất độc hại mà người Bắc Kỳ cũng như người Trung Hoa e ngại, đó là sự chằng chịt của những con suối khi thì khô cạn, khi thì chảy hung bạo, đó là sự trùng trùng điệp điệp những ngọn núi không đi được" (theo đại úy Ch.Gosselin: l'Empire d'Annam (vương quốc An-nam), Paris, Parrin, Tr.212). Tướng De Courcy muốn bỏ trọn về Bắc Kỳ hay ít nhất là các vùng ngoài Châu thổ, và giới hạn trong việc chỉ chinh phục Trung Kỳ. Ghi chú của chủ bút BAVH.

Chiu, ngày 4-2-1885

Cha mẹ thân yêu,

Con ở Chiu từ 5 hay 6 ngày. Cha mẹ xem, con chạy cũng không tồi. Thật thế, đã 7 hay 8 ngày con đã ở Kép.

Ngày 30-1 người ta thực hiện một cuộc biểu dương về phía đó, con đã bơm căng khí cầu ở Phủ Lạng Thương và nó đã ở Kép ngày 29 vào buổi chiều. Sáng nay 30 đại tướng Négrier, 3 trung đội lê dương ngoại quốc và con, đi Cao-Sơn, nơi chúng con đã thực hiện nhiều cuộc bay lên, thiếu tá Fortoul, đại tướng, trung tá Godard và con.

Tầm nhìn trải dài khá xa, nhưng người ta không thấy một người Trung Hoa nào. Người ta có thể phải thấy Bắc Lệ nhưng để nhận được chỗ này phải có trong đầu địa hình của xứ này, và con đến đây chỉ là lần đầu, trong mọi trường hợp người ta dễ thấy Kép và Phủ Lạng Thương. Ngày hôm sau, đại tướng trong đêm tối lên đường đi Chiu, và con được lệnh ngày hôm đó dẫn khinh khí cầu vào đồng ruộng để làm người ta tưởng rằng đại tướng vẫn luôn ở đó. Chúng con bay đi với cao độ 300m và ngày hôm sau đến phiên chúng con, chúng con thả dây đi Phủ Lạng Thương trong đêm, ở đó có một chiếc tàu đợi chúng con và đưa đến đây. Con có thể theo đoàn quân với khí cầu bơm căng ngày 2-2 vào lúc lên đường ở Chiu nhưng con không còn đủ muối để làm căng khí cầu.

Ở Phủ Lạng Thương con đã bơm căng khí cầu 3 lần để giữ khí cầu đầy và con đã sử dụng không tồi (con muốn nói: muối) khoảng 2 lần trọn vẹn, con tưởng rằng đã đem đủ 3 lần bơm từ Hà Nội, căn cứ vào các lượng khí đã dùng cho các lần bơm căng trong tháng ba và tháng tư và tai ác thay, muối xấu, chỉ 2/3 trong số các thùng là dùng được.

Và hơn nữa, người ta đã không hỏi con, không một chút nào hổ thẹn về việc không biết dùng một vật liệu mà người ta không biết, cũng như các vị đại tướng có tiên liệu với con về những gì người ta chờ đợi ở con; con đã nhận đem đi một đơn vị. Cuối cùng người ta hỏi con bằng điện tín từ Hà Nội về các vật liệu hàng đầu của con, con luôn đợi chúng, và chuyện đó đã làm con hỏng cuộc chiếm cứ Đồng Văn. Thật khó chịu.

Chúng con vừa biết tin về cuộc chiếm cứ Đồng Văn sáng nay, đó là do một phân đội lạp binh Châu Phi hộ tống một đại úy Bộ tham mưu và một đại úy pháo binh chứng nhận cuộc chiến, hay đúng hơn là những cuộc chiến, bởi vì cuộc chiếm cứ này kéo dài 3 ngày, và khi chiến lũy bị chiếm người ta không tìm thấy chút gì, quân Trung Hoa đã đủ thời giờ để rút đi với súng đạn hành lý và số người chết của họ ngang qua chợ.

Việc này chúng ta phải trả giá không ít người, tỷ lệ là khá nặng, đó là lỗi của một đại úy khốn khổ, ông ta đã trả giá bằng cả cuộc đời của mình. Người ta ra lệnh cho ông chiếm một chiến lũy thứ hai cách đó vài trăm thước, ông ta lao đến đó, lưỡi lê trên nòng súng, với lính của mình không chuẩn bị chút gì cho cuộc tấn công. Ông ta liền bị nạn và phân nửa trung đội bị giết, ba sĩ quan bị thương trong số đó hai người chết. Chiến lũy đã đề cập cũng bị triệt hạ.

Quân Trung Hoa, người ta nói với chúng con, thua chạy trên đường Lạng Sơn, nơi đó người ta có thể sẽ tìm ra chúng, nhưng lúc này đoàn quân nghỉ ngơi ở Đồng Văn. Đây là một xứ núi non không cao lắm nhưng rất gần nhau, như một loạt bánh đường đặt trên mặt đất tiếp xúc theo đằng đáy.

Các chi tiết khác để sau.

*
* *

Kép, ngày 21-2-1885

Cha mẹ thân yêu,

Thư cuối của con hẳn làm cha mẹ ngạc nhiên chút ít, nó chưa chấm dứt. Hiển nhiên cha mẹ đoán được lý do.

Con đã bắt đầu thư đó ở Chiu, trong ngôi chùa mà con trú ngụ, con dành để viết cho cha mẹ thiên ký sự cuộc chiếm cứ Động Sung. Rồi thình lình có lệnh đến cho con đi làm con đường Động Sung theo lối Đèo Quao, và con ra đi không còn nghĩ đến lá thư mà con còn để ngỏ trên bàn và chỉ một lần khi ở trên núi con nghĩ đến nó và con cho người niêm phong và gởi bưu điện.

Như vậy, con đã ở trên núi về phía Chiu và cha mẹ có thể hỏi vì sao con lại viết cho cha mẹ từ Kép. Điều đó chỉ là vì con nhận được điện tín ra lệnh ngưng công tác trên đường này và chuyển con qua ngay Phủ Lạng Thương để bắt đầu làm con đường quan nó sẽ kéo dài ít nhất trong vài đoạn.

Tất cả những giải thích đã cho này và một lần yên lặng về vị trí của con có thể làm cho cha mẹ hỏi con về các chi tiết trong cuộc chiếm Lạng Sơn. Con không có mặt ở đó, nhưng con biết một vài giai đoạn do bạn bè của con, hơn nữa bản tường trình sẽ đi theo chuyến đưa thư này đến cho cha mẹ và cha mẹ sẽ đọc sự việc trong từng chi tiết.

Ngày 12 trời nóng, phòng tuyến chống cự của quân Trung Hoa xuất hiện dưới hình thức 1/2 vòng tròn dài 6km, trên phòng tuyến này các công sự gần như liên tục và rất kiên cố. Đến khoảng trưa, người ta tự hỏi quân ta có thể chiếm nó bằng lưỡi lê. Câu trả lời khẳng định không phải chờ đợi lâu và người ta đã tiến vào Lạng Sơn. Hình như lúc đó chỉ còn quân tiền tiêu trong căn cứ, toàn quân Trung Hoa đã qua

sông, dàn trận thế phía bên kia ở một khoảng cách khá xa. Rồi để phô trương, đã bắt đầu di động rút quân, lên đường rất trật tự.

Nhưng thình lình đội pháo binh tiền đạo của chúng ta đến, một khẩu đặt vào vọng lâu của một trong các cửa thành và bắt đầu khai hỏa vào các khối này. Hiệu quả thật kỳ diệu, vào quả đạn thứ ba không còn ai, cả đội quân này đã biến mất như thần thông biến hóa.

Xứ Lạng Sơn này khá đẹp, hơi nhiều gò đống một chút, nhưng cuối cùng đây không phải là ngọn núi đáng sợ làm ranh giới cho vùng châu thổ trong hướng này.

Bây giờ người ta sẽ làm gì? Khi nào thì yên? Trong mọi trường hợp, từ hôm qua người ta tìm những biện pháp nghiêm khắc chống lại quân Trung Hoa, tất cả có 48 giờ để rời Bắc Kỳ. Có thể cha mẹ không biết rằng ở Hà Nội, Hải Phòng... chỉ có những người Trung Hoa là thương nhân hoặc gần như thế. Người ta nói với chúng con rằng chính những người Trung Hoa này xúi giục gây ra những xáo trộn hiện nay ở Cam Bốt. Cha Sme sung sướng gần như biết rõ công chuyện. Đô đốc Courbet cũng làm khó họ. Cuối cùng, con hy vọng từ đây trong hai tháng, tình hình sẽ khá sáng sủa.

Đối với những gì liên quan đến con, ngày mai con đi Tanh-Musi (lần dừng chân thứ hai kể từ Lạng Sơn, ngang tầm Động Sung) và con sẽ lập tức lên đường.

Chúng con thực hiện một cuộc hành hương đến Bắc Lệ. Con sẽ kể cho cha mẹ về chuyện đó.

Nếu con không có thì giờ viết cho Alice và Paul, cha mẹ hãy nói với chúng rằng con có ý như thế nhưng con còn có nhiều chuyện bận rộn trong đầu trong một tháng.

Con hôn cha mẹ ngàn lần và ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Người ta viết cho con từ Versailles rằng đại tướng Gallimard cho con thăng cấp ngay nếu ông ta có văn thư đề nghị của con trong tay. Vì tất cả hồ sơ Millot là ở văn phòng, có tất cả, tất cả! Thật rủi ro! Và ở văn phòng người ta không thả các giấy tờ lộn.

Thanh Mai, ngày 17-3-1885

Cha mẹ thân yêu,

Chuyến thư cuối đã không đem đến cho cha mẹ thư của con, con quá bận việc và con ở xa mọi trung tâm văn hóa đến nỗi con không biết khi nào các chuyến thư đến và đi. Như thế ngày hôm qua thư của cha mẹ thuộc chuyến thư ngày 15 mới đến với con, ngày hôm nay thì thư của chuyến ngày 30.

Con đã rời cha mẹ ở Kép, trước khi lên đường đi Bắc Lệ. Hẳn cha mẹ tự hỏi khi qua đó cảm tưởng của con như thế nào.

Hiển nhiên là buồn, nhưng thấy tận mắt, con có thể hiểu một chút công việc khốn khổ này, và chính con thấy rằng nếu chỉ 10 tên cướp nào đó, Trung Hoa hoặc ai khác, núp trong bụi hoặc sau thành lũy để bắn vào chúng con thì toán quân đang tiến về trước của chúng ta sẽ biến thành một thứ hỗn loạn. Người ta không thấy được gì cả, ở đằng trước, bên phải, bên trái, khắp nơi đều là bụi rậm. Hãy xét xem một tý, con mở mắt cũng như không.

Con lãnh quyền chỉ huy đoàn quân, và kế đó là một trách nhiệm to lớn.

80 lính lê dương, 80 lính bộ binh Bắc Kỳ, 30 lính Thổ Nhĩ Kỳ, 20 lính công binh, 650 phu khuân vác lương thực. Từ lúc

đó nhân viên quân sự của con tăng gần 100 lưỡi lê, như cha mẹ thấy con đã chỉ huy tốt trong cương vị của một trung úy.

Ngày 26-2 con cho đóng quân trong một căn cứ cũ của Trung Hoa nằm trên một vùng gò đống dốc đứng rất kiên cố cho những ai đến đánh đuổi chúng con, vậy thì họ cứ đến đi! Như Tartarin đã nói - lúc đầu rất lý thú, người ta báo cho chúng con về quân Trung Hoa, chính con đã găm được hai, bây giờ thì hết rồi, không còn báo động nữa; người ta cho rằng chúng con không còn ở nơi chiến trận nữa.

Thật đáng vui mừng, như một sự tiêu khiển, con đóng vai của một tiểu vương, con được sự phục tùng của tất cả những viên Cai tổng (người coi sóc tổng), họ đến có các lý trưởng trong tổng hộ tống, chào con và đem đến cho con các tặng phẩm: trứng gà và gà mái. Con tiếc rằng không viết nhật ký để ghi những chuyện hay ho như thế này trong các cuộc phiêu lưu của mình. Ban đầu vì chưa tin tưởng được những người này, con tiếp họ ở ngoài cổng đồn. Con ngồi trên một ghế xếp. Họ lạy con 4 lạy (con nghĩ như đối với ông vua Trung Quốc, còn với vua An-nam là 3 lạy), trán chạm đất, 4 lạy khi đến, 2 lạy khi lui.

May thay con có râu để cười mà không bị thấy. Con tự thấy bằng lòng đã làm cho họ thật sự nể sợ để có được phu làm đường[1].

---

[1] Tôi lưu lại khá lâu ở Thanh-Moi, phần thì để làm "con đường la đi" (chemin muletier) nối Thanh-Moi với Đong-Sung ở thung lũng phía tây, phần thì để làm con đường quan từ Thanh-Moi đi Lạng Sơn, và tôi gặp nhiều trưởng làng. Dân cư ở đây không phải là người Việt. Trong cuộc tiếp xúc lâu dài này, tôi có cảm tưởng rằng các toán quân Trung Hoa mà chúng ta đuổi chạy về Lạng Sơn là những toán cướp (tôi hơi nói quá phần nào), làm dân chúng kinh sợ và sống bằng những cung phụng bắt buộc. Trái lại,

Con rất vui mừng thấy Alice đã bình phục, và thấy cháu gái của con tiến bộ. Này, Berthe, em đã trở lại với nhiệm vụ bếp núc, em phải đến đây để lo việc nội trợ cho anh. Lalès dù sao cũng khá trong việc này, nhưng tốt hơn là xem thực đơn (luôn luôn chỉ là một thứ) mà anh ta dọn cho chúng ta mỗi buổi sáng ở trên cỏ. Anh nói trên cỏ bởi vì hàng ngày anh ăn sáng trên công trường cùng với một trong hai thiếu úy của anh: xúp hành, thịt gia cầm làm lạnh, trứng chiên. bầu dục xốt, bit tết khoai, không có món tráng miệng. Chưa bao giờ anh được ăn nhiều bầu dục và nấu như thế, ở đây người ta hạ bò hàng ngày cho trại lính, và bọn anh luôn luôn có thịt ngon. Xem nào, em đến chứ?

Quân tăng viện đã đến, người ta nói thế, nhưng chưa phải lúc hướng về Lạng Sơn.

Con tạm biệt cha mẹ và hấp tấp hôn cha mẹ, thật thế, nhưng thật nhiều lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Lam, ngày 17-4-1885

Cha mẹ thân yêu,

À này! Hòa ước đã được ký kết, người ta nói thế! Đó là một nền hòa bình bằng mọi giá, con nghĩ thế. Cuối cùng sự

---

tất cả những gì chúng tôi tiêu thụ: lúa, gạo, gà v.v... đều được tôi trả tiền. Tôi cũng đã trừng trị một vài sự nhũng lạm gây ra do một, hai người lính lê dương của tôi. Những hình phạt này được khắp xứ biết đến ngay và điều đó đã đem lại một sự thư giãn và tin tưởng đáng kể. Có lúc quân lính của tôi thiếu thuốc và các phu khuân vác thiếu muối, tôi thích thú thấy ngay rằng các thứ đó được bán ngay ở các chợ họp ở chỗ không xa vị trí đóng quân của tôi.

nghiệp quân sự của con hoàn tất ở đây, con đã thấy và tham dự vào một thất bại!

Thật thế, thật không tốt, cuộc rút quân này ở Lạng Sơn không làm vinh dự cho quân đội chúng ta.

Từ vị trí tiền tiêu của mình với cõi lòng bình tĩnh dửng dưng con đã tham dự vào các biến cố này, cái đã tạo nên sự phản đối lớn của Pháp. Con còn nhớ đến chuyện đó như nó mới xảy ra ngày hôm qua. Con sắp đi nghỉ, ở Lang-Mouc (con không biết con đã viết cho cha mẹ về địa điểm này, đây là một trạm, sau trạm Thang Moi), lúc đó 10 giờ, một kỵ binh đến từ Đông Sung (cách đây 18km) đem cho con hai công điện, một của đại tá Godart ở Kép, cái kia của đại tá Herbinger ở Lạng Sơn, cả hai ra lệnh rút quân, công điện sau cho con biết một ít các biến cố.

Tiếng sét trong bầu trời trong xanh rơi cách đầu của một bộ hành 10km, đúng là làm kinh ngạc. Biến cố này đối với con còn khác thường hơn nữa, tuy nhiên con đã bắt đầu trở nên triết lý và lạnh lùng, con từ tốn đứng lên, con suy nghĩ hai phút và con ra lệnh cuốn gói và sẵn sàng lên đường. Con cho đánh trống để tập trung phu. Với hiệu lệnh này con còn thấy hai viên quan của con chạy đến, một nửa còn để trần, hấp tấp ngơ ngác. Sau đó là thành lập đoàn, bắt đầu lên đường, con buộc phải dừng đoàn quân từng 10 phút để xiết chặt hàng ngũ. Lúc đó là nửa đêm, trời sáng trăng thật đẹp. Chúng con đến Thang Moi vào lúc 2 giờ ½ sáng và đến chiều một nửa đoàn quân đến nơi, nửa kia rút lui Đông Sung. Người ta được lệnh giữ nơi này bằng mọi giá, và sáng hôm sau con ra đi để tổ chức Đèo Quao (ngọn núi chia cách hay nối Đông Sung với Thang Moi).

Con cho làm 4 phòng tuyến, trong các phòng tuyến này trung đội phải tàn sát để che chở cuộc rút quân. Chúng con

nằm đó, mệt lử, chờ đợi sáng mai tiếp tục công việc, trong khi đó một toán quân Trung Hoa (hình như không nhiều lắm) lao đến tấn công Đông Sung. Rồi vào lúc 1 giờ sáng, nghe có tiếng động trên đường, con đi xuống để xem chuyện gì xảy ra và nhận thấy người ta đang đánh để rút lui, một chút nữa chúng con đã bị quên! Và thế là cuộc rút quân bắt đầu lúc 1 giờ rưỡi sáng.

Khi đoàn quân tập trung ở Đông Sung, chúng con lên đường lúc 2 giờ rưỡi. Biết rõ xứ này, con hướng dẫn tiền đội đến Pho-Cam nơi có thể đóng quân và bảo vệ cuộc rút quân, rồi con bắt liên lạc với Chiu, nơi đây con gặp vị thiếu tá công binh, ông ta liền trở về Chiu để tổ chức phòng thủ vị trí này.

Lam, cách Chu 7km, là điểm dừng của các pháo hạm và là điểm đổ thuyền, nay không còn chút gì. Con đã ở đây 8 ngày với vị thiếu tá công binh, chúng con dựng một căn cứ bố phòng nhỏ, nhưng kiên cố, có thể chống cự lâu dài với quân Trung Hoa và lại ra tay khi cần, nhưng nếu chúng đến đây, chúng phải giữ mình, thật là một trận đòn đau, lạy Chúa! Nếu chúng đến tấn công các phòng tuyến của chúng ta[1].

---

[1] Có một điểm trong thư của tôi đã làm chảy nhiều mực và đối với tôi đã hơi dài dòng. Tôi nghĩ rằng tốt hơn là hoàn tất các chỉ dẫn mà tôi đã cung cấp về đề tài này. Ký ức tôi rất rõ nét và chính xác. Đó là việc rút quân Lạng Sơn.

Lúc đó tôi nhận hai công văn, công văn của đại tá Herbinger và công văn của đại tá Godart. Cái thứ nhất được biết nhiều và nội dung là: tướng Négrier bị thương, hãy giữ nhiệm vụ chỉ huy và xếp thành hai cánh quân ở vùng Châu thổ. Theo ý tôi, lệnh này đã nhanh chóng truyền ở Pháp (tôi sẽ trở lại chuyện này) và đưa đến sự sụp đổ của nội các Jules Ferry.

Công văn của đại tá Godart được gởi riêng cho tôi, công văn đầu là thông tin tổng quát, nó rõ ràng và chính xác hơn. Nội dung công văn: Quân ở Lạng Sơn đánh để rút lui. Rút về Thanh - Moi và tất cả nhân viên của ông, nhận ở đó 4 ngày lương và chờ lệnh mới.

Tôi thi hành đúng đắn lệnh này, và tôi đến trại cũ của tôi lúc 2 giờ ½ sáng.

Thiếu tá Fortoul, tham mưu trưởng của tướng Négrier và đại tá Herbinger đến Thanh Moi tối hôm đó. Vừa gặp mặt tôi Fortoul nói với tôi: thế là anh đã mổ bụng xứ Bắc Kỳ! Đó là lời nói đầu tiên của ông ta. Thế nào! Tôi trả lời, nhưng tôi được lệnh làm một con đường đi được cho các xe Lefèbvre có bò kéo, và trong ít ngày chúng tôi đến Lạng Sơn. Thật thế, con đường đã được vạch rõ, và các cầu vững chắc và tiện lợi, có khá nhiều vì dòng sông quanh co và nhiều chi lưu, đã được hoàn thành do lính công binh của tôi với sự giúp sức của khá nhiều tiều phu mà tôi tìm thấy trong tiểu đội lính lê dương của mình. Nhưng thiếu tá Fortoul mới đầu chỉ thấy mỗi một việc đuổi theo của quân địch nhờ con đường này mà trở thành dễ dàng.

Cuối cùng, ông ta trấn tỉnh lại ngay và nói với tôi. Anh có dụng cụ không? Vâng, thưa thiếu tá đủ số lượng và đủ người để thực hiện. Tốt, ông ta trả lời tôi, hiện giờ tôi thích một dụng cụ hơn một khẩu súng. Điều này minh chứng tính xung động của thiếu tá Fortoul. Nhưng suy nghĩ của ông ta trước khi giúp ích cho tôi về sau, tôi không bao giờ quên. Chúng ta hãy đi gặp đại tá Herbinger, ông ta thêm. Và chúng tôi đến đó. Ông ta giới thiệu tôi. Tôi đã quen thiếu tá Fortoul từ hơn một năm và chúng tôi tin cậy nhau, còn đại tá Herbinger tôi chưa bao giờ gặp.

Herbinger nói với tôi: tôi được lệnh giữ vị trí Thanh Moi, Đông Sung. Ông biết con đường nối hai cứ điểm này?- Biết rất rõ, thưa đại tá, chính tôi là người cắm cọc và xây dựng con đường. Gần trên con đường này có thể nào người ta tìm được một cứ điểm vững chắc để làm đồn hầu bảo đảm liên lạc giữa Thanh Moi với Đông Sung? - Hoàn toàn tìm được, tôi đã thấy một vài vị trí tốt! Ngày mai anh sẽ dẫn thiếu tá Servières (về sau chỉ huy trưởng Quân đoàn 19 ở Alger), người chỉ huy hậu đội của tôi: Ông sẽ cùng anh chọn vị trí để tổ chức đồn.

Vào bình minh ngày hôm sau, cùng với tất cả số lính công binh và nhân công bản xứ của mình tôi ra đi cùng với thiếu tá Servières. Sau khi khảo sát địa thế, chúng tôi chọn 4 cao điểm ở kế cận nhau, điểm này nằm bên sườn điểm kia, ở về phía Bắc và ở cách "con đường la đi" một quãng nối Thanh Moi với Đông Sung. Mỗi một cao điểm này phải được một phân đội của trung đội chiếm giữ.

Tôi liền bắt tay vào việc, trong khi thiếu tá Servières trở về Thanh Moi ra lệnh. Đại tá Herbinger có mặt ở đó. Vào cuối buổi sáng, trung đội do đại úy Hondaille thuộc Đại đội bộ binh cơ động Châu Phi của thiếu tá Servières chỉ huy đã đến chỗ tôi, và sau buổi ăn trưa lúc 11 giờ, đại úy

Hondaille đã cùng tôi hoàn thiện và hoàn tất các đồn nhỏ của chúng tôi. Ông ta được lệnh chiến đấu đến người lính cuối cùng tại chỗ. Tốt, tôi nói với ông ta, tôi không được lệnh nhưng tôi ở lại với ông, chúng ta sẽ có nhiều người để bảo vệ cứ điểm.

Khi đêm xuống tôi cho dừng công tác. Tôi tính sẽ làm lại sau vài giờ nghỉ ngơi, để cùng với lính công binh của mình tổ chức hai trại nhỏ ở hai trong bốn cứ điểm đã chọn. Và chúng tôi tất cả mệt lử, nằm ngủ trên đất và dưới trời sao.

Vào khoảng nửa đêm, tôi thức giấc vì nghe ở phía dưới chân chúng tôi trên con đường la đi nối liền Thanh Moi và Đông Sung, tiếng một đoàn quân di chuyển. Tôi liền đánh thức một trong những trung sĩ của tôi và phái anh ta đi xuống đường xem việc gì xảy ra. Người này sau một lúc trở lên và cho tôi biết rằng người ta đang rút quân. Tôi không tin ở tai mình. Chính viên đội cũng biết rằng anh ta cùng chúng tôi phải chiến đấu đến người cuối cùng ở địa điểm Đèo Quao này, và chúng tôi chờ một sĩ quan đi ngang để xác nhận tin tức kỳ lạ này. Tôi yêu cầu Hondaille ở lại vị trí của anh ta và tôi xuống đường. Tình cờ tôi gặp ngay chính thiếu tá Servières ông ta ở đầu toán hậu quân và nói với tôi rằng: "Tại sao anh lại còn ở đây? - nhưng, thưa thiếu tá, chắc rằng chúng tôi đã được lệnh giữ đến cùng và ngài cũng biết điều đó. Nhưng tất cả điều đã thay đổi và người ta đang đánh để rút lui, người ta đã gởi đến cho ông hai kỵ sĩ để báo tin, phải mau lên. Hai kỵ sĩ đó đã không đến. Vâng, tôi trả lời - tôi lên tập trung và đóng gói dụng cụ của tôi - nhưng phải nhanh lên kẻo anh sẽ bị cắt - thiếu tá Fortoul ngày hôm qua nói với tôi rằng ông ta cần dụng cụ hơn là súng trong tình huống hiện nay. Tôi có phu khuân vác, tôi thu lượm và đem đi dụng cụ. Hơn nữa đại úy Hondaille có mặt ở trên kia với chúng tôi, và ông được lệnh tử thủ tại chỗ, sẽ không đi như thế này. Tôi sẽ lên gặp ông ta. Cái gì! Hondaille còn ở đó sao? Chắc chắn, các kỵ sĩ đã không tìm được chúng tôi.

Thiếu tá Servières liền xuống ngựa, cho hậu đội của ông dừng tiến và nói với tôi: tôi lên với ông.

Trong khi ông ta trao đổi với đại úy Hondaille, cho biết thật sự có lệnh rời cứ điểm và trong khi viên đại úy đánh thức và tập hợp quân của ông ta, tôi cũng làm như thế và dẫn đầu phân đội, tôi tiến về hướng Đông Sung.

Ở Đông Sung, tiếp đó là một cuộc tấn công của toán cướp Trung Hoa, chúng đi theo đoàn quân, đồn quân ta bắn đại bác từng chặp trong đêm, tiếng các loạt xạ kích của quân ta phá tan sự im lặng. Lúc đó khoảng 1 giờ sáng, trời có trăng.

Khi tôi xuống đến đường, tôi gặp đại tá Herbinger, ông ta hỏi tôi: anh có biết rõ con đường từ Đông Sung đi Chu? Vâng, thưa đại tá, chính tôi là người đã xây dựng phần đầu con đường. Vào lúc này tiếng đại bác bắn hàng loạt vang lên đinh tai nhức óc từng hai ba phút một. Và cuộc trao đổi đứt quãng một lúc rồi tiếp tục như sau:

-Tôi đã nói gì với anh? Ngài hỏi tôi, thưa đại tá, tôi có biết rõ con đường đó và địa thế xung quanh. À vâng. Anh có thấy một địa điểm mà tiền đội có thể dừng để tổ chức và toán quân có thể qua? Có, thưa đại tá, và tôi chỉ định vị trí đã nói. Tốt ! anh sẽ đi với tiền đội và anh sẽ cho nó đóng quân và rồi anh sẽ tiến đến Chu.

Tôi chào và đi lo thi hành lệnh. Vậy là tôi về đến Chu như tôi đã nói với gia đình mình trong thư đề ngày 17-4-1885, cùng với tất cả quân và dụng cụ, vật liệu của mình. Về sau tôi được biết rằng tôi là người duy nhất trở về với đủ vũ khí và hành lý, và thiếu tá Sorel của ngành Công binh, người chờ tôi lên đường, lo rằng tôi không trở về, về sau đã không ngớt lời khen ngợi về tinh thần của tôi và phân đội tôi. Ông ta lo ngại khi thấy trở về lần lượt tất cả đơn vị mà không có tôi, khi mà như tôi đã giải thích ở trên, công binh thường ở tiền đội đã thành hậu đội, và tôi đã liên kết số phận mình với nó. Chúng tôi không bị tấn công gì cả và chúng tôi lặng lẽ tiến vào Chu.

Đối với những giai thoại về cuộc rút quân này, và ngoài những gì liên quan đến tôi - tôi chỉ kể lại hai sự kiện sau đây.

Người ta nói rằng vết thương của tướng Négrier rất đáng kể, và như thế có lợi cho ông, tình hình chiến trận của quân ta trở nên bất lợi trong trận đánh ở Lạng Sơn và buộc phải rút quân. Trong cái đêm mà tôi vừa kể, tôi nghe một sĩ quan trong số bạn tôi kể rằng: Négrier, ông ta bị thương nặng, tôi thấy vị y sĩ đưa ông ta về băng bó: viên đạn đã xuyên qua cơ thể chỗ này sang chỗ khác và làm vỡ toang! - thật ra, rất may viên đạn này không trúng một cơ quan nào quan trọng, nhưng những chứng nhân tại chỗ tưởng rằng vết thương này "vô cùng trầm trọng".

Một sự kiện khác: Khi lệnh rút lui được ban ra do Herbinger người ta còn ra lệnh vứt bỏ tất cả hành lý và tất cả những gì người lính không thể mang trên mình. Như thế là bạc vàng, và một phân đội pháo binh, đại bác, đồ đạc, đạn dược, được vứt xuống sông Ki-kong. Đại úy pháo binh chỉ huy pháo đội này tên là Martin, tôi biết ông ta rất rõ. Một trong các trung úy của ông là Bergeret thú nhận với tôi rằng vị chỉ huy của anh ta không biết làm thế nào với lệnh mà ông ta luôn để trong kẹp đựng giấy tờ của mình.

Anh ta luôn nghĩ rằng đã đọc được trong đôi mắt của người đối thoại câu nói sau: khi người ta là đại úy pháo binh và người ta được lệnh ném các khẩu đại bác của mình xuống sông thì đó là một cái lệnh không thể thi hành được. Và Bergeret thêm: Anh hãy mời ông ta ăn cơm và hãy làm cho ông ta khuây khỏa, ông ta luôn đánh tay vào túi mình để xem chừng cái túi giấy tờ có còn đó với cái lệnh kia hay không. Chúng tôi sợ ông ta trở thành người ngớ ngẩn hay đi đến chỗ tự sát.

Sở dĩ tôi chọn chuyện này, khá tiêu biểu trong số các chuyện khác là để minh chứng rằng lệnh bỏ tất cả đồ đạc đã làm nao núng như thế nào đối với kẻ thi hành lệnh. Người ta đã ngần ngại rất lâu trước khi có thể hiểu được. Người ta cũng hiểu được thiếu tá Sorel sung sướng biết bao khi thấy một sĩ quan trong binh chủng của mình đem về tất cả dụng cụ. Tôi không thể tự tán tụng chút nào, lúc đó tôi đến cách Lạng Sơn vài cây số, tôi đang làm đường, tôi không tham dự trận đánh, tôi có một số lớn các phu khuân vác và tôi không gặp chút nào khó khăn để giữ sự bình tĩnh và để đem về tất cả vật liệu của mình.

Trước khi rời bỏ chuyện này, tôi nói thêm chút ít về ý nghĩa và tất cả những lời khai của tôi trong biên bản được thực hiện để thẩm định tư cách của trung tá Herbinger. Tôi khai lời cung khai này với đại tá Borgnis-Desbordes, người chịu trách nhiệm chính của ủy ban điều tra án lệ, để thẩm vấn các sĩ quan đã tiếp xúc với Herbinger trong cuộc rút quân.

Hỏi: Ông ta đã có tiếp xúc với trung tá Herbinger trong lúc rút quân, hãy cho tôi biết, ở đâu, như thế nào và trong điều kiện nào?

Trả lời: Ở Thanh Moi, ngày 29-3

Hỏi: Hãy kể cho tôi nghe, trong tình huống nào và ông ta đã ra lệnh những gì cho ông?

Trả lời: Xem những gì tôi đã nói ở trên về chuyện này.

Hỏi: Ông thấy ông ấy như thế nào trong cuộc tiếp xúc đó, có phải ông ta bị kích động?

Trả lời: Không hẳn như thế. Tôi có nghe, như mọi người rằng ông ta hơi mất bình tĩnh, nhưng các lệnh ban ra rõ ràng và bình tĩnh.

Đại tá Herbinger bị kết tội uống rượu, và người ta nói rằng ông ta ở trong tình trạng say rượu khi rút quân. Từ đó có câu hỏi của đại tá Borgnis-Desbordes. Herbinger có thể bị đau tim. Một điều đập vào mắt là một mạch máu nổi rõ ở cổ ông và qua đó người ta có thể thấy và đếm nhịp đập của tim. Đó là lần đầu tiên tôi ở kế cận ông ta và sự kiện đó đã làm tôi chú ý; nhưng những người khác chắc chắn có thể thấy hiện tượng đặc biệt đó.

Con đã nhận được một công văn của Aron thông báo rằng con đã được thăng đại úy, lớp sĩ quan cùng lứa của con cũng đã lên, vậy là con không được gì ở Bắc Kỳ trong khi những kẻ khác ngồi phểnh bụng ra ở Mersailles. Thôi! Con không than vãn, con đã học được nhiều ở đây rồi.

Con hôn cha mẹ ngàn lẻ một lần.

Đứa con hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Có thể con sẽ trở về sớm ở Hà Nội.

Hỏi: Và tiếp đó, ngày hôm sau?

Trả lời: Xem các chi tiết đã cung cấp ở trên.

Hỏi: Ông nói rằng tiếng đại bác và các loạt tiếng nổ đã làm ông ta mất bình tĩnh một lúc.

Trả lời: Vâng, nhưng việc đó xảy ra rất ngắn. Chắc chắn rằng trong hai người tôi là người bình tĩnh hơn, nhưng tôi đã không dự trận từ trước khi trời sáng, cũng không gánh trách nhiệm về những quyết định theo nguyên tắc.

Hỏi: Cuối cùng và để tóm tắt, ông đã biết rõ người ta kể rằng ông ta thích uống rượu, ông nhận thấy thế nào?

Trả lời: Với câu hỏi rất rõ ràng này, tôi cũng trả lời một cách rõ ràng: đó là lần đầu tiên tôi gặp trung tá Herbinger. Tôi không biết ông ta có thích uống rượu hay không. Nhưng trong tâm hồn và lương tâm tôi, tôi xác nhận rằng ông ta không gây cho tôi một ấn tượng nào đã có uống rượu hay say rượu ngày hôm đó.

Đó là lời khai của tôi. Các sự việc chính thức không ngăn trở bằng trong thâm tâm tôi - nhưng tôi không nói điều đó với đại tá Borgnis-Desbordes - tôi luôn luôn nghĩ rằng cuộc rút quân có thể được ra lệnh tốt hơn, và lệnh vứt bỏ tất cả là quá đáng.

Tôi chưa bao giờ viết tất cả điều đó. Nhưng nhiều năm đã làm cách biệt chúng ta với biến cố đó, và nỗi lo ngại về sự thật làm cho tôi nghĩ rằng hôm nay không còn chút bất tiện nào khi đưa ra các chi tiết này cho công chúng.

Lam, ngày 4-5-1885

Cha mẹ thân yêu,

Lá thư thứ ba của cha mẹ có dòng đề bì đại úy đã đến với chúng con cùng hai lá thư khác, nó có thể đã theo chuyến tàu thư ngày 14 tháng ba và đã đến với chúng con ngày 22 tháng 4; nó mang đến cho con một chuyện làm con rất sung sướng, đó là đồ mang đến của một trung úy thuộc trung đội.

Con hoàn toàn không biết cái mà cha mẹ đưa cho ông ta mang đi bởi vì con không thấy cái gì mà người ta có thể đem từ Pháp đến đây, như quần áo thì người ta có tại chỗ, như lương thực thì đó là việc khác, nhưng người ta mua chúng ở Paris hay Marseille. À! Tuy vậy một cái mà con tiếc cho mùa đông này nhưng có thể con không có dịp để mặc, đó là chiếc áo nịt (áo gilê) bằng len của con. Áo khoác hay áo choàng rất bất tiện, trong khi đó là một áo gi-lê tốt bằng len dễ dàng thay thế áo khoác.

Như cha mẹ đã biết, người ta vừa mới đặt chân lại ở Lạng Sơn. Đông Sung tám ngày trước do quân Trung Hoa chiếm cứ, nay đã rút khỏi và do chúng ta chiếm giữ. Người ta đã nói gì, người ta hiện nói gì ở Pháp về tình trạng hòa bình này? Ở đây, người ta không biết gì về các điều khoản cũng như các tình huống trong đó nó được thực hiện, nhưng người ta thẩm định đó là một hàng ước về phần chúng ta. Chúng con cũng không biết về những gì xảy ra ở Trung Hoa về phía đô đốc Courbet, mọi người thực hiện những ước đoán, nhưng mọi người đều thất bại, và chúng con nôn nóng chờ báo chí tháng tư.

Cha mẹ sẽ thấy trong thư này, có đính kèm một bưu phiếu 500frs, con xin cha mẹ lấy cho con biên nhận như những lần khác. Con còn có thể gởi cho cha mẹ các bưu phiếu khác bởi vì thăng đại úy này thâm không bao nhiêu cho lương của con

nhưng cũng làm cho con lãnh thêm 200 hoặc 300frs, con không biết rõ, tiền phụ cấp tham dự chiến dịch.

Sức nóng bắt đầu trở thành rất mạnh.

Fred sẽ suy nghĩ nghiêm túc về bằng tú tài khi thư này đến, chỉ suy nghĩ thì không đủ, cần phải lấy được nó và vào lớp đặc biệt khi đến ngày khai trường, và này, em nói sao?

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Con luôn sức khỏe. Aron viết cho con rằng anh ta muốn đến gặp con.

Lam, ngày 23-5-1885

Cha mẹ thân yêu,

Con để cho cùng đường đến tận giờ cuối trước khi viết cho cha mẹ, chuyến thư ở lại Hải Phòng 6 ngày, điều đó cho phép trả lời các thư nó mang đến, nhưng các thư của con phải đi đến Hà Nội thay vì đến Chu trực tiếp, và dịch vụ được thực hiện tốt ở đây chỉ 2 ngày thay vì 8 ngày để đi từ Hà Nội đến Chu.

Tuy nhiên con có nhận vài tờ báo mà Aron gởi cho con theo chuyến thư Anh, con cũng như tất cả chúng con kinh ngạc khi thấy cuộc rút quân ở Lạng Sơn đã tạo ra sự kinh hãi ở Paris như thế nào. Đó là nỗi kinh hãi đến điên cuồng, xem nào, xem nào, khi nào thì chúng ta nghiêm chỉnh !!!

Và làm thế nào người ta có thể đổ lên ông Ferry trách nhiệm về biến cố này, đó thật là khôi hài. Kẻ thù của ông muốn lật đổ ông trước ngày bầu cử, đồng ý, con không làm chính trị, nhưng thật chưa đúng lúc để ông Clémenceau và

phe phái không đến nữa để nói với con về lòng yêu nước của họ, con không tin tưởng họ nữa[1]. Nếu có một tội phạm đâu đó, chính là phải tìm nó ở đây và ở cấp rất cao, mà không phải ở

---

[1] Trong bầu nhiệt huyết thuở thiếu thời tôi không quên đi lời nói cũng như những thẩm định của mình về các sự kiện cũng như về những nhân vật. Tôi đã nghĩ từ rất lâu như tôi đã biết về ngày 23-5-1885. Những ngày khởi đầu của tôi ở Bắc Kỳ, trong sự nghiệp thuộc địa rồi đến một sứ mạng ở Madagascar kéo dài trọn năm 1897 (điều nghiên và vẽ con đường sắt từ Tamatare đến Tananarive) đã làm cho tôi được biết đến một phần ở hòn đảo lớn ở Ấn Độ dương. Tất cả điều đó làm cho tôi trở thành một dân "thuộc địa" rất quả quyết và thuyết phục. Bởi thế trong thâm tâm tôi luôn đau khổ khi thấy chính phủ của chúng ta không muốn hiểu cái vĩ đại và ích dụng của sự bành trướng thuộc địa của chúng ta. Dưới mắt tôi, thật thế "sự chói lọi ở bên ngoài nước Pháp" còn xa để làm hư hại đến ý hướng khác; các ý tưởng chủ đạo, cái ý tưởng bất biến của "cái bên kia đường kẻ màu xanh của xứ Vosges". Liều bị làm trò cười, khi tôi trở về từ Bắc Kỳ, tôi thú nhận rằng lần đầu tiên trong đời khi bay lên với quả cầu ở Alsace, tôi đào một chút đất ở ngoài cột mốc biên giới và như một học sinh trung học mà từ lâu tôi đã rời xa, tôi cất giữ trung thành trong một cái túi chút đất Alsace mà tôi đã lấy ở đó.

Nhưng biết bao biến cố đã diễn ra từ 1885 đến ngày nay? Chỉ để nói đến những điều khủng khiếp nhất thì có cuộc chiến 1914 - 1918. Viên đại úy trẻ Jullien đã trở thành trung tướng sư đoàn trưởng Jullien, cựu chỉ huy trưởng công binh của quân đoàn III, ở Verdun trong vùng Grurie, ở miền Bắc xứ Aisne, ở roye - Lassigny ở Noyon. Chính là ở đó mà người ta gọi tên để giao việc điều hành công binh ở bộ chiến tranh. Với chức danh này trong một thời gian dài tôi là một trong những cọng sự viên thân cận của Clémenceau vĩ đại của chúng ta. Như vậy tôi biết hơn bất cứ ai điều mà nước Pháp hay cả thế giới phải nợ đối với con người bất bình thường này trong những giờ phút bi thảm. Cũng thế, và không chối bỏ bằng bất cứ phương cách nào lòng tin to lớn về thuộc địa của tôi sẽ luôn còn mãi, tôi không khi nào tôn vinh mình, và rất rõ ràng đã có thể phục vụ rất gần trong nhóm những người thân cận của Clémenceau. Tôi rất quý trọng ông. Vào cuối năm 1917, chỉ có ông nắm giữ trong tay và thực hiện thích hợp và chắc chắn quyền lực. Ông ta đã cứu rỗi chúng ta. Điều đó tôi không thể và không được quên.

Paris, nhưng chúng ta hãy để lại đề tài này, chúng ta sẽ nói chuyện sau, nay con kể cho cha mẹ những chuyện vui hơn[1].

Cách đây vài ngày, con đi ngang Lục Nam để đi xem việc đốn cây mà do con làm ở bờ trái con sông. Gần bên chỗ rừng của con có một làng con có vào trong đó. Con đi đại vào trong nhiều nhà, theo sau có vài người "nhà quê" (nông dân bản xứ) trong đó có một người bập bẹ được một ít tiếng Pháp.

Con vào một ngôi nhà, cao và rộng hơn các nhà khác, chủ nhân là một người Việt ít khổ hơn những người khác đang ngủ trưa, con đánh thức ông ta dậy và hỏi ông ta là ai. Ông ta giải thích là thầy thuốc, rồi khi biết con là đại úy công binh đang điều hành công trình ở Lam, ông ta liền xin một giấy

---

[1] Tội phạm mà lúc đó tôi đã không nêu tên chính là Brière de l'Isle. Đối với tôi, không có chút gì đáng ngờ. Khi ở Hà Nội, người ta biết Négrier bị thương và lệnh rút lui, Brière đã hốt hoảng và đã được điện tín như tất cả mọi người biết. Điện tín kết thúc bằng những tiếng: mong rằng giữ được vùng Châu thổ.

Tôi phê phán mạnh mẽ điện tín này, trong thư của tôi. Vài tuần sau, khi trở về Hà Nội, tôi nghĩ ngợi chút ít trước khi được gởi đi Huế, tôi có gặp đại úy pháo binh thuộc địa Bojer, sau lên tướng. Ông ta cùng khóa với đại tá Renard, người chỉ huy của tôi, và rất thân thiết với ông này. Không biết có phải chính lúc này hay sau đó mà Bojer tâm sự với tôi như sau đây, tôi không dám chắc, tuy nhiên tôi nghĩ rằng chính là ở Hà Nội vào cuối tháng 6 hay đầu tháng 7.

"Này Bojer, tôi nói với anh ta, anh là sĩ quan hầu cận của Brière de l'Isle và anh ta đã để ông ta đánh một điện tín hốt hoảng như thế! Nhưng bạn ơi, chính ông ta thảo nó. Ông ta giao cho tôi đem đến bưu điện. Anh biết điều tôi đã làm? Không, này! Tôi cho rằng Brière đã suy nghĩ lại và đã thay đổi nó, tôi đã giữ nó trong túi gần 48 giờ. Sau khoảng 24 giờ Brière nói với tôi: thật đáng kinh ngạc người ta không trả lời gì cả ở Pháp đối với văn thư của tôi. Nó có được gởi đi? Đường dây có bị cắt không? Lúc đó tôi lắp bắp điều gì đó và nói rằng tôi sẽ đi xem đường dây có hoạt động không và cuối cùng tôi để lại cái lệnh, tôi không thể làm khác được.

thông hành để thăm các phu khuân vác của con (con có khoảng 600). Con trả lời ông ta, điều có thật, cách đây 3 ngày vừa khi vào một làng khác, mà con gọi tên cho anh ta, ở đó cũng gặp một thầy thuốc và con đã cấp một giấy thông hành với cùng mục đích và vì con chỉ cần một thầy thuốc nên không cấp giấy cho anh ta nữa.

Anh chàng bèn trả lời con rằng: Ồ! Ông thầy thuốc đó, tôi quá biết, đó chỉ là một anh hề, một anh bán thuốc rong, anh ta có biết gì đâu...

Thủ đoạn của bọn bán thuốc rong, ở xứ nào cũng có, con bật cười và nói với anh ta, điều không thật là tay thầy thuốc kia, người đầu tiên, nói với con rằng, kẻ bán thuốc rong chính là anh ta, người đối thoại của con, và con để cho anh ta đối diện với sự thẩm định giả thiết của người đồng nghiệp anh ta[1].

---

[1] Tôi bỗng nhớ một chuyện không mấy lý thú. Lúc tôi ở Lam, một ngày kia đi tìm kiếm tre ở một làng bên cạnh tôi thấy một con dê cái. Tôi rất vui mừng bởi vì từ khi rời nước Pháp, tôi chỉ được dùng sữa đặc. Tôi giải thích với ông lý trưởng người ta làm thế nào để vắt sữa các con dê. Điều đó không phải là không khó nhọc, và ông ta hứa cho vắt sữa con vật. Trong vòng 5, 6 ngày người ta đem đến cho tôi một ít sữa đựng trong một cái chai. Tôi không có cái gì khác để đựng. Sau đó viên lý trưởng đến tìm tôi dắt theo con dê và nói với tôi: chúng tôi muốn bán nó vì tôi không tìm được người nào để vắt sữa. Tại sao vậy? Vì quá bẩn. Ô không làm gì được vì không một ai muốn. Chính tôi cũng không biết vắt sữa, các lính công binh của tôi cũng vậy, và tôi đành trả lại con dê cho chủ của nó.

Ông lý trưởng đó ở bên cạnh tôi khi người ta đến thông báo với tôi rằng một chiếc xà-lúp từ Hải Phòng đến có mang theo trong số các đồ vật khác có một ít nước đá. Câu chuyện phiếm của chúng tôi chấm dứt và viên lý trưởng theo tôi vào nhà nơi đây người phụ tá của tôi, một thiếu úy pháo binh thuộc địa, đang chuẩn bị cho ông ta và tôi hai ly nước uống có nước đá. Viên lý trưởng và người thông dịch đứng yên trong góc nhà và nhìn chúng tôi. Tôi thấy họ thì thầm với nhau. Tôi hỏi người thông dịch: Ông lý trưởng nói gì? Thưa đại úy, ông ta nói ông ta thấy ngài làm tan cái gì màu trắng

Chavez đã đến, anh ta ở Hà Nội, con chưa gặp anh ta, con không khiến anh ta đến đây bởi vì theo điều mà thiếu tá Sorle nói với con thì phân đội con trong một vài ngày sẽ được gọi về Hà Nội để nghỉ ngơi, điều đó không phải là điều đau khổ vì từ khi ở Nui-Bop chúng con đã ở trên đại lộ[1].

Con nhận được thư các lời chúc mừng gần như từ tất cả mọi phía, con rất tiếc không có danh thiếp, vì con hoàn toàn không có thì giờ trả lời.

Cha mẹ sẽ thấy đính kèm theo đây một bưu phiếu mới 500frs con chỉ biết làm thế đối với lương của con, không có gì để mua và không có dịp để tiêu tiền. Hãy giữ đó cho con, con sẽ rất vui được có lại khi trở về. Hãy gửi đến Barde chiếc áo nẹp sĩ quan của con để anh ta làm cho con một mũ lưỡi trai, con sẽ đi đến Pháp không có thứ quân phục nào, và rất có thể khi đến con sẽ đánh điện cho cha mẹ để gởi áo nẹp này đến Toulon cho con.

Con hôn cha mẹ ngàn lần, hãy viết thư cho Alice, con sẽ gởi thư cho nó trong chuyến thư sau.

để uống và ngài tỏ ra thấy (rất thích thú) cái đó rất ngon. Lúc đó tôi bèn giải thích với anh ta đó là nước đá. Người thông dịch đã thấy có thể ở Hà Nội hay ở Hải Phòng và có thể giải thích sự việc. Thế là chúng tôi ngừng nói chuyện với viên lý trưởng để uống vội ly nước đá, ông ta tỏ ra rất thích thú nên tôi mời ông ta nếm thử. Hai mắt ông ta sáng rỡ vì khoái trá. Tôi múc một miếng nước đá lớn bằng trái hồ đào đưa cho ông ta. Ông ta liền bỏ vào miệng và nhai vỡ ra ngay. Miếng nước đá rơi xuống đất. Rất lúng túng và do dự một lúc, ông ta xin tôi cho ông ta đem nó về cho cha mẹ mình. Với sự bằng lòng của tôi, ông ta dắt nó cẩn thận vào thắt lưng và đi về làng cách đó nhiều cây số. Quý vị nghĩ đến cái mà ông ta tìm thấy khi cởi thắt lưng. Vẻ ngơ ngác sửng sốt của ông ta thật rõ ràng khi nhìn thấy nước đá. Khi nếm thử vẻ thất vọng của ông ta không phải là không rõ ràng, nhưng ông ta nghĩ ngay đến mẹ mình, và điều đó thật là rất "Việt Nam".

[1] Chavez là một trung úy công binh thay thế tôi trong đơn vị khi tôi thăng đại úy. Thiếu tá Sorel, cũng thuộc binh chủng công binh được cử thay thế Thiếu tá Dupommier khi ngày nghỉ thường lệ ở Đông Dương chấm dứt.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Ở đây nóng đến 40 độ! Người ta như bị nấu chảy.

Lam, ngày 4-6-1885

Cha mẹ thân yêu,

Thế là Clavez đã ở bên con, ông ta vừa đến từ vài ngày, đem theo cái gói mà cha mẹ đưa lại cho ông ta. Con rất hấp tấp, đó là chuyện hiển nhiên, để mở nó và lục lọi nó, tất cả là rất ích dụng, kẹo nu-ga của Montélimar rất ngon cả hộp đã hết ngay, thật ra con cũng được tăng cường để giúp chúng con.

Ai đã thêu các túi xách.

Nhân viên bưu cục Hải Phòng làm không tốt công việc của mình đến nỗi chuyến thư của con qua đường Hà Nội, như hiện nay và con chỉ có nó trong vài ngày. Con có thư của cha mẹ đề ngày 16, nó đến trực tiếp ở đây, thư có chứa học bạ của Alfred, điểm môn Toán rất tốt, các môn phụ không mấy tốt.

Aron đã lo lắng cho nó nhưng nói cho nó biết, và đã nói với viên thư ký của Phân khoa Khoa học Paris! Đó là một người có thế lực; dù thế nào con cũng cho là cần thiết để Fred phải ghé thăm Aron (số 31 đại lộ Voltaire) để cám ơn sự khó nhọc mà ông ta đã làm cho nó. Aron thường nói với con về Alfred. Khi thư này đến công việc sẽ dễ dàng vì Aron sẽ có thể ở Versailles.

Con nóng lòng chờ đợi báo chí, người ta chỉ có nó là đọc được ở đây, ở đây không có thư viện. Vả lại, vào thời điểm hiện nay, chúng đem lại nhiều điểm hấp dẫn hơn lúc khác. Đừng la lối vì chuyện chết chóc, nhưng cũng thú nhận rằng

khi không có chiến tranh ở đâu đó thì các tờ báo trở nên buồn nản, nhàm chán. Với những chuyện ở Soudan, ở Afghanistan v.v... người ta cũng thấy chút vui thích khi giở một tờ báo. Bỏ đi các trận chiến trong lịch sử của một dân tộc, việc đọc lịch sử của dân tộc đó trở thành lạt lẽo vô vị và khó tiêu. Đó có thể là đáng buồn nhưng đó cũng là rất tự nhiên và ở đây về lâu về dài lý trí sẽ được kích động và trí tưởng tượng sẽ kinh ngạc thích thú bởi chuyện kể về những trận chiến lớn.

Cha mẹ đợi tin tức Bắc Kỳ? Con có thể nói được gì đây?

Hình như Đại tướng De Courcy đã đến Hà Nội ngày hôm kia, người ta nói ông ta triệu tập các tướng vùng cũng như đại tướng Négrier hiện ở Chu, ông ta sẽ ra đi hôm nay hay ngày mai.

Đại tướng Giovaninnelli đã đến đây hôm qua, đến từ Đáp Cầu. Bắc Kỳ bây giờ được chia thành hai vùng lớn:

+ Đệ nhất sư đoàn, đại tướng Briède de l'Isle.

Đệ nhất lữ đoàn, đại tướng Jamais: bản doanh Sơn Tây.

Đệ nhị lữ đoàn, đại tướng Munier: bản doanh Hà Nội.

Vùng này gồm: bờ phải sông Cháy, bờ phải sông Hồng, sông Đào, các thác đến Chu, rồi sông Đào Tre, sông Tam Bạc. Vậy đó là vùng tây nam Bắc Kỳ.

+ Đệ nhị sư đoàn, đại tướng Négrier, bản doanh Bắc Ninh.

- Đệ tam lữ đoàn, đại tướng Giovaninnelli, bản doanh phủ Lạng Giang.

- Đệ tứ lữ đoàn, đại tướng Prudhomme, bản doanh Đáp Cầu...

Chi tiết về việc kết cấu lữ đoàn sẽ quá dài để cung cấp cho cha mẹ. Người ta có thể lưu ý rằng lữ đoàn thứ nhất và thứ ba mạnh hơn lữ đoàn thứ hai và thứ tư.

Thật thế, các lữ đoàn một và ba, mỗi lữ đoàn có hai liên đội lính Âu trong khi lữ đoàn hai và bốn gồm một liên đội lính Âu và một liên đội lính Bắc Kỳ.

Theo quan điểm của con, lữ đoàn mạnh nhất trong tất cả là đệ tam lữ đoàn; nó gồm lính lê dương và các trung đội bộ binh Phi Châu, các đội quân vững chắc, và đã được tôi luyện...

Tại sao lại có những khác biệt đó, tôi không biết nhiều. Có thể trong trường hợp tiến lên phía trước, chỉ một lữ đoàn tiến và những lữ đoàn khác ở lại làm quân chiếm đóng.

Có vài trận bão trong những ngày đầu tháng 5 và một giai đoạn vô cùng nóng, 30, 35 đến 40 độ, hôm kia trong phòng con còn 35^0 và ngày hôm qua bỗng nhiên có mưa, nhiệt kế chỉ 28^0 rồi 21^0 đã lâu không có 21^0, và người ta cảm thấy vui thích nếu thời tiết bớt ẩm ướt. Đó là thời kỳ của cóc và nhái, điều này không có gì dễ chịu bởi vì người ta có nó đầy phòng. Giường của con ở bên cạnh cửa sổ có những chiếc gậy nằm ngang, khi con mở mắt buổi sáng, con luôn thấy một vài con đậu trên các thanh ngang này; một cú nhảy và chúng rơi trên mũi, thật dễ chịu!

Cuối cùng! Chúng con cũng đã thấy những vụ chơi khăm ngay cả ở xứ Bắc Kỳ này và những người dũng cảm nằm ưỡn bụng trong phòng của mình và tham chiến trên bản đồ của mình, phải đến đây để sống qua một mùa hè, họ sẽ phê phán đúng đắn hơn khi trở về.

Sức khỏe của con luôn tốt.

Con hôn cha mẹ vì con yêu cha mẹ.

Đứa con hết lòng của cha mẹ.

L.JULLIEN

Chu, ngày 19-6-1885

Cha mẹ thân yêu,

Con vẫn luôn còn ở trên bờ Lục Nam, đôi khi thư sắp tới của con sẽ đề ngày ở Hà Nội, thật thế, phân đội của con vừa được thay thế bởi một phân đội của liên đội III Công binh (liên đội của Jouanne)[1], và chúng con sẽ trở về nghỉ ngơi, đó là một cuộc nghỉ ngơi ít có được.

Con phải nói gì mới với cha mẹ đây? Chắc chắn là không cò gì cả bởi vì ở Chu giờ đây người ta không tiến về phía trước nữa, người ta không biết gì cả.

Đại tướng chỉ huy trưởng phải đến tận Thanh - Moi, có lẽ đó là do cái nóng, vào thời gian này nóng lắm, nó đã giữ ông ta lại, đó là để về sau.

Tin tức về cái chết của đô đốc Courbet mà chúng con biết đã 3 ngày, đã ảnh hưởng mạnh đến đoàn quân viễn chinh. Ở Bắc Kỳ đó là một khuôn mặt đầy cảm tình. Con đã chứng kiến nhiều vị tổng chỉ huy ở đây nhưng gần như không một ai được khen ngợi nhiều như đô đốc Courbet; cái chết của con người công minh, lạnh lùng bình tĩnh này (hai tính chất chính, nhất là tính chất sau, của một con người của chinh chiến) không những là một mất mát lớn cho hải quân mà đó là một tổn thất lớn cho nước Pháp. Ông đã được biết tiếng, tên ông đã được đặt tên trước hạm đội, trước xa các biến cố ở Bắc Kỳ và Trung Hoa, sự kiện đã làm ông sáng danh, hôm nay hải quân không còn nhân vật nào sáng giá. Quyền chỉ huy hạm đội của chúng ta ở biển Trung Hoa, một trong những quyền chỉ huy đẹp nhất mà một đô đốc có được; nếu bây giờ

---

[1] Jouanne thuộc khóa tôi ở trường Bách Khoa. Lúc này ông ta còn là Trung úy.

còn lại một điều đáng kể đó là người ta sẽ trao cho ai chức vụ đó? Chức vụ đó quá nặng cho đôi vai của đô đốc Lespès, người dù sao cũng đang ở tại chỗ, hay sẽ là Krantz, hoặc Du Petit-thouars hay Aube.

Chúng con vừa xây dựng một câu lạc bộ ở Chu, con là người xây dựng chính, chúng con vừa mới khánh thành nó, và nó đã tỏ ra rất ích dụng, bởi vì người ta đem đến đây báo chí của họ, thiếu tá Fotoul, đại tướng Giovaninnelli và vị tham mưu trưởng của ông ta nhận được nhiều báo chí có minh họa, họ lịch sự đặt dưới sự sử dụng của Câu lạc bộ để chúng con có thể thỉnh thoảng xem một vài bức tranh, ở đây người ta lấy làm trọng, nơi đó không có gì, người ta có dưới mắt mà không tượng trưng đời sống của Tổ quốc.

Con tạm rời cha mẹ và con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Huế, ngày 1-8-1885

Cha mẹ thân yêu,

Quả nhiên, vào cùng một ngày, con luôn viết thư cho cha mẹ ở cùng một chỗ. Con mong trong mọi trường hợp, không cần phải viết thư cho cha mẹ vào ngày 1-8-1886 bởi vì con sẽ cố gắng có mặt ở Livron vào lúc đó.

À! Để khỏi quên, lúc con rời Bắc Kỳ vì không đủ thời gian để con tự làm lấy nên con đã yêu cầu một người bạn gởi ở hãng Messageries một thùng đồ cẩn. Nó phải được đi theo chuyến thư trước hay sẽ đi theo chuyến này, hãng Messageries gởi nó đến quan thuế ở Marseille, ở đó, nó phải được khai báo ngay, con nói ngay vì không nên để các đồ cẩn

này lâu ở trong thùng, nhưng nên lấy ngay chúng ra và lau dần; cũng còn phải nộp thuế, địa chỉ như sau: Ông Jullien, đại úy công binh - Livron (Drôme). Địa chỉ này được ghi trên một tấm đồng, các thành của thùng có ghi dấu hiệu bằng mực: AMT.

Ngoài các đồ cẩn ra, có một cái chiêng lớn và hai cái nhỏ, cha mẹ có thể dùng để báo giờ ăn xúp.

Mẹ có thể phân phát các quạt và trấp. Về những cái còn lại con thích giữ lại những kỷ niệm về Bắc Kỳ, những kỷ vật về sau sẽ gợi cho con những thích thú.

Nếu đôi khi cha mẹ có muốn một cái nào trong các đồ vật đó hoặc là để tặng hoặc với mục đích khác thì cứ báo cho con, con sẽ kiếm thứ tương tự ở Bắc Kỳ, ở đây hiện khó tìm.

Từ lá thư trước của con, con đã được biết đại tướng De Courcy, ông đã mời con ăn tối và con thấy ông rất dễ mến, con tin thế. Đôi khi ông tỏ ra bất thường, ngay cả luôn như vậy, nhưng ông ta tốt trong thâm tâm và dễ nhận điều mà người ta xin ông. Ở sứ quán, ông de Champeaux gọi ông là người hay gay gắt, tốt bụng. Dù đúng là người hay gắt người ta cũng không nên nói thế[1].

---

[1] Khi tôi trở về lại Huế năm 1885 theo lệnh gọi của tướng De Courcy, ngay sau cuộc xâm hại, trong đó người thay thế tôi, một đại úy pháo binh hải quân, đã bị giết ngay ở thềm ngôi nhà lá được gọi là của "công binh", nằm ở khu thành giai kinh thành, lúc đó không phải Rheinart nữa mà chính là Palasne de Champeaux làm tổng trú sứ. Ông ta cũng thế, rất hiểu biết người Việt Nam, đặc biệt là xứ Nam Kỳ. Tôi không còn ngụ ở sứ quán, tôi chỉ còn nhìn thấy ông ta từ xa.

Lúc tướng De Courcy còn tại chức ở Huế, mọi sự hòa hợp trôi chảy giữa các giới chức dân sự và quân sự. De Courcy là một vị chỉ huy lớn, ông ta nắm vững mọi quyền lực, chính thức đại diện cho nước Pháp. Khi ông ta không còn ở đó, tôi không nói là có những va chạm vì mỗi người một cách, nhưng dù sao cũng có khác biệt. Tướng Prudhomme có phần ghen tỵ về

Về chuyện những người hay gắt, cái người làm cha mẹ, cái người hay gắt ngu đần đó kéo dài từ lâu, hình như thế, người ta không tin tưởng ông ta ngay khi ông ta làm thị trưởng, ông

---

quyền lực của mình, ông không ngừng cho rằng tướng De Courcy không giao mọi quyền hành cho trú sứ Trung Kỳ mà chỉ dành cho mình. Vị tổng trú sứ có uy quyền đối với mọi công việc hành chánh của xứ An-nam, ông ta giao dịch trực tiếp với triều đình, như thời ông Rheinart, không còn như thế nữa và chính tướng Prudhomme nắm trong tay quyền hành, hiển nhiên do sự giao phó của tướng De Courcy. Tôi sống khá thân mật với tướng Prudhomme, nhất là sau cuộc đi chơi trong rừng, để có được các tiếng vang chính xác về tất cả điều đó.

Vị tổng trú sứ cư ngụ ở sứ quán: tướng De Courcy cũng thế khi ông ta ở Huế. Tướng Prudhomme cư ngụ ở ngoài kinh thành, trong ngôi nhà nơi cầm giữ Nguyễn Văn Tường (Xem về sau, chú thích 83).

Tôi thêm vào đây vài kỷ niệm liên quan đến tướng De Courcy, người hay gắt gỏng nhưng tốt bụng.

Tôi đang xây dựng các trại lính không xa sứ quán, và đặc biệt là dinh các sĩ quan.

Tướng De Courcy không hề đến Mang Cá, nơi tôi cư trú: nơi đây có hơi xa và thời giờ của ông eo hẹp. Trái lại, ông rất vui lòng đi dạo một vòng trên công trường xây dựng gần sứ quán và tỏ ra thích thú. Tôi thường thấy ông. Có đính cái đinh trên mũi (ông ta khá nghiêm, tôi còn giữ vài cái dấu hiệu), trong gần 8 ngày tôi không nhúc nhích ở trong nhà và không đem các công trình của sứ quán. Thời gian này tôi ở với linh mục Barthélémy và bác sĩ Le Guen, cái nhà tranh ở thành giai đối diện với Mang Cá (linh mục Barthélémy ở bên cạnh nhưng ăn với chúng tôi). Đó là lúc bệnh dịch, gọi là "sốt rét" (fièvre algide) hoành hành đến cực điểm. Tướng De Courcy lo ngại cho tôi bèn gởi đại tá Crétin, trở thành tham mưu trưởng, đến lấy tin tức về tôi và đề nghị tôi rời cái vị trí... ô nhiễm này. Tôi từ chối. Này, bởi vì ông muốn ở lại đây. Đại tá Crétin nói với tôi, các bác sĩ tuyên bố rằng người ta chống dịch bằng rượu sâm banh. Nay không có sâm banh, anh có muốn nhận cái máy lọc nước Seltz của tướng De Courcy, ông ta không dùng nó? Rất vui lòng, tôi trả lời tin chắc rằng điều này sẽ làm thích thú cho cha Berthélémy và bác sĩ Le Guen, cũng như chính tôi. Và đó là chuyện tôi thừa hưởng hay đúng hơn chúng tôi thừa hưởng máy lọc nước Seltz của tướng De Courcy. Đó là một sự quan tâm làm tôi cảm kích.

được cho là mật thám ngoại ngạch; những kẻ phụ tá như vậy có thể được chọn chỉ vì để khỏi che khuất ông thầy, ví như để làm nổi bật ánh sáng của các ngọn sáp thì phải có những ngọn đèn xếp.

À! Quý bạn chính trị gia của tôi, thuộc mọi đảng phái, cấp bậc, sẽ tốt biết mấy cho quý vị vượt biển hơn 2.000 dặm để tham dự các cuộc bàn cãi mà quý vị ưa thích trong khi quý vị bịt mắt bưng tai, khốn khổ!

Hình như là đúng rằng ở đây người ta phán xét xác đáng hơn các sự việc và con người, cũng như trong một chuyến du hành trên thuyền buồm, mọi người dễ trở nên triết lý. Biết bao sự việc mà có thể người ta chưa bao giờ nghĩ đến, đã đến tấn công tâm trí của một kẻ mà trong suốt 30 ngày chỉ có thấy trời và nước lẫn lộn!

Ngày hôm qua người ta đưa về Huế, người cha của ông hoàng Thuyết (?). Chính ông ta là người đã chỉ huy đoàn quân đã tấn công sứ quán, người ta đã kể cho tòa án An-nam kết án ông ta, và tòa án đã kết án ông ta bị đày đi Côn Đảo, tin tức của người Việt (lối nói tiếng lóng).

Người ta đuổi theo con của ông ta, một Campenon tại chỗ - chỉ TT. Thuyết[1] ; nếu người ta tóm được ông ta thì ông ta sẽ có thể bị kết tội do cũng một tòa án, ông De Champeaux nói với chúng con rằng ông ta sẽ bị kết tội chết dần chết mòn. Xin cha mẹ miễn cho con việc mô tả, có phải không?

Khi tôi nhận là một nhân vật cao cấp và khi điều hại của anh ta không cần đưa đến một sự trừng phạt dã man thì người ta sẽ làm như đã đối với ông vua Hiệp Hòa tội nghiệp

---

[1] Tướng Campenon lúc đó là Bộ trưởng chiến tranh ở Pháp, Thuyết, ở An-nam, giữ các chức vụ tương tự.

vào năm 1883; người đưa đến cho anh ta 3 cái dĩa bằng bạc theo truyền thống. Trên đĩa thứ nhất có một cái gươm, trên đĩa thứ hai là một dải lụa đẹp màu xanh, trên đĩa thứ ba là một ly thuốc độc. Người ta được chọn nhưng thật ra người ta buộc phải chọn.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Huế, ngày 12-8-1885

Cha mẹ thân yêu,

Giờ đây là một mùa hè không như mùa trước, trong tháng tám và tháng chín trời không mưa hay ít nhất đó chỉ là mưa từng chặp từng lúc, nhưng đã bốn ngày không có được nửa ngày không mưa. Điều này có mặt tốt là làm thời tiết mát hơn một chút, và nếu người ta sẽ phải thành lập vài toán quân cơ động để chống lại các toán cướp An-nam thì điều đó sẽ làm cho quân ta ít mệt hơn. Cha mẹ đã biết điều đó hiển nhiên là do điện tín, rằng các nhà nho tỉnh Bình Định (Quy Nhơn) đã thành công trong việc xúi giục dân chúng nổi lên, các toán cướp đã chiếm cứ hai tỉnh thành An-nam (chống giữ do những người Việt khác) và đã tàn sát 4 thừa sai, và 2.000 giáo dân.

Đại tướng Prudhomme có mặt ở Quy Nhơn đã 3 hay 4 ngày; ở đây 2 hay 3 ngày, một vài trung đội bộ binh hải quân sẽ ra đi ở đó và tất cả sẽ theo lệnh không tổn thất cho chúng ta, nhưng những người khốn khổ Việt Nam mà chúng ta che chở thì phải trả giá bằng cái chết.

Người ta đang lo sắp hạng các trại lính dọc bờ biển, Quy Nhơn sẽ được tăng cường nghiêm túc, cũng như Đà Nẵng,

Huế, Đồng Hới rồi Thanh Hóa, như thế người Việt Nam sẽ ở yên, chừng nào chúng ta được nghỉ lưng như người Việt thì người ta có thể ngủ yên trên hai tai, không cần quân Trung Hoa dự phần lần nữa, các vụ việc ở Bang-Bo, Lạng Sơn, thật sự đã chứng tỏ rằng quân Trung Hoa rất nhiều. Buộc phải lưu giữ ở đây một quân đoàn là điều đáng phàn nàn.

Chúng ta đôi khi phải đi đến Camelot (Cam Lộ) nơi cách đây không lâu cứ có khoảng 20 triệu, người ta đã lấy ở đây hết 10 triệu, đó là một cái gì đáng kể, các nhân viên mới của chúng ta điều hành tài chánh của chúng ta tốt đến nỗi không còn gì cả trong ngân quỹ.

Vâng, người ta phải đi đến chỗ tự hỏi rằng chính quyền Cọng hòa của chúng ta hiện nay có đáp ứng được khí chất của chúng ta không. Đối với con, con không nghĩ đến điều đó. Ai trong chúng ta nghĩ đến việc làm đầy công quỹ quốc gia, để có một quân đội luôn luôn sẵn sàng, một hạm đội đầy đủ?

Các nhân vật kế tục nhau nắm giữ quyền hành đều có chung một châm ngôn: chúng ta hãy hưởng thụ, hãy phỉnh nịnh quần chúng để họ tung hô chúng ta, hãy làm những việc lớn, hãy vơ vét và lại vơ vét không ngừng trong các ngân quỹ quốc gia, chúng ta hãy dựng lên những tượng đài... Chà! Sau chúng ta thì có nạn hồng thủy cũng mặc kệ, người ta sẽ tìm được phương thức để lấp lỗ trống và cứ thế mà tiếp tục, từng 6 tháng, 6 tháng một[1].

---

[1] Vào thời chúng ta, người ta không thể xem lại mà không ngạc nhiên về các buổi họp này của Hạ nghị viện đã thất bại với chỉ 4 phiếu, vì các ngân sách được biểu quyết với 274 phiếu chống lại 274 phiếu, điều đó đã dẫn đến việc rút quân của một cuộc chinh phục mà với nó nước Pháp đã hao tốn biết bao tiền bạc và máu mà không kể được". L'empire d'Annam (Vương quốc An-nam). Đại úy Ch.Gosselin, Paris, Perrin, tr.243. Ghi chú của chủ bút BAVH.

Không, con rất yêu thích một Tổng thống Cộng hòa như Thiers, năng động, dám lao mình vào cuộc chiến, chịu trách nhiệm tất cả trước quốc hội. Ông ta không nói trước tòa án, đồng ý! Nhưng ông ta phải nhạy cảm, và sau Chủ tịch Hội đồng nội các và sau vị Bộ trưởng ngoại giao có Tổng thống, nghĩa là nước Pháp, và tối thiểu trong 7 năm, một xung động đơn nhất và tiếp diễn phải được cung ứng cho mọi cơ chế.

Con vừa thực hiện các đề nghị cho một cuộc tổng thanh tra, con đã đề cử Clavez lên đại úy và một trung sĩ, hai lính công binh được tặng thưởng huân chương, con cũng quan tâm đến các huy chương này, con hy vọng rằng người ta sẽ tặng chúng cho con.

Đối với những gì liên quan đến con, con không còn hy vọng gì nữa, bây giờ có quá nhiều đại úy thâm niên đang được đề nghị thưởng huân chương hoặc trở thành đại đội trưởng chính là vì họ mà có các đơn đề nghị này, mặc dù có sự tốt bụng của đại tá Mensier đối với con, cuộc chiến này ở Bắc Kỳ đã chỉ đem lại cho con một mớ bổ túc huấn luyện và một số kiến thức có thể có ích sau này[1].

Con quên bỏ bưu phiếu vào thư trước nay nó đây, và đây những cái hôn nhiệt tình của con.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

---

[1] Mặc dù có những lời đề nghị rất xu phụng đối với đặc ân của tôi, nhưng tôi không được thăng cấp. Tôi đứng số 4 trong khóa của mình và vào tháng 3 -1885, tôi được đặt hàng đầu trong công báo trong khóa đại úy, thật ra tôi bị đặt vào hạng thâm niên công vụ hàng năm. Phải được đề nghị sớm để được thăng cấp. Nhưng tôi cũng được tưởng thưởng và điều đó làm tôi cảm động. Tôi được thưởng huân chương Bắc đẩu bội tinh vào năm 1886 do "các công trạng đặc biệt" ở Bắc Kỳ. Đó là công thức đăng trong công báo 1886. Lúc đó tôi 28 tuổi. Ngày nay sĩ quan cao cấp có Bắc đẩu bội tinh, tôi hầu được coi là một trong những "Hiệp sĩ" lâu nhất còn sống.

Huế, ngày 28-8-1885

Cha mẹ thân yêu,

Con chờ đợi với sự nôn nóng vô cùng, chuyến thư sẽ đến ngày mai, bởi lẽ nó bao gồm các thư trước ngày 17-7, và con sẽ được cho biết về số phận của Fred; con đã bị một chuyến thư đến trễ, vậy là con sẽ nhận được hai cái trước đi đến ngày 17, con tiếc rằng đã không có nó, vì Aron rất lo lắng cho Fred, nhất định sẽ viết cho con khi xong việc.

Thư này đến với cha mẹ vào ngày 1-9, nhận hay không nhận phải gởi nó đến Versailles, hoặc Paris, con thấy rất nhiều ở đây cái lợi ích lấy một chân ở Bộ và con hằng ngày hiểu rõ hơn câu cách ngôn: "Hãy tự giúp mình, trời sẽ giúp cho".

Không có gì quan trọng mới lạ ở đây, cuộc chinh phạt Quy Nhơn còn chưa lên đường ít nhất nó cũng chưa xuống tàu ngày hôm nay như tin đồn ngày hôm qua. Các giáo dân khốn khổ bị đuổi khỏi nhà họ và đến trốn trong khu Nhượng địa Pháp, đã được cứu giúp và phần lớn được Nam Kỳ tiếp nhận. Chúng con đã chờ quá lâu trước khi đi hỗ trợ họ, và chuyện đó không đòi hỏi nhiều người, vì chỉ đi một trung đội và một phân đội pháo binh (2 khẩu). Nhìn chung xứ này rất yên lặng, bởi vì quyền hành thuộc chúng ta và chính nó gọi mời chúng ta trong các tỉnh mà nơi đó chúng ta chưa có mặt. Đó là "các nhà nho", những người đã khiêu khích cuộc nổi loạn và họ đã thành công kéo theo sau họ một vài chuyện ngớ ngẩn, con nói ngớ ngẩn vì chắc chắn rằng dân chúng trong mọi trường hợp họ đã biết rõ chúng ta, có thể các "nhà nho" này không chiều chuộng chúng ta nhưng chắc rằng đám dân chúng này rất vui sướng được thấy chúng ta. Còn về phần các tổng trấn ở tỉnh, những người kêu cứu chúng ta, tất cả có thể là miễn cưỡng, nhưng họ sợ và họ nói một cách hợp lý rằng khi phải nhận

những nhát dao thì tốt hơn là về phía cái cán. Họ chỉ còn chấp nhận hoàn cảnh, lại nữa, những người thông minh hiểu rằng phải muốn cái mà người ta không thể ngăn cản.

Việc tạo lập hòa bình ở An-nam sẽ được thực hiện nhanh chóng, miễn là ở đây, người ta siết chặt đinh ốc, nhưng liệu quân Cờ Đen có rút khỏi Bắc Kỳ?

Chính đó sẽ là hòn đá cản đường, nếu có thì miễn thứ cho báo chí và ai tạo nên một vụ việc kinh khiếp như cuộc mưu hại ở Huế, đặt họ lên ngang mức độ của cuộc mưu hại ở Bắc Lệ.

Cái nóng đã vắng bóng, nhường chỗ cho những cơn mưa, thật thế, mưa đã lại xuất hiện, nhưng với lần thứ hai thì người ta dễ dàng thích nghi. Cái lời hướng dẫn miệng về Bắc Kỳ mà chúng con có được của hoa tiêu F.Garnier ở trên tàu St. Germain là đúng sự thật, chính tháng năm là tháng tệ nhất.

Người ta nói đến việc gởi tài sản cho...đó! Chúng ta như vậy là ích kỷ. Đúng, họ không hiểu và dù sao chúng ta cũng cần có bơ trong món rau của mình.

Con hôn cha mẹ ngàn lần, đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Huế, ngày 13-9-1885

Cha mẹ thân mến,

Chúng ta hiện nay đã ở vào ngày 13-9, thời gian đã trôi qua tốt đẹp, cuối cùng con đã rũ bỏ được cái nóng của xứ nhiệt đới đã lâu, con tưởng tượng vì con tính kỹ - dù người ta không đòi hỏi - đã được trở về mùa xuân năm sau.

Con tưởng rằng cha mẹ trong những ngày này hẳn quên những việc bên ngoài vì thời kỳ tuyển cử này bận rộn lắm.

Người ta nói đến chuyện đó khá nhiều ở đây, trái với thói quen, vì trong trại lính chính trị chỉ là hàng thứ yếu người ta không có thì giờ nghĩ tới, đối với con, con bận từ tối đến sáng, từ sáng đến tối, việc điều hành các công tác kéo thêm một số giấy tờ hành chính mà khối lượng của nó gây kinh ngạc. Ôi! Giấy tờ! Mày cần công việc nhưng mày cũng gây nên nhiều phiền toái và mất thì giờ.

Thật thế, con điều hành công tác công binh trên toàn xứ Trung Kỳ, thật rộng lớn và phải lo cho nhiều cứ điểm[1].

---

[1] Tôi đã tổ chức công tác công binh ở tất cả các địa điểm ở Trung Kỳ mà chúng ta lần lượt chiếm cứ. Công tác bao gồm nhất là việc ổn định chỗ ăn ở cho toán quân (làm trại tạm trú cho lính, cho sĩ quan, công tác y tế v.v...) và đôi khi cũng tổ chức đồn trại phòng thủ chống các cuộc tấn công có thể có của quân địch. Các việc xây dựng thiết trí này cần có ngân sách chi tiêu, do đó có các quỹ và việc kế toán nghiêm túc. Bởi lẽ các đại diện công binh mà người ta đặt dưới quyền sử dụng của tôi đều là những trung úy bộ binh, tất cả rất dễ mến, lại nữa chỉ cần làm được tốt, nhưng thường phải không những đưa đến cho họ những lời khuyên về kỹ thuật mà còn dạy họ làm kế toán các công trình.

Một vài người trong số họ như bị ở vào tình thế trên búa dưới đe, rất bối rối khi giải quyết công việc. Tôi sẽ chỉ trích dẫn ví dụ để dẫn chứng các khó khăn nho nhỏ đó. Vào lúc đó Đà Nẵng là một địa điểm quan trọng. Người chỉ huy quân đội là đại úy hải quân Touchard, về sau đô đốc phó. Người này đề cử giữ nhiệm vụ công tác Công binh là chuẩn úy Bonhomme phải thi hành, người này vội và thi hành, nhưng thường các quỹ đặt dưới quyền sử dụng của người chỉ huy công binh do chỉ huy trưởng công binh thường không đủ. Người sau này chỉ bố trí được những ngân khoản giới hạn. Con số quy định cho mỗi vị trí do tướng Prudhomme, căn cứ vào bản đề nghị mà tôi đã thực hiện. Như vậy người ta đoán định không mấy khó khăn rằng có nhiều mâu thuẫn, một chuẩn úy hải quân được sắp xếp để vâng lời một vị chỉ huy của quân chủng mình hưởng tại chỗ một quyền uy không bàn cãi, xa hơn một chút, một đại úy công binh trẻ tuổi nhưng bị

Cách đây vài ngày con đã nhận một lá thư của Paul, hiện ở Quy Nhơn và anh yêu cầu con thử làm cho anh ta được sung vào toán quân ở Bình Định. Thư của anh đến với con sau khi toán quân này đã thành lập và lên đường, nhưng vì nó được thành lập ở Quy Nhơn, con nghĩ rằng anh ta sẽ thuộc về đoàn quân này, người chỉ huy của anh rất lo cho anh.

Hẳn cha mẹ biết Nguyễn Văn Tường đã được đưa về Poulo-Condore, một sĩ quan hải quân và bốn thủy thủ đợi ông ta và lo cho ông ta. Vị khâm sứ Huế đã xin để ông xuống chiếc canô ở sứ quán, đưa ông đến chiếc pháo hạm để rồi chiếc này đưa ông đến tàu La Clocheterie - Tường không nghi ngờ chút gì, và chắc hẳn phải cay đắng suy nghĩ về lẽ hư ảo ở đời.

Người ta đã triệu về đây hai ông quan ở Bắc Kỳ, vị Tổng đốc Nam Định và Tổng đốc Hà Nội, họ sẽ kết hợp với một người ở đây để thành lập Hội đồng nhiếp chính về điều hành việc nước.

Hội đồng sẽ hành động ra sao đây? Chúng ta sẽ biết điều đó về sau.

Con nghĩ rằng ngày mai người ta sẽ đem về một ông vua mới ở hoàng cung và người ta sẽ đăng quang cho ông ta trong vòng vài ngày. Con nghĩ rằng con chủ trì các cuộc đăng quang của các vua ở An-nam nhưng từ thời gian gần đây họ không mấy may mắn. Ông vua năm ngoái đang phải chia xẻ rễ cây ở Lào với người đồng mưu của mình: Thuyết, chuyện đó không có gì là dễ chịu cả.

---

hạn chế bởi một ngân sách không thể co giãn được. Hiển nhiên mọi người ai cũng có cách riêng và tìm cách làm cho tốt, nhưng ai cũng biết rõ các điều hiểu ngầm ẩn giấu dưới một vài tiếng mà tôi đã viết trong thư gởi cho cha mẹ tôi: "Ôi giấy tờ! Mày làm được nhiều việc nhưng mày cũng tạo ra nhiều phiền toái và mất thì giờ".

Người ta đã quyết định thực hiện các công trình lớn ở Bắc Kỳ. Người ta đã viết cho con từ Hà Nội rằng 12 triệu sẽ dùng chỉ cho vị trí Phủ Lạng Thương đây sẽ là một địa điểm trong những địa điểm quan trọng ở Bắc Kỳ.

Con nóng lòng chờ thư để biết điều gì đã xảy đến với Alfred, con nói về kỳ thi viết. Nó đã đưa các chỉ dẫn cho một trong những đứa bên cạnh và đã bị vị giám khảo đang làm giám thị trừng phạt. Tất cả chuyện đó thật tệ. Con không thể kiên nhẫn được.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Huế, ngày 25-9-1885

Cha mẹ thân yêu,

Con không bao giờ biết rằng con có thể có thì giờ để viết thư cho cha mẹ hay không vào giờ phút cuối, con đang có một công việc lý thú.

Các dự án xây dựng mới, xây dựng hai trại lính, trang bị đủ loại vật liệu địa phương, gởi vật liệu cho Clavez đang đòi hỏi ở Thuận An,... và với chuyện đó là một giao dịch thư từ kinh khủng ở đây và với Bắc Kỳ, nhưng dù sao chuyện đó cũng làm cho qua thời gian.

Các thư thuộc chuyến thư cuối thật sự làm con thất vọng. Alfred đã vững, con hy vọng nó được nhận vì con nghĩ rằng khi chuyến thư này đến sẽ không còn vấn đề gì nữa xảy ra với nó, nhưng hãy đưa nó về Versailles. Như thế tốt hơn.

Từ lá thư cuối của con ở đây xảy ra hai biến cố đáng ghi nhớ, việc lên ngôi của một ông vua mới ngày 14 và lễ đăng

quang của ông ta vào ngày 19, ngày được coi là tốt sau khi bói toán. Lễ đăng quang này trái ngược từng điểm một với lễ năm ngoái. Nhà vua bước xuống từ ngai vàng rồi đến trước mặt vị đại tướng, người đã chào nhà vua, rồi với ông De Champeaux và đại tướng xung quanh, nhà vua trở lại ngai vàng, yên vị tại đó và một vài sĩ quan (trong đó có con) đi ngang qua mặt nhà vua và chào nhà vua theo nghi thức Pháp.

Đó là một người tử tế, khuôn mặt không tệ, ông vua này[1] con đã có gặp trên một chiếc thuyền lúc ông còn là một ứng cử viên ngôi vua mà linh mục Barthélémy (một thừa sai) đưa đến để giới thiệu với ông De Champeaux[2].

---

[1] Theo các thư từ riêng biệt: "nhà vua là một người trẻ tuổi khoảng 20 tuổi, khá cao lớn, gầy, tỏ ra rất thông minh. Với y phục sang trọng màu vàng, tóc thưa thớt ở màng tang, ông ta phong thái trịnh trọng và oai nghiêm" (L'Empire d'Annam-Vương quốc An-nam, của đại úy Ch.Gosselin-Paris, tr. 226). Về việc lên ngôi của Đồng Khánh, xem BAVH, 1920, tr.359-364: "Lễ tức vị của vua Đồng Khánh", của H.Cosserat.

Đồng Khánh, niên hiệu trị vì của vị vua này từ 1885 - 1889. Tên riêng là Ưng Kỳ, rồi Ưng Đường, và từ khi lên ngôi là Biện. Ông sinh ngày 19-2-1864, và là con trưởng của ông hoàng Kiên Thái Vương, con trai thứ 26 của vua Thiệu Trị. Ông cũng là cháu của vua Tự Đức, vị vua này nuôi ông làm con nuôi, và ông cũng là cháu của Hiệp Hòa, anh em chú bác của Dục Đức, anh của Kiến Phước (Ưng Đăng) và của Hàm Nghi. Ông lên ngôi ngày 14-9-1885 và chết ngày 28-1-1889. Tên thụy của ông là Cảnh Tôn Thuận Hoàng Đế. Ghi chú của chủ bút BAVH.

[2] Tôi biết rất rõ linh mục Barthélémy vào năm 1885, mà người ta mời đến ở Huế vào thời gian có dịch tả. Ông ở một phần trong căn nhà tranh nổi tiếng này mà tôi dựng lên năm trước ở thành giai trước mặt Mang Cá, và ông ăn cùng bếp ăn với chúng tôi. Chúng tôi chỉ có 3 người: ông ta, người bác sĩ trẻ tuổi Le Guen và tôi. Một thời gian ngắn sau tôi rời ngôi nhà tranh này để đến ở gần trung tâm và bộ chỉ huy, lúc mà: "Sở công binh" được tạo lập. Chính trung tá Metzinger, chỉ huy lúc mà "Sở công binh" được tạo lập. Chính trung tá Metzinger, chỉ huy đại đội bộ binh Châu Phi, là người chỉ huy các toán quân đóng trong thành nội lúc này.

Ông vua này lấy cái tên có ý nghĩa: tình thân hữu vĩnh viễn giữa hai quốc gia. Điều đó sẽ ra sao?

Đó là một dân tộc đáng buồn, những người Việt Nam. Các nhà nho chắc chắn là có học, đã có được một bộ luật đáng kể, nhưng tất cả đều bị đem bán, và bây giờ dân tộc hoàn toàn ở trong tình trạng bị chinh phục. Con nghĩ rằng khó tìm được một dân tộc ít hiếu chiến hơn, cũng như nhút nhát hơn dân tộc này, đó là một tinh thần phụng sự tuyệt diệu, tất cả những điều đó mất đi trong một cái búng tay (trong khoảnh khắc). Lúc này các nhà Nho thu tóm những tay du đãng mọi nơi và với chúng người ta phóng hỏa các làng Thiên Chúa giáo. Nếu các người này có hai hay ba người cương quyết thì tất cả chuyện đó không xảy ra, nhưng họ nghe có hàng ngàn kẻ cướp trang bị giáo mác, la hét và thay vì đóng cửa làng lại (phần lớn đều có hàng rào xung quanh) họ bỏ chạy.

Có lẽ một công lệnh của Bộ ra lệnh đưa về nước mọi người sau khi có mặt ở đây 2 năm, càng hay!

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Tôi thường qua lại trên sông Huế, đi từ một trong các công trường của tôi đến một công trường khác ở trong kinh thành và chung quanh sứ quán. Tình cờ khiến tôi leo lên một chiếc thuyền mui kín, tôi còn nhớ rõ, lúc đó lên thuyền có linh mục Barthélémy và một người Việt trẻ tuổi ăn mặc theo lối "nhà quê". Tôi bèn hỏi linh mục Barthélémy: người nào ở bên cạnh linh mục, thưa ngài? Lúc đó linh mục bèn đến gần tôi hạ giọng nói với tôi rằng đó là một thành viên của hoàng tộc mà các quan đề nghị chúng ta chọn làm vua và ông ta đến ra mắt ông De Champeaux. Việc chọn lựa này đã được bàn bạc từ ít lâu nay, nhưng tôi thú nhận rằng thành thật sự tò mò không thúc đẩy tôi lợi dụng hoàn cảnh thuận lợi này để hỏi han linh mục Barthélémy về lai lịch cá nhân của người đồng hành của ông.

Huế, ngày 9-10-1885

Cha mẹ thân yêu,

Chúng con chưa biết chút gì về các cuộc bầu cử, chuyến thư sắp tới do tờ Le Saigonnais, kẻ đã nhận tin tức điện tín của Pháp, sẽ cho chúng ta biết đôi điều. Một vài phân phối các sự việc chính trị người ta trong đời sống quân ngũ, kết quả các cuộc bầu cử, những cái quan trọng nhất mà chúng ta đã có từ lâu, gần như được tất cả nóng lòng chờ đợi. Người nói có lý ra rằng nó sẽ ảnh hưởng đối với chiều hướng chính trị của chúng ta ở Bắc Kỳ.

Chúng con cũng chờ đợi sứ mạng quan trọng tổ chức lại quân đội ở An-nam: sĩ quan và hạ sĩ quan. Các con quỷ khốn khổ này khi đến kinh đô xứ An-nam cứ tưởng rằng chim cút (rô-ti) quay rơi vào miệng họ. Ở Pháp người ta có nhiều ảo tưởng về kinh đô này, cũng như một số trong số họ không đem theo dao và nĩa cùng những thứ để nấu chín thịt và gia vị, nên họ sẽ rất trở ngại khi ăn, bởi vì ở đây không có khách sạn lớn, khách sạn điện Louvre, và các "Popotes" (bếp ăn) không phải được thiết lập để đón nhận các nhân viên này. Con nghĩ rằng rốt cuộc họ có được mức lương khá và họ có thể tự xoay xở được.

Động từ "xoay xở" là một từ quan trọng của hải quân, các luật lệ - con không nói các điều khoản trong kỹ luật - lỏng lẻo hơn ở bộ binh, người ta để nhiều tự do và sáng kiến cá nhân trong hải quân đối với các sĩ quan cấp dưới và nhân viên thường. Và đối với lính hải quân lục chiến khi người ta cần cái gì thì người ta lấy hoặc yêu cầu, đó chính là từ "xoay xở", trong khi đó ở bộ binh cơ quan điều hành phải có bổn phận tiên liệu các nhu cầu.

Con không gặp may, con đang chuẩn bị cho các nhà mới trong kinh thành để làm nhà ở mùa đông cho lính của con và

của chính con; có một cái nhà mà con trang bị cho lính công binh của mình, nhà này khá đẹp nhưng đó lại là ngôi nhà cũ của người cha nhà vua, nên nhà vua tuyên bố muốn giữ lại để tưởng niệm cha mình và thế là con phải trả lại ngôi nhà. Con sợ rằng ông ta còn có nhiều ông chú, ông bác và bà con cô cậu của ông cũng muốn tưởng niệm họ và con sẽ xây ngôi nhà cho mọi thứ đó[1].

---

[1] Trên đây tôi đã nói về trí thông minh của các con voi. Tôi nhớ đến một sự kiện kỳ lạ minh chứng điều đó năm 1885 khi tôi thực hiện các công trình ở Huế. Tướng Prudhomme thường tập hợp các vị chỉ huy vào các ngày thứ bảy lúc 9 giờ. Ở đây người ta phân tích mổ xẻ các công việc, và tướng Prudhomme đưa ra các quyết định, làm trọng tài cho các vấn đề còn chưa giải quyết. Lúc việc tường trình chấm dứt, ông ta thường đặt câu hỏi sau: có ai yêu cầu điều gì không? Tôi giơ tay, và vị tướng quay về phía chúng tôi nói: xem nào, vị chỉ huy công binh, ông còn muốn chúng tôi điều gì?

Thưa đại tướng, tôi yêu cầu được sử dụng các con voi hoàng gia trong khoảng 10 ngày từ sáng thứ hai hay thứ ba để đáp ứng đòi hỏi các công nhân công binh. Tôi nhớ rất rõ câu nói của tôi thoạt tiên gây ngạc nhiên về các tiếng: "Đáp ứng đòi hỏi các công nhân công binh". Tôi thú nhận rằng tôi đã có chuẩn bị trước điều đó. Mọi người đều ngạc nhiên và cả ở vị tướng, ông ta trả lời tôi: A! và ông muốn làm gì với chúng? Thưa đại tướng, ngài biết tôi đang xây dựng trại lính mới ở Mang Cá, tôi cần độn nền. Trước khi dựng sườn trại tôi muốn dầm nền và tôi định cho voi giẫm lên, tôi không thấy cái dầm nào tốt hơn. Phần khác, ngài biết rằng bụi bờ và cây cối mọc lên nhanh trong kinh thành. Cần phải giải phóng tầm nhìn và xạ trường. Tôi tin chắc rằng những con voi làm việc đó nhanh và tốt.

Vị tướng suy nghĩ một chốc và nói với tôi. Thật ra không phải là tồi, điều mà ông vừa yêu cầu tôi, tôi sẽ chuyển ngay ý muốn đó của ông cho Thương Bạc.

Điều đã nói được thực hiện. Tôi có voi, tôi tự mình giải thích cho các anh nài điều họ phải làm, và các con vật thông minh đó (có 3 con) đã chứng tỏ khả năng của chúng khi thực hiện dần các gò đất mới cũng như phát quang xạ trường trước bức tường chung của chúng tôi.

Phấn khởi do thành công này, tôi lại thử dùng chúng trong một nhu cầu khác.

Mọi lời chúc mừng của con cho Alice và đứa cháu gái bé nhỏ, nó đang cười với con trước mặt con.

Tạm biệt cha mẹ thân yêu, con hôn cha mẹ ngàn lần.

L.JULLIEN

Huế, ngày 22-10-1885

Cha mẹ thân yêu,

Bây giờ là gần 8 giờ và mặc dù vậy, trong cái xứ mặt trời này, vẫn khó thấy để mà viết, con phải đi ra ngoài ngồi dưới mái hiên[1]. Thật cũng nên thêm rằng từ vài ngày nay nhiều

---

Tôi đã sửa sang các kho gạo thành các trại lính (tất cả việc này là cho các toán quân mới mà người ta muốn xây dựng, đoàn ngũ hóa, cung ứng cho sứ mạng của Đại tá Brissaud). Các kho này chất đầy các hòn đạn tròn chất thành đống hình kim tự tháp chúng ở trong một vòng tường thành khoét một ít cửa cách khá xa các KL này. Tôi thử dùng voi chuyển các đống đạn này và đem vứt lên tường thành vây quanh. Người ta thử với con voi thông minh nhất trong đám voi này. Người nài của nó biết nó phải làm gì nên đưa con voi của mình đến gần đống đạn, nó làm việc đó với vòi của mình, rồi đùa giỡn như đá bóng với các nhân viên bằng chân và đẩy đạn đến gần bờ tường. Làm cho nó hiểu điều phải làm tiếp theo là khá tế nhị. Người nài cũng làm được điều đó sau vài lần thử làm, nó hiểu phải đưa viên đạn sang bên kia tường. Nó vứt được 3 hay 4 viên rồi rống lên và viên nài giải thích với tôi rằng con vật không thích hợp với cách làm này. Người ta hiểu nó vì các viên đạn tròn này khó nắm được. Tôi không thể tiếp tục theo dõi việc làm này, nhưng tôi có thể quả quyết rằng việc thực hiện đã được khởi đầu. Tôi có mặt ở đó và chứng kiến sự việc. Tôi hoàn toàn bị thuyết phục rằng trí thông minh của những con vật này rất lớn.

[1] Tôi thêm vào các sơ đồ đính kèm của Tô giới chúng ta một bản phác thảo mà tôi vừa thực hiện một cách khá vụng về để chỉ ra cho quý ông nơi tôi cư trú, nơi linh mục Barthélémy cư trú... về chuyện này tôi hoàn toàn chắc chắn. Chỉ về sau và sau giai đoạn cao điểm của trận dịch tả (năm 1885) tôi mới đến cư ngụ trong kinh thành, ở một ngôi chùa nhỏ cạnh bếp ăn của chúng tôi, Domenechi Cellis, Genoux-Prachée, phụ tá công binh của

mây tụ tập giữa mặt trời và chúng con, và chúng đang bị chọc thủng, thời tiết tốt! Ở Pháp hẳn cha mẹ đang ở vào lúc mọi thứ bắt đầu biến mất, và chui xuống đất để tránh đông, ở đây trái lại, với thời tiết ẩm ướt đồng thời nóng, mọi thứ nảy nở với sự mau chóng đáng sợ. Chúng ta sẽ không bao lâu ngạt thở vì cỏ nếu người ta không đặt nó trong vòng trật tự.

Lần này con đã nhận thư trực tiếp lần đầu, thư được lựa ra ở Sài Gòn, giao ở Đà Nẵng do tàu thư, từ đây nó đi theo đường bộ, tất cả mất 15 ngày điều đó con rất nhanh nhạy. Đồ cha mẹ gởi lần trước, mận của Berthe, kẹo sữa Montélimar và các thứ nổi tiếng khác đều đến trong tình trạng hoàn hảo. Đôi khi cũng dành chỗ dự trữ cho bánh croquatte theo lối thành mocou... ở Livron. Như mọi thứ bánh ngọt tương tự, khi đến đây chúng có mùi như mùi rệp trong giường mà con không gọi tên được, nhưng nó có mùi khó ngửi khi người ta đè nát nó.

---

tôi v.v... Chúng tôi ăn ở nhà ông phát ngôn viên, và phòng ăn đặt ở đáy căn hầm nhỏ ở trên mặt đất, nơi có các thùng chứa của kho bạc Việt Nam.

Trong cùng thời điểm trận dịch, các nhà trở thành một bệnh xá. Trận dịch lan truyền, nhà C trở thành cơ sở phụ của bệnh xá nói trên. Linh mục Barthélémy, vị bác sĩ và tôi, chúng tôi giữ tiếp tục các nhà A và B.

Điểm F xác định vị trí mà đại úy pháo binh hải quân người kế tục tôi bị chết, khi tôi đi (Hà Nội) Bắc Kỳ, từ cuộc âm mưu ở Huế. Như mọi sĩ quan khác, ông ta được tướng De Courcy mời đến sứ quán. Vừa bước vào, cuộc pháo kích bắt đầu. Vị đại úy vừa nói liền đi ra để ban huấn lệnh cho các xạ thủ đang sử dụng các khẩu đại bác đặt ở chân thành. Vừa khi ông bước chân ra khỏi nhà B, ông bị hại do một quả đạn của một trong những khẩu súng ở chân thành đặt ở các vọng lâu trên các cửa kế cận khu Tô giới của chúng ta.

Điểm G chỉ cái cửa trên bao lơn trong đó bà vợ vị đại úy cũng như ông và bà Brony đến từ Thuận An, ở đó người chồng là ông Cò hải quân, và họ là khách của người kế vị của tôi, họ trú ẩn ở đó suốt đêm khi có trận pháo kích và tác xạ. Chuyện này do chính ông Brony đã kể lại cho tôi ít lâu khi tôi trở về Huế. Ông ta đã chỉ cho tôi tại chỗ các địa điểm F và G.

Thật thế, đó là một điều khá kỳ lạ, một vài hộp đậy kín đựng thứ bánh ngọt nhỏ này, bánh bít-quy và bánh rán do Aron gửi hay do Clavez mang đến... chúng con thường thấy có cùng mùi đó. Đó có lẽ do vaseline, mà những người làm bánh thời đại mới đã dùng? Con không biết, không biết chút gì về bí mật của những người làm bánh mứt.

Còn về các quả mận, tất cả đều rất ngon, chúng được rửa tội đặt tên như thế nào đây, có phải là môt-cu? Chắc là không phải, vậy thì gọi chúng là "Las Deliciosas" (Đồ ngọt ngào, khoái trá).

Vả lại phải là một chút Tây Ban Nha cho thời gian trôi đi, và chắc chắn nếu phải chọn giữa Đức và Tây Ban Nha thì con thích là dân Castille. Trong dân chúng Tây Ban Nha còn có một ông lão cao cả mà người ta chỉ có thể ngưỡng mộ, ông ta áo quần rách rưới, ông già nghèo, con muốn lắm, ông ta có những trang hay trong lịch sử, trong khi đó phía kia người ta có thể ngưỡng mộ được gì? Đó là nỗi khiếp sợ, là lòng sợ hãi, đến cả lòng tự hiềm do nước Đức gợi ra, và không phải là sức mạnh mà sự tàn bạo, mà là hậu duệ phù hợp với ông Bismark.

Đối với sự kiện đặc biệt hiện đang khuấy động giữa Tây Ban Nha và Đức quốc, con chỉ có thể đồng tình với các biểu hiện Tây Ban Nha; chúng khá ngây thơ, cha mẹ nói chi nghe vậy, con nhận như thế, nhưng các ghi chú ngoại giao, các lưu ý và nhận xét không có chút trọng lượng nào đối với quan chưởng ấn. Trong khi sự nổi dậy toàn bộ của quan điểm công cộng ở Tây Ban Nha đã tạo nên một tiếng vang thúc đẩy các dân tộc khác suy nghĩ lại, và mặt khác con chứng minh ngay sự đồng tình của mình với một người như ông Bismark, phải làm như những con chó nhỏ, kêu lên trước khi bị đánh, bởi vì người ta có thể chắc chắn trước rằng người ta sẽ không bị

đụng đến một cách không đúng đắn. Con người này có thể còn ít thận trọng hơn Frédéric II.

À! Phải chăng cha mẹ đã có ngân quỹ?

Bà Enjalbert có thể yêu cầu cái mà bà thích, con không tìm được ở đây nhưng con còn có nhiều bạn ở Hà Nội và đủ để cho con yêu cầu vài việc và người ta sẽ sớm gởi đến.

Trong một chuyến thư, con chưa bao giờ nhận một nửa các báo "Temps" vì thế con không đọc truyện đăng từng kỳ này của Jules Verne khi phải bỏ qua một nửa. Nếu con nghĩ đến chuyện đó con sẽ yêu cầu cha mẹ thuê giùm một trong các tờ báo đó của một tiệm cà phê nào đó, nhưng khi con được thư trả lời của thư này con hy vọng không còn nhiều thì giờ để ở lại mảnh đất xa lạ này.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Con nghĩ rằng con chỉ có thể trở về vào tháng ba, hãy thuê lại cho con một tờ báo trong thời hạn ba tháng bắt đầu kể từ khi nhận được thư này. Lấy tiền cần thiết ở tiền lời của số tiền của con ở ngân khoản Nga! Con có nhiều! [1]

Huế, ngày 4-11-1885

Cha mẹ thân yêu,

Còn mưa! Cha mẹ phải thấy rằng trời thường mưa... trong các lá thư của con. Cha mẹ muốn gì, chúng phản ánh thời gian.

---

[1] Nói đến món tiền tiết kiệm đầu tiên của tôi. Cha tôi đem nó cho vay kiểu Nga. Đó là món tiền đầu tiên nên tôi luôn luôn nhớ mãi... Người ta dễ dàng đoán ra rằng chúng trở thành "mớ giấy lộn".

Thời gian này con nghĩ nhiều về Alfred, nhưng con không biết chút gì về kết quả kỳ thi, bằng mọi giá nó phải được thuận lợi.

Chúng con nóng lòng chờ đợi chuyến thư đáng ra nó phải đến từ ngày kia, và nay nó cũng chưa có ở đây.

Đường đi Đà Nẵng bị cắt, cắt do nước, hiển nhiên. Thật dễ chịu thay xứ này! Anh đang đi dọc trên đường rồi thì một tiếng crắc, không còn đường nữa, người ta đã ở trong nước và như thói quen người ta không tìm thấy tàu móc ở hàng cây ven đường và phải chờ cho qua trận lụt.

Chúng con ở đây như ở dưới đáy của một miếng phó mát quá dày đến nỗi không nghe được gì đã xảy ra bên ngoài. Hình như người ta đang ở trong đoàn quân ở Bắc Kỳ, và vừa rồi có sự hội kiến ở trong Tre của hai vị vua, do điều mà vị vua thứ hai, người trẻ hơn, đã thực hiện ở vùng châu thổ cho lợi ích của mình nên không thông báo cho vị vua thứ nhất những gì ông ta làm; hơn nữa vị vua thứ nhất muốn biết những gì đã xảy ra nên tự mình đi đến đó để khảo sát, từ đó mà có cuộc hội kiến. Nhưng chắc chắn rằng cha mẹ biết rõ tất cả chuyện đó hơn chúng con, kẻ chỉ biết một cách gián tiếp qua thư từ và không bao giờ qua điện tín.

Ở Trung Kỳ ngay cả khi người ta thực hiện các cuộc hành quân, nhưng cũng ít nghiêm túc theo quan điểm quân sự, bởi vì người Việt luôn luôn là thế; tuy nhiên lần này kết quả thiết thực, vì nếu người ta không giết được quân khởi nghĩa ở Tân Sở [1], ở Cam Lộ người ta cũng thu được 200, một cái gì đó

---

[1] Về Tân Sở, kinh thành, cuộc cư trú ngắn ngủi của Hàm Nghi ở đây, và việc người Pháp đến, xem trong BAVH 1914, tr.211 - 220: "Une capital éphémère: Tân Sở" (Một kinh đô phù du; Tân Sở của linh mục F.de Pirey - ghi chú của chủ bút BAVH).

đáng kể, vì kết quả sẽ là cuộc chiến sớm kết thúc vì thiếu trang bị vũ khí. Thật thế, rõ ràng là chúng ta có thể dễ dàng ngăn chặn việc tiếp tế vũ khí, đạn dược của quân khởi nghĩa. Như vậy hiện nay việc cung cấp lương thực đã bị hủy bỏ... "fili tout" (hết tất cả) như người Việt nói, tưởng rằng đang có một thứ tiếng Pháp tuyệt diệu.

Cha mẹ sẽ có theo đây một bưu phiếu 500frs, ở đây con tiết kiệm nếu không có việc nào khác. Con sẽ thêm ít lời vào thư nếu thư của cha mẹ đến trước khi chuyến thư này ra đi, thư này sẽ được lấy đi ngày hôm nay lúc 3 giờ rưỡi.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULIEN

Huế, ngày 22-11-1885

Cha mẹ thân yêu,

Các thư tháng 10 của cha mẹ có đó nhưng không có gì vui, Alice đau, ông Pasa chết... con nóng lòng chờ các tin tiếp theo, nhưng chúng không cứu sống lại ông Passa khốn khổ. Cái chết này làm cho con rất đau đớn, vì con mến ông ta vô cùng. Trong đám người trực tiếp chung quanh ông hay ít nhất trong số người mà ông ta gặp, ông ta không tìm thấy sự cùng chung ý tưởng toàn diện với ông và ông rất thích chuyện trò với con, khi đi ngang cửa phòng của con ông thường lên và chúng con nói chuyện; con đã mất nơi ông một người bạn đích thực và rất ưa giúp đỡ! Luôn luôn lo liệu, sắp xếp để giúp đỡ Alfred hoặc con. Đó là một người bạn đứng tuổi mà những người trẻ như con rất muốn làm bạn, rất muốn gặp gỡ. Sự mất mát này thật sự tác động đến con rất sâu xa.

Aron viết cho con rằng không phải là không cực nhọc để Alfred được vào lớp đặc biệt. Chuyến thư tới sẽ cho con biết ngày thi của nó, hy vọng rằng nó sẽ qua được một cách oanh liệt. Điều ngược lại thì rất đáng tiếc, bởi vì vào 18 tuổi phải xong bằng tú tài để có thể tiến xa trên con đường đã chọn. Như thế trong tình huống này vấn đề tiền bạc là thứ yếu.

Những nhân viên quản lý đồ thế chấp còn làm gì nữa đây? Lạy chúa tôi! Hỡi nước Pháp khốn khổ của tôi, mày hoàn toàn ruổng nát bởi chế độ thư lại quan liêu! Biết bao nhân viên người ta có thể dẹp bỏ và thay vào đó một hai người giúp việc bàn giấy, các thư ký cấp dưới, làm phụ tá cho các chức vụ mà người ta muốn lưu giữ.

Hãy lấy một thí dụ cụ thể không chối cãi được. Một huyện trưởng hay quận trưởng để làm gì? Những con người thuộc hạng này không lý thú gì, họ biết những gì, họ phục vụ ai, và họ đã lãnh lương bao nhiêu trong ngân sách! Nếu đó là một cái trường cho các ông tỉnh trưởng, tổng đốc, nó thật sự tốn tiền. Với 86 khu vực, có biết bao tầng lớp và các lỗ hổng, kể cả các tỉnh lỵ, thị trấn, nơi người ta có thể học nghề. Nhưng không, các quận, huyện, như tổng ngân khố, là những cơ sở rất tiện lợi để phân phối các đại biểu (nghị viện) của chúng ta - những cái đầu xin với số lượng lớn - cố giữ đừng cho bãi bỏ các chức vụ ăn không ngồi rồi mà họ sắp đặt hay có thể sắp đặt.

Đại tướng De Courcy đã đến vào những ngày đầu tháng 12, một tháng sớm hơn đã định trước. Thật thế, ông đã nói chuyện với chúng con lúc ông đi từ Huế vào tháng Chín là ông sẽ trở về đây vào ngày 10 tháng Giêng.

Việc gì đã xảy ra ở Bắc Kỳ? Chúng con ở đây không biết chút gì. Bây giờ Masselin đã ở đó, con hy vọng sẽ được tin lần lần.

Con nóng lòng đợi đến tháng hai và không nghĩ gì nữa ngoài việc trở về.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

Đứa con hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Huế, ngày 5-12-1885.

Cha mẹ thân yêu,

Biến cố quan trọng trong nửa tháng - không nói đến biến cố quân sự, con đã nói với cha mẹ là con không biết chút gì về đề tài này - đó là bữa ăn trưa do nhà vua đãi và buổi trình diễn kịch nghệ sau đó.

Bữa ăn trưa rất vui - Tất cả các trưởng đơn vị đều được mời đến đây, do danh nghĩa này mà con có thể tham dự bữa tiệc. Trong một phòng của hoàng cung, ở giữa có đặt một bàn, đó là vị trí của nhà vua, bên phải là đại tướng Prudhomme, bên trái là ông hoàng thái tử, và ở trước mặt ông ta là vị chủ tịch hội đồng (nhiếp chánh) (Tổng đốc Hà Nội). Còn chúng con, thì chúng con đứng trước một bàn dài được dựng thẳng góc và không xa với bàn nhà vua, cùng đứng ở chỗ chúng con còn có các Thượng thư và các hoàng thân, 5 hay 6 người. Trước mặt con là ông Thượng thư bộ Lễ và con có nhiệm vụ không để ông ta thiếu thứ gì - bóng gió là muốn nói rằng con quyết tâm làm cho ông ta ăn uống tối đa - ông làm cho con rất vui, ông ta ăn gần như tất cả các món - bữa ăn nhiều ê hề - đĩa của ông ta luôn luôn đầy và như ông ta tự dọn một dĩa mới cho mình, ông ta ăn những thứ pha trộn kỳ dị - Rượu nho, rượu Champagne và các thứ khác mà người ta rót cho ông vô khối đã làm cho ông tối tăm lý trí, vì thế con không thấy ông ta trong cuộc biểu diễn, hẳn ông ta đang ở trong một góc nào đó.

Có lẽ ông sẽ nhớ lâu về buổi lễ nhỏ này, bởi vì dù cái chất là quan trọng thì cũng còn có được cái lượng.

Về phần cuộc trình diễn, thì nói sao đây với cha mẹ? Đây là những màn ngốc nghếch hoàn toàn, ít ra chúng không được diễn cho công chúng nghe vì không ai có thể hiểu được chút gì. Như thế cuộc trình diễn đó kéo dài trong 4 ngày - con muốn thêm ngay rằng bọn con chỉ phải nghe trong 2 giờ - con gọi đến bên con người thông ngôn của nhà nước để hỏi về chủ đề, anh ta thú nhận với con rằng anh ta không hiểu chút gì, đến nỗi con không còn biết hoàn toàn những gì con đã thấy [1].

Con đây với một công việc kinh khủng trên tay. Con có trách nhiệm sắp đặt ổn định cho sứ mạng và các quân đoàn Việt Nam mà nó tạo dựng, có một đại úy công binh với ông ta

---

[1] So sánh: "Huế entre 1885 et 1888 (Huế giữa năm 1885 và 1888), une réception à la Cour de Roi Đồng Khánh (một cuộc tiếp kiến ở triều đình vua Đồng Khánh, của H.Peyssonnaux, trong BAVH, 1922, tr.234 - 237. Ghi chú của chủ bút BAVH.)

Giấy mời gửi cho tướng Jullien vào dịp bữa ăn trưa này. Và đây là bản dịch:

"Bộ Lễ nước Đại Nam theo lệnh của Hoàng đế xin thông tri rằng vào dịp sinh nhật của Hoàng thái tử, có tổ chức một bữa tiệc ca nhạc để mừng và mời xa giá (của đại úy Jullien) đến tham dự bữa tiệc này trong tình hữu nghị cùng thưởng ngoạn vào ngày 11 tháng Âm lịch này lúc 11 giờ rưỡi; vâng lệnh này chúng tôi xin được phép gửi đến giấy mời này mong được ngài chiếu cố để mắt đến.

Trên đây là thư mời cho ngài đại úy của nước Đại Pháp, Du Liên.

Niên hiệu Đồng Khánh, năm Ất Dậu, tháng 10 ngày 18 (24-11-1885)".

Năm 1885 này đúng là năm thứ nhất niên hiệu Hàm Nghi. Nhưng vào tháng 11, Hàm Nghi đã đào thoát đã 5 tháng, ông ta bị phế và Đồng Khánh thay thế. Vị này chỉ lấy niên hiệu vào năm tới 1886. Trong những tháng cuối 1885 ông ta không thể ghi niên hiệu của vị vua bị phế, vậy đơn giản hơn cả là ông để năm theo thời gian trong các văn thư và sắc lệnh của mình. Ghi chú của chủ bút BAVH.

con mang giao công việc cho ông, nhưng công việc công binh thuộc quân đội Việt Nam còn chưa được tạo lập [1].

Đại tướng De Courcy đã thông báo với chúng con về ngày 10. Con đã viết đơn xin hồi hương, à! chừng đó không phải là dài, vừa đảo một vòng mắt, tôi ký tên .... tuyên bố đã hết hạn hai năm của tôi ngày 18-2 và xin được trở về Pháp "mao len". "Mao len" muốn nói là rất mau, mau nhất có thể được.

Điều đó còn lẩn quẩn với con chiều nay.

Con hôn cha mẹ vừa phải chạy đây.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

---

[1] Chúng ta đã quyết định ở Paris, tổ chức quân đội Việt Nam theo lối Âu Châu. Có nhiều sứ mạng tương tự được gửi sang Nhật Bản, và tôi có quen biết một vài sĩ quan công binh tham dự sứ mạng Nhật Bản. Đại úy Kreitmann chẳng hạn, là một trong số đó. Tướng De Courcy đã từ bỏ sứ mạng An-nam cho lợi ích của tướng Prudhomme, người không biết phải sử dụng chúng như thế nào. Tôi đặc biệt biết rõ người đại diện pháo binh, đại úy Brongnart và người đại diện công binh, đại úy Besson, ông cùng chung bếp ăn với tôi (Quản đốc ngân hàng Gérin). Người quản lý là ông Domenech - Cellès và người phát ngôn viên Genoux - Prachée. Tôi quen người sau này ở (Hà Nội) Bắc Kỳ, ông ta cũng đã ở Nam Kỳ, chúng tôi là bạn thân và là bạn đi săn. Genoux, khi trở về Pháp, trở thành nhân viên thu thuế ở Lure, tôi liên lạc thư từ với ông ta đến khi ông ta chết. Dĩ nhiên, người ta không thành lập đào tạo xạ thủ pháo binh người Việt và Đại úy Brongnart khá nhàn rỗi. Đại úy Besson, trái lại nhanh chóng được dùng vào công trình con đường đèo Hải Vân. Còn về đại úy kỵ binh. Người ta chờ các con ngựa mua ở đảo Timor do đại úy O'connor, và chính tôi tổ chức các chuồng ngựa cho những con ngựa này. Chúng chỉ gây ra những nỗi khổ tâm, hòa nhập kém với địa phương cũng như thức ăn. Người ta phải thành lập hai đội Lon kỵ binh Việt Nam. Theo cảm giác chung, nhân viên lo sứ mạng này tỏ ra dễ chịu, nhưng khả năng sử dụng của ông ta được chúng ta đánh giá là quá hay tranh cãi, dù sao cũng là hơi sớm.

Hãy cho con thêm tin vui vẻ của Licette. Anh gọi em như thế đó, Alice thân mến của anh.

Hai năm này ở Bắc Kỳ đã làm anh già đi nhiều. Không già về mặt thể chất thì ít nhất cũng già về mặt kinh nghiệm, anh hy vọng có 3 tháng nghỉ ngơi để lại trở thành trẻ nít.

Huế, ngày 31-12-1885

Cha mẹ thân yêu,

Sáng mai khi trở dậy con sẽ chúc năm mới ai đây? Không ai cả, ít nhất là ở gần, bởi vì đất ngoại quốc đó là nơi lưu đày và lưu đày là cô đơn cách biệt. Đôi khi con hết lòng mong ước năm 1886 này chúng ta sẽ đoàn tụ.

Con nghe nói khắp mọi phía rằng con không thể đi mà không có huy chương vàng, nhưng nó ở đâu? Nếu con có nó ở đây thì nó đã phải đến, và vì con không tin ở lời hứa, dù người ta cho con, con cũng sẽ đi và con nghĩ rằng con có thể khẳng định vào tháng tư con không thể nào không có mặt ở Livron.

Chúng con vừa biết liên tiếp hai tin quan trọng theo đường điện tín.

1. Việc biểu quyết về ngân sách được 4 phiếu (thật là ít, và chúng con không biết có phải đó là một quân đội với 5 lữ đoàn hay là một sư đoàn với 3 lữ đoàn).

2. Hòa bình ở Madagasca với 10 triệu bồi thường chiến phí.

Tin cuối cùng làm chúng con rất ngạc nhiên, bởi vì các báo mới đến chứng tỏ ngược lại: quân Howas rất kiêu hãnh về thành công của họ ở Fanafatte và còn xa mới tỏ ra muốn thương nghị và nhất là để bỏ ra 10 triệu. Con giả dụ rằng chúng ta không bao giờ đụng đến tiền đó, nhưng nếu chúng ta không lệ thuộc nó nữa thì điều đó đã là rất đẹp.

Trong nửa tháng vừa qua con phải chạy nhiều, gởi đi Quảng Trị với viên trung úy hải quân chỉ huy hải quân ở đây, để thực hiện vài cuộc thăm dò và khảo sát công trình đang dang dở để đoàn cho con trọn con kênh đã đào nhưng chưa đủ sâu. Con vừa trở về khi nhận được một lệnh của đại tướng ra lệnh con đi Đà Nẵng với ông ta, con ngủ ở nhà đúng chỉ một đêm, Clavez phải thay con khi con vắng mặt.

Người ta đã nói với Đại tướng, còn chính con nghe nói việc đó từ năm ngoái, về một con đường tiện lợi hơn con đường hiện nay để đi từ Huế đến Đà Nẵng.

Con đường hiện nay băng qua một cái đèo gọi là đèo Hải Vân hay Cửa Sắt (Col des nuages ou Portes de Fer), mà đường lên rất khó nhọc. Thật khó mô tả việc đó vì người ta không thể có ý niệm gì nếu không được thấy nó. Người Việt Nam không có phương tiện để làm nổ tung núi đá, nên để chúng yên; họ không đủ thông minh để hiểu rằng muốn leo một cái dốc thẳng đứng phải tìm những con đường quanh co, đôi khi phải đi rất xa; vì thế kết quả là đứng trước một ngọn núi dốc thẳng đứng họ trèo thẳng theo đường dốc lớn, các bậc thang trên đó thường không được đẽo tốt, các bậc thang đôi khi cao 0m60 và tất cả chuyện đó kéo dài cả một giai đoạn, từ 7 giờ sáng đến 4 giờ chiều; đoán chắc rằng người ta đã đi suốt - con đã sống và làm bạn đồng hành của Đại tướng, cùng ăn một bàn (chúng tôi chỉ có 2 người, được một trung úy và 15 lính bộ binh châu Phi hộ tống). Thời gian đi con đường quan lộ hay đường qua đèo Hải Vân đã kéo dài trong 4 ngày và chúng tôi tưởng chừng đã cực nhọc đến tột cùng. Sau một lần nghỉ ngơi ngắn ở Đà Nẵng rồi ở Quảng Nam (một ngày ở phía tây), chúng tôi lại lên đường để thử tìm lại con đường nổi tiếng đó. Sau hai ngày đi bộ (điểm xuất phát: Quảng Nam), người ta đến lối vào cửa khẩu mà người ta phải đi theo, cửa khẩu đi qua một xứ dã man và toàn là rừng hoang.

Những chỉ dẫn về con đường này đã đến với chúng tôi do các vị thừa sai và một người Âu vừa gặp chúng tôi; và chúng xấu đến nỗi những mộng tưởng của chúng tôi lung lay, trước sự đeo đẳng mà người ta đã dùng để nói với Đại tướng về sự độc hại của vùng này, Đại tướng đã gởi trả tất cả quân hộ tống của mình và chúng tôi chỉ còn lại duy nhất hai người với hai tên lính hầu cận (tất cả vũ khí chỉ là một khẩu súng và 3 súng lục).

Thế là hỡi thần linh Odyssée, người bắt đầu hãy cho tôi mượn giọng của Người để cho phép tôi kể lại và vẽ ra sắc thái của những cô đơn này!

Lên đường lúc 7 giờ rưỡi sáng, không có thuốc ký-ninh, nhưng có 3 chiếc cáng, dùng cho trường hợp một trong ba người bị đau ốm, 9 giờ chúng tôi đến, bỏ trạm quan thuế Việt Nam, chúng tôi đã đi vào địa giới của những người dã man, những người "Mọi".

Thật là một giờ tốt để dừng nghỉ, hãy theo chân chúng tôi. Những cây đầu tiên hiện ra, chúng tôi đi vào rừng, vào khoảng 10 giờ 30 chúng tôi đến chỗ người dẫn đường đang ở bờ thác nước, một vài tảng đá lớn có thể dùng làm chỗ nằm, dừng lại!

Những người phu đến lần lần đem theo lương thực, chúng con ăn trưa. Thình lình có tiếng xôn xao ở đằng đầu, cái gì thế? Đó là một vài người Mọi, được báo tin lúc sáng rằng Đại tướng phải đi qua chỗ họ nên họ đến gặp ông quy phục và làm hướng đạo viên cho chúng tôi. Họ tiến đến gần, 2 hay 3 người có mặc một thứ áo sơ mi, có vẻ trang trọng, nhưng y phục truyền thống quốc gia rất đơn giản: Một khăn vuông quấn quanh thắt lưng (tôi nói một khăn vuông, thật ra không được như thế), một vòng đeo cổ với những hạt thủy tinh chất lượng kém, và những miếng gỗ có kích thước như cây bút chì nằm trong lỗ tai, y phục đơn giản và cũng nhẹ nhàng.

Chúng tôi làm cho họ hiểu rằng đã đến giờ ăn trưa, họ bèn ngồi xổm và ăn cơm mà họ cẩn thận mang theo. Rồi vào lúc 1 giờ, lúc tiến lên chúng tôi theo lòng một con khe trong một thời gian, mọi người lội trong nước, và khi chúng tôi rời khe là để qua một con đường nhỏ 30 đến 40cm bề rộng, leo dốc đứng rồi trụt xuống, vừa mở đường, đến những thân cây khô và rồi qua đường. Những người Mọi dẫn đường của chúng tôi ở đằng trước dao cầm tay chặt những cành thấp. Người ta buộc phải trèo chân và phải dừng lại luôn. Cuối cùng vào khoảng 5 giờ chúng tôi thấy một khoảng rừng thưa ở bên kia khe, mà chúng tôi phải qua, lại qua khe đến 20 lần, đó là khu trại của người Mọi, với 4 hay 5 chiếc lều khốn khổ, tuy nhiên đó là hạnh phúc. Chúng tôi qua khỏi khe nơi tạo thành con thác, và ngày đầu tiên đã trôi qua. Chúng tôi ăn trong âm thanh của một thứ âm nhạc không mấy điều hòa, những con công rừng (một con đến rất gần chỗ chúng tôi) và những con chim khác của rừng này, nhưng rượu sâm banh đang sủi bọt lóng lánh trong ly và mọi mệt nhọc đều quên khuấy và chúng tôi lịm ngủ.

Ngày hôm sau cũng là một ngày như thế, luôn ở giữa rừng, đường vẫn luôn hiểm trở, người ta trèo, người ta trụt từ tảng đá này sang tảng đá khác, lòng khe chính nó là con đường duy nhất được mở. Người ta leo lên các ngọn núi, người trụt xuống rồi leo lên một ngọn khác. Người ta nằm ngủ gần như giữa trời, dưới một mái lá lợp vội của những người Mọi của chúng tôi.

Ngày hôm sau là ngày khó nhọc cuối cùng. Chúng tôi trèo đèo Cầu Hai, chấm dứt công trình vĩ đại (như của Hercule) của mình, luôn có vài người Mọi đi theo, muốn theo đến tận Huế. Những người khác xin trở về nhà. Chúng tôi không cho họ tiền vì họ không rõ giá trị, họ xin vài cái quần áo, vài cái nồi, người ta cho họ ở tòa công sứ những người đến tận Huế.

Vào khoảng một giờ, sau khi ăn trưa và sau một chuyến trèo xuống khó nhọc không thể tả, cuối cùng chúng tôi ra khỏi rừng, chúng tôi đến một đồn nhỏ nơi đây là trạm Thương chánh Việt Nam, và ở đây chúng tôi gặp các lính người Việt và 2 con voi gửi đến đón chúng tôi. Đại tướng leo lên một con và con lên con kia, và sau 1/2 giờ hoặc 3/4 giờ đi dạo bằng voi, chúng tôi đến Cầu Hai, thành công mỹ mãn. (Thật kinh khủng, con voi như là một đầu xe lửa, con sẽ không tái diễn).

Kể từ ngày mai con sẽ giữ nhiệm vụ Trưởng sở công binh, con được đề cử theo quyết định của Đại tướng tổng chỉ huy đề ngày 28-11.

Và đây, con hôn cha mẹ như con yêu cha mẹ đồng thời chúc năm mới tốt đẹp với tất cả, riêng đối với Alice và với Fred, em kìa chàng trai, hãy mạnh dạn một chút trước mặt các giám khảo. Aron viết cho anh rằng chính sự nhút nhát rụt rè đã làm cho em mất mát.

Và còn nữa những cái hôn.

L.JULLIEN

Huế, ngày 17-1-1886

Cha mẹ thân yêu,

Con đã kể cha mẹ nghe trong thư cuối cuộc du lãm của con qua xứ Trung Kỳ, nhưng cha mẹ chưa rõ điều vinh dự của con: Con đã được tiếp kiến riêng với Hoàng thượng!

Cái đất nước này có quá nhiều biến đổi! Năm ngoái không thể nào được nhìn thấy vị độc tài Đông phương này; ông ta và nhiều vị tiền nhiệm của ông ta chỉ là những khuôn mặt trong bụi mờ, nhưng nay bất cứ ai cũng có thể được nhận bắt tay ông ta. Liệu có tưởng tượng được không nhà chính trị Berthe?

Tất cả điều khó hiểu này khiến em văng ra tiếng rủa "Sapristi" như khi kiêu hãnh được bắt tay của một nhân vật hoàng gia.

Giọng điệu khoái hoạt này dù sao cũng chứa đựng một thỏa mãn thật sự, con rất sung sướng được Đại tướng đề nghị dẫn con theo đến chỗ nhà vua, trong cuộc tiếp kiến riêng để xin nhà vua ban cho con đồng tiền, và thế là con có mặt ở đây và trên đầu có được một bằng sắc mới và một đồng tiền mới, lần này là một đồng tiền vàng, con đã được lên cấp. Đó chỉ là những vật mọn, nó chỉ có giá trị thuộc về quá khứ, và điều mà con yêu thích hơn cả trong đồng tiền này là chính cuộc tiếp kiến trước đó [1].

Chúng con vẫn nghe một tin, khá bất ngờ, làm cho mọi người rất ngạc nhiên. Con muốn nói đến cuộc bổ nhiệm ông Paul Bert làm "ông lớn" ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Đồng thời

---

[1] Tôi còn nhớ quang cảnh đó như khi tôi có mặt ở đó. Khuôn mặt của Hoàng đế làm tôi rất ưa thích. Quay về phía tôi, nhà vua cười, rất hòa nhã. Nhà vua hỏi tên tôi và người thông ngôn nói cho ngài. Hoàng thượng nhắc lại You-lin. Tôi nói lại: Jullien và cười và cảm ơn nhà vua về sự quan tâm đến sức khỏe của tôi, và bày tỏ sự vui mừng lớn lao của tôi mà huy chương của ngài ban thưởng đem lại cho tôi.

Bằng sắc kim khánh ban cho tướng Jullien vào dịp ghi công khi ông thực hiện con đường núi; đây là bản dịch:

"Niên hiệu Đồng Khánh, năm Ất Dậu, tháng 12, ngày mồng 1 (5-1-1886), Cơ Mật viện, theo một sắc lệnh của hoàng đế chúng tôi, vị đại úy quản đốc các công trình của nước Đại Pháp tên Du [Liên]; gần đây đã tháp tùng Phó Đô thống đại thần và họ đã cùng đi theo con đường núi ở Quảng Nam, đã chịu nhiều gian khổ. Nay cấp cho ông ta Kim Khánh, vói ngù, để khích lệ. Hãy tuân thủ sắc lệnh này (khâm thử).

Cơ Mật viện, cung kính chép bản văn này. (Đối với những gì liên quan đến việc đề niên đại, xem giải thích đã có, ở chú thích 80. Năm Ất Dậu là từ 15-2-1884 đến 4-2-1885). Văn bản của bằng sắc này, người viết đã bỏ quên âm thứ hai trong tên của tướng Jullien và để ghi âm đầu ông ta không dùng cùng một chữ như trong 2 bằng sắc khác. Ghi chú của chủ bút BAVH.

chúng con cũng được đọc những lời tuyên bố của Brière de l'Isle trước Ủy hội Hạ nghị viện (33 thành viên) và quan điểm tổng quát về tình hình hiện nay của 33 con người đáng ghét này. Lạy Chúa! Chúng con đang ở đâu, để được gởi đến Hạ nghị viện và để bị họ cai trị, những nhân vật tệ đến như thế. Bởi vì làm sao đánh giá được hành động của họ? Phải chăng là những nhân vật chính trị đó được giao quyết định về việc chúng tôi có rút quân hay không khỏi Đông Dương, và họ được công bố việc đó? Phải chăng cũng chính những người Pháp có một chút nhạy cảm, những nhân vật đoán trước được kẻ thù tiến công rồi ra lệnh cho chúng tôi lùi bước? Họ có quan điểm riêng mà họ muốn, cũng như lòng tin, tôi đồng ý điều đó, nhưng lạy Chúa! Họ nghĩ gì khi ba sư đoàn lính Pháp đóng rải rác, cách nước Pháp 3.000 dặm, trong một vùng dân cư mà trong trí họ coi chúng ta là thù địch, họ lại đòi hỏi được đóng cửa để nói những gì họ muốn nói, những gì họ thương nghị và họ (bầu cử) biểu quyết trong bí mật.

Không, thật thế, hình như Hạ nghị viện cần phải có quyền khai trừ khỏi hàng ngũ nó những người được xem như mất hết ý thức chính trị và không cần phải chờ quá một ngày để mời ra khỏi cửa phần lớn trong số 33 nghị viện đó.

Thêm một lần nữa, con ghi nhận con tôn trọng quan niệm của họ nhưng khi có lợi ích quân sự thì họ phải im tiếng, phải dấu đi đối với kẻ thù. Ngày trước Tường đã nhận được tất cả báo chí Pháp, hãy xem giọng lưỡi của các vị này đã hỗ trợ cho việc giảng hòa và loại trừ các toán trộm cắp! Một chuyện cũng làm cho con kinh ngạc là không một ai đứng lên ở Hạ viện để nói cho được rõ ràng, tư cách hạnh kiểm, con nhấn mạnh chữ hạnh kiểm của họ không chỉ là vụng về, thất sách mà còn là đáng ghét!

Bị điều khiển bởi những chính trị gia cỡ này!!!

Ê, này, Licette thân mến, xem kìa, hãy mau lấy lại sức lực, em còn nhớ, em đã lấy lại được sự ngon miệng như thế nào sau cơn bệnh thương hàn, và kỳ dưỡng bệnh đã diễn ra nhanh như thế nào. Cứ mỗi mười lăm ngày, anh bóc vội thư để biết sức khỏe của em, nếu anh có thể chỉ cho em một nửa nhiệt độ ở đây. Ngày hôm qua bọn anh phải chịu 30 độ. Điều đó có thể giúp ích cho việc hồi phục của em. Và cháu nhỏ Hélène của em, nó có nhắc đến ngày về của anh hiển nhiên sẽ diễn ra khoảng 2 tháng sau, sau khi em nhận được thư này. Anh nói 2 tháng vì anh không thể lên đường trước thời hạn 2 năm của anh ở Bắc Kỳ và vì chiếc tàu sẽ chở anh chạy lên hơn chiếc tàu chở thư này; và đây những cái hôn thân tình của người anh tận tâm của em.

L.JULLIEN

Huế, ngày 14-2-1886

Cha mẹ thân yêu,

Hẳn là cha mẹ có việc với Lãnh sự Singapore, họ sẽ có một gói lớn cho con và nói rằng con sẽ có ở Aden một lá thư ngày 23-6-1884!

Con hy vọng thay vì viết cho con ở Singapore, cha mẹ cứ viết cho con ở Huế, nếu không thế con có thể ở lâu không tin tức.

Vừa rồi là ngày mồng một tháng giêng Việt Nam, ngày tết của năm này, đó là ngày 4-2, nhiều pháo, nhiều vui chơi ăn uống trong biến cố này. Chúng con với danh nghĩa của Tổng thống nước Cộng hòa (Pháp) - gớm thật khá là xa xôi - đến chúc mừng năm mới vị hoàng đế Việt Nam, nhà vua yêu cầu Đại tướng nhân danh nhà vua cám ơn ông Grévy và các sĩ

quan đến chúc tụng những điều tốt lành, nhà vua thêm rằng từ ngày lên ngôi và nhân các dịp khác nhà vua đã tặng thưởng các đồng tiền - dấu hiệu các đặc ân của nhà vua - nhưng một vài người trong số chúng con còn chưa có nên nhà vua muốn nhân ngày lễ này tặng thưởng cho tất cả những ai dự lễ. Sau đó, nhà vua nói riêng với Đại tướng rằng sẽ gởi quà tặng Đại tướng nội nhật hôm nay.

Chắc Berthe sẽ hỏi tặng vật này là cái gì; đó là một tước hiệu Quận công - một đồng tiền vàng đường kính chỉ 0m10 và một chiếc áo quan lớn mà người ta đánh giá 2000frs.

Buổi tối dành cho một cuộc tiểu du hành qua đầu làng quê Việt Nam. Đoàn rước gồm: voi, trang sức lộng lẫy, trung đội lạp binh đi bộ, đô thống chế, thống chế, nhà vua, hai thượng thư, các sĩ quan Pháp, các quan Việt Nam, người hầu với nhiều cờ hiệu, phân đội, bộ binh châu Phi và cuối cùng kết thúc với chục con voi.

Đoàn rước đi qua Đại bản doanh và người ta dừng lại giải lao ở đây gần một giờ [1].

---

[1] Nơi cư trú của tướng Prudhomme lúc đó như là Thư viện hiện nay của chính quyền Nam triều. Ngôi nhà này đầu tiên được xây dựng trong khu Nhượng địa, gần Vọng lâu X và dùng làm nơi cư trú của các đại sứ nước ngoài khi đến Huế. Vào năm 1875, Tự Đức cho dời đến chỗ hiện nay, ở khoảnh đất trống phía nam kinh thành; cách khoảng 100 mét về phía hạ lưu đối với Vọng lâu VIII và gọi nó với cái tên Thương Bạc, hay Bộ Ngoại vụ. Vào năm 1885, sau biến cố tháng 7 nó dùng làm nơi cư ngụ của Nguyễn Văn Tường; rồi tướng Prudhomme đặt bản doanh ở đó, hiển nhiên sau khi Nguyễn Văn Tường bị truất. Vào năm 1897 là Hoàng Cao Khải, rồi ông Hoàng Bửu Liêm cư trú ở đó cho đến 1908. Trường Hậu Bổ được đặt ở đây vào năm 1911 - ghi chú của chủ bút BAVH, theo: "Quelques édifices du Vieux Hé: l'hotel des Ambassadears" (một vài dinh thự của Huế Xưa: Sứ quán) của J.B.Roux, BAVH, 1915, tr.34 - 39; và "Histoire de l'école des Hậu Bổ" (Lịch sử trường Hậu Bổ, của Nguyễn Đình Hòe, BAVH, 1915, tr.41, 42)

Như thế đó là một ông vua đã quên tất cả những thói quen của dân tộc mình. Chúng ta đã làm đổi thay xứ này. Đó phải chăng là điều tốt hay điều xấu? Hiển nhiên đó sẽ là một điều tốt cho một tương lai xa vời, nhưng có phải là cho cả hiện tại?... Đáng ngờ.

Con hôn cha mẹ ngàn lần.

L.JULLIEN

Huế, ngày 27-2-1886

Cha mẹ thân yêu,

Hiện con ở xa Địa Trung Hải, hôm qua lời của ba nói với con rằng ba tưởng như thấy con đang ở trên làn sóng xanh của Địa Trung Hải. Con còn ở đây ít nhất một tháng, người thay thế con chỉ mới lên đường ngày 20 tháng giêng. Như thế, có hai chuyện, một phân đội và người chỉ huy của nó, để thay thế dần con, nhưng cái phải thay thế chính là người chỉ huy công binh ở Huế.

Người ta đang nói đến việc hồi hương tập thể. Chuyện đó con không mấy mặn mà, dĩ nhiên vì con có quyền trong chuyện đó. Những ai mới đến đây, trái lại rất sung sướng.

Hãy xem Paul Bert đã ghé bến cuối cùng với một đoàn tùy tùng nghiêm túc, "Sapriti"! Mười một quý bà hay quý cô, trong đó có một nữ bác sĩ, thật lôi cuốn đối với người Việt, chắc hẳn chưa bao giờ họ được thấy. Trời đất quỷ thần chứa họ vào đâu đây, ở Sứ quán chỉ có chỗ cho 5 hay 6 người mà họ đến 31! Người ta không rõ Paul Bert sẽ cư ngụ ở đâu, hẳn là ở Hà Nội, trừ phi người ta sẽ kết hợp ngay Cambodge, An-nam, Nam Kỳ, Bắc Kỳ thì ông ta cư ngụ ở Sài Gòn.

Có thể diễn ra nhiều điều tốt đẹp, các chú khuyển của xứ này đã thấy trước, nên chúng mạnh ai nấy sủa, thật là một sự huyên náo khủng khiếp, không cách nào để ngủ yên.

Nếu cha mẹ muốn biết quan điểm của con, thì đây vô cùng chân thành: đây chưa đến lúc để giao cho quyền lực dân sự việc điều hành mọi việc ở Đông Dương, cần phải đợi 2 hay 3 năm trước khi lấy đi quyền lực quân sự. Tất cả tùy thuộc vào cách xử lý của Paul Bert về chức vụ Tổng chỉ huy lực lượng quân sự, nhưng con rất sợ rằng tất cả chuyện đó sẽ đưa chúng ta đến tình trạng rối loạn khó gỡ.

Con hôn cha mẹ ngàn lần và sung sướng với ý nghĩ ngày lên đường của con đã đến gần.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Alice, anh xin em, hãy nỗ lực làm việc, và vượt thoát nỗi khó chịu đó, và Alfred... hẳn em đã hiểu.

Huế, ngày 14-3-1886

Cha mẹ thân yêu,

Hai tiếng thôi, vì con rất vội, sáng ngày mai con cho phân đội xuống tàu và con, cha mẹ viết cho con chứ?

Riêng con, con buộc phải chờ người thay thế con, thiếu tá công binh Lebourg, ông ta xuống tàu hôm nay ở Hải Phòng để đi Huế, con phải bàn giao công việc cho ông và chuồn ngay tức khắc [1]. Như thế rất có thể con sẽ lên đường ngày 15-4.

---

[1] Thiếu tá Lebourg, người thay thế tôi ở Huế, không ở lại lâu tại địa điểm này. Đó là một người lính công binh kỳ cựu, đã thực hiện chiến dịch Mexique và bị thương ở thủ phủ của Puebla. Người ta đùa giỡn ông ta một tí về chuyện ông ta dễ dàng kể lại chuyện này. Chức vụ trưởng công binh ở An-nam đối với ông có hơi khó nhọc. Nó làm ông phải mệt nhọc chạy từ Huế đến đà Nẵng, đến Thuận An hay đến Quảng Trị. Sau ông trở về Bắc Kỳ.

Thật thế, con còn chưa đi khi chuyến thư tới lên đường, cha mẹ còn có thể có ít chữ của con.

Đứa con trai hết lòng hiếu kính của cha mẹ.

L.JULLIEN

Trên tàu Chandenagor, ngày 5-5-1886

Cha mẹ thân yêu, thư này bỏ ở bưu cục Suez sẽ đến với cha mẹ trước con, con hy vọng thế, bởi vì con cho rằng nó sẽ ra đi ở Alexandie trên một chuyến tàu thư đi Brindisi.

Vâng, cuối cùng là con đã xuống tàu đi Pháp, một chiếc tàu chạy không nhanh lắm, nhưng bù lại nó không ghé bến nhiều - điều này làm cho chuyến đi khá đơn điệu.

Chúng con gần như ở cùng vĩ độ của Djeddah và chúng con tính về đến Suez vào tối thứ sáu, nơi chúng con chịu lễ kiểm dịch trong 24 tiếng đồng hồ trước khi có thể vào kênh đào.

Từ Port - Said, chúng con đi đến Alger triệt thoái đại đội I thuộc Đệ nhất tán binh Algirie, được hồi hương trên chiếc Chandernagor. Rồi đi thuyền buồm về Pháp. Con sẽ ôm hôn cha mẹ sớm, nếu chúng con không bị chậm trễ vì cái lệ kiểm dịch 40 ngày đáng ghét này.

Con luôn sức khỏe, chỉ có sóng biển giải thích cho nét chữ xấu này.

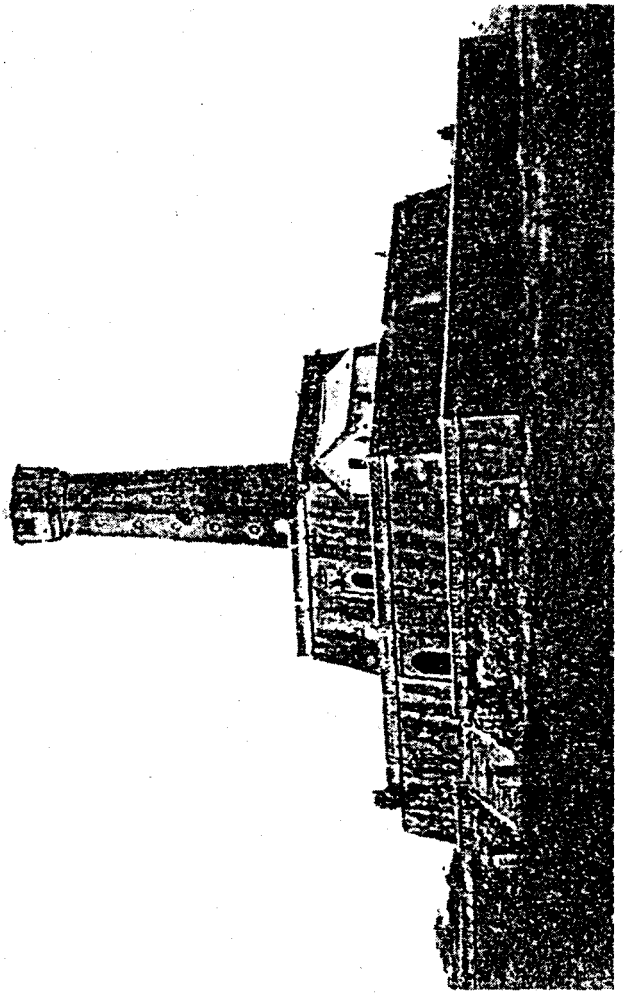
Hẹn sớm gặp lại, làm sao mà con không có được cái tốc độ của những cánh chim hải âu đang lượn quanh tàu.

Ngàn nụ hôn.

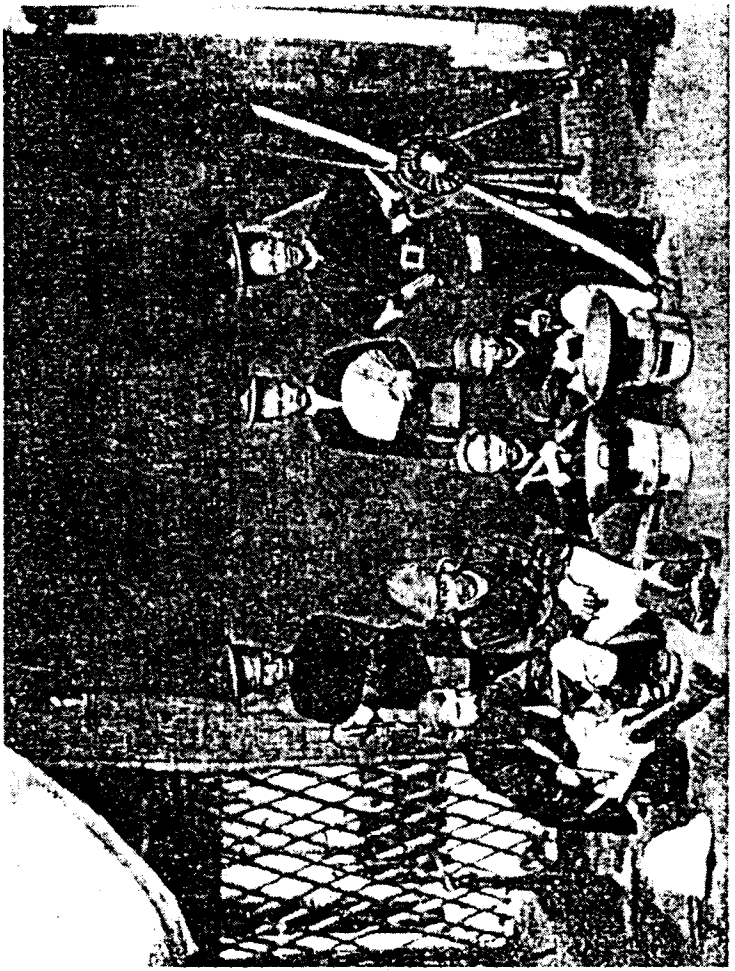
L.JULLIEN



XX. Trung úy Công binh Jullien (1884).

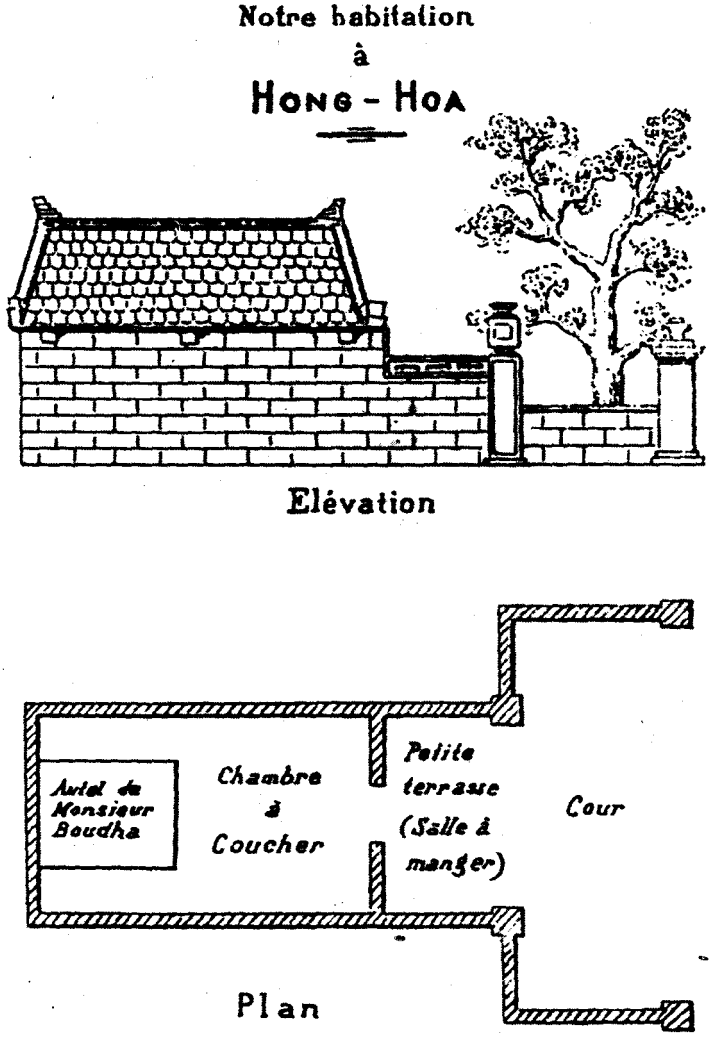


XXI. *Cột cờ thành Hà Nội.*



XXII. *Một toán lính tập Sài Gòn trong quân đoàn Bắc Kỳ.*

XXIII. *Các sĩ quan Công binh ở Hà Nội.*



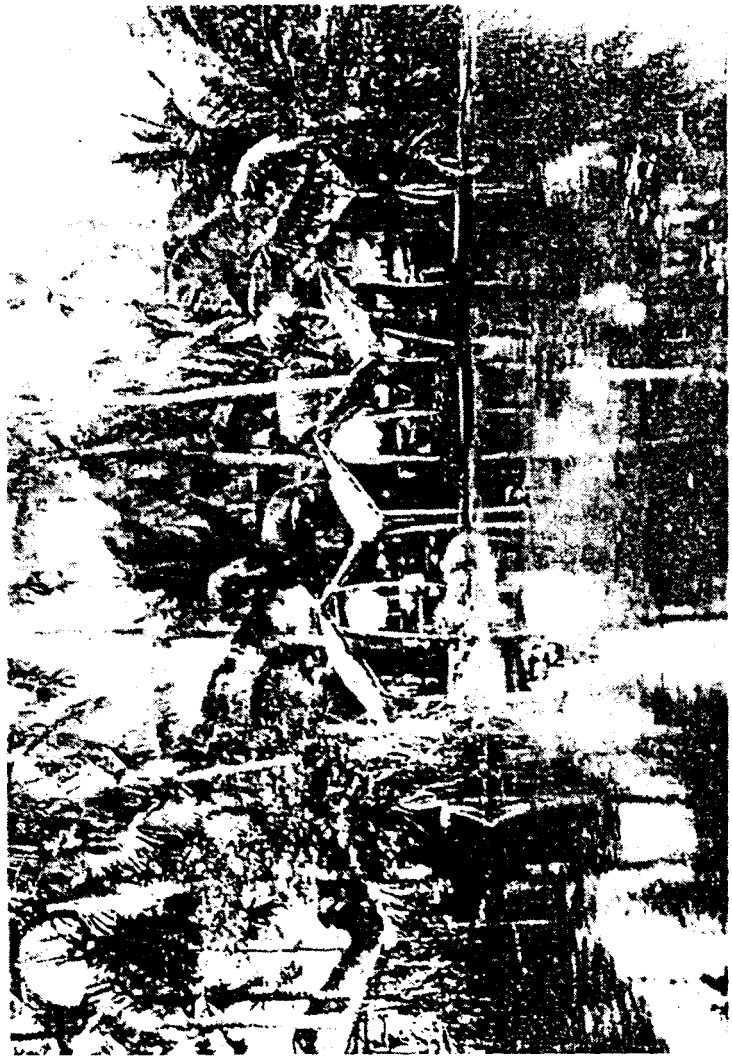
XXIV. *Nhà ở của Trung úy Jullien tại Hưng Hóa (1884).*



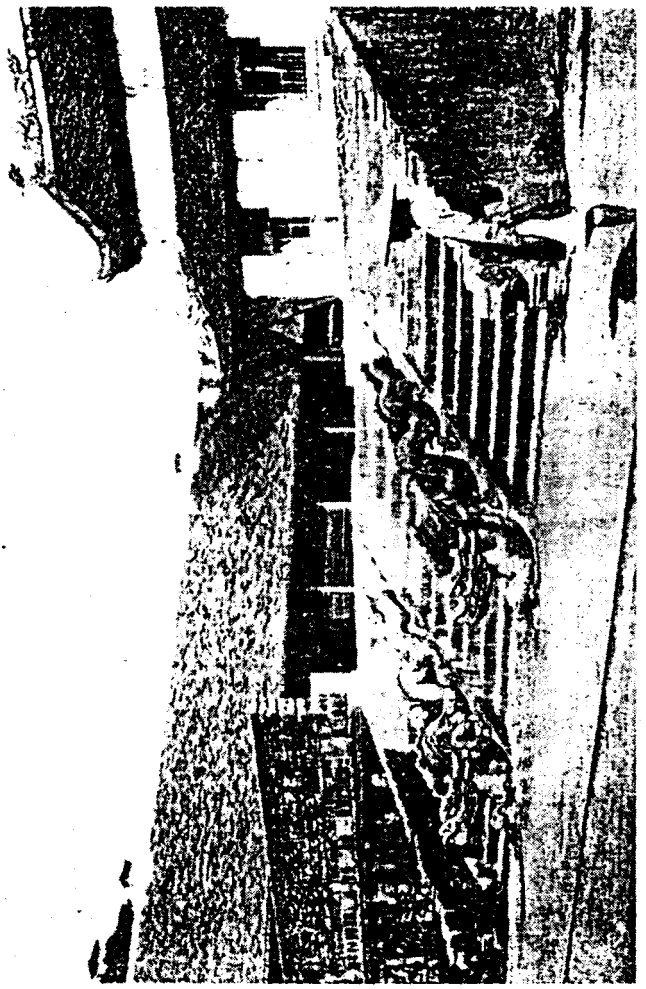
XXV. *Lều trại của các sĩ quan khi cầu ở Hà Nội (1884).*



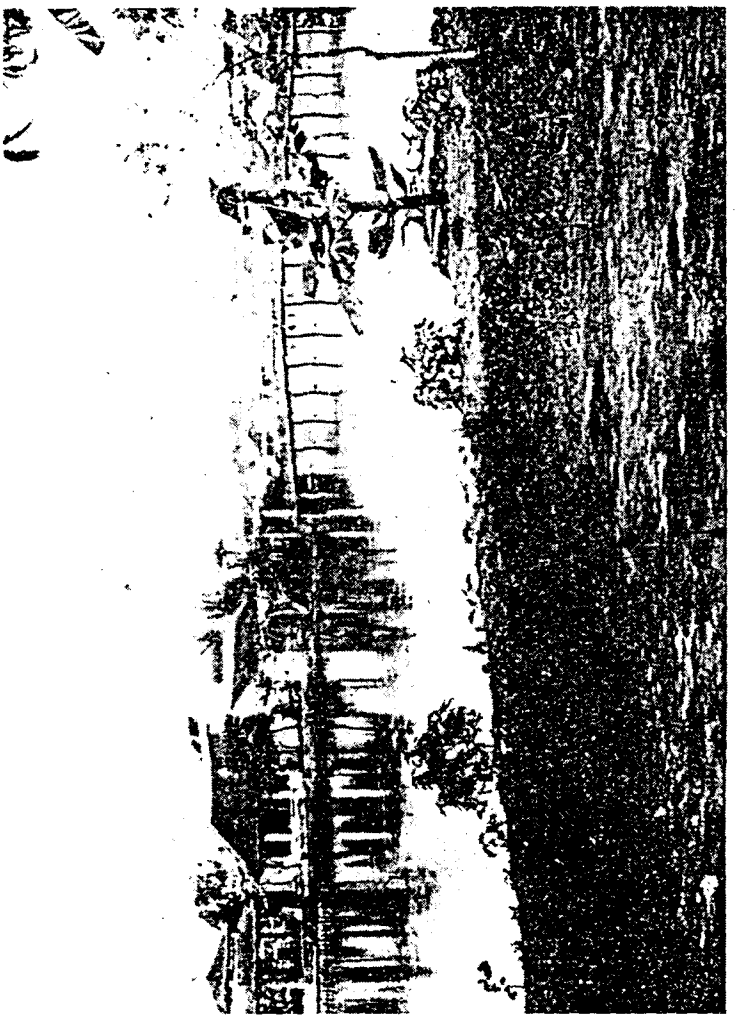
XXVI. *Jullien (trái), Teillard d'Egry (giữa), Winterberger (phải).*



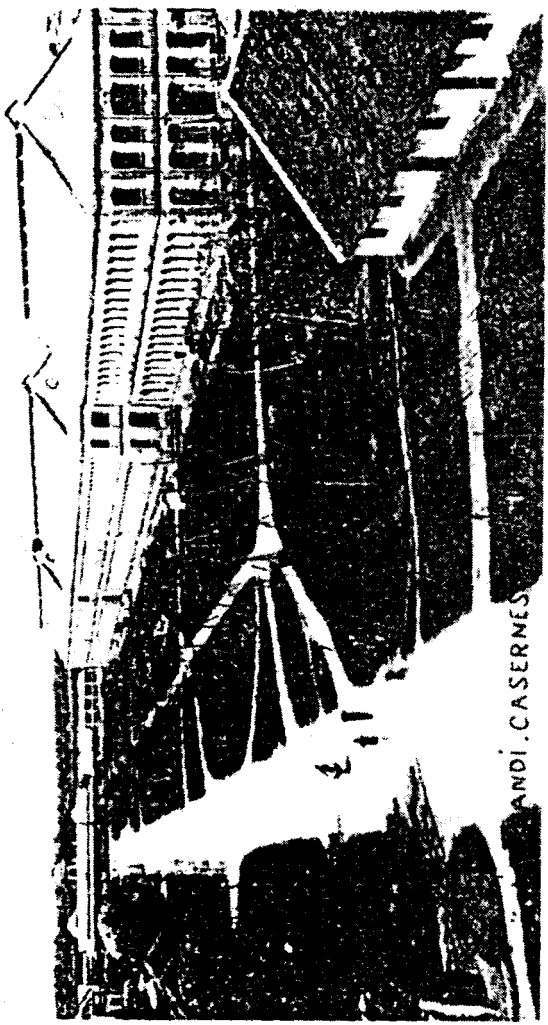
XXVII. *Các lều và ao ở Cầu Giấy.*



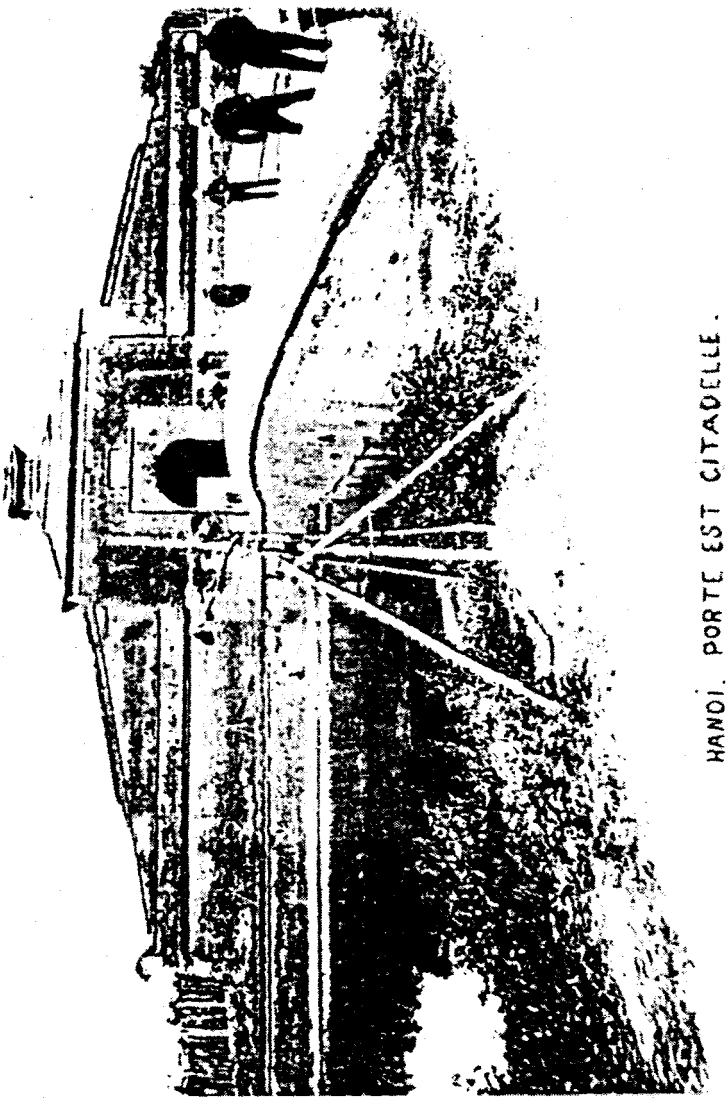
XXVIII. Bậc cấp ở đền vua Hà Nội.



XXIX. *Hồ nhỏ, đền chùa và cầu ở Hà Nội.*

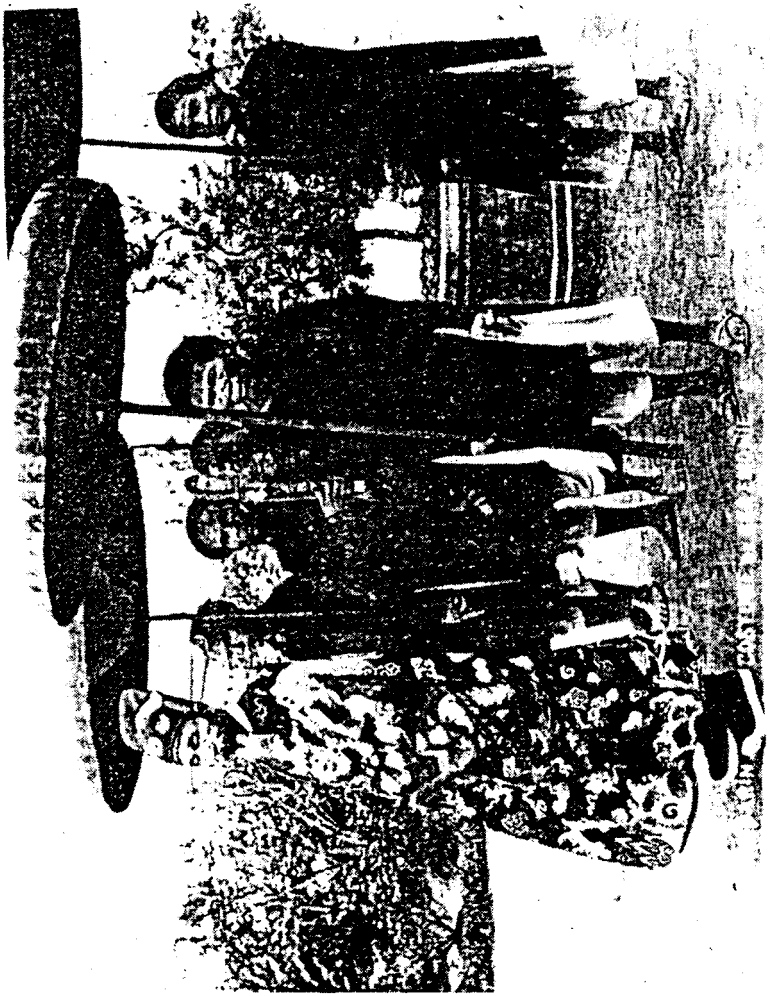


XXX. Doanh trại trong thành Hà Nội (1885 - 1886).

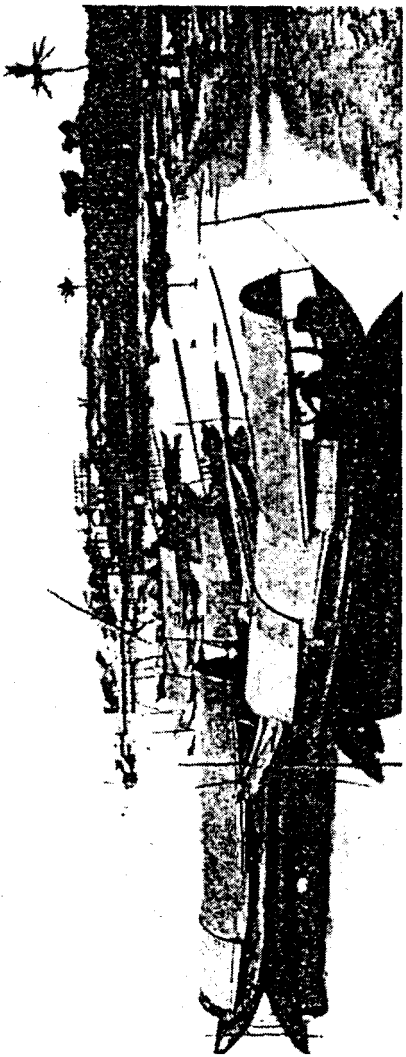


HANOI. PORTE EST CITADELLE.

XXXI. *Cổng phía đông thành Hà Nội (1885).*



XXXII. *Vị đại thần trong lễ phục.*



XXXIII. *Cảnh Đà Nẵng năm 1885.*



XXXIV. *Công sự (lô cốt) ở Đà Nẵng năm 1885.*



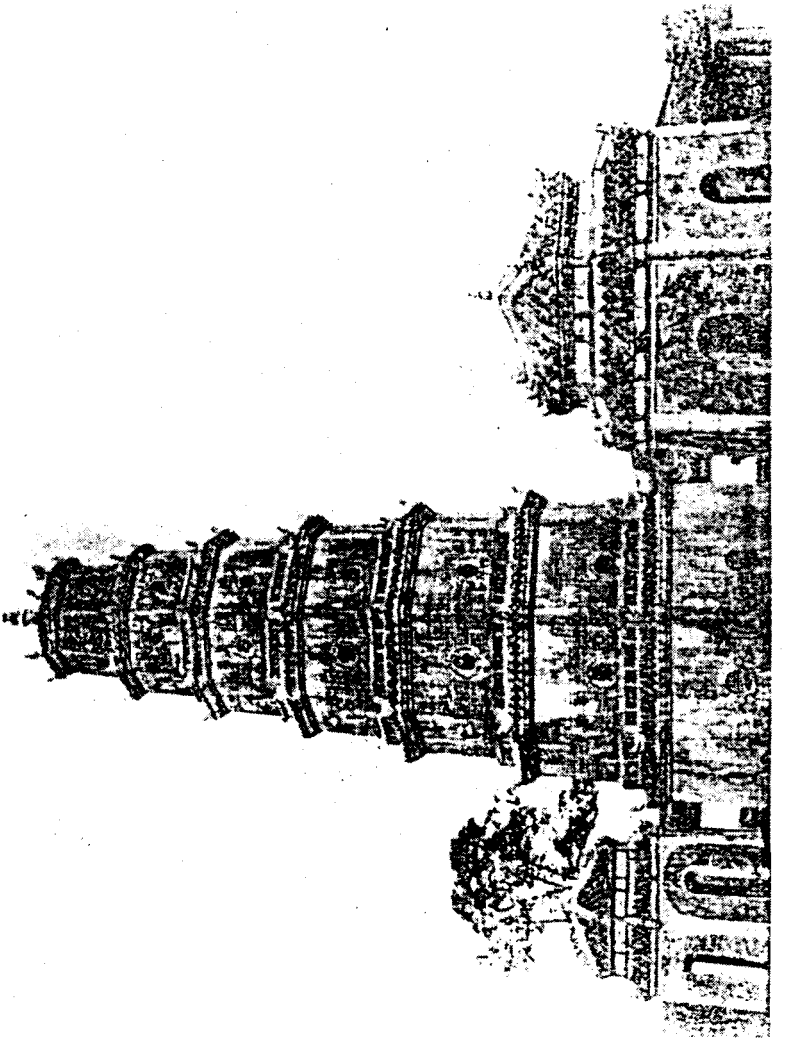
XXXV. *Trạm Quan thuế ở Đà Nẵng năm 1885.*

XXXVI. *Điện Thái Hòa ở Hoàng thành Huế năm 1885.*

大南國機密院
爲欽國事該奉本國
大皇帝敕賜
大法國二國首工官遊連中項龍
文銀佩金枚具有結緣垂纓懸佩
示好欽此欽遵執此欽給須至欽
給者
右欽給
大法國二國首工官遊連執照

建福元年陸月貳拾柒日

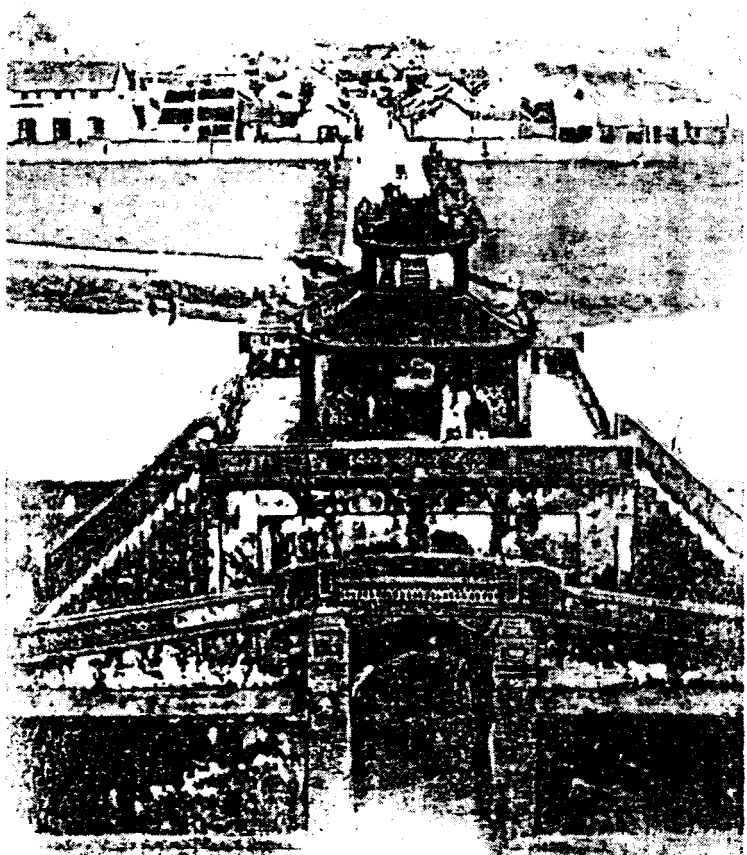
XXXVII. *Sắc phong của Trung úy Jullien năm 1884.*



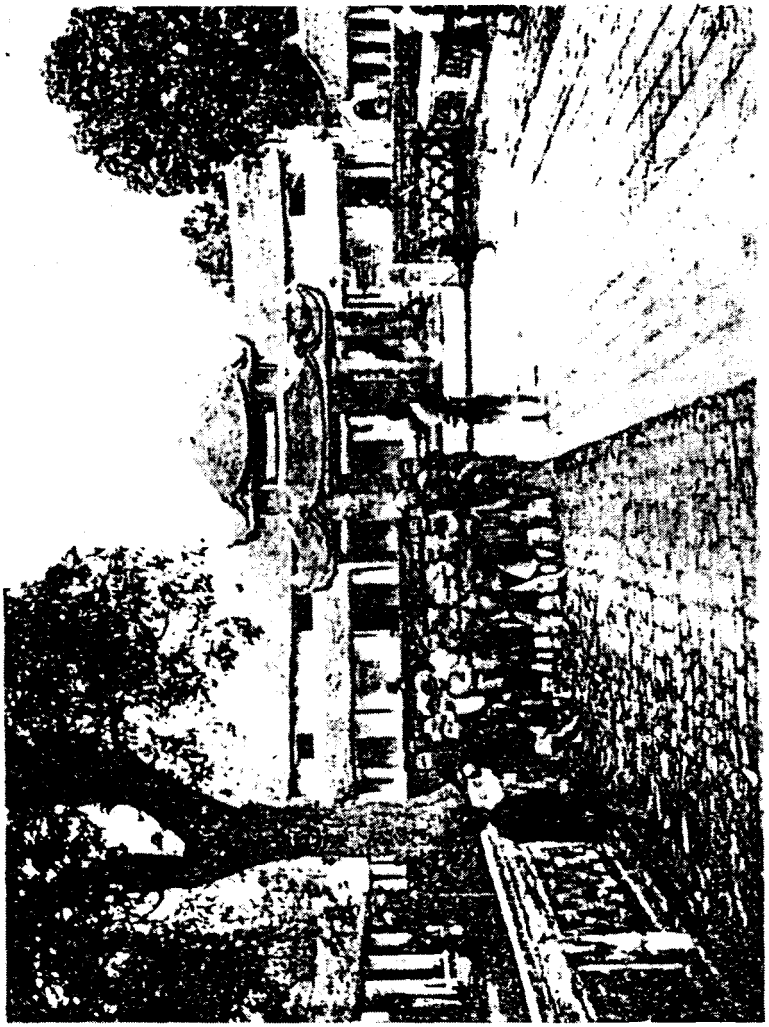
XXXVIII. *Tháp chùa Thiên Mụ ở Huế năm 1885.*



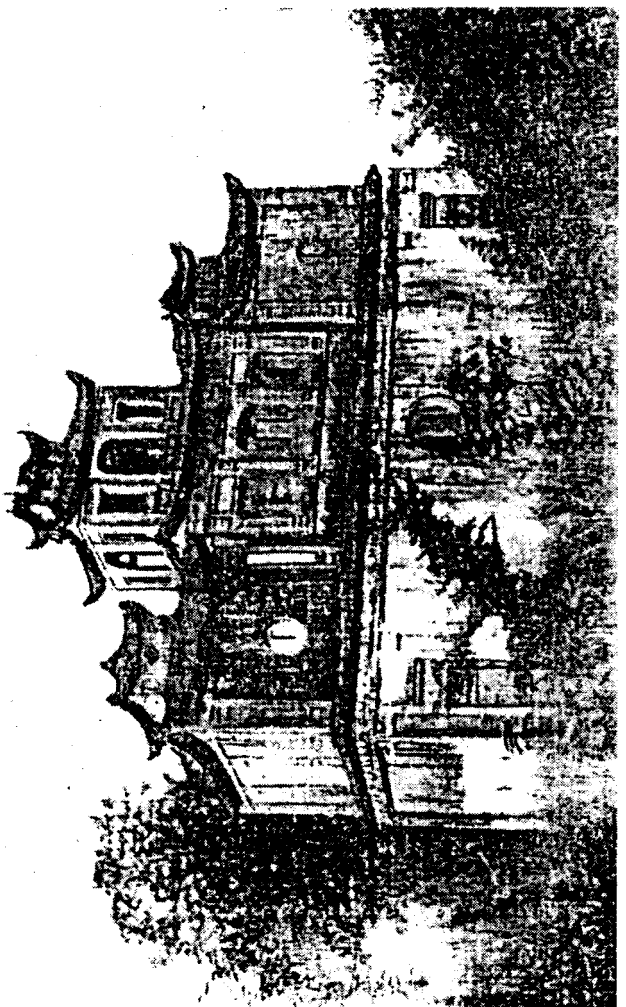
XXXIX. *Đại úy Jullien khi trở lại Bắc Kỳ (1886).*



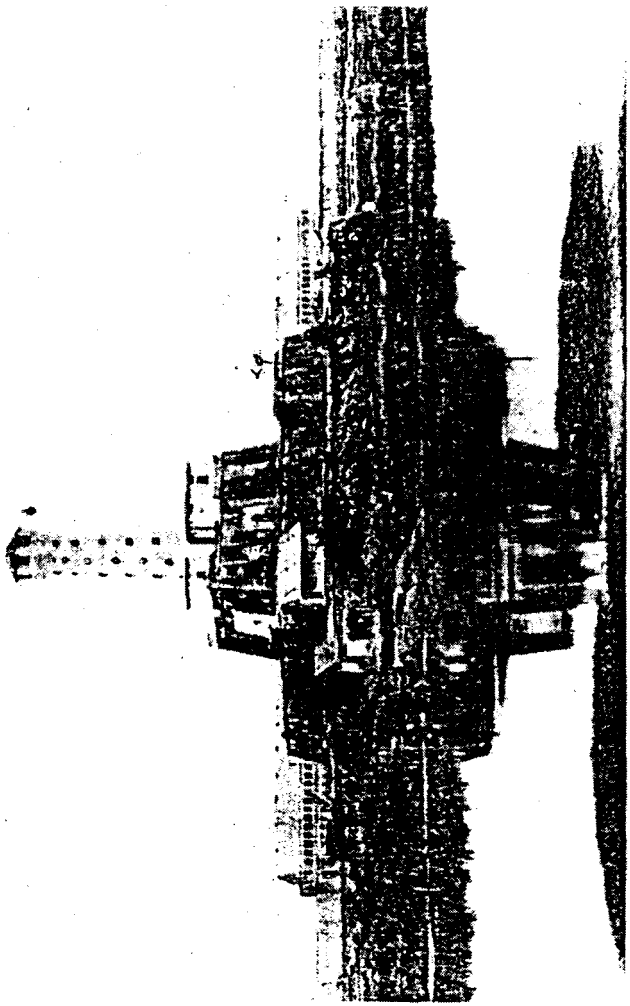
XL. *Cổng vào thành phố Hà Nội (1885).*



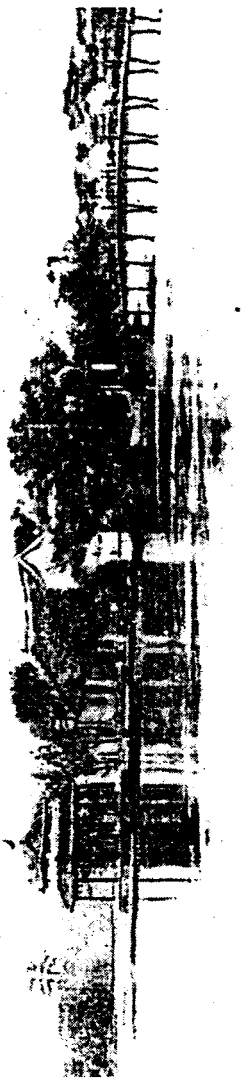
XLI. *Hà Nội, chùa Phật (1885).*



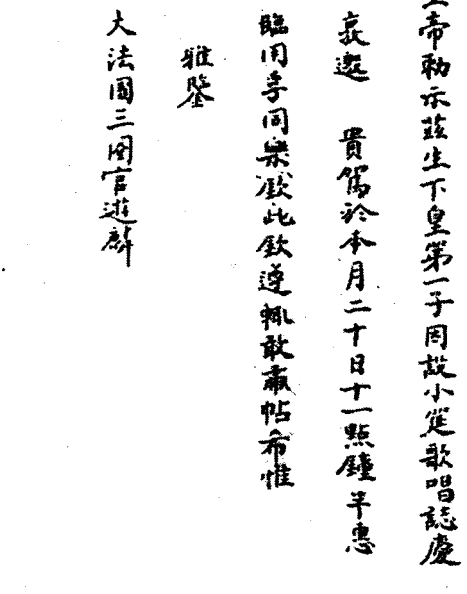
XLII. *Hà Nội, ngôi đền (1885).*



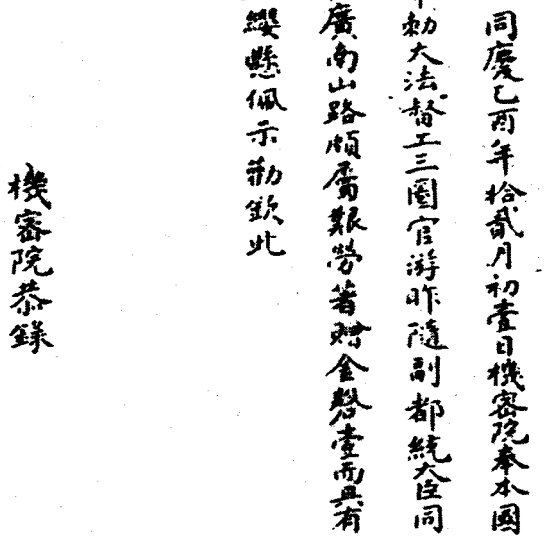
XLIII. *Cột cờ thành Hà Nội năm 1886.*



XLIV. *Hà Nội, hồ nhỏ, đền và cầu (1886).*



XLV. *Giấy mời dự yến tại triều đình Huế (1885).*

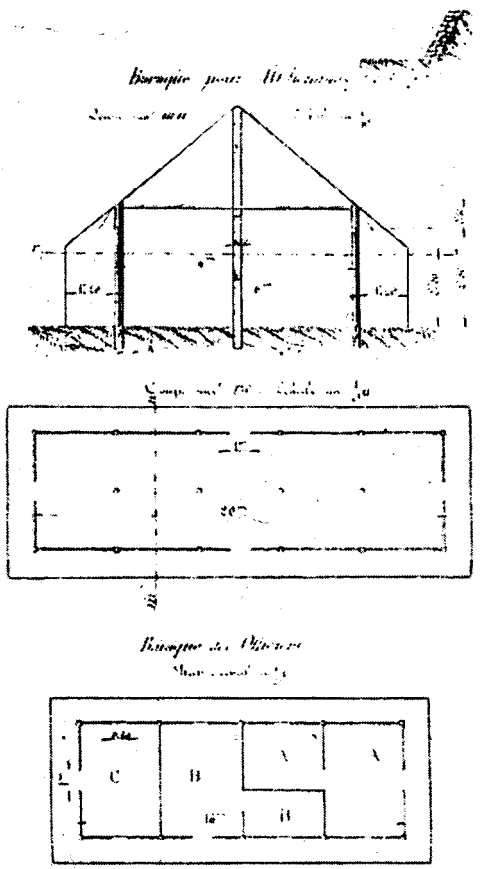


同慶乙酉年拾貳月初壹日機密院奉本國
皇帝勅大法督工三國官游昨隨副都統大臣同
往廣南山路順廣艱勞著賜金壹百兩以
垂嘉懸佩示勅欽此
機密院恭錄

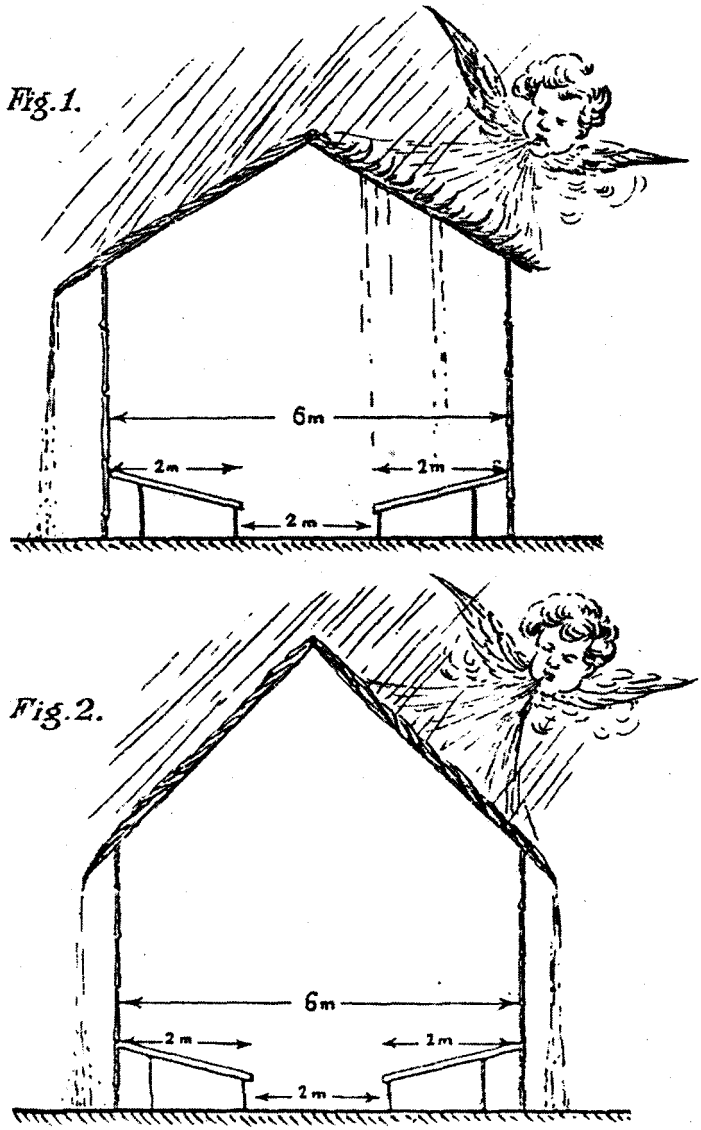
XLVI. *Sắc phong Jullien do vua Đồng Khánh ban.*



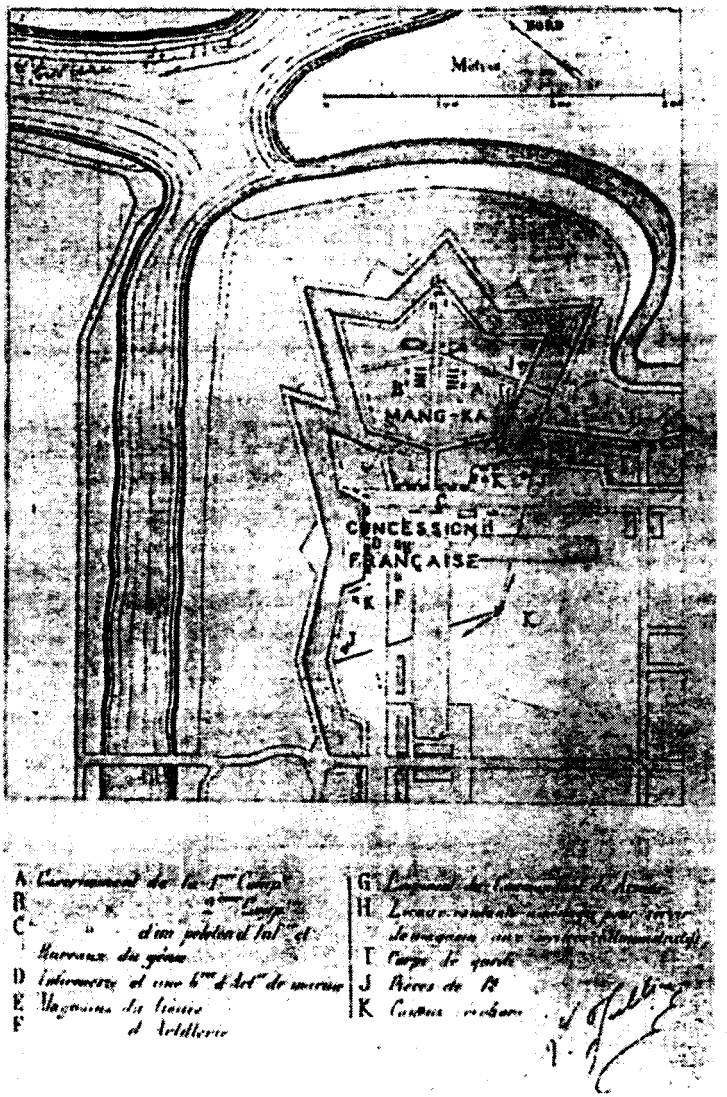
XLVII. *Sông đào Đông Ba ở Huế (1885).*



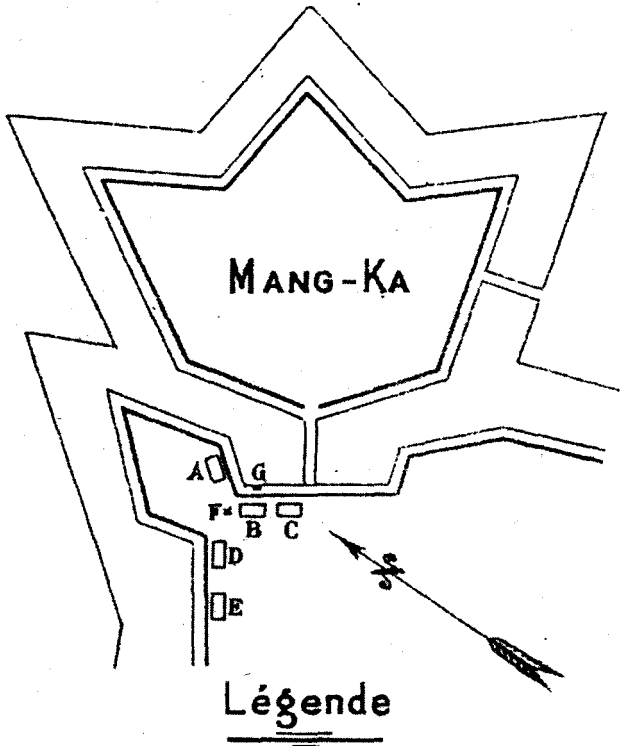
XLVIII. *Những kiến trúc đầu tiên ở Mang Cá.*



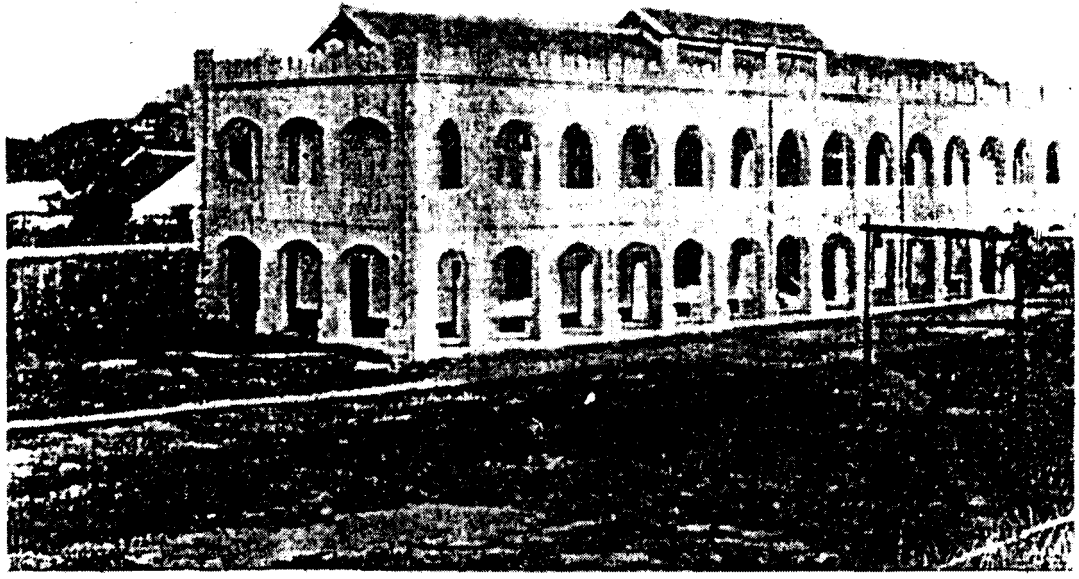
XLIX. *Độ dốc của mái nhà.*



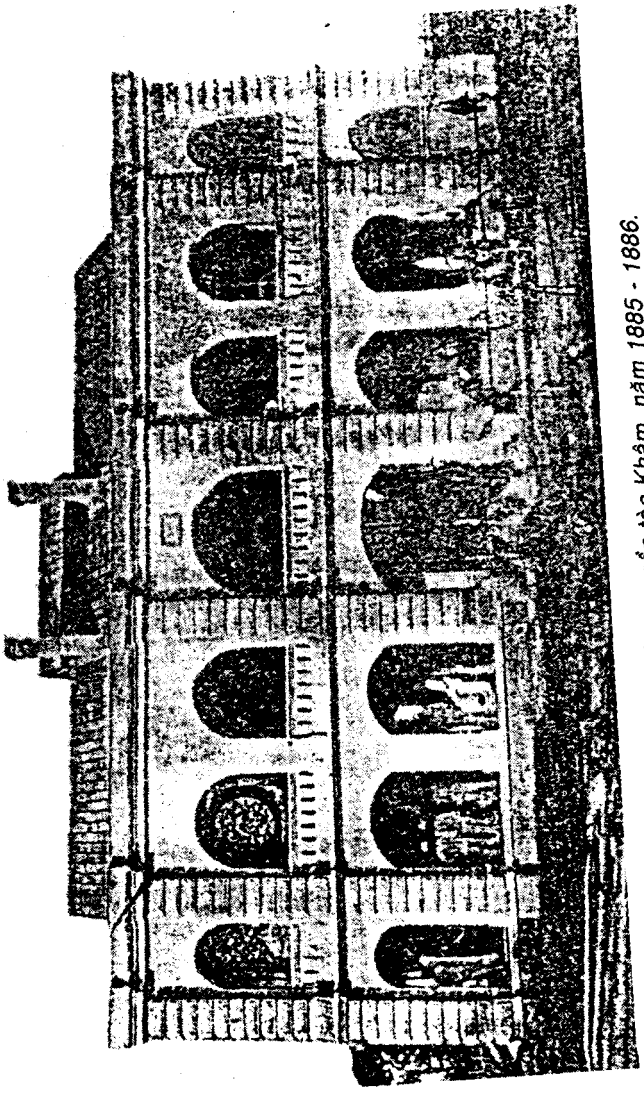
L. *Khu nhượng địa ở Huế.*



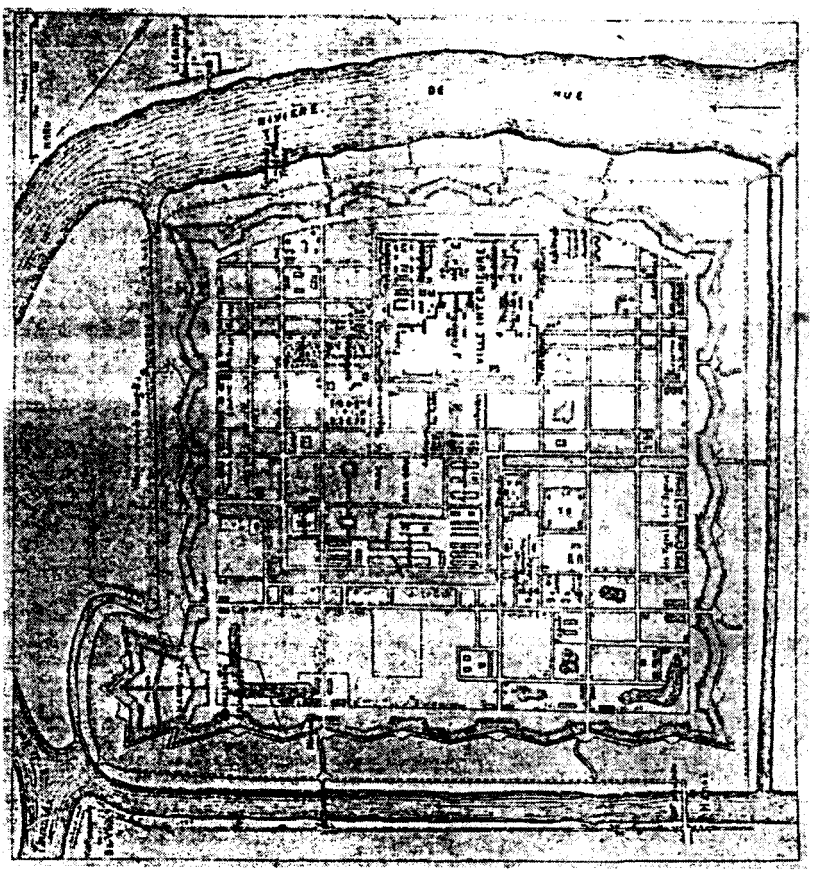
LI. *Chi tiết những lán trại Công binh ở Mang Cá.*



LII. *Doanh trại ở khu nhượng địa tại Huế năm 1885 - 1886.*



LIII. *Huế, tòa nhà sĩ quan,gần tòa Khâm, năm 1885 - 1886.*



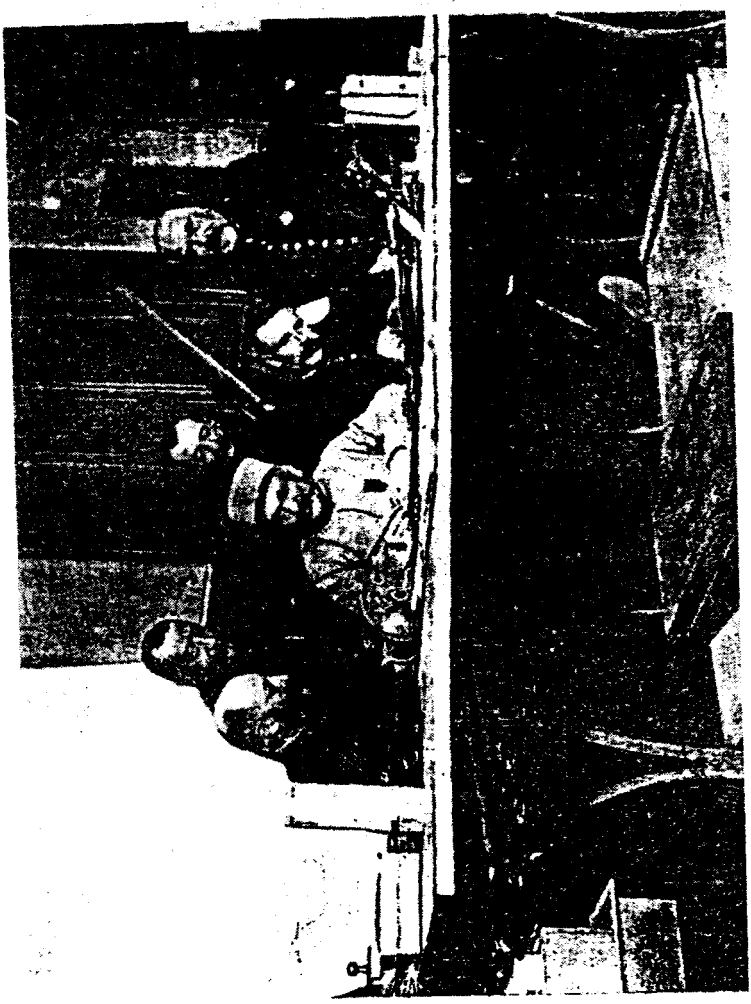
LIV. *Sơ đồ đầu tiên Kinh thành Huế.*



LV. *Cung điện Huế.*



LVI. *Đại tá Jullien ở Avignon năm 1912.*



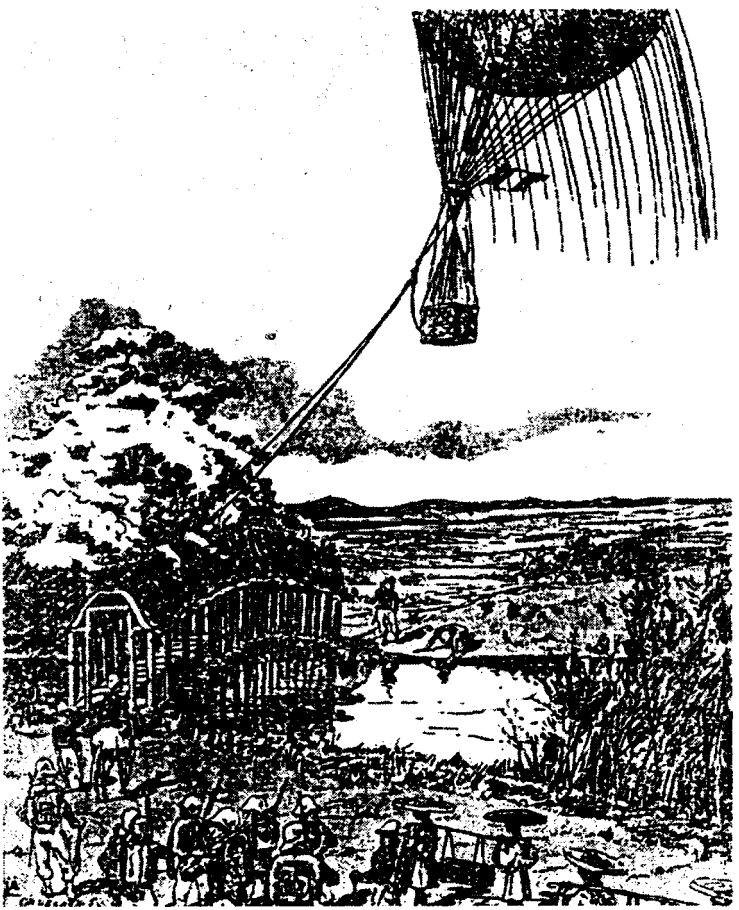
LVII. *Tướng Jullien, chỉ huy Công binh ở Verdun.*



LVIII. *Tướng Jullien, chỉ huy Công binh trong chiến tranh năm 1918.*



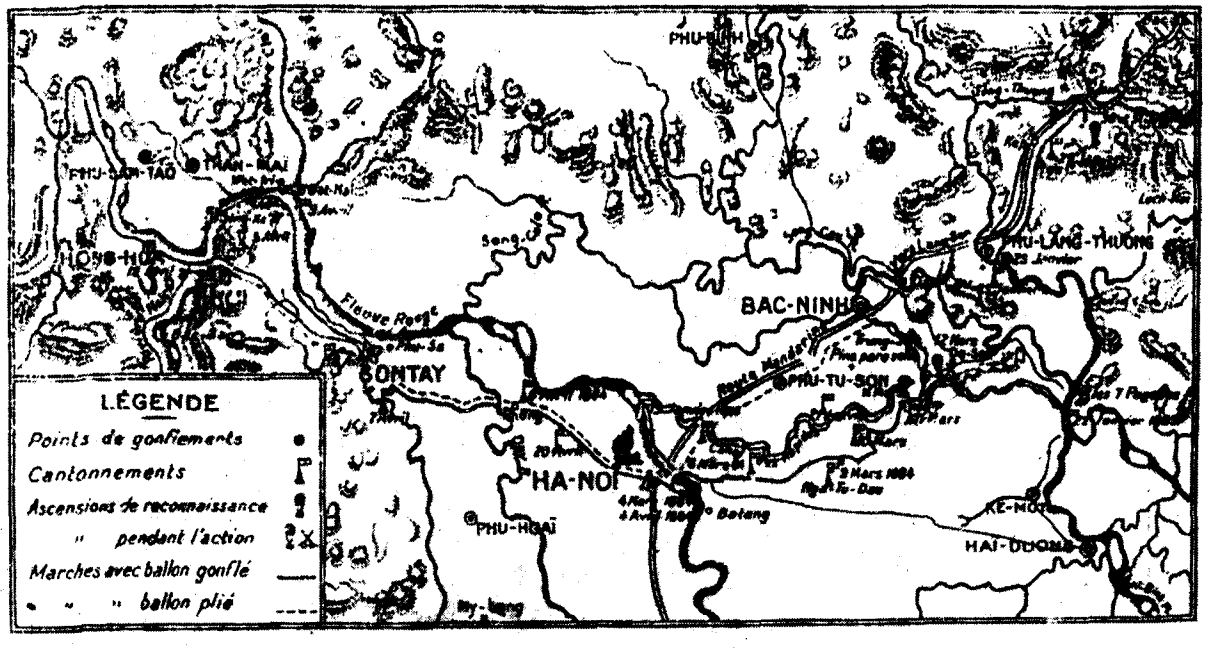
LIX. *Đánh chiếm Bắc Ninh, tranh của Việt Nam (1884).*



LX. *Qua cầu bằng khinh khí cầu (tranh khắc).*



LXI. *Khinh khí cầu mắc lại (tranh khắc).*



LXII. *Bản đồ hành quân theo khinh khí cầu ở Bắc Kỳ (1884).*

PHỤ LỤC

VIỆC SỬ DỤNG KHINH KHÍ CẦU TRONG CHIẾN DỊCH BẮC KỲ [1]

Trong khoảng tháng 12 năm 1883, khi những khó khăn trong việc chiếm cứ Sơn Tây chứng tỏ với tất cả rằng các toán quân bất thường của người Trung Hoa được biết dưới cái tên Cờ Đen đã tạo nên một lực lượng quân sự nhỏ có một giá trị đích thực và mặt khác, sự hiện diện của một quân đội Trung Hoa với khoảng 20.000 người được phát giác ở Bắc Ninh, chính phủ Pháp quyết định gởi đến Bắc Kỳ một sư đoàn tổ chức gần như một quân đội và đặt dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Millot.

Vị Đại tướng tổng chỉ huy yêu cầu trước khi lên đường rằng ông ta cần được hỗ trợ những chuyên viên khinh khí cầu cho lực lượng viễn chinh - Các xưởng ở Chalais được lệnh trong 15 ngày tạo ra một vật liệu mới, thật nhẹ, đặc biệt cho một xứ sở với những con đường mà xe hơi không thể chạy được. Nhân viên sử dụng cho công tác tạo vật liệu này được lấy duy nhất ở trung đội khinh khí cầu hiện có lúc đó nó bao gồm một ngách lớn dùng để đóng khung các trợ thủ mà người ta tìm được ở Bắc Kỳ, nó gồm một trung úy [1], 5 hạ sĩ quan, 8 viên cai (hạ sĩ) và 23 lính công binh. Người chỉ huy được giao cho Đại úy Aron, người trong 2 năm kế tiếp (1881 - 1882) đã điều hành việc chế tạo khinh khí cầu.

---

[1] Trung úy Jullien.

Phương thức bơm căng khí cầu là một phương thức mới không giống chút gì với phương thức đã có trước đó; vào tháng 8-1883, trung đội khinh khí cầu, cũng khẩn cấp như phân đội biệt phái đi Hà Nội đã đến Meudon để huấn luyện. Trung đội rời Versailles ngày 28 tháng 12.

Thời gian dành cho xưởng Chalais tổ chức vật liệu là ngắn ngủi, không thể trong khoảnh khắc chế tạo được quả cầu; phải sử dụng vật liệu hiện có. Vả lại các quả cầu ở xưởng quá lớn, trong thời gian dài và nhiều giai đoạn, để cho người kéo được, chính những quả cầu phụ, dù cho có nhỏ chút ít, đã được đem đi. Tất cả vật liệu được đặt trong những thùng được làm cốt ý cho dễ vận chuyển với hai hoặc 3 người phu khuân vác, cách vận chuyển duy nhất ở Bắc Kỳ.

Những chỉ dẫn ít ỏi mà người ta có về cách xử lý lớp dầu láng (véc-ni) trong trường hợp nhiệt độ cao như ở vùng Hồng Hải hoặc vùng phụ cận Singapour và ngay cả ở Bắc Kỳ, làm cho người ta nghĩ rằng một quả cầu có véc-ni xếp lại và đóng kín khó chịu đựng khi đi biển; vì thế quyết định chỉ đem đi một quả cầu đánh véc-ni, chiếc Vigie; 3 quả khác không đánh véc-ni để lại ở xưởng nơi đây còn có một quả cầu trắc khi đánh véc-ni và một quả không có đánh véc-ni.

Phân đội khí cầu rời Toulon ngày 10-1 trên chiếc Poitou, phân đội khởi hành từ Bercy ngày 8-1-1884 ban đêm trên một chuyến tàu hỏa đặc biệt. Vị trung úy đi trước để xin phép giới chức quân sự ở Toulon cho chuyến tàu được bỏ ghi ở Seyne và hướng thẳng về cầu tàu ở xưởng sửa chữa tàu, nơi đây là chờ các thuyền, tàu cho thuê và như thế tránh được các việc chuyển tàu vô ích và khó khăn vì trọng lượng đáng kể của vật liệt.

Vì một lầm lẫn hay bất cẩn của người trưởng ga Lyon, 4 toa tàu đã ở lại ga này và khi đưa hàng xuống chiếc Poitou người ta thấy thùng chứa quả cầu vécni đã ở trong một trong các toa bị bỏ quên. Kiện hàng này quý giá và phải được chăm sóc cẩn thận

không thể đặt trong hầm tàu nơi mà nhiệt độ thường lên cao bất ngờ; vì thế một văn thư do đại úy Aron được giao cho một sĩ quan tùy viên của đô đốc Kranz để ông này tham dự mọi cuộc vận chuyển xuống tàu. Chiếc Poitou đã sẵn sàng ra khỏi cảng Toulou thì một lệnh hỏa tốc cho vị trung úy đội khí cầu xuống tàu để chờ và hộ tống quả cầu véc-ni.

Bốn toa tàu bị bỏ quên đến vào sáng ngày 11 và số hàng trong đó được dỡ xuống tàu Saint-Germain để đi ngay chiều hôm đó. Theo yêu cầu của vị Trung úy thì khinh khí cầu véc-ni được đặt trên cầu tàu tại vị trí giám lộ ở đằng sau. Như thế ông ta dễ dàng thăm nom hằng ngày; mặt khác trên bình diện nhiệt độ vị trí này là một vị trí được chọn một cách thích đáng.

CÁC CUỘC HÀNH QUÂN Ở BẮC KỲ (1884)

Chiếc tàu Saint - Germain dù khởi hành sau chiếc Poitou đã đến trước ở vịnh Hạ Long, nơi đây nó thả neo ngày 13-2. Vật liệu được chuyển lên bờ ngày 18 ở Hải Phòng do chiếc Drac dưới sự coi sóc của viên trung úy và đi về Hà Nội và đến đây ngày 21. Quả cầu Vigie ở trong trạng thái hoàn hảo. Thiếu tá công binh Dupommier liền đặt dưới quyền sử dụng của các khí cầu thủ một nhà kho và cho làm một cái sân cao hình vuông bằng tre, 3 phía đóng kín, kích thước do trung úy L.Jullien cung cấp. Các phòng này dùng để che chở các quả cầu trong thời gian sấy khô.

Thiếu tá Dupommier hỏi Bộ Tham mưu có thể đặt phân đội khí cầu dưới quyền chỉ huy của ông, câu trả lời là không, các khí cầu thủ sẽ thuộc về Bộ Tổng tham mưu. Ngày 24, đại úy Aron và phân đội đến Hà Nội. Các trại dành làm nơi cư ngụ của sĩ quan và quân lính đã gần xong. Vật liệu được dỡ khỏi tàu và tháo ra nhanh chừng nào hay chừng đó, thời gian cấp bách. Một cái bàn dùng để đánh véc-ni được khẩn trương thiết lập. Việc đánh véc-ni quả cầu thứ hai như vậy là công tác thao diễn đầu tiên của đội khí cầu ở Bắc Kỳ.

Vị tham mưu trưởng luôn giữ bí mật kế hoạch của chiến dịch nhưng cũng cho biết rằng vào lúc đã ấn định người ta có thể cần cả hai quả cầu một lúc.

30 pháo thủ lấy trong 6 phân đội pháo binh hải quân ở Bắc Kỳ được giao cho phân đội để sung vào 4 chi đội của nó.

Ngày 2-3 - Phân đội nhận lệnh thao diễn bơm căng khí cầu vào ngày mai, ngày tiến về Bắc Ninh luôn được giữ kín, người ta ước chừng sẽ là ngày 7.

Ngày 2, khảo sát vị trí bơm căng khí cầu; địa điểm được chọn ở phía hạ ban khu Nhượng địa Hà Nội, trên một bờ cát dài. Việc bơm khí cầu được một trung đội bộ binh người Việt yểm trợ.

Ngày 3-3 - Trời tốt, vào thời kỳ này trong năm, không có mặt trời, thường có sương mù buổi sáng, sương mù chuyển sang mưa, mưa này thường tạnh vào buổi trưa. Chúng tôi đặt những người phu ở máy bơm, công việc của họ trở nên đều đặn sau một thời gian ngắn. Các máy bơm cần được chiếu trung bình sau một giờ rưỡi.

Vào khoảng 5 giờ, việc bơm khí cầu chưa hoàn tất nhưng ngày lên đường không định vào ngày mai, không có gì phải hấp tấp, và quả cầu được đưa như thế vào khu nhượng địa trước sự kinh ngạc tột độ của những người Việt đầu tiên được thấy vật này, và họ ra khỏi thuyền sắp hàng trên bờ sông kinh ngạc kêu lên: "Tuyệt! Tuyệt!". Các máy móc để bơm được canh giữ bởi một trạm do phân đội cung cấp được để lại tại chỗ.

Ngày 4-3, ngày hôm sau việc bơm quả cầu Vigie hoàn tất. Quả cầu cung cấp khí (gazomètre) [1] cũng được bơm và vào 4 giờ

---

[1] Người ta gọi "dụng cụ chứa khí" (gazomètre) theo tư ngữ khí cầu là một khí cầu nhỏ, 5m đường kính (dung tích 60m^3) mà người ta bơm căng cùng với quả cầu chính và nó dùng để dự trữ khí khi quả cầu chính mất một ít hơi trong quá trình các chuyến thăng thiên kế tiếp.

tất cả được đưa vào khu Nhượng địa trong vòng rào dành riêng cho các khí cầu thủ. Vào khoảng 5 giờ có 3 sứ giả Việt Nam đến và vị tham mưu trưởng chỉ cho họ quả khí cầu. Một vài thủ thuật được thao diễn trước mặt họ: một người duy nhất, ông trưởng đoàn sứ giả, một ông già râu bạc, là tỏ ra dửng dưng. Vị tổng tham mưu giải thích cho ông ta biết rằng nhà phi hành trèo lên ngồi trong giỏ khí cầu đem theo một số trái phá, ông ta ném chúng lên các vật hoặc người mà ông muốn tiêu diệt [1].

Ngày 5-3 - Nhiều chuyến bay được ghi nhận cho ngày 5, chúng nhằm mục đích làm cho vị quan sát viên đề cử: đại úy Cuvelier thuộc Bộ tham mưu, làm quen với khí cầu. Buổi sáng, quả cầu Vigie cân được 165kg.

Chuyến bay đầu tiên ở Bắc Kỳ được thực hiện do đại úy Aron, chuyến thứ nhì do trung úy Jullien, chuyến thứ ba do đại úy Cuvellier. Thành phố lớn Hà Nội ở dưới chân chúng tôi là một quang cảnh kỳ thú. Mọi người ra khỏi nhà, hếch mũi lên trời, tự hỏi không biết cái máy khổng lồ này là cái gì đây mà trang trí giả khí cầu của chúng tôi bằng lá cờ đẹp nhất.

Vào tối ngày 5, một lớp véc-ni thứ ba được quét lên quả cầu lớn, lớp thứ hai được quét lên cho quả cầu phụ.

Ngày 6-3 - Nghỉ ngơi - ngày lên đường dời lại một ngày và ấn định vào ngày 8.

Ngày 7-3 - Buổi tối đánh véc-ni hai quả cầu; bơm thêm tại chỗ (một cái ao ở gần đó cung cấp đủ nước cho công việc này) để hoàn tất việc bơm đầy quả cầu Vigie và quả cầu phụ của nó.

Một hạ sĩ quan và vài người lính ở lại Hà nội để đi theo quả cầu mới phủ véc-ni, các máy móc để bơm cùng những vật liệu

---

[1] Trong thực tế, đó là hoàn toàn không thực, vì quả cầu được giữ bằng một dây cáp và nằm ở giữa các toán lính của chúng ta; nhưng đó là một chuyện đùa đầy ấn tượng.

cần thiết cho 3 lần bơm; họ phải bắt liên lạc với lực lượng chiến dịch theo đường thủy, lệnh xuất phát sẽ được ban cho họ về sau. Trung sĩ Rouyer được lệnh để sấy khô khí cầu đến giây phút cuối, châm dầu vào lúc được lệnh xuống tàu; và chăm sóc nó cẩn thận ở trên thuyền đặt dưới quyền sử dụng của ông ta.

Các súng của lính công binh được đổi với súng trường; các túi xách của họ được dân phu mang, và chính là với khẩu súng trường có dây đeo, đầu đại bác ở dưới, họ sử dụng khí cầu trong các cuộc hành quân chống Bắc Ninh và Hưng Hóa.

Ngay 8-3 - Lên đường từ Hà Nội lúc 8 giờ sáng; lối qua sông Hồng phía trước mặt Hà Nội, vào mùa này rộng từ 600 đến 800m.

Nhân viên, vật liệu và phu khuân vác phân phối trên hai thuyền. Một trong hai chiếc móc quả cầu Vigie, chiếc kia móc quả cầu phụ - mỗi thuyền được dắt do một canô chạy hơi nước. Các khí cầu thủ đi theo sau lực lượng lữ đoàn I (Brière de l'Isle), lữ đoàn II (của Négier) tập trung về Hải Dương và tiến về Bắc Ninh theo một con đường khác.

Đoàn quân thành lập xong không trước 10 giờ sáng. Từ 12 giờ đến 2 giờ dừng để nghỉ. Vào khoảng 2 giờ, không có chút gió nào. Viên trung úy lên chiếc giỏ của khí cầu để có thể dẫn dắt hướng đi. Các cây cao hay các đường làng nhỏ hẹp có trồng tre tạo thành những chướng ngại vật phải đi quanh và lội bùn trên đồng ruộng, gần như tất cả đều ngập nước vào mùa này trong năm. Quả cầu được cột bằng dây neo kéo căng hết cả độ dài của nó [1].

Con đường chỉ là một con đường mòn nhỏ hẹp, đôi khi còn hẹp hơn con đường của xe trọng pháo, do lừa kéo hoặc ngựa hung nô kéo, hoặc do các người phu, như thế pháo đội làm chậm trễ rất nhiều chuyến đi. Sau một chuyến qua đêm ngang qua một

---

[1] Dây neo khoảng 30m bề dài. Chúng tôi không muốn lên quá cao để cho quân địch không trông thấy.

khu rừng và sau nhiều nhọc mệt qua ruộng lúa, chúng tôi vẫn còn ở khá xa trại đóng quân. Pháo đội đi trước chúng tôi bị sa lầy. Gió thổi khá mạnh, quả cầu được đem đến và đặt gần nơi trú ngụ ở phía sau một con đê cao. Chúng tôi lại lên đường với hậu đội và đến chỗ đóng quân vào một giờ sáng. Lệnh không sử dụng lính làm trại được ban hành và mọi người ngủ giữa trời. Ngày hôm đó phần lớn đi qua vùng ruộng lúa, thật khó nhọc cho đội khí cầu không được ăn nóng.

Ngày 9-3 - Đoàn quân lên đường lúc 6 giờ 30.

Như mọi sáng, trời có mưa đôi chút. Những điểm khó khăn buộc chúng tôi phải dừng lại thường xuyên. Chúng tôi mất liên lạc với đoàn quân. Đội hộ tống và hậu đội còn ở xa phía sau chúng tôi, các lần ngừng lại của chúng tôi vẫn chưa bắt lại liên lạc với đoàn quân, trời gió lớn, mọi người đều mệt chúng tôi bèn dừng nghỉ. Cuối cùng chúng tôi hợp nhất với đoàn quân lúc 5 giờ và chúng tôi đóng quân trong làng Nga Tu Dan.

Quả cầu được đưa đến trên cánh đồng tiếp giáp với ngôi chùa mà chúng tôi ưa thích; toán lính gác do chúng tôi cung cấp được thay do đó họ có được bữa ăn nóng, bữa thứ nhất kể từ tối ngày 7.

Ngôi chùa của chúng tôi đầy các tượng Phật mạ vàng; người lánh giềng đó và một bữa ăn ngon đã làm cho phân đội khí cầu vui vẻ. Như thường lệ, ngay từ ban tối chúng tôi đã nhận biết lối đi mà không phải qua làng; các lối đi qua làng thường có nhiều tre và cây đa, chúng thường khó đi.

Ngày 10-3 - Đoàn quân lên đường trong cùng điều kiện ban sáng, phân đội khí cầu luôn đi sau lực lượng chính. Đến nơi đóng trại lúc 6 giờ không xảy ra sự cố. Chúng tôi được lệnh không để khí cầu lên quá cao hầu quân địch không phát hiện sự có mặt của chúng tôi: quả cầu được dắt bằng sợi dây neo xếp đôi.

Ngày 11-3 - Buổi sáng mưa nhẹ như lúc mới dậy, ít gió, địa thế luôn phẳng, khô hơn trên bờ sông Hồng, và quang đãng hơn,

và chúng tôi có thể đi trong một thời gian với dây xích đạo [1]. Đến trên sông Đào có thác lúc 11 giờ. Thiếu tá Dupommier bắc một chiếc cầu nổi bằng thuyền, công tác được bảo vệ do trung đội thuộc phòng tuyến 143 do lữ đoàn II tăng viện, lữ đoàn này hiện chiếm giữ các cao điểm ở Đồ Sơn. Một chuyến bay thám thính được thực hiện vào buổi chiều.

Chúng tôi đi qua sông Đào, khí cầu cũng vừa bắc xong và chúng tôi hoàn tất việc bơm đầy khí cầu bằng quả cầu phụ hiện đã bơm hết phần nửa khí.

Việc thăng thiên diễn ra vào khoảng 5 giờ, cách một quãng với Chợ Chi, ở trước mặt các cao điểm của Trung Sơn, trên đó có một vài cái đồn, đó sẽ là sân khấu của hoạt động ngày mai - Việc thăng thiên hoàn tất, khí còn lại trong quả cầu phụ được trút hết cho quả cầu Vigie, và nó sau đó được đưa về trạm ở Toi.

Ngày 12-3 - Sự tập trung hai lữ đoàn được thực hiện, các lữ đoàn có chung nhiệm vụ thực hiện một cuộc tiến công: Đại tướng Négrier ở phía phải với tiểu hạm đội theo sông Cầu tiến lên, như là lực lượng cực phải, Đại tướng Brière de l'Isle ở cánh phải, với mục tiêu trong ngày là chiếm cứ Trung Sơn - Lữ đoàn I lên đường lúc 7 giờ, phân đội khí cầu luôn theo sau đại quân; nhưng khi đến chỗ ngừng buổi trưa ở chợ Chi, chúng tôi được lệnh đưa lên phía trước và đến 2 giờ chúng tôi đến chiến trường và lực lượng tiền tiêu của chúng tôi sửa soạn cuộc chiến đấu đầu tiên. Đại úy Cuvellie leo lên giỏ và quả cầu bay lên thẳng đứng hết cả dây neo [2], thời gian yên lặng trôi qua. Các cuộc trao đổi được thực hiện bằng lời, các văn bản viết được quan sát viên ném đi từng chặp, chúng được đựng trong các túi vải có cột băng ngang để dễ thấy, và có đầu đạn để cho nó rơi xuống thẳng đứng. Quan

---

[1] Người ta gọi như thế các dây nhỏ móc vào lưới của quả cầu vào độ cao xích đạo (ở trung tâm quả cầu). Trong loại kim khí này, số đó có 24 dây.

[2] Dây cáp dài 250m.

sát viên đã cung cấp vài chỉ dẫn các điểm xạ kích cho pháo đội 1 của hải quân và pháo đội 12 ở bên cạnh chúng tôi; ông ta trả lời các câu hỏi của những trung đội trưởng có nhiệm vụ chiếm cứ người thì một làng, người thì khu rừng v.v... Nhìn chung ông ta thông báo về quân Trung Hoa đang trốn chạy trên khắp phòng tuyến. Rồi để thấy được rõ hơn ông ta điều động các lính khí cầu đang giữ dây và dẫn chúng tôi sang tận cùng cánh trái của phòng tuyến, điều đó buộc chúng tôi triển khai thành xạ thủ 35 đến 40 lính dưới quyền sử dụng hầu tránh được mọi bất ngờ, những bất ngờ có thể là khốc liệt, bởi vì ở phía trái chúng tôi không bao xa có một làng có tre bao bọc hiện do quân Trung Hoa chiếm giữ.

Vào khoảng 6 giờ, tiếng súng im trên khắp phòng tuyến, quân Trung Hoa đã đào tẩu tất cả. Khí cầu được đem về gần đại bản doanh.

Ngày 13-3 xuất phát vào giờ theo lệ thường, mưa nhẹ buổi sáng tiếp tục mãi. Các toán quân và Đại tướng Brière de l'Isle, trước đó đóng trại ở Trung Sơn nay đã về với đoàn quân. Vào giữa trưa nghe có nhiều tiếng kêu lập lại: "Hãy qua phía đuôi đoàn quân mà thấy cờ bay trên tháp Bắc Ninh!". Người ta không tin lời đó; tuy nhiên một lúc sau đến một địa thế thấp cho phép thấy được thành Bắc Ninh và tháp của nó, trên đó, thật thế đang tung bay cờ của chúng ta từ khi trời vừa tối. Chúng tôi đến trước thành khi đêm xuống: chúng tôi đưa khí cầu đến khoảng trống trước thành" (thành giai), cạnh vòng bán nguyệt của cửa Tây.

Ngày 14-3 - Thiết trí và nghỉ ngơi. Chúng tôi được biết vật liệu xuống tàu ở Hà Nội đã đến Đáp Cầu, chúng tôi chạy đi xem và chúng tôi nghe ở đó rằng quả cầu do trung sĩ Rouyer hộ tống bị cháy. Quả cầu được trải dài trên mái tranh của chiếc thuyền; véc-ni đã phân rã thành từng tấm lớn không xa mấy đồ phụ. Phần trên còn nguyên vẹn, phần dưới tôi cho là không quá hư hại; và tôi phán đoán chỗ hư có thể chữa được bằng cách làm lại với véc-ni địa phương.

Về tai nạn này cũng đủ một đêm, đêm đầu tiên ngủ trên thuyền. Ngày hôm sau, khi coi sóc việc sấy khô quả cầu, trung sĩ Rouyer cho trải quả cầu trên mui thuyền.

Ngày 15-3 - Trong buổi sáng, hai toán quân trang bị nhẹ đuổi theo quân Trung Hoa; toán thứ nhất ở bên trái thuộc quyền chỉ huy của Đại tướng Brière de l"Isle, đi về phía Thái Nguyên; toán thứ hai ở bên phải, do Đại tướng Nègrier chỉ huy đuổi thẳng đến tận Kép. Gió thổi mạnh, chúng tôi được lệnh xả hơi khí cầu vào buổi chiều.

Ngày 16-3 - như thế là quả cầu Vigie, bơm ngày 3-3 rồi bơm lại ngày 7 buổi chiều, đã theo đoàn quân trong tất cả các giai đoạn, thường rất khó nhọc, và đó là lần đầu tiên. Lại càng khó khăn hơn đối với phân đội khí cầu khi từ sáng đến chiều họ phải thường xuyên cố gắng hết sức để chống chọi với gió, họ buộc phải hằng ngày 8 đến 10 lần phải lội xuống bùn trong ruộng ngập nước để tránh các chướng ngại vật gặp trên đường. Tất cả những khó khăn đó đều được vượt qua; ngày 12 khí cầu bay lên trên một chiến trường, và ngày 14 cũng thế, nó còn có thể thực hiện nhiều lần lên cao.

Ngày 16-3 - thời gian vô cùng nặng nề. Chúng tôi nhận được lệnh đưa xuống tàu ở Đáp Cầu tất cả vật liệu của chúng tôi; sẽ đi đường thủy về Hà Nội; ngày 17, 18, 19, 20, 21, 24 nghỉ ngơi ở Bắc Ninh. Vào ngày 20 chúng tôi được giao phá hình bán nguyệt ở cửa nam. Ngày 25, từ Bắc Ninh đi Hà Nội. Ở Hà Nội phân đội khí cầu lo sắp đặt lại vật liệu và các phương tiện bảo trì.

HÀNH QUÂN CHIẾM HƯNG HÓA

Đại úy Aron xin với Tổng tham mưu trưởng để được quyền bơm khí cầu ở Sơn Tây. Yêu cầu này không được chấp thuận, các quả cầu phải được bơm ở Hà Nội và đi từ Hà Nội đến Sơn Tây. Để ngăn ngừa các sự cố có thể xảy ra trên đường, chúng tôi được

phép gởi đi Sơn Tây một chiếc thuyền trang bị các máy móc bơm khí và các vật dụng cần thiết hàng đầu. Ngày xuất phát ấn định vào ngày 6-4, việc bơm căng khí cầu thực hiện ngày 4 và một lần bơm thêm vào ngày 5 hoàn tất việc bơm căng các quả cầu. Phân đội khí cầu đến Hưng Hóa theo sau lữ đoàn II. Lữ đoàn I đã lên đường, nó phải điều quân quanh về phía đông Hưng Hóa.

Các lệnh điều quân đối với chúng tôi là do Đại tướng Négrier ban bố, các lệnh này rõ ràng và chính xác, cho phép chúng tôi thực hiện lộ trình trong những điều kiện ưu việt hơn khi chúng tôi đi theo lữ đoàn I đến Bắc Ninh: cũng cần phải thêm rằng đường đi hoàn toàn tốt đẹp.

Vật liệu được chia thành hai phần: phần tác chiến và phần lực lượng cơ bản. Phần cơ bản được tập trung và hoàn toàn ở phía sau, đoàn quân như thế được giảm nhẹ rất nhiều. Đối với chúng tôi phần tác chiến gồm có tấm vải dầu che, hành lý các cọc cắm, hành lý các dụng cụ. Về sau người ta coi là mẫu mực hoạt động là ngày 6.

Ngày 7-4 vượt sông Đáy ở chỗ nông, đến nơi cắm trại ở Thông Thiên. Không có sự cố; chúng tôi đi cùng tốc độ với lữ đoàn và ngừng nghỉ đều đặn theo giờ. Đến chỗ cắm trại luôn sớm, quân lính có thì giờ để chuẩn bị bữa ăn.

Buổi tối thời tiết thay đổi, trời mưa và có gió lớn. Nhiều lần trong đêm, các sĩ quan khí cầu gặp nhau bên khí cầu mà họ đè bẹp hoàn toàn trên tấm vải che với sự giúp đỡ của các lính gác.

Ngày 8-4 - Mưa tạnh nhưng gió vẫn thổi mạnh, mây bay thấp và mau. Thật rất khó nhọc khi phân đội khí cầu nối được đường đi, khí cầu có móc gió hơn một lần đã đập xuống đất. Lữ đoàn đã tụ tập phải vào Sơn Tây với phong thái đẹp đẽ. Đại tướng Négrier thấy thời tiết xấu cho chúng tôi lên đi đầu. Chúng tôi băng qua vòng thành Sơn Tây và tìm một chỗ trú ở trên cánh đồng thẳng xuống dưới. Gió cuồng bạo đã làm tổn thương khí cầu khiến nó mất một lượng khí đáng kể.

Việc xuất phát đi tới sẽ diễn ra ngày mai, cần phải thực hiện gấp một lần bơm từng phần. Các máy móc đến ở Phu Sa, cách Sơn Tây khoảng 2 hay 3km; lại một lần bơm thêm chút ít ở trên bờ sông vào buổi tối, và quả cầu được đưa về vị trí đóng quân vào 11 giờ đêm.

Ngày 9-4 - Ngày đẹp trời, lữ đoàn diễu hành trên con đê có các làng quê ở cách quãng, nơi phải đi qua bằng cách băng qua ruộng lúa. Đôi khi chúng tôi gặp một chướng ngại vật mới: đó là một cái cầu có mái che bắc qua một con kênh nhỏ và đầu kênh có mọc hai cây đa khổng lồ cành lá quấn lấy nhau. Chúng tôi thấy không thuyền cũng không dân cư; tuy nhiên cũng phải qua nhanh, chúng tôi cho ngừng phân đội y tế đang đi sau chúng tôi. Cuối cùng, nhờ không có mấy gió, một vài lính công binh khéo léo vừa cầm dây vừa bò qua trên nóc mái cầu dù nóc rất sắc cạnh, và thế là vượt qua được chướng ngại vật. Đóng quân ở Vu Chu.

Ngày 10-4 - Dừng quân ở Vu Chu; người ta đợi các khẩu 80 và 95m, đang được xà lan kéo, trời rất tốt và vào 9 giờ đại tướng Négrier đến đề nghị chúng tôi thực hiện một chuyến bay. Đại tướng thấy rất rõ vị trí Hưng Hóa và từ khí cầu ông vẽ một sơ đồ toàn cảnh. Vị đại tướng tỏ ra vui thích về chuyến bay và thêm rằng ông ta đã ghi nhận vị trí một cách thích thú.

Ngày 11-4 - Xuất phát vào giờ thường lệ đi Trưng Hạ từ đây người ta phải pháo kích Hưng Hóa.

Vào khoảng 10 giờ chúng tôi bị một cơn gió khủng khiếp, cơn gió mạnh nhất mà chúng tôi đã thấy; còn có mưa kèm theo, chúng tôi đến một cánh đồng trồng bắp và may mắn thay ở đây có một cái hào không mấy rộng, nhưng chúng tôi cũng đưa được quả cầu đến đó và gần với mặt đất đến tối đa.

Gió thổi, những túi lớn được tạo thành (trên khí cầu), chúng tôi sợ bị rách ở phía vị trí xả hơi. May thay quả cầu Vigie chịu được, gió ngừng thổi và chúng tôi đến trên cao nguyên Trưng

Hạ. Chúng tôi báo cáo chúng tôi đã đến mục tiêu với tổng tham mưu người đã ấn định chuyến bay trong 2 giờ. Cuộc pháo kích Hưng Hóa bắt đầu. Từ cao nguyên Trưng Hạ người ta hoàn toàn chế ngự được mục tiêu. Quân Trung Hoa lặng lẽ rút lui cách chúng tôi 5km trên chiếc cầu tre mà họ bắc trên sông Hồng.

Vào một giờ, chúng tôi trút khí trong quả cầu phụ vào quả Vigie, và cuộc cất cánh diễn ra lúc 2 giờ rưỡi. Vào khoảng 4 giờ gió lên chút ít, quả cầu lên rồi xuống, quan sát viên: đại úy pháo binh Ghim bị khó chịu nhưng bản phác họa mà ông có nhiệm vụ phải thực hiện đã hoàn tất. Quả cầu được đem về, quân lính qua đêm trên cao nguyên Trưng Hạ, từ đây chúng tôi chứng kiến cuộc hỏa hoạn ở Hưng Hóa, cuộc hỏa hoạn do quân Trung Hoa đốt khi họ bỏ thành này.

Ngày 12-4 - Qua sông Hắc Giang, đoạn trước mặt Trưng Hạ rộng khoảng 500m, và chiếm cứ Hưng Hóa người ta thấy nơi đây bị bỏ rơi và tàn phá phần lớn.

Từ Hắc Giang đến Hưng Hóa khoảng 6km; dù ngắn, đoạn đường này cũng rất cực nhọc cho phân đội khí cầu vì gió quá to.

Trong dịp này và khi vượt đường khe, người trưởng thợ Giraud đã chứng tỏ tinh thần tích cực và một năng lực không bao giờ không tuân phục trong suốt chiến dịch và tôi phải ghi nhận và báo cáo - Hơn nữa ông ta đã từng chứng tỏ lòng nhiệt thành trong cuộc hành quân thao diễn năm 1883 trước Commercy. Một tưởng thưởng và những công tác đó của ông đã được thực hiện và ông đã được thưởng huy chương quân đội.

Thời tiết xấu nên đại úy Aron quyết định xin Tổng tham mưu trưởng cho phép xả hơi khí cầu.

Việc xả hơi thực hiện ở trước cửa thành Hưng Hóa. Như thế là một lần cuối quả cầu Vigie, bơm căng ngày 4-4, đã theo quân đội trong mọi giai đoạn và phục vụ hai chuyến bay, một chuyến bay thám sát, một trong cuộc hành quân trước thành Hưng Hóa tiếp giáp một cuộc pháo kích từ xa.

Phân đội khí cầu lại ra đi ngày 14 để về Hà Nội. Hòa bình đã được xác nhận, hòa ước Thiên Tân được ký kết, phân đội khí cầu trả lại cho pháo đội của nó các xạ thủ phụ, đội súng trường lấy lại vũ khí của họ và được lệnh đóng thùng chúng để đưa về Pháp; Trung úy Jullien được biệt phái đến Huế.

Người ta đã biết hòa bình đã bị phá vỡ như thế nào với sự cố Bắc Lệ. Một đội quân trong đó phân đội khí cầu được xem như là phân đội công binh, theo lệnh của Đại tướng Négrier được gởi đi để thu lượm các mảnh vụn của tóan quân Trung tá Dugenne. Các khí cầu thủ từ lúc đó được sử dụng như lính công binh thông thường cho đến cuộc hành quân tiến về Lạng Sơn.

CUỘC HÀNH QUÂN ĐÁNH LẠNG SƠN (1885)

Phân đội khí cầu vừa tham dự trận đánh Núi Bop (3 và 4-1-1885) như là phân đội công binh, và lại lên đường từ Chu ngày 9, đi Hà Nội và đến vào ngày 12. Vị trung úy chỉ huy phân đội; lúc đó (đại úy Arơn bị kiết lỵ đã về Pháp vào tháng 10-1884) được lệnh của Đại tướng Brière de l'Isle; chỉ huy trưởng lực lượng quân viễn chinh, ổn định lại vật liệu khí cầu.

Ngày 13, 14, 15, 16, 17, 18 tháng Giêng. Sắp xếp lại dụng cụ vật liệu. Số vật liệu này đã bỏ phế từ tháng 6 năm trước nay hư hại khá nặng - Việc mở ra của quả cầu Vigie không phải là không khó khăn, lụa đã hư và phải chửa lại các lỗ thủng lớn - Gần như không thể vá lại quả cầu đã được phủ véc-ni ở Hà Nội: trong suốt 2 ngày chúng tôi dù kiên nhẫn nhưng cố gắng cũng không kết quả; các chỗ rách quá nhiều chúng tôi phải bỏ nó, đó là cái tôi rất ân hận, bởi vì cũng không còn nữa quả cầu phụ (quả cầu phụ của chúng tôi đã bị cuốn đi ngày 8-5 do một cơn bão, nó cũng - phá luôn cái trại che để sấy khô khí cầu). Quả cầu phụ bị bay đi được sấy khô với cái lưới thứ hai và cũng là cái cuối cùng mà chúng tôi có, nhưng trong khi nghỉ trưa, tôi cho làm một lưới mới, một phần với các sợi dây do xưởng cung cấp một phần với dây mua trong xứ.

Chúng tôi chỉ còn một điều không may là thời gian để phủ thêm một lớp véc-ni cho quả cầu Vigie, điều này rất cần thiết. Ngày 18 được dùng để làm thùng chứa và đóng gói vật liệu. Vật liệu này được đưa xuống 2 chiếc thuyền ngày 19, và chúng phải đi tự do trên sông Đào có thóc và đến Bảy Chùa, nơi đây chiếc Arquebuse sẽ kéo các vật liệu đến Phủ Lạng Thương. Chúng tôi rời Hà Nội lúc 5 giờ chiều. Vào 6 giờ 30, dừng lại để qua đêm trên bờ trái của sông Hồng.

Ngày 20-1 - xuất phát lúc đầu ngày; các dân phu kéo thuyền bằng dây nhỏ. Nhiều khó khăn gặp phải ở lối vào sông Đào, thiếu độ sâu tại điểm này.

Vào mùa này trong năm nước rất thấp và thuyền của chúng tôi đến gần thác lớn lúc 5 giờ chiều, thác này ở cách khoảng 500m đối với giao điểm của đường quan Hà Nội - Lạng Sơn và sông Đào. Trên nền của cái thác này rất ít nước. Tôi cho giở đồ trên hai thuyền xuống vì nó làm cho thuyền chìm quá sâu, và thực hiện nhiều chuyến đi về để chuyển đồ; công tác này kết thúc lúc 8 giờ tối. Một sự cố đã xảy ra: mất một thuyền chở 20 thùng bột kẽm [1].

Ngày 21-1 - Từ đầu ngày các thuyền đi qua thác, đến khoảng 9 giờ, vật liệu lại được đưa lên thuyền và lộ trình được lập lại.

Ngày 22-1 - Vận chuyển trên sông Đào không có sự cố; nơi nào cũng có nước; đến Bảy Chùa lúc 5 giờ 30.

Ngày 23-1 - Xuất phát lúc 7 giờ 30 với chiếc Arquebuse; đến Phủ Lạng Thương lúc 3 giờ chiều. Phân đội đóng quân trong khu trại của nó. Vật liệu qua đêm trên thuyền.

Ngày 24-1 - Địa điểm bơm khí được chọn xong, nó ở trên bờ sông gần đường. Vật liệu được đưa lên bờ và việc chuẩn bị cho việc bơm khí hoàn tất.

---

[1] Bột kẽm dùng để sản xuất hydrogène nhờ vào acit sulfuaric có từ thứ muối của chúng tôi (sulfát 3 acit xút) chở trong các thùng tròn.

Ngày 25-1 - Lệnh bơm đến - Thao diễn bơm. Việc bơm lần này khó khăn nhiều hơn những lần trước. Muối bị hư, thật thế, vì trong mùa mưa đựng trong những thùng để trong kho quá ẩm ướt.

Khí ẩm cuối cùng xâm nhập tác động xấu lên muối tạo thành một lớp hỗn hợp, dày chừng 5cm, nó có màu đen (màu vàng hiển nhiên do gỗ tạo ra), và rất cứng, nó không hòa tan được. Vật dụng làm tan phải chùi thường xuyên và tiêu thụ một lượng rất lớn các thùng muối.

Ngày 26-1 - Nghỉ.

Ngày 27-1 - Tướng Négrier đến lúc sáng thông báo với trung úy chỉ huy phân đội rằng khí cầu sẽ được dùng chỉ trong vài ngày nữa; vì thế việc bơm phụ đã yêu cầu được đình chỉ để bơm lại khí cầu đã bị xì hơi lúc tiến về Bắc Ninh. Người ta không biết gì về kế hoạch chiến dịch - Tuy nhiên sự hiện diện của tướng Négrier ở Phủ Lạng Thương làm người ta nghĩ ngay rằng cùng một lúc người ta tiến quân theo hai đường.

Ngày 28-1 - Phân đội nhận lệnh đến Kép ngày 29. Đối với các cuộc hành quân đánh Lạng Sơn, phân đội không thường xuyên nhận được lực lượng phụ; đối với việc bơm khí, tôi thích dùng phu phụ cho các lính công binh, nhưng cuộc tiến quân ngày mai tôi yêu cầu có một phân đội xạ thủ châu Phi.

Ngày 29-1 - Một lần bơm khí từng phần bắt đầu lúc 3 giờ sáng và kết thúc 8 giờ rưỡi. Thành phần tác chiến gồm tấm bạt che và thùng hành lý số VI và số VII. Các dây cáp đựng trong giỏ khí cầu. Gió mạnh và thẳng đứng. Cuộc di hành rất cực nhọc, đến Kép lúc 4 giờ chiều. Quả cầu "cân" được 155kg [1].

Ngày 30-1 - Phân đội xuất phát hướng về Lạng Sơn lúc 7 giờ 30. Khí cầu đi giữa đại quân và hậu đội. Thời tiết tốt, lộ trình dễ dàng. Đến 10 giờ rưỡi khí cầu đến một gò đất nơi đó khí cầu sẽ bay lên. Khí cầu cân được 120kg.

---

[1] "Pèse" (cân nặng) từ ngữ khinh khí cầu. Từ đó muốn nói rằng khí cầu có thể nâng một trọng lượng 120kg trong giỏ của nó.

Chuyến bay: Thiếu tá Fortoul, đại tướng Négrier, trung tá Godart, trung úy Jullien. Khí cầu ở trên không trong gần 2 giờ với cao độ thay đổi từ 180 đến 120m: nó không thể lên cao hơn [1]. Đến 12 giờ 30 lên đường vào Kép. Trong đêm tối, tướng Négrier rút đi tất cả lực lượng hiện có ở Kép chỉ để lại cứ điểm này toán lính gác pháo đài.

Cuộc hành quân thực hiện lúc sáng ngày như vậy chỉ là cuộc diễn tập chắc chắn thành công, mà quân Trung Hoa quen thấy khí cầu đi cùng với vị Tổng chỉ huy và đại quân.

Ngày 31-1 - Buổi sáng nghỉ - Xuất phát lúc 1 giờ 30 cùng với trung tá Godart và một tiểu đội lính Bắc Kỳ.

Quả cầu thực hiện một chuyến bay không trên vùng cao Blockhaus - Triboulet. Nó lên hết dây cáp; độ 300 đến 400m. Cho đến 4 giờ, quả cầu ở trên không và dạo chơi trên đồng.

Ngày 1-2 - Chúng tôi rời Kép lúc 4 giờ sáng để đi Phủ Lạng Thương. Nơi đến về sau và cách người ta sử dụng chúng tôi, tôi hoàn toàn không được biết.

Trời đẹp, một ngọn gió nhẹ đưa chúng tôi đi; đến Phủ Lạng Thương lúc 9 giờ. Tôi nhận lệnh của Tổng chỉ huy xả hơi khí cầu và chất xuống thuyền các vật liệu để đưa về Chu. Vật liệu bơm khí và các dụng cụ hàng đầu, gồm 6 thùng tô-nô muối và 40 hộp kẽm, tất cả được đưa lên thuyền.

Chỉ còn một lượng muối không đủ cho một lần bơm khí - Lượng cần thiết cho ba lần bơm được tính toán theo các lượng đã dùng vào tháng 3-1884, phải được đưa đến Phủ Lạng Thương, nhưng với lý do đã nói ở trên, một lượng rất lớn muối đã được dùng, và hơn nữa lệnh bơm khí ban ra quá sớm nên đã phải thực hiện hai lần bơm từng phần. Như thế khi đến Lam lúc 9 giờ tối ngày 1-1 chúng tôi nhận được lệnh bơm khí tôi phải trả lời thiếu muối.

---

[1] Sức thăng trầm của nó yếu, trọng lượng dây cáp giở đi sẽ thêm sức cho việc phi hành.

Ngày 2, một điện tín gởi cho chỉ huy tối cao đồng bằng Bắc bộ ở Hà Nội để ông ta gởi đi số muối còn trong kho. Việc chậm trễ này đã ngăn không cho phân đội khí cầu được tham dự với tư cách khí cầu trong cuộc tiến quân thực sự vào Lạng Sơn.

Ngày 3-2 - Hai lữ đoàn tiến vào Lạng Sơn; phân đội khí cầu được đưa từ Lam đến Chu.

Ngày 4, 5, 6-2 - Đóng ở Chu - Hai lữ đoàn chiếm các đồn ở Đong - Song;

Ngày 7-2, lúc 4 giờ, muối được thông báo ở Lam, sự việc được báo cáo với Tổng chỉ huy.

Ngày 8-2 - Chuẩn bị bơm, hai lữ đoàn còn nghỉ ngơi ở Đong Song.

Ngày 9-2 - Con đường mà quân đội viễn chinh đi từ Chu đến Đong Song ngang qua Đèo Ván được phán đoán là rất khó khăn; một con đường mới theo lối Đèo Quao được tìm thấy do một đội thám sát đến từ Đong - Song và người ta cho là cần vạch khẩn cấp con đường mới này, các đoàn xe lương thực đến rất khó khăn theo đường Đèo Ván. Phân đội khí cầu nhận được lệnh chuyển thành phân đội công binh và đến tại Đèo Quao. Quả cầu được xếp lại và các vật liệu lại chất trên hai thuyền do các lính công binh yếu đau canh gác. Trong khi đó vị trung úy và phân đội mở con đường mới ở Lạng Sơn, các vật liệu này được đưa về Hải Phòng: người ta sẽ không dùng chúng nữa, và người ta có thể nói rằng các cuộc hành quân của lính khí cầu, đúng với danh nghĩa khí cầu ở Bắc Kỳ đã chấm dứt trong cuộc thao diễn này của ngày 30 và 31-1-1885 do tướng Négrier thực hiện trên đường quan [1].

---

[1] Sự tiếp diễn của các biến cố chứng tỏ rằng cuộc biểu diễn này hoàn toàn thành công. Quân địch đã tụ tập các lực lượng chính của chúng trên đường quan, trong khi người ta chuyển vị trí theo một con đường về phía tây.

NHỮNG NGƯỜI ÂU ĐÃ THẤY HUẾ XƯA: GEMELLI CARERI

L.CADIÈRE

GEMELLI CARERI: là một nhà du hành nữa đã thấy Huế xưa bằng con mắt của những người khác. Ông sinh ở Naples vào năm 1651 và chết năm 1725. Từ 1693 đến 1699 ông thực hiện một cuộc du hành vòng quanh thế giới qua Thổ Nhĩ Kỳ, Palestine, California, Mexique, và cho biết các ghi chú của ông đã thực hiện những gì ông đã thấy trong một tác phẩm 6 tập khổ giấy 12 với nhan đề: Giro del Mundo, xuất bản ở Naples vào 1699 - 1700.

Vào tháng 7 năm 1695, ông đi qua trước bờ biển xứ Đàng Trong. Ít nhất đó là điều mà ông xác nhận bởi vì người ta đã buộc tội ông đã thực hiện tác phẩm "vòng quanh thế giới" của mình mà không rời khỏi chiếc ghế bành. Tác phẩm của ông là một công trình thuần biên tập. Đó là điều người ta chủ trương vào thế kỷ XVIII. Các nhà du hành thế kỷ XIX và nhất là Humboldt, đã minh oan cho nhà du hành của chúng ta và họ hình như đã đồng ý với nhau xác nhận tính chất chân thực và chính xác của các ký sự của ông.

Hẳn là chúng ta chỉ còn tuân phục. Tuy nhiên đọc kỹ tác phẩm chúng ta thấy một vài sai sót cần tu chỉnh.

Trong suốt tác phẩm của mình Gemelli Careri chỉ cung cấp một lần một niên đại, đó chính là ngày khởi hành của

ông: "Tôi xuống tàu ngày thứ bảy 13 tháng 6 năm 1693 trên một chiếc thuyền buồm xứ Naples để đến Calabre và từ đó đi qua Levant". Rải ra đó đây, ông cung cấp ngày trong tháng, khi thì với chỉ một con số khi thì với tên tháng. Trái lại, gần như trên các trang có các ngày trong tuần, bởi vì Gemelli Careri ghi theo từng ngày không bỏ ngày nào, những điều ông làm những điều ông thấy, vị trí ông có mặt. Phải thú nhận rằng hệ thống này không làm dễ dàng cho người đọc khi muốn biết nơi có mặt của nhà du hành, vào ngày, tháng, năm nào. Cần phải thiết lập, qua nhiều trang và ngay cả qua nhiều tập, nhiều bảng kê rộng lớn về ngày tháng, phải kiên nhẫn thu thập để tránh sai lầm.

Chúng ta hãy làm việc này đối với giai đoạn mà chúng ta quan tâm.

Chúng ta đang ở vào năm 1695, chúng ta có thể tin chắc về điều đó bởi vì tác giả nói với chúng ta lúc đó ông ta đang ở vùng phụ cận thành Goa và lễ Pâque bắt đầu ngày 3 tháng 4 "Ngày thứ 9 tháng 7" Gemelli Careri lại xuống tàu ở Malacca trên chiếc tàu đưa ông đến Goa, nhưng ông không thể rời cảng sau nửa đêm bởi vì có sự tranh cãi giữa thuyền trưởng và thủy thủ đoàn. Ngày 17, bão dữ dội. Người ta vừa ra khỏi các đảo phía nam Singapore, gió đẩy tàu đến cạnh Bornéo. "Ngày thứ 5, ngày 28", người ta đến trước mặt Poulcata, cách 360 dặm phía bắc Poulo Condor, ở và 50 dặm phía nam sông Champelo, hay Faifo. Ngày 1 tháng 8 người ta đến Hải Nam và "ngày thứ năm, ngày của S.Dominique", người ta đến gần Macao.

Tất cả những ngày tháng đó hình như rất tương hợp, chúng được như vậy nếu các ngày trong tuần do tác giả ghi ra, với sự lo ngại cẩn thận không bao giờ tự mâu thuẫn, không để lại một điều không phù hợp. Từ ngày 9 tháng 7 đến ngày 17

tháng đó, Gemelli Careri kể 3 ngày thứ bảy: một ngày thứ bảy đầu tiên, ngày hôm sau của ngày ông xuống tàu, ngày thứ bảy thứ hai ngày ông bình yên, cuối cùng ngày thứ bảy thứ ba trong đêm đó xảy ra cơn bão dữ dội đã đưa con tàu đến đảo Bornéo. Như thế ta có hai tuần. Nhưng từ 9 đến 17-7 chỉ có 8 ngày. Từ đâu có sự mâu thuẫn đó? Đó là do tác giả đã lầm lẫn khi so các ngày trong tuần với ngày trong tháng. Cái ngày mà Gemelli Careri lên tàu đúng là ngày hôm sau của một ngày thứ năm, nhưng ngày thứ sáu đó là ngày 1 tháng 7 mà không phải là ngày 9 tháng 7 như ông chỉ ra. Lại nữa, tôi cũng tìm thấy một sai lầm khác: không phải là ngày 7-5 là ngày nhà du hành đi qua trước các đảo Maldives, mà là ngày 27.

Tôi nghĩ rằng trước hết những sự không phù hợp này giữa các ngày trong tuần và ngày trong tháng đã là những chỗ dựa cho những chỉ trích chống lại Gemelli Careri. Tôi vui sướng thấy rằng, nó không đáng gì cả, và tôi không tiếc gì về kết quả này cho các bảng kê dài và buồn tẻ mà tôi đã thiết lập.

*
* *

Đáng vui mừng cho chúng ta khi Gemelli Careri đi ngang xứ Đàng Trong mà vượt qua vịnh Bắc Hà từ ngày 22-7 đến 1-8-1695, ông có được những kẻ đồng hành đã có thể cung cấp cho ông những tiết lộ về các xứ mà họ đã đi qua, về phong tục tập quán của dân chúng.

Thật thế, chiếc S.Rossaire, thuyền trưởng là Jérôme Vasconcello, mà trên đó Gemelli Careri du hành, có chở 6 giáo sĩ dòng tên. "Ngày thứ hai (16-5) khi thấy tàu đã sửa soạn nhổ neo tôi lên tàu. Linh mục Manuel Ferreira, người Bồ Đào Nha, thừa sai ở Đàng Ngoài, ông có bộ râu đáng nể trọng, linh mục Joseph Candone, người Sicile, đã đi qua xứ

Đàng Trong (các linh mục này được gọi về Rome do giáo hoàng Inocent XI, vì không muốn tuân lệnh các giám mục và đại diện giáo hoàng người Pháp thuộc vương quốc này, tránh gây những chuyện tai tiếng nơi giáo dân khi thấy các giáo sĩ người này, người khác bị khai trừ) và 8 linh mục dòng tên khác đi sang Trung Hoa lên tàu vào buổi chiều".

Còn có 10 giáo sĩ dòng tên cũng đi sang Trung Hoa, họ lên chiếc Pambourpa, tàu này của các thương nhân thành Goa, đi theo để bảo vệ chiếc S.Rosaire. Trên chiếc Pombourpa người ta có đưa theo một hành khách đặc biệt; đó là một con sư tử gởi từ Mozambique do Phó vương thành Goa và người này gởi sang làm quà tặng cho vua Trung Hoa.

Trong số các người đồng hành của Gemelli Careri chúng ta hãy chỉ lưu ý tên của linh mục Manuel Ferreira và linh mục Joseph Candone. Thật thế, chính họ đã cung cấp tin tức cho nhà du hành về xứ Đàng Ngoài và xứ Đàng Trong. "Những gì tôi nói là tôi được biết từ linh mục Manuel Ferreira, ông đã ở đây 20 năm, và từ 2 người Đàng Ngoài cùng đi với ông, mặc áo phái đoàn dòng tên, người đã sống ở Đàng Trong 12 năm".

Linh mục Candone đến với phái đoàn Sứ mạng Đàng Trong vào năm 1671. Cũng như tất cả các đồng sự của ông thời kỳ này, ông khó chấp nhận quyền uy của các khâm mạng tòa thánh Pháp vừa được Rome phái tới. Cuộc tranh cải phát sinh, giữa chừng Giáo hoàng Inocent XI ra lệnh cho trưởng dòng tên gọi về châu Âu linh mục Candone cũng như 2 đồng sự của ông ở Đàng Trong và linh mục Ferreira ở Đàng Ngoài. Đó là vào năm 1682. Nhưng giáo dân Đàng Ngoài gởi đại diện của họ đến La Mã để kêu xin cho các linh mục Candone và Ferreira trở lại sứ mạng của họ. Chính vào lúc này Gemelli Careri gặp họ trên đường đi.

Tư liệu cho ta biết nhiều hơn về linh mục Candone là một bức thư của linh mục Jean Antoine Areas giáo sĩ dòng tên người Tây Ban Nha, thừa sai ở Huế, y sĩ và toán học gia của Minh Vương, thư được viết ở Thuận Hóa, kinh đô xứ Đàng Trong vào ngày 31-7-1700".

Năm đó, nhà vua xứ Đàng Trong rất ái mộ đạo Phật đã ngược đãi Thiên Chúa giáo. Ngày 12-3 nhà thờ của linh mục Candone bị phá hoại, và vị thừa sai bị canh chừng trong vài ngày rồi ngày 15 bị gông và giam vào nhà ngục kinh thành cùng với 2 đồng sự của mình, linh mục Belmonte và linh mục Arnedo, người này đã được thả vào ngày hôm sau và một thừa sai người Pháp tên Langlois. Linh mục Capgroni, một thừa sai khác người Pháp theo chân họ không lâu sau đó. Ngày 23-4, họ được trình diện với Minh Vương. "Ông ta ra lệnh đặt gông nặng hơn vào cổ họ, cùm chân họ với các xiềng sắt lớn và giam họ vào ngục thất; gian khổ hơn nữa, ông ta muốn họ chết vì khổ sở... Tôi chỉ có thể nói được rằng vị linh mục Candone tuổi 69 rất khốn khổ dưới gông và xiềng sắt. Tuy nhiên ông chịu đựng cũng dũng cảm như ông Capponi". Hai thừa sai khác, một người Pháp, ông Sennemand và một mục sư người Trung Hoa ở Macao, linh mục Fonseca, cũng bị bỏ ngục. Một sự bất đồng đã nảy sinh giữa các tù nhân về chuyện hạnh kiểm phải giữ đối với một vài giáo đồ phản bội, những người này cầu xin xá tội và họ chịu hiến dâng một số tiền lớn để tạ tội của mình. Một số người như ông Capponi, Sennemand, linh mục Belmonte, bày tỏ quan điểm rằng người ta không thể chấp nhận thứ tiền này, bởi vì nếu chấp nhận nó sẽ làm cho người Việt, lương hay giáo, thấy rằng người ta đã giải quyết được tất cả bằng tiền bạc. Một số khác như ông Langlouis, Fonseca, linh mục Candone trái lại có ý kiến khoan dung và họ đưa ra những lý lẽ hợp lý; trước hết người

ta có thể mua lại tội lỗi của mình bằng bố thí, bởi vì nếu người ta không chấp nhận cái hiến dâng của họ, người ta sẽ có nguy cơ làm cho họ nản lòng hay tuyệt vọng; cuối cùng tiền bạc mà họ muốn hiến dâng theo ý họ được dành cho việc nâng đỡ các giáo dân bị tù tội vì đức tin và nếu như các tù nhân này thật sự cần thiết được giúp đỡ thì các số tiền dâng hiến sẽ được chấp nhận. Linh mục Arnedo quyết định chơ một trường hợp các giải pháp riêng và cân nhắc trước khi chấp nhận hoặc từ chối sự xếp đặt của những người hiến dâng các tặng phẩm này.

Hai đồng sự của linh mục Candone chết trong ngục; linh mục Belmonte ngày 27-5-1700 và ông Langlois ngày 28-1. Linh mục Candone suy nhược mười một tháng dưới gông cùm. Ông chết một cách thánh thiện ngày 28-5-1701, thọ 64 tuổi.

Người đồng sự của linh mục Candone, linh mục Ferrèira, thừa sai ở Đàng Ngoài, ông đến nơi này vào năm 1673. Năm 1677 chúng ta thấy ông ta là bề trên ở đây và đã chống lại các định chế của Saint-Siège, thiết lập thẩm quyền của các đại diện giáo hoàng người Pháp trong các phái đoàn truyền giáo ở Đông Dương. Ông cư ngụ ở Kẻ-Loi trong tỉnh phía đông, tức Hải Dương. Vào khoảng 1683, khi sắp lên đường trở về Âu châu theo lệnh của giáo hoàng Inocent XI, ông triệu tập ở trụ sở của mình các thầy dạy giáo lý chính yếu để thọ nhận quyền uy Thiên Chúa, và chia họ ra theo các tỉnh ở Đàng Ngoài để họ coi sóc giáo dân. Hai trong các thầy giảng giáo lý đó, Denys Ly Thanh và Michel Phương đi qua Xiêm và tại đây họ được linh mục Tachard - người được gởi sang vương quốc này sau sứ đoàn của Hiệp sĩ Chaumont đưa về Âu châu giới thiệu với linh mục De la Chaise và với giáo hoàng, và họ viết cho Louis XIV xin phục hồi cho các linh mục của họ. Khi linh mục Ferreire trở về lại Đàng Ngoài, giám mục De Bourges xin

rằng nếu ông thật sự đã làm được những điều đã nói, ông được miễn trừ tội trục xuất mà ông đã gánh chịu.

Một tư liệu thời kỳ này vào năm 1696, cung cấp cho chúng ta một vài chi tiết kỳ lạ về các hành lý của linh mục Ferreira khi đến Đàng Ngoài.

"Chiếc thuyền của người Hòa Lan đến đây ngày 20 tháng bảy (1696), các giáo sĩ Bồ Đào Nha xin với người trưởng thương điếm đem cho họ trong chuyến đầu tiên mà ông ta làm việc trên tàu với các viên quan thăm viếng, một cái rương lớn gởi cho họ từ Macao. Cái rương này đựng đầy các tượng đạo (bằng sáp) lớn và nhỏ, tranh, ảnh, mề đay, thánh giá, tràng hạt và các thứ khác của tôn giáo thánh thiện của chúng ta, mà linh mục Ferreira góp nhặt trong thời gian cư ngụ dài ngày ở Bồ Đào Nha.

Người trưởng thương điếm Hòa Lan tên là Jacob Van Loo, một người rất chính trực, liên tục bốn lần xin cho họ trước khi đi Kinh thành (Hà Nội) để đến tàu của ông, những gì có trong chiếc rương đó với sự cẩn trọng của ông cần thiết trong trường hợp có các phẩm vật tôn giáo. Nhưng những linh mục này không bao giờ muốn khai báo ông ta chuyện đó. Như thế khi vừa đến chiếc tàu đã nói, ông ta để cái rương trong tàu ông với nhiều hàng hóa khác và ghi nó vào thượng phiếu của chiếc tàu và đưa tận tay các viên quan kiểm tra. Vị quan đầu tiên tên là Ou Gia Thanh thấy trên bảng kê những gì ở ngoài không thuộc về ông, trước hết đã nghi một cách chắc chắn các phẩm vật tôn giáo. Vì thế khi vừa đến kinh thành, điều đầu tiên ông ta ra lệnh là đem đến cho ông ta chiếc rương và buộc mở nó ra trước mặt ông và chiều ngày hôm đó, ngày 30-7, ông ta đi trình với nhà vua. Dư luận chung cho rằng người thông ngôn của những linh mục này đã nhận một cơ hội thuận tiện

cho dự tính đáng ghét của mình để trình bày lời buộc tội họ với nhà vua nhờ người thái giám sủng ái của vua tên là Ou Gia Fou Thuiong, ông ta là quan phó kiểm sát đối với các tàu Pháp, Bồ Đào Nha và Trung Hoa. Sáng hôm sau nhà vua ra lệnh đem rương đến và khi thấy số lượng các phẩm vật tôn giáo này ông vô cùng giận dữ. Thế là với tên thái giám được sủng ái này họ đã tìm thấy cách kiếm tiền vào năm 1694, và người này, thật thế, thường nói với nhà vua cho họ và bảo vệ họ, và lấy đó để công kích họ rộng rãi hơn và cũng là chống lại tôn giáo chúng ta; bởi vì sau khi trình bày với nhà vua lời buộc tội mà người thông ngôn đã đưa vào tay ông ta, ông ta nương vào đó để tuyên bố hùng hồn rằng chính ở chợ đường mía ở kinh thành mà một hoặc hai thầy giảng giáo lý (ông Vite Tri, giáo sĩ người Bắc Hà, và VanHoi, thầy giảng đầu tiên của các linh mục này) thường xuyên tập hợp một số lớn các giáo dân.

Liền đó các giáo sĩ và thầy giảng giáo lý người Bắc Hà bị bỏ ngục, các phẩm vật tôn giáo bị đem đốt giữa công chúng với sự hiện diện của các giáo sĩ dòng tên và những người này bị trục xuất khỏi vương quốc. Một bức thư của linh mục Royer đề ngày 25-10-1699, cho chúng ta biết về cái chết của linh mục Ferreira. "Tôi đã ở tỉnh Nghệ An hai năm, vào tháng 5 năm 1699, linh mục Ferreira ốm, ra lệnh cho tôi đến gặp ông ở tỉnh Tây (Hải Dương), để trao đổi về những bức thư mà ông vừa nhận của Macao do một sứ giả đến theo đường bộ. Khi tôi đến, tôi thấy linh mục đã chết.

*
* *

Gemelli Careri không bằng lòng bao nhiêu nếu chúng ta có thể nghĩ như vậy, với những người trên tàu cũng du hành

với ông. Thuyền trưởng chiếc S.Rosaire, Jérôme Vasconcellos không muốn chịu trách nhiệm về lương thực của hành khách trong lộ trình. Điều đó không chỉ đối với các giáo sĩ Théatins, bạn của G.Careri mà ông ta đã nhận đi tàu ông. Hơn nữa, vào lúc khởi hành, vị Phó vương thành Goa khi đến thăm các giáo sĩ dòng Tên, ngay trên tàu cùng du hành với G.Careri, đã gởi gắm ông với viên thuyền trưởng, "bằng cách nói với ông ta rằng tôi là người quý tộc không du hành chỉ đơn giản để thỏa mãn tính tò mò, và vì thế ông ta phải đối đãi tử tế với tôi". Điều đó bị quên ngay. "Việc dặn dò gởi gắm đó không mấy tác dụng đối với tâm trí thuyền trưởng, người đã lớn lên ở Trung Hoa, không cho tôi thấy chút gì dấu vết về sự lịch sự đó và về tính cách quảng đại Bồ Đào Nha mà tôi đã có biết nhiều lần mà không bao gồm những đức tính tốt cũng như giá trị của kẻ khác. Không phải là cho đến bây giờ, người ta đã thấy điều này, những dân ở thuộc địa mới bộc lộ những tính xấu và ít thực hiện các lệ chung đã thành luật ở Âu châu cổ kính.

Thế là nhà du hành của chúng ta bị buộc phải tự cung cấp lương thực. Ông ta phải mua lương thực ở Goa, với sự giúp đỡ của các giáo sĩ bạn ông và thủy thủ trưởng nhận hàng hóa giao nộp và để chung với hàng của họ bởi vì: "ông ta chịu nhận nuôi tôi ăn trong chuyến du hành". Nhưng hỡi ôi về chuyện này G.Careri cũng gặp những điều cay đắng. Người ta không thể gỡ neo vì tàu mắc cạn trên dải cát. Để làm nhẹ bớt thân tàu, "người thuyền trưởng và viên đốc công đã vứt bớt hàng hóa và trái cây của hành khách, mà không vứt của họ, mà họ ăn ngập miệng'. Gemelli Careri mất ở đó 3 thúng lớn trái xoài mà ông rất tiếc về sau. Ông phải mua lại hàng hóa lương thực. Tất cả êm đẹp cho đến ngày 20-5 là ngày lên đường từ Goa, cho đến ngày 6-6 trong vùng các khúc quanh ở mũi Achen: "Yên tĩnh tiếp cho đến ngày thứ hai (6-6-1695), và

bàn ăn của thuyền trưởng cũng thiếu tôi, và điều đó làm cho tôi bực nhất là 30 con gà mái tôi mua ở Goa, tôi chỉ được ăn 7 con, số còn lại bị lấy cắp, những tai nạn này chỉ xảy ra cho hành khách".

Người ta thấy G.Careri cũng kiên nhẫn. Nhưng hiển nhiên ông không phải là nhân vật được hoan nghênh bên cạnh các nhân viên của tàu S.Rosaire. Tuy nhiên trong nhiều đoạn của cuốn sách của ông, ông đã rút ra nhiều chỉ dẫn về các địa điểm mà người ta đi ngang, khi thì từ viên thuyền trưởng, khi thì thủy thủ. Để bổ túc điều ông ta đã nói với chúng ta về các bờ biển xứ Đàng Trong, tôi nghĩ rằng thật lý thú để cung cấp ở đây các bản tường trình được để lại cho chúng ta về các đề tài này của một vài nhà du hành, thuyền trưởng hay thủy thủ đã thực hiện các cuộc du hành trước ông ta.

*
* *

Vào năm 1607, hạm đội Hòa Lan của đô đốc Matelief, rời bờ biển Trung Hoa, đi qua trước mặt Trung Kỳ và ghé bến Champa. Đây là những gì người ta nói trong bản tường trình chuyến du hành này /469/. "Buổi chiều ngày 15 tháng 9 năm 1607, họ giương buồm rời Trung Hoa thuận lợi [1] ...

/471/ Ngày 13, tháng 10 năm 1607, thuyền thả neo 9 sải nước đáy cát, ở phía trên mũi Poulo Cécor một chút [2]. Đô đốc

---

[1] Người Hòa Lan lúc đó ở về phía đảo Sancian.

[2] "Cap de Poulo Cecir" (mũi Pulo Cecir). Đảo Pulo Cecir ở giữa mũi Padaran phía bắc và mũi Lagan phía Nam. Mũi Pulo Cecir của người Hòa Lan có thể là một trong hai. Nếu đó là mũi Padaran, thì đó ở trên mũi này một chút tức là về phía Bắc, thuộc vịnh Phan Rang. Nếu đó là mũi Lagan thì phải đặt con sông nhỏ mà chúng tiếp giáp, ở giữa mũi này và mũi Padaran. Người ta nói với chúng ta về sau này rằng mũi này ở vào 11 độ, chỉ định này xác nhận mũi Lagan.

liền cho 3 chiếc canô vũ trang bơi vào bờ, mang theo tiền bạc và lụa vẽ, để đổi các thứ tươi sống. Bởi vì trong thủy thủ đoàn đã có nhiều người chân bị phù, và họ phần lớn khá yếu để có thể làm buồm.

Các chiếc canô đến gần một con sông nhỏ, trên bờ có vài ngôi nhà, trong đó có 100 người có vũ khí, hỏi họ rằng họ có phải là người Bồ Đào Nha không? Họ trả lời không phải, họ là người Hòa Lan, họ xin người ta bán cho họ đồ ăn tươi sống và họ trả bằng bạc hay bằng hàng hóa. Những người dân ở đây nói rằng họ sẽ cung cấp những gì người ta cần, rằng họ sẽ đi lấy heo lợn, bò và chiều tối sẽ trở lại, bây giờ chỉ là xế trưa một chút.

Họ nói họ biết người Hòa Lan là như thế nào; rằng một người Trung Hoa đang ở trong con sông nhỏ nơi đây anh ta sửa sang tàu của mình đến đây từ Paane, đối với họ, họ là kẻ thù của người Bồ Đào Nha, bảy năm trước đây những người này hợp lực với người Castillans ở Manilles thành lập một cơ sở trên xứ họ, nhưng dân chúng đã đánh đuổi họ, và từ đó người ta không còn nghe nói đến họ nữa.

Trong khi các thủy thủ trong thủy thủ đoàn đang ở trên bờ thì dấy lên ngọn gió mát phía đông, buộc đô đốc ra lệnh nổi hiệu trở về tàu; bởi vì rất đáng tiếc khi bỏ qua một cơn gió /472/ thuận lợi, họ cần đi ngay đến Bantam để ra lệnh cho những gì phải gởi đến Ternate. Người ta lại giương buồm, khiến không thiếu tiếng xầm xì về phía thủy thủ đoàn vì họ rất mong có thực phẩm tươi sống.

Ngày 17, đoàn tàu thả neo ở cửa biển xứ Champa, khoảng 15 đến 20 dặm cách mũi đất đã nói ở trên [1]. Ngày 18, Orancaie

---

[1] "Cửa biển xứ Champa" ở 15 hay 20 dặm, 60 hay 80km cách mũi Padaran hay mũi Lagan, đó là Phan Rí hoặc Phan Thiết.

(người giàu có) lên tàu. Ông ta là người hồi giáo và là kẻ sủng ái của nhà vua, nắm giữ triều đình của ông ở phía bắc mũi vũng, ở độ 11 cách một khoảng đối với thành phố lớn nơi người Trung Hoa hằng năm lui tới, và một hoặc hai tàu Bồ Đào Nha mua và chở các thứ hàng: vỏ dó, gỗ thơm, sáp ong, ngà voi, gỗ mun mà họ trả bằng lụa, vàng hay bạc và bằng ngà. Ở đây cũng có nhiều thịt hươu, bò con và cừu.

Nhà vua này là bạn của vua xứ Johor và đã 2 hoặc 3 năm người ta không thấy người Bồ Đào Nha ở xứ họ. Người giàu Kta Orancaie được cho biết ông hoàng này không muốn cho phép họ đi đến đó, và rồi họ khai chiến với vua xứ Johor. Nhà vua ở cách đó 2 ngày đường, nhưng nhà vua trẻ, em ông, có thể đến thăm tàu. Trước khi được phép, họ không mua bán trâu bò, heo lợn. Người ta mua được gà mái 500 con trong 2 ngày. Nhà vua trẻ cũng rất muốn theo đạo của người Mores nhưng ông ta không dám vì sợ ông anh.

Ngày 20, tháng 10-1607, chú của nhà vua đến tàu với (người Orancaie) người giàu hạng nhất, và tặng cho đô đốc 2 con heo, 33 con gà mái và [473] 2 bình rượu gạo, nói đó là phần của vị vua trẻ và ngày mai nhà vua trẻ cũng đến viếng tàu. Tất cả số quà tặng có trị giá 6 đồng réales (tiền vàng). Vị đô đốc tặng ông ta 7 hoặc 8 chai thủy tinh với 2 viên hồng ngọc Balachos [1], và cho các người hầu của ông ta 6 đồng réales. Ông hoàng ăn tối với ông và uống rượu. Trong lúc ăn, đô đốc đề nghị với ông ta rằng nhà vua nên viết một bức thư để đô

---

[1] "Balachos" (Hồng ngọc). Không nghi ngờ đó là tiếng Bồ Đào Nha: balaz - hồng ngọc balais, kém trong kém đậm, kém sáng so với hồng ngọc Đông Phương. Tiếng này đáng là do từ tiếng Balakkhi, hình thức thông dụng của Balakhshi, do danh xưng của xứ Badakhsan, ở thượng Oxus, nơi có các mỏ hồng ngọc nổi tiếng.

đốc chuyển cho nhà vua Hòa Lan để hằng năm người ta gởi tàu sang xứ ông buôn bán. Ông hoàng nói rằng ông không nghi ngờ gì, nhà vua anh của ông không làm việc đó và riêng ông ta đối với việc đó ông rất vui lòng. Ông cũng nói rằng trong sông lớn có 3 chiếc tàu Nhật làm nhiều việc bậy bạ và hỏi đô đốc có vui lòng hỗ trợ nhà vua để đuổi chúng đi? Đô đốc trả lời ông ta rằng đô đốc không muốn khai chiến với bất cứ ai ngoại trừ người Bồ Đào Nha, và ông không muốn giúp người Nhật chống dân Champa nếu họ yêu cầu: ông muốn giao dịch với tất cả mọi người trên thế giới, và ông cũng có ý định đi đến Nhật Bản. Đô đốc lại kể cho ông hoàng nghe chuyện tên cướp Nhật Bản mà ông đã thấy ở hòn đảo trong biển Trung Hoa. Ông hoàng Champa cho rằng đô đốc có lý.

Đô đốc hỏi ông ta các lực lượng của nhà vua như thế nào? Ông hoàng nói rằng ông có dưới chân 3.000 lính và 2.000 ngựa; nhưng các ngựa này đều nhỏ và quân lính không được tốt. Đã xảy ra chiến tranh với xứ Đàng Trong, các toán quân của xứ ông đã thực hiện một cuộc xâm nhập Đàng Trong mới đây và đem về rất nhiều chiến lợi phẩm.

Orancaie (vị quan lớn tùy tùng) trong câu chuyện đã kể rằng vua xứ Pegu đã gả con gái mình cho con trai vua Xiêm; và nhờ đó hai vị vua trước đây là thù địch nay đã trở thành bạn tốt. Cùng ngày hôm đó người ta mua 200 gà mái và 7 hay 8 con heo với tiền vàng réales 8. Cuối cùng người ta thấy rằng đây là một xứ cung cấp nhiều thực phẩm. Đối với hàng hóa, chỉ là các thứ đã nói ở trên. Ở đây không gì được ưa chuộng hơn là vàng và bạc.

Sáng ngày 21, gió bắt đầu thổi từ hướng đông, và mặc dù vị quan (Orancaie) vừa nói rằng vị vua trẻ đã ở trong làng và ông ta đến xem đô đốc có thể đến nói chuyện với ông hoàng

này, người thuyền trưởng Hà Lan này xin lỗi và nói rằng ông không thể bỏ qua sự thuận lợi đã đến với ông. Thế là ông ta gọi người của ông đang ở trên đất liền về và lại giương buồm [1] ".

*
* *

Vài năm về sau, một đoàn thuyền Hòa Lan đi ngang qua trước mặt bờ biển phía nam Trung Kỳ. Một trong các chiếc tàu này do Guillaume Isbrantzs Bontekoe chỉ huy, ông này đã để lại cho chúng ta một bản tường trình về chuyến du hành của ông.

---

[1] Tôi tóm lược ở đây phỏng theo một ghi chú của linh mục Duran, các chỉ dẫn mà người ta có được về các vua cuối cùng của Champa. Từ 1607 đến 1651, các vua này, chư hầu của xứ An-nam, đều là gốc người ở Phan Rí, và một vài người có mộ ở đây, mà người nổi tiếng nhất là Po Romé, tháp và tượng của ông còn ở Phan Rang. Kinh đô của họ là Bal Pang Darang (Phan Rang) ở về phía bắc một chút đối với mũi Poulo Cécir nghĩa là mũi Padarang. Thành phố tàu mà nhà du hành người Hòa Lan nói, trong các điều kiện này, chỉ có thể là MaVan, hải cảng nhỏ trong vũng Nai. Nhà vua của Thiên ký sự tên Po Nit, 1603 - 1613. Đền và tượng của ông hiện còn ở Phan Rí. Người ta không gì đặc biệt về các cuộc nổi dậy của ông chống lại lãnh chúa của mình. Người chiến binh danh tiếng là Po Romé, 1627 - 1651. Hiền vương vị chúa ở Huế, 1649 - 1686, được coi là bị người này tấn công, nhưng đã nhanh chóng bị triệt hạ do một viên tướng Việt Nam. Po romé bị bắt, bị bỏ vào cũi và tự vẫn ở đó vào năm 1651. Theo một thoại khác, con gái ông ta là Po Moul, chỉ huy các toán quân tiếp xúc với người Việt và cho người thương lượng để chuộc lại cha mình. Viên tướng Việt Nam giết vị vua và trả lại thân xác để Po Moul đưa về để hoàn tất các nghi lễ hỏa táng.

Vào khoảng 1606, biên giới giữa hai vương quốc là dãy núi rất cao gọi là Labarela. Sau thất bại của Po Remé Hiền Vương dời ranh giới ở Varela vào sông Phan Rang. Kể từ 1651, các tiểu vương Chàm do triều đình Huế phong. Người đầu tiên là Po Phiktirai, rể của Po Romé chồng của con gái người này, nữ anh hùng Po Moul. Con trai ông và là người kế vị Po Thop, trị vì từ 1660 - 1692. Ông này không để lại gì đáng kể. Tuy nhiên, tình trạng không vua 3 năm sau cái chết của ông và việc phong vương chuyển sang gia đình khác cho phép nghi ngờ việc phong tặng và đàn áp mà một nhà du hành Hòa Lan đã nói về sau này.

/684/ "ngày 6 (tháng 5-1622), đảo Poele hay là Palo timon ở cách chúng tôi 6 dặm về phía Tây. Chúng tôi đang trên đường đi Poulo Candoor. Ngày 9, có 3 chiếc tàu ở phía trước đang đi về phía Poulo Candoor và 3 tàu này là của chúng tôi, đó là chiếc Groningue, và l'Ours Anglois và chiếc S.Nicolas. Ngày 18, vào buổi sáng, chúng tôi thấy hòn đảo này ở phía bãi đông bắc khoảng cách chừng 9 dặm. Xứ này còn cao và có nhiều đảo nhỏ ở bờ biển Tây nam của các đảo lớn này. Điểm lấy nước ngọt ở trên bờ biển phía tây nam. Từ đảo Pulo timon đến đảo ở bờ biển ngắn ở Bắc tây bắc, theo các bản đồ, độ sâu của con lạch dẫn là 35, 50 và 60 sải nước, đáy là cát cứng.

Vào buổi chiều, chúng tôi đi về phía tây, đi quanh chiếc đảo gần nhất và dọc theo bờ biển, với khoảng cách chừng nửa dặm đối với hòn đảo tận cùng phía đông trong các đảo nhỏ. Độ sâu là 18 và 20 sải; sau đó chúng tôi lấy đường theo hướng đông bắc về phía bờ biển Chambay. Ngày hôm sau vào buổi chiều chúng tôi còn thấy Candor từ trên vòng đai trên cột buồm. Ngày 22, chúng tôi phát hiện pulo Chambay, dạng bờ biển của nó giống như nhiều đảo khác, ở khoảng 7 hay 8 dặm biển.

Ngày 24, chúng tôi trở lại độ cao 10 độ 15 phút so với các tàu khác của chúng tôi, mà chúng tôi đã rời bỏ trước đây. Chúng tôi thế là ở cách bờ biển một dặm rưỡi, bờ thấp và cát trên bờ trắng; nhưng phía trước xứ này cao và có núi non. Độ sâu là 2 và 3 dặm ở đảo Lant, và là 17, 16, 15 và 14 sải nước, đáy cát. Vào buổi chiều chúng tôi thả neo cả đoàn, ở 15 sải nước ngang một mũi đất, ở độ 3/4, người ta gọi mũi đất này là Cecer hay Cécir. Phía bắc mũi đất này có một cái vịnh lớn đi dọc vịnh này và rà sát bờ người ta thấy khắp nơi các đụn cát và khoảng giữa xứ này cao. Từ mũi này bờ biển chạy về phía bắc - tây 1/4 về phía tây.

Ngày 25, chúng tôi ở trên bờ biển của một đảo nhỏ, tên là Pulo Cécir, gần như toàn là núi đá, giống như một con sông. Nơi đó chấm dứt các đụn cát và bờ ở đó rất cao, và biển cũng rất sâu, có đến 30, 40 và 50 sải.

Ngày 20, chúng tôi thả neo ở vịnh Malle-baie, do những dân ở vịnh Panderan đặt tên. Thuyền trưởng tên là Abraham Thyssen de Flessingui, đi trên chiếc S.Nicolas, người phải đi Manilles để xem ở đó có chăng vài tàu thuộc hạm đội của thiếu tá W.Janssens. Ở đó có nhiều dừa ở trên bờ, người ta thấy chúng ở bên cạnh những ngôi nhà nhỏ. Ngày hôm sau người ta gởi đi 4 tàu trong số đó có chiếc Gronignm tôi đi, thả neo trong một vịnh khác tên là Carmperyn, ở cách 6 dặm phía trước. Chúng tôi tìm ở đó đủ nước ngọt và củi với rất nhiều thực phẩm tươi sống và chúng tôi ở đó 17 con bò cái và một số lớn gà mái; nhưng từ khi một trong những Ấn của chúng tôi bỏ trốn và hắn bị bỏ lại trong dân chúng, họ không còn muốn cung cấp cho chúng tôi nữa.

/627/ ngày 4 tháng 6 (1622), tôi lên chiếc tàu hơi nước để đi báo cáo cho chủ thuyền về những gì xảy ra với chúng tôi, và ngày 6 tôi về, trong lúc đó chiếc thuyền buồm Sainte Croitx đến nhập bọn với chúng tôi. Ngày hôm sau chúng tôi giương buồm và chúng tôi nhập với chiếc thuyền buồm Lecoq, kẻ đã bắt giữ một chiếc thuyền Nhật rồi chúng tôi tập trung toàn bộ hạm đội chúng tôi.

Ngày 20, chúng tôi thấy nhiều hòn đảo khác nhau trên đường đi, chúng tôi phát hiện 2 chiếc buồm gần đất liền. Vào buổi chiều chúng tôi gặp một vài tàu Anh, họ thuộc chiến dịch Manilles và chúng tôi qua đêm bên cạnh họ.

Ngày 22 (tháng 6-1622) chúng tôi xuất hiện phía trước Manilles.

Sau đây là nhật ký của một chuyến du hành từ bắc xuống nam, luôn là của người Hòa Lan: "Ngày 11, Hagenaar, người từ lâu đã bị khó ở càng thấy khó chịu hơn, trình bày bảng thỉnh cầu với những người đã cho phép ông ta đi trên chiếc Amsterdam như là hành khách để trở về Batavia, và ngày 13 (tháng 12-1637) tàu giương buồm (từ Taiovan trong quần đảo Formose). Ngày 17, người thấy đảo Ainam; ngày 19, thấy đảo Pulo Cantoon, ngày 21, Avarelle Falso xứ Champa và kế đó là Pulo Cecir và đất liền; ngày 26, các đảo ở phía nam Lingan, Pulo Tonpon, và người ta đi qua dưới đường phân điểm (lingne equinoxiale), các dòng nước chảy mau về phía bắc".

*
* *

Một vài người có thể trách tôi cung cấp các bản tường trình của những người không thấy xứ Đàng Trong cũng như xứ Đàng Ngoài như mục sư Choisy, Gemelli Careri. Trái lại, tôi đánh giá rằng các bản tường trình này đầy lợi ích. Thật thế, sẽ là vô ích và ngay cả nguy hiểm khi xuất bản lại các tư liệu này nếu tác giả của chúng tự sáng tác ra các chi tiết mà họ cung cấp về các xứ sở họ không thăm viếng hay nếu đơn giản là họ đã thực hiện tác phẩm của những người sưu tập, tái tạo bằng cách tóm lược chúng hay thêm vào đó các thuộc từ của trí tưởng tượng của họ, tác phẩm của nhà văn, là chính họ đã thật sự thấy Bắc Hà và Đàng Trong. Nhưng ở đây họ nói với chúng ta với sự thẳng thắng làm cho họ đáng được (tôn trọng) vinh dự, nơi đó họ khai thác các chỉ dẫn mà họ được cung cấp - Những người đã cung cấp cho họ đó là các thừa sai đã sống 20 hay 30 năm trong các xứ mà họ đề cập, và họ xứng đáng được tín nhiệm. Các thừa sai này đã thấy nhiều chú ý nhiều, và ghi chép giữ lại nhiều. Nếu không có các bản tường trình của Gemelli Careri, của mục sư Choisy, những kết quả

của kinh nghiệm họ sẽ hoàn toàn mất dấu. Vậy thì chúng ta phải cảm tạ cái tình huống đáng vui mừng theo đó những người đã được thấy nhưng không bao giờ có gì để công bố, đã gặp gỡ những người không có dịp để được thấy nhưng lại chỉ có một mục đích ghi chép lại những gì mà họ đã nghe kể về chúng.

*
* *

/402/ CHƯƠNG X

Điều đã xảy ra trong chuyến du hành của tác giả cho đến bờ biển xứ Đàng Trong.

Bây giờ để lấy lại sợi dây liên tục cho câu chuyện của chúng ta, cơn bão ngày 17 (tháng 7-1695) ngăn chúng tôi đến gần Poullaor như thuyền trưởng hoa tiêu đã dự kiến; nhưng gió đã trở nên bớt mạnh vào ngày thứ hai, chúng tôi đến gần đảo và biển lặng gió khi chúng tôi thấy đảo. Hòn đảo nhỏ này không có quá 5 dặm chu vi, và luôn luôn cây cối xanh tươi, và có rất nhiều dừa mọc lên giữa vùng núi đá, nhiều cau, chuối, mận, thơm (dứa) và các trái cây khác mà dân bản xứ đem đổi lấy chén bát đất. Chiếu mà người ta làm ở đây khá mịn và đẹp, người ta đã mua nó với giá 15 và 20 đồng tiền 8 mỗi chiếc để làm quà tặng cho người Trung Hoa là những người rất chuộng chúng. Hòn đảo thuộc về vua Ihor, và chỉ cách đất liền 60 dặm Anh. Có 2 núi đá gần đảo này, có nhiều trái cây ngon /603/ và ở cách một hòn đảo hoang 6 dặm, đảo này người ta gọi là Poultimon [1].

---

[1] "Poultimon" - Đây là điều mà người Hòa Lan thời này nói về hòn đảo này: "ông Biok - Houius với cương vị đại sứ đến với hoàng đế Nhật Bản đã lên đường năm 1649, ngày 28-7 ông ta hướng mũi tàu về phía eo biển

Gió lại thổi tốt và ngày thứ ba, kèm theo một trận mưa lớn. Chúng tôi đi về phía Poulocandor nó cách đất cuối cùng này 360 dặm trong vùng biển rất thuận lợi chúng tôi thấy rõ trong suốt lộ trình, ở đây không có núi đá cũng như đáy cát cạn và tàu không chòng chành chút nào, mặc dù nó đi nhiều đường. Lúc đến gần đường xích đạo và trong tiết đại thử, chúng tôi chỉ cảm thấy hơi ấm như trong mùa xuân. Mặc dù thiếu thốn lương thực và các thứ khác, nhờ ơn Chúa tôi vẫn khỏe mạnh hoàn toàn mặc dù nhiều thủy thủ ốm đau, cũng như linh mục Provana de Turin và một sư huynh người Bắc Hà, tuy vậy phái đoàn dòng tên không quên chăm lo các lễ lược tôn giáo của mình.

Sumatre mà người ta gọi là Lucapara, với đảo Banca, và sau 8 ngày du hành, họ khám phá thấy đảo Poul Tymon.

Đảo này thật dễ chịu, nó có núi cây cối bao trùm, những thung lũng với phong cảnh đẹp nhất thế giới, và nó được tưới với một lượng lớn nước mưa. Nó rất cao và lớn. Trước mặt mũi đất nhìn về phía Đông Bắc có một hòn đảo nhỏ; giữa đảo này và đảo Tymon người ta đi an toàn, và ngay cả có thể dễ dàng đặt chân lên đất liền. Chính đảo này sản xuất loại cỏ nổi tiếng mà người ta gọi là Bétel (trầu?) mà gần như không người đàn ông cũng như không người đàn bà nào là không nhai nó vào buổi mai sau khi thức dậy, sau bữa ăn và ngay cả khi ở ngoài đường. Người Javannes (xứ Java) đến đây mua chở về từng thuyền đầy ở đảo Pulo Tymon. Nó rất rẻ ở bờ biển, nhưng ở trong xứ chúng rất đắt.

Từ đảo này đoàn thuyền Hòa Lan tiếp tục hành trình về hướng Pulo Candon, hòn đảo nhỏ mà người ta khám phá ngày thứ 12. Từ đó người ta đi đến Poulo Cécir đất liền, gọi như thế vì có đảo Poulo Cécir ở biển, ở về phía đông. Poulo Cécir đất liền là một xứ có cát trắng, chạy dài đến trước một cái vịnh đối diện với vùng đất cứng của xứ Cam-bốt, và nó thường được người Nhật, người Hòa Lan, người Đàng Trong, người Mã Lai ghé lại (Ambassa des mémorables de la compagnie des Indes Orientales des Provinces. Unies,vers l'empereurs du Japan - Các sứ đoàn đáng nhớ của Phái đoàn Đông Ấn của các tỉnh liên hiệp, gởi đến các hoàng đế Nhật Bản - Amsterdam, nhà Jacob de Mears - MDC, LXXX, tr.28 - 29).

Gió vẫn giống ngày thứ tư, chúng tôi qua vịnh Xiêm La, nơi đây là chỗ đổ ra của con sông lớn từ đó người ta đi đến kinh đô xứ này sau khi đi 140 dặm giữa vùng dân chúng, /404/ bờ của nó đầy dẫy các ngôi nhà sàn bằng gỗ dựng trên các cọc lớn, hay các thanh gỗ để cho các cơn lụt chảy qua và các tháng 8, 9, 10; đạt độ cao 12 bộ và có thể đi qua các cửa sổ bằng thuyền để đi vớt lúa nổi trên mặt nước.

Sáng ngày thứ năm gió trở sang hướng đông, nhưng lại thuận lợi vào buổi trưa. Ngày thứ sáu khi đã đứng bóng chúng tôi thấy Pul Candor. Đảo này thuộc về vua xứ Đàng Trong và không người cư ngụ - chỉ có vài thời kỳ trong năm dân Đàng Trong đến đây đốn gỗ và thu lượm các sản vật như: lúa mì Ấn Độ, chuối, cam. Đảo dài 8 dặm Anh và bề rộng cũng vậy.

Ở đây mưa lớn mọi ngày, như chúng ta đã có kinh nghiệm, đó là nguyên nhân mà người ta bỏ rơi nó. Tất cả thuyền bè đi đến Manille có thói quen ghé đảo này.

Sáng ngày thứ bảy chúng tôi đối diện với 5 ngọn núi nhỏ mà người Bồ Đào Nha gọi là Cinco Chagas /405/; chúng ở trước cửa sông của nhà vua xứ Jaune de Camboia, theo đó sau khi qua 140 dặm Anh người ta sẽ đến kinh đô của vương quốc này mà người ta gọi là Pontaypret. Tàu lớn cũng vào được đó, ở cửa sông 3 sải nước đến gần thành phố 7 sải. Người Bồ Đào Nha gọi cửa sông này là Caranguejo và hai cửa sông bên cạnh, một là Malacca và một là Puntiemas, nơi đây các thuyền bè Xiêm La đi qua. Vua xứ Camboia là công thần của vua Xiêm, và có tục lệ thay đổi vị trí của triều đình mình, khi ông cai quản đất nước do mê tín ông không cư trú nơi mà vua tiền nhiệm chết; điều đó ông ta dễ thực hiện bởi vì kinh đô của ông là xấu nhất so với tất cả các thành phố khác, nó chỉ gồm những chòi xây kém, lợp chiếu hoặc nhiều lắm là bằng gỗ

tấm. Vương quốc này hiện nay chia hai cho hai anh em, một người giữ vùng núi và người kia ở thành phố, chúng ta vừa nói đến. Họ đánh nhau dữ dội, một người dựa vào vua Xiêm, người kia dựa vào vua xứ Đàng Trong [1].

/406/ Tất cả dân cư của xứ Camboia, xứ Xiêm và xứ Pégu, đều cạo đầu trừ đỉnh đầu, nơi này để dài 3 đến 4 tấc (pouce). Họ nhổ râu bằng các chiếc kẹp nhỏ để chúng không mọc nhanh. Da họ màu xám lục. Họ rất cứng đầu đối với tín ngưỡng của họ; và linh mục Candonis nói rằng trong 4 năm ông cư ngụ ở Camboia, ông chỉ rửa tội cho một người mà vợ ông ta là một người Đàng Trong theo Thiên Chúa giáo ...

Vào buổi chiều, chúng tôi ở bờ biển xứ Champa, nơi mà vị vua là công thần của vua xứ Đàng Trong trước đây nay đã thay đổi và chống lại ông vua này.

Cùng ngày chúng tôi đi qua Farillou de Tigre người Bồ gọi thế là vì nhiều tàu nước họ bị đắm ở đây, và trong số đó chiếc tàu của Mathieu Brito được cứu thoát nạn, ông ta bày cho các hoa tiêu khác đi vào khoảng giữa đất liền và ngọn núi đá này nhưng không đến vùng 10 sải nước. Và khi họ đến gần Farillou,

---

[1] "Vào 1675, An Non bị em mình là Chettha IV cướp ngôi và đến lánh nạn ở xứ Đàng Trong. Ông ta chiêu mộ ở đây, được Hiền vương cho phép, một đội quân phần lớn là người Trung Hoa, và chiếm cứ các tỉnh phía Tây xứ thuộc địa Nam Kỳ" của chúng ta (người Pháp). Bị đánh bại nhiều lần (1689) ông ta phải xin Hiền vương cung cấp những toán quân mới. Chúng được gởi tới nhưng rồi bị quân Chettha IV đánh bật, chúng phải rút lui trong hỗn loạn, bỏ rơi An Non và không lâu sau đó ông này chết (1691)" (L.Indochine Française - Nam Kỳ thuộc Pháp của G.Maspero, tập I, tr.132. Hơn nữa, khi G.Careri đi ngang phía trước Cambốt là vào năm 1695. Đó là lúc tác giả của chúng ta đã ám chỉ, được linh mục Candonè cho biết. Thật ra, vị thừa sai đã rời Đông Dương vào năm 1682, trước khá xa cuộc xung đột giữa hai anh em).

/407/, họ không đến vùng 14 sải mà đi ở vùng 16 đến 19 sải vì tàu thường bị chìm ở vùng từ 10 đến 14 sải nước, nơi đây có đá ngầm

Ngày chủ nhật, chúng tôi ghé bờ biển Vương quốc Champa nhờ gió thuận, và đến trưa chúng tôi qua trước vịnh và cảng cùng tên, nơi nhiều quốc gia đến mua bán ngà voi, gỗ ó và các thứ hàng hóa khác. Trước cửa vào có một hòn núi đá mà tất cả tàu bè buộc phải đi qua. Người Mã Lai gọi núi này là Panderon, nghĩa là nhà vua, và núi đá là Poulsisin; nhưng người Bồ Đào Nha gọi mũi sau là Ravo de Alacran. Chính từ đây bắt đầu con kênh nguy hiểm mà người ta phải đi theo để đi đến Trung Hoa và trở về. Từ Ravo này cho đến 60 dặm ngoài Poul cata, liên tục có những chỗ nước nông (đáy cạn), nơi đó hằng năm mất nhiều tàu bè; chính vì vậy các hoa tiêu buộc phải coi chừng chúng và luôn luôn đi ở 19 sải. Điều tệ hại còn là nếu sự không may xảy ra, thì các chiến thuyền của xứ Đàng Trong đến chiếm đoạt không những hàng hóa mà cả tàu đã bị mất cột buồm. Vì thế trong suốt năm họ chỉ qua lại kênh đào để hòng lợi dụng các tàu đắm mà người ta không hy vọng thoát nạn và chỉ đành nín lặng vì người Đàng Trong dũng mãnh và sử dụng thành thạo vũ khí và súng đạn.

Tất cả các xứ: Malacca, Camboia, Siam, Đàng Trong và Đàng Ngoài (Bắc Hà) đều có nhiều voi mà người Xiêm trong số những người nước khác mua rất nhiều và đi theo đường bộ đến Tenaceri, hải cảng của họ, nơi này không xa vịnh Bengale, nơi thương nhân đến mua chúng để dùng đường biển chở chúng đến cho các ông hoàng hồi giáo.

Người Xiêm La rất cẩn trọng và có cách cư xử cực đoan không những giữa họ với nhau mà còn với tất cả những người ngoại quốc. Họ nói rằng màu trắng của răng giống với súc vật,

là một điều xấu xa cho con người, chính vì thế họ nhuộm đen răng bằng một loại vernis, mà họ thường xuyên chăm sóc nhuộm lại; họ rất thích ăn hằng ngày trầu và uống rượu gạo để cho thuốc nhuộm răng bám chặt.

Họ cho rằng chứng tỏ rất tôn trọng đối với các bà là nghiêng vai khi đi qua. Ở xứ họ, không phải con vua là người thiết kế mà là em vua, chỉ đến phiên người con sau khi ông chú chết.

Có những người đàn bàn Ấn Độ để trang sức đã nhổ 4 cái răng, 2 cái răng cửa ở trên và 2 cái ở dưới và thay vào đó là 4 hạt kim cương.

Gió trở lại khá mạnh vào buổi chiều mà người ta có thể gọi đó là bão, và nó đã đẩy tàu chúng tôi chạy với tốc độ cao suốt đêm. Ngày thứ hai chúng tôi tiếp tục hành trình trong gió thuận suốt dọc bờ biển xứ Đàng Trong, nhưng 2 giờ sau bữa cơm trưa một cơn mưa lớn trong các cơn mưa thường lệ là đến cùng với một cơn gió cuồng loạn chúng tôi phải đi theo nhiều đường những nơi không ngược nước. Và may thay chúng tôi đến được mũi Veritable Varella (Varela đích thực - phân biệt với Varellas giả ở bên trong ngọn núi, trên đó có một tảng đá nhiều nhánh mà người ta gọi là chùa (Pagoda)) bởi vì ngọn gió dữ sau một lúc để ngừng và biển không còn quá động [1].

---

[1] "Chùa - La pagoda: - Varela giả với hòn đá ở đỉnh, ở trong đất liền là đèo gọi là Đèo Cả có tảng đá mẹ bồng con. Trong các bản tường trình của thế kỷ XVII, XVIII, từ "chùa" chỉ khi thì một ngôi đền Phật giáo, khi thì các tượng ở trong các đền này. Đối với G.Careri, từ "chùa" chỉ: ở tập III, tr.61 và tiếp theo, một ngôi đền và dùng với giống đực: "le premier vestibule du Pagoda... la grande porte du grand Pagoda..." và ở trang 300: "On voit dans tous les Temps on Pagodes de ces Idolâtre...". Các tượng đều là thần tượng, nhưng dù thế nào đi nữa về nghĩa của từ "chùa" theo

Ngày thứ ba chúng tôi tiếp tục lộ trình dọc theo bờ biển này trong thời tiết mùa xuân. Tuy nhiên phần lớn lao công da đen của chúng tôi (Cafres) đều ốm đau người ta cho nguyên nhân là khí hậu Âu châu.

Ngày thứ tư, gió ngừng hẳn.

*
* *

CHƯƠNG XI

Các lưu ý về xứ Đàng Ngoài và xứ Đàng Trong. Tôi nghĩ rằng sau thiên ký sự hải hành nhàm chán, độc giả sẽ không

---

G.Careri, chúng ta không thể nói người nào là người đầu tiên đã nói với nhà du hành của chúng ta và gọi hòn đá mẹ bồng con là "chùa". Có thể nói ông ta nhìn thấy trong tảng đá này hình ảnh của ngôi chùa, một *dagoba*, và có thể ông ta so nó với một bức tượng.

Một tư liệu gần như đồng thời với nhà du hành của chúng ta có nói đến tảng đá này. Đó là tập 21 của tác phẩm "L'Atlas de la Navigation et du Commerce Amsterdam" (tập bản đồ về hàng hải và thương mãi Amsterdam). Nhà Louis Renard, M.DOC.XV (Thư viện Méjanes, d'Aix-en - Provence, số liệu 11041); về bờ biển Đàng Trong, người ta ghi chú: từ Nam lên Bắc; B.Cecir, B.Padaran, B.Lomeryn; Pagoda Schuyt Bay; v.v...

Sứ đoàn Hòa Lan gởi sang Nhật Bản năm 1649 cũng thấy tảng đá Varella. Các sứ giả cũng thấy nó có hình dáng người: "các sứ giả Hòa Lan đi từ Cambốt giương buồm về Champa, và họ sau 4 ngày đi qua St.Jean de Fix, đó là một ngọn núi khá cao trên đó người ta thấy một tảng đá thật cao có hình dáng một người. Chính ở đây ngài đại sứ Blokhovius qua đời đêm ngày 13 tháng 8. Người ta ướp hương thân thể ông và các vật dụng được đặt trong một chiếc hòm, người ta thả xuống biển sau khi đã cử hành tang lễ. Từ đó người ta đi qua Poulo Cambier và Calao, kế đó người ta khám phá đảo Aynam (Hải Nam) ..." (Ambassades mémoriales de la Compagnie des Indes Orientales des Provinces - unies vers les empereur du Jas Amsterdam, Jacob de Meurs. M.DCC.LXXX, tr.30 - 31, Thư viện Méjanes, Aix-en-Provence, số hiệu: D.20).

phật lòng rằng tôi đã giữ lại một ít về các vương quốc Đàng Ngoài và Đàng Trong mà chúng tôi đi ngang qua; đối với tất cả những gì mà tôi sẽ nói về các vương quốc này là tôi đã biết từ linh mục Manuel Ferreira người đã cư ngụ ở đây 20 năm và từ 2 người Bắc Hà cùng đi với linh mục Joseph Candoni cùng phái đoàn, người đã ở xứ Đàng Trong 12 năm.

Xứ Đàng Ngoài (Bắc Hà) là thuộc quốc của Trung Hoa nhưng cống phẩm này đáng kể vào thời xưa nay đã rút gọn kể từ 1667 thành tặng phẩm nhỏ nhoi với vài con ngựa hằng năm [1].

Vương quốc Đàng Trong là đồng nhất với vương quốc Đàng Ngoài, và sau đây là làm thế nào xứ sở phân chia. Ông bua (vua) hay nhà vua của Đàng Ngoài mà người ta gọi là Anamou bằng tiếng Bắc Hà [2] ở khá xa để liên hệ với thần dân của mình, mà họ không dám trông cậy khi khó khăn; ông ta không nói ngay đến với vị thượng thư đầu triều của mình bởi

---

[1] "Vương quốc Đàng Ngoài là nước phải triều cống của Trung Quốc". Một tư liệu gần đây cung cấp cũng một chỉ dẫn như thế về cống phẩm vua xứ Đàng Ngoài phải dâng cho Trung Quốc, nhưng xác nhận đó là: "Nhà vua xứ Đàng Ngoài ngày xưa phải dâng cống phẩm với ba tượng bằng vàng và 3 tượng bằng bạc cho hoàng đế Trung Quốc từng 6 năm một; nhưng từ 1667, việc đó chỉ còn là một vinh dự với một sứ đoàn trang trọng". (Atlas de la Navigation et du Comes Amsterdam, Louis Renard, M.DCC.XV, tr.66).

[2] "Boua". Bua, với chữ b cáude theo lối viết ngày xưa, nay là: vua; từ này dành cho hoàng đế của triều đại đương trị vì, đó là triều Lê.

"Anamou", An-nam, đương thời là danh xưng chính thức của vương quốc An-nam, theo tiếng Hán Việt. Như vậy chỉ là thông thường khi thấy trong cách gọi Ana-mou, cách phiên âm của công thức ngoại giao Trung Quốc chỉ định hoàng đế An-nam: An-nam vương "Vua, hoàng đế An-nam". Công thức này được cung cấp cho Gemelli Careri do những người kể chuyện các linh mục dòng tên hoặc 2 người Đàng Ngoài, nhất là 2 người này, đọc hơi nhanh nên Gemelli Careri ghi nhận không rõ ràng và từ đó đưa đến cách ghi phóng túng mà ông cung cấp cho chúng ta ở đây.

vì vị thượng thư thông báo với nhà vua qua các thái giám những gì xảy ra trong ngày và ông ta nhận lệnh cũng theo cơ chế đó, nghĩ rằng không thuận tiện cho một vị hoàng đế cao cả mà phải chung đụng với triều đình, nếu nhà vua chỉ dành thì giờ cho các cung tần của mình ở hậu cung và để cho người khác lo lắng khó nhọc việc nước. Hay là, tục lệ này đã cung cấp phương tiện cho một vị trấn thủ cách đây 300 năm đã chiếm đoạt đế quyền [1]. Ông ta đặt toàn bộ quân đội vào phe mình, cũng như các vị quan lớn trong xứ, chỉ thừa hưởng đặc ân là những người thuộc phe ông. Cuối cùng ông điều hành công việc khá tốt, chỉ để lại cho nhà vua cái danh nghĩa đơn giản, cái bóng của một ông vua. Từ đó Bắc Hà có hai vị vua, người người danh chính gọi là Bouas và những kẻ chiếm quyền gọi là Kivas hay Trấn thủ, người cung cấp các thứ cần thiết cho vị Boua và đôi khi lại từ khước như đã xảy ra một lần cách đây vài năm và làm cho nhà Boua đã phải hạ mình đến gặp viên trưởng Thương điếm của người Hòa Lan cư ngụ ở Bắc Hà.

Các đại sứ ngoại quốc không trình thư khiếu nại cho Boua như người Hòa Lan đã làm cách đây ít lâu. Khi vị Boua có vài con trai thì người ta tổ chức vui chơi trên khắp vương quốc, đó là điều người ta không làm đối với các con của vị Kivas.

Một trong các Kivas này chết hơn một thế kỷ đã để lại con mình kế vị vương quốc dưới sự nhiếp chính của rể mình; nhưng người này nhắm đến chiếc vương miện, đã nhiều lần âm mưu hại sinh mạng của ông vua em rể mình, đến nỗi vợ ông phải xin đưa người này đi vào Đàng Trong, nơi ông ta

---

[1] "Cách đây 300 năm". Ở đây Gemelli Careri có thể là nói đến Nguyễn Kim, chết năm 1545, hoặc là Trịnh Tùng, người mà trong những năm cuối thế kỷ XVI, đã đem lại sự thất thế cho nhà Lê. Nhưng dù thế này hay thế khác ông cũng đã lầm khi đưa biến cố này đến 300 năm về trước đối với khi ông đi ngang bờ biển Đàng Trong.

được một phân giới quý tộc đi theo: Nhà vua sau đó được những người đi theo phụng sự để chiếm lấy xứ Đàng Trong (bằng cách giết chết viên Tổng trấn trong một bữa ăn) để thâu tóm một phần vương quốc Champa và phần còn lại thuộc quốc triều cống [1] nhưng vị vua nhỏ bé này đã phá ách và không muốn nộp cống.

Người giám hộ thế là chiếm lĩnh vương quốc Đàng Ngoài và chiến tranh đã bắt đầu xảy ra khá đẫm máu giữa hai anh em rể, và kéo dài cho đến tận hôm nay giữa con cái họ; và cách thức thực hiện chiến tranh khá quy mô khiến người ta không để cho dân chúng qua lại cùng như thư từ vương quốc này sang vương quốc kia. Mặc dù lực lượng đôi bên không cân bằng, vua xứ Đàng Trong chỉ có 50 nghìn bộ binh pháo thủ và quân của vương quốc Đàng Ngoài thì hơn 100 ngàn; tuy nhiên người Đàng Trong những chiến binh ưu tú và và họ lại được bảo bọc bởi một dãy núi dài ngăn đôi hai vương quốc, họ đối đầu với quân Đàng Ngoài. Cả hai đều coi vị hoàng đế cái bóng, vị Boua, như là người bề trên hợp thức của mình, tiếp nhận sứ giả dưới danh hiệu: Dưới triều Boua... [2].

---

[1] "Lịch sử về Nguyễn Kim, về Nguyễn Hoàng, con trai ông và về Trịnh Kiểm, con rể ông, mà chúng ta nghe Gemelli Careri kể, tương hợp với điều mà sách Thực lục của triều Nguyễn nói. Nhưng nhà du hành của chúng ta cung cấp một số chi tiết chưa được công bố; Trịnh Kiểm chỉ là người giám hộ của Nguyễn Hoàng, ông ta đã nhiều lần trong đời ông âm mưu làm hại; viên tổng trấn Thuận Hóa, Tống Phúc Trị, thay vì nhường chỗ cho Nguyễn Hoàng, lại bị Nguyễn Hoàng giết.

[2] Các tiết lộ này tương hợp với những gì chúng ta biết do nơi khác. Một vài di tích, bia đá, chuông, bức hoành ... của các chúa Nguyễn còn lại hiện nay đều ghi niên đại của triều Lê. Nơi khác: (Dagh register) hồ sơ của phái đoàn Hòa Lan còn lưu giữ các thư từ của triều đình Hà Nội, hay gởi cho Hà Nội, trong đó người ta ghi các niên hiệu của vua Lê (Xem L.Cadière: Le mua de Đồng Hới - Bức tường Đồng Hới - B.E.F.E.O.1906).

Vị Kivas hay Trấn thủ các lực lượng quân đội của Đàng Ngoài, điều hành như vị Boua nhờ một vị thượng thư đầu triều, người này không nói với ông ta, nhận lệnh qua các thái giám, rất ít khi thiết triều và không hề xuất hiện trước công chúng. Nhưng sự thoái bộ này ngày hôm nay không phải từ sự cao cả hay nghiêm trọng mà là do nỗi sợ các cuộc nổi dậy liên tiếp trong vương quốc mình. Để cho hiệu quả này, ông ta không cho phép thần dân mình xây nhà cao sợ rằng họ làm hại ông; tất cả nhà cửa phải thấp trừ cung điện của ông và mỗi người phải rời khỏi đường nơi nhà vua đi qua trên voi hoặc trong kiệu.

Sau những gì người ta vừa nói, độc giả cẩn trọng phải phán đoán sự chân thật của Taverier khi ông quả quyết rằng /415/ em ông rất thân cận với vua xứ Đàng Ngoài và ông ta tiếp xúc với thần dân mình hằng ngày. Người Hòa Lan có thể cung cấp các chứng cứ đầy đủ, bởi vì họ bất bình các vị thượng thư và các thái giám đã lấy của họ nhiều hơn theo luật quan thuế thông thường, và họ không bao giờ có thể nói với nhà vua để than phiền, nên buộc phải dùng một kẻ trung gian mối lái và nhờ đó một người Hòa Lan biết được tiếng địa phương đến được bên cạnh ngôi nhà của vua và làm cho vua biết tất cả những gì đã xảy ra. Người ta phục hồi công lý đối với người Hòa Lan và nhà vua ra lệnh về sau đối với các hàng hóa mà họ đem đến xứ này không phải trả tiền nhập khẩu, mà chỉ có một quà tặng với vải trải giường Âu châu, thuốc súng và vài thứ khác; hơn nữa họ không phải đưa cái kiện hàng đến kiểm tra ở sở quan thuế. Về việc này linh mục Ferreire nói với tôi rằng thật là liều lĩnh khi đem vào: tràng hạt và các hình ảnh tôn giáo Âu châu; ông ta đưa đến dưới tên của người giám đốc thương điếm của người Hòa Lan. Đối với nhà vua xứ Đàng Trong thì ông không quá xa cách như thế, /416/ ông để cho

dân chúng yết kiến và chuyện trò với họ, đối với người ngoại quốc vẫn thế [1].

Nhà vua xứ Đàng Ngoài và thần dân của ông trong phần lớn hành động của họ đều có phong thái trái ngược với các ông hoàng Âu châu. Những ông hoàng này khi đi biển họ ở đằng lái của con tàu, và vua xứ Đàng Ngoài thì ngồi ở đàng mũi khi ông ta đi thuyền trên kênh đào. Họ giải thích rằng nhà vua phải luôn luôn là người đầu tiên đặt chân lên bờ. Nhà vua có 50 thuyền (Ballon) thếp vàng, mỗi chiếc 60 chèo, đều là người cùng tuổi, họ cùng dở hay hạ chèo cùng một lượt theo hiệu lệnh của người đánh nhịp như một nhạc trưởng. Ông hoàng này nằm đầu quay về hướng cửa phòng mình người Âu châu thì làm ngược lại.

---

[1] Vào thời kỳ Gemelli Careri đi ngang bờ biển xứ Đàng Trong, một người Anh, Thomas Bower, cùng du hành đến Huế, ngày 27-12-1695 và ngày 27-1-1696 ông ta có hai cuộc tiếp kiến Minh Vương. Ông ta nói với chúng ta rằng vị chúa xứ Huế có thói quen tiếp xúc hằng ngày với thần dân mình (xem L.Cadière và M.Mir: Les Européens qui ont vu le vieux Hué: Thomas Bowyears - BAVH, 1920, tr.183 - 240). Vào năm 1644, linh mục Alexandre de Rhodes cho chúng ta thấy chính ông đã làm như thế nào để có thể dễ dàng đến bên Công Thượng Vương: "Vừa khi tôi trở lại xứ này, tôi đã đi tới triều đình (đó là vào tháng giêng tháng hai 1644)... Cuộc viếng thăm của tôi với nhà vua chỉ như là một gặp gỡ tình cờ tạt ngang, bởi vì cung điện của ông còn bề bộn... Như thế, sau khi xem lễ cho các con chiên Thiên Chúa vào lúc trời chưa sáng, tôi trở về lần nữa thuyền của mình; để khi nhà vua đến tìm tôi, tôi sẽ gặp ông ở đó. Điều đó đã thành (sự thật) với tôi, bởi vì nhà vua sáng mai đã cùng tùy tùng đến nơi thuyền tôi đậu, và vì thế tôi đã đến trước nên ông xin phép tôi đến thăm tôi theo tập tục trong xứ". (Relation des progrès de la Foi au Royaume de la Cochinchine - tường trình về tiến triển của việc truyền bá đức tin ở vương quốc Đàng Trong - của linh mục A-de Rhodes - Paris, Sébastien et Gobriel Cramoisy. M.DC.LII, tr.1920). So sánh với: Voyages et Mission du P.A de Rhodes. Ấn bản 1854 - Paris, Jullien, Lamies et (ie, tr.201).

Người Đàng Ngoài viết từ trên xuống dưới và từ phải sang trái, ngược lại với chúng ta (người Âu); họ ghi tên họ ở đầu lá thư như người La Mã ngày xưa. Tôi là ... chào ông, v.v...

Nếu người ta bắt được kẻ trộm trong số người Thiên Chúa giáo thì người ta chém đầu họ không kể hạng nào trong đám cặn bã của dân chúng; và đối với những người đáng giá hơn người ta thắt cổ họ do 12 người kéo dây: Sau đó người ta đốt chân họ để xem người bị hành quyết còn sống hay đã chết.

Người ta in ấn ở Âu châu bằng cách ghép các con chữ với nhau, còn ở Bắc Hà, Đàng Trong và Trung Hoa người ta đặt văn bản trên một tấm gỗ thật phẳng và rồi người ta khắc các chữ với một con dao rất nhọn giống như cách người ta biết và người ta in bao nhiêu bản mà người ta muốn. Người Đàng Ngoài và các láng giềng của họ để cho trang nghiêm hơn.

Khi các ông vua xứ Đàng Ngoài và Đàng Trong muốn cưới vợ họ cho đưa về từ mọi miền trên khắp vương quốc các người con gái phẩm hạnh tốt và đẹp nhất; khi họ đã chọn được những người họ thích họ trả về những người khác. Vua xứ Đàng Ngoài thường có đến 300 (cung phi) người vợ hầu.

Y phục dùng ở xứ này là một áo khoác dài, mũ đội đầu màu đen, cao và tròn; cái của lính và nông dân rủ xuống một chút trên vai. Họ để tóc và râu mọc dài. Đàn bà mặc cùng loại áo khoác đó và dài đến tận chân; tóc họ buông thõng tự nhiên không chăm sóc, và họ để hở mặt. Họ đẹp mặc dù nước da hơi tối, và họ rất thích người ngoại quốc.

Người Đàng Trong không hề ghen tuông và không mấy lo lắng về đàn bà; họ trao đổi đàn bà ngay cả với người ngoại quốc, và làm quà tặng cho những ai họ coi trọng. Người Ấn Độ gần như tất cả cùng làm như thế: họ dễ dàng để cho đàn bà ra ngoài và đi bất cứ đâu mà cho là tốt. Người ta nói rằng đối với

những người đàn bà không muốn ra ngoài để đi chơi với chồng thì người ta cho họ một trái cây tên là dontroua, trái này không lớn hơn trái sơn trà (nefle), dần nó hoặc làm tan trong rượu hâm nóng 5 hoặc 6 giờ và làm cho ngủ say. Đàn ông cho đàn bà uống thứ này để dễ thực hiện lòng ham muốn của mình nhờ cơn say loại này.

Các sắc dân này sùng bái thần tượng, nhưng cũng dễ cải đạo và khi họ đã một lần cải đạo họ rất kiên trì trong tín ngưỡng của mình /419/. Linh mục Ferreira đã quả quyết với tôi rằng trong lần nhà vua ngược đãi ông và đạo Thiên Chúa cách đây vài năm, ông phải đi lang thang đây đó không định hướng, các con chiên Thiên Chúa giáo (nông dân) bản xứ cùng với vợ con họ trong suốt tháng đi từ tỉnh này sang tỉnh khác để xưng tội và nghe lễ mi-sa. Các con tin cuồng tín này không chu đáo như con tin người Indostan, họ ăn tất cả mọi thứ thịt, ngay cả thịt chó, thịt mèo.

Vương quốc Đàng Ngoài là một xứ bằng phẳng như xứ Lombardie và rất phì nhiêu. Xứ này chia thành 8 tỉnh; được biết: Sơn Đông, theo tiếng địa phương; tỉnh mặt trời mọc, Sơn Nam, tỉnh phía nam, Sơn Bắc, tỉnh phía bắc; Sơn Tây, tỉnh phía tây, Nghệ An và Bocin, một nửa tỉnh này thuộc về xứ Đàng Trong, con sông Songen chia ranh giới; tỉnh thứ bảy là Souaquan và tỉnh cuối cùng là Taynguien [1].

---

[1] "Tám tỉnh" này của vương quốc Đàng Ngoài vào cuối thế kỷ XVIII (bằng chữ quốc ngữ) là: xứ Đông, xứ Nam, xứ Bắc, xứ Tây, Nghệ An, Bố Chính, xứ An - Quang và Thái Nguyên. Nhà du hành cung cấp cho chúng ta tên thông dụng của các tỉnh, nhưng ông ta được linh mục Ferreira chỉ dẫn kỹ lưỡng: Bố Chính nhìn chung là thuộc trong tỉnh Nghệ An. Nhưng nó có một trấn thủ, nên người ta coi xứ này như một tỉnh, nhất là nó quan trọng trên phương diện quân sự - "Songen" Sông Gianh, đây là một tên thông dụng nữa, dùng để chỉ con sông chia cách các xứ của Chúa Nguyễn với

Kinh đô, nơi nhà vua cư ngụ, được gọi là Kecho, và cách biển bốn ngày đường, từ đó người ta có thể đi bằng thuyền Ballon. Nhà của nó thấp và làm bằng tre có ở khắp các cánh đồng /420/. Linh mục Ferreira nói với tôi rằng cây (tre) này hằng năm cho một loại hạt đen, nông dân dùng làm bánh (?) Kinh thành lớn và dân đông, ở đó có 3 con đường dài 3 dặm, và nhiều chợ tốt. Vương quốc có dân số không kể xiết, và vì thế thường xảy ra các cuộc nổi dậy, thật là hiếm thấy trong một năm mà người ta không giết một vài tướng giặc: chính vì thế mà nhà vua rất giấu mặt. Nhà vua Baou [1], trong xứ này người ta thấy nhiều xạ hương (musé) và vua xứ Lao [2], vương quốc này nhiều voi, cả hai đều là xứ triều cống của vua xứ Đàng Ngoài.

Xứ Đàng Trong người ta gọi theo tiếng địa phương là Tlaon - Kuang, chia làm 5 tỉnh: được biết Moydin, Dincat,

---

vương quốc Bắc Hà: tên hành chính của nó là Linh Giang. Về tỉnh An - Quang, sau đây là các chỉ dẫn của một vài tư liệu đương thời: "Các linh mục dòng Franciscains gần như là thuộc tỉnh xứ Đông: Hải Dương, một tỉnh nhỏ tên là An Quang tiếp giáp với Trung Hoa về phía biển". (A.Launay: Histoiriques - Lịch sử của sứ mạng (truyền giáo) ở Bắc Hà. Tư liệu thuộc năm 1701 - 1702. Tỉnh An Quang hiện nay là Quảng Yên) .

[1] "Vua xứ Baou". Hiện nay là các tỉnh Hưng Hóa, Tuyên Quang, phong cho Vũ Công Mật vào thế kỷ XIV.

[2] "Vua xứ Lào". Đây là một vài chỉ dẫn về vương quốc Lào, do linh mục dòng Tên: Léria cung cấp, người đã nhiều năm rao giảng Thánh kinh ở đây": "Các vương quốc tiếp giáp với vương quốc Lào là: xứ Trung kinh (Đông kinh) và xứ Đàng Trong ở về phía Đông Bắc; phía đông tiếp giáp với xứ Champar (Champa) chia cách bởi một sa mạc và các rặng núi; Camboya (Cambốt) và Siou (Siam) tiếp giáp ở phía Nam, và Pegu tiếp giáp ở phía Tây; phía Bắc nó tiếp giáp với vương quốc Lu (hay nói đúng hơn là tỉnh Lunnan của Trung Quốc) - (Prèface sur la description de l'Empire de la Chine - Lời tựa về bản miêu tả vương quốc Trung Hoa - tr.33; trong: Relations de divers voyages curieux (Tường trình về các cuộc du hành kỳ lạ của Melchisedec Thevenot - Paris, nhà Thomas Moette, M.D.XCVI, Tập II).

Kegué, Tlenquan và Fumoy [1]. Nhà vua dựng dinh cơ trong thành phố Champelo, cách một ngày đường biển, trong tỉnh Kegué hay Kehoe ý nói Hoa [2]. Thành phố này lớn, nhiều dân

---

[1] Theo phiên âm thông thường, các tỉnh của vương quốc Đàng Trong vào thế kỷ XVII là: Mười Dinh, Dinh Cát, Kẻ Huế, Trấn Quảng, Phủ Mới. Đây cũng là những cái tên thông tục.

Mười Dinh, Cái dinh 10, tỉnh thứ 10, đó là Quảng Bình. Tên Dinh Mười ngày nay còn chỉ tên một làng ở phía nam tỉnh Quảng Bình - Dinh Cát hay Cát Dinh, trại tỉnh Cát; tên hành chánh Cựu Dinh, Dinh xưa, đó là vùng trung tâm Quảng trường kẻ Huế "người Huế" tên hành chính: Chính Dinh, "trại, dinh, Tỉnh Chính" = Thừa Thiên - Trấn Quảng" người cai quản quân sự của Quảng Nam" chỉ tỉnh Quảng Nam hay có thể Quảng Ngãi và Bình Định, vào một vài thời kỳ thuộc thế kỷ XVII, và theo một vài quan điểm hình như sát nhập vào Quảng Nam - Phủ Mới. Chỉ các xứ kế cận vương quốc Champa và mới thu phục: Phủ Yến, phía bắc Nha Trang.

[2] Luận điểm của Gamelli Careri thích hợp với 2 kiến giải: Hoặc là "Champello" chỉ định thành phố thường gọi là accciam, Kẻ Chàm, nghĩa là thủ phủ xứ này vào thế kỷ XVII trong vùng tiếp cận thành Quảng Nam hiện nay; và vua xứ Đàng Trong, trong trường hợp Hiền Vương hay Ngãi Vương, đã dựng dinh thự của mình ở đây, ít nhất cũng là một thời gian. Hoặc là người ta nói về dinh thự của các vua xứ Đàng Trong, tọa lạc trên địa phận làng Kim Long vào thời Công Thượng vương (1635 - 1648) và Hiền Vương (1648 - 1687) và rồi Ngãi Vương dời đến Phú Xuân năm 1688; người ta gọi dinh này - tôi nói - tức là Huế hiện nay, cái tên Champelo - Sự việc mua xứ Đàng Trong cư ngụ ở thủ phủ của tỉnh Quảng Nam hình như là điều mà nhà du hành của chúng ta muốn nói. Xa hơn, ông còn nói với chúng ta: "Champelo, kinh đô xứ Đàng Trong và người Trung Hoa gọi là Sayfo, và con sông dẫn đến đó là ở phía nam xứ Taran (Tourane)", từ đó một con sông khác, thuyền nhỏ đi được cũng dẫn đến Champa. Các chi tiết này chứng tỏ rằng đối với Gamelli Careri, Champelo là thủ phủ của tỉnh Quảng Nam và không phải là Huế, và chính ở nơi này vua xứ Đàng Trong cư ngụ. Lại nữa, G.Careri cung cấp cho chúng ta các chỉ dẫn mà ông lấy từ các linh mục Ferreira và Candone, nhất là người sau đã cư ngụ lâu ở Đàng Trong. Quan điểm này thật ra không phải mới mẻ. Linh mục Cadim đã trình bày nó vào giữa thế kỷ XVII. Tóm tắt các biến cố bước đầu truyền giảng Thánh kinh ở vương quốc Đàng Trong năm 1629; linh mục đã nói với

như trên toàn vương quốc mặc dù nhiều núi. Vương quốc này cũng như vương quốc Đàng Ngoài được tưới nước do nhiều con sông, chúng làm cho các xứ này nhiều lúa và (mía) đường. Vương quốc Đàng Ngoài là xứ nhiều lụa hơn nhưng xứ kia (Đàng Trong) lại lợi thế về tiêu, xạ hương, vàng và quế và nhất là yến sào. Nhưng món cuối cùng này mà người ta thu lượm vào mùa hè, thuộc về Hoàng hậu cho các món chi tiêu vặt vãnh; và thần dân không được buôn bán thứ này, cũng như trầm hương (Calumbouch) thì được dành cho nhà vua. Người ta tìm thứ gỗ thơm này từng mảnh nhỏ trong lòng một vài cây khi nó bị mục.

Ở hai vương quốc này người ta tìm thấy nhiều dưa, dừa, thơm, chuối, jaccai và các trái khác của Ấn độ. Người Đàng Trong hái về nhà lá của một loại cây mà họ gọi là Thé hay Cha, có tính chất làm cho mập những ai dùng nó, và đó là tại sao nhà vua cấm lính của mình dùng thứ này.

*
* *

CHƯƠNG XII

Hành trình tiếp tục của tác giả cho đến Macao.

---

chúng ta: "Các linh mục của chúng ta đành bỏ bốn ngôi nhà mà họ đã xây dựng ở vương quốc này tại Turan (Tourane), ở tại Faifo, tại Caciam (xung quanh thành Quảng Nam hiện nay) đó là nơi có triều đình của nhà vua, và tại Nureman (nước mặn) hay Pullocambi (tỉnh Quy Nhơn hiện nay)" (Relation de ce qui s'est passé depuis quelques années, Jusques à l'an 1644, au Japon, à la Cochinchine... Tường trình về những gì xảy ra từ vài năm nay đến năm 1644 ở Nhật Bản, ở xứ Đàng Trong... do linh mục François Cardium... Paris, Mathurin Henault, M.DC.XL.VI; số hiệu thư viện quốc gia: $Oo^2$143, tr.96).

Không cần phải lưu ý rằng kiến giải mà G.Careri cung cấp: "Kehoe, Huế, Hoa: fleurs" là sai lầm.

Ngày thứ năm, 28, chúng tôi đến gần hòn đảo /422/ Poulcatan cách Poulcandor 300 dặm. Từ nơi này người ta bắt đầu đi qua vịnh Haynan, để đi tìm các đảo Macao, có cùng khoảng cách. Poulcatan có 2 dặm chu vi, do dân Đàng Trong cư ngụ, và vào một vài thời gian có một viên quan cai quản, nó gần đất liền và gần ngọn núi được người ta gọi là Yên Ngựa.

Từ Poulcatan sau khi đi 50 dặm để ra khỏi vùng nước nông, và cũng sau đó ít lâu chúng tôi đi theo hướng Bắc. Con sông dẫn đến Champelo, kinh đô xứ Đàng Trong, và người Trung Hoa gọi là Sayfo, ở bên kia một chút hòn đảo chúng tôi vừa nói - xa hơn về phía bắc còn có một hòn đảo nữa gọi là Taram [1].

Ngày thứ sáu, gió thuận tiếp tục thổi, và chúng tôi thực hiện nhiều lộ trình nhưng thuyền không tròng trành dù biển

---

[1] "Saifo" - một vài tư liệu thế kỷ XVII và XVIII có cách viết này cho Faifo bởi vì vào thời kỳ này có sự giống nhau giữa 2 chữ s và f.

"Taran", Tourance. Các tàu lên đến thủ phủ tỉnh Cacciam, gần Quảng Nam hiện nay, bằng cách đi qua hoặc là theo nhánh sông ở Faifo, hoặc là theo nhánh ở Tourance. Đây là cách mà người Hòa Lan đương thời miêu tả các vị trí đó: "Thật là một điều không tưởng tượng được khi thấy một lượng lớn các hải cảng đẹp ở xứ Đàng Trong. Trong vòng 60 dặm bờ biển người ta đếm được 60. Cảng rất đẹp và an toàn. Cảng nổi tiếng nhất là cảng của tỉnh Caccian; người ta vào đó bằng hai cửa của cùng một con sông; mà một gọi là Pelu-ciam bello, cửa kia là Turon; chúng cách nhau tám dặm đường chúng hợp lại tạo nên một con sông đẹp trên đó người ta thấy một số lượng lớn tàu của Trung Hoa, Nhật Bản, Philippines, và nhiều nơi khác, chúng đến đây là do các chợ phiên rất nổi tiếng của xứ này mỗi năm có từ 3 đến 4 tháng. Nhà vua cho phép người Trung Hoa và người Nhật Bản xây dựng ở mũi của đảo này một thành phố gọi là Fufo" (L'Ambassade de la Compagnie Orientale des Provinces Unies vers l'empereur de la Chine... Sứ bộ của phái đoàn Phương Đông của các tỉnh liên hợp gởi đến hoàng đế Trung Hoa - của Jean Nieuhoff, Jean le Carpentier, Leyde, Jacob de Meurs, 1665, tr.59 - thư viện Méjanes - Aix-en - Provence, D.19).

sóng lớn. Chúng tôi rất sợ hãi khi ở trong vịnh của các cơn bão tố, chúng thổi dữ dội mọi phía, cuốn đi không những cột buồm mà cả người nếu họ không được che chở. Phương thuốc cấp thời trong trường hợp này là cắt cột buồm, để cho trôi dạt mà phó mặc Thượng đế; vì điều xấu là dữ dội và trong chốc lát nhận chìm tàu tận đáy hay vứt chúng lên bờ xứ Đàng Trong và không thể nào đứng dậy được.

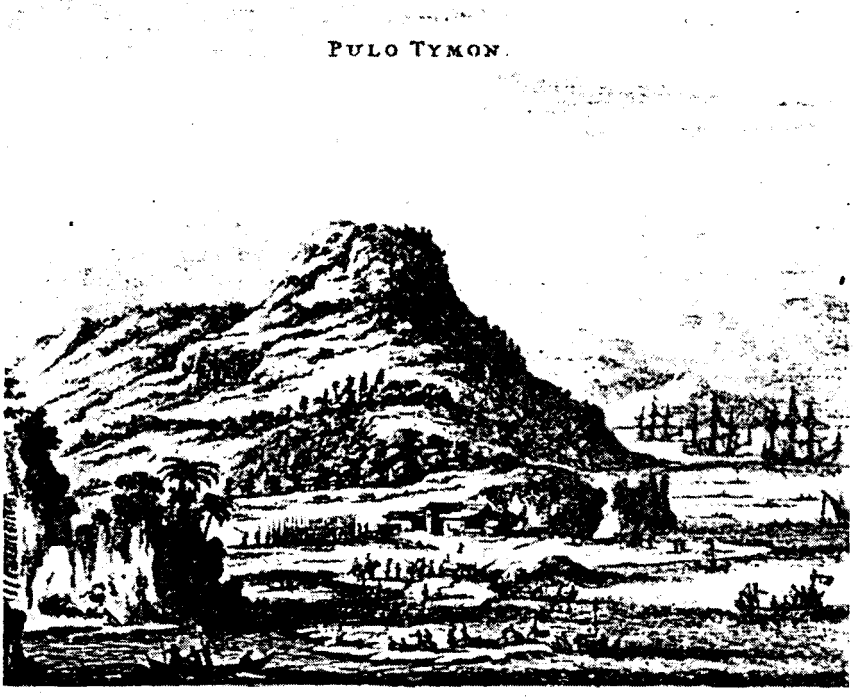
Ngày thứ bảy, cơn gió kéo dài đến tận trưa, và sau đó trở nên thuận lợi hơn, và làm chúng tôi tiến lên phía trước rất nhiều. Cũng như thế trong ngày chủ nhật; và ngày thứ hai 1-8 chúng tôi đến trước mặt đảo Haynan, thuộc tỉnh Canton; từ đây bắt đầu bờ biển sông Bắc Hà mà người ta gọi là Bassa, là do bảy làng ở kế cận đó [1] ".

---

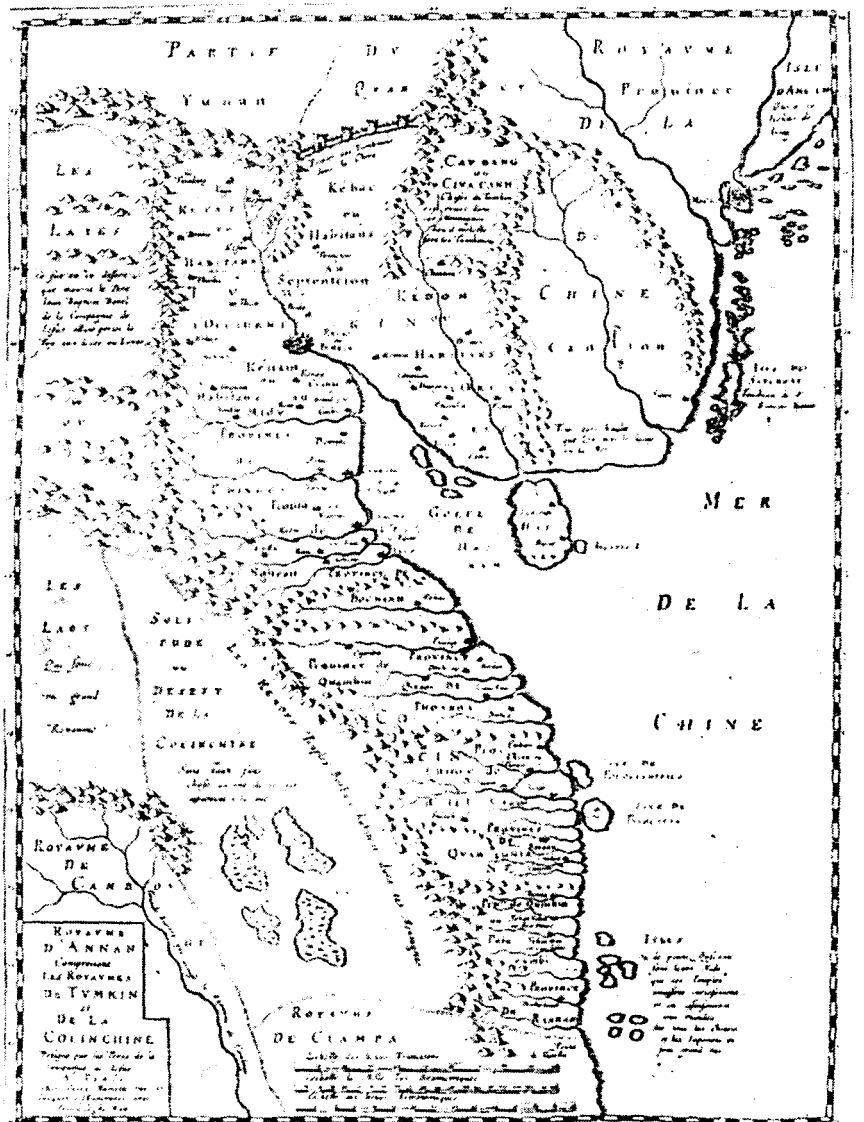
[1] Bassa. Đây là những gì Dampier nói: "Các hoa tiêu mà người ta dùng để vào con sông này (của xứ Bắc Hà, dẫn đến kinh đô của vương quốc này) đều là dân chài lưới, ngụ ở một làng tên là Batcha tại cửa sông. Nó ở một vị trí thế nào mà họ có thể thấy các tàu đang chở hoa tiêu và có thể nghe được tiếng đại bác mà các người (Tây phương) Âu châu thường bắn để cho biết họ đến. (Trích dẫn do Charles Maybon: Histoire moderne du Pays d'Annam" - Lịch sử cận đại Việt Nam - tr.407. Maybon thêm một cách viết khác của danh xưng này: "Basta", trong các bản đồ mới, đúng là Bạch Sa, huyện Tiên Lãng.)



LXIII. *Gemelli Careri.*



LXIV. *Đảo Pulo Tymon.*



LXV. *Đàng Ngoài và Đàng Trong.*

VIỆC THỜ PHỤNG MỘT VIÊN CÔNG SỨ Ở QUY NHƠN

VOLNY - DUPUY

ĐÓ là ngày Tết, nghĩa là ngày nghỉ. Vào tháng hai này ở Quy Nhơn nhiệt độ ôn hòa - Lợi dụng buổi chiều tự do này tôi đi dạo trên đại lộ phi lao, lúc này thật vắng vẻ. Sau khi qua khỏi bức tường của nhà thương một chút tôi ở vào tầm của miếu Cá Ông.

Miếu này ở trên một khoảng đất bằng có bóng mát nhô về phía biển và như ngăn bãi biển về phía này.

Tôi thường đến cái góc này của Quy Nhơn nhưng chỉ là lần đầu tiên tôi chú ý một ngôi nhà nhỏ tường đất trộn rơm quét vôi trắng, có mái rạ che kín và hình như không thuộc về cái miếu bởi vì bên ngoài không trang trí.

Cửa vào hé mở, tôi tò mò muốn biết tại sao và làm thế nào mà chòi tranh này nằm ở đây một mình và hướng ra biển.

Tôi thấy nơi đây một người Việt ăn mặc tề chỉnh đang đốt giấy vàng bạc.

Được hỏi người chức sắc trẻ tuổi trong làng này cho tôi biết anh ta được đề cử, trong ngày đầu năm âm lịch này, đến cúng để tưởng niệm một viên công sứ đã chết. Đó là thắp hương trên một bàn thờ nhỏ sơ sài và đốt giấy vàng bạc. Hơn nữa anh ta nói cho tôi biết rằng hằng năm người ta tân trang

các đồ vật làm bằng giấy thấy treo trên các sợi dây ở hai bên bàn thờ. Ở bên phải thấy có y phục Âu châu bằng giấy làm rất khéo, như: mũ cối, áo nẹp trắng, giày màu vàng, gậy chống v.v... ở phía kia, y phục Việt Nam bằng giấy màu như người ta thường thấy trong các tang lễ Á Đông.

Việc thờ cúng này đối với một trong những người tiền nhiệm của tôi không phải là không làm cho tôi ngạc nhiên và tôi thử kiếm thêm nhiều chi tiết về các tình huống tạo nên việc này, nhưng viên chức sắc trẻ này kết thúc cuộc lễ và không còn gì nữa xảy ra; anh ta không thể nói thêm gì nữa với tôi. Tuy nhiên thấy tôi nóng lòng muốn hỏi anh ta chỉ cho tôi người bô lão cựu nhất làng có khả năng chỉ dẫn cho tôi.

Từ đó, trí tò mò của tôi được kích động, tôi tiến hành điều tra, đã biết các nguyên nhân về việc thờ cúng đối với một công sứ tỉnh Bình Định.

*
* *

Trước hết, tôi tiếp xúc với viên trưởng hội đồng hương chánh làng Chánh Thành và dưới đây là lời kể của ông ta, theo lời các bô lão, với tôi mấy ngày sau:

"Ông Khâm sứ, người phụ tá và viên giám thủ thương chánh đi bắn chim bằng thuyền gần làng Quy Hòa. Nhưng rồi biển động mạnh, thuyền chìm, 3 viên chức chết đuối cùng với người bồi Bắc Kỳ. Sau đó 3 xác được vớt và chôn ở nghĩa trang Âm Hồn, ở phía dưới của hotel Anjiani, sau đó dời về nghĩa địa người Pháp.

"Ngư dân thường nằm mộng thấy oan hồn của những người chết đuối: họ mơ thấy ông công sứ nói với họ rằng ông lạnh và đói, xin họ áo quần và thức ăn.

"Từ đó họ có ý định dựng miếu để làm nơi yên nghỉ cho các linh hồn chết đuối và từ đó (một năm sau khi xảy ra tai nạn) họ lại được yên ổn không gặp ác mộng nữa".

Họ không thể cung cấp tên của viên công sứ mà họ vẫn thường nhớ tới. Nơi miếu không có ghi chữ gì, tôi có hỏi những nhân chứng chứng kiến tai nạn. Tất cả những ngư dân lúc đó cũng nói với tôi như thế.

Tôi có hỏi một gia đình người Trung Hoa cư ngụ ở Quy Nhơn đã lâu đời, và sau đây là lời một người trong gia đình này kể.

"Lúc tôi 8, 9 tuổi, tôi có nghe kể về một tai nạn đi biển đối với ông công sứ, viên phụ tá và người hầu. Họ đi săn ở phía nam vịnh Con Gà (Baie des Cogs) biển động mạnh sóng lớn chung quanh họ và trước khi họ định hướng thuyền thì một con cá voi đã dùng đuôi đánh chìm thuyền họ".

Không có điều gì rõ ràng về ngày xảy ra tai nạn cũng như về tên của các ngư dân.

Tuy nhiên, theo tuổi của người Trung Hoa nói chuyện với tôi, gần 3 năm sau tôi có dịp tìm kiếm trong các cuốn sổ hộ tịch. Cũng có được ít gì nhưng cũng chẳng được là bao.

Sau đó tôi tìm đến Lòng Sông, cách Quy Nhơn 10 cây số, nơi đó có nhà thờ Tư tế Giáo đoàn. Sau khi trình bày mục đích thăm viếng của tôi, Đức Cha bề trên Grangeon bèn cho gọi linh mục Panis, người đã cư ngụ ở Bình Định gần 40 năm, là người duy nhất có thể nói về điều mà tôi muốn biết.

Những kỷ niệm của cha Panis rất nhiều, mặc dù tuổi tác đã cao, ký ức của ông vẫn còn minh mẫn. Sau đây là mấy lời ngắn gọn ông nói với tôi: "Ông Guiomar đã chết đuối cùng với viên bí thư của mình ở cửa biển Quy Nhơn khi sắp ăn trưa

trên một chiếc thuyền. Ông De la Rozière nhân viên quan thuế, và vị bác sĩ đã sống sót nhờ bơi được.

Tôi đã làm lễ an táng các ông Guiomars và Borgaard trong nghĩa địa người Âu ở Quy Nhơn.

Ông Eudel từ Phú Yên đến dự tang lễ và trở về điều hành tỉnh Bình Định.

Linh mục Panis nói tiếp với tôi rằng vịnh Quy Hòa khá nguy hiểm vì những cơn nước xoáy tạo ra ở đây do thủy triều, và cẩn thận hơn là chỉ đi chơi ở đây vào lúc thủy triều cao. Đó chính là điều giải thích lời kể của người Trung Hoa, theo đó chiếc thuyền đã bị đánh chìm do đuôi của một con cá voi, giống một loại nước xoáy.

Đằng khác, sau đây là điều mà chúng tôi đã thu lượm được trong hồ sơ lưu trữ của tòa khâm sứ.

Ông Guiomar, công sứ Pháp ở Quy Nhơn, nhận nhiệm vụ ngày 20-12-1888. Ông là vị công sứ thứ 3 kế tục các lãnh địa trong ngôi nhà xây cho họ trong khu nhượng địa, từ chức lãnh sự ông trở thành công sứ năm 1886.

Ngày 6-3-1890 ông Guiomar và bí thư của mình chết đuối vào lúc 3 giờ 15 phút buổi chiều ở Quy Hòa, tổng Dương An, huyện Thủy Phước, tỉnh Bình Định, đó là theo như trong giấy khai tử.

Chúng tôi không thể tìm thấy do căn cứ vào đâu mà các bô lão làng Chánh Thanh cho rằng ba viên chức đã chết đuối ngày hôm đó. Vào ngày đã ghi chúng tôi chỉ tìm được hai giấy khai tử của các ông Guiomar và Borgaard (bản phụ lục số 2 và 3). Vậy là nguồn tin An-nam đã sai lầm, vì nếu có một người chết thứ ba đáng thương xót thì chúng tôi đã tìm thấy dấu vết.

Hơn nữa, linh mục Panis quả quyết rằng chính ông ta an táng hai đồng bào của mình.

Nói rằng những người chết đuối trước hết được chôn ở nghĩa địa âm hồn là có quyền giả thiết rằng ngư dân đã bắt đầu việc thờ cúng của họ ở nghĩa địa này để chờ ngôi miếu làm xong, điều này đáp ứng với tín ngưỡng của họ.

Việc đó hình như tương hợp với đoạn cuối của lời tường trình của họ: "Từ đó họ có ý định dựng miếu này để các linh hồn người chết đuối được yên nghỉ, và từ đó (một năm sau tai nạn) họ lại được yên ổn không còn gặp ác mộng nữa".

Việc mai táng diễn ra ngày hôm sau ngày xảy ra tai nạn tại nghĩa trang người Pháp trước sự hiện diện của các giới chức quan lại và công sứ Sông Cầu, ông Eudel, linh mục Panis nói như thế.

Điều đó được xác nhận do một điện tín Sông Cầu gởi cho người cai quản Tòa công sứ Quy Nhơn vào ngày 7-3-1890 như sau: "Công sứ Eudel ra đi chiều nay trên chiếc Comète để dự tang lễ" (Xem về sau bản các biến cố này).

Tại nghĩa trang, mộ phần hình bán nguyệt không làm nghi ngờ gì về số lượng các nạn nhân. Thật thế, nó chỉ có thể chứa 2 ngôi mô.

Chiếc bia đá của ông Borgaard có chữ khắc trên một tấm bảng sa thạch xám chống chọi được với nắng mưa. Câu lạc bộ Hà Nội chịu các phí tổn.

Mồ của công sứ Guionar không được như thế. Theo thư từ được tìm thấy hình như giới chức bản xứ có đứng ra thực hiện một cuộc lạc quyên.

Trên chiếc mồ bên cạnh mộ của Borgaard không có bia đá. Tuy nhiên không nghi ngờ đó không phải là mồ của công sứ Guionar bởi vì cả hai đều nằm trong vòng tường xây hình bán nguyệt.

Các dấu vết chữ Hán khó nhìn thấy trên đá vôi bao trùm di hài ông Guiomar nên chúng tôi không thể chép chúng ra được...

Các cuộc tìm kiếm thực hiện ở kinh thành Bình Định nhờ sự ân cần giúp đỡ của ngài Vương Tử Đại, tổng đốc tỉnh này, cho phép tìm lại được một vài tư liệu liên quan đến việc xây dựng mộ của các ông Guiomar và Borgaard. Chúng tôi tái tạo chúng ở đây với các số 4, 5, 6, 7, 8.

Chúng tôi có thể chụp ảnh các ngôi mộ mà chúng tôi tìm thấy trong nghĩa trang sau khi nhổ hết cỏ dại. Cũng thế chúng tôi có thể cung ứng cho độc giả hình ảnh ngôi mộ đôi này hiện nay sau khi đã trùng tu. Ông Guiomar chỉ giữ chức vụ này 14 tháng tại Quy Nhơn. Phải chăng có thể gắn cho các nghĩa cử nhận được từ vị quan này lòng tôn kính thờ phụng vì biết ơn của ngư dân làng Chánh Thanh? Hay phải chăng đó chỉ là kết quả của một vài tưởng tượng giản đơn khích động một số biến cố bất ngờ không tiên liệu được? Tất cả đều không thấy ghi trong hồ sơ của làng cũng như truyền thống đã làm lệch lạc các biến cố trong khoảng thời gian gần 40 năm.

Không hiếm tồn tại một thói quen thờ phụng mà ý nghĩa đối với chúng ta có thể là cổ lỗ và ngay cả ấu trĩ.

Nhưng nếu việc thờ cúng này hoặc tục lệ này đã đi vào trong các đặc quyền của các chức sắc ngôi làng đánh cá nhỏ bé này và có một ý nghĩa lớn đối với họ và nếu việc thờ cúng hằng năm đã từ 40 năm đối với họ còn có thêm một giấc ngủ nặng nề thì chúng ta không nên lấy đó làm trò cười. Phải thấy trong việc thờ cúng này, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, một trong khá nhiều biểu hiện của tinh thần Việt Nam khó mà khám phá hết mọi tính chất phức tạp của nó.

BẢN PHỤ LỤC SỐ I

Danh sách các vật dụng dâng cúng thấy trong ngôi miếu ở Quy Nhơn dựng lên bên cạnh miếu Cá Ông, để an ủi linh hồn của Khâm sứ Guiomar.

1 mũ thiết triều của nhà vua

1 mũ trạng nguyên

1 mũ bình thiên

1 mũ kim khôi

1 mũ thái giám

1 mũ "ông" (có thể là mũ của thần Quan Thánh - người Trung Hoa và người Việt đều tôn thờ vị thần mặt đỏ này).

1 mũ quan văn

7 bộ y phục

7 đôi hia

5 "cái dải" (Theo viên chức sắc liệt kê danh sách này thì đây là dải mũ).

1 mũ cối trắng

1 đôi giày vàng

1 bộ đồng phục trắng của khâm sứ

1 gậy chống

7 "phụng kiều" (nón đàn bà Việt Nam)

1 nón thượng (nón này tròn thấy ở Bắc Kỳ - đàn bà Bắc Kỳ đội nó. Ở Trung Kỳ, các bà chỉ đội nó trong dịp đám cưới).

7 đôi giày đàn bà Việt Nam

7 cái túi xách đàn bà Việt Nam

7 quạt của đàn bà Việt Nam

7 bộ y phục của đàn bà Việt Nam

1 đôi "co" (kết hợp với cuộn vàng và bạc)

1 đôi ngựa.

BẢN PHỤ LỤC SỐ 2

Chứng từ tử vong của ông Guiomar (Edmond - Etienne Gustave). Ngày mồng 7 tháng 3 năm 1890. Chứng từ tử vong (giấy khai tử) của ông Guiomar, Edmond, Etienne, Gustave, Trưởng phòng tổng văn phòng Đông Dương, Phó công sứ Pháp, cư ngụ ở Quy Nhơn (Trung Kỳ An-nam) và trước đó ở Paris (Seine), đường Mayran, số 9, chết ngày 6 tháng 3, 1890 lúc 3 giờ 15 phút chiều ở Quy Hòa, tổng Dương An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Trung Kỳ), ở tuổi 45, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1845 ở Pontrieux, thuộc Côtes-du-Nord, con trai của Auguste Antoine-Marie và của Louise-Elisa-Angustini, chồng của Marie-Clémentine-Guérin.

Theo sự khai báo với chúng tôi của ông Crochet André-Gerges, đại diện hãng Messageries Maritomes, 26 tuổi, ngụ ở Quy Nhơn, người này nói là bạn của người chết, và ký tên sau khi đọc.

Xác nhận do chúng tôi, Gustave Agen, Chưởng ấn (Chancelie) thay thế ở tòa công sứ Pháp Quy Nhơn, giữ nhiệm vụ Hộ tịch thay thế chức vụ của Phó công sứ đã chết.

Các chữ ký theo sau là:

CROCHET AMY

AGEN

(Chữ ký cuối cùng này ở trên con niêm Tòa công sứ Quy Nhơn, thuộc chính quyền bảo hộ Trung Kỳ và Bắc Kỳ).

BẢN PHỤ LỤC SỐ 3

Chứng từ tử vong của ông Borgaard (Branlis - Heuri).

Ngày mồng 7 tháng 3 năm 1890. Chứng từ tử vong của ông Borgaard (Branlis - Heuri) tham biện tòa công sứ hạng nhất, cư

ngụ ở Quy Nhơn (Trung Kỳ), và trước đó ở Pháp tại Paris (hoặc Seine), đại lộ Marigny số 25, chết ngày 6 tháng 3 năm 1890 lúc 3 giờ 15 phút chiều, ở Quy Hòa, tổng Dương An, huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định (Trung Kỳ) ở tuổi 33, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1857 ở Bordeaux, đường Concorde N^{0}6 - Độc thân.

Theo sự khai báo với chúng tôi của ông Crochet (André Georges), đại diện hãng Messageries Maritimes, 26 tuổi, ngụ ở Quy Nhơn, người này nói là bạn của người chết; và của ông Army François Charles, kiểm sát viên, trưởng phòng quan thuế và Thương chính, ngụ ở Quy Nhơn, 35 tuổi, người này nói là bạn của người chết, và ký tên sau khi đọc.

Xác nhận do chúng tôi, Gustave Agen, Chưởng ấn thay thế ở tòa công sứ Pháp tại Quy Nhơn, giữ nhiệm vụ Hộ tịch thay thế chức vụ của Phó công sứ đã chết.

Các chữ ký theo sau là:

CROCHET AMY

AGEN

(Chữ ký cuối cùng này ở trên khuôn dấu của Tòa công sứ Quy Nhơn, thuộc chính quyền bảo hộ Trung Kỳ và Bắc Kỳ).

BẢN PHỤ LỤC SỐ 4

Chính phủ Nam triều
Tỉnh Bình Định
Văn phòng Tổng đốc
N^{0}17

Bình Định, ngày 1 tháng 12 năm 1929

Tổng đốc Bình Phú gởi ông công sứ Pháp quốc ở Quy Nhơn

Kính thưa ông công sứ,

Mới đây, quý ông đã vui lòng yêu cầu chúng tôi gởi tặng phẩm điếu tang nhân dịp an táng các ông Guiomar và Borgaard, chết năm 1890 và chôn ở Bình Định.

Các cuộc tìm kiếm trong các hồ sơ lưu trữ cho chép chúng tôi lượm lặt các chỉ dẫn sau đây:

Ngày 21 tháng 2 năm Thành Thái thứ 2, Cơ Mật viện điện cho tỉnh yêu cầu bảo đảm các tang lễ của ông Phó Khâm sứ và ông Cưu, chưởng ấn ở Quy Nhơn.

Tuy nhiên trong đêm 16, khi vừa nghe tin dữ này, người tiền nhiệm của chúng tôi đã cử các ông Bố chính, Án sát và Lãnh binh với nhiệm vụ đến tôn vinh các viên chức tử vong này. Ông đã mua ván gỗ đóng hai chiếc quan tài. Việc khâm liệm được thực hiện tốt đẹp. Tỉnh đã dâng cúng 2 cây đèn sáp lớn. Ngày 18 là ngày an táng, hoàn tất theo nghi lễ: với cờ, trống, lọng và bàn thờ do lính nội thành và dân chúng ở các làng lân cận mang giữ, y phục đại lễ, tạo thành đoàn rước.

Ngày 26 cùng tháng, tỉnh đã tường trình với Cơ Mật viện nguyên bản các văn bản liên quan việc này còn được xếp trong hồ sơ lưu trữ, riêng bức điện tín của hội đồng này không tìm thấy.

Tổng đốc, VƯƠNG TỨ ĐẠI

BẢN PHỤ LỤC SỐ 5

Chính phủ Nam triều
Tỉnh Bình Định
Văn phòng Tổng đốc
N°69

Bình Định, ngày 1 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 3

Kính thưa ông Công sứ,

Trước đây, quý ông đã nói với chúng tôi rằng vào năm 1890 hai viên chức khả kính (các ông Guiomar và Borgaard) đã qua đời; tỉnh đã có tặng phẩm dâng cúng và đã quyên tặng một số tiền để xây các ngôi mộ và quý ông đã yêu cầu chúng tôi trình báo về các sự việc này.

Với bản tường trình số 17 của chúng tôi, chúng tôi đã cung cấp một vài chỉ dẫn về các sự việc này.

Chúng tôi đã ra lệnh tìm kiếm thêm, hiện nay chúng tôi đã tìm thấy ba bản chính: một thư đề ngày 26-2 năm Thành Thái thứ hai, một văn bản khác đề ngày 15 tháng 5 năm Thành Thái thứ 2; một văn bản thứ ba đề ngày 14 tháng 5 năm Thành Thái thứ 2. Chúng tôi đã cho chép lại ngay và đính kèm gởi quý ông để dùng khi cần.

Đó là lời trả lời trân trọng của chúng tôi.

Tổng đốc
VƯƠNG TỬ ĐẠI
Triện nhỏ của Tổng đốc

TB: Hai văn bản liên quan đến việc xây dựng các ngôi mộ tỉnh chúng tôi mới tìm thấy.

BẢN PHỤ LỤC SỐ 6

Ngày 26 tháng 2 năm Thành Thái thứ 2

Ông Nguyễn ...., Thị lang, giữ chức tổng đốc các tỉnh Bình Định và Phú Yên.

Gởi quý ông thành viên Hội đồng Cơ Mật ở Huế.

Ngày 21 tháng này, bằng điện tín quý ông đã yêu cầu chúng tôi bảo đảm các tang lễ của ông Vy, Công sứ Pháp và ông Cau, Chưởng ấn ở Quy Nhơn.

Tôi được vinh dự trình với quý ngài biết rằng đêm 16 tháng này khi vừa nghe sự việc tỉnh tôi liền mua 2 chiếc quan tài bằng gỗ son gởi đến tòa công sứ và cử ông Nguyễn...., Bố Chính, ông Trương..., Án sát, và ông Trường..., Đề đốc cùng với nhân viên của mình đến Quy Nhơn để thăm hỏi và lo những việc cần. Ngày 17 họ đã tường trình công việc với chúng tôi. Tiếp đó chúng tôi được các viên chức ở Tòa Khâm sứ cho biết các quan tài quá hẹp, phải trả lại người bán. Tức tốc, tỉnh tôi ra lệnh cho Tri huyện Tuy Phước, đi mua gỗ làm hòm và thuê thợ đóng hòm để khâm

liệm và cho làm một cặp đèn sáp lớn để dâng cúng. Vào ngày mai táng, đó là ngày 18, chúng tôi gởi lính tỉnh và ra lệnh trưng dụng dân chúng, cho mặc áo quần, bịt khăn, mang cờ, trống, lọng, bàn, dẫn đầu đoàn rước theo nghi lễ. Về hai chiếc quan tài, tiền mua và tiền thuê thợ đóng hòm hết thảy gồm 248 quan tiền; lại thêm đèn sáp 5 cân giá 27 quan. Tất cả tổng cộng 275 quan. Chúng tôi đã tích lũy dự trữ số tiền này để hoàn lại cho viên Tri huyện trả cho người bán. Chúng tôi sẽ tính phí tổn này vào phí tổn cuối tháng. Mặt khác, chúng tôi viết văn thư thông tư với bộ Hộ.

Vì thế chúng tôi kính gửi văn bản này để quý vị am tường. Đó là lời phúc đáp trả lời chúng tôi.

Phần khác, chúng tôi thảo văn thư gởi bộ Hộ trình rằng đã thông báo Cơ Mật viện để làm tài liệu; việc cuối cùng còn lại là chúng tôi giữ lại bản chính của văn thư này.

*
* *

BẢN PHỤ LỤC SỐ 7

Ngày 14 tháng 5 năm Thành Thái thứ 2

Các chi phí về vật dụng và công thợ trong việc xây mộ của Công sứ và Chưởng ấn lên đến 505 quan tiền, không kể xi-măng do ông Trưởng ty Công chánh cung cấp.

Tỉnh chúng tôi:	20$00
Tri phủ An Nhơn	6$00
Tri phủ Hoài Nhơn	6$00
Tri huyện Tuy Phước	5$00
Tri huyện Phú Cát	5$00
Tri huyện Phú Mỹ	4$00
Tri huyện Bình Khê	4$00
Tổng cộng	50$00

Đã chuyển ông Công sứ:

Triện của Tổng đốc
Ký tên: TRẦN PHIÊN
NGÔ KHÊ

BẢN PHỤ LỤC SỐ 8

Ngày 15 tháng 5 năm Thành Thái thứ 2

Ông Nguyễn ... giữ chức Tổng đốc các tỉnh Bình Định và Phú Yên thuộc vương quốc Đại Nam, gởi Công sứ nước Đại Pháp ở Bình Phú.

Chúng tôi hân hạnh phúc đáp quý ông như sau:

Quý ông có nhã ý báo cho chúng tôi biết rằng hai ngôi mộ của ông Công sứ đã khuất và ông Chưởng ấn đã khuất được xây lại bằng vôi và bằng đá quý và ông đã yêu cầu chúng tôi giúp đỡ để xây. Đó là điều quý ông đã viết cho chúng tôi.

Tuy nhiên chúng tôi nghĩ rằng nhị vị viên chức quá cố đã quy tiên và tất cả chúng tôi vô cùng đau đớn tiếc thương. Chúng tôi đã quyên góp một số tiền mà chúng tôi giao cho người có tên Phạm Đình Lương, Cửu phẩm thuộc văn phòng Ty - Phiên; người này đưa thợ và vật liệu đến đặt thuộc quyền sử dụng của ông Trưởng ty Công chánh để chỉ dẫn xây dựng các ngôi mộ.

Hiện giờ công tác này đã hoàn tất.

Các chi phí, không kể xi măng do ông Trưởng ty cung cấp vôi, đá và công thợ và phu trị giá 505 quan tiền.

Chúng tôi, quan chức thuộc tỉnh, cùng 6 tri phủ và tri huyện đồng lòng quyên góp để chứng tỏ tấm lòng.

Vậy nên chúng tôi gởi đến quý ông lời phúc đáp này để xin được biết.

Đó là tất cả lời phúc đáp của chúng tôi.

CÁC BẢN PHỤ LỤC SỐ 9-18

N°117 - Thư

Ngày 7, tháng 3, 1890

Chưởng ấn thay thế, Quản lý Tòa công sứ.

Gởi các ông Bố chánh, Án sát, Vung - Lam.

Tôi được vinh dự thông báo cùng quý ông và cái chết bi thương thảm khốc của ông Guiomar, công sứ Bình Định và ông Borgaard, chưởng ấn phụ tá của ông, họ bị chết đuối chiều hôm qua trong một cuộc du ngoạn ở biển.

Ông Công sứ Phú Yên, chiều nay đã đến Quy Nhơn để lo công tác của tòa công sứ Bình Định.

Trong thời gian ông vắng mặt, tôi được ngài công sứ (tối cao) giao trách nhiệm điều hành công vụ tại tòa công sứ Phú Yên.

*
* *

N°118 - Điện tín: gởi quản lý tòa công sứ.

Quy Nhơn, ngày 7 tháng 3 năm 1890

Công sứ Eudel đã đi chiều nay lúc 5 giờ, do tàu Comète, đậu ở Sông Cầu.

*
* *

N°57 - Gởi ngài Khâm sứ ở Huế

Quy Nhơn, ngày 15-3-1890

Chiếu theo điện tín của chúng tôi số 259 cùng một ngày, chúng tôi hân hạnh gởi quý ông dưới phong bì này:

1. Một bản sao di chúc do ông Guiomar lập ngày 20-3-1889.

2. Một bản sao chứng từ hôn phối giữa ông Guiomar kết hôn với cô Guérin ngày 2 tháng 6 năm 1877.

N^{0}58: Gởi ngài Khâm sứ ở Huế.

Quy Nhơn, ngày...

Tiếp theo điện tín số 259 và thư của tôi số 57 đề ngày 15-3, tôi hân hạnh gởi đến quý ông trong phong bì này một bản sao Khế ước hôn nhân giữa ông Guiomar, Phó sứ Quy Nhơn và cô Marie - Clémentie Guérin.

Tôi nghĩ phải báo cho quý ông biết rằng theo điều mà ông Guiomar cha nói với chúng tôi vẫn còn đó.

Thế nên tôi hân hạnh được điện tín cho ông và tôi sẽ được chỉ thị của ông để xé niêm phong, thực hiện bản kiểm kê và việc giao lại, nếu có, các đồ vật kế thừa cho bà Guiomard.

*
* *

N^{0}60

Gởi ông Crochet, đại diện hãng Messgeries Maritimes

Công sứ Pháp,

Quy Nhơn, ngày 19-3-1890

Tiếp theo việc đến đây của bà Guiomard, với sự hiện diện của bản di chúc lập bà là người thừa kế, chức vụ quản lý tài sản của ngài chấm dứt hôm nay sau khi xé giấy niêm phong.

Tôi đặc biệt cảm ơn ngài về sự chăm sóc và về tất cả mọi sự ràng buộc khi ngài nhận lo việc này.

Tôi tin rằng mối giao tình tốt đẹp của ngài với ông Guiomar sẽ khiến ngài giúp đỡ người vợ góa của ông ta bằng lời khuyên nhủ và tiếp tục hướng dẫn bà cùng bảo vệ các lợi ích mà ngài đã tận tình đấu tranh cho đến hôm nay.

Tôi thỉnh cầu ngài tin tưởng những tình cảm (chân thành) tốt đẹp của tôi.

*
* *

N°63

Gởi ông Đội trưởng Hiến binh, Đà Nẵng

Quy Nhơn, 30-4-1890

Công sứ Pháp quốc hạng nhất ở Quy Nhơn hân hạnh được gởi đến ông Đội trưởng Hiến binh ở Đà Nẵng bản trích giấy khai tử của ông Borgaard, Henri Eranlis, chết ở Quy Nhơn ngày 6 tháng 3.

Còn về Nis Farges và Latour, không ai biết họ trên suốt địa giới tỉnh Bình Định.

*
* *

N°78 Gởi ông Groupierre, giám thu bưu cục

Quy Nhơn, 30-4-1890

Bà Guiomard vừa rời Quy Nhơn, tôi xin thưa với ông rằng tôi cảm kích biết bao về sự ân cần rất mực. Qua đó bà Guiomar một thời gian dài ở Quy Nhơn từ khi chồng bà ta chết, và tôi xin vô cùng cám ơn ông.

*
* *

N°118 (Không đề ngày)

Công sứ Quy Nhơn gởi ngài Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế

Theo ước muốn của ông Borgaard - cha bày tỏ trong bức thư của ông đề ngày 23-3 gởi cho ông Phó bí thư quốc gia ở thuộc địa, tôi hân hạnh thông báo với ngài rằng tôi đã gởi theo đường bưu điện đến Asnières các đồ vật do ông Borgaard, tham biện tòa sứ hạng nhất chết ở Quy Hòa ngày 6-3 vừa rồi để lại.

Tôi gởi kèm theo bưu kiện một bản kê các đồ gỗ đã bán các vật dụng cũng như tất cả thư từ, văn bản liên quan đến việc thừa kế đã nói.

N°119 Ông Borgaard, 8 Kiệt Labauzière, Asnières,

ngày 8-7-1890

Theo ước muốn bày tỏ trong thư của ông đề ngày 22-5 gởi cho ông phó bí thư quốc gia ở thuộc địa, tôi hân hạnh được thông báo với ông rằng tôi đã gởi theo đường bưu điện đến Asnière các đồ vật do ông Borgaard, tham biện tòa sứ hạng nhất chết ở Quy Hòa ngày 6-3 vừa rồi để lại.

Tôi gởi kèm theo bưu kiện một bản kê các đồ gỗ đã bán và các vật dụng cũng như tất cả thư từ, văn bản liên quan đến việc thừa kế đã nói.

*
* *

N°119 Ông Borgaard, 8 Kiệt Labauzière, Asnières

ngày 8-7-1890

Theo ước muốn bày tỏ trong thư của ông đề ngày 22-5 gởi cho ông Phó bí thư quốc gia ở thuộc địa, tôi hân hạnh được thông báo với ông rằng tôi đã gởi bưu kiện cho ông từ Quy Nhơn ngày 2-7, gồm 4 kiện chứa các đồ vật do người con đã khuất của ông; ông Borgaard, Tham biện tòa sứ để lại.

Tôi gởi kèm theo thư này:

1. Một bản danh sách liệt kê các đồ vật đã gởi;

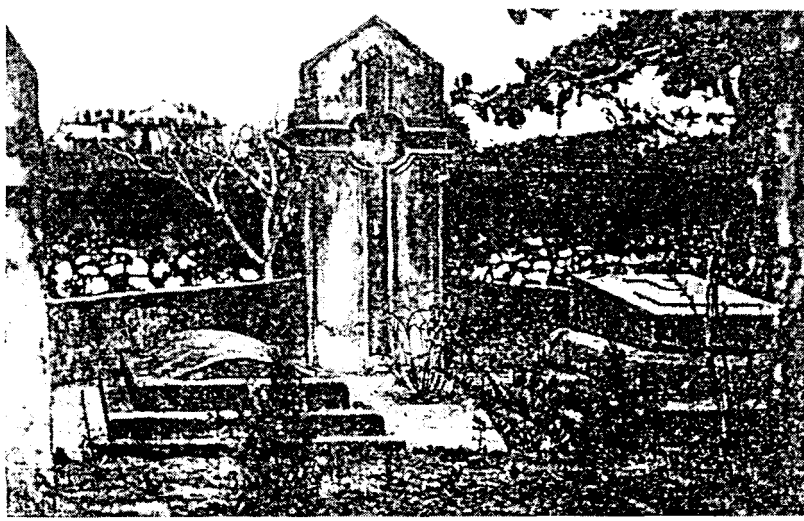
2. Một bản kê các đồ vật đã bán trước khi nhận thư của ông, và giá bán của chúng;

3. Một bản kê về việc thừa kế đề cùng ngày;

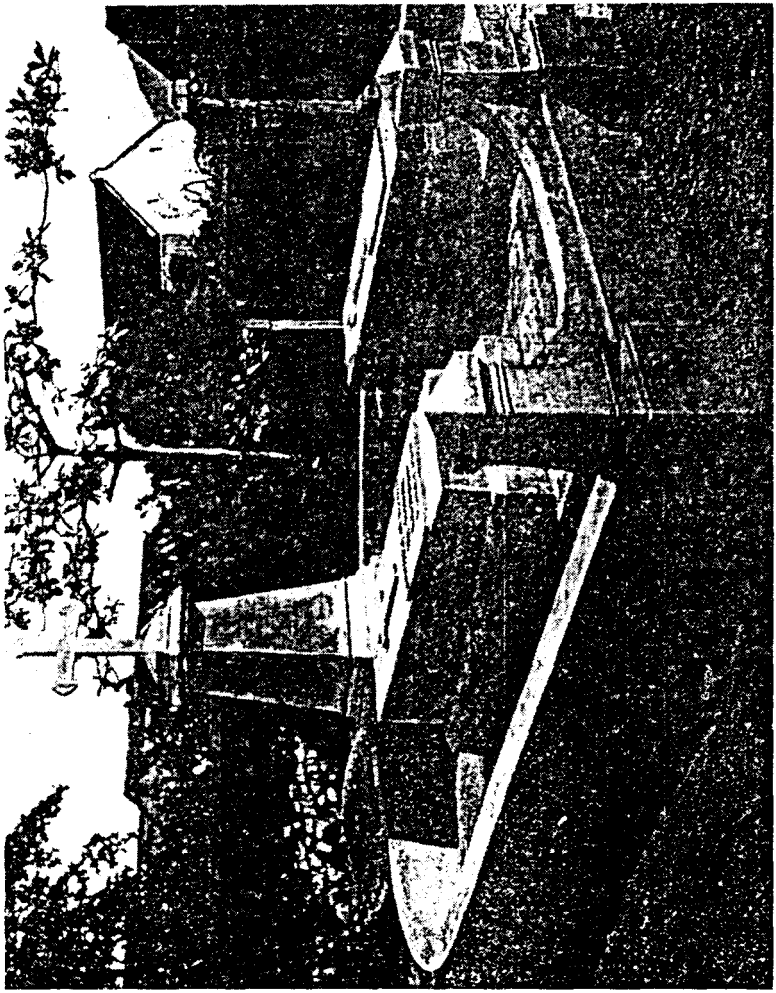
4. Một bản kê giấy nợ đến ngày đó và chưa thanh toán; số còn lại hiện tại để kế thừa của con của ông là số tiền 189$89; số tiền này sẽ được gởi cho ông dưới hình thức bưu phiếu.



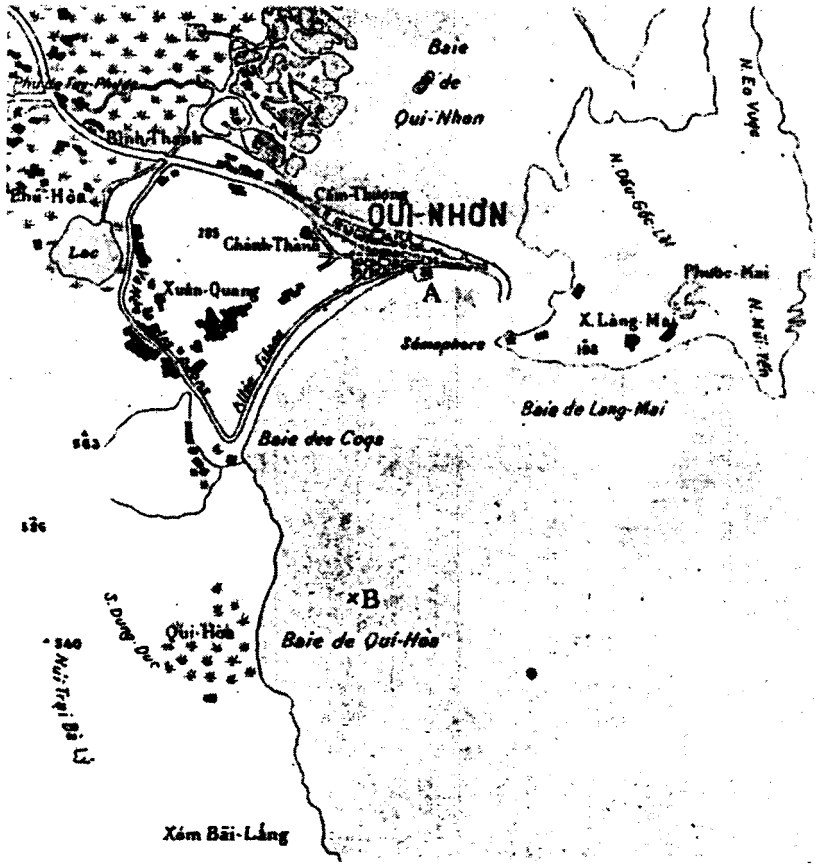
LXVI. *Đền thờ viên công sứ.*



LXVII. *Các ngôi mộ thực trạng trước kia.*



LXVIII. *Các ngôi mộ: Guiomar (trái), Chancelier Borgaard (phải).*



LXVIII bis. *Khu vực Quy Nhơn:*
A. Đền thờ, B. Nơi hai ông chết đuối.

HANG ĐỘNG PHONG NHA BẢN TƯỜNG TRÌNH CUỘC THÁM HIỂM THỰC HIỆN VÀO THÁNG 5-1929

BOUFFIER

NGÀY 24-5-1929, chúng tôi, gồm các ông: Charly, Pasqualaggi và tôi (Bouffier), dấn thân vào động được gọi là Phong Nha với mục đích tiếp tục cuộc thám hiểm từ điểm mà các người đi trước đã dừng lại sau khi tiến đến điểm sâu nhất, được biết; nhà thiên văn người Anh Barton và các ông: giáo sư Antoine và phó thanh tra đội vệ binh bản xứ Sully, cả ba đã viết một bản tường trình về những khám phá của họ.

Mục đích của chúng tôi không phải là thực hiện một cuộc tìm hiểu sâu rộng và tỉ mỉ những nơi đã đi qua, cũng không phải để tập hợp các yếu tố cho việc miêu tả chi tiết các nơi này, mà chỉ là tìm nơi xuất phát của nguồn nước khởi đầu của các động này bằng cách dò theo dòng nước đi xa nhất và nhanh nhất có thể được - Chủ yếu, chúng tôi muốn thử kiểm chứng giả thiết rất thật về một sự tiếp nối do nguồn nước ngầm mượn đường hang, của một nguồn nước phía trước lộ thiên; cuối cùng đặc biệt hơn chúng tôi hình dung khả năng đồng nhất các nguồn nước lộ thiên này với cái tên là "Rao Ta" trên bản đồ loại 1/100.000 ở phía đông nam của động và theo hướng kéo dài của các hang động này.

Với lợi thế của những chỉ dẫn quý giá chứa đựng trọng các bản tường trình của những nhà thám hiểm đi trước, chúng tôi

nghĩ rằng có thể thoả mãn mục tiêu đã đề ra trong một thời gian tương đối rất ngắn: 3 ngày tối đa (ông Baron đã ở lại trong hang 14 ngày). Kết quả là chúng tôi chuẩn bị cung cấp lương thực và vật dụng soi sáng, điều sau là điều lo lắng hơn cả của chúng tôi nên chúng tôi dùng 2 thuyền độc mộc để chở đuốc; 6 hộp khí đèn (carbuse) cho 3 cây đèn gương đi săn; nửa tá hộp đèn sáp cho một đèn lồng gương; 2 đèn bão dầu hỏa, 2 đèn điện, một dùng dynamo, một dùng pin với 6 viên, thay pin trong 10 giờ. Các vật dụng trang bị này được cẩn thận phân chia trong chúng tôi và các nhân viên khuân vác của chúng tôi.

Một cách hiệu quả, chỉ trong một ngày chúng tôi có thể đi trong động (đúng hơn là 26 giờ) qua không những tất cả đoạn đường của những người trước đây đã đi mà còn đi thám sát sâu hơn 1km. Sự lo sợ của những người phu khuân vác và sự từ chối đi theo chúng tôi của họ bắt đầu từ phân chia khám phá, một phần, phần nửa là dụng cụ không đủ để tiếp tục con đường trong điều kiện hiện giờ đã ngăn cản chúng tôi hoàn tất một cuộc thám hiểm mà một vài chứng tích để lại cho thoáng thấy đã gần đạt đến mục tiêu.

Như vậy bản tường trình này sẽ chỉ có giá trị trong chừng mực ở đó có sự thiết lập việc kéo dài cái hành lang dưới đất này về cái khả năng theo nó suốt cả độ dài của nó; bản tường trình có thể xác định các yếu tố khởi đầu dũng mãnh, hiếu kỳ của điều mới lạ, để phiêu lưu qua bên kia điểm dừng lại cuối cùng của chúng tôi hầu thử chọc thủng điều bí mật chưa đụng đến của cái động nổi tiếng này, nghĩa là khởi nguyên của nguồn nước ngầm, bài toán cho giải pháp của các giả thiết trái ngược vẫn còn được phép.

Vào hang lúc một giờ trưa, chúng tôi để gần 3 giờ để đến điểm cuối có thể đi thuyền được trong hành lang gọi là hành

lang chính, sau khi, thật thế, thăm nhanh cái hành lang các thủ bút; hành lang này đối với chúng tôi chỉ có ý nghĩa du lịch tầm thường với các kích thước hạn chế, phong thái thông tục, tường đầy bùn liên tục đi sát vào nhau. Mặc dù rất muốn đi đến tận cái lổ thứ hai mà bản tường trình của Antoine có nói, nhưng chúng tôi không thể đến đó được vì hành lang hẹp lại đến độ thân thể một người hình như không thể trườn qua đó quá vài thước; đồng thời không khí đầy khói đuốc trở nên khó thở và chân bước đầy lo lắng trong một lớp bùn bầy nhầy, dẻo quẹt càng lúc càng sâu và mềm... Khi tháo lui, chúng tôi ngạc nhiên trước khi rời hành lang này, thấy một vài chữ Chàm ở phần hang rộng lúc đầu; chúng tôi không biết được một chữ trong đó, than ôi! Và một đống hỗn độn các chữ viết, man rợ, phàm tục, đủ mọi thứ: chữ Hán, chữ quốc ngữ, latin... viết bằng bút lông hoặc bằng than trên thành đá.

Vào 16 giờ, đến đầu đường nước ngầm lớn, chúng tôi liền hướng về phía trái theo chỉ dẫn của ông Antoine; chỉ một đoạn khó về phía này và từ đó chúng tôi đến cái nền hình lưng lừa từ mút phía tây nam của nó, cái nền này chiếm một phần đáng kể của cái phòng gọi là phòng I, cái phòng rộng nhất; ở giữa nổi lên một nhánh thạch nhũ hình dương vật. Chúng tôi thấy hình như cái kích thước có phần nhỏ hơn so với các ghi chú của những người đi trước: khoảng 8 đến 10m bề rộng và 16 đến 18m bề dài (thay vì 20m/41m). Hơn nữa sau đó chúng tôi có dịp nhận xét tương tự về các ước lượng kích thước trái ngược mà lần lượt chúng tôi sẽ ghi chú.

Chúng tôi quyết định dựng tại trên nền này cho 2 ngày mà chúng tôi định trải qua trong bóng tối; để tránh khỏi mất thời gian, mệt mỏi.. và các liều lĩnh không thể tránh khỏi của sự khó nhọc và cuộc trèo lâu dài từ điểm cập bến đến cái nền khá cao đối với mặt nước. Tuy nhiên, trước khi chuyển vật

dụng đến chỗ, chúng tôi quyết định đi xét khoảng cách về các khó khăn trên đường đến tận điểm cuối - phòng III - mà các người đi trước đã đến trên con đường này.

Khi đi luôn theo lời khuyên của ông Antoine, chúng tôi đi theo con đường thành đá trái, một khối đá khá cao nổi lên phía tây nam của cái nền - con đường này đối với chúng tôi rất khó khăn, chúng tôi phải mất 3 giờ để đến phòng III. Cái hỗn loạn thuộc về ảo giác của những khối khổng lồ chất đống như một công trình của các ngôi nhà khổng lồ tạo nên cho người thăm viếng một ấn tượng kinh hãi hoảng hốt... Người ta tự hỏi, sau mỗi vực thẳm hun hút, mỗi đỉnh đá nhọn nguy hiểm đã vượt qua được, nếu người ta tiếp tục lâu dài được may mắn tương tự để tìm được, qua mỗi chướng ngại tương tự một lối thoát như thế thì vâng, đó là một kỳ tích; như một thần linh tốt bụng nào đó đã ra lệnh thiết trí cảnh hỗn loạn không thể hình dung được để cho kẻ táo gan tham lam được chiêm ngưỡng cái lãnh địa tối tăm của mình... và chắc hẳn Bernadin de Saint-Pierre tìm được trong sự sắp xếp này một minh chứng hùng hồn cho tác phẩm "Hòa điệu của thiên nhiên" của mình.

Nhà thám hiểm khôn khéo luôn luôn tìm được trong tầm một bàn tay của mình, với một bàn chân tự do của mình. Một chỗ gồ ghề, một mô đá khấp khểnh thuận lợi cho việc tiếp tục dấn bước về phía trước và có thể vượt qua nếu không có ít nhất những cố gắng vượt bậc của cơ bắp và với những sáng tạo mới về môn nhào lộn, với sự hỗ trợ của mọi khí cụ nhân tạo: cuốc móc, thang dây, ván gỗ... Chúng ta cũng nên thêm ngay rằng nhà du hành biết tiên liệu sẽ có cái khôn ngoan cẩn thận đem theo một hoặc nhiều các khí cụ đó và sẽ được tưởng thưởng: họ sẽ dễ dàng nhiều trong việc tiến bước và tăng tốc; các hiểm nguy bị rơi sẽ giảm thiểu đáng kể và đó là điều đáng

kể khi nghĩ rằng một bước chân sai lệch, một cái té nhẹ cũng có hậu quả tối thiểu là gãy chân, gãy tay, nếu không là chết...

Chúng tôi đi ngang qua phòng II mà không nhận thấy khoảng rộng của hành lang nơi đây, cũng như độ cao của các tảng đá nổi lên đây đó, ngăn chặn tầm nhìn vốn đã bị giới hạn tại các điểm mà ánh sáng mờ ảo của các ngọn đèn soi tới, làm khó khăn thêm cho việc ước lượng các khoảng cách thay đổi của những bờ đá.

Phòng III đối với chúng tôi hình như cũng ít rộng hơn theo như con mắt của ông Antoine: khoảng 40 đến 50m đường kính (ít ra là người ta gồm chung phòng II bên trái và phòng mà chúng tôi gọi là phòng II bis, trong trường hợp đó các khoảng cách cung cấp trong bản tường trình của những người đi trước chúng tôi, có thể chấp nhận được); độ cao của vòm khó ước lượng, có thể từ 15 đến 20m (?) dù quanh co khấp khểnh, vòm này không có nhành thạch nhũ nào.

Dòng sông vào lúc này không chiếm trọn phòng; một cái nền rộng ở trung tâm khá gập ghềnh cho hết 1/4 bề mặt, từ đầu hành lang chính, nó được chia cách bởi một mạch đất dưới chân một cái cột quỷ tạo thành cầu. Tất cả nửa phần hang ở bên phải của nền đất này đầu trần trụi, không thạch nhũ, đường gờ, không cả trụ đá; người ta không còn đi theo dọc các bờ đá được nữa vì chúng cắm thẳng trong nước khá sâu (ít nhất 3m).

Nửa phần bên trái của phòng trái lại gập gềnh, khấp khểnh hỗn độn với các loại thạch nhũ trên và dưới, trụ và các mõm đá lồi trồi lên trên các đống đá lở khổng lồ; nhà du hành không thể đi đến đó với chân khô (hay gần như thế), một chỗ đường nghẽn chia cách phòng lớn này với phòng nhỏ hơn mà một lớp nước trải đến thành đá; để đi đến điểm này

phải đi vòng về phía bờ đá, hai khối đá lớn gần giống với hai cái cột sinh đôi nói trong bản tường trình của Antoine và phía sau đó người ta lội bùn trong lạch nước tù. Cách đó vài thước dựng lên một nhánh thạch nhũ gầy và cao; nhưng chúng tôi không đọc ra được con số của Barton; độ ẩm khác thường của hang hẳn đã xóa nó đi.

Chúng tôi tính rằng, theo các chỉ dẫn để lại của những người đi trước, không thể tiến lên thêm nữa, từ đây, mà không sự hỗ trợ của một chiếc thuyền nhỏ hay thuyền độc mộc. Chúng tôi quyết định quay về điểm xuất phát ở nền đất tại phòng I; tại đó để cắm trại, ăn tối và qua đêm ngủ tạm, đồng hồ sẽ báo thức và sáng sớm hôm sau sẽ lại lên đường với vật dụng cần thiết.

Tuy nhiên, trước hết chúng tôi muốn nhận chân các lối ra, gồm có 3 lối ra theo liệt kê của các người đi trước, và hai lối đi từ phòng nhỏ thứ hai bên trái; lối ra thứ ba, theo sơ đồ của ông Antoine đi từ phía trước mặt của phòng chính và đối với chúng tôi là khó nhận thấy ở ngoài nhánh nước, đó là lối đi khó đạt được nhất: một ngọn núi thật sự bằng đất sụp lở đã che nó đối với chúng tôi, và ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn sáng nhất của chúng tôi cũng không soi được đến đỉnh và sườn của nó gần như thẳng đứng và tạo thành bờ tường cuối phòng về hướng này.

Để tiến thêm về phía trái theo lối ra đã đề cập chúng tôi không thể không băng mình xuống nước và tìm cách đến được bờ tường đối diện bằng cách đi nghiêng qua cái phòng nhỏ thứ hai để đặt chân trên một cái dốc đất cách khoảng 40m điểm xuất phát. Sau khi khuyến dụ không thành công, các phu khuân vác đã khiếp sợ, để xác định đối với một người phu cầm đuốc đi qua trước mặt, chúng tôi băng mình xuống nước bơi, Pasqualaggi và tôi, không chút lo ngại, trong nước đen và

lạnh, đèn, đuốc cầm trong tay trái và đến được, không bị khó chịu nào khác nữa và với nỗi hài lòng mà người ta có thể đoán được, cái bờ nước ham muốn... nước nặng, dễ dàng đỡ thân thể, không dòng chảy và đáng mừng thay hình như không chứa chấp con thủy quái nào... Vả lại, cái nơi tối tăm dưới mặt đất này chúng tôi thấy không thuận lợi chút nào đối với đời sống động vật, bởi vì khi khuấy động chúng tôi chỉ thấy một vài con bọ, vài con trùn và dơi, chúng tôi không thấy con cá nào.

Đến bờ chúng tôi nhận thấy các lối ra hình như ở xa nhau và trong các hướng trái ngược (xem bản vẽ); nước dừng ở miệng lỗ; nền của nó bằng đất cao dần và hành lang của chúng bờ tường cũng là đất sét sẽ hẹp lại như để tận cùng như đáy xách. Tuy nhiên, không phu khuân vác, không vật dụng chiếu sáng, chúng tôi nghĩ rằng không cẩn thận khi tiếp tục cuộc tìm hiểu xa hơn; hơn nữa chúng tôi đã thất vọng về hướng này, bởi vì cái phòng thứ hai tạo thành một vũng nước kín chứa nước tù đọng không được tiếp dưỡng bằng dòng nước tìm kiếm... chúng tôi lại phải bơi nhưng ít e ngại hơn để về cái bờ nơi đó các phu khuân vác và ông Charly - những người không biết bơi - đang đợi.

Và tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy dễ chịu khi nghe một âm thanh tương tự tiếng nước chảy trên lòng đá nhưng chúng tôi không xác định nguồn gốc. Với quyết tâm trở về sớm để tìm lại chỗ cắm trại ở phòng I chúng tôi tự hứa sẽ trở lại với dụng cụ đầy đủ, sau một giấc ngủ vài giờ rồi với chiếc thuyền thúng nặng nề và một sợi dây dài chúng tôi có thể đưa qua ông Charly và các phu khuân vác trang bị hành trang cần thiết.

Khi trở lại, chúng tôi may mắn khám phá, một cách ngẫu nhiên, một lối đi dễ hơn rất nhiều trên 3/4 đoạn đường về phía phòng thứ nhất: tại điểm mà chúng tôi có thể đến được trong gần một giờ (ông Antoine phải mất 4 giờ). Chúng tôi

khó mà cung cấp ở đây những điểm mốc (điểm làm chuẩn) chính xác; nhà du hành sẽ có lợi để tự hào về những mốc mà chúng tôi đã làm lên dấu trên đoạn đường đã qua với những mũi tên bằng dầu hắc vẽ trên đá, những nơi ít ẩm và chúng có thể lưu giữ được vài năm nếu nước lụt không lên tới (?). Chúng tôi chỉ nói phải chọn phía trái rồi tức thì vượt qua (theo lối đến từ phòng IV) phần đoạn đường trên lòng suối khô (ít nhất là vào mùa này), phần rất dễ đi, chân dẫm trên mặt đất bằng phẳng, khi thì có cát, khi thì bùn, khi thì phủ sạn trắng và đen, láng hơn như sạn ở bờ biển (xem tường trình của Antoine); chúng ta hãy lưu ý, sau khi ra khỏi phòng III một chút thấy một cột thạch nhũ đầu tròn và rất gợi hình và trên đỉnh một vệt lớn hóa vôi màu trắng xám và xa một vài thước lại một cột thạch nhũ, đường kính lớn hình thức đều đặn, dạng răng cưa rất nghệ thuật.

Con đường mới này, luôn chạy dọc theo đường trái đưa chúng tôi đến trên nền phẳng của chỗ cắm trại do phía đối diện với cái nền của điểm xuất phát; chỉ có 2 hay 3 điểm thật sự nguy hiểm.

Vừa đến nơi chúng tôi liền chuyển tất cả vật dụng của chúng tôi trên các thuyền lên nền đất phẳng của chỗ cắm trại do phía đối diện với cái nền của điểm xuất phát; chỉ có 2 hay 3 điểm thật sự nguy hiểm.

Vừa đến nơi chúng tôi liền chuyển tất cả vật dụng của chúng tôi trên các thuyền lên nền đất phẳng, nhưng lần này dùng lối đi về phía tay trái (theo hướng ra); đoạn đường này nói cho đúng thật vô cùng gian hiểm nhưng nó có hai lợi điểm so với con đường kia: chủ yếu là ngắn hơn; và giữa đường có tảng đá lớn và phẳng tạo thành một chỗ tạm nghỉ quý giá, tại đây chúng tôi tập trung trước hết các hành lý do các phu

khuân vác mang làm thành chuỗi dây xích từ bến thuyền - việc này làm giảm bớt nỗi hiểm nguy bị té.

Sau một bữa ăn nóng và bổ dưỡng chúng tôi lợi dụng trời tối của những đêm không trăng để hưởng một giấc ngủ ngon. Thật ra, chúng tôi không thật sự ngủ ngon: chỗ ngủ ẩm ướt và không hiếu khách, quá ít thoải mái, không thích hợp. Ông Pasquelaggi, không có chăn, bị lạnh và ông Charly thường xuyên bị thức giấc vì chiếc đệm Cambốt của ông trượt trên chiếc chiếu ở trên nền đất quá dốc; người ta không trách ông ta thiếu máu lạnh về chuyện này, người ta nghĩ rằng bị chuyến đi trong vòng 1m là đưa đến chuyện kinh hoàng rơi xuống vực thẳm sâu trên chục mét, dưới đó lởm chởm những cạnh đá sắc bén và những chồi thạch nhũ nhọn hoắt như những ngọn giáo của dân man di thời đồ đá... cuối cùng, từng chặp một những giọt nước lớn rơi từ vòm cao đánh thức cái thân xác thiu thiu ngủ của chúng tôi...

Chúng tôi lại ra đi ngày hôm sau vào khoảng 6 giờ sau khi đã nghỉ ngơi ít nhiều, đem theo sợi dây dài 50m trong vòng 1 giờ rưỡi chúng tôi đến phòng III.

Chính lúc đó ông Pasquelaggi nghĩ rằng đã nhận ra được sự hiện diện của một con đường có thể dùng được để đến cái đống đá lở khổng lồ che khuất đường vào của lối ra nơi trong bản tường trình Antoine, bằng cách nghe theo sự dẫn dắt của tiếng thác nước phát ra từ đó; một lưới nước hẹp bề rộng khoảng từ 5 đến 6m, chia sườn của đống đất sụt tại điểm mà chúng tôi đã đến được, đó là một góc bờ nhỏ nằm giữa nền phẳng và "hai cột trụ sinh đôi" đã được đề cập.

Chúng tôi dấn bước ở đây theo sau là những bạn đồng hành, chúng tôi ngạc nhiên thấy mảng nước này lội được, chúng tôi lội qua mà nước không quá nhượng chân. Ông

Pasquelaggi và tôi tiến lên trước các bạn đồng hành, mệt mỏi chân cứng vì đường dốc, chúng tôi trèo lên đống đất lở mà chúng tôi gặp trước mặt hơi chệch về phía phải, nghĩa là về phía lối ra của nguồn nước. Sạn, đá tảng thường xuyên rơi ra từ bước chân chúng tôi đe dọa làm bị thương người leo sau. Thấy thế ông Charly nảy ý tìm đường leo lên theo hình chữ chi đi nghiêng về phía trái và ông đã tìm ra một lối đi dễ dàng hơn mà chúng tôi sẽ dừng khi trở về. Chúng tôi vượt qua đỉnh (đường phân thủy) rất cao, gần hai bên chồi thạch nhũ, mà một kích thước lớn chia nhánh hình đinh ba. Tiếng thác nước chảy (cho đến giờ đây) trước đây mơ hồ nay đập vào tai chúng tôi rất rõ... Chuyến leo xuống bên sườn kia không dễ hơn chút nào... và rồi chúng tôi đã ở bờ suối, suối ở đây đã rộng ra như một cái hồ nhỏ, chiếm chỗ của một phòng mới mà chúng tôi ghi là phòng III bis, trong thực tế chỉ là phần tiếp nối của một thứ bình phong. Không có lối ra thấy được về phía trái. Về phía phải chúng tôi đến gần con đường hẹp, nơi hẹp nhất chỉ 3m, chúng tôi nhận thấy có thể vượt qua nhờ những chỗ đá gồ ghề thấy được trồi lên trên mặt nước vài centimét, trái lại nước ở đây khá sâu, đối với người biết bơi thì đây là nơi chỉ còn phải xuống nước, đối với ông Charly thì không dám mạo hiểm và đành khôn ngoan ở lại bên bờ này với những người phu khuân vác.

Tuy nhiên, chính cái bờ đối diện một lần nhà thám hiểm đã đến được và người này, móc vào những chỗ gồ ghề đều đặn nơi một chồi thạch nhũ khổng lồ, hai chân đặt trên tảng đá nhọn dưới nước cách mặt nước 40cm, tự hỏi khi đối diện với thành đá thẳng đứng làm thế nào anh ta có thể tiếp tục con đường phía trái, nơi chỉ có con đường đất sụp thành chỏm nhọn trong ngọn suối cung ứng một lối đi tốt giữa những rủi may... Với một lòng dũng cảm tuyệt vời, với cái giá của một sự

hồi phục khó khăn, ông Pasquelaggi đã trườn lên, liều lĩnh trèo lên, thân hình dán sát vào nền đất sét ẩm ướt, lầy nhầy, cách mặt nước chừng 3 mét, tiến lên như thế chừng 20m, ông đã biến mất khỏi tầm nhìn của chúng tôi và đi vào bề sâu tăm tối, bởi vì một đường cong về phía phải của phần này bờ thành đã che khuất ánh sáng ngọn đèn gương của ông đối với chúng tôi, sau đó vài phút, ông réo gọi chúng tôi theo ông; tôi bèn theo dấu ông, để ông Charly và đám phu ở lại, trong số họ không ai tỏ ý muốn theo chúng tôi ở đoạn này nơi mà chúng tôi hầu hết tin rằng chưa có ai trước chúng tôi đi tới. Đặt 2 mũi chân và một bàn tay (tay kia cầm đèn pin) trên mảng đất sét mềm với độ dốc xuôi như tường của một thành trì, tôi bắt kịp bạn tôi; nơi đó. Phòng chấm dứt bằng một hành lang càng ngày càng hẹp và kết thúc bằng mở ra những kích thước đồng bộ, có thể so sánh với quang cảnh đường ống Bắc - Nam dưới sông seine... Các bờ tường, gần như đồng nhất, không hang hốc, không bờ đá gồ ghề, khá rõ ràng; dưới đáy nước chảy sáng tỏ, rất bao trùm trên hết bề rộng của hàng lang với 7 đến 8m. Vậy là phải lội nước - trung bình sâu 30 - 50cm - quần xắn cao; về phần tôi, tôi mặc chiếc quần ngắn thể thao rất tiện lợi - cần ghi nhận điều này, dò dẫm để tránh các lỗ trũng rất dễ thấy nhờ ánh đèn; cách đi như thế khá tốt. Khi chúng tôi càng tiến lên, tiếng thác chảy càng lớn hơn, không làm cho chúng tôi lo ngại nhiều vì hình như đó là tiếng nước đổ thật sự, bởi vì chúng tôi đợi chờ từng lúc một phải đụng một bức tường đá nổi lên, chắn mất con sông và con đường của chúng tôi vẫn có thể...

Cuối cùng chúng tôi khám phá - cách phòng III bis khoảng 300m - những thác nước nổi tiếng này, và điều đó đối với chúng tôi là một nỗi thất vọng rõ nét: thật thế chúng tiêu tan thành một ngọn suối nhỏ chảy nhanh mà lòng suối trên vài

thước, mực nước chỉ chênh nhau gần 1m! Sự giải thích về tiếng ồn không tương xứng với tầm quan trọng của hiện tượng nằm ở trong sự khuyếch đại đáng kể mà các tiếng vang gây ra do các tiếng động nhỏ đã truyền ra nơi đây; nói cho đúng chúng tôi đã nghi ngờ về các kết quả của đặc điểm này, chúng tôi đã có nhận thấy vào lúc các tiếng gọi của ông Charly vang lên và đối với chúng mỗi lần trả lời chúng tôi phải chờ để trôi qua vài chục giây cho một loạt các tiếng vang tắt đi.

Ở cùng tầm cao với thác nước, đối đầu với bờ thành phía phải có một chồi thạch nhũ rất lớn màu xanh ngọc, chồi duy nhất chúng tôi thấy trong hành lang; kể từ điểm này độ dốc của dòng nước cao dần, từng lúc một chúng tôi phải băng qua lòng khe để trèo lên khi thì bên trái, khi thì bên phải; hướng đi của chúng tôi cong đi từng lúc khó nhận rõ; khốn thay không có địa bàn chúng tôi không thể ghi nhận các góc càng lúc càng nhọn hơn mà chúng tôi cảm nhận...

Tiếng gọi của ông Charly, đến với chúng tôi càng lúc càng chói tai từ vài phút trước đây, đã ngừng nghe thấy... Chính là vào lúc này chúng tôi khám phá một điều bối rối làm chúng tôi ngần ngại: trong một hốc đá mở ra theo hướng ngược lại với dòng nước chúng tôi nhận thấy một đống nhỏ các đầu của các cành nhỏ đốt khô một nửa, thiết trí ở đó như một cái bếp do bàn tay con người nhen lên... Nay, mùa mưa đến đã làm chấm dứt mới đây, nếu chấp nhận giả thiết đây là bếp của con người thì phải cho rằng nó được đốt lên do các nhà du hành đến nơi này trước chúng tôi chỉ trong vòng vài ngày mà thôi - điều này thật khó tin, điều giải thích duy nhất có thể chấp nhận được là nước đã đưa các cành nhỏ đó đến và để đó lại sau khi nước rút đi. Nhưng điều đó vẫn mâu thuẫn vì sự sắp xếp của cái đống đó và hướng của các dòng nước; và thật khó giải thích nguồn gốc của những mẩu than củi đó.

Hai giả thiết, đều vô bằng, có thể có: trước hết các dấu vết bếp lửa này được đưa đến từ phía thượng nguồn vào lúc nước cao và để lại đó theo chiều một cơn xoáy (?): như thế phải được kiểm chứng về nguồn gốc của một niềm tin vào dòng nước, phía trước và lộ thiên..., thứ hai là được đưa đến từ phía hạ lưu - luồn vào lúc nước cao - giải thích được do một lần nước xuống bị nghẽn từ các phần bên trong động và bên trong các phòng; như thế là phải nhận rằng các cành nhỏ này có từ một bếp lửa được nhen, ở phòng II chẳng hạn, do một trong những người đi trước chúng tôi.

Giả thiết cuối cùng này không thủ tiêu tuyệt đối giả thiết về nguồn nước lộ thiên phía trước; và nó đáng giữ lại hơn là giả thiết đầu tiên, giả thiết này đụng chạm đến lời phản bác khó trả lời đối với vấn đề khó nghĩ này: làm thế nào xảy ra được như thế khi mà trong suốt quá trình thám sát trong động không khi nào thấy một mảnh nhỏ thực vật: lá, đầu cành, dây leo, vỏ bào...? Dĩ nhiên tôi không thể kể các thân tôi tìm thấy trong hành lang giữa các phòng I, II, và III mà độ dài đồng nhất, vết cắt ở các đầu mút của chúng không chút nghi ngờ gì có từ các thuyền nhỏ do những người đi trước của chúng tôi đem đến. Hơn nữa làm thế nào xảy ra như thế, nếu người ta thực sự đến gần một lối ra lộ thiên mà không một sinh vật nào được thấy từ lúc chúng tôi rời khỏi phòng III, nơi ít nhất chúng tôi cũng thấy sự hiện diện của dơi, sâu bọ, và nơi đó các con cá đã được những người đi trước của chúng tôi thấy? Và tuy vậy không khí trong hành lang rất mát và nước thì trong và chảy nhanh... Vậy là phải chăng dòng nước ở trong lòng ngọn núi, với những vết nứt đơn giản nơi này, nơi kia nước đã thấm qua, đó là phương cách lưu thông với bên ngoài?

Luôn tiến lên phía trước, cuối cùng chúng tôi không còn nhận thấy chút gì nữa tiếng thác chảy, cũng như có lúc chúng

tôi không còn nghe tiếng "Hou! Hou!" của ông Charly... Không kể quá, thật thế chúng tôi đã vạch một đường cong rõ ràng. Chúng tôi đi khoảng một khắc đồng hồ và thình lình, một âm thanh mới, tương tự tiếng nước chảy đập vào tai chúng tôi. Rất khẩn trương, chúng tôi chỉnh đốn tư thế, không chậm trễ đi vào một địa thế có hình loe ra của hành lang, tạo thành một phòng khá nhỏ, dưới đáy một mảng nước không mấy sâu bao phủ. Cái phòng này, chúng tôi gọi là phòng IV - lúc đầu đối với chúng tôi hình như không lối ra. Nguồn nước là ở đây chăng? Ở về phía phải, các ngọn đèn của chúng tôi không chọc thủng được cái bí ẩn mờ mờ của một góc bờ đá màu đen mà phía bên trong là tấm gương của mặt nước sáng dưới chùm tia sáng của ngọn đèn hình như không thấm được... Về phía trái, quang cảnh bất ngờ hơn và lôi kéo chúng tôi ngay: một hang lớn hé ra không phải trong đá mà trong một thành đất; chúng tôi tiến vào đó và liền đụng phải cái dốc rất dốc, cũng là đất nhưng có thể trèo, đưa thẳng lên trời, đèn chúng tôi cho thấy một cái vòm cao hình như cũng là đất sét, như hàng lang, nó cũng quay và tiến lên theo hình xoáy trôn ốc. Chúng tôi trèo như thế khoảng 8 - 10m và có cảm tưởng quay 90^0 về phía trái; chúng tôi tìm thấy một thứ nền phẳng bằng đất chắc nịch, trên đó chúng tôi có thể đi như trên một đại lộ bằng cách đi xuống trên một con dốc rất thoải mái; hành lang như rất cao. Tiếng thác nước vừa nhận ra ở phòng IV trở nên rất phân biệt và càng lớn theo mỗi bước chân tiến tới trước. Tiếp theo một nền đất là một nền sạn; rồi thình lình bức tường trái biến mất trong bóng tối, một lỗ đen rộng và sâu thế chỗ nó. Phía dưới, khoảng 3 - 4m, tiếng òng ọc và tiếng nước chảy vang đến tai chúng tôi. Con đường phẳng trái lại mỏng đi và đi xuống thình lình và sau đó một chút đến lòng của dòng nước...

Đúng vào nơi này một sự cố bất trắc xảy ra trên đường làm phức tạp và khó khăn thêm cho hành trình; ngọn đèn của tôi tắt vì hết pin - tôi nghĩ - và không có pin thay thế vì để lại ở chỗ các người phu khuân vác - tôi phải tiến đến càng gần ông Pasqualaggi càng tối để lợi dụng ánh sáng của ông; việc tiến tới của tôi cũng như của người bạn đồng hành trở nên càng ngập ngừng và chậm chạp. Nỗi lo ngại của chúng tôi lớn thêm khi nhận thấy ngọn đèn bão của bạn tôi chỉ còn một lóng tay dầu hỏa... Hoàn cảnh không còn vững tâm. Nhưng phải tin tưởng vào thần linh của Động và tạo hóa, người tạo nên hòa điệu trong thiên nhiên, để giải thích các sự ngạc nhiên gần như huyền diệu đã xóa tan tức khắc tất cả nỗi sợ của chúng tôi - đúng vào thời điểm quan yếu như trong các thiên tiểu thuyết trường thiên định kỳ...

Vừa lúc chúng tôi vượt qua chừng vài chục thước, chúng tôi đột nhiên nhận ra một vài cảnh trí đặc biệt của hành lang nơi chúng tôi đi trước đây nửa giờ... và nỗi nghi ngờ không còn nữa; đây cũng chính là thác nước ồn ào và rõ hơn là dấu vết xác nhận nguồn gốc mà chúng ta không thể không nhận ra: đó là chồi thạch nhũ lớn màu xanh ngọc, lần này nổi lên ở phía tường trái... Cùng lúc, lắng tai nghe thấy tiếng gọi của ông Charly vang lên rõ ràng từ hướng đi của chúng tôi; và cuối cùng ánh đuốc của những người phu bản xứ đã tạo nên một vầng sáng nhẹ trên vầng đen trước mặt chúng tôi, làm cho chúng tôi vui vẻ tiến lên không thấy khó khăn nhiều trên một lòng đá nước ngập ngang đầu gối.

Còn 200m nữa, và chúng tôi tấn công phía đường đất sét, con đường cứng hơn và cũng nguy hiểm hơn trong tất cả những đoạn đường khó khăn đã vượt qua, chúng tôi vẫn còn xa cách các bạn đồng hành của mình, họ đã bắt đầu lo ngại về sự vắng mặt kéo dài của chúng tôi và trước sự im lặng dằng

dặc sau một loạt tiếng vang của những tiếng kêu lập lại của họ... Tôi thật sự khó ở, vì thiếu ánh sáng và đi mệt cũng phải qua lần nữa nơi quan yếu này, tôi tự nhủ phải đem theo thuyền con, nếu một ngày nào đó tôi trở lại để tiếp tục cuộc thám hiểm, với thuyền con chúng tôi có thể đưa theo với chúng tôi những người mang dụng cụ soi sáng.

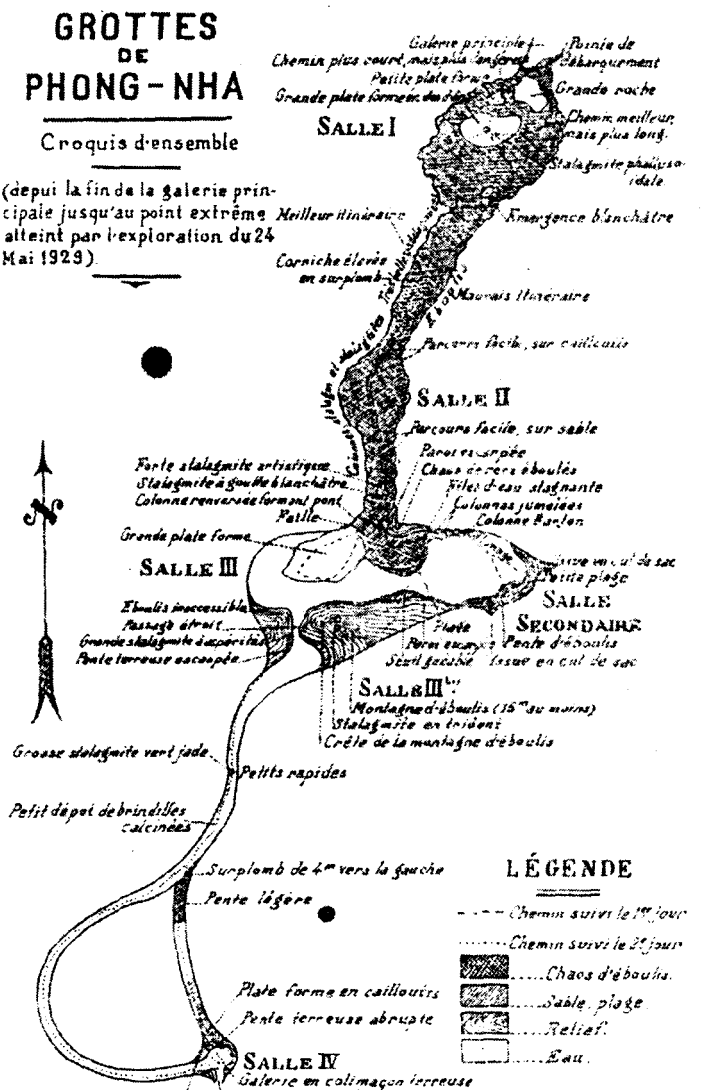
Như thế, chúng tôi đã quay trở lại, rồi không chút nghi ngờ lấy lại con đường trở về. Kết quả: Chúng tôi vẫn không biết phía bên phòng IV còn có hay không một lối ra khác,... mặc dù chúng tôi cảm thấy thỏa mãn được ra khỏi cái điều tệ hại mà việc thiếu ánh sáng không chậm làm chúng tôi bị rơi, trong thâm tâm chúng tôi tức giận mình trở về mà không có thể nói được rằng từ phòng IV, còn có thể đi sâu về phía trước nữa không, tắt một lời lẽ có chăng một lối ra thứ ba, ngoài lối đến (nghĩa là lối của dòng suối) và lối của hành lang không có nước với lối đi xoáy trôn ốc; lối đi thứ ba này đi từ góc tối chưa khám phá, hướng về phía phải và tiếp tục dòng nước về phía thượng nguồn...?

Có thể nào chúng tôi quyết định về kịp giữ sau khi tập hợp đủ nhiên liệu và đem theo một thuyền con khi đi bộ? Than ôi! Không thể được! Chỉ còn 3 hay 4 ngọn đuốc dự trữ, và các người phu đã yêu cầu một cách khôn ngoan là trở về ngay tức thì. Họ không chịu nghe lời chúng tôi, nỗi sợ hãi đã khuất phục họ và cho họ cái can đảm đó. Hơn nữa, ngọn đèn pin của tôi trong thực tế đã bị bảo hòa vì độ ẩm, không đỏ được nữa dù với pin mới... Cuối cùng chúng tôi đã mệt nhọc thể xác cũng như tinh thần, sau những ức chế thực sự của bóng tối, chúng tôi thầm mong được thấy lại ánh sáng ban ngày càng sớm càng tốt.

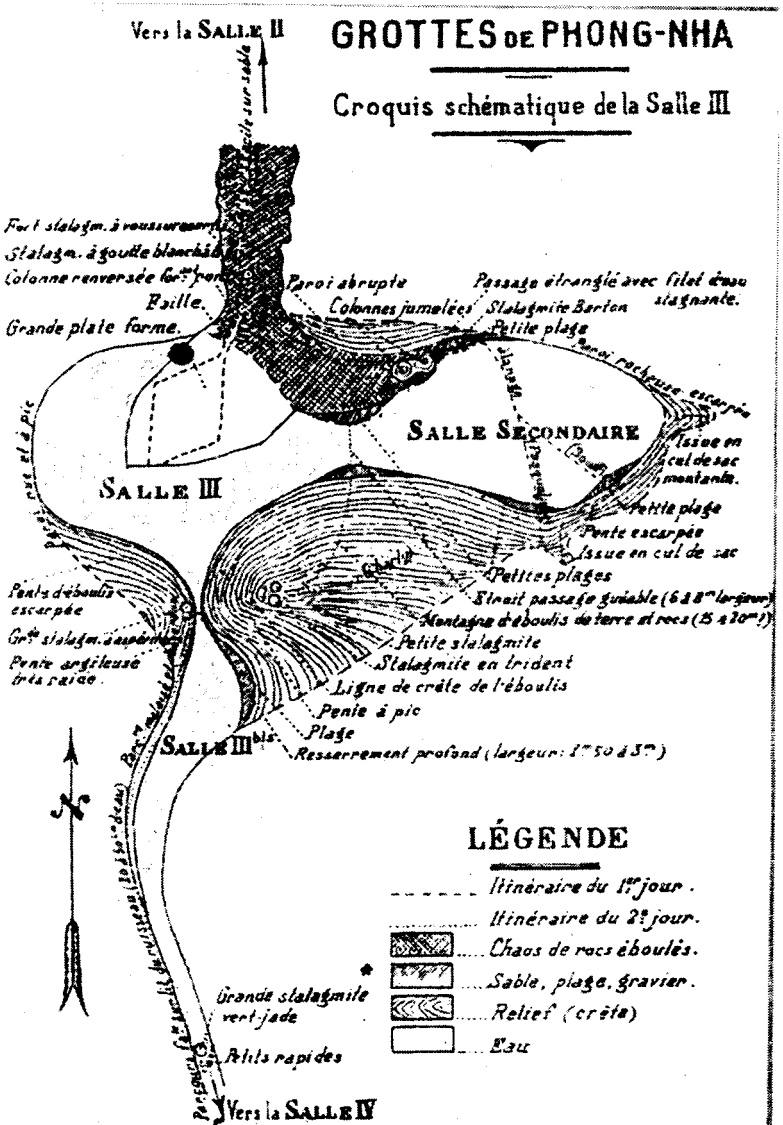
Nửa phần thỏa mãn nửa phần tiếc nuối, thế là chúng tôi trở về không tổn hại nào khác ngoài ngàn vết xước trên khắp

thân thể, từ phòng I, theo một cách tự nhiên con đường tương đối dễ của bờ tường bên trái. Sau cuộc chuyển vận cẩn thận và dài các vật dụng nơi cắm trại xuống thuyền theo phương thức dây chuyền, với ánh sáng của những mẩu đuốc cuối cùng, chúng tôi lên thuyền...

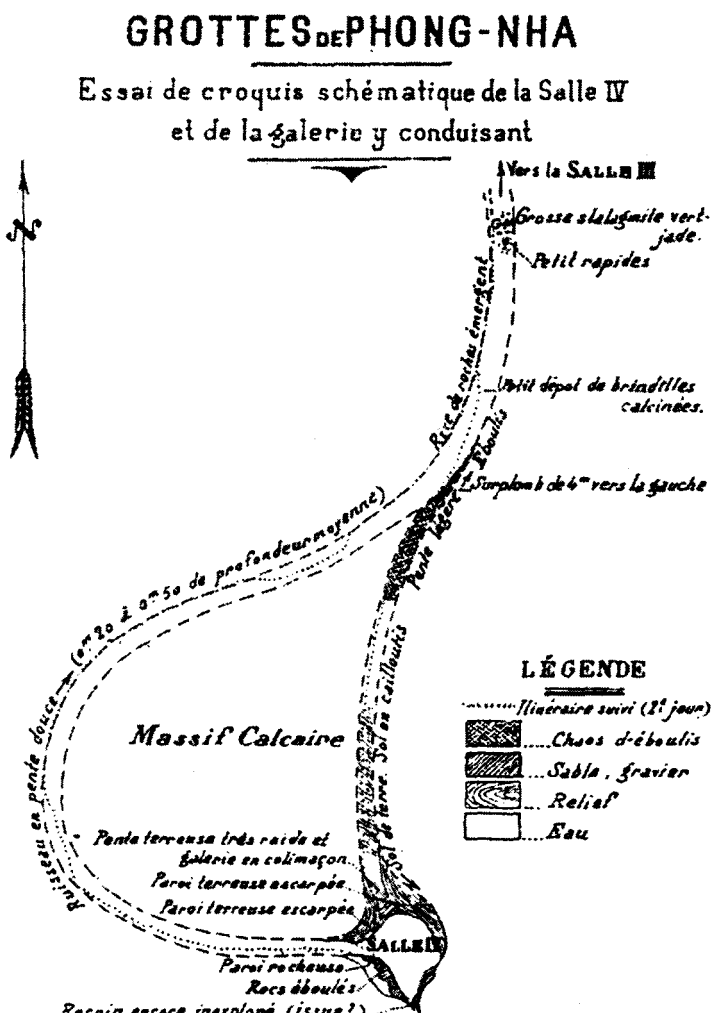
Nhưng, trong chúng tôi đã trỗi dậy nỗi thỏa mãn thầm kín với tất cả hiện hữu của mình, khi ở một khúc quanh ở hành lang chính, một ánh sáng trắng nhạt với hồng pha tím thắp sáng nửa vòng tròn của hàng lang nhỏ đã ở phía xa. Thêm một vài khúc quanh và thuyền chúng tôi theo sau có một chiếc tương tự và hai thuyền độc mộc, chậm rãi tiến vào, dáng chiến thắng và nghiêm như một chiến xa thắng trận, nơi phòng lớn lối vào với những làn sóng xanh nhạt, sâu thẳm, nơi này tranh nhau soi bóng vô số những tượng đá trên bờ, sống động, rách bươm với những hình thù kỳ lạ nhất, bất ngờ nhất, phong phú và trữ tình nhất, tất cả được tô màu theo các sắc cầu vồng, trong đó bên cạnh màu hồng nhạt của một Vatteau và màu trời xanh nhạt của một Rephel nổi bật lên màu thổ hoàng và màu son ánh lên màu xám và màu lục da đồng để lâu không thể xóa được...



LXIX. *Sơ đồ các hang động ở Phong Nha.*



LXX. *Động Phong Nha - Khoang số III.*



LXXI. Động Phong Nha - Khoang số IV.

GIA ĐÌNH VÀ TÔN GIÁO Ở AN-NAM

L.CADIÈRE

MỌI người đều biết, ít nhất là bằng cách phỏng chừng, cái gọi là tôn giáo của người Việt.

Người Việt thờ cúng các linh hồn và từ đó phải lắng nghe các linh hồn tổ tiên mà từng gia đình sùng bái; linh hồn của những nhân vật ngày xưa ít nhiều có thực, nổi tiếng với nhiều danh hiệu mà vua chúa hoặc niềm tin của dân chúng đặt lên bàn thờ, và người ta thờ cúng trong tư gia, ở chỗ công cộng; cuối cùng các linh hồn có hoàn cảnh khốn khổ, sau khi hóa thân đã thành hung dữ và trở nên "ma quái", "quỷ dữ"; cần được khuyến giải để chúng không làm hại người sống; các thần linh ít nhiều đã cải trang, là những nhân cách hóa hiển nhiên các thế lực của tự nhiên. Đó chính là tôn giáo mà người ta nhận thấy khắp nơi ở đền đài, miếu mạo, bên trong các mái nhà, ở bờ đường, trong các chỗ hẻo lánh bụi bờ và ở đó người ta bắt gặp các biểu hiện vào mọi lúc ban ngày hay ban đêm.

Hơn nữa, ở Việt Nam, người ta thấy đó đây các chùa Phật giáo, các đền Lão giáo, ở một vài vùng thì rất nhiều, ở một vài tỉnh khác thì lại rất hiếm. Thế nên việc thờ Phật được thừa nhận một cách chính thức do nhà nước, mặc dù nó không ảnh hưởng bao nhiêu đối với dân chúng, và các vị thần Lão giáo du nhập từ Trung Quốc được kết hợp với các thần linh đã được người Việt tôn thờ, không kể các hoạt động phù thủy, mặc dù

bị luật pháp bài trừ vẫn rất được tôn vinh trong tất cả các giai tầng dân chúng.

Người Việt rất sùng đạo, tôi muốn nói rằng họ hòa nhập tôn giáo vào tất cả các hoạt động của đời sống họ và họ đắm mình vào niềm tin rằng các thực thể siêu nhiên luôn luôn hiện hữu bên cạnh họ, điều khiển họ và hạnh phúc của họ tùy thuộc vào sự can thiệp của chúng trong công việc của thế giới này. Mặt khác, gia đình là một trong những định chế mạnh mẽ nhất thiết lập nền văn minh Việt Nam. Hiển nhiên tôn giáo, dưới các biểu hiện khác nhau, đã kết hợp một cách mật thiết với đời sống gia đình.

Để nắm bắt được ảnh hưởng của tôn giáo tác động lên gia đình ở Việt Nam, trước hết tôi sẽ xác định gia đình là gì, rồi tôi sẽ chỉ ra tôn giáo đã can thiệp như thế nào vào hành vi cấu tạo gia đình, tôi muốn nói đến hôn nhân; cuối cùng, tôi sẽ lần lượt nghiên cứu vai trò, đứng trên quan điểm tôn giáo, của các thành viên trong gia đình, người chủ gia đình, người đàn bà, các con cái.

I - GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Cần phải định nghĩa cái mà người Việt hiểu về tiếng gia đình, hay đúng hơn cái gì là gia đình ở Việt Nam.

Tiếng Việt có hai từ để diễn tả, một là ý niệm về gia đình theo nghĩa hẹp, một là khái niệm gia đình theo nghĩa rộng.

Tiếng "nhà", đúng nghĩa, chỉ "cái nhà" theo nghĩa xây dựng, "xây dựng một cái nhà", nghĩa đen: "nhà và cửa", chỉ đúng cái nghĩa ban đầu. Nới rộng ra tiếng đó chỉ những ai sở hữu cái nhà đó, nghĩa là "gia đình". Cái tiếng này của ngôn ngữ thông tục hình như là thân thuộc trực tiếp với chữ Trung

Hoa, đọc theo tiếng Hán Việt - là "gia". Nếu chúng ta muốn chú giải từ ngữ (chiết tự) theo cách linh mục Prémarem, chúng ta có thể nhận thấy rằng chữ biểu thị tiếng "gia" được cấu tạo với ký hiệu "mái nhà" đặt trên ký hiệu "con heo", và chúng ta có thể kết luận rằng cái tiếng "gia" biểu thị, trong ý tưởng của những người tạo nên nó, từ đã lâu, hình thức biểu ý mà chữ này diễn đạt, theo tôi là mái gia đình, nghĩa là ngôi nhà và tất cả những gì ở trong đó, ngay cả những gia súc. Nhưng chúng ta hãy bằng lòng với cái nghĩa mà tôi đã cung ứng cho cái tiếng "nhà", các nhân vật sống dưới một mái nhà, nghĩa là gia đình theo nghĩa hẹp: người cha, người mẹ, các con.

Gia đình theo nghĩa rộng, trong ngôn ngữ thông tục, được biểu thị bằng tiếng "họ", tiếng này nguyên nghĩa là mọi kết hợp, tập hợp nhiều người, nhưng ở đây được đặc biệt hiểu theo nghĩa hẹp là tập hợp những cá nhân và hậu duệ của cùng một ông tổ. Với cái nghĩa riêng đó, tiếng "họ" tương ứng với tiếng Hán Việt: tộc và cả hai thường kết hợp với nhau thành một tiếng kép. Dịch sang tiếng Pháp chính xác là "parenté" (có quan hệ thân tộc) hay "clan familial" (họ tộc gia đình); nhưng người ta thường gọi chung là "gia đình" (famille); ở đây chúng ta sẽ dùng từ này hay từ kia, nhưng trong trường hợp phải cho từ gia đình cái nghĩa rộng như đã nói trên.

Tất cả những người là hậu duệ của ông tổ chung mang cùng một tên gọi là "tên gia đình: họ". Thật thế, người Việt đã mượn cách dùng của Trung Hoa, họ chia theo dòng họ. Không có "bách tính" (trăm họ) như ở Trung Hoa, con số này không thích hợp với thực tế, vì các tự điển Trung Hoa cho thấy có nhiều hơn, trên vài trăm họ, người ta chỉ gặp ở Việt Nam khoảng ba mươi họ, trong đó nhiều họ rất hiếm, các họ khác lại thường thấy mà người ta có thể rút gọn trong con số mười

nhỏ nhoi các họ thường thấy dùng. Chính như thế mà người ta gặp họ Nguyễn, họ Trần, họ Hoàng, v.v... Tôi nói gia đình bởi vì có nhiều người Việt mang cùng một họ nhưng không phải là hậu duệ của một dòng giống chung. Thật thế, thường có ngay trong một làng nhiều gia đình có cùng họ. Ngày xưa thuở khởi đầu quốc gia phải chăng chỉ có một ông tổ chung? Không ai biết để nói. Nhưng hiện nay các sổ hộ tịch gia đình cho phép đi xa trong quá khứ và các gia đình khác nhau mà có cùng tên họ này tự xác nhận rằng mỗi gia đình có một ông tổ riêng biệt.

Họ, gia đình với nghĩa rộng, gồm tất cả những người cùng chung một ông tổ, đàn ông cũng như đàn bà. Đàn bà do hôn nhân, theo quan điểm thờ cúng và trong một vài điều kiện tôi sẽ chỉ ra về sau, chuyển sang sát nhập gia đình nhà chồng; nhưng họ vẫn giữ cho đến khi chết và cả sau đó, họ của gia đình mình. "Mộ phần của quý bà họ Trần, vào cửa (tức là gia đình) họ Lương, hiền tỉ nước Việt cũ."

Dòng chữ bia mộ này cho thấy vị trí của người đàn bà trong gia đình mình và trong gia đình nhà chồng: người đàn bà nói ở đây sinh ra trong gia đình họ Trần nhưng do hôn nhân của mình, bà đã bước qua thềm "cửa bên trong" của họ Lương và chính là tại họ này mà bà được chấp nhận.

Gia đình, theo nghĩa rộng, không chỉ gồm những người còn sống, nó bao hàm cả người đã khuất. Và điều này có tầm quan trọng cơ bản theo quan điểm của chúng ta. Thật thế, do cách cấu tạo của chính mình, "họ" - gia đình theo nghĩa rộng - phải có tính chất tôn giáo, vì "họ" gồm cả những thành viên siêu nhiên. Người Hy Lạp cổ đại khoe mình là bà con với Thượng đế. Nơi người Việt, người dân quê nghèo khổ nhất, người phu khốn khổ nhất cũng có thể nói như thế. Và khi mà

họ coi tổ tiên mình là những nhân vật vượt lên cao khỏi thế giới tự nhiên thì họ cũng nghĩ rằng chính họ cũng thế, sau khi chết, một ngày nào đó họ được con cháu coi là có những quyền lực siêu nhiên. Gia đình như là một ngôi đền lớn. Các thành viên còn sống là ở bên trong trụ biểu, bên trong tiền đường. Người này sau người kia, đến phiên mình bước qua ngưỡng cửa đáng e ngại để vào cánh cửa của thần chết và thâm nhập cái phần kia của ngôi đền vào trong mộ phần. Nhưng những người này cũng như những người kia luôn cư trú cùng một mái nhà. Các mối quan hệ kết hợp họ với nhau trong đời sống không bị cái chết tháo gỡ; trái lại những quan hệ này do tôn giáo lại trở nên mạnh mẽ hơn, chúng thường xuyên như việc thờ phụng tổ tiên. Phải thú nhận rằng gia đình như thế có tính chất đáng kính cao cả, thật sự đầy ấn tượng. Chúng ta sẽ thấy về sau các kết quả của quan điểm này về phương diện đạo đức.

Sự tồn tại này của tổ tiên, hiện hữu của họ giữa gia đình; không phải là một từ ngữ trống rỗng, một cách nói, một hình tượng thi ca. Đó là một thực tại sâu đậm được mọi người thừa nhận.

Hơn nữa, một vài nghi lễ được thấy trong tang lễ minh chứng niềm tin này.

Theo nghi thức tang lễ, "người ta lấy một dải lụa trắng hoặc vải trắng, dài 7 khuỷu tay, và khi người hấp hối gần trút hơi thở người ta đặt nó lên bụng người đó. Sau khi trút hơi thở cuối cùng người ta lấy dải lụa trắng đó thắt thành những cái nút để hình dung đầu, hai tay, hai chân, nghĩa là hình dung một con người. Khi người chết được đặt vào áo quan, người ta đặt hình nhân bằng lụa, tượng trưng linh hồn người chết này lên một bàn thờ và mỗi bữa sáng người ta mời hồn

ma ra ăn sáng, đến chiều lại mời hồn ma trở về yên nghỉ, người ta tái diễn việc mời mọc cung kính này như họ thường làm khi người chết còn sống, trong 100 ngày. Cái tên của linh hồn bằng lụa này (hồn bạch, linh bạch) được đặt như thế vì người ta dùng lụa để hình dung tượng trưng như đã nói trên và người ta có ý xác nhận rằng linh hồn người chết trú ngụ trong hình nhân tượng trưng này.

Hồn bạch, đặt trên "linh sàng" trong các lễ cúng được chuyển sang bàn "linh tọa", bàn này được đặt trước quan tài. Khi tang lễ đến gần người ta rước hồn bạch sang bàn tổ tiên và mời theo hình thức sau: "Trong thời điểm qua khỏi bờ khổ ải, kính mời vong linh về trình diện đền thờ tổ tiên". Việc viếng thăm được thực hiện xong, người ta lại đưa hồn bạch về bên quan tài. Chính là với hồn bạch này, người ta tỏ lòng cung kính để thông báo các nghi lễ sẽ được cử hành và trong đoàn rước đám tang, hồn bạch được đặt trên linh tọa rước đi ở giữa. Tóm lại, hồn bạch được coi là có chứa linh hồn người chết.

Và rồi khi việc chôn cất đã xong một nửa, nghĩa là khi huyệt mộ đã lấp một nửa, vai trò của hồn bạch được bài vị thay thế. Vào lúc này, người được chỉ định viết chữ trong tang lễ viết nét cuối cùng trên bài vị, những chữ khác đã được viết sẵn. "Kế đó vị chủ lễ đặt bài vị vào bàn linh tọa, sau khi lấy đi hồn bạch giấu sau bài vị, chủ lễ tiến lên trước bàn thờ, thắp hương, quỳ gối, rót rượu, dâng cúng cơm rượu. Luôn quỳ, người chủ lễ đọc lời điếu mà nội dung là lời con cái đau đớn khóc cha mẹ và cầu xin rằng vì thể xác đã gởi vào đất đen, xin mời vong linh đến cư trú trong bài vị và trở về nhà để con cái được phụng thờ. Linh hồn như thế đã ở trong bài vị. "Sau khi tang lễ chấm dứt, người ta đưa bài vị về nhà... Khi đã trở về nhà, một người hành lễ đến bên linh tọa, quỳ xuống và khấn lời sau đây: "Xin được phép thỉnh đặt bài vị và hồn bạch lên bàn thờ (chỗ

đã được xếp đặt ở trong nhà) người ta đặt ngay bài vị vào chỗ. Tiếp theo là lễ khóc người chết (cha hay mẹ) trở về trong nhà".

Các văn bản rất rõ ràng. Người ta chỉ còn nói một cách minh bạch rằng người chết tiếp tục sống bên cạnh người sống. Dưới mắt người Việt, người chết thân xác đã rời khỏi gia đình nhưng linh hồn vẫn trở về đây nơi bài vị và còn cư ngụ ở đó một cách hiện thực hơn là thần bí.

Sự hiện diện của linh hồn người chết trong bài vị có thể nói được rằng càng thêm sống động và nhạy bén hơn vào lúc cử hành lễ cúng.

Chúng ta hãy lấy các lễ tế ngu cử hành sau khi chôn cất được 100 ngày: "Lúc cử hành lễ phải mở bài vị của người chết ra... người con trưởng và con cháu trong nhà cũng như những người dự lễ, đứng thẳng theo hàng của mình, và khóc lóc một lúc... sau đó, người chủ lễ cầm hương đưa lên ngang trán và khấn nguyện như sau: "Xin vong linh cha tôi (hoặc mẹ tôi) từ nơi cao xanh về trong bài vị!". Ông ta lạy thêm hai lạy và đứng dậy... Tất cả quỳ gối, người chủ lễ cầm chai, rót rượu vào tách đưa lên trán và khấn như sau: "Xin vong linh cha tôi (hoặc mẹ tôi) từ chốn âm cung lên nhập vào bài vị"... Sau ba lần Tế ngu như thế, hồn bạch trước đây cho đến lúc này được để bên cạnh bài vị, nay đem chôn ở một nơi thích hợp.

Những văn bản có nói đến những tín ngưỡng này hình như chứa đựng các mâu thuẫn, tùy thuộc vào nơi cư trú của linh hồn người chết. Cần phải nhớ lại rằng đối với Viễn Đông, linh hồn không phải chỉ một mà có nhiều: có 3 hồn trên và các hồn dưới (vía), đàn ông có 7 vía, đàn bà có 9 vía, không kể các linh hồn có rất nhiều và phức tạp. Sự phức tạp này của tín ngưỡng đưa đến một vài điều mập mờ trong tinh thần và lễ nghi mà người soạn lễ nghi diễn dịch khi ông ta nói: "Các

con, thấy thân xác của người chết (hay cha mẹ) đã trở về với đất và không biết linh hồn đi đâu nên lòng tràn đầy bối rối và khổ đau với ký ức này. Để đem lại yên ổn cho tâm hồn phải tế lễ 3 lần trong khoảng thời gian đã định cho lễ này".

Chúng ta thấy cung cách thực hiện trong các lễ kỵ giỗ.

Bài vị được lấy ra khỏi hộp, ông tổ như thế đã thấy được. Người chủ lễ nói với người chết và với tất cả thành viên đã chết với gia đình: "Tôi là ... nước Đại Nam, tỉnh ... , huyện ... , làng ... , người con có tình, thừa mệnh, ... kính cáo ông ... hay bà ... và đứng trước linh vị kính cáo: nhân dịp ngày kỵ xin dâng cau, trầu rượu, bánh trái và giấy vàng bạc. Kính thỉnh quý ông ... quý bà ... tất cả chư vị trong gia đình, bà con bên nội bên ngoại về đây chung hưởng các phẩm vật này. Kính cáo!". Thế là họ, tất cả có mặt ở đó, không chỉ là người mà người ta cử hành lễ kỵ mà tất cả tổ tiên của gia đình, tất cả những người thân xác "đã mất", "đã giấu mặt", theo cách gọi người chết của ngôn ngữ bình dân, nhưng linh hồn họ thường xuyên ngự trên bàn thờ nơi bài vị, hay chạy đi chốc lát đến các bàn thờ khác của tổ tiên trong gia đình.

Trong một vài cuộc họp mặt thờ cúng này, thường chỉ có một nhánh của gia đình, ít nhất là phía những người sống. Nhưng trong những cuộc họp mặt khác, khi cuộc lễ diễn ra ở nhà thờ họ thì tất cả họ có mặt. Và đó thật là cuộc họp mặt trang nghiêm. Ở tận cùng, trên bàn thờ, trong các đồ sơn son thếp vàng, giữa vòng hương xoắn, tất cả tổ tiên, từ người chết cuối cùng trong năm mà người ta còn để tang, đến các thế hệ cao xa, việc để tang không còn bắt buộc nhưng việc thờ cúng họ chưa dứt. Ở phía trước và trên mặt đất, những người sống, đàn ông đứng thẳng, nét mặt trầm mặc, hai tay chấp nhau, đàn bà phủ phục trên chiếu. Tất cả các chi họ đều có mặt ít

nhất là người đại diện và tất cả họ do người Trưởng tộc, dâng cúng các tổ tiên, hương, rượu, đồ ăn, mứt bánh, giấy vàng bạc và tất cả lạy trước các tổ tiên, bởi vì tất cả biết rằng thật sự các vị hiện diện trước mặt họ, ở trên bàn thờ.

Tổ tiên ông bà còn hiện diện một cách rõ ràng đầy ấn tượng hơn không phải ở các ngày kỵ giỗ mà trong những ngày đầu năm âm lịch. Vào nửa đêm cuối cùng trong năm, người ta đến trước ông bà tổ tiên và "rước ông bà" - theo ngôn ngữ bình dân, và tổ tiên về ở trong nhà nơi mà người ta dâng cúng họ. Ngày mồng ba hay mồng bảy người ta "đưa ông bà", và tổ tiên trở về tình trạng ngủ nửa vời, nhưng không kém hiện thực, đó là tình trạng thông thường của họ.

Họ còn có dịp thoát khỏi tình trạng này, và hiện hữu của họ được xác nhận lần nữa vào các biến cố quan trọng trong đời sống gia đình. Người ta sẽ thấy về sau người ta thông báo với họ như thế nào về hôn phối của một thành viên trong gia đình với một người ngoài. Nhưng sự ra đời của một đứa trẻ cũng được thông báo với họ, ít ra là ở những gia đình khá giả có đủ phương tiện làm theo nghi lễ. Chính trong gia đình hoàng tộc, sự tôn trọng các truyền thống được đưa lên hàng đầu: nhà vua long trọng thông báo với tổ tiên của triều đại, do chính mình hay cử một đại thần đại diện, không chỉ các biến cố vui mừng hay đau khổ trong gia đình: hôn nhân, sinh đẻ, tang chế, mà tất cả những hoạt động có ảnh hưởng đến đời sống quốc gia, đến hạnh phúc của dân chúng: lễ tế trời đất, tế các thần bảo trợ cho vương quốc, các cuộc chiến tranh, các hòa ước, việc lên ngôi của một vị vua mới, việc đổi niên hiệu v.v...

Sự hiện diện này của tổ tiên giữa gia đình không phải là một tình trạng thuần thụ động. Họ cũng tác động, thông thường, ảnh hưởng của họ tác động đều tốt cho các thành viên

còn sống trong gia đình: đó là khi những người này hoàn thành đầy đủ các đòi hỏi nói lên được lòng hiếu thảo của họ. Khi đó, tổ tiên vào những ngày lễ, đem những gì mà họ cần, hạnh phúc, yên ổn, làm hiển thị sự có mặt của mình bằng cách phân phát mọi điều tốt đẹp cho con cháu. Nhưng nếu con cháu chọn mộ phần ở chỗ xấu, hay chúng quên dâng cúng những phẩm vật bắt buộc, hoặc chúng tỏ ra keo kiệt, tổ tiên sẽ trả thù hay đúng hơn, họ trừng phạt kẻ có tội, và theo chỉ dẫn của thầy địa lý hay thầy phù thủy phải dời hài cốt hay dâng một lễ cúng tạ cho các tổ tiên không vừa lòng.

Một người đàn bà mà tôi gặp một bữa chiều khi bầu trời vừa tối, trong một góc rừng, bị cướp và bị đánh gần chết, tôi đưa về và săn sóc, khi bà ta lành bệnh đã nói với tôi: "Thưa cha, thật là nhờ phước đức của ông bà tổ tiên mà tôi được gặp ngài trên đường". Cái tiếng mà bà dùng là "Phước" đáp ứng hai ý niệm hơi lẫn lộn và không rõ nét, nhưng có liên quan đó là hạnh phúc tự thân của tổ tiên và ảnh hưởng tác động bên ngoài của chúng. Sở dĩ tôi có mặt ở đó và nhờ tôi mà bà ta thoát khỏi cái chết có thể xảy ra là vì tổ tiên bà ta được hưởng phước đức tối cao, nhờ vào sự thờ cúng chân thành hiếu thuận mà bà đã làm, nhưng cũng do những vị tổ tiên này với phước đức được hưởng đã làm cho cảm thấy được cái ảnh hưởng bảo bọc của họ đối với bà ta vào lúc mong muốn.

Sự hiện diện của tổ tiên này được thừa nhận như là một sự kiện hiển nhiên. Hãy xem một tác giả Việt Nam diễn đạt như thế nào: "Người Việt cho là rất tự nhiên khi tin rằng người chết sống vô hình bên cạnh người sống. Niềm tin này không đến với họ từ một hành động tín ngưỡng, từ một nhu cầu để ước mơ, để giải thích các bí ẩn của đời sống; đó không phải là một niềm xác tín đơn giản phía luận lý, phát sinh từ một nhu cầu con tim hay trí óc, đó là một đoán chắc thật sự buộc họ

phải chấp nhận với sự hiển nhiên của những sự thật thấy được, sờ được... Người ta tin người chết sống bên cạnh người sống như tin vào ánh sáng mặt trời hay sức nặng của chì".

Tổ tiên còn hiện diện trong gia đình hơn khi trong một vài trường hợp, thay vì ngồi ở một chỗ xa trên bàn thờ trong một thế giới riêng biệt, họ được coi như còn ở vị trí của họ trong bà con theo thứ bậc trong gia đình: "Những người còn sống, so với người chết, thuộc hàng cao hơn thì không phải cúng thờ". Thật thế, sách *Gia lễ* chép rằng "đối với những đứa con chết 3 tuổi, chỉ cha mẹ cúng; đối với những đứa chết ở tuổi 16 đến 19 thì chỉ các con trai của anh họ cúng họ".

"Nếu người hưởng hương hỏa chết có con trai còn nhỏ, thì người Trưởng tộc có thể thay thế nếu người đó là con út. Nhưng nếu ông ta là chú và nếu ông ta là người lớn tuổi hơn là người được hưởng hương hỏa, ông ta không thể dâng cúng cho những người chết đứng hàng dưới ông ta theo luật về tuổi tác. Trong trường hợp này, người Trưởng tộc đứng dâng cúng tổ tiên trong gia đình ở hàng cao hơn ông ta và chọn một người thích hợp để cúng những người chết khác". Tất cả những quy định này theo luật hoặc theo tục lệ chứng tỏ rằng người chết vẫn còn được xem như đang ở chung cùng người sống và họ cũng không thoát khỏi luật về tuổi tác và thứ bậc trong gia đình.

Tôi không phải là không biết rằng một vài tác giả thời nay phủ nhận sự có mặt giả danh của tổ tiên trên bàn thờ gia đình hay trong lăng mộ, hoặc ít nhất khẳng định rằng sự thờ cúng đối với tổ tiên không có một tính cách tôn giáo nào. Đối với họ, sự thờ cúng tổ tiên là "sự thờ cúng cao cả của ký ức, thuần mê tín, đặt căn bản duy nhất trên một tình cảm đạo lý hơn là trên một quan niệm tôn giáo". "Việc thờ cúng này bắt nguồn trong lòng hiếu thảo - Một người con hiếu thuận phải

luôn luôn giữ trong ký ức kỷ niệm bất diệt về cha mẹ mình. Cần phải tôn vinh ký ức của họ đã không làm những điều đáng trách, làm vẩn đục ký ức đó. Việc thờ cúng tổ tiên gần như là một tôn giáo nhưng không phải là một tôn giáo".

Một tác giả khác đã trình bày lý thuyết này rõ ràng hơn và bảo vệ nó với nhiều lý chứng khoa học; ông ta diễn đạt như sau: "Việc thờ cúng tổ tiên có mục đích nhắc nhở người sống kỷ niệm về người chết; nó phát sinh từ đạo lý, cái đã đem lại cho kỷ niệm lòng trung thành và từ định chế của lễ nghi, mà ở Trung Quốc đã phục vụ cho đạo lý này; nó gần như độc lập đối với việc tái sinh đã vừa đem lại cho nó sự xác nhận mà không làm biến đổi tính chất. Việc thờ cúng người chết như thế là một thờ phụng kỷ niệm, ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam: những người bà con mà người ta kính trọng và yêu mến, họ không trở thành các thần linh; việc thờ cúng phát sinh từ tình cảm, không phải từ sự sợ hãi dị đoan về người chết, cũng không phải từ nhu cầu được tổ tiên che chở mà với mục tiêu này người ta gán cho nó sức mạnh của thần linh.

Quan niệm này ngày xưa đã được các tác giả Âu châu bảo vệ dưới một hình thức khác: những người bênh vực lễ nghi Trung Quốc cho rằng nói đến hành động dân sự và các chứng nhận của tình cảm, của sự kính trọng là thuần tự nhiên. Không nghi ngờ gì phải phân biệt: mọi hành động lễ nghi liên quan đến việc thờ cúng tổ tiên không mang trong mình một tính chất tôn giáo. Nhưng để nắm được vấn đề trong toàn bộ của nó, không thể cho rằng người Việt hiện nay không tin vào sự tái sinh và sự hiện diện thực sự của tổ tiên trong các bài vị, rằng họ không gán cho tổ tiên các quyền lực siêu nhiên và kết quả là việc thờ cúng tổ tiên, nói cho đúng, không phải là một tôn giáo. Một lý thuyết như thế là hoàn toàn mâu thuẫn với cái mà người ta thấy hằng ngày ở Việt Nam. Thật thế

những ai chủ trương quan điểm này buộc phải đồng ý rằng "cái căn bản đạo lý, cái nền của việc thờ cúng tổ tiên thường đắm mình trong các ý tưởng mê tín, nhất là ở dân chúng... Việc thờ cúng này còn giữ tất cả tính chất thuần khiết ban đầu ở các giai cấp cao trong xã hội Việt Nam, nhưng nó thật sự trở thành một tôn giáo. Với cả một mớ các điều mê tín dị đoan và các tin tưởng vào các thực thể thiêng liêng mà người ta cầu xin sự giúp đỡ và che chở. Việc đó lúc ban đầu như thế nào? Phải chăng việc thờ cúng tổ tiên đã bắt đầu như chỉ là một biểu hiện thuần tình cảm tự nhiên? Vấn đề đã vượt quá các sự kiện Việt Nam, trong thời gian cũng như trong không gian. Không phải là địa điểm, ở tại đây, cho ta một giải đáp. Có thể và ngay cả người ta gặp, không những trong giới thượng lưu mà cả trong dân chúng, những người Việt Nam tiến bộ chỉ coi lễ nghi về tổ tiên có ý nghĩa thuần truyền thống và gạt bỏ mọi quan niệm thuộc tình cảm tôn giáo. Nhưng đó chỉ là một ngoại lệ. Đối với đa số người Việt, tổ tiên vẫn là thành phần của gia đình và việc thờ cúng của họ đối với tổ tiên vẫn rõ nét tôn giáo.

Tất cả những gì chúng ta vừa thấy cho phép chúng ta xét sự khác nhau giữa "họ" - gia đình trong nghĩa rộng - và "nhà" gia đình trong nghĩa hẹp.

Gia đình với nghĩa rộng luôn luôn gồm các tổ tiên hoặc là được thờ trong nhà thờ họ, nơi này thiết trí bài vị của tổ iên từ đời thứ năm trở lên, hoặc là được thờ ở bàn thờ của người trưởng chi trong họ nơi đây giữ các bài vị tổ tiên dưới đời thứ năm trở xuống. Các bàn thờ tổ tiên của các chi, tùy theo vùng mà tôi đã sống, được đặt ở gian giữa, hay đôi khi ở gian bên trái của ngôi nhà người trưởng chi.

Gia đình theo nghĩa hẹp, trái lại do chính nó chỉ là một phần của gia đình, không có tổ tiên. Gia đình theo nghĩa hẹp

vẫn có bàn thờ tổ tiên nhưng không phải theo danh nghĩa của một phần gia đình nhưng vì người chủ gia đình còn là người trưởng một chi trong họ. Điều đó nói rằng phần đông các gia đình theo nghĩa hẹp không có bàn thờ tổ tiên và từ đó không có tổ tiên ở trong nhà họ.

Ở An-nam, mọi gia đình theo nghĩa hẹp, không có ngoại lệ, khi dâng cúng tổ tiên, thì một số người cử hành lễ trong nhà của họ, đó là gia đình của người con trưởng hoặc trưởng chi, còn những người khác, vốn nhiều hơn, buộc phải đến nhà người trưởng chi để dâng cúng tổ tiên. Để cho việc thờ cúng thật sự đầy đủ với bàn thờ, bài vị tổ tiên, lễ vật dâng cúng thì gia đình dâng cúng phải có thêm một tính chất nữa nghĩa là người chủ gia đình phải đồng thời là người trưởng chi, người trưởng gia đình theo nghĩa rộng. Nói cách khác, gia đình theo nghĩa hẹp mặc dù là tế bào đầu tiên của dòng họ chỉ là quan trọng thứ yếu, chính "họ", gia đình theo nghĩa rộng mới là cơ cấu quan trọng, bởi vì nó toàn diện. Sự khác biệt này, theo quan điểm thờ cúng, giữa gia đình theo nghĩa hẹp (nhà) và gia đình theo nghĩa rộng (họ) là một quan trọng cơ bản. Ví như các mạch đất phát sinh từ một tầng địa chất, đã tạo nên trong các lớp đất một ngọn núi rộng lớn; sự khác biệt này sẽ được cảm nhận, chúng ta sẽ thấy trong điều kiện, theo quan điểm tôn giáo, của các thành viên khác nhau trong gia đình. Khi chúng ta khảo sát vai trò của người chủ trong gia đình, chúng ta tự hỏi rằng ông ta chỉ đơn giản là người chủ gia đình theo nghĩa hẹp hay là trưởng chi của dòng họ? Đối với các đứa con phải phân biệt con trưởng và các con thứ. Đối với người đàn bà, mà vai trò không được chú ý trong việc thờ cúng tổ tiên, lại phải được lưu ý trong những trường hợp đặc biệt hiếm có khi bà ta là trưởng chi.

Không là như thế đối với những gì liên quan đến đạo Phật hay đạo Lão. Gia đình theo nghĩa rộng, "họ", không còn vai trò gì nữa, trong khi gia đình theo nghĩa hẹp, "nhà", trong cá nhân người chủ hay của những thành viên riêng lẻ, đã có liên hệ với đạo Phật hay các thần xấu hoặc tốt.

Một trong các tính chất của họ hay gia đình theo nghĩa rộng cần phải thông báo đó là sự gắn kết lớn lao ngự trị trong họ. Các mối liên hệ gắn kết các thành viên trong bà con An-nam, có rất nhiều. Có liên hệ mà tôi gọi là liên hệ ngôn ngữ học: thuật ngữ về gia đình vô cùng chi tiết; mỗi hạng bậc bà con có một từ riêng biệt để chỉ định và những từ này được dùng trong ngôn ngữ thông dụng, như tên gọi chung hay đại danh từ; và khi nói với một người nào mà sai lầm là bị coi như vô lễ và phỉ báng. Bởi thế cho nên mỗi thành viên trong gia đình hoàn toàn biết cái danh hiệu thích hợp với chính mình cũng như danh hiệu của những người khác và từ đó biết rõ vị trí của họ trong gia đình. Tính chất quan trọng của danh hiệu bà con rất lớn, ở An-nam người ta không nói, thí dụ: Ông nào đấy là ông bác cả của tôi mà nói: Ông ấy, tôi gọi ông là bác cả. Ý niệm về bà con luôn hiện diện trong trí người Việt, không chỉ trong một ý nghĩa mơ hồ nhưng với tất cả chính xác cần thiết. Và mối liên hệ nối kết người sống với người chết là một liên hệ kép, nói như thế là vì, với thuật ngữ liên quan tới người sống được thêm một thuật ngữ cho người chết, dùng trên bài vị, trên bia mộ, trong lời cầu đảo lễ nghi và chúng gồm có hoặc là các danh hiệu chỉ định một vài thứ bậc họ hàng, hoặc là các hình dung từ áp dụng cho người chết.

Còn có mối liên hệ tính chất điều hành, nối kết các thành viên trong gia đình với nhau. Thật thế, "họ" được tổ chức theo quan điểm dân sự và đến một cấp độ nào đó theo quan điểm hình phạt, hơn là đạo lý. Tôi sẽ trở lại vấn đề này về sau.

Mối liên hệ mạnh mẽ nhất là mối liên hệ tôn giáo. "Họ" tôn vinh những người chết của dòng họ. Việc thờ cúng tổ tiên, kết hợp hoặc là các thành viên của một chi trong gia đình, hoặc là các thành viên của toàn bộ dòng họ, hay ít nhất là các đại diện các chi. Các cuộc tập hợp này diễn ra vào những ngày đầu năm, vào thời gian chạp mộ, nghĩa là vào tháng cuối cùng trong năm và các ngày húy kỵ của các thành viên đã chết. Sau lễ cúng tổ tiên, mọi người vào dự tiệc, nơi đây vị trí của mỗi người được xác định một cách tỉ mỉ theo hàng thứ bậc của họ trong hệ thống đẳng cấp gia đình. Khốn khổ thay cho những ai tạo nên lỗi lầm. Người ta dù cho là một vị quan cao cấp cũng phải ngồi ở hàng của mình, sau những bà con áo quần rách rưới, sau những người trẻ tuổi nhưng là trưởng chi hoặc trưởng họ. Người ta dễ dàng hiểu rằng các luật lệ nghiêm ngặt về quyền ngồi trên đã khắc sâu như thế nào trong tâm trí mọi người cái ý niệm về mối liên hệ gia đình: niềm kiêu hãnh của mỗi người là nguyên nhân. Những người này thì trông chừng một cách ghen tị vị trí sẽ đến với họ, người khác thì muốn hưởng sớm chỗ ngồi mà họ sẽ có về sau. Cũng cần phải nói rằng nhiều người Việt Nam chỉ được ăn thịt vào những ngày kỵ giỗ và những hưởng thụ về các bữa ăn no bụng này còn tăng cường nối kết các thành viên trong dòng họ. Chúng ta cũng nên thêm rằng, người ta đã lợi dụng các buổi họp mặt chung này để giải quyết việc trong họ: bàn cãi về quyền lợi, việc quản lý ngân quỹ kỵ giỗ, các việc hôn nhân. Và người ta thông hiểu vai trò quan trọng mà tôn giáo thực hiện để giữ gìn sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của một dòng họ.

Sự phối hợp này thường là một điều tốt: dòng họ đoàn kết đấu tranh khi bị người ta tấn công; người trong họ giúp nhau khi cần, an ủi nhau lúc hoạn nạn. Đôi khi đó là điều xấu: quốc

gia Việt Nam không còn biết đến các chia cách về chính trị, như các làng mạc thường bị xâu xé bởi các cuộc chống đối nhau của các dòng họ, các cuộc tranh chấp quyền lợi, tranh chấp quyền ngồi trên và quyền thống trị, những tranh chấp muôn thuở như gia đình.

*
* *

II - HÔN NHÂN

Gia đình phát sinh từ hôn nhân. Ta hãy xem tôn giáo đóng vai trò nào trong nguồn gốc của các gia đình Việt Nam.

Trước hết cần biết rằng, trong một vài trường hợp, gia đình xây dựng mà không có sự can thiệp của tôn giáo. Một thanh niên chán ngán việc kéo lê cuộc sống khốn khổ trong làng, thử phiêu lưu hay hấp tấp tìm chỗ trú ẩn khỏi sự dò xét của quan lại, đã bỏ đi khỏi làng và đến các đồn điền đất đỏ hay các công trường của sở Lục lộ. Ở đó, một thời gian sau, anh ta quen một thiếu nữ cùng bỏ làng như anh. Họ kết hợp và sống chung với nhau, không làm một lễ nghi nào trong nghi thức thường đi đôi với các cuộc hôn nhân. Chính tương lai sẽ nói điều đó. Thực tế của hôn nhân, hay nói cho đúng sự vắng mặt mối liên hệ vợ chồng, sẽ được chứng thực bởi thực trạng sau vài năm. Nếu sau thời gian sống thử một ít lâu, cuộc sống chung tỏ ra không thuận lợi, người ta chia tay nhau một cách êm thấm, hay với một vài xô xát về phía này hay phía kia. Và nói đúng là: cuộc kết hợp qua đường này dưới mắt của hai người trong cuộc sống cũng như dưới mắt mọi người chỉ là một cuộc giải trí của tuổi trẻ, chỉ là cuộc "chơi nhởi". Và phải lưu ý rằng tình trạng chung sống này có thể kéo dài nhiều năm và những đứa trẻ có thể được sinh ra. Không phải thời gian cũng

không phải con cái làm cho hôn nhân hữu hiệu. Phải có sự tiếp tục. Thật thế, nếu người đàn ông và đàn bà tiếp tục sống chung với nhau, họ được láng giềng xem và coi như hòa hợp thật sự, tạo nên một gia đình đích thực và về sau khi họ trở về nguyên quán, mọi người, bà con và đồng hương xem họ đã thật sự kết hợp dù cho không có một lễ nghi thông thường nào. Nhưng người ta sẽ nói rằng, trong thời gian đầu của cuộc sống chung, trước khi mọi việc bỏ nhau được xóa bỏ, hay việc tiếp tục sống chung đã lại kết chặt mối liên hệ của cuộc sống chung này, làm thế nào hai bên đương sự tự coi như là những kẻ lấy nhau không hôn thú sớm thành vợ chồng thật sự, và tại sao họ cũng được láng giềng công nhận như thế giống như những sự phối ngẫu, hay như thành những cặp bình thường, như chồng và vợ? Câu trả lời không phải là dễ. Những trường hợp này hình thành trong những môi trường mà ở đó cuộc sống độc thân khá khó khăn, nơi lương tâm khá rộng mở và việc lấy nhau tự do khá gần với hôn nhân hợp thức, mà phần lớn các người quan hệ không biết rõ mình ở vào điều kiện nào và họ không lo đào sâu trường hợp lương tâm như thế nào, và láng giềng họ phần đông có cùng quan điểm hôn nhân nên cũng ở vào tình trạng không chắc chắn như thế. Tôi nghĩ rằng tình trạng của họ có thể được xác định theo suy nghĩ sau đây mà họ có thể làm hay ít nhất họ có thể đã làm: "Chúng ta sống chung với nhau lúc này, còn tương lai để rồi hẳn hay".

Đó là những trường hợp ngoại lệ; ngày xưa chúng rất hiếm, đặc biệt hiếm, khi mà làng nước, bà con giữ gìn các thành viên của mình rất chặt chẽ. Nhưng ngày nay, nền văn minh, phải nói là như thế, đưa đến cho những người tuổi trẻ và cho cả những người khác, nhiều cơ hội thoát ách áp bức, và những cuộc sống chung - bất thường này trở thành thường xuyên hơn.

Chúng ta hãy xét các trường hợp bình thường, nhờ ơn Thượng đế, chúng thường nhiều hơn. Trong hôn nhân bình thường, tôn giáo đóng một vai trò quan trọng và trong một chừng mực nào đó nó chứng thực sự kết hợp giữa người đàn ông và đàn bà để tạo lập một gia đình.

Một bản tường trình thế kỷ XVII, căn cứ trên những tin tức do các thừa sai thời đó cung cấp, đã tóm lược các nghi lễ và thủ tục của hôn nhân Việt Nam như sau:

"Họ tuân thủ ba lễ nghi trong hôn nhân của mình. Lễ thứ nhất là lễ Hỏi, hay lễ đính hôn. Cha mẹ của chàng trai đem lễ vật đến cho cha mẹ cô gái: nếu họ chấp nhận lễ vật, cuộc hôn nhân được xác định.

"Lễ thứ hai là lễ Cưới. Tất cả cha mẹ, bà con đàng trai, đàng gái tập họp tại nhà cô gái và họ được đãi ăn; và mỗi người tham dự tặng quà cho người đính hôn.

"Lễ thứ ba là lễ Cheo, lễ này quy tụ các vị chính yếu trong làng của cô gái để nói với họ rằng "quý vị hãy làm chứng rằng tôi đã lấy cô làm vợ". Sau lễ Cheo, người chồng có thể bỏ người vợ, nhưng người vợ không thể rời chồng".

Chúng ta hãy xếp một bên lễ thứ ba, lễ Cheo đây là một thủ tục thuần dân sự và ở đó tôn giáo tuyệt đối không dự phần chút nào. Chính trong hai lễ kia: lễ Hỏi hay Đính hôn và lễ Cưới hay hôn lễ là có sự can thiệp của tôn giáo. Và nó can thiệp theo một quan điểm kép: dưới quan hệ của việc thờ cúng tổ tiên và dưới quan hệ thần bí.

Một sắc lệnh ban bố dưới thời Hồng Đức (1470 - 1497), ấn định một cách tỉ mỉ các thủ tục trong hôn nhân, và ngoài lễ Cheo, còn có bốn lễ khác cần lưu ý, chúng tương ứng với hai lễ mà các thừa sai thế kỷ XVII đã nói với chúng ta.

Thứ nhất là lễ Nghị hôn, lễ xác định hôn nhân thứ hai là lễ "Định thân", lễ xác định mối giao hảo của hai gia đình; rồi đến "nạp trưng", lễ nạp tặng vật; và cuối cùng là lễ "Thân Nghinh", lễ rước dâu.

Người ta không định ra một nghi thức tôn giáo nào đối với lệ đầu tiên. Nhưng theo như hiện nay lệ này dung nạp một vài tính chất kỳ bí, chúng ta sẽ trở lại sau này.

Sau đây là những điều ghi chép về "Định thân". "Cha mẹ chàng trai cáo với tổ tiên ở nhà thờ họ rồi đi đến nhà cha mẹ cô gái với lễ vật gọi là "vấn danh". Người chủ gia đình cô gái ra chào khách mới đến. Sau khi chào hỏi và giới thiệu ông ta trở vào phòng thờ cúng tổ tiên cùng với các phẩm vật để cáo với tổ tiên, và kế đó kết thúc buổi lễ với hai lạy. Các bổn phận về nghi thức này đã xong, một buổi tiệc được dọn ra để thiết đãi gia đình chàng trai. Khi về lại nhà mình, gia đình đằng trai lại cáo với tổ tiên ở bàn thờ tổ tiên theo các nghi thức đã biết".

Chúng ta hãy lưu ý vai trò mà tổ tiên đóng trong lễ này. Chính họ là kẻ chủ trì, chính họ là nơi mà người ta thông báo trước tiên: cha mẹ chàng trai; trước khi đi đến nhà cô gái đã thông báo một cách trang trọng, đã cáo với họ như người ta thường làm đối với Trời, với tất cả các vị thần bảo trợ cho vương quốc, cho cộng đồng với tổ tiên của hoàng gia, mỗi khi có biến cố quan trọng chuẩn bị trong vương quốc hoặc cộng đồng; và khi trở về người ta lại thông báo với họ những gì đã làm. Về phía đàng gái, cha mẹ cô gái, khi lễ vật đã được đưa vào trong nhà, liền đưa đến trước tổ tiên để thông báo với tổ tiên những gì sẽ xảy ra. Cách làm hiện nay đã xác nhận điểm này. Bây giờ chúng ta xét đến lễ Đính hôn; lễ Hỏi, "họ hàng của chàng trai họp thành đoàn đi đến nhà cô gái với các lễ

vật: heo, xôi, cau trầu, rượu, trà và bánh trái đủ loại. Chàng trai đi theo đoàn nhưng sự có mặt của anh ta không phải là không thể thiếu. Khi lễ vật đã đến, cha mẹ cô gái liền tiếp nhận và đặt lên bàn thờ tổ tiên để dâng cúng. Nếu chàng trai đến, anh ta tham dự lễ cúng và lạy trước bàn thờ. Rồi những hộp nhỏ bọc giấy hồng được chuẩn bị với trà, bánh, cau trầu làm quà biếu và gởi đến bà con và bạn bè để thông báo với họ tin về việc hỏi cưới của cô gái". Người ta cũng lưu ý rằng hai gia đình cũng cáo với tổ tiên sự kiện đã qua, và dâng lên họ phẩm vật dâng cúng cũng như họ đã thông báo với các thành viên còn sống trong dòng họ và tặng họ quà.

Lễ thứ ba, lễ "nạp trưng" cũng được thực hiện cùng một nghi thức, nghĩa là tổ tiên hai gia đình cũng được thông báo như đã nói.

Trong lễ cuối cùng, lễ thứ tư: lễ "thân nghinh", vai trò của tôn giáo, vào thế kỷ XV, càng quan trọng hơn so với các lễ trước đó.

"Vào ngày đã định, người chủ trì hôn lễ của gia đình chàng trai, làm lễ cáo ở nhà thờ tổ tiên, rồi cho chàng trai uống một ly rượu, và ra lệnh cho anh ta đi rước dâu. Đây là lời lẽ của lệnh đó: "Con hãy đi tìm vợ con để nhận lãnh trách nhiệm về các bổn phận cao cả của ta. Con hãy cố gắng cư xử nghiêm cẩn (đối với vợ con); luôn luôn chu toàn các bổn phận theo luật của tự nhiên. Chàng trai trả lời: "Xin vâng, con chỉ sợ thiếu khả năng (để chu toàn các bổn phận); con không dám quên mệnh".

Chúng ta hãy dừng lại một chốc và đào sâu ý nghĩ của lời đòi hỏi đầu tiên của người chủ hôn, nghĩa là trong thực tế, lời người cha nói với con trai mình: "Con hãy đi tìm vợ để lãnh trách nhiệm về các bổn phận cao cả của ta". Lễ cuối cùng đến

gần, cô dâu sẽ đến nhà chàng trai và họ sống chung. Mục đích của cuộc hôn phối này là thế nào? "Người chủ hôn" đã trang trọng dạy người chồng mới: "Để nhận lãnh trách nhiệm về các bổn phận cao cả của ta. Các việc, các bổn phận "cao cả", "cao siêu", "cao quý", "cao trọng", không ai có thể nghi ngờ đó là sự chăm nom để sinh con trai hầu mãi mãi có người lo việc thờ cúng trong gia đình. Và theo mạch văn, các "việc cao cả" này không phải chỉ là "việc của chúng ta" bởi vì đại từ được dùng có thể được biểu hiện bởi số ít cũng như số nhiều. Cao quý thay, vĩ đại thay lời giáo huấn của người cha đối với con trai mình khi nó sắp đi tìm vị hôn thê! Những lời này đã nâng hôn nhân Việt Nam vượt lên khỏi thế giới nhục thể và đem lại cho nó tính chất siêu nhiên, đặt thế giới tinh thần vào một thế giới thần linh, đó không còn là một kết hợp qua đường giữa một người đàn ông và một người đàn bà nhưng đó chính là một trong vô số những chiếc vòng trong sợi dây xích vô tận mà gia đình đã tạo nên kể từ vị thủy tổ xa xưa cho đến các hậu duệ về sau; đó không còn là một đùa giỡn mà đó là sự hoàn thành rất khẩn thiết, rất cao cả của bổn phận. Có thể người Việt Nam hiện nay không còn đọc lên những lời mà nhà lập quy của thế kỷ XV đã chép; nhưng tinh thần đó không thay đổi, và người Việt Nam ngày nay khi lấy vợ, hoàn toàn như những người ngày xưa, là muốn mãi mãi thờ cúng tổ tiên, "đảm đương cái bổn phận cao cả".

Chúng ta hãy theo dõi diễn tiến cuộc lễ. "Lúc đến nhà cô gái, chú rể đợi ở phòng khách. Chủ gia đình bên gái cáo với tổ tiên ở nhà thờ, rồi cho cô gái uống một ly rượu và ban lời giáo huấn... Đến lượt người mẹ nói với con lời dặn dò... Rồi người mẹ dẫn con ra khỏi nhà... Khi đoàn rước đến nhà chàng trai người ta đưa cô dâu vào ... Chú rể vào theo. Người ta dâng cúng ngỗng... Ba ngày sau lễ cưới, người chủ hôn (thực tế

thường là người cha của chàng trai) trình diện người dâu mới ở nhà thờ tổ tiên..."

Vậy là chúng ta thấy ở đây tổ tiên cũng được thông báo một cách cung kính, lúc người con gái sắp rời khỏi gia đình mình trọn đời để sáp nhập gia đình nhà chồng. Và khi tất cả các nghi lễ đã hoàn tất. Khi cuộc hôn nhân đã hoàn toàn xác định, người chủ gia đình mới của người vợ trình diện một cách trang trọng người dâu mới với tổ tiên của người chồng, mà giờ đây đã trở thành tổ tiên của người vợ, và đối với việc thờ cúng họ người vợ sẽ hợp tác với người chồng như là người giúp đỡ và chuẩn bị các lễ vật dâng cúng.

Vào thời điểm của chúng ta ngày nay, các nghi lễ đó vẫn còn được thấy cử hành. Người ta cần lưu ý các thay đổi, cải biến, kết hợp hay bỏ đi những lễ nghi ít nhiều phiền phức, ít nhiều quan trọng và cũng tùy theo vùng, tùy theo tình trạng tài sản của gia đình nhưng khắp nơi và ở mọi nhà, tổ tiên đều được biết rõ việc hôn nhân đã thực hiện vì đó là biến cố quan trọng đối với họ cũng như đối với người sống đã hoàn tất việc đó. Sau đây là mọi việc xảy ra như thế nào ở một gia đình khá giả. Hiển nhiên như tôi đã nói ở trên, tôi chỉ giữ lại những sự kiện có ý nghĩa tôn giáo.

"Đến giờ thuận lợi (hoàng đạo), đoàn nhà trai lên đường đi rước dâu. Đoàn rước do hai ông lão dẫn đầu, họ là người còn vợ và có thể đông con cái: một người bưng bát nhang, một người ôm hộp trầu lên bàn thờ tổ tiên và mọi người an tọa. Các tách trà được chuyền tay. Một lúc sau, cha chàng trai yêu cầu cha mẹ hay người đại diện của nhà gái, thỉnh hồn tổ tiên về để cho con trai ông ta bái lạy theo nghi thức thông thường. Việc thỉnh cầu chỉ đơn giản là thắp hương và nhỏ tiếng khấn với tổ tiên trước bàn thờ rằng vị hôn phu đến rước vợ và xin được bái lạy. Thỉnh nguyện xong, chàng trai lạy ba lạy trước

bài vị tổ tiên của người vợ tương lai hiện đang đứng sau anh ta. Tiếp đó, cha và mẹ cô gái được mời ngồi để nhận lãnh bái lạy của rể và con gái mình... Vào lúc này cha mẹ cô gái tặng quà và dặn dò, chúc tụng... Sau các nghi thức này đôi vợ chồng trẻ lần lượt lạy ông, bà, chú bác, cô dì của cô dâu... Nếu gia đình đãi tiệc thì tất cả mọi người vào bàn...

"Rồi người chủ hôn xin được rước dâu... Hai ông lão vẫn đi đầu đoàn rước mang theo bát nhang, hộp trầu... khi mọi người đã vào nhà (chú rể), các tách trà lại được chuyền tay, rồi cha chú rể thỉnh hồn tổ tiên để thông báo những gì diễn ra và mời họ nhận bái lạy của đôi vợ chồng mới. Lễ bái xong và khi hoàn tất lễ cúng Tơ hồng và Nguyệt lão, hai vợ chồng đến bái lạy cha mẹ chú rể, rồi các ông chú bà dì, nếu họ còn sống... quà tặng... chúc tụng... Nếu có tiệc mừng, thì đó là lúc nhập tiệc: các nghi thức hôn lễ đã thật sự hoàn tất và đôi vợ chồng cũng thật sự được kết hợp...". Tuy nhiên, ngày hôm sau, ở nhà cha mẹ (cô dâu) người vợ, diễn ra lễ "nhị hỷ". Lễ cúng diễn ra ở bàn thờ tổ tiên, có mục đích thông báo cùng tổ tiên và cha mẹ người vợ, hôn lễ đã thật sự hoàn tất.

Chúng ta hãy rút ra những bài học từ những sự kiện đó.

Vào thế kỷ XV cũng như ngày nay, tôn giáo nói đúng nghĩa là việc thờ cúng tổ tiên, đóng một vai trò quan trọng trong hôn nhân, trong hành vi cấu thành gia đình. Người ta không thể nói rằng tôn giáo xác định cho hành vi hôn nhân: nói như thế là mơ hồ và chưa đủ. Mơ hồ bởi vì trong một vài trường hợp, đặc biệt và hiếm, hôn nhân diễn ra mà hầu như không có mặt của tôn giáo ít nhất là vẻ bề ngoài. Hơn nữa nói như thế là chưa đủ.

Thật tế, tôn giáo không thêm vào cho hôn nhân của người Việt Nam, một yếu tố thuần nhân bản và tự nhiên nào khác.

Phải nói rằng hôn nhân, sự kết hợp của chàng trai, cô gái, dự phần trong tổng thể tôn giáo; đó là một trong những hoạt động chính của việc thờ cúng tổ tiên; đó là điều kiện không thể thiếu, nó đảm bảo với dòng họ lâu dài của tổ tiên, các phẩm vật dâng cúng mà tổ tiên cần, và hạnh phúc của các thành viên trong gia đình cũng tùy thuộc vào đó với sự im lặng của tổ tiên. Nếu hôn nhân thất bại vì lý do này hoặc lý do khác và nếu nó không được thay thế bằng một phương tiện tài sản, việc thờ cúng bị gián đoạn, tôn giáo ngừng đồng thời gia tộc cũng tuyệt tự. Tất cả những điều đó toát lên từ những lời mà nhà lập quy của thế kỷ XV đã đặt vào cửa miệng của người cha chàng trai vào lúc anh ta sắp đi rước dâu: "Con hãy đi tìm vợ con để nhận lấy trách nhiệm các bổn phận cao cả của chúng ta!". Lời nói đó, như tôi đã nói, không còn trong nghi thức của thời hiện đại, nhưng ý nghĩa của nó thấm nhuần trong tất cả hành vi của những ai dự phần trong một hôn lễ. Rõ hơn nữa, tinh thần bao hàm ở những lời này và lộ rõ trong các nghi lễ của một hôn lễ thông thường cũng được ước chừng chừng như là yếu tố để xác định cuối cùng, ngay cả trong những cuộc hôn nhân bất thường mà tôi đã nói ở trên, đem đến do sự tình cờ của một cuộc gặp gỡ nhưng rồi phần lớn các trường hợp cũng hoàn tất, không phải chỉ để thỏa mãn một đam mê qua đường mà là để đem lại sự trường tồn cho hậu duệ và để đảm bảo việc thờ cúng tổ tiên.

Ý niệm này về hôn nhân, được coi như là thành phần của tôn giáo gia đình, do một vài trong các thành viên của nó, những kẻ đáng kính trọng nhất, những tổ tiên, ý niệm hôn nhân này tự định vị trong bình diện siêu nhiên, cũng như do gốc ở trong hôn nhân, nó có một tính cách mới, rõ nét về tôn giáo.

Nhận định thứ hai đặt ra là vai trò tiên quyết của tổ tiên trong các nghi lễ hôn nhân. Họ luôn được thông báo về tất cả

những gì được thực hiện, dù cho các nghi lễ diễn ra ở gia đình chàng trai hay cô gái, và người đứng ra thông báo, đứng ra hành lễ, không phải là người đầu tiên đến mà là người (ông hay bà) có bổn phận phải thực hiện và vào đúng lúc nó phải diễn ra. Tổ tiên được thông báo tất cả và trước hết mọi người và đối với việc bái lạy họ cũng được trước mọi người.

Chúng ta hãy xem những nghi thức cuối hay là hôn lễ đúng nghĩa, và việc rước dâu: chính là tổ tiên mà ý tưởng về họ được gợi lên do bát nhang và hộp trầu mà người ta đặt trên bàn thờ để dâng cúng họ, để dẫn đầu đoàn rước, khi người ta đi đến rước dâu hay khi đưa dâu về. Chính họ là những người được coi là những thành viên cao cả nhất, xứng đáng nhất của gia đình mà đôi vợ chồng trẻ bái lạy lần đầu tiên khi ở nhà cô gái hay khi ở nhà chàng trai. Họ thật sự chủ trì mọi lễ nghi.

Nhận định này cho phép chúng ta nhận biết, ở lĩnh vực thứ ba, bản chất hôn nhân, của cái yếu tố thực sự tạo dựng hôn nhân của người Việt.

Tôi nghĩ rằng cái yếu tố đó là sự hòa hợp, tôi không nói sự thỏa hợp. Sự hòa hợp thích đáng hơn sự thỏa hợp. Sự thỏa hợp là một hành vi trọn vẹn duy nhất, trong khi sự hòa hợp đòi hỏi một sự khảo sát chăm chỉ của tất cả mọi yếu tố cấu tạo nên sự hòa hợp thỏa hợp đó là một hành vị nhanh chóng trong khi khi hòa hợp là một tình trạng kéo dài: chừng nào sự hòa hợp được duy trì thì hôn nhân còn bền vững; nhưng nếu sự hòa hợp biến mất thì hôn nhân cũng chấm dứt.

Sự hòa hợp này, yếu tộ tạo dựng hôn nhân, phải được ngự trị giữa những người phối ngẫu. Sự việc tưởng như chắc chắn, nhưng nó chỉ hiển nhiên trong các cuộc hôn nhân bất thường, người ta có thể nói được rằng sự hòa hợp giữa các bên phối

ngẫu ít quan trọng hơn. Chính là sự hòa hợp giữa gia đình của các bên phối ngẫu là không thể miễn trừ. Và điều đó đưa chúng ta trở về với điều mà chúng ta đã lưu ý ở trên, theo đó, hôn nhân là một hành vi dự phần vào tôn giáo gia đình. Thật thế, nếu sự quan trọng của sự hòa hợp giữa hai gia đình là lớn đến chỗ nó hình như vượt quá sự hòa hợp giữa hai vợ chồng và làm giảm thiểu đến không còn gì, chính là vì hôn nhân là một hành vi làm chú ý không những hai vợ chồng mà là gia đình, và nó đảm bảo lâu dài của sự thờ cúng tổ tiên. Vậy chính là gia đình là kẻ có tiếng nói ưu thế trong việc chọn vợ cho con trai. Và chính là gia đình, hai gia đình phối hợp, với tất cả những cam kết mong muốn, xác định rằng sự hòa hợp hiện hữu giữa hai vợ chồng.

Thật thế, sự hòa hợp này giữa hai vợ chồng phải hiện hữu trong bình diện tự nhiên, nhất là trong bình diện siêu nhiên. Và chính ở đây chúng ta phải đề cập đến một vài nghi lễ kỳ bí, hay là rút ra từ một việc thờ cúng khác với việc thờ cúng tổ tiên mà chúng tôi đã ám chỉ ở trên.

Từ nghi lễ đầu tiên khi mà gia đình chàng trai do người mối lái "đi nói" với gia đình cô gái mà ngay cả trước đó, cha mẹ phía này cũng như phía khác thông báo cho nhau các điều kiện làm thuận lợi hoặc trở ngại cho sự hòa hợp theo quan điểm tự nhiên: tuổi của chàng trai và cô gái, tính chất, hạnh kiểm của họ, tài sản và danh tiếng của cha mẹ họ, và đó là những lời "nói xuôi, nói ngược" của đôi bên. Nhưng điều mà cả hai gia đình lo lắng nhất đó là đòi hỏi biết chính xác về các điều kiện có thể ngăn trở sự hòa hợp trên bình diện siêu nhiên.

Với mục đích này, người ta trao đổi cho nhau bằng cách viết ra tên họ, tuổi tác của các chàng trai và cô gái, đó là các tính chất tuần hoàn chính xác về năm, tháng, ngày và cả giờ

sinh, để khảo sát hoặc nhờ các nhân vật thẩm quyền, các nhà thiên văn và bốc sư khảo sát, để xem chúng có chống đối nhau không bởi vì nếu không hòa hợp thì hôn nhân tuyệt đối không thể thành, hoặc là nếu gặp tuổi xấu sẽ gây ra đau khổ khôn xiết. Hơn nữa, người ta chăm lo xác định nhờ vào đoán định, các ngày tốt để cử hành trong hôn lễ: lễ đính hôn, lễ nạp trưng, lễ kết hôn, lễ rước dâu.

Ở một vài vùng, ngay ngày đính hôn, người ta dâng lễ cúng Nguyệt lão, vị thần với những sợi chỉ đỏ đã chủ trì việc hôn nhân trên trái đất, ban cho họ nhiều con cái và hạnh phúc. Chính đó là lễ Tơ hồng. "Lễ cúng này không thực hiện trên bàn thờ tổ tiên nhưng ở bàn thờ nhỏ thiết trí trong phòng hoặc ngoài sân; người ta đặt trên đó các lễ vật gồm có xôi gấc, một con gà, một trăm miếng cau trầu và 3 chén rượu. Dự vào lễ cúng chỉ có: hai bô lão còn vợ và con cái nhiều, chủ trì lễ, một người chủ lễ, người kia đọc sớ, anh chồng đứng cúng và cuối cùng người vợ đứng sau lưng chồng. Sau lời cầu nguyện kết thúc buổi lễ, một trong ba chén rượu được đưa cho người chồng uống một nửa và chuyển phần còn lại cho người vợ uống nốt hoặc giả vờ uống hết. Xôi, gà, trăm miếng cau trầu được để riêng dành cho đôi vợ chồng mới, họ phải ăn hết, không ai được đụng tới.

Tóm lại, kết luận thứ tư và cuối cùng, sự hòa hợp này đã được thực hiện và tạo nên hôn nhân, người ta thông báo cho nó những ai được quyền biết. Những người có quyền được thông báo trước hết là tất cả dòng họ. Chính vì thế mà sau lễ đính hôn, các quà tặng được gởi tới tất cả bà con, bạn bè để thông báo sự việc. Cũng chính vì thế mà vào ngày đính hôn quà biếu được gởi cho tất cả bà con, những người đã dự lễ cũng như những người ngăn trở. Nhưng chúng ta đừng quên rằng gia đình không chỉ gồm những người còn sống, nó trước hết

gồm những người đã khuất, ông bà tổ tiên. Vì thế khi các nghi lễ được tiến hành, người ta cáo tổ tiên của gia đình chàng trai cũng như gia đình cô gái. Cũng cần phải tiên liệu về những người đồng hương của các bên phối ngẫu: bởi vậy nên một vài ngày sau hôn lễ, người chồng phải trả một thứ thuế hôn nhân gọi là tiền Cheo. Thứ tiền này là vài quan tiền hay vài đồng bạc tùy theo vùng, và có kèm theo vài miếng cau trầu và một ít rượu. Tiền này được trả cho ông lý trưởng làng người chồng nếu hai người cùng làng, nếu không là trả cho lý trưởng làng cô gái. Tiền này không nhất thiết bắt buộc, nhưng mọi vợ chồng mới cưới đều phải thực hiện vì những quấy nhiễu liên tục và ngay cả những sĩ nhục mà nạn nhân là những ai không tuân thủ tục lệ này. Mọi sự đều là nói miệng hoặc là có nơi ông lý trưởng cấp một biên nhận số tiền đã nộp và giấy này coi như giấy chứng nhận hôn thú. Nhưng việc này là một hành vi thuần dân sự, tôn giáo không dự phần chút nào. Tất cả thủ tục này, nghi thức này một lần nữa chứng tỏ rằng tổ tiên được coi như những thành viên còn sống của gia đình và dưới vài khía cạnh họ được đồng hóa với các quyền lực của gia đình. Chúng chứng tỏ rằng tôn giáo đóng một vai trò quan trọng trong việc cử hành hôn lễ, trong việc gây dựng gia đình.

III - NGƯỜI CHỦ GIA ĐÌNH

Theo quan điểm tôn giáo, người chủ gia đình Việt Nam đã đóng vai trò nào? Câu hỏi này là một phức tạp lớn, bởi vì ở An-nam có nhiều cách thờ phụng khác nhau như ta đã thấy, và mặt khác cần phải phân biệt nhiều hạng chủ gia đình. Vả lại, điều mà người chủ gia đình làm trọng nhà mình, trong nhiều trường hợp, điều chỉnh hạnh kiểm các quan chức trong làng và ngay cả chủ tể quốc gia. Đối với người chủ gia đình, ở

đây tôi hiểu theo nghĩa hẹp nhưng lần lần nó sẽ tiến gần đến nghĩa rộng.

Trước hết chúng ta sẽ lấy việc thờ cúng tổ tiên và trở lại đúng lúc nảy sinh các bổn phận và quyền hạn của người trở thành chủ gia đình. Chúng ta có ở đó một dấu hiệu đầy thuyết phục cho phép chúng ta xếp hạng các loại chủ gia đình và đồng thời một nền tảng vững chắc trên đó chúng ta có thể xếp đặt tất cả những sự kiện liên quan đến vấn đề cùng lúc đó chúng ta chỉnh đốn chúng một cách hợp lý.

Ông "Đông" - tôi dịch sang tiếng Pháp cái tên Việt các nhân vật của tôi - ông "Đông" sắp chết. Ông ta để lại hai người con trai, người con đầu, "Thu" và người con thứ, "Hạ", cả hai đều có vợ và có con, và một người con gái "cô Xuân", đã có chồng và có con.

Đúng lúc người cha trút hơi thở cuối cùng, người con trai trưởng, ông Thu trở thành Tang chủ. Chính ông ta là người chủ trì mọi lễ nghi, ông ta sẽ đứng hàng đầu ở mọi nơi. Chúng ta có thể nói rằng chính ông ta là người chủ lễ. Vào lúc người ta sắp thở hơi thở cuối cùng, ông ta nói thầm vào tai cha tên thụy, với tên này từ nay về sau ông ta sẽ gọi người cha trong các lễ cúng. Và cũng chính ông ta là người đặt lên chỗ trũng ở ngực người cha mảnh lụa để dẫn dụ linh hồn khi rời khỏi xác. Nhưng từ khi thần chết đã hoàn thành nhiệm vụ của mình thì vai trò của người con trai trưởng trở nên thêm nặng nề. Chính ông ta lau rửa thân thể cha mình với ngũ vị hương, chải tóc cắt móng tay và cẩn thận lượm tất cả râu tóc, tất cả những gì rơi rớt. Chính ông ta là người đầu tiên dâng cúng cho cha mình thực phẩm. Phạn hàm, gạo dâng cúng đặt vào miệng. Lễ này rất ý nghĩa trên nhiều phương diện. "Người ta chuẩn bị một nắm gạo trắng tốt và ba đồng tiền mà người ta

đã đánh cho bóng. Người giàu có thể dùng các đồng tiền bằng kim loại quý. Người chủ tang, tức là người con trai trưởng tiến lên trước hết để khóc rồi quỳ xuống. Người chủ lễ cũng quỳ gối và xướng lời khấn nguyện: "Xin được dâng bữa". Họ lạy sát đất và đứng dậy. Người chủ lễ hơi giở tấm vải che mặt lên khỏi miệng, không giở trọn khuôn mặt. Ông ta mở rộng hàm răng người chết - trước đó người ta đã để thanh gỗ nhỏ giữa hai hàm răng để cho dễ làm việc này. Và người con trai trưởng - Tang chủ - lấy một nhúm gạo và một đồng tiền đưa vào miệng về phía phải; người này lập lại lần nữa về phía trái và lần cuối cùng là để vào giữa miệng. Người ta cẩn thận để cho hàm răng ngậm lại rồi phủ mặt lại như cũ, lúc đó con cháu gào lên những tiếng khóc xé tai".

Nghi lễ này - như tôi đã nói - rất ý nghĩa. Có thể nói được rằng nó đã vật chất hóa việc thờ cúng tổ tiên, và nó cho chúng ta thấy người ta dâng cúng người chết với ý hướng nào. Nó cũng minh chứng vai trò của người con trai trưởng từ nay là gì: ông ta có bổn phận cung ứng cho người cha đã khuất và tất cả những người đã khuất mà ông ta có bổn phận phải thờ cúng, các thức ăn mà tổ tiên đòi hỏi. Và nếu chúng ta nhớ lại rằng cần biết bao nhiêu cho những thành viên còn sống trong gia đình, cho việc yên ổn, cho thành công trong công việc, cho hạnh phúc của họ, khi mà tổ tiên được thỏa lòng và tiếp nhận đủ những gì mà họ cần, và chúng ta sẽ hiểu được tất cả tính chất cao cả, quan trọng, tất cả sức nặng của vai trò này.

Sẽ là quá dài khi theo gót người "Tang chủ" trong các chi tiết nghi lễ của việc khâm liệm, nhập quan, di quan, hạ huyệt mai táng và trở về nhà. Mọi nơi người con trai trưởng đều đóng vai trò chính. Mặt khác ông ta nổi bật giữa đám đông do y phục đặc biệt ông ta mặc, do cây gậy ông ta cầm ở tay, do cách đi giật lùi của ông trước quan tài của cha mình.

Như chúng ta đã thấy, linh hồn người chết đã nhập vào miếng lụa gọi là "hồn bạch". Sau khi mai táng xong, "hồn bạch" chỉ là thứ yếu, bởi vì linh hồn người chết đã được cố định bằng một nét bút cuối cùng trên chiếc bài vị. Bài vị này được chuyển đến một cách trọng thể ở nhà người cha vừa mất, và hành động này đã khép kín hay gần như thế, các nghi thức tang lễ, và từ đó đưa đến ba kết quả như sau.

Trước hết, một việc thờ cúng mới nảy sinh - nó đã khởi đầu, ta đã thấy do lễ Phạn hàm, khi người con trai trưởng đổ gạo và để tiền vào miệng của người chết; việc đó tiếp diễn trong suốt thời gian tang lễ, nhưng nay bài vị đã được thiết lập trong nhà người chết thì việc thờ cúng đã được thật sự thiết lập. Phải biết từ đó rằng, một tổ tiên mới được thêm vào danh sách những người gia đình thờ phụng; từ đây người ta thờ cúng ông "Đông". Ông "Đông" trước hết sẽ được hưởng sự thờ phụng này trong ngôi nhà mà ông ta cư ngụ khi còn sống, nay sau khi chết ông ta cũng cư ngụ ở đây, nhưng rồi lần lần bên cạnh bài vị của ông sẽ có bài vị của vợ ông xếp hàng, rồi đến tất cả những hậu duệ của ông thuộc dòng đích, cho đến thế hệ thứ năm.

Lĩnh vực thứ hai, hành động đặt bài vị của ông "Đông" trong nhà của chính ông đã tức khắc làm thay đổi tính chất của ngôi nhà: trước đây đó là một ngôi nhà để ở thông thường như phần lớn các ngôi nhà trong làng, từ nay đó là một nhà thờ tổ tiên. Điều đó không muốn nói rằng những người còn sống bị ra khỏi nhà, mà trái lại. Người chết, tôi muốn nói bài vị của ông "Đông" không chiếm hết trọn nhà. Trong vùng tôi cư ngụ, bàn thờ tổ tiên được đặt ở cuối một gian, thường là gian giữa, đôi khi đặt ở gian phía trái khi ta vào nhà; bàn thờ được ngăn cách với phần còn lại của gian nhà bằng một tấm màn hay tấm sáo, và không làm vướng người sống trong nhà

đi lại hằng ngày; người ta chỉ phục vụ người chết vào những ngày giỗ kỵ để gợi lại kỷ niệm về họ. Vào những ngày đó, màn được vén, rèm sáo được cuốn và tất cả gian hay nói đúng hơn cả nhà được dành cho người chết. Sự sống chung của người sống với người chết, tượng trưng bằng bài vị, đã đưa đến gần điều mà tôi đã nói ở trên về sự chung đụng thân mật trong gia đình người Việt giữa các thành viên còn sống và tổ tiên.

Trong ngôi nhà thờ này, tôi lập lại để chúng ta có một ý niệm chính xác về các sự kiện, trong ngôi nhà thờ này trước hết người ta chỉ thờ một bài vị của ông "Đông"; nhưng phải mong cho ông Đông có một hậu duệ đông đúc; và lần lần người ta thờ thêm bên cạnh ông, vợ ông, con trai trưởng ông, rồi người con trai trưởng của người này, và cứ tiếp tục như thế cho đến đời thứ năm. Chúng ta có ở đó một bàn thờ chi, vì ông "Đông" đã thành lập một chi trong dòng họ mình và chi này sẽ được kế tục bởi các con trai trưởng; còn nhiều người con trai thứ, trừ những trường hợp cá biệt, phần họ tạo thành những chi khác. Như thế trong mỗi gia đình Việt Nam theo nghĩa rộng, có một số lớn các nhà thờ riêng vừa là nhà, vừa là nơi thờ tự. Ngoài ra còn có một nhà thờ chung gọi là Nhà thờ Họ, "nhà thờ của gia đình theo nghĩa rộng". Chính là ở đó, người ta phải thường xuyên bảo quản các bài vị tổ tiên của tất cả các chi trong họ trên đời thứ năm, bởi vì ở An-nam người ta không chôn bài vị như ở Trung Hoa. Nhưng trong thực tế, người ta chỉ giữ bài vị của ông tổ xa nhất mà người ta biết, ông thủy tổ, từ miền Bắc đến, và các bài vị của người giàu có, những người có ảnh hưởng trong họ hoặc là các bài vị của những người mới chết mà con cháu họ vì lý do này hay lý do khác không thể đảm bảo việc thờ cúng.

Lĩnh vực thứ ba, kết quả thâu tóm, các sự kiện mà chúng ta vừa thấy, đó chính là người con trưởng, người giữ vai trò

"Tang chủ", và là người đã đem bài vị người cha về nhà, luôn đi giật lùi trước bài vị, người con trai trưởng - tôi nói - là người chủ trì việc thờ cúng vừa nảy sinh.

Nhiệm vụ này không chỉ là của ông ta mà còn của các con ông ta. Chức trách của người Tang chủ được hoàn tất bởi người con trai trưởng người chết. Nếu ông ta khi chết có để lại con cái, thì người cháu nội của người chết thay thế ông ta. Nghi thức tang lễ theo truyền thống đã biểu thị như thế vừa cơ bản vừa tóm lược. Một sắc lệnh năm 1511 cùng một luật lệ: "Nhiệm vụ thờ cúng tổ tiên được giao cho người con trai trưởng thuộc dòng đích (đích tử). Nếu người con trai trưởng dòng đích chết người ta lấy người cháu nội trưởng. Trong trường hợp không có cháu nội trai dòng đích người ta chọn người con thứ. Nếu người vợ chính không con, người ta chọn một người con trai có khả năng của người vợ hầu"

Điều luật hiện hành, chỉ là bản sao của bộ luật Trung Hoa, chỉ đề cập vấn đề này về việc phân chia tài sản của gia đình. Nhưng luật pháp cũng như phong tục cũng căn cứ trên những nguyên tắc được thừa nhận dưới các triều đại trước. Luôn luôn chính người con trai trưởng và các con ông ta là những người chủ trì chính việc thờ cúng người cha đã mất. Các người con trai thứ chỉ được lãnh thay thế nhiệm vụ này, nếu người con trai trưởng chết không con cái nối dõi.

Chúng ta cần nói thêm rằng nhiệm vụ này là mệnh lệnh bắt buộc mà người con trai trưởng không thể từ chối ít nhất anh ta không phải là không đủ khả năng hay không xứng đáng.

Người con trai trưởng, kẻ lo thờ phụng cha mình, được sở hữu chỗ dành cho việc thờ cúng. Thật thế đó là một luật lệ mà theo đó ngôi nhà người cha, nơi đặt bài vị của người cha, nơi sẽ dựng lên bàn thờ và sẽ trở thành nhà thờ tổ tiên, do chúc

thư hoặc do sự phân chia giữa các người thừa kế, thuộc phần của người con trai trưởng. Và người này sau khi chết truyền lại ngôi nhà cho con trai trưởng của mình với tất cả nhiệm vụ chủ trì việc thờ cúng, nhà thờ sẽ được chuyển cho hậu duệ của người chết theo luật người con trai trưởng dòng đích. Thường xảy ra việc người con trai trưởng đã lập gia đình từ lâu và đã có nơi ở riêng. Khi cha mình chết anh ta phải rời nhà riêng này để về cư ngụ tại nhà cha, nơi anh ta phải đảm bảo việc thờ cúng tổ tiên.

Người con trai trưởng cũng được hưởng các nguồn lợi không thể thiếu cho việc thờ cúng người cha mà anh ta phải làm, và đó là tài sản "hương hỏa" - nghĩa đen: "để lo hương đèn" - đó là một trong những định chế thiêng liêng nhất ở Việt Nam, và cũng phải nói rằng đó là nguồn gốc của nhiều chuyện kiện cáo lâu dài và hao tốn gây ra mối bất hòa trong các gia đình.

Của cải hương hỏa, trên nguyên tắc là một phần di sản, đôi khi là một số tiền mà lợi tức dùng để lo hương đèn trên bàn thờ tổ tiên, nghĩa là cung cấp các phí khoản thờ cúng và bảo trì lăng mộ.

Bản luật lệ hiện hành không giới thuyết một cách toàn diện về định chế này. Bản sao lục này, thật thế, lo lắng hơn cả cho trật tự công cộng, và để một bên các sự kiện được coi như là trật tự tự nhiên. Tuy nhiên, một sắc luật năm 1884 ấn định giới hạn về phần các hương hỏa không có người kế thừa, và phán lệ của các tòa án áp dụng với một phương thức bất biến, cho việc giải quyết các trường hợp tranh tụng về loại này, các luật lệ liên quan đến việc phân chia các tài sản kế thừa về một vài vấn đề tương tự. Cách làm này căn cứ vào phong tục tập quán, dựa vào luật lệ cổ xưa ban hành trong suốt thời gian các thế kỷ XV, XVI, XVII, và XVIII.

Tài sản hương hỏa theo nguyên tắc không được bán, và những hình phạt nghiêm khắc được ban bố chống lại những ai vi phạm luật này. Tuy nhiên một vài người bình luận về luật hiện hành cho rằng luật này không tuyệt đối, có nhiều trường hợp tài sản thờ cúng có thể được bán. Các luật lệ trước triều đại hiện nay cũng đã tiên liệu các trường hợp trong đó người giữ hương hỏa có thể làm nó hao hụt.

Các tài sản hương hỏa thường được xác định do người được quyền sử dụng, nghĩa là người chủ gia đình trước khi ông ta chết, hoặc bằng tặng dữ hoặc bằng chúc thư. Nhưng nếu ông ta chết mà không làm chúc thư, những người thừa kế khi chia của luôn luôn phải dành một phần tài sản cho việc thờ cúng, nếu họ không làm như thế, họ hàng, gia đình theo nghĩa rộng hay luật pháp do vị quan đại diện, có thể buộc họ phải thực hiện. Phần tài sản dành cho việc thờ cúng ngày trước tỉ lệ với tài sản và được định là một phần hai mươi. Ngày nay, sắc lệnh năm 1844 đã xác định là 3/10 đối với các thừa kế không quan trọng rơi vào trường hợp không người thừa kế.

Khi mà các bài vị được thêm vào cái này sau cái kia trên bàn thờ tổ tiên thì đồng thời các tài sản thờ cúng cũng nhiều thêm dưới tay người chủ gia đình có trách nhiệm lo việc thờ cúng. Và điều xảy ra là người này do nhu cầu tiền bạc thúc đẩy, bán đi một hoặc hai miếng đất hương hỏa bằng cách đánh lừa người mua về tính cách của nó, cũng đánh lừa người lý trưởng hoặc mua chuộc ông ta để đánh lừa các thành viên trong gia đình mình, những người có quyền làm cho ông ta phải tôn trọng tính chất không bán được của tài sản thờ cúng. Từ khi sự việc bị phát giác thường là khởi đầu một cuộc kiện tụng, một cuộc kiện tụng đôi khi không chấm dứt được. Trong mọi trường hợp, việc tích lũy ruộng đất trong tay một người thường là nguyên nhân của những mối lợi rất tế nhị do người

đó, bởi vì dù có lưu ý ông ta cũng vô ích, những lợi tức từ các tài sản này không được dùng trọn vẹn cho việc thờ cúng. Tình trạng này không phải là không gây ra sự ganh ghét ở các thành viên khác trong gia đình, thường thường người chủ gia đình khi thiết lập phần tài sản dành để thờ cúng ông ta hoặc vợ ông ta, cẩn thận ghi trong di chúc rằng mỗi người con trai của ông theo phiên sẽ quản lý tài sản hương hỏa trong một năm. Trong trường hợp này người con trưởng hưởng phần hương hỏa theo năm như đã quy định giống như các người em thứ của ông ta nhưng có thêm một phần lợi tức nhỏ mà người quản lý hằng năm nộp, như thế dù thế nào đi nữa ông ta cũng được phần hơn về các tài sản này.

Mặc dù có những chuyện bất hòa có thể nảy sinh mà tôi vừa đề cập, định chế về của cải hương hỏa hay là của cải thờ tự, vẫn là một trong những yếu tố hiệu lực nhất để nối kết các thành viên trong gia đình với nghĩa rộng; nhờ các của cải này, tổ tiên tiếp tục hiện diện trong gia đình do việc thờ cúng trung thành mà người ta đối với họ, và các thành viên còn sống ý thức những mối liên hệ nối kết họ lại với nhau khi mà hằng năm vào các ngày giỗ kỵ hay những ngày khác, vốn rất nhiều, tập hợp họ lại trong những bữa cơm chiều do lợi nhuận của hương hỏa mà có. Các tòa án Âu Châu hình như có khuynh hướng bỏ đi tính chất không bán được của nó, hay ít ra cũng hạn chế nó một cách đáng kể. Không cần phải nói quá khuynh hướng sau này: gia đình vốn đã bị đe dọa nhất định sẽ đau khổ.

Chúng ta hãy dừng một chốc và trở về với ông "Đông" và hai người con trai của ông. Một người là ông Thu, con trai trưởng, nhận lãnh việc giữ bài vị của người cha và do đó cùng nhận về phần mình việc thờ cúng người đã khuất theo thói thường. Kết quả của trách nhiệm mà ông ta nắm giữ là ông được sở hữu, ngoài phần riêng ông được thừa kế, ngôi nhà cha

mẹ và một phần của tài sản dành cho việc duy trì thờ cúng tổ tiên. Người em, ông Hạ, người em kế không được gì, anh ta không có bài vị của người cha, anh ta cũng không có bàn thờ tổ tiên ở nhà, anh ta cũng không có gian nhà dành cho việc thờ cúng tổ tiên; nhà anh ta không phải là nhà thờ. Tuy thế anh ta cũng phải dâng cúng cho cha mình. Vào ngày đã định theo lễ nghi, anh ta phải đến nhà anh trưởng, có vợ con đi theo. Anh ta không có chút thu nhập riêng nào để góp vào tiền cúng kỵ; bởi vì người anh trưởng sẽ chuẩn bị các phẩm vật dâng cúng, "hương hỏa" và tất cả những gì cần thiết kèm theo. Nhưng người con trai thứ cũng vẫn phải đem đến vài món ăn, các cây hương, pháo để góp phần vào lễ cúng; làm khác đi sẽ là quên bổn phận và không hiếu thảo. Khi tất cả đã sẵn sàng, anh ta sẽ kết hợp với anh trai, và đứng sau người anh, anh ta bái lạy tổ tiên.

Đó là cách làm thông thường. Ngày nay, nền văn minh Âu Tây đã làm xáo trộn và phân tán các gia đình. Người em thứ đôi khi cư ngụ khá xa người anh trưởng. Vì thế vào ngày kỵ giỗ hằng năm, anh ta không thể đến phối hợp với người có trách nhiệm về việc thờ cúng tổ tiên, anh ta liên hệ với người anh qua kỷ niệm và nói lên trong thư; lòng hiếu thảo của anh ta thúc đẩy anh ta vào ngày này thiết lập một bàn thờ tạm thời, trước mặt đặt đồ ăn và bái lạy để vinh danh cha mình; như các quan ở tỉnh vào một vài ngày đến lạy chào ở đền thờ hoàng gia, vị vua không có mặt. Nhưng đây chỉ là một ngoại lệ; theo nguyên tắc tổng quát, chỉ ở trong nhà của người con trưởng người ta mới thực hiện việc thờ cúng trước bài vị của người cha.

Từ đó kết quả là có hai thứ gia đình theo nghĩa hẹp; các gia đình của con thứ và gia đình của con trưởng. Trong các gia đình con thứ thông thường không có việc thờ cúng tổ tiên. Đó là những gia đình đích thực theo nghĩa hẹp. Trong các gia

đình của người anh trưởng người ta thờ cúng tổ tiên. Do đó có hai loại chủ gia đình. Những người như ông Hạ, không thờ cúng tổ tiên ở nhà, buộc phải đến nhà anh trưởng để làm tròn bổn phận này, đôi khi nếu người anh trưởng chết thì họ phải đến nhà người cháu. Những người khác như ông Thu, không lệ thuộc một ai, theo quan điểm tôn giáo và họ thi hành một thứ quyền gia trưởng đối với em của họ, chị của họ và tất cả những gia đình của các người này. Ông Hạ, người em thứ là thuần và đơn giản chỉ là chủ của gia đình theo nghĩa hẹp. Với ông Thu, người con trai trưởng, chúng ta có một danh vị cao nhất. Ông Thu không chỉ là một chủ gia đình theo nghĩa hẹp, nhưng sau khi cha ông chết, ông ta trở thành trưởng của một nhánh của gia đình theo nghĩa rộng. Lúc đó ông ta chỉ thực thi một uy quyền nào đó đối với người em trai thứ và đến một điểm nào đó đối với em gái út và gia đình của người này.

Uy quyền của ông ta không bành trướng khi ông ta còn sống. Nhưng sau khi ông ta chết, các hậu duệ thuộc dòng đích của ông sẽ làm cho họ càng ngày càng thêm xứng đáng. Thật thế, khi các bài vị của những thế hệ chết đi được thêm vào trên bàn thờ tổ tiên sau chiếc bài vị ban đầu của ông Đông, những đứa cháu, đứa chắt và những hậu duệ khác của người sáng lập nên chi họ càng ngày càng đông sẽ thấy được uy quyền về hậu duệ dòng đích của ông Thu. Và có thể xảy ra rằng do các người đại diện của các chi đều tuyệt tự, một trong những hậu duệ của ông Thu, một ngày sau xa xôi, được xem như là người chủ gia đình theo nghĩa rộng, nghĩa là người chủ của cả dòng họ.

Ở đây chúng ta có một định chế quan trọng cơ bản trong việc tổ chức của gia đình theo nghĩa rộng.

Người trưởng tộc là hậu duệ trưởng của người vợ chính thuộc dòng trưởng trong gia đình. Đó là theo cách hiểu ở Bắc

Kỳ và Trung Kỳ. Ở Nam Kỳ, danh vị trưởng tộc được trao cho người cao niên nhất của tất cả các chi trong gia đình.

Theo cách định nghĩa thứ nhất, người trưởng tộc trong một vài trường hợp có thể là một thanh niên hay một đứa bé; trái lại ở Nam Kỳ, luôn luôn đó là một người già, được giao giữ vai trò đó.

Dù thế nào đi nữa, người trưởng tộc có vai trò với tính chất tôn giáo; ông ta chủ trì các lễ nghi trong việc thờ cúng tổ tiên ở nhà thờ họ, và đứng hàng đầu trước các trưởng chi và các thành viên trong gia tộc để bái lạy tổ tiên; ông coi sóc để cho việc thờ cúng tổ tiên được tiến hành đúng theo nghi thức ở các chi trong họ. Vai trò của ông còn có tính chất pháp lý: ông tham dự như là nhân chứng không thể thiếu trong các cuộc hội họp của gia tộc, ký các di chúc hay một vài khế ước bán đất, chứng nhận các hôn lễ, dự phần các hội đồng chính thức do luật pháp hay phong tục ủy thác, chủ trì các cuộc phân xử trong gia đình với mục đích hòa giải các cuộc tranh chấp... Cuối cùng, ông ta có trách nhiệm tinh thần lớn về những trường hợp thanh danh, hay quyền lợi của dòng họ có vấn đề. Hiển nhiên nếu trưởng tộc là một đứa trẻ, nó được tham dự hoặc thay thế bằng những người có quyền và có năng lực; đó là các ông chú ruột của nó.

Định chế về Trưởng tộc cũng hiện hữu trong gia đình hoàng tộc như trong các dòng họ khác ở Việt Nam. Nhưng ở đây hoàng tộc được đặt ở một vị trí tối cao. Các hoàng đế ở Huế đã lập ra một cơ quan đặc biệt gọi là Tôn nhơn phủ chỉ để lo cho lợi ích vật chất và tinh thần cho mọi thành viên trong gia đình hoàng tộc, và người ta hiểu rằng các vị chức quyền của cơ quan này rất có năng lực khi người ta biết rằng hoàng gia gồm hơn mười nghìn thành viên và các vấn đề về thờ cúng, quyền ngồi trên, đất đai và tiền bạc hay đơn giản là

đạo lý, vốn rất phức tạp và giữ một tính chất quan trọng lớn hơn ở những nơi khác.

Chúng ta vừa thấy sự khác biệt giữa hai loại chủ gia đình theo đó một là con trai thứ và một là con trai trưởng, và quyền ưu tiên của người con trai trưởng lần lần như thế nào khi mà các thế hệ kế tiếp nhau trong số hậu duệ, đã trở thành uy quyền trọn vẹn của vị Trưởng tộc. Mọi thứ đó đã được nói đến khi tôi ghi nhận sự khác biệt phải thiết lập giữa gia đình theo nghĩa hẹp: "nhà" và gia đình theo nghĩa rộng: "họ". Nhưng tốt hơn là trình bày nó lại dưới một quan điểm khác.

Chúng ta hãy xét lại việc liệt kê các quyền và bổn phận của người chủ gia đình.

Ông ta phải đảm bảo sự thờ cúng lâu dài, nghĩa là phải có con trai nối dõi. Chúng ta hãy nhớ lại, theo nhà lập quy của thế kỷ XV điều mà người cha nói với con trai sắp đi đón dâu: "Con hãy đi tìm vợ để lãnh trách nhiệm cao cả của chúng ta", đã làm cho việc thờ cúng trong gia đình trường tồn. Vậy nếu ông ta không có con và sự việc là do ở người đàn bà thì người ta giải quyết bằng ly dị hoặc chế độ đa thê. Chúng ta sẽ nói đến việc này về sau. Nhưng nếu người chồng bất lực không con thì ông ta nuôi con nuôi để nối dõi. Ở An-nam hẳn có việc nhận con nuôi để săn sóc, nuôi nấng vì thương mến hay thương hại. Nhưng việc chấp nhận con nuôi này không có chút hiệu lực nào về mặt pháp lý. Trái lại, việc nhận con nuôi để nối dõi tông đường hay là nhận con nuôi với tính cách tôn giáo, tạo ra những quyền hạn vĩnh viễn và coi kẻ được nhận làm con nuôi là một đứa con đích thực của gia đình, thụ hưởng mọi quyền hạn của những đứa con thật sự máu mủ. Nguyên tắc nhận con nuôi như vậy đã được đưa vào Bộ luật dưới ảnh

hưởng của tôn giáo và đó cũng là những quy định có tính chất tôn giáo để thiết định các thể thức.

Đối với người được nhận là con nuôi, thể thức này là một ràng buộc nghiêm ngặt, được thừa nhận, về phía các quyền hạn công cộng, do việc sung công của các gia đình khi dòng dõi bị tuyệt tự tức là làm đứt đoạn việc thờ cúng tổ tiên. Tức là làm cho họ bị coi như là một kẻ bất hạnh, một sự "sỉ nhục", sự bó buộc này không chỉ liên quan đến người chủ gia đình không con, nhưng nó còn liên quan đến người đàn bà góa khi bà ta không tái giá và nhận lãnh bổn phận của người chồng, nghĩa là khi bà ta không trao gánh nặng cho dòng họ nhà chồng. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, một người cha phải lập thừa tự cho người con trai chết trước khi cưới vợ.

Việc chọn người thừa tự cũng được thực hiện theo một vài nguyên tắc có tính chất tôn giáo, và chính các bài vị của tổ tiên đã tạo thành luật. Được coi là không hợp lệ khi người ta đặt vào giữa các bài vị của gia đình một bài vị mang tên của một dòng họ khác. Hành vi trái với quy định này là hoàn toàn vô hiệu và nó đưa đến nhiều khó khăn cho các bên. Hơn nữa các bài vị của tổ tiên được sắp xếp trên bàn thờ theo thứ tự quyền ngồi trước, không kể đến ngày chết mà theo thứ bậc trong dòng họ. Không thể làm cho thứ tự sắp xếp này bị xáo trộn khi đưa vào đây bài vị của người con nuôi thừa kế. Vậy thì, để nêu lên những ví dụ cụ thể, trong trường hợp ông Thu, con trai trưởng của ông Đông, không có con cái nối dõi, ông ta không thể chọn em trai thứ của mình là ông Hạ làm người thừa kế, vì như thế là hạ thấp ông ta xuống một bậc so với thứ hạng của ông ta khi thay thế người con trai của người anh trưởng và về sau làm cho bài vị của ông Hạ không được vị trí mà ông đáng được có. Cũng thế, nếu ông Hạ không có con trai, ông ta không thể chọn một trong những đứa con trai của

người con trai trưởng của ông làm người thừa kế, bởi vì như thế là đã nâng đứa trẻ này lên một bậc và về sau sẽ làm rối loạn thứ tự các bài vị trên bàn thờ tổ tiên. Luôn luôn phải tôn trọng vị trí của các thế hệ, nghĩa là ông Thu có thể lấy một trong các đứa con trai của người con thứ của mình làm kẻ thay thế cho người con trai vắng mặt, và ngược lại hoặc là lấy một người con thuộc một chi họ xa với điều kiện người này đồng hàng với con trai của người chọn thừa kế, khi kể lên đến ông thủy tổ. Và ở đây, tôn giáo một lần nữa đã hạn chế việc chọn lựa, bởi vì nhiều nhà trước thuật luật pháp cũng hỗ trợ và phong tục tập quán cũng cho là phải khi người ta không thể lấy người con trai trưởng của một gia đình làm người thừa kế. Điều này đã tước đoạt của gia đình sự nối tiếp thông thường của việc kế thừa và từ đó cũng tước đoạt việc kế tục thường xuyên trong thờ cúng tổ tiên.

Tôi chỉ tóm lược một cách rộng rãi vấn đề như ở chỗ khác mà tôi đã làm cho đến đây. Tôi chỉ đưa ra những trường hợp đơn giản nhất. Trong thực tế có nhiều nguyên tắc khác được sử dụng, để làm phức tạp thêm các tình huống hay ngược lại, để gỡ rối một cách tự nhiên hơn. Nhưng những gì tôi đã nói đủ để làm thấu hiểu những tin tưởng tôn giáo đã ảnh hưởng bao nhiêu đến cơ cấu tổ chức của gia đình và chúng có những phản ánh nào trên đời sống của người Việt.

Việc bắt buộc phải có con cái để nối dõi tông đường về phần người con thứ cũng như người con trưởng, điều này do nhiều lý do. Thật thế, nhiệm vụ chủ trì việc thờ cúng tổ tiên mà ông Thu phải làm tròn, không ngăn người em thứ, ông Hạ thờ cúng người cha đã chết của mình. Việc thờ cúng này, cá nhân ông ta, phối hợp cùng với người anh trưởng như ta đã thấy; nhưng ông ta cũng phải trả nợ về sau qua vai trò của các hậu duệ của mình, bởi vì tổ tiên được quyền tôn kính mãi

mãi.Vậy, nếu ông "Hạ" làm đứt đoạn việc thờ cúng cha mình ngoài ý muốn do không có con cái nối dõi, đó là ông ta đã phạm một lỗi lầm nghiêm trọng về lòng hiếu thảo. Hơn nữa, người anh trưởng của ông ta, rồi đến hậu duệ của ông này, có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, đó là hiển nhiên, nhưng nếu chi họ của ông này trở thành tuyệt tự vì lý do này hoặc lý do khác thì lúc đó chính ở nơi ông, người em thứ, rồi nơi hậu duệ của ông, phải gánh lấy trách nhiệm thờ cúng tổ tiên; vậy nên ông phải sẵn sàng chuẩn bị một hậu duệ đủ điều kiện để thay thế chi họ của người anh trưởng khi xảy ra sự cố. Cuối cùng, lý do thứ ba, chính ông "Hạ" khi ông chết cũng sẽ cần phẩm vật dâng cúng, ai là người dâng cúng nếu ông không có hậu duệ cho nhiệm vụ này? Việc thờ cúng bài vị của ông sẽ chuyển sang cho chi nhánh, cho các cháu, các chắt; nhưng tốt hơn cả và chắc chắn hơn là có một hậu duệ trực hệ đông đúc; không những đó là chắc chắn nhất mà đó còn là chuyện thông thường, hợp lễ nghi và đó là bắt buộc.

Chúng ta còn thấy ảnh hưởng của tôn giáo trong một vài quyền hạn mà luật pháp hay phong tục dành cho người chủ gia đình. Hôn nhân của con cái ở Việt Nam, tùy thuộc nhất là vào cha mẹ. Người ta đã thấy chính hành động này là một hành động quan trọng và cơ bản để nối tiếp việc thờ cúng tổ tiên; người ta lấy đi quyền quyết định ở những người trong cuộc, ở con cái, những người mù quáng vì đam mê có thể lựa chọn sai lầm và người ta chỉ thừa nhận ý muốn của các bậc cha mẹ, những người đã cân nhắc chín muồi; khảo sát đầy đủ các điều kiện thuận lợi về thực tế cũng như siêu nhiên để cho cuộc phối ngẫu được hạnh phúc và nhiều con cái. Luật pháp Việt Nam không dành cho cha mẹ quyền bán con cái, mặc dù trong thực tế có một loại giao kèo cần có giá trị như việc bán. Tuy nhiên luật lệ dự kiến trước trường hợp trong đó vì để giữ

gìn và duy trì việc thờ cúng trong gia đình mà cha mẹ phải cầm cố con mình và trong trường hợp này không có hình phạt nào được nêu ra bởi vì với mục đích đáng khen để khỏi thiếu bổn phận cao cả của lòng hiếu thảo mà cha mẹ mới hành động như thế.

Người chủ gia đình không có quyền về sự sống hay cái chết của các con, nhưng ông có nhiều quyền trừng phạt họ. Ông ta có thể từ bỏ con, đuổi họ ra khỏi nhà, và hình phạt này là một hình phạt kinh khủng nhất mà người ta có thể hình dung, bởi vì người con trai bị phạt bị đuổi ra khỏi gia đình, không những khi anh ta còn sống mà mãi mãi, sau khi anh ta chết: như vậy, khi anh ta sống anh ta không được sự hỗ trợ về mặt vật chất cũng như tinh thần của dòng họ như đối với các thành viên khác, nhưng sau khi chết linh hồn anh ta sẽ bị tước đoạt mọi phẩm vật dâng cúng mà ông bà tổ tiên được nhận vào các ngày kỵ giỗ, lễ lạc và vĩnh viễn linh hồn anh đi lang thang vật vờ như oan hồn, ma quái, quỷ dữ để tìm miếng ăn.

Cho đến đây chúng ta chỉ nói về việc thờ cúng tổ tiên. Người chủ gia đình hình như không chú ý nhiều đến việc thờ Phật. Nếu đây đó còn có vài người bị tư tưởng Phật giáo chi phối, chúng ta sẽ gặp lại họ về sau khi chúng ta nói qua vài lời về tín ngưỡng cá nhân ở người đàn bà.

Việc thờ thần, ở An-nam, không hạn chế ở các bổn phận đối với tổ tiên. Còn có các thần linh bảo vệ cho gia đình và nghề nghiệp, các thần coi sóc cho làng xã và vương quốc.

Thổ Công hay Thổ Kỳ - Thần Đất, của thửa đất nơi ngôi nhà dựng lên, và tiên sư, ông tổ nghề nghiệp, coi sóc cho gia đình; phần lớn chính nhờ họ mà có được hạnh phúc cho tất cả; vì lý do này mà chính người chủ gia đình thờ cúng họ;

cũng chính người chủ gia đình là người thắp nén hương vinh danh cho nữ thần Bà Giàng. Việc thờ cúng Táo Quân - Thần Bếp và bà Mụ được dành riêng cho phụ nữ, chúng ta sẽ nói về sau này. Khi một tai họa đe dọa gia đình như một đứa trẻ đau nặng, hay trâu chết và người thầy pháp được hỏi đã chỉ ra vị thần nào cần phải làm cho nguôi giận thì chính người chủ gia đình đứng ra dâng cúng phẩm vật để chuộc lỗi.

Tóm lại, con người chỉ hoạt động, theo quan điểm tôn giáo hoặc là để thờ cúng các thần linh, như là chủ (gia đình) nhóm người tạo thành gia đình, gia đình theo nghĩa hẹp, gia đình mở rộng thành một chi họ hay toàn bộ một dòng họ như người giữ một nhiệm vụ chính thức. Nơi anh ta những biểu hiện tôn giáo cá nhân hình như khá hiếm.

Chúng ta vừa thấy vai trò của người đàn ông khi là chủ gia đình; với một vài dạng thức, anh ta là người chủ trì việc thờ cúng ông bà tổ tiên và luôn luôn là người chủ trì việc thờ cúng do các thần bảo hộ gia đình đòi hỏi. Nhưng người đàn ông cũng là chủ của một xóm, một làng trong cương vị bô lão hoặc lý trưởng; ông ta là một ông quan là chủ của một số dân chúng; và cuối cùng là vị vua, chủ của cả một (quốc gia) vương quốc hay nói theo một thành ngữ Trung Hoa là chủ của tất cả những gì có dưới vòm trời "thiên hạ". Mọi nhóm người, mọi cộng đồng, đều có thần bảo hộ của họ, các thần này coi sóc tập thể, bảo vệ họ, ban cho họ hạnh phúc hoặc khiến cho họ đau buồn khi đáng bị như thế. Những thần linh này phải tôn kính họ, tạ ơn họ, làm cho họ nguôi giận, dâng cúng họ các phẩm vật mà họ đòi hỏi. Chính những người chủ của nhóm giữ nhiệm vụ thờ cúng này; các bô lão thì với danh nghĩa của xóm hoặc làng, các quan thì với huyện hay tỉnh, nhà vua thì với quốc gia. Và đối với họ, các vị vua thì việc thờ cúng các vị vua ngày trước lại có một sự tách đôi kỳ lạ. Các vị vua ngày

xưa đó đối với vị vua trị vì hiện tại là những bậc tổ tiên. Người ta thờ họ ở đền Phụng Tiên với nghi thức thờ cúng riêng biệt, trang trọng chỉ có đặc trưng riêng tư: tương đương với việc dâng cúng các chủ gia đình đối với tổ tiên trong dòng họ. Họ cũng còn là các vị "hoàng đế" nghĩa là các người đứng đầu quốc gia ngày xưa: với danh nghĩa mới này các vị vua hiện trị vì là người chủ quốc gia phải thờ cúng họ riêng ở hai ngôi đền khác biệt: Thái Miếu và Thế Miếu. Mặt khác, sự kiện này cũng có ở mỗi làng: một người dân nào đó được hậu duệ của mình thờ cúng ở trong nhà thờ gia đình nhưng đồng thời với danh nghĩa người lý trưởng hoặc ân nhân của làng lại được thờ cúng ở đình làng và đôi khi một người giữ hai nhiệm vụ, thờ cúng ở hai nơi.

Người ta sẽ trách tôi đi xa đề tài của mình để nói đến việc thờ cúng trong làng và trong nước. Đó là một trách cứ không hợp lý, bởi vì làng chỉ là sự mở rộng của gia đình và các vị quan, vị vua mọi người đều biết là "cha, mẹ" của dân. Nhiệm vụ chủ trì việc thờ cúng mà người đứng đầu làng, nước phải gánh vác, suy ra từ vai trò của người chủ gia đình ở trong gia đình.

Lời cuối đối với chức vụ của người chủ gia đình đôi khi người ta nói đến chức vụ có tính tôn nghiêm. Người chủ gia đình là mục sư của việc thờ cúng tổ tiên. Vâng, nếu người ta muốn biết nhưng với điều kiện người ta lấy đi tất cả những gì thật sự tạo nên đặc tính cho chức vụ đó, việc chuẩn bị, việc khai lễ, các nghi lễ chuẩn nhận, tình trạng riêng lẻ. Người chủ trì việc thờ cúng dù là nói đến việc thờ cúng tổ tiên hay thần linh bảo hộ của các cộng đồng ông ta nhận lãnh trách nhiệm trình diện trước các thực thể siêu nhiên và đứng hàng đầu so với tất cả. Đó đơn giản là những gì tạo nên tính chất tôn nghiêm của chức vụ ông ta. Hiển nhiên, nhà sư, ông thầy pháp giữ một vai trò riêng mà người ta không đề cập ở đây.

IV - NGƯỜI ĐÀN BÀ

Người ta đã thấy, chàng thanh niên lấy vợ hay đúng hơn được cha mẹ mình cưới vợ cho để làm cho việc thờ cúng tổ tiên được trường tồn, nghĩa là để có con trai. "Con ơi, hãy lấy vợ để nhận lãnh trách nhiệm cao cả của chúng ta". Từ quan niệm hôn nhân này đưa đến một cách hợp lý là cứu cánh đầu tiên của người vợ Việt Nam là có con và là con trai, và điều bắt buộc này là quan trọng.

Có nhiều gia đình trong đó người chồng sau nhiều năm chung sống mà không con cái đã dàn xếp hoàn cảnh để nhận con nuôi ngay cả khi ông ta tỏ rõ tình trạng bất lực không thuộc về ông.

Nhưng phần đông khi người chồng nhận ra rằng việc không có người nối dõi là do người đàn bà thì người ta giải quyết tình trạng này theo 2 cách, bằng sự để bỏ hay đa thê.

Một bản luật cũ đề năm 1495 nói đến "7 trường hợp để một người đàn bà bị để bỏ" và trường hợp thứ nhất trong các trường hợp này là "không có con", lời bình luận của nhà lập pháp thêm "Không con là bất hiếu đối với cha mẹ, vì vậy người ta có thể bỏ vợ khi người vợ không có con". Và trường hợp thứ ba là khi người vợ mắc cái bệnh khủng khiếp: bệnh hủi. Bệnh này lời bình luận thêm, "ngăn cản không cho dâng cúng cơm gạo các thần linh" nghĩa là người đàn bà bị hủi "không thể chuẩn bị các món ăn để dâng cúng tổ tiên, hay nếu bà ta chuẩn bị các thứ đó thì chúng cũng bị ô uế, tổ tiên không thể chấp nhận, do đó việc dâng cúng không thể thực hiện và việc ly dị phải xảy ra.

Luật lệ hiện nay cũng xác nhận những xử lý như thế.

Trong thực tế thông thường, tôi nghĩ rằng việc bỏ vợ không bao giờ chỉ vì một mình việc không có con, thêm vào

khiếm khuyết này những mối bất bình với tính chất khác biệt, tính nết không hợp nhau, cha mẹ đôi bên bất hòa, tranh đoạt quyền lợi. Người ta muốn dùng một phương thức khác để tạo ra hậu duệ cho người chồng: hoặc là trong một vài trường hợp người ta nuôi con nuôi như tôi đã nói, và người chồng hành động như khi sự bất lực là do ông ta, hoặc là thông thường hơn người chồng lấy một hay nhiều người vợ phụ, những người "hầu" như người ta thường nói.

Từ "người hầu" này không chính xác. Nó làm nghĩ đến một tình trạng chế độ lễ mọn, một hoàn cảnh khác thường không có trong thực tế. Người Việt lấy vợ thứ hai hoặc thứ ba, các ông vua có đến hàng trăm vợ đều ở trong tình trạng bình thường, trước pháp luật, trước tôn giáo như người chỉ có một vợ. Hơn nữa theo những gì chúng ta đã thấy, người không thể có con trai với người vợ chính mà vẫn ở vậy sẽ thật là đáng trách dưới mắt mọi người hơn là ông ta lấy một người vợ thứ hai; ông ta sẽ bị kết tội nặng nhất đó là tội bất hiếu.

Trong thực tế chế độ đa thế hiếm thấy ở nông thôn Việt Nam. Người ta thấy nó ở giới quan trường và một vài người giàu có. Người nghèo, những người phần nhiều ở Việt Nam, chỉ có một vợ, bởi vì cần có tài sản để nuôi dưỡng hậu cung và con cái đông đảo. Nếu họ không có con họ điều chỉnh tình trạng đó bằng việc để vợ hoặc nuôi con nuôi. Những người lấy nhiều vợ, hiển nhiên đôi khi do thúc đẩy của bản năng nhưng thường thường chính là do viễn ảnh ước muốn có được con trai và có con càng nhiều càng tốt. Bởi vì đối với người Việt đó là một vinh dự và là một hạnh phúc trong đời này hoặc đời sau khi có được nhiều con. Ở Việt Nam không có việc hạn chế sinh đẻ, không có việc loại bỏ con gái hoặc con cái không mong muốn. Tôi đã thấy người ta thương yêu chăm sóc con cái khi chúng sống, chân thành khóc thương khi chúng chết, hoặc

chúng sinh ra bất túc trên đời. Thật thế, nếu người ta chỉ có một đứa con, có nhiều khả năng đứa con này chết hoặc là đến phiên nó nó lại không có con cái nối dõi và khi đó chấm dứt việc thờ cúng tổ tiên ông bà. Bài vị của người cha không may này sẽ được nhận vào một chi họ bằng hệ và sẽ được thờ cúng gián tiếp và nếu không ai nhận linh hồn người chết sẽ vĩnh viễn không có được phẩm vật dâng cúng và trở thành một con ma, một con quỷ, một trong những linh hồn lang thang gieo rắc đau ốm, chết chóc để kiếm tìm khắp nơi một ít lòng thương hại, một ít thức ăn. Trái lại người có nhiều con cái có thể hy vọng thụ hưởng lâu dài đến những thế hệ xa xôi về sau việc thờ cúng sung mãn, chắc chắn.

Các bà vợ không bao giờ có các đặc quyền của bà vợ chính. Chính người vợ chính bằng lòng đưa vào các bà vợ khác, và để biểu tỏ sự thuận tình của mình và để chứng tỏ mình đã hết lòng làm tròn nhiệm vụ của mình như thế nào, và để đem lại cho người chồng, dù gián tiếp, nhiều con cái chừng nào có thể được; theo tôi chính bà ta là người đi hỏi cưới các bà vợ thứ và đưa họ vào gia đình mình. Chính bà ta là người tiếp tục giữ chìa khóa các rương hòm và ngự trị trong nhà như bà chủ thật sự. Và tính chất đó sẽ được ghi ngay cả trên bia mộ. Các bà vợ thứ chỉ là "người kế cận trong nhà". Thứ thất, trong khi đó người vợ chính "người thực sự chính thức trong nhà", Chính thất; là người thích hợp cho gia đình; "Nghi thất", là người chủ yếu trong nhà", Trung thất, "là người phối hợp chính", Nguyên phối. Nhưng con cái của vợ chính hay vợ thứ đều ngang hàng; họ đều hợp pháp như nhau, họ cùng quyền hạn và bổn phận, trong khi cha họ còn sống hoặc sau khi cha họ chết. Tuy nhiên, các luật về con trưởng buộc phải áp dụng cho con trai của người vợ chính, dù cho người này có nhỏ tuổi hơn các con trai của các người vợ thứ. Và chúng ta đã thấy ở

trên những bổn phận và quyền hạn nào là của người con trưởng.

Tôi không biết điều gì sẽ xảy ra nếu tất cả người Việt Nam đều có hai hoặc ba vợ. Gia Long đã thú nhận với Chaigneau, một sĩ quan Pháp đến phục vụ ông rằng việc cai quản đất nước của ông không làm ông lo lắng bằng việc coi sóc hậu cung của mình. Nhưng tôi thiểu thừa nhận rằng chế độ đa thê dù cho nó có mặt ở An-nam như thế nào, được chấp nhận do những yếu tố không thiếu cao quý và bị hạn chế vì nhiều nguyên do, không tạo ra những hiệu quả đáng buồn như người ta thường trách cứ đối với định chế này.

Tôi không dung thứ đối với việc bỏ vợ và ly dị, vốn thường xảy ra trong giai cấp khá giả cũng như ở giai cấp nghèo khổ. Những chuyện đó là nguồn gốc của những xung đột và hận thù dai dẳng.

Từ khi người cha mất, người vợ chính, nhất là khi bà ta có con, hành xử uy quyền người cha theo quan điểm dân sự hiển nhiên với một vài hạn chế: bà ta có hoa lợi của cải của người chết mà bà quản lý, nhưng không có quyền phân phối; nếu bà ta muốn phân phối bà cần có chữ ký của các con ở tuổi trưởng thành, và chữ ký của người trưởng họ khi các con còn nhỏ tuổi. Con cái phải vâng lời và tôn trọng bà như cha. Đó là cái đầu của gia đình, cho đến khi bà chết, ít nhất là bà không tái giá; bởi vì nếu tái giá bà mất mọi quyền lợi ở gia đình đầu tiên của mình. Các đặc quyền này chỉ thuộc về một mình người vợ chính, không bao giờ thuộc về người vợ thứ ngay cả khi người vợ chính không có con và những người vợ thứ có con.

Nhưng nếu bà ta kế tục người chồng theo quan điểm dân sự thì bà không nhận các quyền hạn của người chồng theo quan điểm tôn giáo. Bà chỉ là người giúp đỡ và theo sau ông

chồng trong việc thờ cúng trong gia đình, bà tiếp tục giữ cùng một vai trò, sau lưng người con trai trưởng của người đã khuất, người này có thể là con trai của chính bà, nhưng người này có thể là con trai của một người vợ thứ.

Thường thường người đàn bà không thể chủ trì việc thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên không nên nói quá đó là một thứ bất lực và nhất là không nên kết luận như thế như một vài người đã làm, rằng người đàn bà không có phần gì trong việc thờ cúng. Trước hết, người đàn bà là người trợ thủ: chính bà là người chuẩn bị các phẩm vật dâng cúng và thường thường trong các gia đình đông đúc, đó là một công tác khó khăn, mệt nhọc và tế nhị và chính bà sau khi đã chuẩn bị các phẩm vật đem lên bày biện trên bàn thờ, nơi người chồng đứng dâng cúng. Đó không phải là một trợ giúp dửng dưng. Người ta đã thấy ở trên nếu người đàn bà không trong sạch, có thể bị bệnh như bị phong hủi, bà ta sẽ làm ô uế các món ăn dâng cúng. Như vậy là người đàn bà chung sức trong việc cúng tế, và hành động chung sức này có ảnh hưởng đến việc thờ cúng tế lễ. Bà không chỉ giúp chuẩn bị các món dâng cúng mà còn đi theo người chồng và bái lạy sau lưng chồng, và nếu vì lý do này hay lý do khác bà có ý không thực hiện các bổn phận này, bà sẽ phạm phải một lỗi lầm nặng nề về lòng hiếu thảo đối với tổ tiên nhà chồng. Bà không chỉ phải thờ cúng trong những điều kiện đã nói, đối với tổ tiên gia đình nhà chồng mà bà không còn được quên tổ tiên của gia đình mình. Theo phong tục, một phong tục nghiêm ngặt, bà phải trở về, một mình hoặc cùng với chồng, nhà cha mẹ hoặc đến nhà người anh trưởng vào những ngày kỵ giỗ để bái lạy theo lễ nghi trước các bài vị của gia đình mình.

Vị trí mà người đàn bà chiếm giữ trong việc thờ cúng tổ tiên cung ứng một ý tưởng cao cả về vai trò của họ. Đứng đầu

là người con trai trưởng, vị chủ lễ; đằng sau ông ta một bên là các con trai thứ mỗi người đứng theo hàng của mình, rồi đến các cháu nội trai, các chắt nội trai; phía bên kia là vợ của người con trai trưởng rồi đến các người con gái, người dâu, các cháu nội gái v.v... đứng theo hàng của mình. Các bà vợ đứng sau người con trai trưởng, vị chủ lễ, nhưng họ ngang hàng với các thành viên đàn ông trong gia đình và đóng cùng vai trò với những người này trong việc thờ cúng, một vai trò của người cùng tham dự và trong một chừng mực nào đó là một người đồng chủ lễ.

Hơn nữa, luật lệ xưa của Việt Nam đã tiên liệu các trường hợp trong đó một người đàn bà có thể nắm trong tay quyền cai quản tài sản hương hỏa. Một sắc lệnh năm 1517 viết như sau: "Người ta giao việc quản lý và bảo tồn các tài sản hương hỏa cho người con trai trưởng và người cháu nội trưởng. Khi không có con trai trưởng, người ta giao của hương hỏa cho con trai và cháu trai của các con trai thứ. Khi không có con trai và cháu trai của con trai thứ, người ta giao nó cho người con gái trưởng". Văn bản này chỉ là xác định một quy định từ năm 1471: "Đối với việc quản lý và bảo tồn của cải hương hỏa khi không có con trai trưởng, người ta dùng người con gái trưởng để coi sóc việc cúng tế". "Để lo coi sóc việc cúng tế", văn bản luật lệ này cùng dùng một động từ mà chúng ta đã gặp khi người cha gởi con trai mình đi rước dâu trong ngày nghinh hôn: "Con hãy đi tìm vợ con để nhận lãnh trách nhiệm về các bổn phận cao cả của chúng ta".

Ngày nay, người đàn bà Việt Nam hưởng cùng các đặc quyền đó. "Vô nam dụng nữ" (không con trai người ta dùng con gái). Đó là câu Hán Việt, mượn theo một luật cũ dùng giải quyết vấn đề. Và sau đây một nhà bình luận hiện thời đã giải thích như thế nào về luật lệ và phong tục thừa nhận đặc biệt

rằng hương hỏa, tài sản thờ phụng, được giao lại cho con gái người đã khuất để người này tiếp tục thờ cúng tổ tiên ông bà... Hơn nữa, trong thực tế, khi người cha trong gia đình chỉ có hậu duệ là con gái, ông ta gần như luôn luôn để lại tài sản và hương hỏa của mình cho họ; ông ta chỉ nhận con nuôi như luật lệ đã ghi khi không có đứa con nào".

Tuy nhiên, tục lệ này thay đổi tùy theo nơi khi áp dụng; nơi này thì rộng rãi, nơi kia thì nghiêm ngặt. Ở một vài vùng, vai trò người con gái được chọn làm người bảo quản tài sản hương hỏa thành cơ bản: bà ta thực hiện vai trò điều hành việc thờ cúng, chủ trì các phẩm vật dâng cúng người chết, trong các tang lễ, và sau đó trước bài vị người chết bà ta đứng trước tất cả mọi người dự lễ và bái lạy ở hàng đầu. Ở cùng vùng khác thì trái lại, bà ta chỉ đơn giản là người giữ tài sản hương hỏa, vai trò của bà ta chỉ giới hạn trong việc điều hành các của cải này; trong các lễ nghi thờ cúng, bà ta để cho người chồng chủ trì hoặc để cho một trong những ông chú ông bác hoặc cho một thành viên khác của gia đình. Mặt khác, nếu sự thừa kế thường lệ của các con trai được tái lập, theo cách này hay cách khác thì người con gái hay con cái của bà ta mất quyền quản lý tài sản hương hỏa. Và cũng thế, ở một vài nơi người ta chỉ thừa nhận giao quyền thừa kế tài sản hương hỏa cho con gái khi dòng họ đã tuyệt tự, nghĩa là khi không có con trai và trong toàn bộ gia đình không có con trai có thể đại diện gia đình và nắm giữ việc coi sóc thờ cúng tổ tiên.

Không ngoa khi nói rằng người đàn bà Việt Nam, trong một vài tình huống và ở một vài vùng, có thể là một trong những mắt xích liên tục do sự thờ cúng trong gia đình đã nối kết thế hệ này với thế hệ khác của một gia đình cho đến những thời điểm xa xôi.

Chúng ta phải bước thêm một bước nữa và mở rộng các đặc quyền của người đàn bà trong việc thờ cúng người chết.

Người ta thường thấy ở Huế trong vùng rộng lớn đầy những mồ mả trải dài ở phía nam thành phố, một người đàn bà trong y phục tang chế, khi thì đi một mình khi thì có người giúp việc đi theo hoặc đứa trẻ tháp tùng... Một chiếc chiếu được trải ra trước mồ; một mâm nhỏ trên đó có cau trầu, giấy vàng bạc, các cây hương thắp sáng; người đàn bà đứng trước mồ, dáng trầm mặc, cúi đầu, hai tay chắp lại trước ngực và bà ta vái lạy. Đó là bà ta thực hiện lễ cúng. Người chết có thể là chồng, con, cha hay mẹ của bà: Tại sao lại là bà ta cúng lễ, mà không phải là con bà ta hoặc là chồng bà? Bởi vì bà ta chỉ còn một mình, là người đàn bà góa không có con trai, bà con lại ở xa, và tuy thế các lễ cúng tiếp theo đám tang chưa phải là chấm dứt sau vài tháng thì ngày giỗ đã tới. Thế là phải sửa sang dâng cúng theo nghi lễ. Chính người đàn bà phải làm tất cả các việc đó để đem lại an bình cho người đã khuất và để được người sống ngợi khen.

Như thế thật là không đúng khi nói rằng người đàn bà không có vai trò gì trong việc thờ cúng tổ tiên. Thường thường bà ta không chủ trì việc tế lễ ông bà, và chỉ giữ một vai trò thứ yếu không mấy thiết thực và quan trọng. Nhưng đôi khi trong vài trường hợp vai trò đó trở thành lớn hơn và ngang bằng với vai trò của người đàn ông.

Không phải là hoàn toàn đúng khi cho rằng người con gái khi đi lấy chồng, theo quan điểm tôn giáo, là đã đi khỏi gia đình mình để bước vào gia đình người chồng. Trên phương diện thờ cúng, điều đó là đúng nghĩa là khi người đàn bà chết, chính là trong gia đình người chồng mà không phải là trong gia đình vốn có của bà, người ta thờ cúng bà. Nhưng trong khi

còn sống, bà ta tùy theo khả năng của mình phải thờ cúng tổ tiên nhà chồng cũng như của chính mình.

Trên đây tôi đã nói rằng cái bó buộc hàng đầu của người vợ Việt Nam, về phương diện tôn giáo là có con trai. Một văn bản luật pháp xưa cho ta thấy một kết quả lạ lùng của việc bó buộc này. Lòng kính trọng mà người ta phải có đối với người chết đòi hỏi người ta trong thời kỳ tang chế phải kiêng cử mọi lạc thú, vui chơi nhất là khi một lỗi lầm vì lạc thú. Vì vậy nếu một điều luật của nhà Lê tái tạo một điều luật Trung Hoa đời Đường quy định rằng: "Những người có tang cha hoặc tang mẹ, cũng như người đàn bà có tang chồng, nếu phạm tội gian dâm sẽ bị kết tội chém đầu". Người ta đã lạm dụng văn bản đó và nhà làm luật buộc phải làm nhẹ bớt điều luật. Sau đây là một vài tình huống: "Trong thời gian có tang cha hay tang mẹ mà người vợ hoặc người vợ hầu có thai thì người chồng gây ra chuyện tội lỗi này phải bị trừng phạt theo luật. Nhưng rồi sau khi ban hành luật này có một số người đáng kể chết đi mà không có con cháu nối dõi, phạm tội bất hiếu. Chính vì vậy nên vào đời Cảnh Thống (1498 - 1504) do lòng nhân đạo đối với những người không con sắp chết đi mà không có con nối dõi, người ta chấm dứt việc thi hành và trừng phạt theo luật này. Luật mới này đã cho phép mọi người yên tâm và đem lại ánh sáng cho các bổn phận của lòng hiếu thảo. Cũng thế từ nay về sau do lòng sùng thượng các định chế cổ xưa, người ta khi công bố một cách khinh suất những điều luật loại này thì người công bố sẽ bị trừng phạt do đã buộc tội sai lầm một người nào đó".

Có sự mâu thuẫn giữa hai điều bắt buộc của lòng hiếu thảo: một mặt thì hai vợ chồng phải kiêng cử trong thời kỳ tang chế mọi liên hệ thể xác; mặt khác lại phải bảo đảm cho sự trường tồn của việc thờ cúng. Nhà làm luật không ngần

ngại mà cho rằng: chính bổn phận thứ hai là quan trọng hơn, cũng như sẽ làm mất đi hậu duệ của gia đình nên ông ta cho phép điều hòa và giảm nhẹ các bó buộc nghiêm ngặt trong thời kỳ tang chế.

Bởi lẽ việc có nhiều con cái đem lại nhiều vinh dự và đặc quyền to lớn nên người ta không ngạc nhiên thấy người Việt nhất là đàn bà, hướng về các thế lực siêu nhiên để có được con cái và nhiều con cái. Hình như sẽ là tự nhiên khi họ yêu cầu xin ông bà tổ tiên điều thỉnh nguyện đó bởi vì chính ông bà tổ tiên cũng mong muốn hậu duệ của họ không bị đứt đoạn. Và cũng từ đó có việc thờ cúng tổ tiên. Người Việt Nam, để có được con cái nối dõi, cầu xin ở các đền thờ Lão giáo, ở ma thuật và thuật phù thủy. Về chuyện này chúng ta thường gặp một Bà Cô, là một cô gái già, chết không con cái, tính tình cay nghiệt không sửa đổi ngay cả khi đã sang bên kia thế giới. Đôi khi bà ta đến đòi gia đình mình một đứa cháu trai hoặc một đứa cháu gái, đứa bé đau rồi chết, nó đã đi sang thế giới bên kia để phục vụ Bà Cô. Trong thực tế, Bà Cô này không thuộc về các tổ tiên thông thường, bà thường có một am nhỏ bên cạnh bàn thờ của gia đình; nhưng đó là một trong những biểu tượng của đạo Lão, vay mượn của việc thờ cúng tổ tiên và các phương thức mà người ta dùng để cầu xin Bà Cô là cũng thuộc về Lão giáo.

Dưới các triều đại ngày xưa, ở triều đình Hà Nội người ta thờ một vị thần tên Cao Môi, vị chủ của những kẻ môi giới, các hoàng đế cầu xin có con cái ở vị thần này. Một nhà bình luật Việt Nam đã nói như sau về việc này: "Vị thần này được tôn vinh ở Nam Giao (để tế trời) và người ta kết hợp vị thần này trong các lời cầu xin cho Thượng đế, với mục đích tránh xa các thế lực xấu và để có được một hậu duệ hưng thịnh. Vào tháng ba âm lịch người ta đặc biệt dâng cúng vị thần này một

con bò. Hoàng đế tham dự lễ này, hoàng hậu cũng có mặt và đứng trước tất cả phụ nữ trong hoàng cung. Nhưng sự kết hợp trong việc thờ cúng này đối với thượng đế đã phần nào làm hạ giá Thượng đế. Các nhà Nho xưa đã bàn luận nhiều về vấn dề này. Chỉ các hoàng đế triều đại nhà Lý (1009 - 1225) thực hiện theo cách này. Kể từ đời Trần (1225 - 1428) và đời Lê (1428 - 1786), chuyện đó không còn thấy nói đến trong lịch sử: có thể người ta đã bỏ đi vì thấy không thích đáng và xứng hợp". Đến nay vị thần này không thấy trong danh sách các vị thần được kê trong lễ Tế Trời, nhưng người ta cũng có thể gặp vị thần này, hoặc một vị tương tự, vài năm mới đây, khi lục lọi các ngõ ngách của cung điện Huế, Võ Vương, không nuôi được con gái đã quyết định gọi con trai của mình bằng tên con gái và ngược lại, con gái được gọi bằng tên con trai. Sách Thực lục thời Tiền Nguyễn đã ghi rõ sự việc này. Và từ đó cho đến nay, các đấng mày râu của hoàng tộc đều được gọi là Mệ, đúng nghĩa là Bà, tên gọi thông thường của các bà già, và Mụ, gốc ở chữ Hán: Mẫu, tên gọi của phụ nữ thuộc lứa tuổi nào đó. Làm như thế là người ta muốn đánh lừa ma quỷ vốn ưa thích con trai và đến tìm chúng, nghĩa là làm cho chúng đau ốm rồi chết để đưa chúng về phục vụ họ và họ miệt thị con gái. Đó là cách thông thường ở Trung Kỳ để đánh lừa ma quỉ ưa bắt trẻ con.

Nhưng chúng ta hãy trở về với đề tài. Trước hết là có con nhất là con trai, tiếp đó là giữ gìn con cái đã có.

Gần như hầu hết các đền thờ thu hút đám đông, nơi hò hẹn của những hành hương lớn, Kiếp Bạc, Hương Tích, Phủ Giầy ở Bắc Kỳ, Phố Cát ở Thanh Hóa, Hòn Chén ở Huế, một đám đông nào khác ít biết ở các địa phương, đều là những vị trí để cầu xin có con cái. Đức Thánh Mẫu, Cửu Thiên Thần Nữ, Bà Chúa Liễu Hạnh, vị thần miền Bắc, và nhiều vị khác đã đem lại giàu có cho nhiều quý bà cao tuổi. Người ta mua ở

đây áo quần hoặc yếm che có viết chữ bùa thần bí, người ta xin ở đây các đạo bùa rồi đeo ở cổ hoặc may vào áo quần,.xin các thuốc hồi xuân rồi uống; người ta dâng cúng ở đây, người ta thắp hương ở đây, người ta hỏi để biết số phận mình với nhiều cách, người ta đắm mình vào trạng thái kỳ bí. Tóm lại, người ta thường tưởng rằng được nhận lời cầu xin và nếu kết quả được đón nhận, người ta lại trở về với vị thần. Không phải chỉ các vị thần Lão giáo cho có con, mà chính Đức Phật, vị thần Đại từ bi, dưới hình thức Phật bà Quan Âm, cũng đến giúp đỡ các bà vợ không con nối dõi. Tôi biết nói gì đây khi các con chiên Thiên Chúa giáo và ngay cả những người tà giáo chạy theo sau Đức Mẹ Đồng Trinh nổi danh kiêu kỳ trong cùng ý hướng, lớn lao thay lòng mong ước có con cái đối với người đàn bà Việt Nam trong mọi gia đình.

Khi người ta vào một ngôi nhà khá giả và sùng kính lễ nghi, người ta thấy ở bên phải theo hướng vào, trên bức vách bằng ván gỗ hoặc tre đan ngăn cách buồng the nữ giới với gian chính, gian tiếp khách, có treo một cái khám nhỏ bằng gỗ đôi khi là một phẩm vật điêu khắc kỳ diệu. Nó được dành riêng để cung hiến Đoài Cung Thánh Mẫu. Nhưng dân chúng thích thấy ở đây bà Bổn Mạng của đàn bà hay hơn nữa là Mười hai Bà Mụ. Và thật vậy, người ta để ở đáy khám một bức ảnh vẽ mười hai Bà Mụ theo hai hàng. Các hình ảnh biểu hiện này chứng tỏ một sự hỗn hợp tôn giáo của nhiều tín ngưỡng chồng chất lên nhau. Nhưng chúng ta có ở đó sức mạnh siêu nhiên, một hoặc nhiều, chăm sóc cho người mẹ trong gia đình và đem lại sự sinh đẻ dễ dàng. Chính người chồng chủ trì việc thờ cúng tổ tiên và các vị thần bảo hộ gia đình, ông tổ nghề nghiệp, thần Thổ Địa; nhưng người ta hiểu dễ dàng, chính bà mẹ trong gia đình lo việc thờ cúng Mười hai Bà Mụ và một vài ngày trong tháng bà mẹ dâng cúng họ hương và nước trong.

Vào những dịp khác, từ khi đứa trẻ sinh ra, chính người đàn bà đỡ đẻ (bà mụ) thực hiện việc hộ sinh, bà ta dâng cúng các đồng nghiệp trên trời cơm, cau trầu, những phẩm vật dâng cúng thường lệ, để có được một cuộc đỡ đẻ tốt đẹp. Ba ngày sau khi sinh cũng tổ chức cúng như thể để kết thúc hạn cấm vào nhà, và sau ba tháng mười ngày, hoặc chỉ đơn giản một tháng để kết thúc hạn cấm của người sản phụ.

Thật là phép nuôi con kỳ bí! Cần có một sự khảo sát dài hơi về vấn đề này. Tôi chỉ liệt kê các sự kiện không triển khai nào: chúng rất nhiều và khá phức tạp.

Người ta cố gắng bảo vệ cuộc suống của đứa trẻ từ khi nó được hoài thai. Bởi vì nó là miếng mồi bày ra cho rất nhiều ma quỷ, những âm hồn ác độc. Chúng ta đã nói đến Bà Cô. Một trong những thứ đáng sợ hơn cả là Con Ranh, con ma này giải thích tại sao, trong một vài gia đình, đứa trẻ chết lúc tuổi còn nhỏ: linh hồn của đứa chết đầu tiên nhập vào đứa trẻ tiếp theo và làm đứa này chết và cứ thế tiếp tục cho đến khi cả loạt đứt đoạn, theo cách này hay cách khác. Cũng có những vị thần tốt bụng được thờ phụng trong các chùa hoặc ở các nơi thờ phụng khác trong làng: đôi khi trong lúc chơi đùa đã làm đôi điều bất kính đối với vị thần và vị thần trả thù, trừng phạt đứa trẻ và đứa trẻ ốm hoặc ngay cả chết. Việc khó khăn trong tất cả những trường hợp này là tìm ra một cách nào đó, nguyên nhân chính của việc không may đối với vị thần, con ma hay con quỷ làm cho đứa trẻ ốm đau, và đe dọa làm nó chết. Chính đó là việc của các thầy pháp, thầy bói, bà đồng bóng và người ta phải hỏi đến họ.

Kẻ thù của con trẻ rất nhiều và các phương cách được dùng để thoát khỏi những hiểm nguy đó cũng lắm.

Từ khi người đàn bà cảm thấy mình đã là mẹ và nhất là bà đã cảm nhận đã có tai nạn, bà ta mặc yếm vàng hay đỏ có

viết chữ bùa nhiều màu, hoặc bà ta đeo ở cổ hoặc ở áo quần các túi bùa. Nếu một tai nạn xảy ra, cái phôi được chôn với những lễ nghi kỳ bí để ngăn cản nó làm hại những lần thụ thai trong tương lai.

Sự sinh đẻ, ta đã thấy, diễn ra dưới sự bảo trợ của mười hai Bà Mụ trên trời. Đứa trẻ phải chịu các lễ nghi làm cho bà mẹ nhiều sữa, làm cho đứa trẻ ngon miệng, làm cho nó thông minh nếu là đứa con trai, làm cho nó lanh lợi khéo léo nếu nó là đứa con gái. Người ta treo ở cửa vườn các bình vỡ, những cành cây có gai để đuổi xa ma quỷ, nguy hiểm và ác độc. Người ta đặt cho đứa trẻ một cái tên ngốc nghếch, một tên súc vật, một tên tục tĩu đánh lạc hướng ma quỷ và làm cho họ lầm lẫn về đứa trẻ. Khi nói về đứa trẻ trong một vài tình huống, người ta dùng một ngôn ngữ quy ước, luôn luôn để đánh lừa ma quỷ. Người ta đánh đuổi khỏi nhà các quỷ dữ đã ở đó, và người ta để ở cửa các viên gạch hay viên đá có vẽ bùa để ngăn không cho chúng quay lại. Người ta đeo bùa cho trẻ con. Người ta đưa trẻ đến thầy pháp để họ cho nó mặc áo vàng hay đỏ có viết các chữ kỳ bí hoặc để họ dâng cúng nó cho vị thần cấp trên, xăm lên trán nó một chữ thập không tẩy xóa được. Người ta bán nó ở người thợ rèn, người này làm cho nó một cái vòng sắt ở chân mà nó sẽ mang cho đến khi nó đã hơi lớn. Hay là người ta hiến nó cho một vị thần nơi một viên đá thiêng, và người ta chỉ đến mua lại nó khi nó 12 tuổi. Người ta treo trong nhà da rắn, các đồ vật ô uế để đe dọa ma quỷ. Người ta tham dự các cuộc hành hương, dâng cúng phẩm vật ở chùa chiền, người ta cầu xin mọi vị thần của Lão giáo, mọi vị thần trong thiên nhiên, mọi vị Phật.

Nếu có chuyện với Con Ranh, kẻ làm hại hàng loạt trẻ con, đôi khi người ta nhờ một người công giáo rửa tội cho một trong các đứa con trước khi nó chết để làm gián đoạn một loạt

các điều bất hạnh, bằng cách chuyển một vòng xích trong loạt đó đến dưới sức mạnh của một vị Thượng đế nước ngoài. Nhưng thường thường người ta cầu viện các phương thức kinh khiếp: thân xác của đứa trẻ đã chết, và đôi khi cả thân xác đứa trẻ khi chưa chết, bị cắt xén bằng dao quắm, bị cắt đầu hoặc xẻ thây; người ta chôn nó sau khi găm đầy kim vào thân và đặt vào trong chậu đất khẳn kín. Tất cả những cẩn thận đó đều để làm kinh hãi hồn ma nhập vào đứa trẻ và ngăn nó không trở lại trong lần hoài thai sau. Mặc dù thế, đôi khi nó vẫn trở lại và đứa trẻ mới sinh sau mang trên tứ chi nhỏ bé của nó các dấu dao quắm mà người ta đã làm trên thây anh nó và người ta ít nhất cũng nghĩ rằng đã nhận ra các dấu vết đó.

Đó là những thực tế, đôi khi thật đáng kinh khiếp, sản sinh từ một cảm tình tự nhiên và rất đáng tán thưởng, lòng ham muốn, sự sùng bái tình trạng có nhiều con cái.

Điều tôi vừa nói về vai trò đến với người đàn bà trong việc thờ cúng trong gia đình đã thúc đẩy tôi trình bày một khía cạnh khác của đời sống tôn giáo nơi người Việt.

Tất cả những gì liên quan đến việc thờ cúng tổ tiên, và người ta phải nói đến cũng như việc thờ cúng thần thánh chính thức, đều thấm nhuần tôn trọng và sự sợ hãi, đó là hiển nhiên có tính cách thật sự tôn giáo; nhưng phải thú nhận rằng trong các lễ lạc chính hình thức chủ nghĩa đã chi phối, một thứ hình thức chủ nghĩa cứng nhắc, chật hẹp ngay cả khi nó rất trang trọng, một hình thức chủ nghĩa có thể đem lại cho tâm hồn một ý tưởng cao cả về các thực thể siêu nhiên và làm nảy sinh những tình cảm cao quý tương xứng với những quan niệm đó, nhưng nó cũng hình như có tính chất làm giá lạnh con tim, làm khô cằn con tim. Phải chăng người Việt không đủ khả năng có đà xung động đối với những thực thể siêu nhiên, phải chăng trong số họ không gặp được những

tâm hồn có nhu cầu đối với thần linh, những tâm hồn ước mong có được những liên hệ với thần linh, với tổ tiên, những liên hệ mật thiết, dấu tích của một tính chất, của một chấp thuận cho đi, của một dung tha, của một niềm tin mà việc thờ cúng không dung nạp được? Phải chăng không có những tâm hồn có mong ước nâng cao mình lên, làm cho mình trong sạch hơn, và mong tìm được sự thỏa nguyện trong khi giao dịch với thế giới siêu nhiên, trong việc thờ cúng?

Có thể, chúng ta thấy tất cả điều đó ở Việt Nam, dù chỉ ở mức độ sơ khởi. Có nhiều người Việt Nam có một tôn giáo cá nhân, trong đó có kẻ thử sống đời sống thần bí.

Trước hết phải lưu ý rằng người Việt sống trong thế giới siêu nhiên. Nhìn chung, người Âu khó mà hiểu được tình trạng tinh thần này, bởi vì đối với họ, tôn giáo, khi chỉ còn là một vài hiện thực hoặc vài tin tưởng, là được khu biệt trong một vài giới hạn thời gian hoặc không gian và chúng chỉ chiếm một vài phút trong thời gian của họ, một phần rất nhỏ trong hoạt động của họ. Người Âu, ngay cả những người sùng đạo, phần lớn không sống với Thượng đế của họ. Người Việt, trái lại, dù thuộc về giai cấp nào, không kể một vài sản phẩm của nền giáo dục mới của chúng ta, người Việt thường xuyên cảm nhận có liên hệ với các thần linh trong thiên nhiên, họ hoạt động hòa điệu với con người và bảo đảm cho sự thành công của những cố gắng của con người; người Việt thấy trong tất cả những biến cố xảy đến, những cái tốt nhưng nhất là những cái xấu, một biểu hiện của sự can thiệp của thần linh hay tổ tiên.

Trạng thái tinh thần này, tôi nhắc lại, là phổ biến, làm thuận lợi cho sự biểu hiện của tôn giáo cá nhân, hoặc nếu người ta muốn, của lòng hiếu thảo trong mọi tầng lớp xã hội. Nhưng nhất là trong số người phải đối đầu với vài hiểm nguy

như những ngư dân, hoặc những người đi vào rừng sâu đốn gỗ làm nhà hoặc để tìm mây, mật ong, sáp, và các lâm sản khác. Những người khốn khổ này sợ những hiểm nguy về các yếu tố địa phương hay về phía thú dữ hoặc sự độc hại của những vùng họ hành nghề, và điều không lấy gì làm chắc đối với họ nếu một mối lợi ước lượng được sẽ đến đền bù cho những khó nhọc của họ; tất cả những lý do đó làm họ đến gần với những thực thể siêu nhiên mà họ đợi chờ sự tiếp nhận hoặc sự thành công về các công việc của họ. Đàn bà ở Việt Nam cũng như nơi khác vốn sùng tín hơn đàn ông. Với họ, không cần phải sợ hiểm nguy, bởi lẽ họ hướng về thế giới trên cao: hàng ngàn công việc thường nhật quá đủ đối với họ, nhất là những việc khiến họ suốt ngày đi từ chợ này sang chợ khác để mua ở nơi này đem bán lại ở nơi khác và để trông chờ ở một mối lợi bấp bênh hầu nuôi sống một bầy con nhỏ. Một tiếng động, tiếng kêu bất ngờ của một con gà trống, của một con chuột hay của một con quạ, một con nhện sa, việc gặp một người theo số mệnh hay các biến cố khác, đối với họ đều là những dấu hiệu của sự can thiệp của thần linh; và lòng sùng tín của họ được bộc lộ ngay: đó là, như đối với ngư dân hay tiều phu, lời thề nguyện với thần thánh, ở một ngôi đền, một vòng hoa dâng cúng, một thẻ hương, vài tờ giấy vàng bạc, hoặc phẩm vật dâng cúng quan trọng hơn, thịt và đồ ăn, hoặc là nếu người ta không dám tin vào các phán đoán của chính mình, nếu người ta nghi ngờ, người ta hỏi thầy pháp, thầy bói, bà đồng và người ta quan sát điều thần linh ghi chép.

Cũng như thế đối với cái mà người ta có thể gọi là thần bí học (huyền học) Việt Nam, và từ đó tôi thấy được một ước muốn rời bỏ cuộc đời, hy sinh cho đời sống tôn giáo, làm cho mình thanh sạch, nâng cao mình lên, để sống trong xã hội của những thực thể siêu nhiên. Cũng ở đó chúng ta gặp cả đàn

ông lẫn đàn bà, nhưng đàn bà nhiều hơn đàn ông. Tôi không thể sa đà trong đề tài, nhưng tôi phải đề cập đến những thiên chức thuộc Phật giáo, và tôi không nói về những ông sư thông thường, trong số đó hiếm thấy là những người không làm một nghề, nhưng cũng có hoặc kết thúc bằng một đời sống tôn giáo cá nhân; tôi nói về các vị quan lớn, về những ông hoàng của hoàng tộc, về những bà lớn, đôi khi sau một cuộc sống sôi động, lui về trong những ngày già cả ở một cái am nhỏ mà họ làm ra và tại đó họ sống một cuộc đời gương mẫu thoát tục, trầm tư và khổ hạnh. Đó là những thiên chức nghiêm túc và người ta thấy chúng không ở những giai cấp cao sang mà cả ở dân chúng nông thôn. Tôi cũng phải nói đến các giáo đoàn, hội đoàn hoặc là Phật giáo hay Lão giáo ở những trung tâm lớn như Huế đã tập hợp những thương nhân giàu có, các phu nhân quan lớn, các cô gái ăn sương ở tuổi hồi xuân. Cũng ở đây, đó là một nhu cầu về thần linh, một thứ huyền học, nó cổ vũ các thành viên của những hội đoàn tôn giáo này, nhưng là một huyền học nhiều xáo trộn, nó không mấy lo chuyện làm cho trong sạch hay thoát tục và nó cố gắng hòa nhập với các thực thể siêu nhiên bằng các thủ thuật đồng bóng hay ma thuật.

Những điều lưu ý mà tôi vừa trình bày dù có vẻ như ra ngoài đề tài của thiên nghiên cứu này, nhưng rất cần bởi vì chúng làm cho thấy rằng, người đàn bà, người mẹ trong gia đình, hình như xa cách với những lễ nghi thờ cúng chính thức, với thờ cúng tổ tiên, thờ cúng thần linh, cũng thực hiện một đời sống tôn giáo lâu dài và dàn trải hơn của đàn ông.

VI - CON CÁI

Chúng ta vừa thấy vai trò theo quan điểm tôn giáo của ông cha và bà mẹ trong gia đình.

Còn lại là các con cái.

Vai trò của chúng không phức tạp. Vào các ngày kỵ giỗ tế lễ, chúng giúp chuẩn bị các phẩm vật dâng cúng, mỗi người tùy theo phương tiện ít ỏi của mình. Chúng rửa bát, và các mâm lớn, theo cha mẹ đi chợ, bưng thúng, đi lấy nước, mót gỗ mục, khêu lửa, tôi còn biết gì nữa? Đã nhiều lần chúng liếc mắt nhìn những chiếc bánh nếp chắc nịch, từ sáng sớm cũng lên đến ngạt thở trong hơi nước; chúng hít vào đầy mũi hương thơm của nước chấm ninh trong những chén đất và nhiều lần chúng la lớn trong đáy lòng mình: Ôi trời! Ôi cha! Ôi mẹ! Thật ngon làm sao! Sự nhẹ dạ cũng như sự ngu muội của chúng đáng bị những lời trách mắng của mẹ hoặc chị cả của chúng.

Cuối cùng, giây phút trang trọng đã đến. Thật trịnh trọng như nghi lễ đòi hỏi, chúng sắp hàng đằng sau các anh trai hay anh rể của chúng, sau mẹ hoặc sau chị dâu của chúng và chăm chú theo các hiệu lệnh ban bố, điều chỉnh cử chỉ của mình theo cách làm của người khác, chúng chắp tay, bái lạy nhịp nhàng, chúng rên xiết, chảy nước mắt vào những lúc mong muốn, đột nhiên ngừng lại để bái lạy. Tóm lại, chúng dự phần vào cuộc lễ phối hợp với vị chủ lễ. Rồi thì chúng không phải là không chủ động trong bữa ăn tiếp sau buổi lễ và ở đây các món ăn dâng cúng tổ tiên hay thần linh được tiêu thụ.

Chính là ở nơi con trai, nhất là người con trai trưởng, tập trung các hy vọng của gia đình và bà con, nhưng niềm hy vọng này không phải là độc nhất. Nếu ở chỗ người con trai mong đợi là một người con gái hay nếu cả một loạt con gái không đứt đoạn, thì tất cả chúng đều được đón nhận với niềm vui, với tình yêu. Người ta không bỏ rơi chúng, không đem cho hay loại bỏ chúng. Tín điều về sự vĩnh hằng của việc thờ cúng do con trai bảo đảm, như chúng ta đã thấy, không phải là độc

nhất không thể thay thế, ở nơi người Việt, và không làm nảy sinh ở họ, như ta đã thấy một cách khốn khổ ở một dân tộc láng giềng; sự khinh miệt, sự kinh khiếp con gái đã đẩy người cha, người mẹ đến chỗ gạt bỏ con cái như người ta vứt một vật nhơ bẩn.

Sự thua sút về tôn giáo của người con gái rất linh động hòa hoãn, nên không đem đến cho họ sự thua sút về mặt gia đình. Nó cũng không đem lại sự thua sút về pháp luật. Các nhà bình luận ghi nhận chung rằng luật lệ Trung Hoa thừa nhận sự bất lực của người con gái để kế thừa của cải của cha mẹ khi họ có anh em trai. Hơn nữa, luật lệ này được đưa vào các xứ Việt Nam vào khoảng đầu thế kỷ XIX, gần như không thay đổi. Các điều khoảng bao gồm việc phân chia tài sản đặc biệt được chuyển tải với các bình luận và giải thích. Mặc dù vậy, văn bản luật lệ không thể bãi bỏ phong tục Việt Nam, theo đó muốn rằng con gái cũng có một phần trong tài sản của gia đình như con trai. Hơn nữa nhiều người Việt Nam hiểu văn bản chữ Hán của điều luật trong một nghĩa thích hợp với phong tục của họ và tin chắc rằng người con gái không bị thiệt hại ngay cả do pháp luật. Trong mọi trường hợp thực tế, các chúc thư luôn dành một phần tài sản cho con gái, và khi một việc về tài sản đưa đến trước tòa án, các quan ở Trung Kỳ phán xử theo phong tục, và dành cho con gái một phần của cải của cha mẹ. Tôi không nói một phần đồng đều. Thật thế, con trai luôn được hơn, tùy theo trường hợp mà nhiều hay ít, nhất là người con trai trưởng, ngoài phần riêng của cá nhân anh ta còn được quản lý và được hưởng hoa lợi các tài sản hương hỏa, với những trách nhiệm phải gánh vác. Để minh họa lý thuyết này, tôi cung cấp ở đây bằng cách tóm lược các điều khoản của một bản di chúc Việt Nam đề ngày 26-2-1839. Sau khi xác định đâu là những tài sản để lại cho

việc thờ cúng và những ai được giao phó, ông cha và bà mẹ tuyên bố rằng "họ xử lý việc phân chia tài sản còn lại cho tất cả các con, con trai và con gái, phần tài sản này phải được xác định và tất cả mọi tranh cãi phải tránh", và họ để cho người con trai trưởng, như phần riêng cá nhân, các ruộng đất với một diện tích.

Ở Trung Kỳ (An-nam), sự thua sút về tôn giáo không kéo theo thua sút về quyền lợi dân sự. Mỗi người đều biết vị trí quan trọng mà người đàn bà nắm giữa trong xã hội Việt Nam. Hiển nhiên, người đàn bà tách xa với chính quyền; tuy nhiên vợ các ông quan cũng nhận một tước hiệu tương ứng với cấp bậc của chồng mình, lúc họ còn sống hoặc khi đã chết. Ngay trong hoàng cung mọi lúc đều có một hệ thống tầng lớp phụ nữ sắp xếp tỉ mỉ. Nhưng phần lớn trong các gia đình chính người đàn bà ngự trị. Từ khi còn rất nhỏ họ đã làm được nhiều việc hơn anh em trai họ: con trai thì học hành, cãi nhau đánh lộn hay giữ trâu; các bé gái giữ em, giúp mẹ trong mọi việc, đi chợ với mẹ, săn sóc nhà cửa khi mẹ vắng, tóm lại chúng học làm nhiệm vụ tương lai của người chủ gia đình với thái độ nghiêm chỉnh, nhiệt tình, đôi khi thật đáng cười; tôi đã chứng kiến về chuyện này những hoạt cảnh thích thú. Khi đã lớn, lập gia đình, người đàn bà cất giữ tiền bạc và lương thực, giữ chìa khóa các rương hòm và đến nỗi xảy ra việc ông chủ gia đình không thể mời người khách chén trà khoản đãi vì vợ ông ta đi đem theo các chìa khóa. Ở Việt Nam, không có hậu cung, không có khuê phòng, hay đúng hơn, đối với các gia đình cao sang quyền quý, một khuê phòng rộng mở. Trong các gia đình dân dã, chính người đàn bà suốt ngày chạy từ chợ này sang chợ khác buôn bán còn con để nuôi sống cả một gia đình. Chính bà làm ra tài sản cho gia đình với tinh thần tôn tri trật tự và tằn tiện. Chính bà là người đối đầu lại với ông

chồng đôi khi với tinh thần cương quyết rất đàn ông: khốn khổ thay cho ông ta nếu ông ta là bợm nhậu, tay (chơi) cờ bạc, kẻ phung phí! Bà ta cũng không lùi bước trước những cuộc kinh doanh lớn, và việc buôn bán thường thường bậc trung trong xứ, không nói đến chuyện buôn bán lặt vặt, là ở trong tay bà.

Ngang hàng trong tình cảm của cha mẹ đối với họ, các con trai lẫn gái, cùng bình đẳng trong việc dạy dỗ mà họ nhận được. Ở đây, tôi nói đến sự dạy dỗ, đào luyện trong gia đình, mà không nói đến nền giáo dục mà họ có thể nhận được, hoặc tốt, hoặc xấu, trong các ngôi trường hiện đại.

Trong gia đình, trong chùa chiền cũng như ở các nơi khác đều không có việc đào tạo tôn giáo, nghĩa là, như người ta thấy thí dụ ở Cam-bốt nơi mà tất cả con trai đều bị bắt buộc phải sống qua một thời gian trong nhà chùa. Và hơn nữa, ai dạy và dạy cái gì? Không có cơ cấu tôn giáo có trách nhiệm gìn giữ sự trong sáng của giáo lý; không có một hệ thống giáo lý không có những quy tắc đạo lý được xác định rõ ràng. Ngay cả đạo Phật, một đạo giáo có giáo lý và đạo đức riêng và một hệ thống đẳng cấp tôn giáo, cũng không được đem dạy cho trẻ em Việt Nam, và đó chính là một trong rất nhiều lý do làm cho người ta không thể xếp người Việt Nam vào số các dân tộc theo Phật giáo. Người Việt không hiểu gì về Phật giáo. Nhưng tất cả họ đều biết việc thờ cúng tổ tiên ông bà và thờ cúng thần linh.

Nếu không có sự giáo dục tôn giáo đúng nghĩa thì chính là có một sự đào luyện về tôn giáo và sự đào luyện này được thu nhận bằng kinh nghiệm cá nhân, bởi vì trẻ con được thấy và được nghe.

Trước hết chúng được thấy các sự kiện trong nhà hay trong nhà một chú bác của chúng, một bàn thờ tổ tiên; các

thành viên trong gia đình, những thành viên đó mà không phải là những thành viên khác, tề tựu trước các bàn thờ đó, lúc này lúc khác, để thực hiện các nghi lễ; bên cạnh nhà cha mẹ của chúng có những am, miếu, những nơi linh thiêng, nơi đây các bô lão trong làng và tất cả dân làng vào những ngày nào đó đến để cúng bái.

Chúng chứng kiến các nghi lễ, đó cũng là những sự kiện, các hình thái của một sự kiện: các bô lão lúc hành lễ mặc những thứ y phục đặc biệt, trong thời gian tang chế người ta mặc những thứ y phục khác; người ta dâng cúng các tặng phẩm như thế trong những tình huống như thế, trong những dịp khác thì các đồ vật khác; người ta bái lạy, người ta thực hiện những cử chỉ như thế, người ta xướng lên những lời như thế.

Các sự kiện đó, những lễ nghi đó do một vài giáo điều mà có: người ta cúi lạy trước các bài vị, bởi vì bài vị tượng trưng tổ tiên hay linh hồn họ, trong mọi trường hợp bởi vì đó là một vật phải kính trọng và tôn vinh; người ta dâng tổ tiên các món ăn, bởi vì họ cần và vì họ luôn tồn tại theo một cách thức nào đó; trong các đền chùa, thần linh ngự trị, vậy là có thần linh. Các giáo lý đó vốn rất đơn giản đối với trẻ con là những sự kiện. Đối với trẻ sự hiện diện của tổ tiên trong các buổi tế lễ là một sự kiện cũng hiển nhiên như sự hiện diện của những người dâng hiến cuộc tế lễ. Thần linh ngự trị trong đền chùa, đó không phải là một niềm tin, đó là một thực tế, hoàn toàn giống như người láng giềng, ông X, cư ngụ trong ngôi nhà kế bên.

Hiển nhiên, đó không phải là một sự kiện mà người ta có thể thấy bằng mắt, sờ bằng tay, nhưng đó vẫn cứ là một sự kiện hiển nhiên, một sự kiện theo kinh nghiệm. Trẻ biết rất rõ rằng đứa bé kia, bạn của nó, chết vào năm ngoái, đó chính là do vị Thần của ngôi đền kia đến mang nó đi. Người ta

không thấy vị thần, nhưng sự việc không phải là không chắc chắn, mọi người nói như thế, làm sao mà sự việc không phải là không thực?

Các sự kiện đó bao hàm một vài giáo điều, một nguyên tắc sống nào đó, một đạo lý: việc thờ cúng tổ tiên đòi hỏi những cuộc tế lễ vào những ngày nào đó trong năm. Tổ tiên đòi hỏi sự tinh xác trong các cuộc tế lễ đã định và sự kính trọng; cũng thế, người ta phải sợ và kính trọng Thần linh và các vị trí dành cho Thần linh; trước mặt Thần linh người ta không được phép thực hiện một số hoạt động. Và những bắt buộc này là những sự kiện vì chúng căn cứ trên những gì trẻ con thấy hay nghe mỗi ngày. Các điều bắt buộc này được nâng đỡ bằng những thưởng phạt. Ở trên tôi đã kể trường hợp của một đứa bé bạn của một đứa trẻ mà ma quỷ đã bắt đi. Tại sao ma quỷ làm nó chết? Chính là vì nó đến chơi đùa gần cột mốc linh thiêng trấn chống cho xóm khỏi ảnh hưởng của con đường đâm thẳng về phía các nhà, đứa bé đã không kính trọng thần linh cột mốc, và thần linh đã làm đứa bé chết để trừng phạt. Và nếu chính đứa trẻ sốt nặng mà người ta tưởng rằng nó sẽ chết, nếu đi coi bói thì phải chăng ông thầy bói không tuyên bố rằng đó là do Bà Cô, chết không con cái, không bằng lòng vì người ta bỏ lâu không cúng gì cho Bà nên Bà muốn bắt nó đem đi? Ở Tây phương lời hăm dọa: "Quỷ bắt mày đi" chỉ có một nghĩa: nó biểu hiện một cách đơn giản sự giận giữ của người thốt ra câu đó. Ở Việt Nam, câu đó và các câu tương tự khác có một ý nghĩa hiện thực, thực tế đáng sợ. Đứa trẻ nghe rủa nó như thế, kinh sợ phải thấy con quỷ trong khoảnh khắc từ xó nào đó hiện ra, xông tới chụp nó và bắt nó đi xa hay bóp nó chết ngay tại chỗ.

Hiển nhiên, nền đạo đức từ đó sinh ra những sự kiện thuần tôn giáo là một đạo đức chật hẹp, nó không vượt quá

những bó buộc mà người ta phải làm đối với các thực thể siêu nhiên, kính trọng ít nhất là bên ngoài, tuân thủ các nghi lễ, hình thức chủ nghĩa. Nhưng chúng ta đã thấy trên đây rằng gia đình theo nghĩa rộng và ngay cả theo nghĩa hẹp vốn bản chất là sùng đạo. Ở Việt Nam, gia đình là sức mạnh chủ đạo của đạo đức và điều đó là do chính định chế của nó.

Tổng kết tất cả những gì đã nói ở trên rằng người Việt không phải - vẫn là không phải - một con người mất gốc, một lãng tử, một cá nhân chìm đắm trong tập thể không định hình của xã hội, như nền công nghiệp lớn đã sản xuất ra không biết bao nhiêu ở Âu châu. Người Việt Nam dù là người gì đi nữa cũng là thành phần của một họ, gia đình theo nghĩa rộng, được tổ chức một cách hùng mạnh, kết hợp với nhau một cách mật thiết bởi những liên hệ huyết tộc, bởi các quyền lợi vật chất, bởi các tin tưởng thuộc về tôn giáo, bởi các liên hệ đạo đức tinh thần và thân xác. Mỗi gia đình có các nhân vật quan trọng của mình: các bô lão trong làng, các ông chủ giàu có, các quan lại cấp dưới mà vẫn thường gọi là "quan lớn" để tâng bốc nịnh bợ như với các quan lớn đích thực. Nếu hiện tại, gia đình nào đó, đã yếu kém trong ảnh hưởng và trong hoàn cảnh vật chất, không còn có người có uy thế, gia đình ấy ít ra đã từng có trong quá khứ. Trong mọi trường hợp, mọi gia đình đều có tổ tiên của mình, dù họ không là gì cả khi còn sống, thì nay là tổ tiên, nghĩa là các thực thể siêu nhiên. Tổng thể này tạo nên một cái gì đó rất đáng tôn vinh. Nghĩa là kiêu hãnh được thuộc về một gia đình như thế, không được để cho nó yếu kém, không được chính mình làm giảm bớt vinh dự của gia đình. Vậy thì phải trông chừng để không một thành viên nào của gia đình phạm phải hành động làm mất danh dự, hay là nếu một trong các thành viên bị phạm tội phải che dấu tội lỗi đó, làm tránh xa sự buộc tội ô nhục. Chính mình phải không làm

những hành vi có thể làm vấy bẩn danh dự của gia đình. Chính là theo cách đó mà gia đình Việt Nam là một chủ yếu của đạo lý.

Bổn phận lớn của mỗi thành viên gia đình và chính yếu là trẻ con, là "hiếu", lòng hiếu đễ hay hơn nữa là lòng hiếu thảo trong gia đình, tình cảm này đầy mãnh lực, nó kết chặt con cái với cha mẹ và mọi thành viên trong gia đình lại với nhau. Tội ác lớn nhất mà một đứa trẻ có thể phạm đó là bất hiếu. Hơn nữa các nhà luân lý học thời cổ và các nhà bình luận hiện đại nhất trí xác định rằng lòng hiếu thảo là một đức tính phổ quát nó bao trùm mọi đức tính khác, ngự trị tất cả mọi hành động của con người. Mạnh Tử (Menscius), nhà triết học lão thành Trung Hoa đã tuyên bố rằng: "Bổn phận đối với cha mẹ là nền tảng của tất cả mọi thứ khác". Bởi vậy, các bổn phận đó đối với chính bản thân cá nhân thâm nhập trong việc chu toàn lòng hiếu thảo: chúng ta phải tự hoàn thiện, về mặt tri thức cũng như đạo lý, để vinh danh cho cha mẹ và cải thiện thể chất, tâm hồn và đời sống mà họ đã cho chúng ta. Các bổn phận đối với tha nhân, với bề trên, với kẻ ngang hàng, với kẻ dưới, tất cả các bổn phận của chúng ta đều được bao bọc trong phạm vi của lòng hiếu thảo". Được xem là thiếu lòng hiếu thảo, một sưu tập cổ về đạo lý của Trung Hoa nói - nếu không trung thành đối với nhà vua, nếu thiếu lòng tin đối với bạn bè, thiếu dũng cảm trên chiến trường". Bất cứ ở đâu và bất cứ điều gì, chúng ta đều phải xứng đáng với tổ tiên của chúng ta, chúng ta phải làm vinh dự cho tổ tiên; chúng ta không được hành động gì có thể làm mất danh dự gia đình. Đó là phương thức giáo dục được khắc ghi bằng tiếng nói sinh động vào lúc này hay lúc khác, những dịp rất nhiều để ban bố nó. Nhưng lối giáo huấn đó là một lối giáo huấn bằng kinh nghiệm, thể hiện bằng sự kiện mà trẻ con thấy diễn ra xung quanh chúng, với cả ngàn dấu vết chứng tỏ tính vững chắc về tổ chức, chứng tỏ sức

mạnh, sự xứng đáng, sự cao quý của dòng họ mà chúng được vinh dự dự phần.

Trẻ con như vậy nhận được trong gia đình và từ gia đình một sự đào tạo đạo lý không chỉ là trực tiếp có tính tôn giáo nhưng cũng có tính tổng quát: Ôi! một thứ đạo đức hoàn toàn sơ khởi. Người ta không thể nói ở đây sự tế nhị của lương tâm. Những lỗi lầm thầm kín không được kể đến. Sự trong sạch, tinh khiết chỉ còn là việc giữ gìn cho hợp lẽ trong xã hội, người ta cho rằng cũng khá nghiêm nhặt. Tội trộm cắp nhất là tội trộm chỉ là tội nhỏ, tội nói dối gần như được quyền, trong vài trường hợp còn lấn át, hợp lẽ hơn cả sự thật. Lợi ích thường là nguyên tắc của hành vi. Tất cả đều được phép, không có gì là ngăn cấm, khi nói đến bảo vệ lợi ích cá nhân hay lợi ích gia đình hoặc làng mạc. Dù anh phạm tội ác lời phán quyết của quan tòa nếu thuận lợi cho anh thì có thể làm cho anh trinh bạch như đứa trẻ sơ sinh. Đánh vỡ một cái bát có thể khiến cho đứa trẻ bị roi đòn nặng nề, nhưng một bà mẹ nghe con gái phun ra một tràng lời nguyền rủa để chửi đứa bạn thì lại khen ngợi con gái mình khôn sớm và kiêu hãnh về điều đó. Như ta đã thấy, đó là một thứ đạo lý chưa thuần nhã trong đó lương tâm chỉ đóng một vai trò lu mờ, trong khi quan điểm của kẻ khác là tối thượng. Tuy nhiên, đạo đức đã đào luyện tâm hồn người Việt và đem lại cho nó một sự cao quý không chối cãi, nó lan tràn trong toàn thể xã hội làm cho nó có được một tính cách xứng đáng, nghiêm túc đến nỗi cứng nhắc gây được ấn tượng thuận lợi tốt đẹp cho những người sống giữa người Việt và thường được lòng họ.

Hỡi ôi! Hiện nay khắp nơi ở Việt Nam người ta than phiền rằng đạo đức đang thoái trào. Những người than khóc cho sự yếu kém của "đạo đức truyền thống" như người ta nói, bị kích động từ nhiều tình cảm khác biệt. Những người này là những

kẻ chậm tiến già cỗi không thể thừa nhận rằng thế giới đã biến đổi. Những kẻ khác là những người yêu nước, che đậy chính kiến ưa thích của mình trong những giáo điều đạo đức cổ xưa. Tôi cũng nghĩ rằng phân biệt được ở một số người sự chống đối, tị hiềm nào đó đối với các ý tưởng và sự truyền đạo của Thiên Chúa giáo. Cuối cùng là một số người biết suy nghĩ và buồn lòng khi thấy những tư tưởng làm giáp trụ chống đỡ cho xã hội Việt Nam càng ngày càng mất dần ảnh hưởng bổ ích cho chúng. Dù thế nào đi nữa, sự kiện đó là có thực, những thế hệ mới, ở các thành thị trên phương diện đạo đức không bằng được những thế hệ cũ.

Trên đây người ta đã bận lòng về sự thoái hóa của đạo đức truyền thống. Người ta quy trách nhiệm cho việc bỏ học chữ Hán. Những thế hệ mới khát khao khoa học phương Tây, không tiếp xúc nữa với các hiền triết thời cổ, những người hoạch định tâm hồn Đông phương. Vậy thì phải tái lập việc học chữ Hán trong các chương trình học tập, bởi vì thật lạ kỳ, các nguyên tắc đạo đức của Trung Hoa cổ đại chỉ có được sức mạnh và hiệu quả khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ Trung Hoa và dưới hình thức rắc rối của các con chữ. Dịch sang Việt ngữ hay Pháp ngữ, chúng không còn hiệu quả gì nữa. Đó là những ý tưởng được người ta hỗ trợ mạnh mẽ.

Thật ra! Không, tôi không nghĩ rằng một vài giờ chữ Hán chen vào trong giờ học của các lớp, một sưu tập các châm ngôn hay đẹp về đạo đức cổ truyền đặt vào tay của học sinh là những phương tiện đủ để nâng cao tầm đạo đức trong các thế hệ trẻ. Mỗi người chúng ta đều biết những trung tâm hành chánh của đất nước ngày xưa là như thế nào: đó là những nơi hủ bại nhất theo quan điểm phong tục tập quán: tính tham ô, lạm dụng chức quyền, ăn cắp hợp lệ, nói dối và vu khống, nghiện hút, chơi bời bài bạc, tiêu xài hoang phí, tất cả đều

công khai ở đây, trái ngược với sự trong trắng của phong tục tập quán đang ngự trị trên phần còn lại của đất nước. Và các quan lại, nhân viên văn phòng và thư ký các hạng, các tùy viên ít nhiều chính thức, các nhân vật hành pháp sống trong các môi trường này, tất cả đều là những nhà nho, họ đã hay đang chuẩn bị để đi thi, họ thuộc lòng Tứ thư, Ngũ kinh và các giáo điều Khổng giáo và họ có thể viết các bài luận văn trang trọng hoặc hợp cách về bất cứ nguyên tắc nào của nền đạo đức cổ xưa. Không bao giờ học sinh của chúng ta ngày nay với chương trình học nặng nề mà họ phải gánh chịu, có thể thu lượm được kiến thức của các đạo giáo Trung Hoa cổ, so sánh được với kiến thức của các nhà Nho thuộc chế độ cũ. Như vậy không phải là việc học về "nền đạo đức truyền thống" với sách vở và châm ngôn chứa đựng trong đó, với những chữ viết phức tạp, là một yếu tố của đạo đức.

Sự thoái hóa phẩm hạnh mà người ta nhận thấy ở giới trẻ ngày nay có nhiều nguyên nhân chồng chất. Ở đây tôi chỉ nêu ra những gì liên quan đến đề tài được khảo sát trong thiên nghiên cứu này. Nếu đứa trẻ, chàng trẻ tuổi thường rời xa các lề luật mà ngày xưa đã hướng dẫn hành vi của họ, chính là vì họ đã thoát ly từ những ngày đầu ảnh hưởng của gia đình, thoát ly cái cơ cấu hùng mạnh mà với sự trung gian của nó họ nhận được các nguyên tắc chỉ đạo cho đời sống của họ, giữ họ lại trên con đường ngay chính dù cho họ không ý thức được điều đó. Thật thế, ngày xưa ông bà tổ tiên coi sóc họ trong khi người còn sống trong gia đình dẫn dắt họ một cách hiệu quả. Ngày xưa có những ngôi trường, nhưng đó là hỗ trợ của gia đình, một phần cấu thành của gia đình. Số học sinh không vượt quá con số một chục. Trẻ con ở đây luôn được cha mẹ coi sóc hay nếu chúng đi học ở nhà láng giềng thì cũng được con mắt của những người bạn cha mẹ họ, cũng được thầy giáo

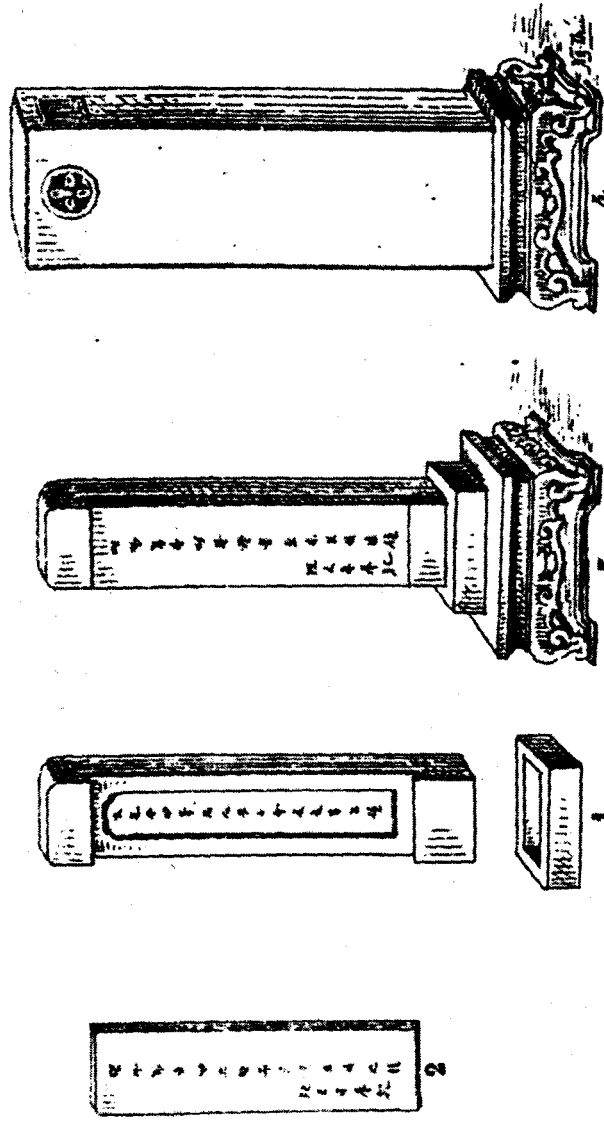
chăm sóc, người được coi là thành viên của gia đình, một người cha thứ hai. Các nguyên tắc đạo đức mà chữ Hán chuyên chở được khắc ghi trong khuôn khổ gia đình mà chúng hỗ trợ nhưng cũng từ đó chúng rút ra được sự phụ lực có thể chính là cái phần lớn nhất của ảnh hưởng răn dạy của chúng. Thật khác biệt với những trường học hiện đại của chúng ta giống như những trại lính lớn, nơi đây trẻ em bị bỏ một mình, cách ngăn, riêng lẻ giữa cái đám đông bao quanh! Thật khác biệt với chương trình giảng dạy đạo đức mà người ta có thể cho nó một cách khô khan, lạnh lùng trong những ngôi nhà đó.

Gia đình là yếu tố giảng dạy đạo lý, thủ đắc những đức tính mà nhà trường hiện đại không có. Ở đây trẻ con được bao bọc bởi cảm tình, được dẫn dắt với lòng tôn kính, chịu ảnh hưởng tôn giáo của Tổ tiên; người sống và người chết phối hợp với nhau để khắc sâu vào tinh thần và tâm hồn chúng các nguyên tắc đạo đức mà kinh nghiệm bản thân và các tác giả mà chúng đã học đã trao cho chúng. Và về sau, cái ảnh hưởng răn dạy đó của gia đình giúp chúng đem thực hành trong suốt cuộc đời các nguyên tắc mà người ta đã khắc sâu vào trí óc chúng thuở thiếu thời.

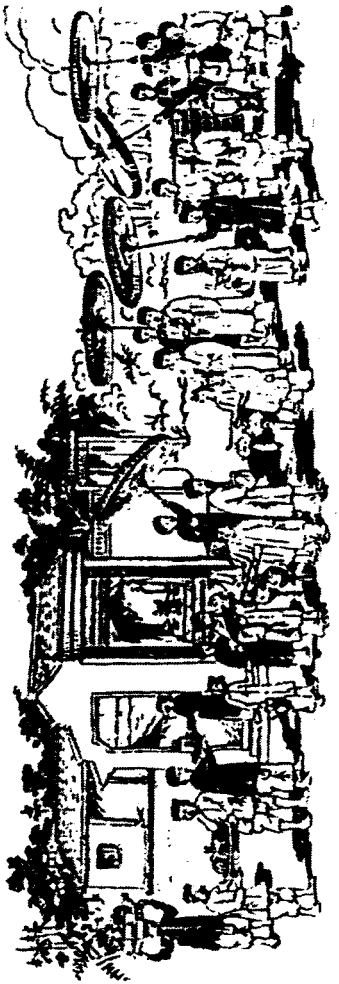
Ảnh hưởng này của gia đình là khá hiển nhiên và hiện thực, từ khi người Việt Nam trốn thoát ảnh hưởng này các phẩm hạnh của nó bị ảnh hưởng - Hãy xem các cuộc tụ tập các cuộc vận động, các thợ thuyền công nghiệp hay nông nghiệp mà việc đem lại giá trị của đất nước đã tạo nên tạm thời hay lâu dài; hãy xem các công trường lớn xây dựng đường bộ hay đường sắt, các thành phố thợ thuyền được thiết lập, các đồn điền khai khẩn rừng sâu, một thứ đạo đức như vậy sao! Khắp nơi, trong cái đám người kiến đó chúng ta có những kẻ mất gốc, những kẻ không vợ, không chồng, không cha không mẹ, không tổ tiên, những kẻ không còn nữa khung

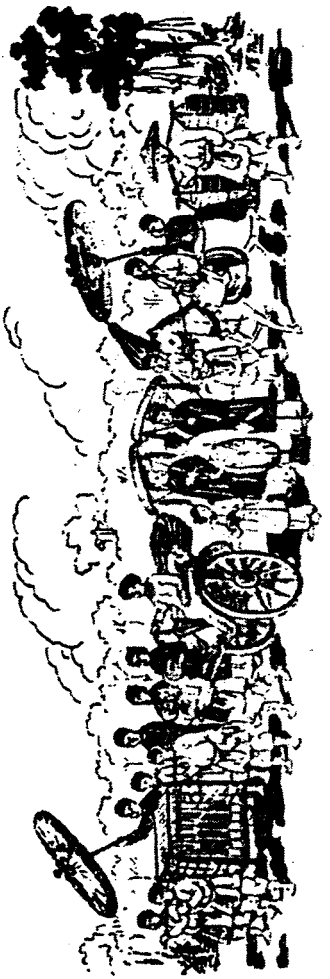
cảnh gia đình và không còn cái thắng nào, cái tình cảm danh dự nào giữ lại được nữa. Tôi xin nhắc lại điều này, có rất nhiều lý do giải thích sự thoái hóa đạo đức hiện nay, nhưng một trong những lý do mạnh nhất đó là buông thả các liên hệ gia đình, là cá nhân thoát khỏi ảnh hưởng răn dạy của gia đình, cái ảnh hưởng được coi như là một cơ cấu trong đó người sống phải theo gương của người chết, trong đó mỗi thành viên phải có trách nhiệm về danh dự của toàn thể.

Kết luận gì đây về thiên nghiên cứu này, có thể là hơi dài, nhưng đôi chỗ chỉ là bản tóm lược của vấn đề? Người ta có thể nói lên một lời nguyện rằng người đừng làm điều gì ở Việt Nam khiến cho gia đình suy yếu, mà trái lại tăng cường sức mạnh cho nó với tất cả phương tiện có thể có được. Than ôi! Lời nguyện này sẽ đáng giá gì! Có thể nào người ta chống lại được sức mạnh của các biến cố!

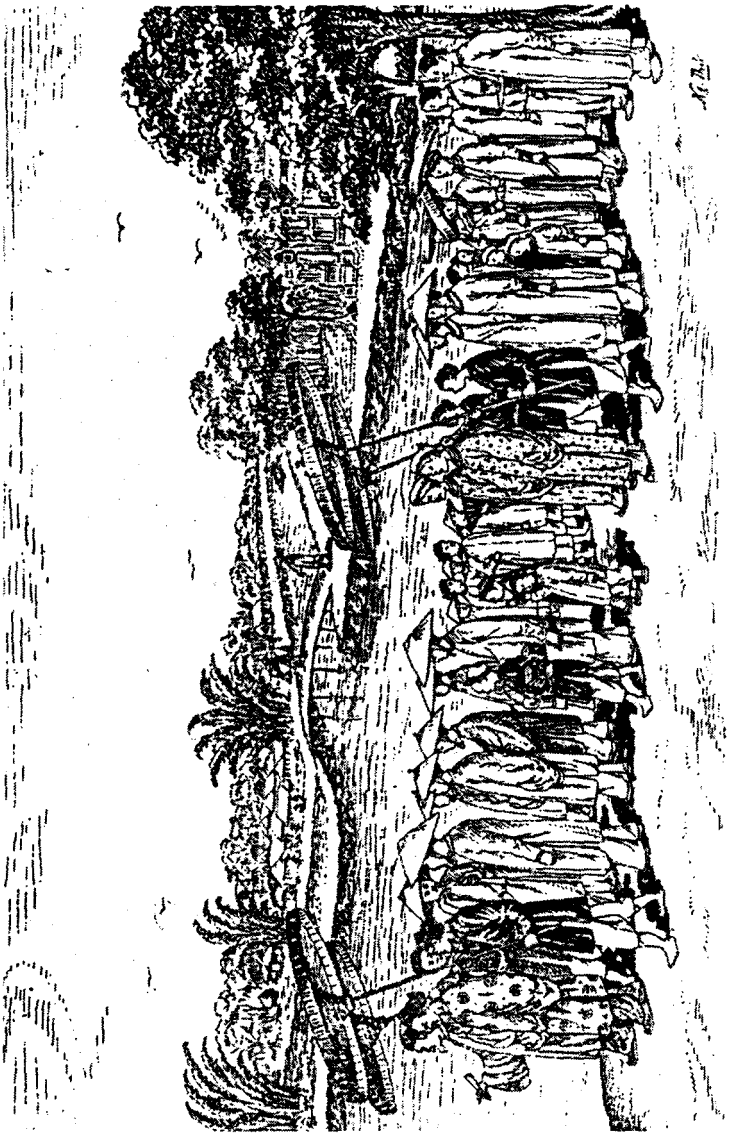


LXXII. *Bài vị thờ*





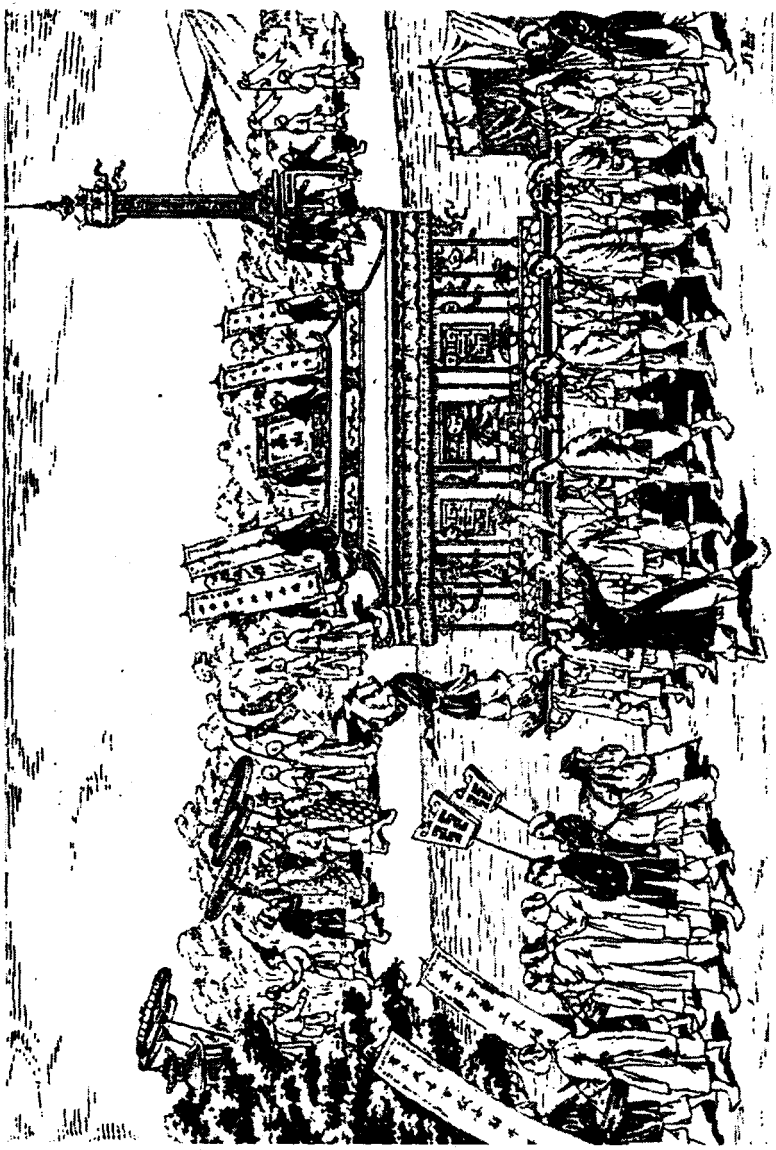
LXXIII. *Đám cưới và lễ phẩm*



LXXIV. *Đám cưới - Lễ rước dâu*



LXXV. *Trưởng nam trong đám tang.*



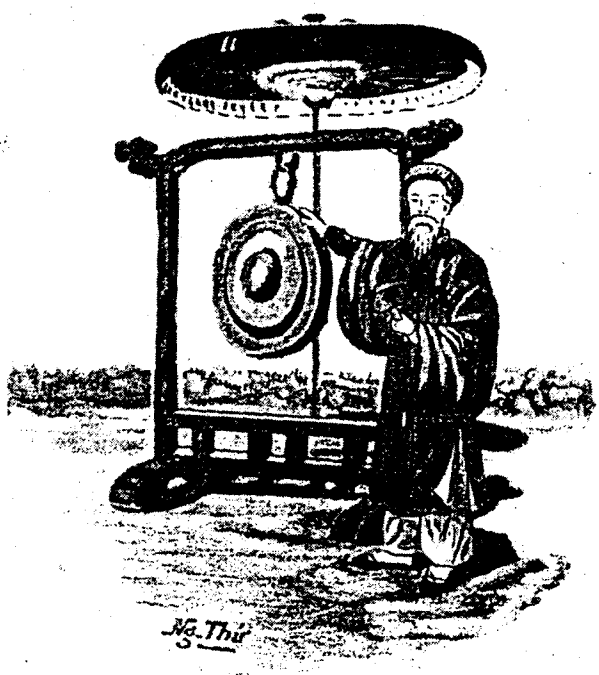
LXXVI. *Đám tang.*



LXXVII. *Đám tang.*



LXXVIII. *Lễ cúng - người đọc văn tế.*



LXXIX. *Lễ cúng - người đánh chiêng.*

MỤC LỤC

Trang

1. "TỔ CHIM ÉN: NHỮNG CON ÉN BIỂN VÀ TỔ ĂN ĐƯỢC CỦA CHÚNG" 5
2. MỘT NHÀ QUÝ TỘC PHÁP Ở THÁI LAN TỪ 1685 ĐẾN 1688 112
3. KHU CÔNG BINH Ở HUẾ THUỞ BAN ĐẦU 172
4. *NHỮNG NGƯỜI ÂU ĐÃ THẤY HUẾ XƯA:* GEMELLI CARERI 410
5. VIỆC THỜ PHỤNG MỘT VIÊN CÔNG SỨ Ở QUY NHƠN 449
6. HANG ĐỘNG PHONG NHA BẢN TƯỜNG TRÌNH CUỘC THÁM HIỂM THỰC HIỆN VÀO THÁNG 5-1929 469
7. GIA ĐÌNH VÀ TÔN GIÁO Ở AN-NAM 489

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ
1930

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
33 Chu Văn An - Huế. ĐT: 054.82847 - 821228

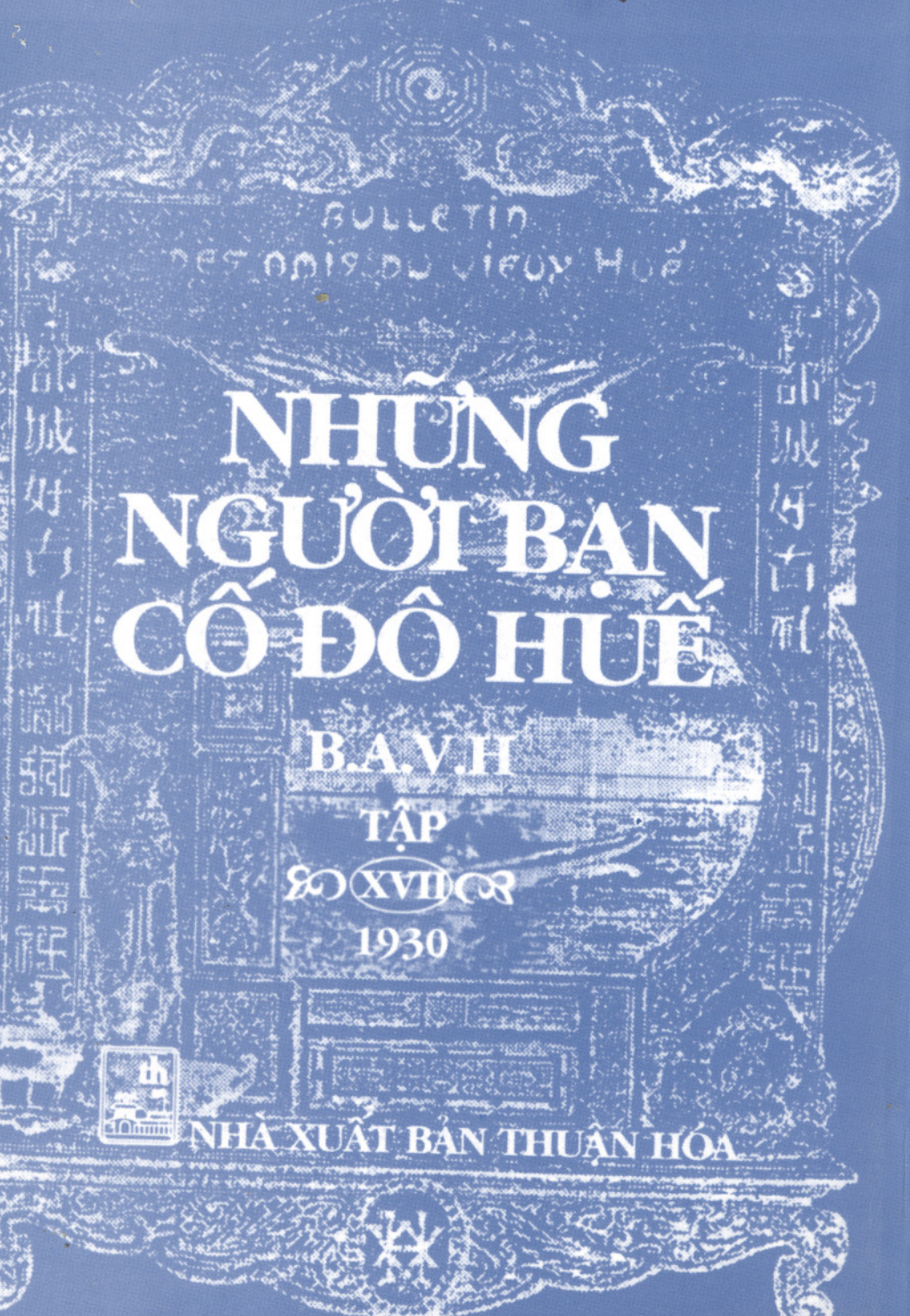
*
* *

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ DẦN

Biên tập: VÕ NHỊ XUYÊN
LÊ VĂN
Bìa: PHAN CHI
Chữa bản in: QUỲNH TRÂM

902.9
TH - 03 504-02

Số lượng in 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty cổ phần in Phan Văn Mảng Long An. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 5g/504/XB-QLXB của Cục Xuất bản cấp ngày 10 tháng 5 năm 2002. Quyết định xuất bản số 2349/XBTH. In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2003.



NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ

B.A.V.H

TẬP

XVII

1930

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA